TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

34



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

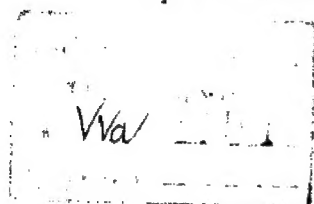
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 34

Chủ biên: TẠ PHONG CHÂU
Sưu tầm, biên soạn:
TẠ PHONG CHÂU - NINH VIẾT GIAO



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC CÁCH MẠNG

VĂN HỌC CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI NGỌN CỜ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Văn học cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo trước Cách mạng Tháng Tám là sự kế tục và phát triển của văn học yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đó là một giai đoạn phát triển mới, cao hơn của văn học yêu nước Việt Nam. So với văn học yêu nước trong giai đoạn trước, văn học cách mạng có một chất lượng hoàn toàn mới. Khác với văn học yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, văn học cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo không những thấm nhuần tinh thần yêu nước, mà còn thấu suốt tư tưởng xã hội chủ nghĩa, luôn giương cao ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội.

Dân tộc Việt Nam ta có lịch sử bốn nghìn năm, có tiếng nói riêng, chữ viết riêng, phong tục tập quán riêng, lối sống riêng, cốt cách tâm hồn riêng, có nền văn hóa lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm lao động cần cù và chiến đấu dũng cảm để dựng nước và giữ nước, người Việt Nam chúng ta đã xây dựng nên truyền thống dân tộc tốt đẹp, vẻ vang.

Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Hồ Chủ tịch vạch trần chính sách "chia để trị" của thực dân Pháp và nêu cao truyền thống đoàn kết thống nhất của dân tộc Việt Nam ta. Người đã viết: "Nước Việt Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình

đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người Việt Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau".[1]

Hồ Chủ tịch có niềm tin vững chắc vào tiền đồ của đất nước. Trong *Bài ca Trần Hưng Đạo* viết năm 1929, lúc Người đang hoạt động cách mạng ở Thái Lan, Hồ Chủ tịch đã viết:

Một người Việt hãy dương còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà.

Hồ Chủ tịch cổ vũ ý chí quật cường, tinh thần đánh giặc cứu nước của đồng bào ta.

Người Việt Nam ta có tinh thần yêu nước rất cao. Từ khi đế quốc Pháp sang cướp nước ta, nhân dân ta không chịu khuất phục, không cam chịu mất nước, đã anh dũng cầm vũ khí chống bọn cướp nước và bọn bán nước. Văn học chân chính của dân tộc Việt Nam dưới thời thuộc Pháp luôn luôn phản ánh tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh anh dũng chống bọn đế quốc để giành độc lập dân tộc. Tuy vậy, qua mỗi giai đoạn, tùy theo tầng lớp xã hội giữ vai trò lãnh đạo phong trào yêu nước, tinh thần yêu nước được biểu hiện trong văn học chính thống của dân tộc mang dấu ấn của những hệ tư tưởng khác nhau. Văn học yêu nước cuối thế kỷ XIX của phong trào Cần Vương, mà tiêu biểu là Phan Đình Phùng, đượm mùi vị hệ tư tưởng phong kiến. Văn học yêu nước đầu thế kỷ XX của phong trào Việt Nam Quang Phục hội, mà đại diện là Phan Bội Châu, mang màu sắc hệ tư tưởng tư sản. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, nhất là từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, văn học yêu nước Việt Nam (còn gọi là văn học cách mạng) do những người cộng sản Việt Nam, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là đại biểu vĩ đại sáng tạo nên, thấm nhuần hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản.

Chủ nghĩa yêu nước là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam ta. *"Không có gì quý hơn độc lập, tự do"*, câu nói đó của Hồ Chủ tịch đã nói rõ truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam: *"Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*.

Nhờ có chủ nghĩa yêu nước, dân tộc Việt Nam đã tạo nên những chiến công hiển hách trong lịch sử: hai lần đánh thắng quân Tống ở thế kỷ XI; ba lần đánh thắng quân Nguyên ở thế kỷ XIII; chiến đấu

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập I. NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 449.

lâu dài đánh đuổi được quân Minh ở thế kỷ XV; chỉ một trận đánh tan quân Thanh ở thế kỷ XVIII... Đến nửa sau thế kỷ XIX, đế quốc Pháp sang cướp nước ta. Nước ta bị giặc Pháp chiếm đóng vì giai cấp phong kiến triều Nguyễn đầu hàng giặc. Nhưng nhân dân ta vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh kiên cường chống bọn cướp nước. Lớp trước ngã, lớp sau tiến lên, biết bao liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước là *động lực* mạnh mẽ thúc đẩy dân tộc Việt Nam ta đấu tranh kiên cường chống ngoại xâm để tự giải phóng. Tuy vậy, chủ nghĩa yêu nước chỉ đưa đến thắng lợi khi được kết hợp với chân lý của thời đại. Có theo đúng quy luật phát triển của lịch sử, chủ nghĩa yêu nước mới trở nên *tất thắng*.

Phan Đình Phùng, cùng các liệt sĩ đương thời, anh dũng có thừa, rốt cuộc thất bại, vì chủ nghĩa yêu nước của phong trào hồi bấy giờ kết hợp với hệ tư tưởng phong kiến là hệ tư tưởng của một giai cấp tàn tạ đã bị lịch sử lên án.

Phan Bội Châu, với các đồng chí của ông, kiên cường không kém, nhưng vẫn chẳng thành công vì chủ nghĩa yêu nước của phong trào trong giai đoạn này kết hợp với hệ tư tưởng tư sản là hệ tư tưởng đã trở nên lỗi thời, khi xã hội loài người đã bước vào thời kỳ chủ nghĩa đế quốc, và là đêm trước của cách mạng vô sản.

Khi loài người đã bước vào thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga, mà Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông trong Việt Nam Quốc Dân đảng vẫn khư khư ôm giữ hệ tư tưởng tư sản, không biết tránh vết xe đã đổ, cho nên thất bại của các ông trong cuộc bạo động Yên Bái lại càng bi đát hơn. Thất bại này nói lên sự bất lực hoàn toàn của giai cấp tư sản Việt Nam trong vai trò lãnh đạo phong trào yêu nước. Nó bộc lộ một cách đầy đủ sự non yếu về mọi mặt của giai cấp tư sản Việt Nam. Thất bại của cuộc bạo động Yên Bái do Việt Nam Quốc Dân đảng lãnh đạo chấm dứt cố gắng của giai cấp tư sản nhằm giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa yêu nước là một nhân tố đặc biệt quan trọng, song chỉ một mình nhân tố đó thì chưa đủ để bảo đảm cho sự nghiệp cứu nước giành thắng lợi. Muốn giành thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, một điều cực kỳ quan trọng nữa là phải nắm vững đặc điểm cơ bản của thời đại. Có xem xét đánh giá đúng đặc điểm của thời đại thì mới hiểu được sâu sắc đặc điểm của mỗi nước, mới định ra được

đường lối cách mạng đúng đắn cho mỗi nước. Lênin đã nói: "Chỉ có xem xét những đặc điểm chủ yếu của những thời đại khác nhau (chứ không phải những giai đoạn lịch sử cá biệt ở mỗi nước), thì chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta; và chỉ có hiểu biết những đặc điểm căn bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ".[1]

Trong mỗi thời đại, lại phải biết giai cấp nào là giai cấp đứng ở trung tâm của thời đại đó và quyết định nội dung cơ bản, phương hướng phát triển chủ yếu của thời đại đó. Có đứng trên lập trường của giai cấp đang lên, tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới đó, thì mới có thể định ra được đường lối cách mạng đúng đắn được.

Trong thời đại tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất phong kiến đã trở thành vật chướng ngại cho sự phát triển của xã hội, mà Phan Đình Phùng vẫn còn ôm giữ khư khư lá cờ "Cần Vương", thì thất bại là không thể tránh khỏi. Khẩu hiệu "phò vua cứu nước" không còn thích hợp nữa, vì vua không còn là tượng trưng cho nước nữa, mà là kẻ bán nước. Hệ tư tưởng phong kiến là nguồn gốc làm cho nước ta lạc hậu và dân ta mất nước. Trong *Di chúc* của mình, Lương Văn Can, người trí thức phong kiến yêu nước, lãnh tụ của nhóm Đông Kinh nghĩa thục, có than rằng: "Lều chõng hại ta, tóc bạc da mồi mới biết". Thứ "lều chõng" mà Lương Văn Can nói đây không phải chỉ là chế độ thi cử phong kiến, mà còn là toàn bộ chế độ phong kiến, là hệ tư tưởng phong kiến. Chế độ phong kiến, hệ tư tưởng phong kiến không chỉ làm hại một mình Lương Văn Can, mà làm hại nước ta, dân tộc ta.

Bỏ hệ tư tưởng phong kiến, Phan Bội Châu, rồi Nguyễn Thái Học đi tìm con đường cứu nước trong chủ nghĩa dân chủ tư sản. Các ông tìm thấy chủ nghĩa đó trong các sách của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, trong con đường "duy tân" của Nhật Bản, trong Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc, trong các tác phẩm của Tôn Dật Tiên, trong chế độ Nghị viện tư sản ở các nước phương Tây. Các ông không hiểu được rằng trong thời đại ngày nay, giai cấp đứng ở trung tâm của thời đại, quyết định nội dung cơ bản và phương hướng phát triển chủ yếu của xã hội, không còn là giai cấp tư sản nữa. "Trước kia là một giai cấp tiên tiến và đang lên, thì hiện nay, giai cấp tư sản đã trở

1. V. I. Lênin toàn tập, tập 21, NXB Sự thật. Hà Nội. 1963. tr. 157.

thành một giai cấp suy đồi tàn tạ, hấp hối, phản động"[1]. Các ông không hiểu được rằng "trong phạm vi lịch sử rộng lớn, một giai cấp hoàn toàn khác đã trở thành giai cấp đang lên".[2]

Qua hai đợt khai thác thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp, giai cấp vô sản Việt Nam ra đời và phát triển. Nó là một bộ phận của giai cấp vô sản quốc tế. Nó là giai cấp đang lên tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới ở Việt Nam.

Chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam, kết hợp với phong trào vô sản và phong trào yêu nước Việt Nam, đưa đến kết quả là sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp vô sản Việt Nam được vũ trang bằng lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nắm vững chân lý của thời đại mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không những giương cao ngọn cờ yêu nước mà còn giương cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội.

Từ khi Đảng Cộng sản ra đời, trong phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, chủ nghĩa yêu nước được kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa xã hội, tạo nên thế tất thắng của cách mạng Việt Nam. Từ đó trở đi, cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Chủ nghĩa yêu nước không phải là cái gì trừu tượng, đứng trên các giai cấp. Trong mỗi phong trào cách mạng, chủ nghĩa yêu nước mang dấu ấn sâu sắc của giai cấp hoặc tầng lớp xã hội giữ vai trò lãnh đạo phong trào đó. Ở Việt Nam, trong thời đại ngày nay, giai cấp vô sản tiêu biểu cho dân tộc; giai cấp vô sản là giai cấp duy nhất có khả năng giữ vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc và đưa sự nghiệp đó đến toàn thắng. Cuộc khảo nghiệm lịch sử trong quá trình đấu tranh cứu nước lâu dài đối với các cương lĩnh của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam đã đưa đến kết luận đó.

Những người cộng sản Việt Nam giương cao ngọn cờ yêu nước, vì họ nắm vững tinh túy của chủ nghĩa Mác –Lênin. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen đã viết: "Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, cho nên do đấy họ vẫn còn tính chất dân tộc, tuy hoàn toàn không phải cái nghĩa như

1. V. I. Lênin toàn tập, tập 21. Sđd, tr. 161.

2. Như trên.

giai cấp tư sản hiểu".[1] Mác và Ăngghen đã nói rằng: "Chiến trường trực tiếp của giai cấp công nhân là ở trong mỗi nước".[2] Lênin cũng đã viết: "Tổ quốc, nghĩa là hoàn cảnh chính trị, văn hóa và xã hội, là nhân tố cực kỳ mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản".[3] Thấm nhuần chủ nghĩa Mác–Lênin, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Hồ Chủ tịch kết hợp hài hòa chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa xã hội của giai cấp vô sản quốc tế, nêu cao ngọn cờ yêu nước và ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, để lãnh đạo cách mạng nước ta.

Bọn thực dân ra sức nói xấu những người cộng sản, nhưng chúng cũng phải thừa nhận *tính chất dân tộc* của phong trào cộng sản ở Việt Nam. Trong một bản báo cáo đề ngày 1–6–1930, tên thực dân Rôbanh, Xử lý Thường vụ Toàn quyền Đông Dương đã viết: "Những đảng viên của các đảng chính trị đã bị chính quyền địa phương giải tán năm 1929 lại được Nguyễn Ái Quốc tập trung lại, và trong một thời gian rất ngắn họ đã trở thành những người cộng sản tích cực. Khẩu hiệu tuyên truyền hàng đầu của họ là "Đả đảo đế quốc". Như vậy khẩu hiệu đó đã duy trì được đặc tính dân tộc và do đó trong một thời gian dài đã chiếm được sự đồng tình của một số đông người An Nam thuộc giới tư sản"[4].

Văn học cách mạng luôn luôn đi theo con đường của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra. Hồ Chủ tịch là biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Mỗi dòng, mỗi trang văn thơ của Hồ Chủ tịch đều chứa chan tinh thần yêu nước. Trong *Thư gửi đồng bào* ngày 6–6–1941, Hồ Chủ tịch đã viết:

"Dân ta một cổ đôi tròng: đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật.

Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoanh tay chờ chết không?

Không, quyết không! Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô mãi!

---

1. C.Mác – Ph. Ăngghen. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản. NXB. Sự thật, Hà Nội, 1976. tr. 75.
2. C. Mác – Ph. Ăngghen tuyển tập, tập 2. NXB Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 27.
3. V. I. Lênin toàn tập. Sđd, tập 15, tr. 271.
4. Rôbanh, Xử lý Thường vụ Toàn quyền Đông Dương: Báo cáo, số 1642 A. P. ngày 1–6–1930.

...

Việc cứu nước là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do, độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mệnh! Giờ giải phóng đã đến! Hãy phất cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đương vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của các bậc anh hùng đương sôi sục trong lòng các đồng chí! Chí phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!" [1]

Thấm nhuần tư tưởng của Hồ Chủ tịch, văn học cách mạng nêu cao chủ nghĩa yêu nước để động viên nhân dân ta đoàn kết đấu tranh đánh đuổi bọn cướp nước để giành lại độc lập cho Tổ quốc.

Giai cấp vô sản Việt Nam giương cao ngọn cờ dân tộc, chủ nghĩa yêu nước của giai cấp vô sản Việt Nam kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa xã hội. Đó là bí quyết thành công của cách mạng Việt Nam. Nắm được bí quyết đó, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành người duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam đi vào quỹ đạo cách mạng của thời đại. Chính vì lẽ đó, cách mạng Việt Nam bắt gặp được chân lý của thời đại. Nhờ đó, cách mạng Việt Nam có sức mạnh vô địch, đánh thắng hết kẻ thù này đến kẻ thù khác, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Văn học cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo thấu suốt đường lối cách mạng của Đảng. Nó thấm nhuần tinh thần: Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một. *Chủ nghĩa yêu nước kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa xã hội, đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt văn học cách mạng Việt Nam.*

Văn học cách mạng Việt Nam thấm nhuần tinh thần yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước trong văn học cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đạt đến một chất lượng cao hơn so với văn học yêu nước trong thời kỳ trước. Vì chủ nghĩa yêu nước trong văn học cách mạng dựa trên nền tảng khoa học và được soi sáng bởi

---

1. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, tập I. NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 321, 322, 323..

chiến lược và sách lược cách mạng đúng đắn, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội Việt Nam. Sự hơn hẳn này được thể hiện trên các mặt nhận thức về đối tượng cách mạng, về sắp xếp lực lượng cách mạng, về mục tiêu của cách mạng, về phương pháp cách mạng, về các giai đoạn phát triển của cách mạng...

Muốn cứu nước thì phải chống kẻ thù nào? Hay nói một cách khác: ai là kẻ thù của phong trào yêu nước Việt Nam? Về vấn đề này, văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX chưa nhận thức rõ. Hai lãnh tụ của phong trào yêu nước, đồng thời là hai nhà văn yêu nước nổi tiếng hồi bấy giờ, là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh có ý kiến khác nhau về vấn đề này. Phan Chu Trinh đã từng lên tiếng khuyên Phan Bội Châu: "Không cần hô hào đánh Pháp, chỉ nên đề xướng dân quyền". Nhận xét về sự khác nhau giữa chủ trương của Phan Chu Trinh và chủ trương của mình, Phan Bội Châu viết: "Ông thì muốn trước hết đánh đổ ngay quân chủ để làm cơ sở xây dựng dân quyền, tôi thì muốn đánh đuổi ngay giặc Pháp, đợi khi nước ta độc lập thì mưu tính việc khác. Ý tôi là muốn lợi dụng quân chủ thì ông cực lực phản đối, ý ông là muốn đánh đổ quân chủ đề cao dân quyền thì tôi không tán thành. Vì ông với tôi cùng một mục đích, nhưng thủ đoạn khác nhau rất xa".

Về vấn đề "Ai là kẻ thù của phong trào yêu nước Việt Nam?", Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đã có ý kiến khác nhau. Đây không phải chỉ là sự khác nhau về "thủ đoạn" như Phan Bội Châu đã nói, mà là sự khác nhau về nhận thức đối tượng cách mạng. Điều đó cũng bao hàm cả sự khác nhau về "mục đích", tức là đánh đổ kẻ thù nào, chứ không phải là hai người "cùng một mục đích" như Phan Bội Châu đã nói.

Phan Bội Châu chủ trương đánh đuổi giặc Pháp, chứ không phải đánh đổ phong kiến Nam triều, mà lợi dụng phong kiến Nam triều. Phan Chu Trinh chủ trương đánh đổ phong kiến Nam triều, chứ không đánh đuổi giặc Pháp, mà lợi dụng giặc Pháp để đánh đổ phong kiến Nam triều và "xây dựng dân quyền".

Cả Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đều không thấy rằng đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều có quan hệ mật thiết với nhau. Đế quốc Pháp dùng phong kiến Nam triều làm công cụ để thống trị nước ta, áp bức bóc lột dân ta. Không thể đánh đuổi đế quốc Pháp mà không đánh đổ bọn tay sai của nó là phong kiến Nam triều. Lại càng

không thể đánh đổ phong kiến Nam triều nếu không đánh đuổi đế quốc Pháp là bọn chủ của nó.

Về phương pháp cách mạng, Phan Chu Trinh chủ trương "các việc đều lần lượt cải lương" và khuyên "đừng bạo động, bạo động là chết". Trái lại, Phan Bội Châu chủ trương "xướng khởi nghĩa binh, mục đích là đánh giặc phục thù mà thủ đoạn là bạo động". So với chủ trương "cải lương, không bạo động" hoàn toàn sai lầm của Phan Chu Trinh, thì chủ trương "bạo động" của Phan Bội Châu là tiến bộ hơn. Nhưng chủ trương "bạo động" theo lối âm mưu của một thiểu số của Phan Bội Châu không thể đem lại thắng lợi cho sự nghiệp cứu nước. Chỉ dựa trên bạo lực cách mạng của đông đảo quần chúng có tổ chức, thì sự nghiệp giải phóng dân tộc mới giành được thắng lợi.

Về các lực lượng gánh vác sự nghiệp cứu nước, các nhà yêu nước hồi đầu thế kỷ XX chưa biết dùng quan điểm giai cấp để phân tích các tầng lớp xã hội trong nước, để trên cơ sở đó, sắp xếp các lực lượng cứu nước một cách khoa học. Phân chia các loại người trong nước, trong cuốn *Việt Nam vong quốc sử,* Phan Bội Châu viết: "Kể người trong nước, có thể chia làm năm bậc". Các "bậc" đó là:

1. Hạng con em thế gia... có những kẻ cứng cỏi khảng khái... nếu có mây bốc cũng dễ hun lên được. Hạng này chiếm 5%.

2. Hạng con côi chốn vũ lâm (tức là con em những người chống giặc bị tử trận)... hăng hái dũng mãnh, coi chết như chơi. Hạng này chiếm 20%.

3. Hạng tuyệt đường sinh kế... hễ gọi là theo liền. Hạng này chiếm 50%.

4. Hạng học thức ưu thời mẫn thế... thà chết với nước chứ không cam sống với giặc. Hạng này chiếm 1 – 2%.

5. Hạng làm ma, làm cáo theo giặc. Hạng này chiếm 10 – 20%.

Không kể hạng thứ năm là hạng người chống lại sự nghiệp cứu nước, bốn hạng trên được Phan Bội Châu coi là lực lượng cứu nước. Trong đó, hạng thứ nhất (con em thế gia) là hạng đi trước, và hạng thứ hai (con côi chốn vũ lâm) là lực lượng trung kiên. Còn nhân dân lao động (mà Phan Bội Châu gọi là hạng tuyệt đường sinh kế, hạng đông nhất, chiếm tới 50%) là hạng người đi theo. Hồi bấy giờ, Phan Bội Châu chưa thấy được lực lượng to lớn của công nhân và nông dân.

Vai trò lãnh đạo phong trào yêu nước, theo Phan Bội Châu, thuộc về các sĩ phu yêu nước:

Quyết vùng dậy giơ tay "tả đán",
Đứng đầu lên có bạn làng Nho.

Phan Bội Châu: *Kính gửi đồng bào toàn quốc.*

Phan Bội Châu không nhận thức được rằng, trong thời đại chúng ta, chỉ có giai cấp công nhân lãnh đạo thì phong trào yêu nước mới có thể giành được thắng lợi.

Đối với Phan Bội Châu, "mục đích là cốt sao khôi phục được nước Việt Nam, lập ra một chính phủ độc lập". Mục đích được nêu lên thật là cao đẹp. Tuy vậy, trong lúc theo đuổi mục đích đó, không phải bao giờ Phan Bội Châu cũng tỏ ra là nhất quán và triệt để đối với chủ trương giành độc lập cho nước nhà. Về cuối đời, Phan Bội Châu đã nêu lên thuyết "Pháp – Việt đề huề", trái với mục tiêu giành độc lập cho Tổ quốc.

Phong trào yêu nước hồi đầu thế kỷ XX chịu sự chi phối của hệ tư tưởng tư sản. Phan Chu Trinh tiêu biểu cho khuynh hướng chủ nghĩa cải lương theo lập trường dân chủ tư sản. Phan Bội Châu là nhà yêu nước vĩ đại, đi theo con đường cách mạng gọi là "bạo động", nhưng ít nhiều cũng dao động giữa cách mạng và cải lương.

Đứng trên lập trường của giai cấp tư sản dân tộc mới hình thành, các nhà yêu nước hồi đầu thế kỷ coi việc buôn bán là quan trọng bậc nhất: "Việc buôn ta lấy làm đầu" (Bài ca Á Tế Á). Các nhà yêu nước hồi bấy giờ bỏ nhiều sức lực ra lập các hội buôn.

Văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX chịu ảnh hưởng sâu sắc của những quan điểm chính trị của hai chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh – nhất là của Phan Bội Châu, cho nên bên cạnh mặt tích cực là cổ vũ lòng yêu nước và căm thù quân cướp nước, có những mặt hạn chế rất lớn vì không nêu lên được đường lối cứu nước đúng đắn để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi.

Khác với văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, văn học cách mạng thể hiện một đường lối cứu nước đúng đắn dựa trên cơ sở khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin. Nó đưa ra được những giải pháp đúng đắn cho các vấn đề cơ bản của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Về *đối tượng cách mạng*, nếu trước đây Phan Bội Châu chủ trương đánh đuổi đế quốc Pháp mà không đánh đổ phong kiến Nam triều, còn Phan Chu Trinh chủ trương đánh đổ phong kiến Nam triều

mà không đánh đuổi đế quốc Pháp, thì ngày nay, văn học cách mạng thấm nhuần tư tưởng của Đảng Cộng sản do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo, chủ trương *đồng thời đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc và đánh đổ phong kiến Nam triều.*

Về sắp xếp lực lượng cách mạng, văn học cách mạng chủ trương lập *Mặt trận toàn dân đoàn kết, lấy liên minh công nông làm nền tảng, do giai cấp công nhân lãnh đạo.*

Về mục tiêu của cách mạng, nó nêu lên hàng đầu *độc lập dân tộc* và *người cày có ruộng,* rồi bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội.

Về *phương pháp cách mạng,* nó chủ trương vận động, tổ chức quần chúng dùng *bạo lực cách mạng* đập tan bộ máy Nhà nước của giai cấp thống trị, giành chính quyền về tay nhân dân.

Về *các giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam,* nó phản ánh chủ trương của Đảng Cộng sản: *làm cách mạng dân tộc dân chủ* rồi tiến lên làm *cách mạng xã hội chủ nghĩa,* xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Văn học cách mạng đóng một vai trò quan trọng trong việc đem đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng Cộng sản truyền bá rộng rãi trong quần chúng nhân dân. Đường lối cách mạng đúng đắn thâm nhập quần chúng trở thành sức mạnh vật chất. Chính vì vậy, văn học cách mạng Việt Nam đã góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam.

THỜI ĐẠI MỚI, VĂN HỌC MỚI

Cùng với các dân tộc khác trên khắp trái đất, dân tộc Việt Nam ta, từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, bước vào thời đại mới. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc trưởng thành, có đủ sức vươn tới đỉnh cao của trí tuệ loài người là chủ nghĩa Mác – Lênin. Phát triển đến độ chín muồi, dân tộc Việt Nam có năng lực thấm nhuần chân lý của thời đại chúng ta là độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội kết hợp chặt chẽ với nhau.

Ở Việt Nam, giai cấp vô sản ra đời và phát triển qua hai đợt khai thác thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Bị ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến và tư sản trong nước, giai cấp vô sản Việt Nam là

giai cấp đang lên, có tinh thần cách mạng triệt để nhất. Trong lúc các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp ở Việt Nam, thì giai cấp vô sản Việt Nam, trái lại, sinh ra và lớn lên cùng với quá trình đó. Đúng như Mác và Ăngghen đã phân tích: "Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thật sự cách mạng. Các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong với sự phát triển của đại công nghiệp; giai cấp vô sản thì trái lại, là sản phẩm chính của đại công nghiệp" [1].

Giai cấp vô sản là một giai cấp mới trong xã hội Việt Nam. Nó phát triển khá nhanh và mau chóng trở thành lực lượng xã hội quan trọng. Hồ Chủ tịch đã viết: "Việc tạo ra một giai cấp vô sản và dạy cho người Việt Nam biết sử dụng súng ống là một bằng cớ chứng tỏ chủ nghĩa đế quốc tự mình đào hố để chôn mình" [2]. Giai cấp vô sản tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiến bộ nhất trong xã hội. Nó có giác ngộ chính trị, năng lực tổ chức, tinh thần kỷ luật và tính sáng tạo hơn các giai cấp khác. Sinh trưởng trong một dân tộc bị áp bức, và là tầng lớp dưới cùng của xã hội, nó chỉ có thể giải phóng được mình bằng cách đấu tranh để giải phóng toàn thể dân tộc khỏi mọi ách áp bức bóc lột. Trong nội bộ giai cấp vô sản Việt Nam không có tầng lớp công nhân quý tộc, cho nên không có miếng đất cho chủ nghĩa cải lương nảy nở. Vốn từ nông dân mà ra, giai cấp vô sản Việt Nam có quan hệ ruột thịt với nông dân. Nhờ ảnh hưởng tốt đẹp của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhất là ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, giai cấp vô sản Việt Nam sớm hấp thụ được chủ nghĩa Mác – Lênin. Vì vậy, tuy số lượng không nhiều, giai cấp vô sản Việt Nam sớm trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Lịch sử đã đặt lên vai giai cấp vô sản Việt Nam sứ mệnh lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh để giải phóng dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc Việt Nam tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Dân tộc Việt Nam có tinh thần yêu nước rất cao. Từ khi nước ta bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nhân dân ta không ngừng nổi dậy chống bọn cướp nước và bè lũ tay sai. Người trước ngã, người sau xông lên, biết bao chiến sĩ yêu nước đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tuy vậy, trước ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, các phong

1. *C. Mác – Ph. Ăngghen tuyển tập*, tập I. NXB Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 59..
2. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập II, NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, tr 291–292.

trào yêu nước đều bị dìm trong biển máu. Đó là vì các phong trào yêu nước hồi bấy giờ thiếu đường lối chính trị đúng đắn. Trước những thất bại liên tiếp của sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhiều người yêu nước Việt Nam đã đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước. Nhưng chỉ có Hồ Chủ tịch mới tìm ra con đường cứu nước chân chính cho dân tộc Việt Nam.

Sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài để tìm con đường cứu nước, Hồ Chủ tịch đã đi đến nhận định: "Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới" [1]. Hồ Chủ tịch rút ra kết luận: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản" [2]. Và: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" [3]. Từ kết luận đó, Hồ Chủ tịch đã vạch ra được con đường cứu nước chân chính cho dân tộc Việt Nam.

Giai cấp công nhân Việt Nam không những có sứ mệnh "đào huyệt chôn" chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam mà còn là lực lượng vĩ đại có khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân Việt Nam phải có đội tiên phong được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác – Lênin. Mác đã chỉ rõ: "Trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quyền lực liên hợp của các giai cấp hữu sản, chỉ có khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một chính đảng độc lập để đối lập với tất cả mọi chính đảng cũ do các giai cấp hữu sản lập ra, thì mới có thể hành động với tư cách giai cấp được". [4]

Phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân mới có ý thức về sứ mệnh lịch sử của mình, mới có đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

Nói về sự cần thiết phải có đảng cách mệnh, trong cuốn *Đường kách mệnh* xuất bản năm 1927, Hồ Chủ tịch đã viết: "Vậy nên sức

---

1. Nguyễn Ái Quốc. *Cuộc kháng Pháp. Hồ Chí Minh toàn tập*, tập II. NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 162.

2. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, tập II. NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 114, 176.

3. Như 2.

4. C. Mác – Ph. Ăngghen *tuyển tập*, tập I.Sđd, tr. 470.

cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh". Hồ Chủ tịch lại viết: "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy".

Về sự cần thiết phải có chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chủ tịch đã viết trong cuốn *Đường kách mệnh:*

"Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam".

"Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin".

Về tính chất giai cấp của Đảng, Hồ Chủ tịch đã nói trong *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản".

Sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam đã đưa đến sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Bước ngoặt vĩ đại đó mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử văn học Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn học cách mạng Việt Nam ra đời và phát triển gắn liền với phong trào cách mạng Việt Nam. Đó là nền văn học mới, gắn chặt với giai cấp mới, giai cấp vô sản Việt Nam, giai cấp có sứ mệnh lịch sử vĩ đại đào huyệt chôn chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam, đưa dân tộc Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Nền văn học đó là nền văn học cách mạng, vì nó góp phần vào việc xoá bỏ bằng bạo lực một kiến trúc thượng tầng chính trị đã lỗi thời. Đó là nền văn học cách mạng, vì nó góp phần vào việc chuyển chính quyền Nhà nước từ một giai cấp này sang một giai cấp khác tiên tiến hơn.

Văn học cách mạng Việt Nam là nền văn học mới trong thời đại mới. Trong khuôn khổ của thời đại mới, ở nước Việt Nam chúng ta, do những điều kiện lịch sử cụ thể của nước nhà, thời kỳ mới của cách

mạng bắt đầu có phần muộn hơn. Thời kỳ mới của cách mạng nước ta bắt đầu từ ngày đồng chí Nguyễn Ái Quốc, sau khi đã tiếp thụ chủ nghĩa Mác – Lênin, và được tôi luyện trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trở về đảm nhiệm vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đó là vào giữa tháng 12 – 1924. Sự kiện lịch sử đánh dấu cái mốc giữa hai thời kỳ của cách mạng Việt Nam là cuộc gặp gỡ giữa hai lãnh tụ của hai giai đoạn cách mạng: Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu.

Qua bức thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết tại Quảng Châu ngày 18–12–1924 gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản, chúng ta có thể biết được phần nào cuộc gặp gỡ ấy. Sau đây là đoạn trích bức thư đó:

"Các đồng chí thân mến!

Tôi đã đến Quảng Châu giữa tháng 12. Tôi có gặp tại đây vài người cách mạng dân tộc chủ nghĩa Việt Nam, trong đó có một người đã bỏ nước ra đi từ hơn hai mươi năm nay. Trong thời gian đó ông ta đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống người Pháp. Tất cả những cuộc nổi dậy đó đã đưa đến kết quả là giết được vài sĩ quan và lính Pháp, lấy được vài khẩu súng, và... ông ta phải chạy trốn, không có sự giúp đỡ và viện trợ.

Mục đích duy nhất của con người ấy là trả thù cho dân tộc mình, cho gia đình mình đã bị người Pháp tàn sát. Ông ta không biết chính trị, và lại càng không biết tổ chức quần chúng. Trong những cuộc nói chuyện, tôi đã nói cho ông ta rõ sự cần thiết phải tổ chức một cái gì, và sự vô ích của những hoạt động không cơ sở như thế. Ông ta đã nghe theo. Và đây là những điều mà chúng tôi bắt đầu làm chung với nhau:

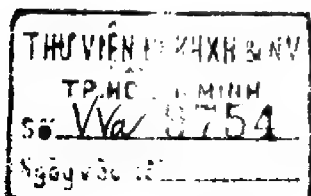
A. Tôi đã vạch ra một kế hoạch tổ chức mà bản sao có đính theo đây.

B. Sau khi tán thành kế hoạch đó, ông ta giới thiệu cho tôi một danh sách gồm 10 người Việt Nam đã từng tham gia các hoạt động của ông ta.

C. Tôi chọn 5 người trong số đó, quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ phải có một người Việt Nam về nước đem họ đến Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Sau ba tháng huấn luyện, chúng tôi sẽ đưa họ trở về Đông Dương hoạt động; và chúng tôi sẽ đưa một toán khác sang. Hiện nay đó là cách duy nhất..."

Quảng Châu, ngày 18–12–1924

NGUYỄN ÁI QUỐC



Người cách mạng dân tộc chủ nghĩa được nói đến trong bức thư là Phan Bội Châu.

Phan Bội Châu là một nhà yêu nước vĩ đại, đồng thời là một nhà văn yêu nước vĩ đại. Phan Bội Châu là lãnh tụ của phong trào yêu nước hồi đầu thế kỷ XX ở nước ta. Tuy có lúc ông dùng người dòng dõi hoàng tộc làm ngọn cờ hiệu triệu đồng bào và tính chuyện tôn vua, có lúc ông tìm đến lãnh sự quán Xô viết ở Bắc Kinh và viết bài về chủ nghĩa xã hội, nhưng nói chung, về căn bản, ông là nhà yêu nước theo chủ nghĩa dân chủ kiểu cũ, tức là dân chủ tư sản. Cuộc cách mạng do ông lãnh đạo nằm trong phạm trù của cách mạng dân chủ tư sản. Phan Bội Châu là người tiêu biểu cho phong trào yêu nước trong thời kỳ trước, đồng thời là người tiêu biểu cho văn học yêu nước trong thời kỳ đó. Mặc dù có tinh thần yêu nước rất cao, nhưng do hạn chế về nhiều mặt, nhất là về mặt giai cấp, Phan Bội Châu không thể đáp ứng được yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới. Phan Bội Châu nhận thức được sự hạn chế của mình, và đặt tất cả hy vọng vào Nguyễn Ái Quốc là người thay thế ông ở vị trí người cầm lái con thuyền cách mạng Việt Nam.

Trong *Truyện Phạm Hồng Thái* viết năm 1925, Phan Bội Châu nhận xét về đồng chí Nguyễn Ái Quốc như sau: "Nguyễn quân từ Pari về..., sau khi chào hỏi quen biết nhau thì trở thành đôi bạn thân thiết... Nguyễn quân là một người nhiệt tâm cách mạng". Sau này, trong những năm 30, khi nói chuyện với các ông Nguyễn Đình Ngân và Trần Lê Hữu, Phan Bội Châu có nói như sau: "Tôi, tiếng nói là cách mạng, nhưng trăm thất bại mà không một thành công. Nhà nước sau này mở hội quang vinh được độc lập hạnh phúc là phải trông nhờ vào lớp người mới, nhất là lại có ông Nguyễn Ái Quốc tài giỏi gấp tôi bội phần dẫn đạo thì chẳng bao lâu nữa mà thành tựu". Phan Bội Châu tin rằng Nguyễn Ái Quốc nhất định sẽ đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua sóng cả gió to tiến đến bến bờ thắng lợi. Chính vì vậy Phan Bội Châu giới thiệu các đầu mối của tổ chức cách mạng Việt Nam ở trong nước cho Nguyễn Ái Quốc.

Cuộc gặp gỡ ở Quảng Châu giữa tháng 12 –1924 trên thực tế là cuộc chuyển giao vai trò lãnh đạo cách mạng từ nhà yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc Phan Bội Châu sang nhà yêu nước theo chủ nghĩa cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Đó là một sự chuyển giao tuyệt đẹp, hiếm có trong lịch sử cách mạng các nước; vì nó không những phù hợp với

quy luật phát triển của lịch sử mà nó còn diễn ra trong sự tự nguyện tự giác hoàn toàn, trên tinh thần đặt lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết, trước hết. Nếu người ta đã có thể nói rằng đến một thời điểm nào đó Các Mác trở thành người mácxít, thì ở đây chúng ta cũng có thể nói rằng, từ cuộc gặp gỡ này, Nguyễn Tất Thành đã trở thành Hồ Chí Minh, người lãnh đạo thần kỳ của cách mạng Việt Nam.

Về vốn liếng vật chất, Nguyễn Ái Quốc tiếp quản từ tay Phan Bội Châu không phải to tát gì cho lắm: chỉ vẻn vẹn 10 người, trong đó có 5 đầu mối! Nhưng về vốn liếng tinh thần thì quả thật đáng giá. Đó là tinh thần yêu nước kiên cường và truyền thống đấu tranh bất khuất mà Phan Bội Châu và các đồng chí của ông đã dày công xây dựng. Trong vốn liếng tinh thần đó, có văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, trong đó các tác phẩm của Phan Bội Châu chiếm một tỷ lệ áp đảo.

Với việc một người cộng sản, đại diện của Quốc tế Cộng sản, giữ vai trò đứng đầu phong trào yêu nước, ở Việt Nam đã xuất hiện khả năng hình thành đội tiên phong của giai cấp công nhân theo chủ nghĩa Mác – Lênin để lãnh đạo phong trào yêu nước. Nhưng Hồ Chủ tịch không vội lập ngay Đảng Cộng sản. Hồ Chủ tịch muốn tránh một sự chia rẽ có thể xảy ra trong phong trào yêu nước Việt Nam do việc thành lập vội vàng một Đảng Cộng sản gây ra. Hồ Chủ tịch muốn đưa hầu hết, chí ít là đại bộ phận, những người yêu nước Việt Nam đi theo con đường của chủ nghĩa cộng sản. Với kinh nghiệm bản thân, Hồ Chủ tịch tin là có thể làm được việc đó: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản, đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác – Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ". [1]

Hồ Chủ tịch không thành lập ngay Đảng Cộng sản, mà thành lập một tổ chức quá độ – Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội – để thông qua đó giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin cho những người yêu nước Việt Nam, chuẩn bị chu đáo những điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng mácxít – lêninnít

1. *Hồ Chí Minh tuyển tập*, tập II. NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 176.

giương cao ngọn cờ yêu nước, một đảng của những người yêu nước triệt để nhất được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác – Lênin. Sự thật đã chứng tỏ rằng những người Cộng sản Việt Nam là những người yêu nước triệt để nhất. Ở Việt Nam, những người yêu nước triệt để nhất đều vào Đảng Cộng sản. Với nghệ thuật lãnh đạo tài tình, Hồ Chủ tịch đã đưa phong trào yêu nước Việt Nam tiến lên và đạt tới đỉnh cao trí tuệ của thời đại.

Thấm nhuần tư tưởng chiến lược của Hồ Chủ tịch, văn học cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới không cắt đứt với văn học yêu nước của thời kỳ trước. Trái lại, nó tiếp tục và phát huy truyền thống tốt đẹp, đồng thời khắc phục những nhược điểm và thiếu sót của văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX. Nó đưa văn học yêu nước Việt Nam phát triển lên một bước mới, với chất lượng cao hơn.

Do điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, từ năm 1925 trở đi, ở trong nước đã có văn học cách mạng do những người cộng sản lãnh đạo, mặc dù Đảng Cộng sản đến đầu năm 1930 mới chính thức được thành lập.

Mặc khác, tuy từ năm 1925 trở đi, cách mạng Việt Nam mới bước vào thời kỳ mới, nhưng trước đó lẻ tẻ đã xuất hiện một số tác phẩm văn học cách mạng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là những tác phẩm của Hồ Chủ tịch: *Vi hành, Con rồng tre, v.v...* Sở dĩ có hiện tượng đó là vì Hồ Chủ tịch là người Việt Nam có tầm cỡ quốc tế. Những hoạt động cách mạng và hoạt động văn học của Hồ Chủ tịch vượt ra ngoài khuôn khổ của một nước.

Văn học cách mạng Việt Nam là sản phẩm của phong trào cách mạng Việt Nam. Nó phản ánh phong trào cách mạng Việt Nam và có tác dụng góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng Việt Nam tiến lên. Sự phát triển của văn học cách mạng gắn chặt với sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam. Các giai đoạn phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam đồng thời cũng là những giai đoạn phát triển của văn học cách mạng Việt Nam.

Căn cứ vào thực tế của lịch sử, văn học cách mạng Việt Nam từ năm 1925 đến tháng 9 –1945 có thể chia thành các giai đoạn phát triển như sau:

1. Từ đầu năm 1925 đến cuối năm 1929: văn học cách mạng trong thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản.

2. Từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1935: văn học cách mạng trong những năm đầu Đảng Cộng sản vừa mới thành lập; cao trào cách mạng 1930 – 1931 và Xô viết Nghệ – Tĩnh; thoái trào 1932 – 1933; phong trào phục hồi và phát triển 1934 – 1935.

3. Từ đầu năm 1936 đến cuối năm 1939: văn học cách mạng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ chống chủ nghĩa phát xít, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

4. Từ cuối năm 1939 đến tháng 9 –1945: văn học cách mạng trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền cách mạng.

Bí mật hoặc công khai, không hợp pháp hoặc hợp pháp, ở ngoài nhà tù hoặc ở trong nhà tù, ở trong nước hoặc ở ngoài nước, văn học cách mạng Việt Nam luôn luôn phản ánh phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Việt Nam, nhất là của công nhân và nông dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nó luôn luôn nêu cao lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa để cổ vũ quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng.

Văn học cách mạng Việt Nam thấm nhuần lý tưởng của thời đại mới, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Cơ sở tư tưởng của nền văn học đó là chủ nghĩa Mác – Lênin, thế giới quan của nền văn học đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Văn học cách mạng Việt Nam ra đời và phát triển trong những điều kiện vô cùng khó khăn. Dưới ách thống trị tàn bạo của đế quốc và phong kiến, thứ văn học nô dịch phục vụ bọn cướp nước và bọn bán nước được tự do truyền bá; còn văn học cách mạng thì bị bọn thống trị coi là đồ "quốc cấm", ai lưu hành và tàng trữ đều bị bắt bớ, tù đày, chém giết. Văn học cách mạng, ngay từ khi ra đời, không những phải đương đầu với sự đàn áp cực kỳ dã man của bọn đế quốc, phong kiến, mà còn phải chiến đấu anh dũng và kiên trì chống nền văn học chính thống, hợp pháp của xã hội thực dân, nửa phong kiến.

Văn học cách mạng Việt Nam ra đời và lớn lên trong một nước thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế chậm phát triển, sản xuất nhỏ là chủ yếu. Nông dân chiếm phần lớn trong dân cư. Nông dân Việt Nam có tinh thần yêu nước rất cao và một lòng đi theo Đảng từ những ngày đầu cách mạng. Giai cấp công nhân Việt Nam tuy số lượng không nhiều, nhưng rất tập trung, lại sớm giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lênin, mau chóng trở thành lực lượng chính trị độc lập, có đủ khả

năng gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, đánh đuổi bọn đế quốc, xóa bỏ chế độ phong kiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước ta. Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, ngay từ khi thành lập đã giữ độc quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Đảng nắm vững chủ nghĩa Mác – Lênin, luôn luôn trung thành với lợi ích của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn, độc lập và sáng tạo. Vững vàng trong mọi thử thách và tỉnh táo trước những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa từ nhiều phía, Đảng đem đường lối cách mạng của mình thâm nhập quần chúng, xây dựng lực lượng cách mạng từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh. Là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, giai cấp tiên tiến nhất của thời đại, Đảng tiêu biểu cho truyền thống của dân tộc Việt Nam, cho sự phát triển của xã hội Việt Nam, đỉnh cao của trí tuệ. Đảng thu hút vào đội ngũ của mình nhiều người trí thức yêu nước, tiêu biểu cho văn hóa dân tộc và đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, những người trí thức đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chủ tịch đã đi. Chính vì vậy, trong phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo đã xuất hiện không ít những chiến sĩ cách mạng kiêm nhà thơ, nhà văn cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân, nhân dân và dân tộc Việt Nam, đồng thời là một trong những nhà hoạt động lỗi lạc nhất của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại chúng ta. Hồ Chủ tịch là nhà cách mạng vĩ đại đồng thời là nhà văn, nhà thơ vĩ đại. *Hồ Chủ tịch là người sáng lập nền văn học cách mạng Việt Nam.*

Văn học cách mạng Việt Nam ra đời và lớn lên trong một dân tộc có truyền thống văn hóa tốt đẹp, trong một nước mà nhân dân có tinh thần yêu nước sâu sắc, phong trào yêu nước sôi nổi liên tục, do đó nó không những tiếp thu được tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, truyền thống đấu tranh của giai cấp công nhân quốc tế, mà còn tiếp thu và phát huy được truyền thống chiến đấu quật cường của dân tộc và truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc.

Những người cộng sản Việt Nam coi văn học là một vũ khí sắc bén của cách mạng. Họ nắm chắc vũ khí đó để đấu tranh cách mạng. Qua đấu tranh cách mạng lâu dài, những người cộng sản Việt Nam tự

rèn luyện mình thành chiến sĩ cách mạng kiên cường, đồng thời là nhà văn, nhà thơ cách mạng được quần chúng tin yêu. Một đội ngũ nhà văn cách mạng kiêm chiến sĩ cách mạng dần dần hình thành trong quá trình đấu tranh cách mạng.

Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, rất coi trọng văn học. Đảng nắm vũ khí văn học để tiến hành cách mạng. Coi văn học là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng, đồng thời nắm vững đặc trưng của văn học, Đảng có đường lối và chính sách văn học đúng đắn. Sự lãnh đạo đúng đắn, độc lập và sáng tạo của Đảng là nhân tố quyết định sự ra đời và lớn lên của văn học cách mạng Việt Nam. Nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, văn học cách mạng Việt Nam phát huy được tác dụng của mình, phản ánh cuộc cách mạng vĩ đại của nhân dân Việt Nam, góp phần tích cực đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi.

MỘT QUAN NIỆM MỚI VỀ VĂN HỌC

Văn học cách mạng Việt Nam được xây dựng trên cơ sở một quan niệm mới về văn học. Đó là quan niệm văn học của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta. Đó là sự vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác – Lênin về văn học và nghệ thuật vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng nước ta.

Trong lời nói đầu của tác phẩm *Đường kách mệnh* in năm 1927, Hồ Chủ tịch đã nêu rõ: "Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Kách mệnh! Kách mệnh! Kách mệnh!".

Năm 1943, sau khi đọc *Thiên gia thi*, Hồ Chủ tịch đã ghi lại cảm tưởng của mình như sau:

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Rõ ràng, đối với Hồ Chủ tịch và Đảng ta, văn học là một vũ khí đấu tranh cách mạng.

Văn học có quan hệ mật thiết đến đời sống xã hội. Nó phản ánh đời sống xã hội và tác động trở lại đời sống xã hội. Trong xã hội có giai cấp, văn học có tính giai cấp. Hồ Chủ tịch viết: "Dưới chế độ thực

dân Pháp, dù chúng khủng bố tàn nhẫn, và nuôi nấng thứ văn chương nịnh Tây, nhưng ở nước ta vẫn có văn chương cách mạng". [1] Người còn viết: "*Văn chương cách mạng*.... bị gọi là "cấm vật". Nếu không giữ được bí mật, thì người viết cũng như người xem đều bị bắt bớ, tù đày. Tuy vậy, vì quần chúng sẵn lòng ghét Tây và yêu nước, cho nên những thơ ca ấy đã được truyền tụng trong dân gian, và đã có tác dụng cổ động tinh thần cách mạng". [2] Hồ Chủ tịch vạch rõ: "Dân tộc bị áp bức thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng". [3]

Lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước ta, một quan niệm mới về văn học, quan niệm văn học phải có tính giai cấp, tính chiến đấu, quan niệm "văn học cách mạng", đã được Hồ Chủ tịch và Đảng ta nêu lên.

Văn học cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo tự nhận mình là một công cụ của cách mạng. Nó là một vũ khí trong tay lực lượng cách mạng để biến đổi một cách căn bản đời sống xã hội, lật đổ bằng bạo lực chế độ xã hội thối nát và xây dựng chế độ xã hội mới, tốt đẹp hơn.

Trong thời kỳ cách mạng, quá trình phát triển tự phát của xã hội nhường chỗ cho hoạt động tự giác của con người. Nếu trước đây quần chúng nhân dân đứng ngoài đời sống chính trị, thì ngày nay hàng triệu con người tham gia cuộc đấu tranh chính trị một cách tự giác. Văn học cách mạng là một công cụ sắc bén để thức tỉnh hàng triệu quần chúng lao động, thúc đẩy họ tự giác tham gia đấu tranh cách mạng.

Có ý thức rõ rệt về tầm quan trọng của văn học, Hồ Chủ tịch và Đảng ta đã sử dụng văn học làm một thứ vũ khí sắc bén để đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong tay các lực lượng cách mạng và dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, văn học không còn là trò tiêu khiển lúc "trà dư tửu hậu" của bọn người ngồi mát ăn bát vàng, mà là một bộ phận của sự nghiệp vẻ vang cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Nhà văn, nhà thơ, nhà nghệ thuật cũng không còn là kẻ "xướng ca vô loài", mà là những người chiến sĩ cách mạng có sứ mệnh cao cả chiến đấu giành độc lập cho Tổ quốc và mưu hạnh phúc cho nhân dân.

---

1. Hồ Chí Minh. Bài nói tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III, năm 1962.
2. Hồ Chí Minh. Bài nói tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III, năm 1962.
3. Như trên.

Văn học thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội, chịu sự chi phối của cơ sở hạ tầng của xã hội. Trong xã hội có giai cấp, văn học có tính giai cấp. Vì vậy, Đảng ta đề cao nguyên tắc tính Đảng trong văn học. Tính Đảng, tính giai cấp của văn học do tác giả đứng trên lập trường của giai cấp nào để quan sát và miêu tả cuộc sống quyết định, chứ không phải do nguồn gốc xã hội của tác giả hoặc của các nhân vật hình tượng trong tác phẩm quyết định.

Một mặt đề cao tính Đảng, tính giai cấp trong văn học, mặt khác Đảng ta bác bỏ khuynh hướng công nhân chủ nghĩa trong văn học. Tuân theo lời dạy của Lênin, Đảng ta cho rằng công nhân không nên tự hạn chế trong khuôn khổ thu hẹp một cách giả tạo của "loại sách báo cho công nhân", mà phải học tập, nhận thức ngày càng sâu sắc hơn trong "loại sách báo chung cho tất cả mọi người". Trong tác phẩm *Làm gì?*, Lênin đã dạy rằng: "Chính công nhân cũng đọc và muốn đọc tất cả những cái gì người ta viết cho cả trí thức nữa, và chỉ có một vài trí thức (đáng thương hại) mới nghĩ rằng chỉ cần nói "với công nhân" về đời sống ở nhà máy và chỉ cần nhai đi nhai lại những điều mà công nhân đã thừa biết từ lâu" [1] Đương nhiên, công nhân cũng tham gia sáng tác văn học cách mạng. Và họ làm việc đó không phải với tư cách là công nhân, mà là với tư cách là chiến sĩ cách mạng giác ngộ về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Họ làm việc đó khi họ có nhận thức đúng đắn về thời đại mới và về trách nhiệm của họ trong thời đại đó.

Văn học là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp của giai cấp công nhân; song đây là bộ phận có những đặc trưng riêng biệt, không thể rập khuôn máy móc theo các bộ phận khác. Trong văn học, không thể áp dụng biện pháp bình quân máy móc, san bằng, đem số đông thống trị số ít. Trong lĩnh vực văn học, như Lênin đã nói, cần bảo đảm một phạm vi rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho các thiên hướng cá nhân, cho tư duy và trí tưởng tượng, cho hình thức và cho nội dung. Những người cộng sản Việt Nam đặt vấn đề văn học trong vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động nói chung, đồng thời nắm vững và tôn trọng những đặc trưng riêng biệt của văn học.

Đảng Cộng sản Việt Nam thấy rõ tác dụng quan trọng của văn

---

1. V. I. Lênin. *Bàn về văn học và nghệ thuật*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 63.

học trong việc bồi dưỡng những tư tưởng mới và tình cảm mới cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng đặc biệt coi trọng việc sử dụng văn học trong việc xây dựng những con người mới, những con người cách mạng kiểu mới, những chiến sĩ cộng sản Việt Nam, để lãnh đạo nhân dân Việt Nam đánh đuổi đế quốc, đánh đổ phong kiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Mục tiêu cuối cùng của Đảng là xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó sự tự do phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Chủ nghĩa xã hội nhằm mục tiêu cao cả xây dựng con người phát triển toàn diện, con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân. Văn học và nghệ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng con người làm chủ đó.

Đối với di sản văn học do quá khứ để lại, những người cộng sản Việt Nam chủ trương tiếp thu có chọn lọc để xây dựng nền văn học mới, theo tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Về mặt này, những người cộng sản Việt Nam nghiêm chỉnh tuân theo lời dạy của Lênin: "Chủ nghĩa Mác không những không vứt bỏ những thành tựu quý báu nhất của thời kỳ tư sản, mà trái lại, còn tiếp thụ, đồng thời cải biến, tất cả những cái gì là quý báu trong sự phát triển của tư tưởng và văn hóa của loài người từ hơn hai nghìn năm nay" [1] Đồng thời, những người cộng sản Việt Nam cũng luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Lênin: "Chỉ có quan điểm mácxít mới là biểu hiện duy nhất đúng của những lợi ích, của thái độ và của nền văn hóa của giai cấp vô sản cách mạng".[2] Chính vì vậy, những người cộng sản Việt Nam lấy hệ tư tưởng Mác – Lênin làm cơ sở tư tưởng của văn học cách mạng Việt Nam. Những người cộng sản Việt Nam cho rằng giai cấp công nhân và nhân dân lao động có quyền hưởng một nền văn học nghệ thuật chất lượng cao. Họ ấp ủ ước mơ sau ngày giải phóng, trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc thịnh vượng, sẽ xây dựng cho nhân dân mình "một nền nghệ thuật thật sự mới, thật sự vĩ đại, một nền nghệ thuật cộng sản chủ nghĩa, một nền nghệ thuật tự tạo cho mình một hình thức hoàn toàn thích hợp với nội dung của nó" [3] như Lênin đã nói.

Văn học cách mạng, ngay từ khi mới ra đời, đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống những quan điểm văn

1. V. I. Lênin. *Bàn về văn học và nghệ thuật*. Sđd, tr. 185.
2. V. I. Lênin. *Bàn về văn học và nghệ thuật*. Sđd, tr 185; 237.
3. Như trên.

học phản động và lạc hậu. Cuộc đấu tranh đó đã được tiến hành ngay cả trên báo chí hợp pháp dưới chế độ thực dân, nửa phong kiến. Các cuộc bút chiến về các vấn đề "duy tâm hay duy vật", "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh", nổ ra trên báo chí công khai ở nước ta trong những năm 30 của thế kỷ này là những biểu hiện cụ thể của cuộc đấu tranh giữa những quan điểm triết học và văn học của giai cấp vô sản với những quan điểm triết học và văn học của các giai cấp phong kiến và tư sản ở nước ta. Nhà văn cộng sản Hải Triều đã cùng một số đồng chí và bạn bè phê phán kịch liệt các quan điểm phản động và sai lầm về triết học, văn học và nghệ thuật, đồng thời truyền bá các quan điểm triết học, văn học và nghệ thuật của chủ nghĩa Mác – Lênin và của Đảng ta.

Nói về mối quan hệ giữa văn học và kinh tế, Hải Triều viết: "Mỗi chế độ kinh tế tất có một nền văn học tương đương và nền văn học nào thì bênh vực cho chế độ kinh tế ấy". Hải Triều cho rằng "văn học là biểu hiện của nhân sinh". Theo Hải Triều thì "văn học là một cái sản vật của xã hội cho nên cũng phải tùy theo cái cơ bản của xã hội mà biến đổi, mà mất còn". Hải Triều bác thuyết "văn chương là văn chương" đặt nghệ thuật ra ngoài xã hội. Hải Triều khẳng định "Cái phát nguyên của nghệ thuật là ở trong sự sống", và "nghệ thuật là vì nhân sinh chứ không bao giờ có cái nghệ thuật vì nghệ thuật".

Sau khi vạch rõ văn học tư sản đi đến thoái hóa và phản động, Hải Triều nói đến sự ra đời của nền văn học cách mạng của giai cấp vô sản. Hải Triều viết: "Bên cái nền văn học thần bí, dâm ô của giai cấp phú hào, đã bắt đầu gây dựng nên một nền văn học mới của giai cấp vô sản. Nền văn học này quyết nhiên là một nền văn học cách mạng... Cái triều lưu văn học này ta có thể bao gồm trong một danh từ là: *tả thực xã hội (réalisme socialiste). Văn chương của giai cấp vô sản tất là văn chương tả thực xã hội vậy".* [1]

Đối với những người cộng sản Việt Nam, văn học không những có tác dụng nhận thức xã hội, mà còn có tác dụng cải tạo xã hội. Trong một bài đăng trên báo *Tiến bộ*, số 5, ngày 8–3–1936, Lâm Mộng Quang vạch rõ sứ mệnh của nhà văn là phải góp phần cải tạo xã hội, Lâm Mộng Quang viết: "Tình thế kinh tế xã hội ngày nay đã nằm trong thời kỳ khủng hoảng nguy ngập; chế độ tư bản gần đổ

---

1. Báo *Sông Hương*, tục bản, số 10, ngày 11–9–1937.

nát, quần chúng đã bị thất nghiệp đói rét, lại sắp bị nạn đế quốc chiến tranh... Các nhà văn phải góp sức vào công việc cứu chữa sự nguy cơ ấy của xã hội, chớ không thể ngồi yên trên đám mây xanh chót vót ở ngang trời mà ngâm nga và bảo quần chúng ngâm nga theo mấy vần thơ mơ mộng như hồi thái bình no ấm được đâu".

Cuộc đấu tranh giữa phái "nghệ thuật vị nhân sinh" và phái "nghệ thuật vị nghệ thuật" đã đề cập đến nhiều vấn đề căn bản của văn học và nghệ thuật: nghệ thuật là gì, nguồn gốc của nghệ thuật, chức năng của nghệ thuật, tính chất xã hội của nghệ thuật, nhiệm vụ của nhà văn, nhà văn và giai cấp, tự do sáng tạo nghệ thuật, nội dung và hình thức tác phẩm văn học, giá trị của tác phẩm nghệ thuật, v.v...

Cũng như trong cuộc bút chiến về vấn đề "duy tâm hay duy vật", trong cuộc tranh luận về vấn đề "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh", những người cộng sản và những người có cảm tình với Đảng Cộng sản đã bẻ gãy được các lập luận của đối phương và thuyết phục được đông đảo bạn đọc tán thành những quan điểm của mình. Qua cuộc tranh luận này, họ đã truyền bá một cách rộng rãi quan niệm về văn học và nghệ thuật của chủ nghĩa Mác – Lênin và của Đảng ta.

Trong bài *Nghệ thuật với nhân sinh* đăng trên báo *Trung kỳ* ra tháng 10 và tháng 11 năm 1935, Hải Triều chủ trương "nâng cao lá cờ nghệ thuật vị nhân sinh để hiệu triệu tất cả các nhà nghệ sĩ đồng một khuynh hướng với chúng ta quyết tâm khai chiến với cả một thế giới nghệ thuật cũ kỹ mục nát đã làm trở ngại cho sự tiến hóa của nghệ thuật không phải là ít". Hải Triều viết: "Con đường của chúng ta đã vạch ra, chúng ta cứ quả quyết mà tiến tới. Sau lưng của chúng ta đã sẵn có cả một nhân loại mới mẻ mạnh bạo với những ý tưởng, những tình cảm lớn lao hơn sẽ làm hậu thuẫn cho chúng ta đó".

Qua cuộc đấu tranh về nghệ thuật này, bước đầu hình thành một đội ngũ các nhà văn công khai phấn đấu dưới lá cờ của Đảng Cộng sản; các nhà văn này viết bài đăng trên báo chí hợp pháp hồi bấy giờ để truyền bá những quan điểm của Đảng về văn học và nghệ thuật.

Năm 1944, Đặng Thai Mai cho ra đời tác phẩm *Văn học khái luận*, trong đó tác giả "bình tĩnh duyệt lại bản hồ sơ của vụ nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh". Tác giả đã cố gắng hệ thống hóa, trên một số vấn đề chủ yếu, các quan điểm mà phái

"nghệ thuật vị nhân sinh" đã từng phát biểu trong cuộc tranh luận với phái "nghệ thuật vị nghệ thuật".

Trong *Văn học khái luận,* Đặng Thai Mai đã bàn đến một số vấn đề lý luận văn học như: định nghĩa văn học, nguyên tắc văn học, sáng tác văn học, nội dung và hình thức, điển hình và cá tính, tính dân tộc trong văn học, tự do sáng tác, v.v... Dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, trong lúc cơn khủng bố trắng lan tràn khắp nước, tác giả buộc phải dùng lối diễn đạt quanh co khéo léo để tránh lưỡi kéo của "mụ kiểm duyệt", do đó tác phẩm này có những mặt hạn chế; tuy vậy, trên những nét lớn, *Văn học khái luận* của Đặng Thai Mai đã trình bày được những quan điểm của Đảng, của chủ nghĩa Mác – Lênin về văn học. Đây là cuốn sách đầu tiên ở nước ta trình bày một cách tương đối có hệ thống những điều sơ đẳng về lý luận văn học.

Nắm vững quan điểm văn học của chủ nghĩa Mác – Lênin và của Đảng ta, các nhà văn cộng sản đấu tranh kiên quyết chống các nhà văn tìm cách tô son trát phấn cho chế độ thuộc địa, nửa phong kiến ở nước ta hồi bấy giờ. Trong tác phẩm *Vấn đề dân cày,* các đồng chí Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp đã từng chế giễu:

"Mấy nhà văn quý phái, tư sản phóng ô tô chạy vụt qua nhà quê, thấy cánh đồng bát ngát, xanh rì, buổi chiều mấy nóc nhà tranh khói lên nghi ngút, họ liền thêu dệt lên những bức tranh đầy "thi vị"; nào có biết đâu...

Có biết đâu đến chỗ hai ngày mới có một bữa, tối đến làm việc dưới bóng trăng hay làm mò; trẻ con bụng ỏng đít vòn, xanh xao như tàn lá úa; nhà cửa xiêu vẹo, phân trâu, bùn rác đầy rẫy bên đường".

Các nhà văn cộng sản kịch liệt phê phán loại văn thơ lãng mạn tiêu cực, vì loại văn thơ này gieo rắc tư tưởng bi quan chán nản, khiến cho người ta thoát ly đời sống thực tế và lẩn tránh cuộc đấu tranh.

Trong bài *Là thi sĩ,* viết hồi tháng 6–1942, ký tên Sóng Hồng, đồng chí Trường Chinh đã phê phán các nhà thơ lãng mạn tiêu cực:

... đem gấm vóc
Phủ lên trên xã hội đã điêu tàn
Véo von ca cho át tiếng kêu than
Của nhân loại cần lao đang giãy giụa.

Đồng chí đã vạch rõ rằng nhà thơ lãng mạn tiêu cực:

Là tai ương ch... g họa của nhân quần,

Nhọc tơ lòng mà phí cả ngày xuân
Để ca ngợi bất công và tàn ngược;
Uốn gối trước cường quyền và mong được
Lượm hương thừa, phấn thải để qua ngày,
Khiến loài người đắm đuối và mê say
Sống thoi thóp dưới gông xiềng nô lệ.

Đồng chí vạch rõ sứ mệnh của nhà thơ là:

Ca tự do, tiến bộ với tình yêu
– Yêu nhân loại, hòa bình và công lý,
Cao giọng hát những bài ca chính khí
Của anh hùng đã vì nước quên mình,
Sống quang vinh mà chết cũng quang vinh.

Đồng chí vạch rõ:

Là thi sĩ nghĩa là cao khúc họa,
Cuộc đấu tranh vĩ đại của hoàn cầu,
Chống hung tàn xâm lược khắp năm châu,
Trên trái đất dựng cao cờ dân chủ.

Đồng chí nêu rõ sứ mệnh của nhà thơ dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến hồi bấy giờ là:

Dùng bút làm đòn chuyển xoay chế độ

Thái độ quyết liệt của những người cộng sản đối với chủ nghĩa lãng mạn tiêu cực trong văn học nước ta hồi bấy giờ là cần thiết, bởi vì giai cấp công nhân Việt Nam phải giành cho được quyền lãnh đạo văn học nghệ thuật từ trong tay giai cấp tư sản. Nếu từ năm 1930, giai cấp công nhân Việt Nam do Đảng Cộng sản đứng đầu đã giành được quyền lãnh đạo về chính trị, thì từ năm 1935 trở đi, cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ở Việt Nam để giành quyền lãnh đạo về văn học nghệ thuật mới thật sự bắt đầu. Trong cuộc đấu tranh này, những người cộng sản Việt Nam được vũ trang bằng những quan điểm văn nghệ của chủ nghĩa Mác – Lênin đã giành được thắng lợi quyết định.

Đặng Xuân Thiều cũng chế giễu một cách chua cay các nhà thơ lãng mạn tiêu cực. Đối với nhà thơ lãng mạn rên rỉ than vãn rằng mình "sinh nhầm thế kỷ", Đặng Xuân Thiều đã hỏi họ:

Sinh nhầm thế kỷ kêu ơi ới
Không xuống âm mà ở với ma?

Với giọng châm biếm, anh viết:

Ông tưởng ông là Đường Minh Hoàng,
Kêu Dương Quý Phi nàng ơi nàng!

Đặng Xuân Thiều phê phán nhà thơ lãng mạn trốn tránh đời sống thực tế "đi tìm nguồn sống tận trăng sao". Anh viết:

Ông rằng thơ mộng, mộng trong thơ,
Ông mộng con hươu, ông mộng vờ!

Đặng Xuân Thiều – *Đọc thơ*

Hồ Xanh lên tiếng trách nhà thơ lãng mạn:

Anh vào hang đá ngâm thơ nhàn,
Quần chúng, anh ơi, đang lầm than...

Hồ Xanh cho rằng:

Nước mắt của anh em vô sản
Là nguồn thơ chảy ra vô hạn.

Hồ Xanh – *Với nhà thi sĩ*

Trường Sơn cũng khẳng định:

Lời thơ ta bắt nguồn vô tận
Tự đáy lòng quần chúng cần lao...

Và nêu quyết tâm cứu nước của nhà thơ:

Lời thơ tha thiết chân thành
Quyết vì đất nước cướp giành tự do.

Trường Sơn – *Lời thơ*

Trần Mai Ninh lên tiếng phê phán các nhà thơ lãng mạn và bảo họ rằng: "*Im đi anh cái giọng lạc bơ phờ*", "*Im đi anh cái giọng mếu than van*" để "*Ca thắng lợi của loài người chúa tể*". Đối với Trần Mai Ninh:

Làm thơ là hắng giọng trong trong
Ca khí lực muôn nghìn hoa nụ.

Trần Mai Ninh – *Đây người thi sĩ*

Nói về "nguồn mới" của thơ, Nguyễn Văn Năng cho rằng "*Nguồn mới*" đó không phải là "*mơ gió, mơ trăng, với mộng hoa*". Nguyễn Văn Năng cho rằng:

Nguồn mới gieo lên từ đất mới,
Muôn dòng trong vắt tỏa ra xa.
Từ những mồ hôi rơi lửa đỏ,
Luống cày bóng nhoáng nắng hè gieo.

Từ lòng chiến sĩ yêu non nước,
Lai láng ngàn thơ vạn nhạc reo.

Nguyễn Văn Năng nói một cách quả quyết:

Nguồn mới phải đâu không nghệ thuật,
Mà là nghệ thuật vị nhân dân.
Xuân chung xây dựng cho nhân loại,
Nghệ thuật cao sâu mấy vạn lần.

Nguyễn Văn Năng – *Nguồn mới*

Nói về khuynh hướng mới của các nhà thơ có tác phẩm đăng trên báo chí công khai do Đảng lãnh đạo trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, *Dân chúng*, cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngày 3-9-1938, đã nhận xét: "Những mâu thuẫn giai cấp ngày càng gắt gao, hoàn cảnh càng thắt chặt, nên mấy năm sau đây, xã hội Việt Nam đã đẻ ra một số thi sĩ mới, với một khuynh hướng mới: khuynh hướng xã hội. Một điều đáng mừng hay đáng vui? Không, nó chỉ là bước đường đi của lịch sử". Báo *Dân chúng* phân tích: "Đến khi nền kinh tế mất ổn định, sự thiếu thốn về vật chất quá nghiêm trọng, lẽ cố nhiên những loại thơ mơ mộng không sống được nữa mà nhường chỗ cho loại thơ kêu gào quần chúng ra tranh đấu, ca tụng tinh thần tranh đấu, vạch sự bất công của xã hội". Nói về các nhà thơ của khuynh hướng mới đó, báo *Dân chúng* viết: "Thơ của họ không còn là tiếng rên la tuyệt vọng của cô gái mất xuân hay là tiếng than vãn của anh chàng si tình mất vợ, mà chính là lời anh dũng của vô sản cùng hoan hô và nắm tay nhau ra trận tuyến giết kẻ thù chung".

Những người cộng sản không chỉ phê phán các nhà thơ lãng mạn mà còn phê phán các nhà văn lãng mạn. Nói về nhà văn Khái Hưng, trong cuốn *Thư Côn Lôn* xuất bản tại Hà Nội năm 1937, Nguyễn Đức Chính đã viết: "Cười ông Khái Hưng, ý chừng ông đã giác ngộ cái tính chất thơ mộng của tiểu thuyết *Hồn bướm mơ tiên*, nên ông viết truyện ngắn *Hương gây mùi nhớ* để lôi chú Lan trở lại cõi đời thực tế. Nhưng mà vô ích. Ông hãy còn xa chỗ thực tế lắm. Ông quen với cái nhiệm vụ kia đi rồi, cái nhiệm vụ của nhà văn sĩ trưởng giả, đem chuyện những hạng người phong lưu kể cho những hạng người phong lưu nghe".

Phê phán tiểu thuyết *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh, trong cuốn *Thư Côn Lôn*, Nguyễn Đức Chính cũng đã viết: "Cô Loan đã không tự giải phóng nổi, phải nhờ ông Nhất Linh giải phóng hộ. Đến như cách ông này giải phóng cho cô Loan mới thực kỳ cục. Bằng con dao rọc giấy.

Bằng một sự tình cờ. Thế ra ông Nhất Linh trông đợi sự giải phóng của cô Loan, tức là của cả hạng người bị áp chế trong xã hội ở sự tình cờ ư? Một nhà viết sách có am hiểu đôi chút về xã hội học và sử học tưởng không thể phạm vào cái lỗi to tát ấy".

Quan niệm văn học của Đảng ta được thể hiện rõ trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* do Đảng công bố năm 1943. *Đề cương* nói rõ: "Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động". *Đề cương* vạch rõ rằng: "Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân tộc thắng lợi mà cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới". *Đề cương* khẳng định rằng cách mạng văn hóa phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng nêu lên ba nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa Việt Nam lúc bấy giờ là: "Dân tộc, khoa học, đại chúng". *Đề cương* vạch rõ rằng: "Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tờrốtkít". *Đề cương* vạch rõ rằng cách mạng dân tộc giải phóng sẽ đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc; sau khi cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi, cần phải tiến lên thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. *Đề cương* khẳng định: "Văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo chủ trương phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa". Về văn học – nghệ thuật, *Đề cương* vạch rõ cần phải đấu tranh chống các trường phái văn nghệ phản động, lạc hậu, và *"làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng"*.

Trong bài đăng trên tạp chí *Tiên phong* năm 1944, giải thích ba nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam được nêu trong *Đề cương*, đồng chí Trường Chinh có phân tích ba căn bệnh lớn của văn hóa hợp pháp nước ta hồi bấy giờ là: phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng. Nói về ba khẩu hiệu "dân tộc, khoa học, đại chúng" nêu trong *Đề cương*, đồng chí Trường Chinh viết: "Ba khẩu hiệu vận động tân văn hóa trên kia phải ghi trên lá cờ hiệu của một lớp nhà văn hóa tiên phong, trung thành, kiên nhẫn, tích cực và khôn khéo. Các nhà văn hóa ấy phải lấy sức mạnh trong đại chúng, lấy tinh thần trong dân tộc, và dùng duy vật biện chứng làm kim chỉ nam. Con đường của họ phải là con đường tả thực xã hội, duy nhất đúng, và tiến bộ".

Quan niệm văn học của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta là ánh sáng soi đường cho sự ra đời và phát triển của văn học cách mạng nước ta. Nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, văn học cách mạng đã trưởng thành mau chóng cả về sáng tác lẫn lý luận phê bình.

Khác với các trào lưu văn học khác ra đời và phát triển một cách tự phát, văn học cách mạng Việt Nam ra đời và phát triển một cách tự giác, vì nó có sự lãnh đạo của Đảng và được soi sáng bằng lý luận văn học chân chính. Đó là lý luận văn học của chủ nghĩa Mác – Lênin và của Đảng ta. Không có lý luận văn học cách mạng thì không có trào lưu văn học cách mạng. Lý luận văn học cách mạng của Đảng ta đã soi sáng và thúc đẩy sự ra đời và phát triển của văn học cách mạng nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước ta, lý luận văn học tiên tiến, thật sự khoa học, được đắp móng xây nền, làm ngọn đèn pha chiếu sáng con đường xây dựng nền văn học mới cho dân tộc Việt Nam ta.

VĂN HỌC CÁCH MẠNG VÀ TRUYỀN THỐNG KIÊN CƯỜNG BẤT KHUẤT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Dân tộc Việt Nam có truyền thống vẻ vang dựng nước và giữ nước. Nhìn lên bản đồ Việt Nam, mọi người Việt Nam đều cảm thấy tự hào về Tổ quốc của mình. Văn học cách mạng đã phản ánh lòng tự hào đó của người Việt Nam:

Bản đồ nước Tổ chúng ta,
Càng nhìn càng thấy mặn mà xinh tươi.

Người Việt Nam không những tự hào đất nước Việt Nam đẹp và giàu, mà còn tự hào về truyền thống chống ngoại xâm oanh liệt của dân tộc mình:

Rồng Tiên, con cháu cũng tài,
Nhiều phen đánh đuổi giặc ngoài xâm lăng.

Đất nước Việt Nam do người Việt Nam làm chủ. Đó là điều đã được khẳng định dứt khoát từ hàng nghìn năm nay. Văn học cách mạng cũng nêu cao ý chí kiên định đó. Kiên cường biết bao khi người Việt Nam dõng dạc tuyên bố:

Ai cho giặc được tới đây,
Người Việt Nam, đất nước này Việt Nam!

Khuyết danh – *Bản đồ Việt Nam*

Đó là sự kế tục và phát triển tư tưởng "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" của Lý Thường Kiệt và tư tưởng "nước Nam này có chủ" của Nguyễn Huệ trong thời đại mới. Đó là ý thức tự lực tự cường của người Việt Nam. Đó là ý thức làm chủ của người Việt Nam đối với đất nước của mình.

Quan điểm làm chủ đất nước xuyên suốt trong văn học cách mạng. Chính nhờ đó mà văn học cách mạng có tác dụng cổ vũ mọi người Việt Nam đứng dậy đánh đuổi quân xâm lược, khôi phục và thực hiện quyền làm chủ đất nước của người Việt Nam.

Bài *Bản đồ Việt Nam* nêu cao truyền thống quật cường bất khuất của dân tộc Việt Nam. So với bài *Địa dư lịch sử Việt Nam* của Đông Kinh Nghĩa Thục hồi đầu thế kỷ XX, bài *Bản đồ Việt Nam* trên đây trong văn học cách mạng là một bước tiến rõ rệt. Nó không những cao hơn về tầm tư tưởng, mà còn cao hơn về cả chất lượng nghệ thuật.

Người Việt Nam chúng ta vốn có niềm tin vững chắc vào vận mệnh của dân tộc và nguyện vọng thiết tha được sống trong hòa bình.

Lý Công Uẩn trong *Chiếu dời đô* đã nói lên ý chí "mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu muôn đời" và nói lên niềm tin ở "vận nước vững bền".

Nhà thơ Pháp Thuận thời Lý (thế kỷ XI) có viết:

Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
(Phúc nước dài dằng dặc,
Trời Nam dựng thái bình).

Nhà thơ Trần Quang Khải thời Trần (thế kỷ XIII) cũng đã viết:

Thái bình tu nỗ lực,
Vạn cổ thử giang san.
(Vì cảnh thái bình nên gắng sức,
Non nước này vững bền muôn thuở).

Trần Nhân Tông cũng nói lên niềm tin sắt đá ở sự vững bền của nước nhà:

Sơn hà thiên cổ điện kim âu,
(Non sông muôn thuở vững âu vàng).

Tiếp tục truyền thống tốt đẹp đó, văn học cách mạng nói lên niềm tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng và hòa bình không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới.

Văn học cách mạng nói lên ý chí sắt đá của người cách mạng Việt Nam sẵn sàng hy sinh để giải phóng đất nước:

Quyết hy sinh, phá tan hết gông xiềng,
Cho Tổ quốc muôn muôn năm độc lập.

Tố Hữu – *Quyết hy sinh*

Văn học cách mạng vạch rõ mục tiêu chiến đấu của người cách mạng Việt Nam là xây dựng xã hội mới:

Chế độ nọ ra tay tiêu diệt,
Xích xiềng kia phải quyết phá tan.
Sao cho đời hết lầm than,
Dựng nên xã hội hoàn toàn tự do.

Lê Đức Thọ – *Xà lim*

Văn học cách mạng nói lên niềm tin tưởng sắt đá của người cách mạng Việt Nam ở tương lai tốt đẹp:

Ta nghĩ ngày mai hết đói nghèo,
Hết tù, hết tội, hết gieo neo.
Trong ngoài bốn bể anh em cả,
Ôi! Đẹp vườn xuân những sớm chiều!

Xuân Thủy – *Không giam được trí óc*

Văn học cách mạng phản ánh lòng mơ ước của người cách mạng Việt Nam vào mùa xuân vĩnh viễn của loài người:

Rồi xuân ấy, cả nhân quần vui vẻ,
Nắm tay nhau, tuy khác tiếng, màu da.
Giẫm chân lên những núi sông chia rẽ,
Và ôm nhau, thân ái, cùng vang ca.

Tố Hữu – *Xuân lòng*

Người Việt Nam chúng ta có tinh thần yêu nước rất cao. Đồng chí Lê Duẩn đã nói: "Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là cái vốn quý nhất và là đặc điểm của dân tộc Việt Nam ta trải qua mấy nghìn năm lịch sử. Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc ấy đã hình thành trong nhân dân ta ngay từ khi dựng nước và phát triển trong quá trình đấu tranh lâu dài chống ngoại xâm. Tổ tiên chúng ta đã

biết nắm lấy nó, phát huy nó để bảo vệ nền độc lập của nước nhà. Điều đó cắt nghĩa vì sao dân tộc Việt Nam ta đã lập được những chiến công lừng lẫy trong lịch sử".[1]

Dân tộc Việt Nam được hình thành rất sớm và đã là một Quốc gia thống nhất ngay từ trong chế độ phong kiến. Vì phải luôn luôn chiến đấu chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn mình gấp bội để sống còn và phát triển, cho nên dân tộc Việt Nam ta đã phát huy cao độ tinh thần thương yêu nhau của những "người trong một nước".

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Tinh thần yêu nước của người Việt Nam đã có từ rất lâu cũng như lịch sử lâu đời của dân tộc Việt Nam ta.

Để nô dịch dân tộc Việt Nam, bọn thực dân Pháp tìm mọi cách phủ nhận tinh thần yêu nước của người Việt Nam. Chúng tìm mọi cách làm cho người Việt Nam quên mất lịch sử oanh liệt của dân tộc mình. Hồi thuộc Pháp, học sinh Việt Nam ngồi trên ghế nhà trường phải học thuộc lòng cuốn giáo trình lịch sử của Ecnét Lavixơ trong đó có viết: "Nước ta ngày xưa tên là Gôlờ. Tổ tiên chúng ta là người Gôloa". Làm cho người Việt Nam quên mất nguồn gốc của mình, đó là một thủ đoạn thâm độc của bọn thực dân Pháp để nô dịch dân tộc Việt Nam ta.

Dưới ách thống trị tàn bạo của bọn thực dân Pháp, làm cho mọi người Việt Nam nhớ lại lịch sử oanh liệt của dân tộc mình và tự hào về lịch sử oanh liệt đó là một biện pháp cực kỳ quan trọng để giáo dục tinh thần yêu nước, để cổ vũ mọi người Việt Nam cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống bọn thực dân để cứu nước.

Lịch sử dân tộc là một nguồn tự hào của người Việt Nam, cổ vũ mọi người phấn đấu hy sinh để giải phóng đất nước. Hồ Chủ tịch đã viết một bài thơ dài *Lịch sử nước ta* để giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta, động viên đồng bào ta đoàn kết đấu tranh để giành độc lập cho Tổ quốc.

Hồ Chủ tịch đã mở đầu bài thơ dài đó bằng câu:

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

---

1. Lê Duẩn: *Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam và nhiệm vụ của Công đoàn trong giai đoạn trước mắt*. Tạp chí *Học tập*, số 5 – 1967, tr. 16.

Hồ Chủ tịch đã khẳng định:

Xét trong lịch sử Việt Nam,
Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
Nhiều phen đánh Bắc dẹp Đông,
Oanh oanh liệt liệt con Rồng cháu Tiên!

Hồ Chủ tịch thiết tha nhắc nhở đồng bào ta:

Dân ta xin nhớ chữ Đồng:
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

Văn học cách mạng đem lịch sử oanh liệt của dân tộc để khơi dậy tinh thần yêu nước của người Việt Nam:

Sao chẳng thấy anh hùng thuở nọ,
Từng ra tay đạp đổ nước ngoài.
Ngô Quyền, Trưng Trắc là ai?
Trần vương, Lê tổ vốn người Việt Nam.
Ví ta cũng chẳng cam nô lệ,
Gương tổ tiên treo để soi chung.
Muôn người đúc lại một lòng,
Non Tây cao mấy, biển Đông sâu gì?

Lê Thế Hiếu – *Kêu gọi quốc dân*

Vạch rõ cảnh lầm than của người dân mất nước, văn học cách mạng cổ vũ mọi người đứng lên đánh đuổi giặc ngoại xâm để cứu nước:

Ngồi nghĩ lại dân tình thêm tủi,
Đứng trông lên sông núi mà thương!
Than ôi một giấc mơ màng,
Bốn ngàn năm lẻ ngày càng mê say.
Anh em hỡi có hay chăng nhẽ,
Thù non sông há dễ ngồi yên!
Hai mươi lăm triệu Rồng Tiên,
Ta hò, ta hét, tiến lên thử nào!
Quyết đem giọt máu đào Hồng Lạc
Thề một phen sống thác ra tay...

Lê Thế Hiếu – *Kêu gọi quốc dân*

Mục đích cao cả được đề ra là: đánh đổ bọn thống trị, giải phóng đất nước.

Muôn người cố gắng sức ra,
Cường quyền đạp đổ, sơn hà dựng xây.

Lê Thế Hiếu – *Kêu gọi quốc dân*

Văn học cách mạng đem những tấm gương chiến đấu dũng cảm trong thời thuộc Pháp để cổ vũ nhân dân ta đứng dậy đánh đuổi quân cướp nước.

Vạch rõ nỗi khổ nhục của người dân mất nước, văn học cách mạng kêu gọi đồng bào đoàn kết đấu tranh giành lại độc lập cho nước nhà.

Văn học cách mạng nêu cao tinh thần thương yêu nhau của những người cùng một nước:

Người một nước, vốn cùng chung một giống,
Dù nhục, vinh, chết, sống, phải cùng nhau.
Bốn nghìn năm chung giọt máu đào,
Phải nước lã chi đâu mà đểnh đoảng.

Lê Mạnh Trinh – *Yêu nước phải đoàn kết*

Với những lời lẽ thống thiết, văn học cách mạng khơi dậy trong tim mỗi người Việt Nam lòng yêu Tổ quốc:

Trời Nam một cõi mênh mông,
Đoái nhìn Tổ quốc mà lòng xót xa.
Trung Nam Bắc một nhà còn đó,
Giống Lạc Hồng trăm họ còn đây.
Trải bao dâu bể đổi thay,
Vẫn non sông ấy, vẫn cây cỏ này.
Mà sao chịu đắng cay cùng khuất,
Tám mươi năm nước mất nhà tan.

Khuyết danh – *Kêu gọi công nông binh làm cách mạng*

Tầm mắt của người Việt Nam đã được mở rộng hơn trước. Càng nhìn ra thế giới, người Việt Nam càng thấm thía nỗi nhục mất nước:

Tủi mình đứng ở năm châu,
Xót thân mất nước lệ sầu chứa chan.

Khuyết danh – *Kêu gọi công nông binh làm cách mạng*

Khác với hồi đầu thế kỷ XX, sự nghiệp cứu nước ngày nay được soi sáng bằng những tư tưởng mới. Gánh vác sự nghiệp cứu nước ngày nay cũng là những lực lượng mới.

Phải đứng dậy còn ngồi chi nữa?
Hiệp đoàn mau, vác búa liềm lên!
Dân cày đi với thợ thuyền,
Cùng binh lính cướp chính quyền mau mau.

Khuyết danh – *Kêu gọi công nông binh làm cách mạng*

Lực lượng cứu nước ngày nay chủ yếu là công nhân và nông dân, chứ không phải là các sĩ phu yêu nước như ngày trước. Ngày nay, lực lượng yêu nước chủ yếu là những người lao động:

Anh em lao động đứng lên,
Kéo cờ độc lập xây nền tự do.

Khuyết danh – *Anh em lao động đứng lên*

Văn học cách mạng nêu rõ mục tiêu giành quyền độc lập cho nước, giành quyền làm chủ cho dân:

Đòi cho độc lập hoàn toàn,
Đòi quyền tự chủ, ruộng vườn về tay.
Thằng Tây thì đuổi về Tây,
Vua quan hạ xuống, dân thay trị vì.

Nguyễn Huỳnh – *Đường đi Bà Nà*

Quan niệm yêu nước ngày nay cũng đã phá bung khuôn khổ chật hẹp của chủ nghĩa dân tộc tư sản và được mở rộng ra "khắp năm châu":

Làm cho khắp năm châu sung sướng,
Công nông binh an hưởng thái bình.
Mấy lời tâm huyết giải trình,
Hỡi người mất nước thấu tình này chăng?

Khuyết danh – *Kêu gọi công nông binh làm cách mạng*

Trong văn học cách mạng, vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, vấn đề Quốc gia và vấn đề Quốc tế kết hợp chặt chẽ với nhau và được giải quyết đúng đắn trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó là điều hoàn toàn mới so với văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX.

Văn học cách mạng không những thấm nhuần tinh thần yêu nước mà còn thấm nhuần tinh thần Quốc tế vô sản:

Trắng vàng chẳng kể màu da,
Dầu đen, dầu đỏ, cũng là anh em.

Khuyết danh – *Kêu gọi vô sản năm châu*

và:

Năm châu cũng thể đồng bào,
Cùng là giai cấp lẽ nào quên nhau.

Khuyết danh – *Kêu gọi vô sản năm châu*

Trong văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, bên cạnh những mặt tích cực, có những mặt tiêu cực do chịu ảnh hưởng của những quan

điểm sai trái. Một trong những quan điểm sai trái đó là chủ nghĩa chủng tộc tư sản phân biệt các giống người trên thế giới thành "giống tinh anh" và "giống ngu hèn":

Giống vàng, giống trắng, tinh anh,
Giống đen, giống đỏ, giống xanh (?) ngu hèn.
Cuộc đời là hội đua chen,
Giống hay thì sống, giống hèn thì sa.

Ngô Quý Siêu – *Bài ca địa dư và lịch sử nước nhà*, 1907

Ngoài sai lầm về chủ nghĩa chủng tộc, mấy dòng trên đây còn bộc lộ quan điểm sai lầm của thuyết "sinh tồn cạnh tranh" của giai cấp tư sản.

So với văn học yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, văn học cách mạng có nhiều điểm mới; một trong những điểm mới đó là "tình Quốc tế".

Da vàng, da trắng, da đen,
Dưới màu cờ đỏ, ánh lên màu hồng.
Dẫu không cùng giống, cùng dòng,
Căm thù đế quốc, tim cùng sục sôi.
Nói riêng tiếng nói mỗi người,
Bài ca Quốc tế là lời đồng thanh.
... Dù cho cách mặt khuất lời,
Ca bài Quốc tế, nhớ người đồng ca.

Phan Trọng Bình – *Tình Quốc tế*

Thật là điều mới lạ đối với người yêu nước Việt Nam khi chọc thủng được sự bưng bít của bọn đế quốc để chen vai sát cánh cùng bầu bạn khắp năm châu. Cảm động và phấn khởi biết bao khi người yêu nước Việt Nam hấp thụ được chân lý của thời đại và tìm được nguồn sức mạnh mới trong tình đoàn kết vĩ đại của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Khẩu hiệu của Lênin *"Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!"* đã được thấu suốt trong văn học cách mạng Việt Nam.

Đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành lại độc lập cho nước nhà, nhân dân Việt Nam đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế của mình, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới chống chủ nghĩa đế quốc.

Đầu những năm 20 của thế kỷ này, Hồ Chủ tịch đã viết: "Vận mạng của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc trong một phạm vi lớn

vào các thuộc địa. Thuộc địa là nơi cung cấp lương thực và binh lính cho các cường quốc đế quốc chủ nghĩa; nếu chúng ta muốn đánh đổ các nước đế quốc chủ nghĩa đó, thì trước hết chúng ta phải làm cho chúng không còn thuộc địa nữa"[1].

Hồ Chủ tịch cũng đã viết: "Cái ngày mà hàng trăm triệu người châu Á bị hành hạ, bị áp bức tỉnh dậy, quét sạch sự bóc lột đê tiện của một nhóm thực dân tham lam vô độ, họ sẽ trở thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản – chủ nghĩa đế quốc – họ có thể giúp những người anh em phương Tây trong sự nghiệp giải phóng hoàn toàn"[2].

Nắm vững quan điểm trên đây của Hồ Chủ tịch và của Đảng ta, văn học cách mạng cổ vũ nhân dân ta làm tròn nghĩa vụ của mình đối với giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Văn học cách mạng chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc. Nó giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, nhưng nó không rơi vào chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa bài ngoại mù quáng. Trái lại, nó kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản cao cả. Văn học cách mạng Việt Nam không chỉ nói đến:

Dựng Xô viết giữa non sông Hồng Lạc,

mà còn nói đến

Dải đồng tâm thắt chặt cả năm châu.

Chuyển từ lập trường yêu nước theo quan điểm của giai cấp tư sản và tiểu tư sản sang lập trường yêu nước theo quan điểm của giai cấp vô sản và của chủ nghĩa Mác – Lênin, đó là sự chuyển biến về chất của phong trào yêu nước Việt Nam. Phản ánh sự chuyển biến đó của phong trào yêu nước Việt Nam, văn học cách mạng đánh dấu sự mở đầu thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam.

---

1. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập 1, 1920 – 1945, NXB Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.77.

2. *Tập san Chủ nghĩa cộng sản* (Pháp), số 15, tháng 5–1921.

VĂN HỌC CÁCH MẠNG – BẢN CÁO TRẠNG VỀ NHỮNG TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

Mặc dù bọn thực dân luôn mồm khoe khoang "công trình khai hóa" của chúng ở thuộc địa, việc cướp bóc thuộc địa trước sau vẫn là một chuỗi những tội ác đẫm máu, vô cùng dã man. Chính tên trùm thực dân Anbe Xarô đã thú nhận điều đó. Trong cuốn *Grandeur et servitude colonniade* mà có người dịch là *Vinh và nhục của chế độ thực dân,* xuất bản năm 1931 tại Pari, Anbe Xarô đã viết: "Chúng ta đừng lừa gạt, chúng ta đừng gian dối. Tô son trát phấn cho sự thật có lợi gì? Sự nghiệp thực dân không phải là một hành động khai hóa, một ý chí khai hóa. Nó là một hành động bạo lực có vụ lợi... Việc khai thác thuộc địa chỉ là một sự kinh doanh phục vụ cho lợi ích cá nhân, một chiều, ích kỷ, của kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Đó là sự thật của lịch sử" [1].

Văn học cách mạng Việt Nam đã kịch liệt tố cáo những tội ác của bọn thực dân Pháp. Ngay từ năm 1925, Hồ Chủ tịch đã cho xuất bản tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Những truyện, ký và kịch của Hồ Chủ tịch từ *Vi hành, Lời than vãn của Bà Trưng Trắc* đến *Con rồng tre*, hồi đầu những năm 20 của thế kỷ này, đều là những bản cáo trạng hùng hồn, đanh thép và sinh động đối với bọn đế quốc và tay sai. Tiếp tục truyền thống chiến đấu sắc bén của các tác phẩm văn học đầu tay của Hồ Chủ tịch, văn học cách mạng Việt Nam không ngừng vạch trần những tội ác của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta. Chính vì vậy, văn học cách mạng có tính chiến đấu rất cao.

Văn học cách mạng nói lên tâm trạng người dân của một nước đã mất chủ quyền:

Nghĩ mình luống bâng khuâng buồn tủi,
Trời Việt Nam đang buổi truân chuyên.
Non sông thành quách y nguyên,
Hư danh còn đó, chủ quyền nào đâu?

Trần Kỳ Phong – *Giang san là quý, chi chi chẳng màng*

---

1. Albert Sarraut: *Grandeur et servitude colonniale*, Pari, 1931, tr.117 – 118.

Văn học cách mạng phản ánh sự chuyển biến của phong trào yêu nước Việt Nam từ khi tiếp thụ được chủ nghĩa Mác - Lênin, phản ánh ý thức tự lực tự cường, niềm tin tưởng, phấn khởi và khí thế của phong trào yêu nước trong giai đoạn mới:

Nghìn năm nước cũ, phong trào mới,
Chỉ cậy nơi ta, chớ cậy người.
...
Canh khuya ngồi chực trời mau sáng,
Vận nước đến rồi, vụt đứng lên!

Trần Kỳ Phong – *Vận nước đến rồi, vụt đứng lên*

Vạch trần những tội ác của đế quốc Pháp ở nước ta, Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi năm 1930, đã viết:

Đế quốc Pháp mượn danh bảo hộ,
Đè nén ta cực khổ trăm đường.
Hút máu me rồi gặm hết thịt xương,
Dân chúng bị lầm than khôn xiết kể.

Nguyễn Nghiêm: *Hướng theo cờ Đảng thẳng xông*

Dưới chế độ cai trị tàn khốc của chủ nghĩa thực dân Pháp, người Việt Nam chúng ta phải chết dần, chết mòn. Văn học cách mạng nói lên tình cảnh chết chóc của dân ta dưới thời thuộc Pháp:

Nước Nam ta từ ngày Pháp cướp,
Đồng bào ta ai được sống lâu.
Chết vì thuế nặng sưu cao,
Chết vì bệnh tật, binh đao cũng nhiều.
Trăm cái chết, ta đều đã trải,
Chết dây dưa, chết mỏi, chết mòn...

Lê Mạnh Trinh – *Khóc làng Cổ Am*

Bị đế quốc và phong kiến thẳng tay bóc lột, nhân dân ta cực khổ trăm đường. Văn học cách mạng nói lên nỗi khổ của dân ta dưới ách đế quốc phong kiến.

Với văn học cách mạng, lần đầu tiên văn học Việt Nam dùng quan điểm giai cấp vạch trần những mâu thuẫn trong xã hội nước ta:

Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Mình làm khó nhọc, chúng ngồi hưởng không...
... Ta lại hỏi cảnh ta sao khổ,

Quá thân trâu kiếp chó nhà giàu,
Trăm nghìn cơ cực vì đâu?

Nguyễn Tạo – *Bài ca kiếp dân đen*

Trong bài *Trái ngược*, Đặng Thái Thuyến cũng vạch trần cái mâu thuẫn trong xã hội thực dân nửa phong kiến:

Thằng thì ăn chả, đứa ăn nem,
Tủi nỗi tay không phải nhịn thèm...
... Xã hội bất công như thế đó,
Búa liềm, đứng dậy! Bớ anh em!

Văn học cách mạng nêu lên những cảnh bất công đầy dẫy trong xã hội nước ta dưới thời cai trị của bọn thực dân Pháp:

Bọn tư bản tóc quăn mũi lõ,
Tiền của ai mà nó xa hoa?
Lũ nhặng xanh ba đứa gian tà,
Tiền của ai mà vòng vàng nhẫn bạc?
Bọn hào lý dọc ngang ngang dọc,
Bóp cổ dân đếm tóc lấy tiền.
Bọn nha môn xiên xỏ xỏ xiên,
Lừa quần chúng bạc tiền đâm thủng giấy.
Ấy là xã hội xấu xa như vậy.

Khuyết danh – *Đi vận động ca em xê ét*[1]

Văn học cách mạng nói lên cảnh vất vả lầm than của những người lao động, trước hết là giai cấp công nhân Việt Nam:

Ai qua đó Vàng Danh, Cẩm Phả,
Kiếp lầm than thịt rã xương phơi.
Mồ ai lấm chấm chân đồi,
Tà dương quạnh quẽ khóc người trăm năm.
Ai qua đó Phú Riềng, Đất Đỏ,
Số phận người vùi hố cao su,
Đêm trường gió thổi trăng lu,
Nhường lay động nắm xương khô lạnh lòng.

1. *Ca em xê ét*: KMCS, tức cách mạng cộng sản.

Đáy xã hội hang cùng ngõ tối,
Thân đói nghèo dẫn lối quan ôn.
Lập lòe đốm lửa chiều hôm,
Ngàn cây bóng tắt, cuối thôn hồn lìa.

Đặng Xuân Thiều – *Vô sản diễn ca*

Đây quả thật là "văn tế thập loại chúng sinh" trong thời đại mới.

Việt Nam là "thuộc địa khai thác". Đế quốc Pháp khai thác hầm mỏ ở nước ta để lấy nguyên liệu và năng lượng cung cấp cho "mẫu quốc". Đời sống của công nhân trong các hầm mỏ, nhất là các mỏ than, vô cùng đen tối:

Cẩm Phả hay Hòn Gai,
Mỏ Than, chủ ấy ai?
Thằng Tây riêng nó sướng,
Công nhân khổ đời đời.

Khuyết danh – *Cổ động công nhân*

Đời sống của công nhân trong các đồn điền, nhất là đồn điền cao su, còn cực khổ hơn:

Đời cao su đất đỏ,
Ấy đời tù chung thân.
Mỗi cao su xanh đó,
Là một mạng công nhân.

Khuyết danh – *Cổ động công nhân*

Người công nhân nói chung đã khổ, công nhân gái nói riêng còn khổ bội phần. Bài *Người thợ gái* của Lê Mạnh Trinh nêu lên nỗi khổ của một nữ công nhân:

Từ sáu giờ sáng đến bảy tám giờ đêm,
Máu say vì lửa, mặt đen vì than dầu.
Cái đời em có thấy bóng dương đâu,
Về khuya đi sớm, ngày nào cũng chỉ thấy trăng sao.

Lao động suốt ngày trong hầm lò, đi sớm về khuya, chỉ thấy trăng sao, không thấy mặt trời, đời sống của người công nhân Việt Nam quả thật là vất vả!

Nông dân chiếm phần lớn trong dân cư. Bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột hết sức nặng nề, nông dân Việt Nam bị bần cùng hóa mau chóng. Nông dân là lực lượng to lớn của cách mạng và là bạn đồng minh đáng tin cậy nhất của giai cấp công nhân. Dưới chế

độ thực dân nửa phong kiến, đời sống nông dân vô cùng khốn khổ. Văn học cách mạng đã nói lên nỗi khổ cực của nông dân Việt Nam dưới ách đế quốc và phong kiến.

Dân cày dầu dãi nắng mưa,
Cày sâu cuốc bẫm sớm trưa nhọc nhằn.
Áo thời chẳng đủ che thân,
Bữa ăn rau cháo tảo tần cho qua.

Khuyết danh – *Anh em lao động đứng lên*

Dưới chế độ thực dân nửa phong kiến, một số không ít nông dân bị phá sản, phải bán mình đi làm phu ở các nơi trong nước (đồn điền cao su, hầm mỏ...), hoặc ở nước ngoài (Tân Đảo, Tân Thế Giới...)

Đời gió kép mưa đơn tối mặt,
Liều đưa chân nhắm mắt mà coi.
Đem thân ra bán chợ trời,
Phong trần đến bước lạc loài tha hương.
Tay ký giấy ngập ngừng tấc dạ,
Còi thét vang đôi ngả chia ly,
Nước non rời bỏ ra đi...

Đặng Xuân Thiều - *Vô sản diễn ca*

Giặc Pháp bắt dân ta đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng. Binh lính ở nước ta ngày trước hầu hết xuất thân từ nông dân. Văn học cách mạng nói lên tình cảnh của anh em binh lính dưới thời thuộc Pháp:

Từ khi áo số mặc vào,
Nay canh, mai gác, biết bao dãi dầu.
Việc binh, địch bắt đi đâu...
... Cái lon giả dối hư danh,
Phân ra kẻ trọng người khinh khác vời.
Chiến tranh đế quốc tới nơi,
Anh em máu té thịt rơi đầy đường.

Khuyết danh – *Anh em lao động đứng lên*

Đời người lính dưới thời thuộc địa thật là ê chề nhục nhã:

Ngày thời súng đạn nịt vào,
Tập nhiều, mang nặng, mệt trào mồ hôi.
Đêm canh gác khắp nơi cho chúng,
Chịu gió sương, khó đứng, khó ngồi.

Lỡ lầm một chút ối thôi!
Phạt "xan pôlít", miệng thời mắng la.

Khuyết danh – *Cổ động binh lính*

Văn học cách mạng góp phần vận động các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên. Thanh niên ta có vai trò quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là ngòi nổ, đồng thời là đội xung kích của các phong trào cách mạng ở nước ta. Thanh niên ít bị ràng buộc bởi những cái gì cũ kỹ, lạc hậu. Thanh niên có tinh thần cầu tiến bộ, hăng hái chiến đấu cho cái mới thắng cái cũ. Được sự giáo dục và rèn luyện của Đảng Cộng sản, thanh niên Việt Nam có lý tưởng cách mạng cao cả, có dũng khí kiên cường bất khuất, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Văn học cách mạng nêu rõ sứ mệnh của thanh niên ta:

Đối với nước, ta là hy vọng,
Đối với nhà, ta cũng chủ nhân.
Lẽ nào mang tiếng quốc dân,
Đem thân bảy thước làm thân tôi đòi!

Khuyết danh – *Kêu gọi thanh niên nước nhà*

Văn học cách mạng khuyên thanh niên:

Tạo thời mới gọi là trai,
Chớ nhúng cẳng vào vòng danh lợi!

Khuyết danh – *Vận động thanh niên*

Văn học cách mạng cổ vũ thanh niên:

Quyết ra tay mà bồi đắp non sông,
Làm trai mang một gánh tang bồng,
Nợ thề đã vay thì phải trả.

Khuyết danh – *Vận động thanh niên*

Đối với các em thiếu niên, văn học cách mạng đem gương các anh hùng trẻ tuổi trong lịch sử dân tộc để giáo dục:

Học cậu Phù Đổng phá Ân,
Học cậu Quốc Toản nhà Trần phá Nguyên.

Khuyết danh – *Cổ động học sinh, thanh niên*

Đối với thanh niên học sinh, văn học cách mạng có mấy lời nhắn nhủ:

Vận Tổ quốc lênh đênh như thế,
Mình không lo thì để ai lo?
Mấy lời nhắn bạn học trò.

Khuyết danh – *Kêu gọi đồng bào và khuyên học trò*

Người cộng sản là người thương nước, thương dân. Hơn ai hết, người cộng sản thông cảm sâu sắc với nỗi đau khổ của nhân dân, nhất là của công nhân và nông dân. Đau lòng trước cảnh khổ nhục của công nhân và nông dân nước ta, Tống Văn Trân trong lúc bị nhốt trong xà lim nhà lao Nam Định, đã dùng máu của mình viết lên tường mấy câu thơ sau đây:

Chốn ngục thất đau lòng khôn xiết,
Cắn ngón tay mà viết mấy câu.
Than ôi! Trên mặt địa cầu,
Công nông các nước có đâu thế này!

Chính vì vậy, người cộng sản quyết tâm phấn đấu hy sinh để giải phóng công nông, giải phóng dân tộc. Tống Văn Trân cũng đã dùng máu ghi lại ý chí của mình trên tường xà lim:

Thân ta dù có thiệt thòi,
Làm gương phấn đấu cho đời mai sau.

Văn học cách mạng không những nói lên đời sống khổ nhục của dân ta dưới ách thống trị của bọn đế quốc phong kiến, mà còn vạch rõ sức mạnh vĩ đại của công nhân và nông dân nước ta:

Bàn tay vĩ đại công nông,
Vá trời lấp biển nên công nghiệp đời...
... Công nông giao chiến trận đầu,
Đánh dư trăm trận sức lâu lực bền.
Một người ngã trăm nghìn sẽ dậy,
Đất đã sôi lửa cháy dầu loang.

Đặng Xuân Thiều – *Vô sản diễn ca*

Dưới ánh sáng của lý tưởng cộng sản, công nhân và nông dân đứng dậy đòi quyền làm chủ:

Cờ cộng sản đỏ trời phấp phới,
Quyền công nông cướp lại mau lên.

Nguyễn Tạo – Bài ca *kiếp dân đen*

Anh em lao động đứng lên,
Kéo cờ độc lập, xây nền tự do.

Khuyết danh – *Anh em lao động đứng lên*

Theo quan điểm của Đảng ta, giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo cách mạng đồng thời là một trong hai đội quân chủ lực của cách mạng (là giai cấp công nhân và nông dân). Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng cho rằng nông dân là đồng minh quan trọng của giai cấp công nhân, liên minh công nông do Đảng lãnh đạo là vấn đề chiến lược trọng đại của cách mạng.

Việc khẳng định ngay từ đầu bản chất giai cấp công nhân của Đảng đã khiến cho Đảng ta luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân và chủ nghĩa Mác – Lênin, có tinh thần cách mạng triệt để, có thế giới quan khoa học, nắm vững chân lý của thời đại, nắm vững quy luật phát triển của lịch sử, kết hợp chặt chẽ lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của dân tộc, kết hợp chặt chẽ lợi ích của dân tộc với lợi ích của cách mạng thế giới. Không ngừng đấu tranh chống những nhận thức sai lầm về bản chất giai cấp của Đảng. Đảng đã kịp thời khắc phục các khuynh hướng tiểu tư sản và tư sản, loại trừ các thứ chủ nghĩa cơ hội, làm cho Đảng luôn luôn thuần nhất, vững vàng ở vị trí tiên phong lãnh đạo cách mạng.

Đảng ta một mặt khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, mặt khác nhấn mạnh tầm quan trọng của nông dân ở một nước nông nghiệp như nước ta, nhấn mạnh ý nghĩa chiến lược của khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Thể hiện quan điểm đó của Đảng, văn học cách mạng đã nêu rõ:

Muốn cách mạng thành công,
Phải đi vào công nông,
Giác ngộ và tổ chức
Họ lại làm cốt nòng.

Phan Trọng Quảng – *Bài học cách mạng*

Và:

Muốn trả thù nhà, đền nợ nước,
Phải theo mác xít, dựa công nông.

Lê Thành Lập – *Tiến đến cùng*

Ở một nước như nước ta, kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, công nghiệp chưa phát triển mấy, giai cấp công nhân số lượng còn ít, những người yêu nước xuất thân từ các tầng lớp không vô sản, muốn trở thành những người cộng sản chân chính, phải đi sâu vào đời sống của giai cấp công nhân, tham gia lao động chân tay cải tạo mình

thành những chiến sĩ tiên phong của giai cấp vô sản. Trong phong trào "vô sản hóa" lúc bắt đầu vận động thành lập Đảng, nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam đã hăng hái đi vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền: Ngô Gia Tự làm công nhân khuân vác ở Sài Gòn, Nguyễn Văn Cừ làm công nhân ở mỏ than Mạo Khê, Nguyễn Lương Bằng kéo xe tay ở Hải Phòng, Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương làm ở hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), Lê Thanh Nghị làm ở mỏ Cọc Năm, Hoàng Thị Ái làm ở Đà Nẵng, Trần Học Hải làm ở nhà máy Avia, Khuất Duy Tiến làm ở nhà máy sợi Nam Định, Vũ Thị Mai làm ở nhà sàng Cửa Ông, v.v...

"Vô sản hóa" là một sáng kiến tốt đẹp của cách mạng Việt Nam trong bước đầu xây dựng Đảng Cộng sản. Văn học cách mạng đã phản ánh cuộc vận động "vô sản hóa" đó. Trong khi tham gia lao động chân tay để tự rèn luyện, Phan Trọng Quảng đã ghi lại những ý nghĩ của mình trong bài *Kéo xe cảm tác:*

Bánh xe lịch sử còng lưng kéo,
Đỉnh dốc tiền đồ cố sức lên.
Gió bụi dù cho da mặt nám,
Chông gai khôn thủng tấm gan bền.
Rồi đây dâu bể, đời thay đổi,
"Ngựa" hóa ra rồng hẳn có phen.

Quá trình "lột xác" của người trí thức tiểu tư sản yêu nước Việt Nam quả thật là khó khăn gian khổ. Quá trình đó đã đạt được những kết quả tốt đẹp nhờ có ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lênin và lòng tin vững chắc vào tiền đồ xán lạn của dân tộc.

Đảng ta vận dụng sáng tạo những hình thức đấu tranh hiện đại của giai cấp vô sản quốc tế: lãn công, đình công, mít tinh, biểu tình, bãi thị, bãi khóa, tổng đình công, tuần hành thị uy, khởi nghĩa từng phần, tổng khởi nghĩa vũ trang... Đây là những hình thức đấu tranh mới của các lực lượng xã hội mới, các lực lượng này có mặt tại các bộ phận then chốt của xã hội hiện đại. Tùy theo tình hình cụ thể từng lúc từng nơi, Đảng ta vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh trên đây từ thấp đến cao. Kiên quyết tẩy trừ lề thói đấu tranh cũ theo lối âm mưu bạo động và khủng bố cá nhân. Đảng ta đã lãnh đạo quần chúng công nông tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp mặt đối mặt với quân thù. Phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh trong những năm 1930 – 1931 chứng tỏ điều đó:

Kìa Bến Thủy đứng đầu dậy trước,
Nọ Thanh Chương tiếp bước đứng lên.
Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên,
Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi,
Không có lẽ ta ngồi chịu chết,
Phải cùng nhau kiên quyết một phen.

Đặng Chánh Kỷ – *Bài ca cách mạng*

Đảng ta đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền để phát động quần chúng đấu tranh chống bọn cướp nước và bọn bán nước. Rải truyền đơn là một phương thức tuyên truyền cổ động rất có hiệu quả mà Đảng ta đã tiến hành:

Trên gió cả cờ đào phất thẳng,
Dưới đất bằng giấy trắng tung ra.
Giữa thành một trận xông pha,
Bên kia đạn sắt, bên ta gan vàng.

Đặng Chánh Kỷ: *Bài ca cách mạng*

Quần chúng nhân dân hoan nghênh truyền đơn của Đảng Cộng sản, vì họ tìm thấy ở đó ánh sáng cách mạng mà Đảng đem đến cho họ:

Hàng loạt truyền đơn
Tuôn ra như xối,
Mọi người xem như cởi tấm lòng.

Khuyết danh – *Cuộc biểu tình đầu tiên ở Quảng Nghĩa để ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh*

Bọn đế quốc rất lo sợ trước việc rải truyền đơn của Đảng Cộng sản. Mỗi lần thấy truyền đơn xuất hiện, chúng huy động bọn tay sai đi thu nhặt cho kỳ hết, vì chúng hiểu rằng tư tưởng cách mạng một khi đã thâm nhập quần chúng thì sẽ trở thành sức mạnh vật chất.

Đảng ta nêu cao tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng chiến lược tiến công với những phương pháp và hình thức thích hợp, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, từ nông thôn đến thành thị, từ rừng núi đến đồng bằng, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, chứ không dùng chiến lược phòng ngự.

Tùy theo tình hình thay đổi, Đảng ta kịp thời thay đổi hình thức đấu tranh, bỏ hình thức đấu tranh cũ không còn thích hợp nữa, dùng hình thức đấu tranh mới có hiệu quả hơn, cốt sao giành được quyền làm chủ đất nước. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng ta đã

phát động quần chúng tiến hành đấu tranh vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng ở rừng núi, ban đầu coi "chính trị trọng hơn quân sự", kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Khi tình thế cách mạng đã chín muồi, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc nổi dậy kiểu mới của quần chúng nhân dân yêu nước và cách mạng, đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản lãnh đạo, là cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang của công nhân và nông dân, của nhân dân thành thị và nông thôn, kết hợp tiến công quân sự của các lực lượng vũ trang do những cuộc khởi nghĩa từng phần xây dựng nên và đã chiến đấu trong cao trào chống Nhật cứu nước của thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Kết hợp tính cách mạng và tính khoa học, đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng ta là biểu hiện của tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng Cộng sản, của giai cấp vô sản và của dân tộc Việt Nam.

Văn học cách mạng vận dụng những hình thức linh hoạt để tuyên truyền cho đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng ta.

Dưới hình thức "hỏi và trả lời", văn học cách mạng đã tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng:

– Gặp anh đây, xin hỏi đôi lời,
Anh ơi có biết cuộc đời ra sao?
Chủ nghĩa cộng sản thế nào?
Xin anh bày tỏ thấp cao em tường...
– Gặp em đây, anh tỏ thấp cao,
Cuộc đời biến đổi nói sao cho cùng!
Chủ nghĩa cộng sản đại đồng,
Làm cho nhân loại thoát vòng ngựa trâu...

Khuyết danh – *Nam nữ vấn đáp về chủ nghĩa cộng sản*

Để đảm bảo việc thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng, văn học cách mạng đấu tranh không khoan nhượng chống các khuynh hướng sai lầm. Một trong những khuynh hướng sai lầm đó là tư tưởng "bạo động non":

Nay chưa phải cái thời bạo động,
Phải tính toán cho đúng thời cơ...

Ban tuyên truyền Tỉnh ủy Nghệ An – *Chớ nên tự động*

Văn học cách mạng cũng đấu tranh chống khuynh hướng "khủng bố cá nhân":

Lại xét đến chuyện này cũng dở,
Tổng Phù Long giết đứa lính tuần.
Ích gì giết đứa tiểu nhân,
Hai làng bị hại muôn phần thảm thương.

Ban tuyên truyền Tỉnh ủy Nghệ An – *Chớ nên tự động*

Đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta đã phát huy được truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc ta. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng. Dựa trên cơ sở lực lượng xã hội mới là giai cấp công nhân, chủ nghĩa anh hùng cách mạng là đỉnh cao mới của chủ nghĩa anh hùng Việt Nam trong thời đại mới. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng kết hợp truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc và tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân. Đó là chủ nghĩa anh hùng tập thể của các chiến sĩ cách mạng và quần chúng cách mạng gắn bó chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh lâu dài nhằm thực hiện lý tưởng cao đẹp là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tinh thần xả thân vì nước là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam ta. Trong thời đại mới, truyền thống tốt đẹp đó được phát huy cao độ và trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Tự nguyện tự giác đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, toàn thể dân tộc Việt Nam, dưới lá cờ của Đảng Cộng sản và của Hồ Chủ tịch, đã chiến đấu dũng cảm, kiên cường chống chủ nghĩa đế quốc và tay sai. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng là nét nổi bật trên bộ mặt tinh thần của con người Việt Nam trong thời đại mới, con người sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

Văn học cách mạng nêu cao tinh thần chiến đấu hy sinh của những con người bình thường, của quần chúng nhân dân lao động, của công nhân và nông dân, của phụ nữ và thanh niên.

Văn học cách mạng ca ngợi tinh thần dũng cảm hy sinh của các liệt sĩ cách mạng:

Thân cách mạng biết bao phen oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng như không;
Chí anh hùng trải lắm lúc gian nan, hồn phách quý, non sông càng thêm quý.

Khuyết danh – *Văn truy điệu đồng chí Thiên và đồng chí Lộc*

Ý chí kiên cường bất khuất của các chiến sĩ cách mạng được tả đậm nét trong các câu văn sau đây:

Vì nghĩa lớn nên sinh tử chẳng từ, gian nan chẳng kể, bước chông gai lội thác trèo non;
Nặng thù chung nên tù đày không sợ, súng đạn không kinh, công tác Đảng chen vai sẽ gánh.
Chỉ một bụng vì anh em, vì nhân loại, vào sinh ra tử, cố lo sao cho nổi phong trào;
Trải bao phen chống đế quốc, cự Nam triều, vượt súng xông tên, chẳng kể chi chu toàn tính mệnh.

Đồng chí Nghị – *Văn truy điệu các chiến sĩ bị giết ở Yên Phúc và Song Lộc*

Nêu cao lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, các chiến sĩ cách mạng chịu mọi thiếu thốn về vật chất, quyết tâm chiến đấu để giải phóng dân tộc và nhân loại:

Bỏ qua vật chất, no mà chi, ấm mà chi, sung sướng nữa mà chi;
Nhức nhối tinh thần, giàu cũng mặc, có cũng mặc, quan sang rồi cũng mặc.
Chỉ xót thương nhân loại, lênh đênh giữa bể trầm luân;
Thêm tức tủi đồng bào, sống thác trong tay đế quốc.

Khuyết danh – *Văn truy điệu hai anh*

Văn học cách mạng phản ánh khí thế đấu tranh anh dũng kiên cường của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam chống chủ nghĩa đế quốc và bọn vua quan phong kiến. Đó là bản anh hùng ca về cuộc chiến đấu gian khổ và oanh liệt của nhân dân Việt Nam vì độc lập và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC CÁCH MẠNG

Vấn đề con người có tầm quan trọng đặc biệt: "Con người đo đạc tất cả mọi vật", dựa trên công thức ấy, người Hy Lạp cổ xưa xây dựng nên được một nền triết học vĩ đại.

Chủ nghĩa Mác đặc biệt quan tâm đến vấn đề con người. Những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác đã khẳng định: "Để thực hiện một tư tưởng, cần phải có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn"[1].

Muốn cho cách mạng thắng lợi thì phải có những con người cách mạng kiên cường dũng cảm. Văn học cách mạng đã góp phần tích cực vào việc đào tạo và bồi dưỡng con người cách mạng đó.

Mỗi thời đại có những con người của nó. Mỗi cuộc cách mạng đều có những con người cách mạng của nó. Trong bài *Sứ mạng phái Văn thân đã hết từ lâu rồi,* đăng trên báo *Ngày mới,* số 7, tháng 6–1939, dưới bút danh Qua Ninh, đồng chí Trường Chinh đã viết: "Bước đường mới phải có chiến sĩ mới". Quả đúng như vậy, cách mạng Việt Nam trong bước phát triển mới, đã tạo ra những *chiến sĩ cách mạng kiểu mới.* Điều đó đã được phản ánh trong văn học cách mạng.

Con người Việt Nam trải qua lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, đã rèn đúc nên được bản lĩnh độc đáo, với những nét đặc sắc riêng biệt. Nhờ bản lĩnh của con người Việt Nam mà nước Việt Nam:

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.

Nguyễn Trãi – *Bình Ngô đại cáo*

Chừng nào con người Việt Nam với bản lĩnh vững vàng của nó hãy còn, thì đất nước Việt Nam, dù có tạm thời bị bọn xâm lược nước ngoài chiếm đóng, cũng nhất định sẽ có ngày khôi phục lại chủ quyền độc lập của mình. Chính vì vậy mà bọn cướp nước xưa nay rất sợ con người Việt Nam với bản lĩnh độc đáo của nó. Chúng tìm mọi cách xóa bỏ con người Việt Nam. Phong kiến xâm lược ngày trước, trải qua hàng nghìn năm đô hộ nước ta, tìm cách "đồng hóa" dân tộc ta, xóa bỏ con người Việt Nam với những chính sách cực kỳ tàn bạo; nhưng chúng đã thất bại thảm hại.

---

1. *C.Mác – Ph.Ăngghen toàn tập,* tập 2, tr.132, tiếng Nga.

Bọn đế quốc Pháp, trong non một trăm năm áp bức dân tộc ta, cũng mưu toan xóa bỏ con người Việt Nam chúng ta, mưu toan "nhào nặn" người Việt Nam thành những "con người" lai căng, mất gốc, ngoan ngoãn làm nô lệ cho bọn thực dân Pháp.

Cũng như bọn phong kiến Trung Quốc ngày trước, bọn thực dân Pháp tìm cách "đồng hóa" người Việt Nam chúng ta. Bọn thực dân Pháp mưu toan xóa con người Việt Nam, xóa dân tộc Việt Nam, xóa nước Việt Nam và biến nước ta thành "nước Pháp ở bên kia biển" như chúng thường gọi. Chúng tin chắc là có thể làm được việc đó. Chính tên "thực dân xã hội" Varen đã từng tuyên bố tại một bữa tiệc do Viện Thuộc địa Pháp chiêu đãi ngày 19-12-1927: "Lúc tôi còn ở Hà Nội, ông Khâm sứ hỏi tôi, và tôi cũng tự đặt cho mình câu hỏi đó: Người Pháp còn ở lại Đông Dương bao lâu nữa? Tôi đã trả lời: Vĩnh viễn".

Nhưng sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam đã làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn của bọn xâm lược nước ngoài nhằm "đồng hóa" người Việt Nam. Trải qua mười thế kỷ đô hộ Việt Nam, bọn phong kiến Trung Quốc đã không thể "Hán hóa" được người Việt Nam. Trải qua gần một thế kỷ xâm chiếm Việt Nam, bọn thực dân Pháp cũng không thể "Pháp hóa" được người Việt Nam. Vì sao có hiện tượng kỳ lạ đó? Đó là vì con người Việt Nam có bản lĩnh kiên cường, dân tộc Việt Nam có nền văn hóa lâu đời, mà không một bọn xâm lược nước ngoài nào có thể "đồng hóa" được.

Con người Việt Nam có những phẩm chất cao quý. Những phẩm chất cao quý này là nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Có phát huy được những phẩm chất cao quý này thì mới giải phóng được nước Việt Nam, làm cho Tổ quốc Việt Nam độc lập và phồn vinh.

Một trong những nguyên nhân khiến cho các nhà yêu nước Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX không đạt được thành công là sự đánh giá không đúng của họ về con người Việt Nam. Họ không thấy được những phẩm chất cao quý của con người Việt Nam. Họ chỉ thấy những thói hư tật xấu của một số người Việt Nam nào đó, và họ đã đem gán những thói hư tật xấu đó cho cả dân tộc Việt Nam.

Những người trí thức thuộc các tầng lớp trên, có thói quen khinh thường người lao động, phần đông các nhà lãnh đạo phong trào yêu nước hồi đầu thế kỷ XX không thể thấy được mặt tích cực trong con người Việt Nam mà phần đông là người lao động. Họ chỉ thấy mặt

tiêu cực, xấu xa của những người thuộc tầng lớp trên mà họ thường tiếp xúc. Do đó, họ sinh ra bi quan. Họ không thể nêu cao, phát huy phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam để động viên mọi người tham gia phong trào cứu nước.

Khác với một số nhà yêu nước hồi đầu thế kỷ XX, những người cộng sản Việt Nam đánh giá rất cao những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam, những giá trị tinh thần quý báu của dân tộc Việt Nam. Luôn luôn nêu cao lòng tự hào dân tộc chính đáng của người Việt Nam, những người cộng sản đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ những truyền thống vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Bằng cách đó, những người cộng sản Việt Nam đã phát động được một phong trào yêu nước rộng rãi chưa từng có, đưa dân tộc Việt Nam tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, kịp với trào lưu của thời đại.

Thấm nhuần tinh thần chủ nghĩa nhân đạo của Mác và Lênin, những người cộng sản Việt Nam quý con người, trọng nhân phẩm. Họ tin tưởng vào con người, vào tương lai tốt đẹp của con người. Họ chiến đấu để giải phóng con người khỏi mọi áp bức, áp bức dân tộc và áp bức giai cấp. Họ phấn đấu để xây dựng một xã hội tốt đẹp, không giai cấp, không người bóc lột người. Những người cộng sản Việt Nam giương cao ngọn cờ chủ nghĩa nhân đạo.

Ngay từ tháng 6–1922, mượn lời bà Trưng Trắc, Hồ Chủ tịch đã vạch rõ rằng *"tương lai của dân tộc"* ta là ở *"nơi tung bay kiêu hãnh lá cờ Nhân đạo và lao động"* [1].

Báo *Người cùng khổ (Le Paria)* do Hồ Chủ tịch sáng lập, trong *"Lời kêu gọi"* đăng trên số 1, ra ngày 1 tháng 4 năm 1922, nêu rõ mục đích của mình là giải phóng những người bị áp bức khỏi những lực lượng thống trị, *"thực hiện tình yêu thương và hữu ái"*. Tờ báo đó viết: "Báo *Người cùng khổ* là vũ khí để chiến đấu. Sứ mạng của nó đã rõ ràng: *Giải phóng con người"*.

Thấm nhuần tư tưởng nhân đạo của Hồ Chủ tịch, văn học cách mạng Việt Nam cổ vũ tinh thần phấn đấu nhằm đạt mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tiến tới thế giới đại đồng "chói lọi nền nhân đạo":

1. Nguyễn Ái Quốc: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, báo *Nhân đạo* (Pháp) ngày 24–6–1922.

Rồi lo toan gây dựng
Cho chủ nghĩa xã hội thành công.
Mai sau đây thế giới đại đồng,
Chói lọi thay nền nhân đạo!

Khuyết danh – *Diễn ca lời hiệu triệu của Đảng Cộng sản Đông Dương*

Đối với người cộng sản Việt Nam, ngọn cờ yêu nước và chủ nghĩa xã hội cũng đồng thời là ngọn cờ nhân đạo:

Phất ngọn cờ nhân đạo,
Cả thế giới đại đồng.

Khuyết danh – *Chúc công nông vạn tuế*

Nhưng chủ nghĩa nhân đạo của những người cộng sản Việt Nam không phải là thứ chủ nghĩa nhân đạo siêu giai cấp. Vì, như Hồ Chủ tịch đã nêu rõ từ tháng 5 năm 1924: "Trên đời này... chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[1]. Chủ nghĩa nhân đạo của những người cộng sản Việt Nam là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chủ nghĩa.

Nắm vững quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về con người và chủ nghĩa nhân đạo, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương kế thừa và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Về những phẩm chất cổ truyền của con người Việt Nam, Hồ Chủ tịch đã nêu rõ: "Tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn"[2]. Trên cơ sở kế thừa và phát triển những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam cổ truyền, Đảng Cộng sản Việt Nam phấn đấu xây dựng và bồi dưỡng con người Việt Nam mới có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, vừa yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, vừa làm động lực xóa bỏ xã hội cũ, thối nát, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, trong đó dân tộc được độc lập, nhân dân được hạnh phúc, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện của sự phát triển mạnh mẽ của toàn bộ xã hội.

Thể hiện quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Hồ Chủ tịch về chủ nghĩa nhân đạo, văn học cách mạng Việt Nam đã tố cáo mạnh mẽ sự tàn bạo của bọn đế quốc và phong kiến đối với con

1. Nguyễn Ái Quốc: *Đoàn kết giai cấp*, báo *Người cùng khổ* số 25, tháng 5–1924.
2. Nguyễn Ái Quốc: *Lời than vãn của bà Trưng Trắc*, báo *Nhân đạo* (Pháp), ngày 24–6–1922.

người Việt Nam. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến chà đạp con người Việt Nam, nhất là phụ nữ và trẻ em. Điều đó được phản ánh đậm nét trong văn học cách mạng. Biết bao chị em phụ nữ Việt Nam bị bọn thực dân Pháp bắt giam trong các nhà tù:

Xiềng sắt, cùm lim xích má đào.

Phạm Thị Trinh – *Trong lao cấm cố*

Người phụ nữ Việt Nam chân yếu tay mềm phải chịu đựng những hình phạt dã man của thời trung cổ. Sự đối lập giữa "má đào" và "xiềng sắt, cùm lim" đã làm nổi bật sự tàn bạo của bọn thực dân Pháp, những kẻ tự xưng là "văn minh" và "tôn trọng nhân quyền", nhưng lại đàn áp cực kỳ dã man người phụ nữ Việt Nam.

Có chị em phụ nữ, trong thời gian bị giam, đã sinh con ở trong nhà lao. Đứa bé mới ra đời đã phải chịu cảnh tù đày:

Mới lọt lòng ra giữa cõi đời,
Làm gì nên tội đó em ơi!
Sao em đã phải nằm trong ngục,
Không được nằm trong một chiếc nôi?
... Ngọn lửa căm thù rực núi sông,
Sơ sinh, em đã nhóm trong lòng.
Mai kia thiêu xác quân thù địch,
Thù nước, thù nhà quyết trả xong.

Phan Trọng Bình – *Em bé sinh trong ngục tối*

Văn học cách mạng không những lớn tiếng tố cáo tội ác của bọn thực dân và phong kiến đối với con người, mà còn phản ánh sự ra đời và trưởng thành của con người cách mạng Việt Nam trong thời đại mới: những người cộng sản Việt Nam.

Đối với người cộng sản Việt Nam, đấu tranh luôn là lẽ sống:

Đã sinh trong cõi đất trời,
Đấu tranh là lẽ của người xưa nay.

Đặng Xuân Thiều – *Vô sản diễn ca*

Người cộng sản có quan niệm rõ ràng về cái sống và cái chết:

Chết mà vinh thì chết cũng như còn,
Sống mà nhục thà chết đi cho rảnh.

Đồng chí Nghị – *Văn truy điệu các chiến sĩ bị giết ở Yên Phúc và Song Lộc*

Người cộng sản lựa chọn cái chết vẻ vang và từ chối cái sống nhục nhã:

Chết như anh em ta đó, chết vì nhân đạo, chết vẻ chết vang;
Sống như phường bạc ác quân kia, sống hại giống nòi, sống dơ sống thối.

Khuyết danh – *Văn truy điệu các chiến sĩ hy sinh ở truông Cồn Đọi*

Quan niệm về sống và chết của những người cộng sản được thể hiện trong mấy câu thơ sau đây của Lê Tất Đắc:

Với chiến đấu đếm nài chi sống chết,
Sống là bom mà chết sẽ làm cầu.
Đà phóng lên cho thế hệ mai sau,
Thu vũ trụ dưới hai tàn cánh rộng.

Lê Tất Đắc – *Kêu gọi thanh niên vùng tung dậy*

Người cộng sản lúc sống là *"quả bom"* để làm nổ tung chế độ bạo tàn; đến lúc chết thì sẽ làm *"cầu phóng"* – nói theo lối nói của thời đại tên lửa ngày nay thì là *"bệ phóng"* – để làm đà phóng cho các thế hệ mai sau nhảy lên tóm thu cả vũ trụ vào dưới cánh tay mình.

Với khí thế hiên ngang, người cộng sản kiên quyết chiến đấu để giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng dân tộc, giải phóng nhân loại:

Đã làm cách mạng phải hy sinh,
Nặng với non sông, nhẹ với mình.
Thấy trước nhà tù cùng máy chém,
Biết đâu là nhục với đâu vinh!

Nguyễn Văn Hoan – *Phút chia ly*

Người cộng sản căm thù sâu sắc bọn thống trị tàn ác:

Căm gan muốn đạp tung trời,
Xót thân nhơ nhớp, giận loài dã man.

Nguyễn Tạo – *Bài ca kiếp dân đen*

Vì thế cho nên người cộng sản quyết tâm:

Mài gan mà chọi với trời một phen.

Đặng Thai Mai: *Mừng gặp bạn trong tù*

Người chiến sĩ cộng sản là người:

Chết giữa đạn bom lòng chẳng nát.
Sống qua lửa đạn chí thêm bền.

Trần Lê Hương – *Ngày 12–9–1930 ở Hưng Nguyên*

Biết bao chiến sĩ cộng sản đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu để giành lại độc lập cho Tổ quốc. Văn học cách mạng đã ca ngợi tinh thần chiến đấu hy sinh anh dũng của những người cộng sản Việt Nam. Người cộng sản hiểu rất rõ rằng nếu không có người sẵn sàng hy sinh thì không thể thực hiện được sự nghiệp giải phóng dân tộc:

Nếu máu con người không đổ xuống,
Hoa đào đâu nở giữa nhân dân?

Đặng Xuân Thiều – *Hy vọng ngày xuân*

Chính vì vậy, người cộng sản đã chiến đấu dũng cảm với tinh thần xả thân vì nước:

Nhận cái chết không chờ mệnh số,
Với trăng sao cùng tỏ quang minh.

Đặng Xuân Thiều – *Khóc Nguyễn Đức Cảnh*

Văn học cách mạng đã nêu cao tinh thần hy sinh dũng cảm vì nước vì dân của người cộng sản:

Thể phách dầu vùi miền đất đỏ,
Tinh thần còn tỏ giữa trời cao.

Hồ Tùng Mậu – *Viếng mồ chiến sĩ*

Những người đã chết vì đất nước là "những người sống mãi" vì:

Những người chết bởi giang san,
Gió muôn chiều rộn cung đàn tiễn đưa,

Khuyết danh – *Bài thơ ca ngợi Nguyễn Phong Sắc*

Các liệt sĩ cách mạng là "những người không chết" vì đầu họ rơi xuống sẽ "nở hoa muôn đời".

Bình minh chung hẹn đến già
Đầu rơi trước giá nở hoa muôn đời.

Đặng Xuân Thiều – *Khóc Nguyễn Đức Cảnh*

Đó là "những người sống mãi", bởi vì "nấm mộ" của họ được đắp bằng "thời gian" và họ được tặng "vòng hoa thiên cổ" của sông núi:

Sông núi hỡi! Vòng hoa thiên cổ,
Phủ cho Người nằm mộ thời gian.

Đặng Xuân Thiều – *Khóc Nguyễn Đức Cảnh*

Các liệt sĩ cách mạng không chết vì họ sống mãi trong tim những người còn sống đang kế tục sự nghiệp của họ. Nhân kỷ niệm lần thứ nhất ngày Nguyễn Sĩ Sách hy sinh (19–12–1930), Phan Trọng Bình viết bài *Thương nhớ Nguyễn Sĩ Sách*, trong đó có đoạn:

Máu dân tộc, máu công nông,
Một dòng đổ xuống, muôn dòng trào lên.
Những dòng máu đổ tô nên
Bao trang chữ đỏ trong thiên sử vàng.

Phan Trọng Bình – *Tưởng nhớ Nguyễn Sĩ Sách*

Văn học cách mạng dùng người thật, việc thật để giáo dục, bồi dưỡng con người cách mạng. Nó đặc biệt chú ý giới thiệu cuộc đời hoạt động của các liệt sĩ cách mạng để nêu gương cho mọi người noi theo. Bài thơ *Theo đồng chí Nguyễn Nghiêm* của Trần Toại là một ví dụ. Trần Toại ca ngợi Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, bị địch kết án tử hình. Trần Toại kêu gọi mọi người nối chí Nguyễn Nghiêm tham gia sự nghiệp cứu nước.

Trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, người cộng sản cũng đã lắm phen thất bại; nhưng gặp thất bại, người cộng sản không hề nản chí:

Làm trai chí ở cho bền,
Một phen thất bại, một phen trưởng thành.

Lê Thành Lập – *Mạnh bạo tiến lên*

và:

Anh hùng khôn luận nơi thành bại
Thà chết còn hơn mất tự do.

Hồ Tùng Mậu – *Thà chết còn hơn mất tự do*

Sau mỗi lần thất bại, những người cộng sản lại cổ vũ nhau đứng dậy tiếp tục cuộc chiến đấu:

Anh em ta hãy cùng nhau đứng dậy,
Thất bại này chính là mẹ thành công.

Nguyễn Thế Vợi – *Nhìn lại phong trào*

Cách mạng là con đường đầy khó khăn gian khổ. Trên con đường đó, người cộng sản trải qua nhiều lần thất bại trước khi giành được thắng lợi cuối cùng. Vững tin ở tính tất thắng của sự nghiệp chính nghĩa của mình, người cộng sản dũng cảm chiến đấu. Sau mỗi lần thất bại, người cộng sản lại vùng dậy, tiến lên. Trong thất bại người cộng sản vẫn tin tưởng vững chắc vào thắng lợi ngày mai:

Đường cách mạng sá chi thất bại,
Bại hôm nay nhưng lại thắng ngày mai.
Nước non non nước tình dài,
Tấm lòng chung thủy với người nước non.
Ta thề giữ mãi lòng son.

Nguyễn Văn Hoan – *Gửi người cùng bị bắt*

Người chiến sĩ cộng sản luôn luôn nêu cao tinh thần lạc quan cách mạng:

Tôi không chết và tôi còn sống mãi!
Tôi không chết! Trong giờ đây tạm bại,
Nước triều lui, chẳng phải nước triều tan!
Cây lá rơi, chẳng phải gốc cây tàn,
Đương chứa nhựa để đâm chồi mạnh đẹp.
Sông nước chảy trong khu rừng nhỏ hẹp,
Sẽ tràn ra trong biển rộng mênh mang!

Nguyễn Văn Năng – *Tôi không chết, tôi còn sống mãi*

Mặc dù bị giam cầm trong ngục tối, những chiến sĩ cộng sản vẫn ước mơ những ngày mai ửng hồng:

Có tiếng kèn vang đuổi bóng đêm,
Tiếng quai tay búa, khoát tay liềm,
Ánh vầng dương đỏ xuyên rào thép,
Thôi sáng hung rồi! Đứng cả lên!

Trần Minh Tước – *Những giấc mơ trong ngục*

Phẩm chất của người cộng sản biểu hiện rõ rệt khi bị địch bắt. Mặc dù địch dùng cực hình tra tấn, người cộng sản vẫn cắn răng chịu đựng không tiết lộ bí mật của Đảng:

Lời thề trước Đảng còn ghi nhớ,
Thà chết thân này quyết chẳng khai.

Nguyễn Văn Huyên – *Bị giam ở Sở Mật thám Sài Gòn*

Trong phòng tra tấn, người cộng sản đã:

Đem gan dạ đọ cùng roi điện của tụi chó săn;
Lấy tinh thần thi với dùi cui của phường hổ đói.
Thà chết không khai;
Trơ gan chẳng nói.

Trần Cung – *Văn truy điệu liệt sĩ*

Mặc dù bị tra tấn dã man, người cộng sản vẫn vui tươi:

Hỏi nhau "ăn" mấy trận rồi.
Cười rằng: còn sống; tưởng đời ra ma!
Đã gan thì phải gan già,
Sống thì ra sống; chết thà chết vinh.

Đặng Xuân Thiều – *Bất chợt*

Lý tưởng cách mạng cao đẹp là nguồn sức mạnh của người cộng sản trong cuộc chiến đấu chống quân thù trên trường tra tấn. Nhớ lại những lời dạy của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, người cộng sản Việt Nam càng thêm quyết tâm phấn đấu để chiến thắng quân địch. Trong thời gian bị tra tấn, có người đã mộng thấy Lênin và được Lênin "viện trợ" về mặt tinh thần:

Đêm qua tôi gặp Lênin,
Người vào tận cửa xà lim dặn dò...
... Chính nhờ mộng thấy Lênin,
Mà lòng son sắt thép đinh vững vàng.

Phạm Ngọc Trân – *Mộng Lênin*

Có người đã hy sinh trong phòng tra tấn. Cái chết anh dũng của họ đã cổ vũ các đồng chí khác thêm kiên gan chịu đựng và trọn đời đấu tranh chống kẻ thù:

Ôi! Anh chết! Chết vì Tổ quốc!
Quân dã man! Cướp nước, giết người.
Thù này chẳng thể chung trời,
Chúng tôi nguyện quyết trọn đời đấu tranh.

Nguyễn Ngọc Tỉnh – *Truy điệu Ngô Duy Phồn*

Dưới thời thuộc Pháp, trước Cách mạng Tháng Tám (1945), hầu hết những người cộng sản Việt Nam đều đã trải qua cảnh tù đày. Nhiều người đã phải sống hàng chục năm trong các nhà tù của đế quốc. Rất nhiều người đã phải ở tù nhiều lần. Cảnh sống trong nhà

tù của người cộng sản Việt Nam đã được phản ánh đậm nét trong văn học cách mạng:

Đời sống khác chi đời trâu ngựa,
Chỗ ăn nằm sặc sụa tanh hôi.
Áo quần một bộ tả tơi,
Chân cùm lạnh buốt, chiếu thời nửa manh...
... Đầu xanh mấy lúc mà già,
Ruột ngày héo hắt, nước da xanh dần.

Lê Đức Thọ – *Xà lim*

Văn học cách mạng lớn tiếng tố cáo chính sách cực kỳ tàn bạo của bọn đế quốc đối với chiến sĩ cộng sản bị giam trong các nhà tù:

Tủi lúc mình trần thân trụi, mưa không tơi, nắng không nón, cảnh phong trần đến thế nghĩ mà ghê;
Buồn khi tay trói chân cùm, cơm pha trấu, mắm pha giòi, ơn đế quốc đãi mình xem đã riết.

Đặng Thái Thuyến và các đồng chí khác –
Văn truy điệu các chiến sĩ hy sinh khi bị đày
ở Kông Tum những năm 1930 – 1931

Nhưng, với hệ thống các nhà tù, bọn đế quốc chỉ có thể giam thể xác người cộng sản chứ không thể giam được trí óc của họ:

Đế quốc tù ta, ta chẳng tù,
Ta còn bộ óc, ta không lo.
Giam người, khóa cả chân tay lại,
Chẳng thể ngăn ta nghĩ tự do.

... Ta nghĩ ngày mai hết đói nghèo,
Hết tù, hết tội, hết gieo neo.
Trong ngoài bốn biển anh em cả,
Ôi, đẹp vườn xuân những sớm chiều!

Xuân Thủy – *Không giam được trí óc*

Để giết dần giết mòn những người cộng sản, bọn đế quốc đày đọa họ giữa rừng xanh nước độc. Dưới đây là hình tượng người cộng sản trên đường đi đày:

Một tấm áo xanh in bốn số,
Ba vòng xích sắt khóa hai tay.

Bơ vơ muôn dặm người theo bóng,
Man mác ngàn trùng nước lẫn mây.

Nguyễn Ngọc Tuyết – *Đi đày*

Nhà đày là nơi bọn đế quốc giết dần những người cộng sản. Bài thơ sau đây nói lên cảnh sống của người cộng sản tại các nhà đày:

Mạng người ở đây nhỏ lắm, nhỏ hơn giòi.
Sống đêm nay, đâu chắc sống ngày mai?
Chết trước mắt, chết bên tai, chết mãi!
Từ sáng tinh mơ cho chí tối mò,
Khắc vào mình dăm chục chiếc gậy to.
Là phúc lắm. Còn bao người bầm tím,
Vào đến trại, sau cơm chiều, mệt lịm
Vẫn hơi vui: mình còn sống hôm nay;
Có chết chăng là sẽ chết ngày mai,
Giờ cứ ngủ, ngủ say cho khỏe xác!

Hà Phú Hương – *Kèn la vầy ở ngục Kông Tum*

Biết bao chiến sĩ cộng sản đã bỏ mình nơi nhà đày giữa rừng xanh nước độc:

Điểm lại người nằm dưới đất đen,
Bốn ba (43) chiến sĩ lạ và quen.
Đã từng tranh đấu bao oanh liệt
Cho đến hơi cùng chịu ngủ yên.

...

Tất cả những người ở dưới đây,
Nạn nhân của chế độ ngày nay.
Thịt xương đã gửi cho rừng núi,
Hận vẫn còn mang với tháng ngày.

Trần Huy Liệu – *Thăm gốc đồi*

Người cộng sản Việt Nam không những có ý chí chiến đấu kiên cường chống quân thù mà còn có tình thương yêu sâu sắc đối với đồng bào, đồng chí. Đó là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp không những trong đời công mà cả trong đời tư. Người cộng sản Việt Nam thương yêu tha thiết người thân, nhất là mẹ.

Nguyễn Đức Cảnh [1], một trong những người sáng lập ra Đảng ta, trong thời gian nằm trong xà lim chờ ngày lên máy chém, đã gửi về cho mẹ một bài thơ:

Lọt cửa sổ gió đông hiu hắt,
Ván xà lim lạnh ngắt như đồng.
Não lòng cho khách anh hùng,
Mơ mòng thấy mộng tới trong quê nhà...
... Tạ từ vĩnh quyết từ nay,
Cúi xin từ mẫu chóng khuây nỗi buồn.

Người cộng sản không chỉ yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, mà còn yêu tha thiết người thân yêu của mình. Nhưng họ biết đặt nghĩa vụ lên trên tình yêu. Họ căm thù bọn đế quốc không những cướp nước họ, mà còn cướp cả tình yêu của họ. Trương Quang Trọng [2], một trong những người cộng sản đầu tiên ở nước ta, trong lúc bị giam ở nhà lao Quảng Ngãi đã gửi cho người yêu bài thơ sau đây:

Đôi quả tim này đã kết tinh;
Vì chưng nghĩa vụ phải làm thinh.
Quân thù đế quốc, ghê em nhỉ!
Cướp cả non sông lẫn ái tình.

Trương Quang Trọng, tác giả của bài thơ tình trên đây đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh tại nhà đày Kông Tum ngày 12-12-1931. Trong tác phẩm *Ngục Kông Tum* xuất bản năm 1938, dưới ngòi bút của Lê Văn Hiến, nhân vật Trương Quang Trọng được khắc họa một cách nổi bật:

"... *Công sứ, giám binh, các viên quan Một ở các đồn và lính tráng rầm rộ kéo đến. Lính thì súng đạn chỉnh tề, bố vây chung quanh nhà lao, và chĩa súng vào nhà phạt chờ lệnh. Còn công sứ, giám binh, đội Moulec và các quan Một trên tay mỗi người đều có súng sáu, thái độ người nào cũng hung hăng dữ tợn.*

---

1. Nguyễn Đức Cảnh sinh năm 1904, thôn Diêm Điền, tỉnh Thái Bình. Năm 1927 tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 3 - 1929 tham gia lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Hà Nội, ngày 17 - 6 - 1929 tham gia lập nhóm "Đông Dương Cộng sản Đảng". Ngày 3 - 2 - 1930 tham gia Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 4 - 1931 bị bắt ở Vinh. Ngày 4 - 7 - 1932 lên máy chém ở Hải Phòng.

2. Trương Quang Trọng sinh năm 1906 tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh; năm 1925 vào Đảng Tân Việt; năm 1928 gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội; năm 1929 bị bắt; năm 1931 bị đày lên Kông Tum; ngày 12 - 12 - 1931 bị bắn cùng 7 người khác trong cuộc đấu tranh ở nhà đày Kông Tum.

Trong nhà lao thì nhà phạt hô to khẩu hiệu: "Phản đối đi Đakpet, phản đối đi Đakpet!" rồi tất cả đều kêu nhau sắp hàng đứng trước cửa lao, thái độ người nào cũng quả quyết, hăng hái, không sợ chết chút nào. Người đại diện cho anh em lúc bấy giờ là Trương Quang Trọng, số hiệu 303, người Quảng Nghĩa đứng hàng đầu. Thái độ của Trọng trầm tĩnh, oai nghiêm, và hết sức quả quyết.

Theo lệnh công sứ, Moulec tay cầm súng sáu, vừa bước vào cửa lao vừa hỏi:

– Où est – il 299? (Thằng 299 ở đâu?)

Khi nghe kêu số hiệu của Lung, anh em nhà phạt đều la lớn:

– Không có, không có, không có ai hết.

Nhưng lúc đó Trọng đứng hàng đầu, vừa nghe Moulec kêu Lung, thì Trọng tay lần mở nút áo, phanh ngực, rồi chỉ vào ngực mà trả lời cho Moulec bằng tiếng Pháp:

– Le voici! (Nó ở đây!)

Moulec đưa thẳng súng sáu vào ngực Trọng nảy một phát, vừa nói:

– Le voilà! (Nó đó!)

Tiếng súng sáu vừa ra, Trọng liền ngã xuống".

Sẵn sàng chết thay cho bạn, người cộng sản Trương Quang Trọng đã hy sinh oanh liệt.

Vì nước hy sinh, người cộng sản Việt Nam luôn luôn nêu cao khí tiết cách mạng. Đó là nét nổi bật của bộ mặt tinh thần của người cộng sản Việt Nam. Phẩm chất cao quý đó của người cộng sản Việt Nam đã được thể hiện trong bài thơ sau đây của Hoàng Văn Thụ [1]:

Việc nước xưa nay có bại thành,
Miễn sao giữ trọn được thanh danh.
Phục thù chí lớn không hề nản,
Ngọc nát còn hơn giữ ngói lành.
Thân dẫu lao tù lâm cảnh hiểm,
Chí còn theo ruổi buổi tung hoành.
Bạn hỡi gần xa hăng chiến đấu,
Trước sau xin giữ tấm lòng thành.

Phản ánh con người cộng sản Việt Nam với bộ mặt tinh thần

---

1. Đồng chí Hoàng Văn Thụ là Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, bị địch bắt mùa hè 1943 và bị xử tử ngày 24–5–1944.

phong phú của họ trong đời công cũng như trong đời tư, văn học cách mạng Việt Nam đã góp phần tích cực xây dựng con người Việt Nam trong thời đại mới, nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, giành lại độc lập cho Tổ quốc và khai phá con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội cho dân tộc Việt Nam.

PHỤ NỮ CÁCH MẠNG VÀ VĂN HỌC CÁCH MẠNG

Phụ nữ Việt Nam vốn có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất chống ngoại xâm và đã có những đóng góp rất to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngay từ thuở ban đầu của lịch sử dân tộc, các Bà Trưng, Bà Triệu đã xây đắp nên truyền thống yêu nước vẻ vang của phụ nữ Việt Nam " Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh". Từ xưa đến nay, phụ nữ Việt Nam luôn luôn sát cánh cùng chồng con đánh giặc, cứu nước. Nhiều dẫn chứng lịch sử nói rõ rằng lúc nước nhà gặp khó khăn nhất là lúc phụ nữ Việt Nam tỏ rõ vai trò quan trọng của mình. Phụ nữ Việt Nam có tinh thần chịu đựng gian khổ rất cao, đảm đang việc nước việc nhà, cùng toàn dân chống giặc ngoại xâm để giữ nước.

Trong thời đại ngày nay, cùng với giai cấp công nhân và thanh niên, phụ nữ Việt Nam đi hàng đầu trong phong trào yêu nước. Có sự lãnh đạo của Đảng và ánh sáng chủ nghĩa Mác –Lênin soi đường, chị em phụ nữ Việt Nam dũng cảm đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng phụ nữ.

Sự đóng góp của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng nước ta đã được đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai nói rõ trong bản tham luận tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản tháng 8 –1935: "Ở Đông Dương chúng tôi, đặc biệt là trong thời kỳ cao trào cách mạng, phụ nữ đã tham gia đáng kể vào công cuộc đấu tranh cách mạng; họ tham dự các cuộc biểu tình và đã lãnh đạo một số cuộc ấy, đã diễn thuyết trong các cuộc mít tinh. Cần phải nhấn mạnh thêm là nhiều lần phụ nữ đã dũng cảm đi hàng đầu trong các cuộc biểu tình và buộc binh lính phải thoái lui, phải đồng tình. Phụ nữ Đông Dương tích cực tham gia phong trào Xô viết năm 1930 – 1931. Họ lui tới một số đơn vị quân đội, vận động binh lính ở đó. Trong Đảng chúng tôi đã có nhiều nữ đảng viên. Thời gian gần đây, tính tích cực của phụ nữ đang phát

triển. Họ tham gia các cuộc bãi công của thợ thuyền và đấu tranh của dân cày. Nữ công nhân và nữ dân nghèo thành thị đang say sưa đấu tranh".[1] Cũng trong bản tham luận đó, nữ đồng chí Minh Khai đã nói: "Cùng với công nhân, nông dân nam giới, phụ nữ chúng tôi sẽ đấu tranh giành tiền lương và điều kiện lao động bình đẳng, đấu tranh chống đế quốc thống trị, giành độc lập hoàn toàn cho đất nước".[2]

Chị em phụ nữ đã có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Điều đó đã được phản ánh trong văn học cách mạng. Văn học cách mạng là một bức tranh sinh động về phong trào đấu tranh của phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Văn học cách mạng nói lên tình cảnh đau khổ của phụ nữ Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Trong tác phẩm *Vấn đề dân cày* xuất bản năm 1937, dưới hai bút danh Qua Ninh và Vân Đình, các đồng chí Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp đã viết: "Người đàn bà nước ta còn chưa có quyền. Luyến ái không chút tự do. Ở nhà quê có khi người ta gả bán cho nhau khi con còn ở trong bụng. Cô gái quê lấy chồng thật sự may rủi".[3]

Được ánh sáng của Đảng rọi vào, những bất công trong xã hội đã bộc lộ, người phụ nữ Việt Nam thức tỉnh:

Đoái trông tình cảnh xứ mình,
Bao nhiêu những nỗi bất bình xót xa.
Chịu hèn kém đàn bà con gái,
Bị khinh thường bạc đãi từ lâu.
Cắn răng, cắm cổ, cúi đầu,
Nhọc nhằn như thể ngựa trâu tôi đòi.

Khuyết danh – *Vận động phụ nữ*

Lấy chồng là việc hệ trọng đối với người phụ nữ, nhưng người phụ nữ không có quyền bàn bạc:

Việc hôn nhân tùy ở mẹ cha,
Hé môi chẳng được bàn qua.

Khuyết danh – *Vận động phụ nữ*

---

1. *Văn kiện Đảng* (từ 10–8–1935 đến 1939). Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, 1964, tr. 37–38.

2. Sđd, tr. 32.

3. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp: *Vấn đề dân cày*. NXB Sự thật. Hà Nội, 1959, tr. 129.

Và khi đã có chồng thì:

Lấy chồng để làm thân nô lệ,
Làm đồ chơi, máy đẻ cho chồng.

Khuyết danh – *Vận động phụ nữ*

Luân lý phong kiến ràng buộc người phụ nữ:

Nào dây tứ đức tam tòng,
Trói chặt phụ nữ trong vòng lao lung.

Khuyết danh – *Vận động phụ nữ*

Chính vì thế mà người con gái xứ Nghệ đã thốt lên nỗi bất bình của mình trong một bài hát giặm:

Sinh ra gái Nam Việt
Chịu thua thiệt trăm bề,
Chỉ điểm phấn trau huê,
Làm đồ chơi cho họ,
Làm đồ dùng cho họ,

Khuyết danh – *Em khuyên chị*

Giác ngộ quyền lợi của mình, người phụ nữ Việt Nam không chịu để mình bị trói buộc trong vòng bếp núc, không hay biết gì công việc xã hội:

Này chị em ơi, hết thờ chồng rồi lại nuôi con, ngoài vòng bếp núc, biết xã hội vuông tròn là cái chi chi.

Khuyết danh – *Mấy lời nhắn bạn quần thoa*

Không cam chịu tình hình đau khổ nhục nhã đó, người phụ nữ Việt Nam kiên quyết đứng dậy đấu tranh dưới lá cờ của Đảng.

Phụ nữ cách mạng Việt Nam nổi dậy đấu tranh chống quân thù với khí thế của Bà Trưng, Bà Triệu:

Chị em ta phải tung hoành,
Diệt quân đế quốc tan tành mới xong...
...
Thằng Tây mất vía bồn chồn,
Nam triều, địa chủ kinh hồn tả tơi.
Chị em nhi nữ ta ơi,
Ra tay phấn đấu cùng người nam nhi.

Nguyễn Thị Lợi – *Nào ai là khách má hồng*

Thực tiễn phong trào đấu tranh của phụ nữ Việt Nam đã bác bỏ quan điểm phong kiến cho rằng "người phụ nữ không biết thù mất nước". Đỗ Mục, một nhà thơ Trung Quốc thời trước, có viết:

Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa.
(Thương nữ biết đâu thù mất nước,
Cách sông còn hát Hậu Đình Hoa).

Đó là quan điểm tư tưởng của giai cấp phong kiến khinh miệt phụ nữ. Đối lập với quan điểm lạc hậu và phản động đó, văn học cách mạng Việt Nam đã nêu lên một quan điểm hoàn toàn khác. Quan điểm này được thể hiện trong câu thơ sau đây:

Cứu đồng bào, trách nhiệm gái như trai.

Sóng Hồng – *Tạm biệt*

Văn học cách mạng đã lấy lịch sử nước nhà để chứng minh sự bình đẳng giữa gái và trai trong sự nghiệp cứu nước. Vì sao có sự bình đẳng giữa gái và trai trong sự nghiệp cứu nước? Văn học cách mạng nêu lên những lý lẽ giản dị:

Thân gái cũng như trai,
Cũng chín tháng mười ngày,
Cũng tai mắt chân tay,
Nỡ ngồi yên sao được?

Khuyết danh – *Em khuyên chị*

Chính vì vậy mà:

Dù khăn yếm cũng phất cao cờ cộng sản,
Đem tâm huyết thi gan cùng súng đạn.

Trần Toại – *Phụ nữ phất cao cờ cộng sản*

Và:

Tiến lên sánh với đàn ông,
Làm cho cộng sản thành công mới là...

Khuyết danh – *Bài hò khuyên chị em*

Ý chí cách mạng của chị em biểu hiện bằng hành động cụ thể:

Xé yếm may cờ tung thỏa chí,
Kiếp này khỏi tội với cha ông.

Khuyết danh – *Cho thiên hạ biết mặt đào thơ*

Đứng trước kẻ thù đế quốc, người phụ nữ cách mạng Việt Nam thét lên:

Kìa quân đế quốc nó tàn sát, bọn đàn bà ta phải ra tay.

...

Này chị em ơi,
Ta quyết phá tan hai chữ cường quyền,
Phất cờ độc lập để tên nước nhà.

Khuyết danh – *Mấy lời nhắn bạn quần thoa*

Phụ nữ Việt Nam nêu cao ý chí cách mạng của mình:

Liễu bồ đã đứng trong trời đất,
Vàng đá xin thề với núi sông.

Khuyết danh – *Gươm: ấy con thơ, súng: ấy chồng*

Cũng có người nêu rõ quyết tâm cứu nước của mình bằng cách nói rằng chừng nào chưa trả được nợ nước thì chưa lấy chồng mà coi súng là chồng và gươm là con:

Nợ đời chưa trả, duyên gì nữa?
Gươm: ấy con thơ, súng: ấy chồng.

Khuyết danh – *Gươm: ấy con thơ, súng: ấy chồng*

Để động viên nhau tham gia phong trào cứu nước, chị em phụ nữ khuyên nhau:

Đổi trâm thoa ấy làm gươm giáo,
Mượn đất trời kia mở ruột gan.

Khuyết danh – *Cho thiên hạ biết mặt đào thơ*

Có ý thức làm chủ nước nhà, người con gái Việt Nam nêu cao khí phách anh hùng:

Thế mới ngoan chăng gái nước nhà!
Con thuyền liền với ngọn sông xa.
Sống không ra sức cùng non nước.
Chết cũng thêm buồn với cỏ hoa.

Khuyết danh – *Cho thiên hạ biết mặt đào thơ*

Phụ nữ cách mạng Việt Nam sử dụng văn học làm tiếng chuông để thức tỉnh phụ nữ, kêu gọi phụ nữ lên đường cứu nước:

Gái ra trận, bong, bong, bong,
Gọi vang cứu quốc khắp vùng khắp nơi.
Trai tài thì gái cũng tài,
Đó dòng Lê Lợi, đây nòi Triệu, Trưng.

Lời ra mắt của báo *Gái ra trận*,
cơ quan tuyên truyền của Phụ nữ
cứu quốc tỉnh Thanh Hóa năm 1942

Trong văn học cách mạng, loại bài viết về phụ nữ khá nhiều. Phần lớn những bài này thuộc loại "khuyết danh". Vì tác giả những bài đó không để tên lại, cho nên chúng ta không thể biết được họ là đàn ông hay là đàn bà. Tuy vậy, cũng có nhiều bài được lưu lại đến ngày nay mà chúng ta biết rõ tác giả là phụ nữ. Được Đảng Cộng sản phát động, phụ nữ Việt Nam được giải phóng về mặt tư tưởng, đã tích cực tham gia hoạt động cách mạng và tham gia sáng tác văn học cách mạng.

Một trong những người phụ nữ Việt Nam đầu tiên sáng tác văn học cách mạng là Quỳnh Anh. Năm 1926, được sự cổ vũ của các đồng chí, mặc dù không biết chữ, Quỳnh Anh đã làm bài thơ *Nhớ nhà* đọc cho các đồng chí chép lại và đăng lên tờ báo *Thân ái* của Việt kiều xuất bản hồi bấy giờ ở Xiêm (Thái Lan).

... Nghĩ mình chút phận bèo mây,
Giang sơn kia với thân này tính sao?
... Kết đoàn ta phải ra tay,
Chị em sum họp phen này mà lo.
Để mà rửa thẹn trả thù,
Bảo nhau kéo lại cơ đồ Việt Nam.

Quỳnh Anh – *Nhớ nhà*

Cao trào cách mạng 1930–1931 đã lôi cuốn đông đảo phụ nữ tham gia. Lần đầu tiên phụ nữ công nhân và nông dân nước ta đứng dậy đấu tranh đòi quyền sống. Hiện tượng đó được phản ánh đậm nét trong văn học. Phong trào cách mạng sôi nổi thúc đẩy sự phát triển mọi tài năng của phụ nữ, trong đó có năng khiếu sáng tác văn học. Đó cũng là chất men kích thích cảm hứng thơ. Không ít chị em phụ nữ cách mạng đã làm thơ để nói lên những tư tưởng và tình cảm của mình. Nhiều nữ chiến sĩ cộng sản trong phong trào 1930 – 1931, sau khi bị địch bắt vào tù đã làm thơ nói lên khí tiết cách mạng của mình. Chị Nguyễn Thị Nghĩa, quê ở Hà Đông, là nữ giao liên của Trung ương Đảng, bị địch bắt ở Vinh, bị tra tấn rất là dã man, nhưng chị giả làm người câm, không nói năng gì. Cho đến lúc chết, chị vẫn không khai báo gì. Chị còn để lại một bài thơ nói lên ý chí của mình:

Chúng ta liễu yếu thơ nhi,
Tinh thần cũng chẳng kém gì trượng phu.

Nguyễn Thị Nghĩa – *Còn quân giặc ta còn hy sinh*

Nguyễn Thị Nghĩa đã nêu cao tinh thần hy sinh cao ca của phụ nữ Việt Nam:

Rồng Tiên con cháu nước nhà,
Nước ta tuy mất, thân ta vẫn còn.
Còn trời, còn nước, còn non,
Hãy còn quân giặc, ta còn hy sinh.

Nguyễn Thị Nghĩa – *Còn quân giặc ta còn hy sinh*

Nguyễn Thị Lợi, một nữ đảng viên cộng sản, "nguyền đem son phấn liều cùng nước non", cổ vũ chị em phụ nữ cùng nhau ra gánh vác việc nước:

Chị em ta bảo nhau ra
Đảm đang việc nước mới là gái ngoan.

Nguyễn Thị Lợi – *Nào ai là khách má hồng*

Nguyễn Thị Nhã cũng khuyến khích chị em phụ nữ:

Gắng gỏi tinh thần mà phấn đấu,
Giũa mài trình độ để xông pha.

Nguyễn Thị Nhã – *Dặn em*

Trong thời gian bị giam trong nhà lao, các nữ chiến sĩ cộng sản phải đi quét rác. Có chị nhân công việc đó làm thơ nói lên chí khí của mình.

Bài thơ sau đây nói lên "khẩu khí" của các chị trong lúc quét rác:

Chị em mình tay xách chổi ra,
Bụi trần quét sạch nước non nhà,
Kìa phường xả rác xin trừ tiệt,
Nọ lũ ngăn đường cứ đuổi xa.

Mai Thị Én – *Quét rác*

Bài thơ trên đây nói lên khí phách anh hùng và tinh thần lạc quan cách mạng của các nữ chiến sĩ cộng sản.

Cũng có chị làm thơ để chế giễu bọn lính coi ngục tàn ác:

Nực cười cho bác lính kia ơi,
Tàn ác làm chi chẳng biết trời.
Mắt liếc trập trừng ngoài cửa sắt,
Chân rình rón rén cạnh tường vôi...

Nguyễn Thị Phúc – *Gửi bếp Trình*

Người nữ chiến sĩ cộng sản trong thời gian bị địch bắt giam trong nhà lao, nằm ước ao lan man:

Ước vô duyên cớ bầu trời nổ,
Ước bất thình lình quả đất tan.
Ước thấy chết quang quân phú quý,
Ước trông dậy sạch bạn cơ hàn.

Tôn Thị Quế – *Ước*

Bị giam ở trong nhà tù, nhưng vẫn mong ước dân nghèo nổi dậy khiến cho chế độ xã hội thực dân nửa phong kiến nổ tan, đó là ý chí của các nữ chiến sĩ cộng sản Việt Nam.

Nguyễn Thị Quang Thái trước khi hy sinh đã làm thơ nói lên tâm tư và ý chí của mình:

Quyết chí xông pha, dù máu đổ,
Dốc lòng tranh đấu, mặc đầu rơi.
Ngọn cờ vô sản bao giờ phất,
Chín suối hồn ta mỉm miệng cười.

Nguyễn Thị Quang Thái – *Dốc lòng tranh đấu*

Nguyễn Thị Du không bị bắt giam, vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng, nhưng người yêu của chị địch bắt, đày lên Kông Tum và hy sinh ở đó. Năm 1932, được tin người yêu đã hy sinh, Nguyễn Thị Du làm thơ nói lên lòng thủy chung của mình đối với người yêu và đối với cách mạng:

Hạnh phúc trăm năm đã vỡ rồi,
Hỡi nhà, hỡi nước, hỡi ai ơi!
Lời thề thiết thạch vang sông núi,
Mà bạn tri âm biệt đất trời.

... Em ở, đun lò sục sục sôi,
Lửa hờn rực cháy khắp nơi nơi.
Đốt thiêu cho sạch quân hung bạo,
Vẹn nghĩa yêu đương, rạng giống nòi.

Nguyễn Thị Du – *Giữ trọn lời thề*

Người yêu của Nguyễn Thị Du là Trương Quang Trọng, một trong tám chiến sĩ cộng sản đã chiến đấu ngoan cường và hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh tại nhà đày Kông Tum ngày 12 –12 –1931.

Năm 1936, trong lúc đang dạy học và hoạt động cách mạng ở

Nghi Lộc, Nguyễn Thị Du được Đoàn thể cử đi viếng mộ các liệt sĩ ở nhà đày Kông Tum. Vô cùng xúc động trước nấm mồ của người yêu, Nguyễn Thị Du đã làm thơ:

Máu tô thêm thắm tình đồng chí,
Súng nổ khôn lay dạ nhiệt thành.
Xương trắng ai nằm trong đất đỏ,
Lòng son ta ấp nấm mồ xanh.

Nguyễn Thị Du – *Viếng mồ liệt sĩ*

Tình cảm chứa đựng trong bài thơ trên đây không chỉ là tình cảm riêng đối với người yêu mà còn là tình cảm chung đối với các chiến sĩ cách mạng đã xả thân vì nước. Ở đây, cái riêng hòa hợp trong cái chung, đó là một nét nổi bật của văn học cách mạng. "Lòng son ta ấp nấm mồ xanh", *"lòng son"* của phụ nữ cách mạng Việt Nam *"ấp nấm mồ xanh"* của các liệt sĩ cách mạng Việt Nam; văn học của phụ nữ cách mạng quả là một sự cổ vũ rất lớn đối với các chiến sĩ cách mạng.

Nhiều phụ nữ Việt Nam đã chiến đấu rất kiên cường và đã hy sinh rất anh dũng. Nguyễn Thị Minh Khai là một trong những tấm gương chiến đấu hy sinh dũng cảm của phụ nữ Việt Nam. Sinh năm 1910 tại Nghệ An, chị tham gia Đảng Tân Việt năm 1927 và vào Đảng Cộng sản năm 1930. Tháng 7 – 1935, thay mặt Đảng Cộng sản Đông Dương và phụ nữ Đông Dương, chị tham dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản cùng với Lê Hồng Phong và Hoàng Văn Nọn. Năm 1937 về nước, chị được cử làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn. Tháng 7–1940, chị bị bắt và bị kết án tử hình. Ngày 28–8–1941 chị đã hy sinh anh dũng trước mũi súng của quân địch tại Hóc Môn. Trong thời gian bị giam chờ ngày địch đem ra bắn, chị đã làm bài thơ sau đây để nói lên ý chí kiên cường bất khuất của mình và để động viên cổ vũ các đồng chí khác:

Vững chí bền gan, ai hỡi ai!
Kiên gan giữ dạ mới anh tài.
Thời cuộc đẩy đưa người chiến sĩ,
Con đường cách mạng vẫn chông gai.

Hơn mười năm về trước, khi chị Minh Khai thoát ly gia đình đi hoạt động cách mạng bí mật, chị Nguyễn Thị Nhuận đã làm tặng chị Minh Khai bài thơ sau đây:

Thân gái xông pha chốn dặm trường,
Nào khi đạp tuyết với giày sương.
Một bầu nhiệt huyết hai vai nặng,
Treo tấm anh thư dễ mấy phường.

Chị Minh Khai đã tỏ ra xứng đáng với lời ca tụng của chị Nguyễn Thị Nhuận trong bài thơ chị Nhuận viết tặng chị hơn mười năm về trước.

Võ Thị Ngọ, quê ở làng Phù Ninh, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Chị tham gia phong trào cách mạng từ hồi còn rất trẻ. Năm 1930, chị bị bắt. Năm đó chị mới 17 tuổi. Bọn mật thám dùng cực hình tra tấn chị. Chị kiên quyết bảo vệ bí mật của Đảng, không khai báo một điều gì. Chị làm thơ để nói lên ý chí kiên cường của mình:

Tra tấn làm gì luống uổng công,
Con này đâu sợ cảnh lao lung...
... Đem gan thi với xiềng, roi, kẹp,
Cho bọn sài lang khiếp má hồng.

Võ Thị Ngọ – *Tra tấn làm gì luống uổng công*

Người con gái kiên cường ấy bị bọn quan đầu tỉnh để ý. Tên Công sứ La Gredơ (La Grèze) dụ dỗ, gạ gẫm chị. Nó muốn hiếp chị, chị kiên quyết cự tuyệt. Cuối cùng nó dặn chị đừng nói lại cho ai biết những điều nó đã nói với chị. Nhưng chị đã đem việc đó báo cáo cho Đảng biết. Tổ chức Đảng ở địa phương đã rải truyền đơn vạch mặt tên Công sứ gian dâm về việc đó. Để trả thù, tên Công sứ đã ra lệnh cho tòa án đổi bản án ba năm tù giam của chị thành án chung thân và đưa đi đày. Võ Thị Ngọ đã làm bài thơ *Kêu thần Công lý* kể lại câu chuyện mà chị đã trải qua.

Trong số phụ nữ cách mạng làm thơ – căn cứ vào số bài thơ đến nay đã sưu tầm được – thì Phạm Thị Trinh là người làm thơ nhiều nhất. Nữ đồng chí Phạm Thị Trinh quê ở tỉnh Quảng Ngãi, một địa phương có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường. Chị tham gia phong trào cách mạng từ hồi còn rất trẻ. Quá trình đấu tranh cách mạng của chị cũng đồng thời là quá trình sáng tác văn học. Làm thơ, đối với chị, là một nhu cầu của cuộc sống và của đấu tranh. Thơ của chị đề cập đến nhiều mặt: vạch trần bộ mặt hung ác của quân thù, nói lên ý chí cách mạng của mình, biểu lộ tâm tư tình cảm của mình đối với chồng, đối với con, đối với đồng chí, v.v...

Miêu tả xã hội tàn bạo mục nát của bọn thực dân phong kiến, Phạm Thị Trinh viết:

Kìa lũ tham tàn thật bất công,
Làm con xa mẹ, vợ xa chồng...

... Ví bằng ông tạo không xoay lại,
Ta cũng dời non lấp biển Đông.

Dời non lấp biển

Bài thơ không những vạch rõ mâu thuẫn của chế độ cũ, mà còn nói lên ý chí kiên quyết đạp đổ chế độ đó. "Ví bằng ông tạo không xoay lại, Ta cũng dời non lấp biển Đông", không ngờ một phụ nữ mà lại có tứ thơ đột ngột mạnh mẽ, hiên ngang đến như thế!

Trong thơ của Phạm Thị Trinh, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội hoàn toàn nhất trí với nhau:

Tay trắng quyết giương cờ xã hội,
Máu đào nguyện rửa sạch non sông.

Khi bị giam trong nhà lao Quảng Ngãi, Phạm Thị Trinh miêu tả cảnh sống trong tù của người phụ nữ:

Ngang dọc chi trong vòng cửa sắt,
Nhảy bay, khó vượt láp tường cao...

Ý chí cách mạng kiên cường của tác giả được thể hiện trong vần thơ sau đây:

Nắng mưa nào quản thân bồ liễu,
Gian khổ càng cao chí tuổi xuân.

Thơ của Phạm Thị Trinh không những nói lên tình cảm của người phụ nữ cách mạng Việt Nam đối với Tổ quốc, đối với xã hội, mà còn nói lên tình cảm của người phụ nữ cách mạng Việt Nam đối với mẹ, đối với con, nhất là đối với chồng. Phạm Thị Trinh nói đến mơ ước của người mẹ già *"sẽ gặp đàn con lúc đỏ cờ"*. Chị cũng nói đến đứa con vào tận ngõ nhà lao để thăm mẹ. Phạm Thị Trinh dành những lời thơ đầy cảm xúc để nói đến chồng của chị.

Chị nói đến cảnh tiễn chồng đi đày giữa lúc *"Tiếng còi như xé nát tâm can"*. Chị cũng nói đến cảnh thăm chồng ở nhà đày *"Trở gót bâng khuâng rồi trở lại, Khói mây mù mịt ngóng xa xa"*. Chị nói lên niềm tin sắt đá vào ngày vợ chồng gặp lại nhau: *"Hạnh phúc chờ nhau lúc tái hội"*.

Ngày đó nhất định sẽ đến, vì:

Phá tan xiềng xích bấy lâu nay,
Trùng phùng, âu có ngày đưa lại,
Bùi ngọt ta bù lúc đắng cay.

Em cũng như anh

Phạm Thị Trinh làm nhiều bài thơ về chồng của chị. Nhưng đọc các bài thơ đó, chúng ta không hề thấy thứ yêu đương lãng mạn tiểu tư sản mà chúng ta thường thấy đầy dẫy trong thơ văn trên sách báo hợp pháp hồi bấy giờ.

Một hôm Phạm Thị Trinh đến nhà lao thăm chồng vừa gặp lúc chồng chị đang bị lính áp giải sang phòng tra tấn để hỏi cung. Chị chạy theo. Chồng chị ngoảnh lại nói với chị: *"Tôi vẫn trắng và trong"*, ý muốn báo tin cho chị biết rằng anh không khai báo gì. Thấy chị chạy theo, người lính quay lại đánh chị. Chồng chị thét to lên để phản đối. Từ giã chồng, chị ra về. Trên đường về, chị làm thơ ghi lại sự kiện đó.

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có những phụ nữ có chiến tích anh hùng. Nhưng các nữ anh hùng dân tộc không để lại một áng thơ văn nào. Trong lịch sử văn học Việt Nam, có những phụ nữ có áng thơ nổi tiếng. Nhưng các nhà thơ phụ nữ đó không có công tích đánh giặc cứu nước. Khác với nam giới, phụ nữ Việt Nam trong lịch sử, người có "võ công" thì không có "văn nghiệp", người có "văn nghiệp" thì không có "võ công".

Các nhà thơ phụ nữ thời trước, người thì nói lên cảnh đẹp đất nước (bà Huyện Thanh Quan), người thì nói lên nỗi đau khổ của phụ nữ về cảnh chiến tranh (Đoàn Thị Điểm), người thì tố cáo xã hội cũ chà đạp người phụ nữ (Hồ Xuân Hương). Trừ tác phẩm của Công chúa Ngọc Hân nói về sự nghiệp của vua Quang Trung, không thấy có tác phẩm nào của phụ nữ thời trước nói về cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc.

Hồi đầu thế kỷ XX, trong thơ văn yêu nước, theo sự trích dẫn của Phan Bội Châu, có một ít vần thơ của một người phụ nữ tên là Đinh phu nhân, mà cho đến nay các nhà nghiên cứu văn học vẫn chưa tìm ra tung tích. Có người hoài nghi cho rằng Đinh phu nhân chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng của nhà văn kiêm nhà chính trị yêu nước Phan Bội Châu.

Chỉ từ khi có ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, mới bắt đầu có văn thơ do phụ nữ sáng tác nói về đánh đuổi giặc ngoại xâm để cứu nước. Có thấy rõ điều này mới nhận thức được tầm quan trọng của văn học cách mạng do phụ nữ sáng tạo ra.

Phụ nữ Việt Nam không chỉ tham gia đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng phụ nữ, mà còn tham gia sáng tác văn học cách mạng để phản ánh và phục vụ cuộc đấu tranh đó. Được Đảng lãnh đạo, bồi dưỡng và cổ vũ, phụ nữ cách mạng Việt Nam vừa có "võ công" vừa có "văn nghiệp". Văn thơ do họ làm ra biểu hiện con người của chính họ, nói lên tư tưởng và tình cảm của họ. Văn thơ đó phản ánh ý chí kiên cường của phụ nữ Việt Nam chiến đấu chống đế quốc và phong kiến, giành lại độc lập cho nước nhà, tiến tới tương lai tươi đẹp. Văn thơ đó thấm nhuần tư tưởng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, văn thơ do phụ nữ làm ra đạt đến tầm cao tư tưởng như thế.

Văn học cách mạng do chị em phụ nữ làm ra có những nét đặc sắc mà văn học cách mạng do nam giới làm ra không thể nào có được.

Chính vì vậy, tuy số lượng không nhiều, nó là một bộ phận rất quý của văn học cách mạng; nó góp thêm sắc thêm hương làm cho vườn hoa văn học cách mạng càng thêm phong phú.

NHỮNG NHÀ VĂN, NHÀ THƠ CÁCH MẠNG

Văn học cách mạng là sản phẩm của phong trào công nhân và phong trào yêu nước thấm nhuần tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đó không phải là những tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp. Văn học cách mạng là đứa con tinh thần của các chiến sĩ cách mạng và của quần chúng cách mạng.

Dân tộc Việt Nam không những là một dân tộc có truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất, mà còn là một dân tộc yêu thơ và thích làm thơ. Sinh trưởng trong một đất nước nên thơ và một dân tộc có tâm hồn thơ, các chiến sĩ cách mạng Việt Nam không mấy người là không có một vài bài thơ trong đời hoạt động cách mạng của mình. Họ gửi gắm tư tưởng tình cảm của họ vào trong những vần thơ, những đoạn văn tràn đầy sự sống và sôi sục nhiệt tình cách mạng. Họ làm thơ viết văn trước hết là để tuyên truyền cách mạng, đồng

thời là để nói lên tư tưởng, tình cảm cách mạng của mình. Họ làm thơ viết văn không phải để trở thành nhà thơ, nhà văn theo ý nghĩa thông thường của những từ ấy. Nếu có những chiến sĩ cách mạng nào đó, sau một quá trình hoạt động cách mạng và sáng tác văn học lâu dài, do số lượng và chất lượng các tác phẩm của họ, được công nhận là nhà văn, nhà thơ, thì đó là điều xảy ra ngoài ý nghĩ của họ.

Văn học cách mạng không phải là do các nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp làm ra. Văn học cách mạng do quần chúng cách mạng và các chiến sĩ cách mạng chuyên nghiệp làm ra. Tuy vậy, văn học cách mạng có những nhà văn, nhà thơ của nó.

*

* *

Nhà văn, nhà thơ vĩ đại nhất của văn học cách mạng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Suốt nửa thế kỷ hoạt động cách mạng đồng thời sáng tác văn học, Hồ Chủ tịch là tác giả của một số lượng tác phẩm đồ sộ, trong đó không ít là những áng văn chương có tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao.

Một trong những tác phẩm văn học đầu tay của Hồ Chủ tịch là vở kịch *Con rồng tre* (năm 1922). Vở kịch này là một đòn đả kích mạnh mẽ vào bọn vua quan tay sai của đế quốc Pháp. Đại ý vở kịch *Con rồng tre* như sau: "Có những cây tre thân hình quằn quẹo, những người chơi đồ cổ lấy về đẽo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên là hình dáng con rồng. Tuy vậy chỉ là một quái vật vô dụng".[1]

Vở kịch này được viết nhân dịp bọn thực dân Pháp đưa tên vua bù nhìn Khải Định sang dự Hội chợ thuộc địa tại Mácxây để tuyên truyền cho "công cuộc khai hóa thuộc địa" của chúng. Vở kịch này đã từng được đem diễn tại Câu Lạc bộ Ngoại ô (Pari). Ông Lêô Pôndét (Léo Poldès), một người trong ban phụ trách Câu Lạc bộ Ngoại ô, đã viết về vở kịch *Con rồng tre* như sau: "Tôi đã đọc tập bản thảo, thật là hay, thật là đẹp, lời vừa chải chuốt vừa gọn gàng, với những cái châm biếm dí dỏm của Arixtôphan, bản kịch này có đủ ưu điểm để

1. Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1957, tr. 45.

mang lên sân khấu".[1]

Ngoài vở kịch *Con rồng tre*, đầu những năm 20 của thế kỷ này, Hồ Chủ tịch đã viết những truyện và ký *Vi hành* (năm 1922), *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (năm 1922), *Con người biết mùi hun khói* (năm 1922), *Đoàn kết giai cấp* (năm 1924), *Con rùa* (năm 1925), *Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu* (năm 1925).

Với ngòi bút điêu luyện, với giọng văn châm biếm chua cay, hóm hỉnh, Hồ Chủ tịch đã quất những ngọn roi đau điếng và thấm thía vào bọn thực dân và phong kiến cướp nước và bán nước. Mặt khác, những truyện và ký của Hồ Chủ tịch bộc lộ một tấm lòng thiết tha yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, một tình thương rộng rãi bao la đối với giai cấp vô sản, các dân tộc bị áp bức và những người lao động khắp năm châu. Ngắn gọn, súc tích, cô đọng mà phong phú, những truyện và ký của Hồ Chủ tịch rất sinh động, sôi nổi tình cảm, rất hiện thực, mà cũng rất lãng mạn.

Năm 1930, tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* của Hồ Chủ tịch ra đời. Ngày 25–2–1930, chỉ vài tuần lễ sau khi triệu tập Hội nghị hợp nhất để thành lập Đảng ta, Hồ Chủ tịch gửi thư nhờ một số đồng chí Liên Xô yêu cầu cung cấp cho Người một số tài liệu để viết một cuốn sách giới thiệu nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên với nhân dân Việt Nam. Bức thư có đoạn viết: "Người Việt Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt Nam. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết *một quyển sách*, – bằng tiếng Việt Nam, đương nhiên – dưới hình thức "hồi ký du lịch". Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẩu chuyện". Cuối thư, Hồ Chủ tịch nhờ các đồng chí Liên Xô "cung cấp tài liệu và cho những lời khuyên cần thiết". Sau đó, Hồ Chủ tịch bắt tay vào việc xây dựng tác phẩm. *Nhật ký chìm tàu* mở đầu bằng mấy câu:

Ở Nga có chuyện lạ đời,
Biến người nô lệ thành người tự do.

---

1. Léo Poldès. Quanh sự tích Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo Pari, số 53, ra ngày 11, 12-6-1946.

Nhật ký chìm tàu gồm 24 chương, không kể phần mở đầu và phần kết luận.

Nội dung tác phẩm như sau:

Một chiếc tàu buôn Pháp bị đắm ở giữa biển. Hầu hết người trên tàu đều bị chết, trừ ba người làm công trên tàu: Pôn, Zó và Râu. Ba người sống sót này – một Âu, một Phi, một Việt Nam – bị giạt vào một đảo hoang. Một tàu buôn Liên Xô đi qua; họ được các thủy thủ Liên Xô cứu và đưa về Liên Xô.

Trong thời gian ở Liên Xô, ba người được đối đãi tử tế, được đi thăm nhiều nơi, tìm hiểu các mặt của xã hội Xô viết.

Sau một thời gian nghỉ ngơi và học tập, ba người trở về nước của mình để hoạt động cách mạng.

Với lối văn dễ hiểu, dễ nhớ, *Nhật ký chìm tàu* đã giới thiệu với nhân dân Việt Nam quê hương của Cách mạng Tháng Mười, đất nước của Lênin vĩ đại. Bằng cách giới thiệu tấm gương của Liên Xô, Hồ Chủ tịch cổ vũ nhân dân Việt Nam đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, con đường của Lênin vĩ đại.

Sau khi về nước, bắt tay xây dựng căn cứ cách mạng ở Việt Bắc, Hồ Chủ tịch đã làm nhiều bài thơ để vận động quần chúng và nói lên cảm hứng của mình. Bài *Tức cảnh Pác Bó* (tháng 2–1941) nói lên phong thái ung dung của người chiến sĩ cộng sản:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Bài *Lên núi* (năm 1942) là một bức tranh hùng vĩ và nên thơ về người cách mạng giữa đất nước:

Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ,
Bên suối, một nhành mai.

Các bài *Bài ca sợi chỉ, Con cáo và tổ ong,* v.v..., là những bài "ngụ ngôn cách mạng" có tác dụng lớn về mặt giáo dục tư tưởng. Các bài *Hòn đá, Bài ca du kích, Nhóm lửa, Chơi trăng, v.v...* là những bài thơ có giá trị lớn về mặt tư tưởng và mặt nghệ thuật.

Trong những năm 1942 – 1943, Hồ Chủ tịch đã viết tập thơ *Nhật ký trong tù.* Đây là những bài thơ Hồ Chủ tịch sáng tác trong thời

gian 13 tháng Người bị bọn phản động Tưởng Giới Thạch bắt và giam cầm trong gần 30 nhà tù của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây. *Nhật ký trong tù* là một tác phẩm lớn. Đây là một bản án nghiêm khắc và mạnh mẽ đối với chế độ xã hội thối nát, trong đó người là chó sói của người:

Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người, bị tống lao.

Đường đời khó khăn

Người cách mạng tuy *"Thân thể ở trong lao"* nhưng *"Tinh thần ở ngoài lao"*. Tù tội, gian khổ càng làm nổi bật ý chí đấu tranh của người cách mạng.

Dưới chế độ cũ, con người thật khốn khổ:

Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng.
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Người có còn đâu được chủ quyền!

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu, bò.

Lính gác khiêng lợn cùng đi

Nghiêm khắc lên án chế độ cũ chà đạp con người, Hồ Chủ tịch đã nêu cao tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo.

Mặc dù bị giam cầm đày đọa, Hồ Chủ tịch vẫn luôn luôn vui vẻ lạc quan:

Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng.
Vui say, ai cấm ta đừng.
Đường xa âu cũng bớt chừng quạnh hiu.

Trên đường đi

Nêu cao ý chí chiến đấu kiên cường bất khuất, người cách mạng quyết tâm vượt qua mọi gian lao thử thách:

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân.

Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

Bốn tháng rồi

Trong công cuộc cách mạng, nhân tố tinh thần có ý nghĩa cực kỳ to lớn:

Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Nhật ký trong tù

Người chiến sĩ cộng sản phải trải qua rèn luyện gian khổ trong đấu tranh cách mạng:

Gạo đem vào giã, bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông.
Sống ở trên đời, người cũng vậy:
Gian nan rèn luyện mới thành công.

Nghe tiếng giã gạo

Người cách mạng luôn luôn giữ vững niềm tin ở thắng lợi cuối cùng:

Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn rõ lòng ngay;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay.

Đoán chữ

Người cách mạng là người bình thường, như cái cột kilômét, *"Không đế cũng không vương"* nhưng là người có công to vì là người chỉ lối đưa đường:

Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường.
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng, đúng phương.
Anh chỉ cho người biết,
Nào dặm ngắn, dặm trường.
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.

Cột cây số

Hồ Chủ tịch lớn tiếng tuyên bố quyền của các dân tộc. Các dân tộc đều có cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Mọi dân tộc, dù lớn dù nhỏ đều có quyền bình đẳng:

Kháng Nhật, cờ bay khắp Á Châu,
Cờ to, cờ nhỏ, chẳng đều nhau.
Cờ to đã hẳn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

Ngày 11 tháng 11

Nhật ký trong tù biểu hiện tư tưởng chiến lược của Hồ Chủ tịch, đó là tư tưởng chiến lược tiến công và nghệ thuật chỉ đạo cách mạng, chớp thời cơ phát động khởi nghĩa vũ trang:

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tiến công.
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.

Học đánh cờ

Nhật ký trong tù nói lên ý chí sắt đá, khí phách anh hùng, phẩm chất cao quý, phong thái ung dung của người chiến sĩ cộng sản Việt Nam.

Văn nghị luận của Hồ Chủ tịch là loại văn lý lẽ sắc bén, nhiệt tình sôi nổi, châm biếm chua cay hóm hỉnh, có nhiều hình ảnh.

Nói về sự tàn bạo Mỹ trong *Hành hình kiểu lynsơ*, Hồ Chủ tịch viết: "Trên mặt đất nhầy nhụa mỡ và khói, một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhăn nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vầng dương đang lặn rằng: đó là văn minh ư?". Hồ Chủ tịch còn viết thêm: "Hành hình kiểu lynsơ thật đáng chiếm một vị trí vinh dự trong bộ sưu tập những tội ác của nền "văn minh" Mỹ".

Nói về những tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương, Hồ Chủ tịch viết: "Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại". [1]

"Những người như ông Găngđi và ông Đơ Valơra có lẽ đã lên thiên đường từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ra ở một trong những thuộc địa của Pháp". [2]

Nói về chủ nghĩa tư bản, Hồ Chủ tịch viết: "Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết

1. Nguyễn Ái Quốc. *Đông Dương, Tạp chí Cộng sản* (Pháp) số 14, năm 1921
2. Nguyễn Ái Quốc: *Những ý nghĩ về vấn đề thuộc địa, báo Nhân đạo* (Pháp) ngày 25-5-1922.

con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra"[1].

Hồ Chủ tịch có cặp mắt rất tinh để phát hiện những cái mới. Nói về cuộc bãi công của 600 thợ nhuộm tháng 1–1922 ở Chợ Lớn (Nam Bộ), Hồ Chủ tịch cho đó là "dấu hiệu của thời đại". Hồ Chủ tịch đã viết: "Lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại". Hồ Chủ tịch đánh giá cao sự kiện đó, vì nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam "bắt đầu giác ngộ về lực lượng và khả năng của mình".

*

* *

Sau Hồ Chủ tịch, đồng chí Trường Chinh là cây bút xuất sắc của văn học cách mạng. Là người có quá trình lâu dài hoạt động cách mạng và sáng tác văn học, đồng chí Trường Chinh có cống hiến to lớn cho văn học cách mạng Việt Nam. Đồng chí đấu tranh không mệt mỏi chống những quan điểm văn học tư sản và tiểu tư sản, chống chủ nghĩa lãng mạn tiêu cực và các trường phái văn học suy đồi, có công lớn trong việc xây dựng nền lý luận văn học cách mạng Việt Nam. Đồng chí Trường Chinh không những là nhà lý luận văn học nổi tiếng, mà còn là một nhà thơ cách mạng có phong cách độc đáo. Với bút danh Sóng Hồng, đồng chí Trường Chinh đã sáng tác những bài thơ sôi nổi nhiệt tình cách mạng. Là người phụ trách chủ yếu của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn nghệ, đồng chí Trường Chinh là người khởi xướng và là người chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng trong lĩnh vực văn nghệ.

Đồng chí Trường Chinh là người đầu tiên vạch rõ ba căn bệnh lớn của nền văn hóa hợp pháp Việt Nam dưới thời thuộc Pháp là "phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng," nêu ba khẩu hiệu "dân tộc, khoa học, đại chúng" để phấn đấu xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, và nêu ba khẩu hiệu "tính dân tộc, tính hiện thực, tính nhân dân" để phấn đấu xây dựng nền văn nghệ mới Việt Nam. Trong bài *Mấy nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam*

---

1. Nguyễn Ái Quốc. *Cách mạng Nga với các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I. NXB Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 454.

hiện nay (năm 1944), đồng chí Trường Chinh viết: "Văn hóa hợp pháp Việt Nam nói chung hiện nay mang ba nhược điểm, ba căn bệnh lớn: phản dân tộc, phản khoa học, phản đại chúng". Đồng chí còn viết thêm: "Cho nên, văn hóa mới Việt Nam phải có ba tính chất: *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Riêng văn nghệ mới Việt Nam thì phải có đủ *tính dân tộc, tính hiện thực và tính nhân dân*".

Những bài luận văn chính trị của đồng chí Trường Chinh thể hiện một tầm nhìn chính trị thấy xa trông rộng, phân tích đúng đắn và sâu sắc các sự kiện, dự kiến được những sự việc sẽ xảy ra, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi tất yếu của sự nghiệp cách mạng. Trong thời kỳ khủng bố trắng của thực dân Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các bài văn chính luận của đồng chí Trường Chinh là những bó đuốc soi đường cho quần chúng nhân dân tiến lên trong đêm dài đen tối.

Văn của đồng chí Trường Chinh là lối văn trong sáng, dễ hiểu, khoa học, súc tích, đanh thép, hừng hực lửa chiến đấu.

Văn nghị luận của đồng chí Trường Chinh có nhiều hình ảnh. Trong tác phẩm *Vấn đề dân cày* (cùng viết với đồng chí Võ Nguyên Giáp), nói đến nạn mù chữ của dân cày là những người thường điểm chỉ thay cho chữ ký, đồng chí Trường Chinh đã nhắc tới những "lá đơn mang hàng trăm lốt điểm chỉ trông đen ngòm như đời sống của dân cày". Trong bài *Lãnh tụ và phong trào* nói về "sự lầm lạc của Phan Bội Châu" trong việc làm thơ ca tụng tên thực dân Saten, đồng chí đã viết: "Cái cá nhân của cụ đã mờ dần cũng như sao mai gần tắt trong lúc mặt trời sắp mọc".

Trong bài *Hãy tiến gấp*, nói về tình hình cách mạng sôi sục ở nước ta, đồng chí Trường Chinh viết: "Cả Đông Dương như một cánh đồng cỏ khô; tàn lửa cách mạng động rơi vào đâu cũng có thể bốc cháy".

Trong bài *Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ*, nói về sự hòa hoãn giữa giặc Nhật và giặc Pháp ở Đông Dương, đồng chí đã viết: "Nhưng sự "hòa hoãn" này có khác chi một cái nhọt bọc, chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín mõm mà vỡ tung ra".

Văn của đồng chí Trường Chinh cũng có nhiều đoạn châm biếm hóm hỉnh chua cay. Trong bài: *Nhân bài phóng vấn tờrốtkít của ông Trương Tửu*, đăng trên báo *Tin tức* số 39, ngày 5-11-1938, sau khi phê phán những luận điệu xảo trá của Trương Tửu, đồng chí Trường Chinh

viết: "Cám ơn ông Trương Tửu đã nhắc lại cho chúng tôi những khẩu hiệu và lý luận trống rỗng, mâu thuẫn và chưởi sự thực ấy, khiến cho chúng tôi có dịp giải thích cho bạn đọc khỏi lầm cái luận điệu của bọn tờrốtkít".

Trong bài *Trở lại bài phỏng vấn tờrốtkít của ông Trương Tửu*, đăng trên báo *Tin tức* số 42, ra ngày 15–11–1938, nói về những câu nói lung tung trái sự thực của Trương Tửu, đồng chí Trường Chinh viết: "Những câu ấy đã khoác một cái áo rất hào nhoáng: văn ông Trương Tửu. Nhưng rủi thay cho bọn tờrốtkít, đó là một thứ áo bóng nó để cho người ta trông suốt được những nốt ghẻ trong người. Nó còn cho ta thấy nhiều luận điệu lúng túng mâu thuẫn, chối sự thực của bọn tờrốtkít".

Sóng Hồng – bút danh mà đồng chí Trường Chinh thường ký dưới các bài thơ của mình – là một phong cách độc đáo trong vườn thơ cách mạng Việt Nam. Sóng Hồng, như tác giả tự nhận, không phải là một nhà thơ chuyên nghiệp, mà chỉ là một nhà cách mạng yêu thơ và biết làm thơ. Sóng Hồng làm thơ để phục vụ tuyên truyền cách mạng và để ghi lại những tình cảm sâu sắc của mình. Qua thơ Sóng Hồng, người ta thấy hiện lên hình tượng một chiến sĩ cộng sản có tâm hồn "cao khiết", sôi sục nhiệt tình cách mạng, tỉnh táo sáng suốt trước gian nguy thử thách, có hoài bão lớn, có lòng tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng.

Ngay từ năm 1927, với bầu máu nóng của tuổi thanh niên, Sóng Hồng đã muốn bay nhảy đi tìm lý tưởng, tìm đồng chí:

Chim kia ơi,
Xuống đây chơi,
Đêm khuya xao xác bay xa vời.
Bạn bè xa cách,
Đôi ngả đôi nơi;
Chim xuống cho ta còn mượn cánh,
Để ta bay khắp bốn phương trời.

Nhớ bạn

Năm 1931 bị địch bắt giam trong nhà lao Hỏa Lò, Sóng Hồng vẫn một lòng "tin tưởng":

Quản chi nếm mật với nằm gai,
Trời biển mênh mông vẫn đợi người.

Chí lớn nấu nung trong ngục tối,
Sẽ đem thi thố một ngày mai.

Tin tưởng

Bị đày lên Sơn La, vào khoảng những năm 1934 – 1935, khi "đi xe nước" cũng như khi đi "lấy củi", Sóng Hồng đều nghĩ đến việc nước, việc dân.

Khi đi xe nước thì:

Việc nước nặng nề ai gánh vác?
Đầy vơi, trách nhiệm ở hai người.

Đi xe nước

Khi đi lấy củi thì:

Đồng bào đau xót lầm than,
Mà ai nắng xế, sương tan qua ngày!
Đốt cho tiêu kiếp đọa đày,
Cho bừng lửa hận, biết tay anh hùng.

Lấy củi

Người chiến sĩ cộng sản tự rèn luyện mình trong đấu tranh cách mạng, trong cảnh tù đày gian khổ:

Gian khổ trau dồi bao trái tim!
Trau dồi bao khối óc thanh niên!
Gang kia đã luyện nên thành thép
Thép có tôi rồi mới rắn thêm.

Tin tưởng

Người chiến sĩ cộng sản cũng là con người. Cũng như mọi con người khác, họ có cha, mẹ, vợ, con, và thương yêu cha, mẹ, vợ, con như mọi người. Họ chỉ khác những người bình thường khác ở chỗ họ có lý tưởng; họ giác ngộ cách mạng, họ chiến đấu để giải phóng dân tộc, phục vụ nhân dân. Họ sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng, vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc. Họ đặt nghĩa vụ đối với Tổ quốc lên trên tình cảm đối với gia đình.

Sóng Hồng đã mạnh dạn xông thẳng vào khía cạnh đó trong tình cảm người chiến sĩ cộng sản. Trong bài *Đi*, viết năm 1939 để tặng vợ, Sóng Hồng đã đề cập đến mâu thuẫn giữa "tình yêu" và "nghĩa vụ", và đã đưa ra một lối giải quyết dứt khoát, theo đúng nhân sinh quan của người cộng sản, đặt "nghĩa vụ" lên trên "tình yêu":

Nhớ buổi cùng nhau vui ước mơ,
Trăng tròn đang độ, nhụy đang tơ.
Yêu nhau ta hẹn cùng yêu nước,
Xao xuyến lòng anh bao ý thơ!

... Rồi một chiều thu anh ra đi,
Chưa vui sum họp, sầu chia ly.
Tiễn anh, em đứng trong khung cửa,
Giọt lệ như ngừng đọng dưới mi.

Đi

Từ cọ xát nảy ra tia lửa, từ mâu thuẫn nảy ra chân lý, từ cảnh ngộ éo le nảy ra tác phẩm nghệ thuật, đó là hiện tượng thường xảy ra trong văn học. Song có điều mới lạ ở đây là lý tưởng cao cả được kết hợp nhuần nhuyễn với tình cảm chân thật, không tô vẽ, nhưng rất đẹp và rất thơ. Giữa lúc các nhà thơ lãng mạn cho rằng viết tặng người yêu, tặng những cô gái giang hồ thì mới thật sự là "thơ", còn viết tặng vợ thì chẳng có gì là "thơ", Sóng Hồng đã viết tặng vợ một bài thơ vừa có tính tư tưởng lại có tính nghệ thuật – một bài thơ rất thơ.

Thơ Sóng Hồng toát ra tinh thần lạc quan cách mạng:

Bình minh hửng sáng ở phương Đông,
Xé toạc màn sương phủ cánh đồng.
Đêm sẽ qua đi, ngày sẽ lại,
Trời quang mây tạnh, ánh dương hồng.

Tin tưởng

Sống giữa xã hội thực dân phong kiến mục nát đầy chết chóc đau thương, Sóng Hồng vẫn nhìn thấy viễn cảnh của xã hội tương lai tốt đẹp:

Chiếc cốc đời đang tràn đầy máu lệ,
Và lẵng trần gian nặng trĩu trái đau thương.
Nhưng trời ửng hồng và xa xa lặng lẽ,
Đang mọc lên một thế giới huy hoàng.

Xuân đã về

Vì vậy, thơ Sóng Hồng tràn đầy hy vọng:

A! Những chuỗi cười trong như pha lê,
Như thúc giục muôn người ra hoạt động.
Trong năm mới long lanh màu hy vọng.

Xuân đã về

Đối với người cộng sản Việt Nam, hoạt động cách mạng không phải chỉ làm nhiệm vụ đối với dân tộc mà còn là để góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới:

Trên vũ đài nhân loại cuộc vui chung,
Có tiếng hát dân Việt Nam hùng tráng.

Diệt phát xít

*

* *

Trong văn học cách mạng, Tố Hữu là nhà thơ nổi tiếng nhất.

Đầu tháng 9–1938, báo *Dân*, cơ quan của Xứ ủy Trung Kỳ của Đảng Cộng sản Đông Dương, xuất bản tại Huế, trong mục "Vần thơ", cho ra mắt bạn đọc tên tuổi một nhà thơ mới: Tố Hữu. Báo *Dân số* 10 ra ngày 6 -9 -1938 đăng bài *Mồ côi*. Tiếp đó báo *Dân* số 11, ra ngày 9–9–1938, đăng bài *Vú em*. Từ đó, đều đều, các bài thơ của Tố Hữu được lần lượt đăng trên các báo hợp pháp của Đảng ở Trung, Nam, Bắc. Ngay từ đầu, thơ Tố Hữu đã cuốn hút được đông đảo bạn đọc trong cả nước, nhất là các bạn thanh niên. Người ta tìm thấy trong thơ Tố Hữu một cái gì mới, thật sự mới, hoàn toàn khác hẳn tất cả những gì mà người ta gọi là "thơ mới" hồi bấy giờ. Người ta tìm thấy trong thơ Tố Hữu một hơi thở mới, hơi thở của thời đại.

Tố Hữu sinh ra và lớn lên giữa núi Ngự sông Hương đầy thi vị, giữa tiếng đàn bầu và điệu hò mái nhì, có một bà mẹ thuộc làu nhiều tục ngữ ca dao và một ông bố nhà nho nghèo sống với thú vui sưu tầm ca dao tục ngữ, hay làm thơ tuy thơ không hay, và thường dạy cho con làm thơ; nhờ đó, Tố Hữu rất yêu thơ và biết làm thơ từ ngày còn bé.

Tố Hữu lớn lên gặp lúc phong trào Mặt trận Dân chủ do Đảng Cộng sản phát động đang rầm rộ, sôi nổi. Phong trào Mặt trận Dân chủ không phải chỉ là một cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị, mà còn là một cuộc đấu tranh trên các lĩnh vực triết học và văn học nữa. Vừa mới lớn lên, vừa có trí hiểu biết, vừa bắt đầu suy nghĩ, thì Tố Hữu may mắn được gặp ngay ánh sáng của Đảng. "Nếu không có phong trào Mặt trận Dân chủ, không biết cuộc đời của mình sẽ đi tới đâu?" Có lần Tố Hữu đã tâm sự như thế. Phong trào Mặt trận Dân chủ đánh dấu sự mở đầu đời cách mạng và đời thơ của Tố Hữu. Quả đúng như Tố Hữu sau này đã viết:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ,
Mặt trời chân lý chói qua tim.
Hồn tôi là một vườn hoa lá,
Rất đậm hương và rộn tiếng chim.

Từ ấy

*
* *

Và một khi *"đã say mùi hương chân lý"* thì nhà thơ sẽ là *"đoàn chiến hạm ra đi, hùng dũng tiến, đạp đầu muôn ngọn sóng"*:

Ta bước tới. Chỉ một đường: cách mạng!
Vững lòng tin sẽ nắm chắc thành công.
Như những con tàu giữa biển mênh mông,
Còn xa đất, vẫn tin ngày cập bến.

Như những con tàu

Được trang bị bằng các quan điểm của Đảng và của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tố Hữu đã phê phán chủ nghĩa lãng mạn tiêu cực. Tố Hữu đã dùng hình tượng nghệ thuật để bác bỏ quan điểm sai lầm, lạc hậu và phản động của các nhà văn lãng mạn tiêu cực. Đối với các nhà văn lãng mạn tiêu cực, một người con gái đã làm đĩ thì suốt đời phải làm đĩ. Đó là một thứ định mệnh, không ai có thể thoát ra được. Cô Tuyết trong tiểu thuyết *Đời mưa gió* của Nhất Linh là một ví dụ. Được ông giáo Chương cứu ra khỏi nhà chứa, Tuyết, cô gái đĩ, một đêm đông, giữa xác pháo đầy đường, đã bỏ nhà ông giáo Chương để trở về với cuộc "đời mưa gió".

Với bài thơ *Tiếng hát sông Hương*, Tố Hữu đã bác bỏ thuyết định mệnh đó của Nhất Linh. Trước câu hỏi của cô gái:

Em đi với chiếc thuyền không,
Khi mô vô bến rời dòng dâm ô!
Trời ơi! Em biết khi mô,
Thân em hết nhục giày vò năm canh?

Nhà thơ cách mạng Tố Hữu đã trả lời:

Răng không, cô gái trên sông,
Ngày mai cô sẽ từ trong tới ngoài.
Thơm như hương nhụy hoa lài,
Sạch như nước suối ban mai giữa rừng.

Tố Hữu đã đem chủ nghĩa lạc quan của văn học cách mạng xua

đuổi tâm lý bi quan, tuyệt vọng của văn học lãng mạn tư sản.

Tố Hữu phê phán mạnh mẽ các nhà thơ lãng mạn tiêu cực. Đối với nhà thơ ca tụng "Huế đẹp và thơ" không phân biệt Huế của công nhân và dân nghèo thành thị với Huế của bọn thực dân và vua quan phong kiến, Tố Hữu đã phản ứng lại bằng những câu:

Ta nện gót trên đường phố Huế,
Dửng dưng không một cảm tình chi!

Viết như thế không có nghĩa là Tố Hữu không yêu quý quê hương của mình. Ở đây chỉ có nghĩa là Tố Hữu dùng quan điểm giai cấp để nhìn và đánh giá cố đô Huế, qua đó Tố Hữu nêu rõ sự khác nhau giữa quan điểm của mình và quan điểm của các nhà thơ lãng mạn:

Ai tưởng ngàn năm nương đất ấy,
Mầm non thêm nhựa, lá thêm tươi.
Ôi mỉa mai! hồn ta chỉ thấy,
Rêu hèn sống gửi nhánh khô thôi.
Ai tưởng thiên đường sao nhấp nhánh,
Tài hoa tinh kết, ngọc long lanh.
Ta chỉ thấy nơi đây mồ lạnh,
Chôn linh hồn đắm đuối hư danh!

Dửng dưng

Đối với nhà thơ, đi tìm vẻ đẹp trong điêu tàn, đi trốn vào trong quá khứ, Tố Hữu phê phán:

Thi sĩ hỡi! Đi tìm chi vơ vẩn,
Trong hồn già đã chết những yêu mơ?

Tháp đổ

Và khuyên hãy nhìn thẳng về tương lai:

Hãy cắt đứt những dây đàn ca hát,
Những sắc tàn, vị nhạt của ngày qua.
Nâng đón lấy màu xanh hương bát ngát,
Của ngày mai muôn thuở với muôn hoa.

Tháp đổ

Thái độ *quyết liệt* của Tố Hữu trong bài thơ trên đây là sự *xác định lập trường*, là sự *tuyên chiến* đối với một nền văn học cũ gắn với các giai cấp tư sản và tiểu tư sản, gắn với hệ tư tưởng tư sản, đồng thời là sự khẳng định một nền văn học mới, gắn với giai cấp công nhân và hệ tư tưởng Mác – Lênin, gắn với độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội. Thái độ quyết liệt đó là cần thiết, vì cần phải kiên quyết chống lại những quan điểm sai trái, có hại; vì cần phải giành quyền lãnh đạo văn học nghệ thuật cho giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản, chống lại giai cấp tư sản. Hồi bấy giờ, nếu do dự là nguy hiểm, mà cần phải quyết liệt; tuy rằng trong thái độ quyết liệt có phần nào thiếu sự nhuần nhị. Nhược điểm "thiếu nhuần nhị" đó của Tố Hữu trong bài *Tháp đổ* sáng tác hồi tháng 3–1938 được nhà thơ sửa chữa lại trong bài thơ *Qua cổ tháp* sáng tác hồi tháng 5 năm 1941, trong đó anh tỏ ra thông cảm với nhà thơ lãng mạn tuy vẫn tiếp tục bác bỏ những quan điểm sai lầm của họ:

Chạnh lòng tưởng nhớ thân nô lệ,
Mà hận cừu chung bỗng réo sôi!

Qua cổ tháp

Ở đây, Tố Hữu đã tìm được "mẫu số chung" là "thân nô lệ" để có thể thực hiện sự đoàn kết trong sự nghiệp cứu nước. Điều đó chứng tỏ sự trưởng thành của nhà thơ cả về mặt tư tưởng và mặt nghệ thuật.

Qua thơ Tố Hữu, rải rác một đôi chỗ, người ta có thể tìm thấy dấu vết ảnh hưởng của một số dòng thơ công khai hồi bấy giờ. Ảnh hưởng đó biểu hiện ở cả hai mặt: mặt tiếp thu và gợi ý, mặt chọi lại và bác bỏ.

Trong bài *Nhớ người* của Tố Hữu, người ta có thể nhận thấy tác dụng gợi ý ban đầu của bài *Nhớ rừng* của Thế Lữ. Nhưng nếu con hổ trong cũi sắt của Thế Lữ *nhớ rừng cây*, thì con người trong xà lim của Tố Hữu lại *nhớ rừng người*. Nếu Thế Lữ quay về quá khứ, luyến tiếc thời xa xưa vẻ vang của dân tộc *("Than ôi! Thời oanh liệt còn đâu! Nay ta ôm mối hận ngàn thu")* thì Tố Hữu nhìn thẳng vào tương lai:

Ta nhớ lắm, hỡi bạn đời yêu dấu,
Con muôn thuở của tinh thần chiến đấu,
Kiến trúc sư của xã hội ngày mai!

Cũng tương tự như thế, người ta có thể tìm thấy trong thơ Tố Hữu ảnh hưởng của văn học Pháp.

Đọc câu đầu trong bài *Liên hiệp lại*, người ta có thể nhận thấy ảnh hưởng của bài *Cái chết của con chó sói* của Anphrê đờ Vinhi. Nhưng nếu Vinhi cho rằng:

Seul, le silence est grand, tout le reste est faiblesse...
Gémir, pleurer, prier est également lâche.

(Chỉ có im lặng là vĩ đại, còn lại đều là yếu đuối...
Rên rỉ, khóc than, cầu khẩn đều là hèn nhát).

thì Tố Hữu lại cho rằng:

Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối,
Và dại khờ là những lũ người câm.

Đối với Vinhi, nhẫn nhục chịu đựng là vĩ đại. Trái lại, đối với Tố Hữu, nhẫn nhục chịu đựng là khờ dại. Vinhi kêu gọi kiên nhẫn chịu đựng ách thống trị của bọn bóc lột. Tố Hữu, trái lại, kêu gọi đấu tranh:

Đời đói lạnh bởi không hề đòi hỏi,
Ngậm căm hờn mà chuốc những ưu tư.

Tố Hữu lớn tiếng hiệu triệu:

Hãy đứng dậy! Này, ta liên hiệp lại!
Hỡi tù nhân khốn nạn của bần cùng!

Không có gì đáng ngạc nhiên, khi người ta phát hiện ra ảnh hưởng qua lại giữa các nhà thơ cùng một thời đại hay khác thời đại, cùng một nước hay ở những nước khác nhau. Điều đáng chú ý trong thơ Tố Hữu là ở chỗ Tố Hữu tiếp thu ảnh hưởng của các dòng thơ khác một cách có chọn lọc và có phê phán. Tố Hữu tiếp thu "cái nhân hợp lý" trong đó, đồng thời chọi lại và bác bỏ mặt tiêu cực, có hại. Trong các dòng thơ khác nhau của các thời đại, có cái lành mà cũng có cái độc. Tố Hữu chỉ tiếp thu cái lành mà loại bỏ cái độc. Một điều đáng chú ý nữa là giữa Tố Hữu và các nhà thơ mà Tố Hữu có phần nào chịu ảnh hưởng, chỗ *giống* nhau thì ít mà chỗ *chống* nhau thì nhiều. Sở dĩ có chỗ *chống chọi* nhau đó là do có sự khác nhau về thế giới quan và nhân sinh quan. Xét cho cùng, cái gọi là "chịu ảnh hưởng" đó chẳng qua chỉ là sự gợi ý ban đầu cho một bài thơ mới ra đời mà thôi.

Người ta có thể chia các bài thơ của Tố Hữu sáng tác từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở về trước ra làm ba phần:

Phần thứ nhất gồm những bài thơ anh làm trong thời gian hoạt động công khai trong Đoàn thanh niên dân chủ Huế cho đến khi anh bị bắt (cuối tháng 4–1939).

Phần thứ hai gồm những bài thơ anh làm trong thời gian bị giam trong các nhà tù cho đến ngày anh vượt ngục (đầu năm 1942).

Phần thứ ba gồm những bài thơ anh làm trong thời gian hoạt

động bí mật sau khi vượt ngục cho đến ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (9–1945).

Mỗi phần trên đây phản ánh một giai đoạn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của anh, đồng thời phản ánh một thời kỳ của cách mạng Việt Nam. Mỗi phần có một nội dung riêng và cách thể hiện có phần khác nhau.

Khoảng 70 bài thơ của Tố Hữu từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở về trước, đã được sưu tầm và in trong tập *Từ ấy*, là thành quả của một quá trình hoạt động cách mạng sôi nổi và lao động nghệ thuật cần cù. Từng bước, từng bước, những bài thơ đó nói lên sự trưởng thành về trình độ tư tưởng và tài năng sáng tạo của nhà thơ đồng thời là chiến sĩ cách mạng Tố Hữu.

Tố Hữu bắt đầu bằng việc nói lên những tình cảm và ý nghĩ của mình đối với những người nghèo khổ: em bé mồ côi, người đầy tớ gái, em bé hát rong, người vú em, lão đầy tớ, những người lao động dưới "hầm sâu" v.v... Tố Hữu dùng quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của Đảng để vạch trần những mâu thuẫn trong "xã hội điêu tàn":

Kể làm sao cho hết cảnh lầm than,
Lúc trái ngược đã tràn đầy tất cả!

Hai đứa bé

Tố Hữu bày tỏ sự cảm thông sâu sắc đối với những người lao động nghèo khổ. Nhà thơ giúp cho mọi người hiểu rõ nguồn gốc nỗi đau khổ của những người lao động là chế độ xã hội thuộc địa đương thời:

Bạn ơi, nguồn thảm sầu kia bởi
Số phận hay do chế độ này?

Vú em

Tố Hữu không chỉ nói lên nỗi đau khổ của những người lao động dưới chế độ cũ mà còn nêu bật tinh thần đấu tranh của họ nhằm phá vỡ chế độ đó:

Này phá, dô ta! này ta phá!
Dô ta! cho mở cửa hầm sâu!

Hầm người

Và *"Hầm người"* đang rã *"bởi khối người kia đã ngẩng đầu!"*

Trong đấu tranh sẽ có mất mát hy sinh, nhưng sự nghiệp cách mạng nhất định sẽ giành được thắng lợi:

Mỗi thây rơi sẽ là một nhịp cầu
Cho ta bước đến cõi đời cao rộng.

Hãy đứng dậy

Thơ của Tố Hữu trước hết là thơ của tuổi trẻ:

Kiêu hãnh chút, bạn đời ơi, tuổi trẻ,
Say tương lai là tuổi của anh hùng!

Ý xuân

Và đó cũng là thơ của mùa xuân:

Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới,
Bạn đời ơi, vui lắm, cả trời hồng!

Ý xuân

Xuân của Tố Hữu là xuân chiến đấu, xuân chiến thắng:

Trời hôm nay dầu xám ngắt màu đông,
Ai cản được mùa xuân xanh tươi sáng,
Ai cản được những đoàn chim chiến thắng,
Sắp về đây tắm nắng xuân hồng?

Xuân đến

Thơ Tố Hữu nói lên nguyện vọng được sống trong hòa bình của nhân dân các nước và phản ánh cuộc đấu tranh của họ chống chiến tranh xâm lược. Tố Hữu bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ đối với nhân dân Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống quân phát xít Nhật Bản. Trong bài gửi những người mẹ và những người vợ Nhật, Đức, Ý, anh kêu gọi lấy tình thương để ngăn cản chiến tranh đế quốc.

Đối với Tố Hữu, " tình thương" không phải là "tình cảm" mà là "tình chiến đấu".

Nổi bật trong thơ Tố Hữu là hình tượng của con người chiến sĩ cộng sản Việt Nam. Đó là con người có tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm, luôn ở trong tư thế cách mạng tiến công. Đó là con người có bộ mặt tinh thần vô cùng phong phú.

Các chiến sĩ cộng sản trong thơ Tố Hữu, mỗi người một vẻ. Nguyễn Chí Diểu là một "thủy thủ già vững lái" đang "nghe thu rứt lá gọi đời đi", là một người:

Đã từng đau khổ lắm, đã tiêu non
Tất cả máu của một thời trai trẻ.

Những người không chết

Mặc dù đang nằm trên giường bệnh và đang hấp hối, nhưng

Anh đương sống với bao nhiêu sinh lực
Của thân cây đương buổi nhựa lên cành!

Những người không chết

Nguyễn Chí Thanh (tức Vịnh), một chiến sĩ cộng sản sinh ra và lớn lên giữa cánh đồng quê, thì ở trong nhà tù "nhớ đồng":

Gì sâu bằng những trưa thương nhớ,
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!

Nhớ đồng

Và:

Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh,
Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!

Nhớ đồng

Lê Chưởng bị địch bắt và tra tấn cực kỳ dã man. Anh chị em tù chính trị làm reo để phản đối mật thám tra tấn người bị bắt. Nghe tiếng hò reo ủng hộ mình, Lê Chưởng:

Đang quằn quại, bỗng nghiêng tai sung sướng
Riết câm môi nhận cái chết không lời.

Tranh đấu

Huỳnh Ngọc Huệ, trên đường đi đày, nghe văng vẳng tiếng hát:

Đường lên xứ lạ Kông Tum,
Chung quanh đèo chật, trùng trùng núi cao.
Thông reo bờ suối rì rào,
Chim chiều chiu chít, ai nào kêu ai?

Tiếng hát đi đày

Giữa lúc đó, Huỳnh Ngọc Huệ *"Muốn gầm một tiếng tan u uất"*, nhưng *"Hận bỗng tuôn theo gió thổi dài"*.

Một chiến sĩ cộng sản khác, anh Lung, ra tù "trở về đeo kiếp thợ":

Sống hôm nay chẳng biết có ngày mai,
Hai bàn tay, ấy đó cả gia tài!
Anh sẽ lại lần hồi đi bán dạo,
Bao tủy máu, mua ngày hai bữa gạo,
Với quanh năm, đôi bộ áo quần xanh.

Đời thợ

Có chiến sĩ cộng sản, sau một thời gian dài ở tù và đi đày, mãn

hạn, trở về quê tìm thăm lại vợ con, thì cảnh vật đã đổi thay, ngôi nhà ngày trước của anh ngày nay người khác đã ở:

Nhưng ngõ nhà xưa đã tới đây,
Cột sơn đã đuổi liếp tre gầy.
Bảng mờ ai khắc tên lên đó?
Anh thấy sao như kẻ lạc loài...

... Anh hỏi nhà anh - "Không phải đây!"
Rồi thôi quay đóng cửa then gài,
Để ngoài sương gió chiều nghe lạnh,
Bên khóm tre già, khách đứng ngây...

Người về

Tố Hữu có nhiều bài thơ sinh động phản ánh cuộc sống và chiến đấu của người chiến sĩ cộng sản trong nhà tù. Buồn quanh quẩn và khổ vô biên là cảnh sống của người cộng sản trong nhà tù của đế quốc:

Đây con tàu im lặng vượt thời gian,
Toa lớn nhỏ quanh năm vừa chật chỗ.
Khách chen chúc trên hai hàng sạp gỗ,
Một lối đi vừa rộng giữa bờ xai...

Quanh quẩn

Đến trưa, những người tù đi làm về:

Múc gió vàng trong những nón vàng khô,
Và uể oải hắt vào lưng khét cháy.

Trưa tù

Bài *Tâm tư trong tù* miêu tả một cách sâu sắc tâm trạng của người chiến sĩ cộng sản khi bị địch bắt giam trong nhà lao. Bị giam trong nhà tù, nhà thơ khao khát cuộc sống tự do ở bên ngoài. Nhưng nhà thơ nhận ngay ra rằng mình nghĩ như thế là "mơ hồ", vì trên thực tế, xã hội bên ngoài chỉ là một nhà tù rộng lớn:

Tôi chỉ một con chim non bé nhỏ
Vứt trong lồng con giữa một lồng to.

Dưới ách thống trị của bọn đế quốc và phong kiến, cả xã hội Việt Nam là một "nhà tù lớn", còn nhà tù chỉ là một "nhà tù nhỏ", và người tù chỉ là "một con chim non bé nhỏ vứt trong lồng con giữa một lồng to".

Người cộng sản ở trong nhà tù vẫn "giữ trinh bạch linh hồn trong bụi bẩn". Bị nhốt trong nhà lao, người chiến sĩ cộng sản vẫn nêu cao ý chí đấu tranh kiên cường:

Tung ngục tù ra, tung ngục tù ra!
Ai đâu giam cầm được hồn ta,
Ai đâu giam cầm được lời ca?

14 tháng 7

Người tù cộng sản trong giờ phút làm reo quyết liệt:

Trán gân mo nhuộm tím máu căm hờn,
Chân đánh nhịp vang một gian khám hẹp.
Mà song kín, tường cao và cửa thép,
Vẫn không ngăn tiếng thét của tâm hồn.

Tranh đấu

Trong nhà tù, người cộng sản vẫn ca hát, lời ca của họ vượt qua song sắt nhà tù và đi thẳng vào trong quần chúng.

Xuyên suốt trong các bài thơ của Tố Hữu là nhân sinh quan cách mạng của anh. Đó là thái độ của người cộng sản trước cái sống và cái chết:

Hận trào lên khinh cái chết kề bên,
Chí miên man theo ý nghĩ lưu truyền:
Phải đạp đổ cường quyền quân đế quốc!
Dù chăng nữa để hồi sinh dân tộc,
Phải tan đầu, nát óc, ta cần chi!

Tranh đấu

Lỡ gặp thất bại, người chiến sĩ cộng sản không bao giờ nhụt chí. Sau mỗi lần thất bại, người chiến sĩ cộng sản lại vùng dậy tiến lên.

Dậy mà đi! Dậy mà đi!
Đừng tiếc nữa, can chi mà tiếc mãi?

Dậy mà đi

Người chiến sĩ cộng sản sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng:

Đường tranh đấu không một giờ thoái bộ,
Sống đã vì cách mạng, anh em ta.
Chết cũng vì cách mạng, chẳng phiền hà!
Vui vẻ chết như cày xong thửa ruộng.
Lòng khỏe nhẹ anh dân quê sung sướng,
Ngửa mình trên liếp cỏ ngủ ngon lành.

Và trong mơ thơm ngát lúa đồng xanh,
Vui nhẹ đến trên môi cười hy vọng.

Trăng trối

Thơ Tố Hữu là một loại thơ trữ tình; nó "trữ" cái "tình" cách mạng. Tố Hữu làm thơ để nói lên tâm tư và ý chí cách mạng của mình, đồng thời cũng để nói lên tâm tư và ý chí cách mạng của đồng bào, đồng chí. Anh làm thơ để tự cổ vũ mình và cổ vũ đồng bào đồng chí đấu tranh cách mạng. Trong những lúc gian nan thử thách, người chiến sĩ cộng sản phải tâm niệm, tu dưỡng để giữ vững phẩm chất cách mạng của mình. Làm thơ cũng là một cách có hiệu quả góp phần vào việc đó. Tố Hữu làm thơ để tâm niệm, tu dưỡng và để giúp các đồng chí khác tâm niệm, tu dưỡng, giữ vững ý chí cách mạng của mình. Trong thơ Tố Hữu, cái "tôi" của nhà thơ và cái "ta" của quần chúng cách mạng quyện chặt làm một. Chính vì thế, thơ của Tố Hữu vừa chân thật, làm rung động được lòng người, lại được quần chúng cách mạng chấp nhận là của họ. Thơ của Tố Hữu thuộc về Đảng, thuộc về nhân dân cách mạng. Cái có ý nghĩa to lớn nhất của thơ Tố Hữu là ở chỗ đó. Kết hợp nhuần nhuyễn tính tư tưởng và tính nghệ thuật, thơ Tố Hữu là đỉnh cao của thơ ca cách mạng. Đó là tiếng hát của cách mạng, tiếng hát của những người cộng sản Việt Nam.

*
* *

Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh, đồng chí Tố Hữu là những người có cống hiến đặc biệt to lớn đối với sự nghiệp văn học cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, nhiều đồng chí khác cũng có những đóng góp tích cực cho văn học cách mạng.

Về thơ, đó là các đồng chí: Hoàng Văn Thụ, Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Đặng Xuân Thiều, Lê Tất Đắc, Lê Mạnh Trinh, Phạm Thị Trinh, v.v...

Về văn xuôi, đó là các đồng chí: Lê Văn Hiến (tác giả của *Ngục Kông Tum*), *Trần Huy Liệu* (tác giả của *Côn Lôn ký sự*), Tôn Quang Phiệt (tác giả của *Một ngày ngàn thu*), Trần Đình Long (tác giả của *Ba năm ở Nga Xô viết*), Trần Đức Sắc tức Văn Tân, bút danh là Cựu Kim Sơn (tác giả của *Vượt ngục*), v.v...

Về lý luận, phê bình văn học, đó là các đồng chí: Hải Triều, Đặng Thai Mai.

VĂN HỌC CÁCH MẠNG VÀ CUỘC CÁCH MẠNG TRONG VĂN HỌC

Dưới ách thống trị của đế quốc Pháp, mặc dù bị đàn áp cực kỳ dã man, văn học cách mạng vẫn không ngừng phát triển và trở thành *chủ lưu* của văn học dân tộc. Văn học cách mạng có sức sống mãnh liệt, vì nó thấm nhuần tư tưởng cách mạng vĩ đại là chủ nghĩa Mác – Lênin, nó là con đẻ của nhân dân cách mạng, được nhân dân cách mạng bảo vệ và lưu truyền, nó lớn lên không ngừng cùng với đà tiến lên của cách mạng.

Giặc Pháp cướp nước ta. Dưới thời thuộc Pháp, văn học giữ địa vị thống trị ở nước ta là "văn học" của đế quốc Pháp. Đó là thứ "văn học ngoại lai" chứ không phải là văn học dân tộc. Giai cấp phong kiến nước ta đầu hàng đế quốc Pháp. Nền văn học của giai cấp phong kiến khô héo cằn cỗi, mất hết nhựa sống của dân tộc và phản bội Tổ quốc. Giai cấp tư sản thỏa hiệp với bọn đế quốc và phong kiến. Nó chấp nhận thực tại. Nền văn học của giai cấp tư sản vuốt ve mơn trớn thực tại, truyền bá tư tưởng thỏa hiệp "đề huề" với đế quốc và phong kiến. Giai cấp tiểu tư sản bất mãn với bọn đế quốc và phong kiến, nhưng không đủ dũng khí đấu tranh chống đế quốc và phong kiến. Nó từ chối thực tại, nhưng không đủ nghị lực đánh đổ thực tại. Nền văn học của giai cấp tiểu tư sản rên rỉ van lơn, than thân trách phận, gieo rắc tư tưởng yếm thế bi quan. Chỉ có giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa là giai cấp dũng cảm đấu tranh chống đế quốc và phong kiến để giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động. Nền văn học của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa sôi sục nhiệt tình cách mạng, lạc quan yêu đời, hừng hực khí thế cách mạng tiến công. Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của văn học dân tộc, văn học cách mạng gắn liền với giai cấp công nhân tiêu biểu cho văn học dân tộc trong thời đại mới. Nó gồm đủ thơ, văn xuôi và lý luận phê bình văn học. Nó có một khối lượng tác phẩm đồ sộ. Đó là chưa kể lời của rất nhiều bài ca và bản nhạc cách mạng. Đó cũng chưa kể nhiều bản kịch đã từng được diễn ở trong nhà tù hoặc ở ngoài nhà tù mà đến nay chưa sưu tầm được. Văn nghệ cách mạng có đội ngũ nhà thơ, nhà văn của nó. Nó có quần chúng bạn đọc đông đảo. Nó vượt qua thử thách của thời gian. Thực tế lịch sử đã chứng minh rằng *văn học*

cách mạng là chủ lưu của văn học dân tộc.

Văn học cách mạng được sản sinh ra từ phong trào cách mạng. Đó là những người cách mạng nói về mình, về đồng chí và đồng bào của mình. Những người cách mạng vừa là tác giả vừa là độc giả của nó. Các chiến sĩ cách mạng và quần chúng cách mạng sáng tạo ra nó, đọc nó, nuôi sống nó, bảo vệ nó, sử dụng nó làm một công cụ đấu tranh cách mạng. Chính vì vậy mà nó có sức sống mãnh liệt. Bọn đế quốc và phong kiến dùng đủ mọi biện pháp chống lại nó, nhưng vẫn không thể tiêu diệt được nó.

Văn học cách mạng là một nền văn học chiến đấu. Nó không chỉ phản ánh cuộc chiến đấu mà chính nó chiến đấu. Nó là một mặt của cuộc chiến đấu cách mạng.

Văn học cách mạng ra đời là một cuộc cách mạng trong văn học Việt Nam. Xét về nội dung tư tưởng cũng như về hình thức nghệ thuật, văn học cách mạng có nhiều điểm không giống các nền văn học đã có từ trước ở nước ta.

Văn học dưới các thời phong kiến và thực dân thể hiện quan điểm tư tưởng của giai cấp phong kiến, tư sản hoặc tiểu tư sản; văn học cách mạng, trái lại, thể hiện quan điểm tư tưởng của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Về mặt thế giới quan, văn học cách mạng dựa trên cơ sở triết học của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; nó phản đối chủ nghĩa duy tâm siêu hình và chủ nghĩa duy vật máy móc là cơ sở triết học của các nền văn học cũ. Văn học cách mạng đấu tranh chống những tư tưởng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, xóa bỏ ảnh hưởng của văn hóa nô dịch, nêu cao tinh thần độc lập dân tộc trong việc xây dựng nền văn học mới.

Nội dung của văn học cách mạng phản ánh cuộc sống và đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, phản ánh những tâm tư và nguyện vọng của họ. Nó hoàn toàn khác nội dung của văn học phản ánh đời sống xa hoa và thủ đoạn bóc lột của các giai cấp phong kiến, tư sản, hoặc cuộc sống cô đơn và tâm trạng bi quan thất vọng của giai cấp tiểu tư sản.

Văn học cách mạng không chỉ phản ánh đời sống xã hội một cách thụ động, mà còn có tác dụng góp phần cải tạo xã hội một cách có ý thức và thúc đẩy xã hội phát triển theo chiều hướng cách mạng.

Văn học cách mạng không chỉ đem lại những đổi mới trong nội dung, mà còn đem lại những đổi mới trong hình thức của văn học.

Văn học cách mạng làm cho tiếng nói văn học phong phú thêm. Có thể nói không quá đáng là nó đã tạo ra một ngôn ngữ văn học mới. Một mặt, do yêu cầu của truyền thống cách mạng, nhất là tuyên truyền chủ nghĩa xã hội khoa học, tuyên truyền tư tưởng chủ nghĩa Mác – Lênin, nó đã tạo ra những từ ngữ mới, làm cho tiếng nói văn học giàu có thêm với những thuật ngữ mới. Mặt khác, do nhân dân lao động, trước hết là công nhân và nông dân, được phát động, đứng dậy đấu tranh cách mạng và tham gia sáng tác văn học, đã đem vào trong văn học tiếng nói của quần chúng nhân dân, làm cho văn học giàu có thêm với tiếng nói hàng ngày của nhân dân. Từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, quần chúng công nhân và nông dân đứng dậy làm cách mạng, vị trí của công nhân và nông dân trong xã hội hoàn toàn khác trước, tiếng nói của quần chúng công nhân và nông dân giành được vị trí xứng đáng trong văn học. Ngôn ngữ văn học nhờ đó mà giàu có thêm. Văn học cách mạng thể hiện sự đổi mới trong ngôn ngữ văn học.

Trong thời gian đầu, những người cộng sản Việt Nam đã sử dụng các loại văn biền ngẫu, thơ bát cú, các điệu hát: ca trù, bồng mạc, sa mạc, hành vân, lưu thủy, kim tiền, bình bán, xàng xê líu, v.v... là những hình thức văn nghệ mà quần chúng đã quen thuộc, đem nội dung tư tưởng cách mạng lồng vào đó để tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng. Sau đó, tiến lên một bước mới, sử dụng các hình thức thơ mới, phóng sự, ký sự, truyện, kịch, v.v...

Văn học cách mạng gồm nhiều thể loại khá phát triển. Đó là loại văn hô hào cổ động sôi nổi nhiệt tình cách mạng. Đó là loại văn truy điệu các liệt sĩ cách mạng rung động lòng người, nêu cao tinh thần dũng cảm hy sinh của các chiến sĩ cộng sản, đồng thời phát động căm thù sâu sắc đối với bọn cướp nước và bọn bán nước. Đó là lời những bài ca cách mạng hừng hực khí thế đấu tranh. Đó là những bài văn chế giễu sâu sắc bọn bán nước buôn dân và bọn đầu cơ cách mạng. Đó là những bài văn nghị luận sáng tỏ, súc tích, rành mạch, sâu sắc. Đó là những bài văn bút chiến đanh thép, sắc bén. Đó là những loại truyện và ký viết về những con người cách mạng và các phong trào cách mạng. Đó là những thiên phóng sự về đời sống và đấu tranh của công nhân và nông dân. Đó là những vở kịch dựng lại những đoạn lịch sử oanh liệt của dân tộc.

Đặc biệt, phát triển mạnh mẽ hơn cả là thơ ca cách mạng. Đó cũng là điều dễ hiểu. Trong hoàn cảnh đàn áp dữ dội của bọn đế quốc và phong kiến, văn học cách mạng lưu hành chủ yếu bằng truyền miệng. Do có vần điệu, thơ ca cách mạng dễ nhớ, dễ thuộc, có thể lưu truyền dễ dàng từ người này qua người khác, từ nhà tù này qua nhà tù khác, từ nhà tù ra ngoài xã hội, từ vùng này qua vùng khác, từ thời này qua thời khác. Chính vì vậy, trong khối lượng văn học cách mạng đã sưu tầm được, thơ ca chiếm tỷ lệ nhiều hơn cả.

Hồ Chủ tịch trong thời gian ở Pháp (1917 – 1923), đã hoạt động tích cực trong phong trào công nhân của một nước tư bản chủ nghĩa phát triển có truyền thống cách mạng và truyền thống văn học vẻ vang nhất ở phương Tây. Chính tại Pháp, Hồ Chủ tịch đã tham gia thành lập đội tiền phong của giai cấp vô sản (Đảng Cộng sản Pháp). Cũng chính tại Pháp, Hồ Chủ tịch đã cho ra đời những tác phẩm văn học đầu tiên của Người, những tác phẩm này là những đóng góp quý báu đầu tiên của giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam vào kho tàng văn học theo chủ nghĩa Mác – Lênin của giai cấp vô sản quốc tế...

Trong bối cảnh lịch sử đó, Hồ Chủ tịch với nhiệt tình cách mạng và năng khiếu văn học của mình, đã nắm được phương pháp sáng tác tiên tiến nhất của thời đại: đó là điều hầu như là tất yếu. Sự thật hồi bấy giờ ở Pháp, Hồ Chủ tịch đã là một cây bút sắc sảo chuyên viết về đời sống của giai cấp công nhân Pháp, về đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân các thuộc địa Pháp, nhất là Đông Dương, về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới, về Lênin và đất nước của Lênin vĩ đại, về tình đoàn kết quốc tế...

Dựa vững chắc trên cơ sở của hiện thực cách mạng, văn học cách mạng chứa đựng những nhân tố lãng mạn cách mạng để có thể bay bổng lên cao. Những tác phẩm của Hồ Chủ tịch từ *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* đến *Con người biết mùi hun khói* là những bằng chứng xuất sắc về đặc điểm trên đây của văn học cách mạng Việt Nam.

Ngay trong bước đầu sáng tác văn học của Hồ Chủ tịch, hoạt động thực tiễn nghiêm chỉnh nhất đã được kết hợp với ước mơ vĩ đại nhất. Đứng vững trên mảnh đất của đời sống thực tế, Hồ Chủ tịch đã dùng trí tưởng tượng để phác họa ra một tương lai tốt đẹp. Rõ ràng ở đây có yếu tố lãng mạn cách mạng. Nhưng lãng mạn cách mạng ở đây không phải là một phương pháp sáng tác riêng biệt dựa trên cơ

sở một thế giới quan riêng biệt. Ở đây, lãng mạn cách mạng chỉ là một bộ phận hợp thành của văn học cách mạng Việt Nam.

Đối với các nhà văn cộng sản đứng vững trên cơ sở đời sống hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn không phải là xa lạ, mà là một bộ phận cấu thành của sáng tác văn học. Nhưng đây không phải là chủ nghĩa lãng mạn kiểu cũ, thứ chủ nghĩa lãng mạn biểu hiện cuộc sống không có thực và con người không có thực, nhằm làm cho bạn đọc xa rời những mâu thuẫn của đời sống thực tế để đi vào thế giới huyền hoặc, không tưởng. Trái lại, đây là thứ chủ nghĩa lãng mạn kiểu mới, chủ nghĩa lãng mạn cách mạng. Trong văn học cách mạng, chứa đựng yếu tố lãng mạn cách mạng, vì phong trào cách mạng của quần chúng lao động và yêu nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo là sự kết hợp của hoạt động thực tiễn với những mơ ước rộng rãi, với viễn cảnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Những người cộng sản Việt Nam đã sử dụng loại văn châm biếm như một vũ khí sắc bén trong cuộc sống chiến đấu chống quân thù. Họ chế giễu một cách chua cay những kẻ thù của cách mạng trong tác phẩm của họ. Nhiều truyện và ký của Hồ Chủ tịch là những bằng chứng sinh động về tính chiến đấu cao của loại văn châm biếm đó. Văn chính luận của Hồ Chủ tịch cũng có nhiều đoạn châm biếm sâu cay. Đoạn văn Hồ Chủ tịch đả kích cái gọi là "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương là một ví dụ: "Công lý được tượng trưng bằng một bà đầm, một tay cầm cái cân, một tay cầm cái kiếm. Vì đường đi từ Pháp qua Đông Dương quá xa, xa đến nỗi sang được tới Đông Dương thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những cái tẩu thuốc phiện hoặc thành những chai rượu ti, cho nên bà công lý tội nghiệp kia chỉ còn độc cái kiếm trong tay để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội".[1]

Dưới ngòi bút châm biếm của Hồ Chủ tịch, cái gọi là "văn minh", "khai hóa" của bọn thực dân da trắng ở thuộc địa đã bị lật tẩy. "Khi người ta có màu da trắng thì nghiễm nhiên người ta là một người khai hóa. Mà khi người ta đã làm một nhà khai hóa thì dù người ta có làm những việc dã man, người ta cũng vẫn cứ là người văn minh hơn".

Người dân thuộc địa phải đóng nhiều thứ thuế, trong đó có thuế máu. Chiến tranh đế quốc xảy ra, họ trở thành những bia đỡ đạn để

---

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1. NXB *Sự thật*, Hà Nội, tr. 416; 320.

cho bọn đế quốc tranh giành nhau thị trường và thuộc địa. Hồ Chủ tịch đả kích sâu cay thủ đoạn bịp bợm của bọn đế quốc thực dân trong thời bình thì khinh rẻ, đàn áp người dân thuộc địa, nhưng khi có chiến tranh thì lừa bịp tâng bốc người dân thuộc địa để đẩy họ ra mặt trận chết thay cho chúng. "Cuộc chiến tranh vui tươi vừa xảy đến, thế là họ liền biến thành những đứa "con cưng", những người "bạn thiết" của các quan cai trị nhân từ và hiền hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn bé nữa". Họ rời bỏ quê hương, gia đình, ra chiến trường "lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm trổ những chiếc gậy cho các ngài thống chế". [1]

Nói về việc Chính phủ Pháp cho mật thám theo dõi hoạt động của Hồ Chủ tịch và những người yêu nước Việt Nam tại Pháp trong thời gian Khải Định qua thăm nước Pháp, Hồ Chủ tịch viết: "Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp dân, Chính Phủ bèn đối đãi tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thầm kín, rụt tè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy đế giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuồng cả lên nếu mất hút tôi chỉ trong dăm phút! Cô thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?". [2]

Sự hài hước, châm biếm đạt đến đỉnh cao khi Hồ Chủ tịch hạ bút viết câu sau đây: "Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nổi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế". [3]

Trong thơ, những người cộng sản cũng có những sáng tác táo bạo về hình tượng nghệ thuật. Sau đây là một ví dụ. Trong một bài thơ đăng trên tờ báo *Đuổi giặc nước*, cơ quan của Tỉnh ủy Thanh Hóa, số 1, ra năm 1943, Tổ quốc Việt Nam được hình tượng hóa thành một người mẹ: người mẹ ốm, các con đua nhau truyền máu để cứu chữa

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I. NXB *Sự thật*. Hà Nội. tr. 416, 320.

2. 3. Nguyễn Ái Quốc. *Vi hành*, báo *Nhân đạo* (Pháp) ngày 9-12-1922.

cho mẹ; người mẹ được cứu sống và trở nên mạnh khỏe, nhưng nhiều người con đã vì cứu mẹ mà hy sinh; người mẹ lần lượt đi thăm các nơi và hôn thi thể của các con đã chết vì truyền máu để cứu mẹ. Những người con đó – các chiến sĩ yêu nước – lúc sống thì làm *búa* để chặt xiềng nô lệ; đến lúc chết thì "ủ tim làm hạt giống xuân". Những người yêu nước là "những người sống mãi". Dù họ hy sinh, nhưng họ không "mất", khi đã được chôn xuống đất, quả tim của họ, như hạt giống, sẽ nảy mầm, và một thế hệ những người yêu nước mới sẽ ra đời. Các liệt sĩ cách mạng đã hy sinh là những người tuyên truyền giỏi nhất. Khi họ hy sinh là họ gieo mầm cho tinh thần yêu nước phát triển.

Dưới đây là bài thơ *Tổ quốc* đăng trên báo *Đuổi giặc nước*, số 1, năm 1943:

Rồi một mai đây máu tráng cường,
Tiêm đầy ngọc thể "Nước" yêu thương.
Cho "Người" quật khởi rung sông núi,
Lớp lớp cờ bay đỏ bốn phương.
"Người" sẽ lần thăm các chiến trường,
Hôn từng thi thể lạnh hơi sương.
Nâng niu từng thỏi xương khô rạn,
Cắm một cành hoa, một nén hương.
Ngước mắt hiên ngang "Người" sẽ kể,
Với không gian và với thời gian,
Con ta là vạn mầm sinh khí,
Thép luyện rèn trong lửa thánh thần.
Sống làm búa chặt xiềng nô lệ,
Chết ủ tim làm hạt giống xuân.

Bài thơ trên đây là một ví dụ về sự cố gắng của văn học cách mạng trong việc đổi mới phong cách thể hiện của văn học.

Một nét nổi bật của cuộc cách mạng trong văn học là sự xuất hiện của *một lớp nhà văn kiểu mới*. Lớp nhà văn này lấy việc phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội làm mục đích của sáng tác văn học. Họ viết văn, làm thơ là do yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Đối với lớp nhà văn kiểu mới này, văn học không phải là một phương tiện để lập thân hoặc để "lưu danh hậu thế". Đối với họ, văn học không phải là chuyện thù tạc để tiêu khiển lúc nhàn rỗi. Đối với họ, văn học là một vũ khí để đấu tranh cách mạng.

Hồ Chủ tịch, người sáng lập nền văn học cách mạng Việt Nam, tiêu biểu cho lớp nhà văn kiểu mới đó. Toàn bộ tác phẩm văn học của Người chỉ nhằm một mục đích: phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. "Về nội dung viết mà các cô các chú gọi là đề tài thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một đề tài là chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội". [1]

Thực tiễn sáng tác văn học của Hồ Chủ tịch đã chứng thực lời nói trên đây của Hồ Chủ tịch. Ngay từ đầu, động cơ thúc đẩy Hồ Chủ tịch viết văn là lòng yêu nước. Đầu năm 1920, Hồ Chủ tịch viết văn nhằm mục đích làm cho mọi người trên thế giới biết đến Tổ quốc Việt Nam đang rên xiết dưới ách chủ nghĩa thực dân. Hồi bấy giờ Hồ Chủ tịch thường than phiền về việc các nước vẫn không biết đến Đông Dương. Khi Hồ Chủ tịch nói chuyện với các chính khách quốc tế, Người nhận thấy rằng họ không hề hay biết đến Đông Dương. Họ tưởng Đông Dương là một tỉnh nhỏ biên giới nằm giữa hai nước Ấn Độ và Trung Hoa. Hồ Chủ tịch thường nói với kiều bào ta ở Pháp hồi bấy giờ rằng: *"Phải nói to lên cho mọi người biết đến Đông Dương"*. Hồ Chủ tịch nói: "Chẳng có ai biết đến nước Việt Nam ta cả. Dù phải làm bất cứ việc gì để cho mọi người biết đến nước ta thì cũng phải làm". Chính với ý nghĩ đó, mà trong ba tháng đầu năm 1920, Hồ Chủ tịch đã viết xong một cuốn sách mà Hồ Chủ tịch đặt cho cái tên là *Những người bị áp bức (Les opprimés).* [2]

Dưới chế độ thực dân, viết sách vạch tội ác của bọn thực dân là một điều nguy hiểm. Hồi bấy giờ có người khuyên Hồ Chủ tịch chớ nên làm quá mạnh, vì làm quá mạnh có thể bị đàn áp. Hồ Chủ tịch đã khẳng khái trả lời: "Nói cho cùng, ai làm gì tôi! Bỏ tù tôi ư! Hay là đưa tôi đi đày? Hay là chặt đầu tôi? Điều đó có xảy ra thì tôi cũng chẳng cần!".

Viết sách tố cáo tội ác của bọn đế quốc, dù cho bị chúng chặt đầu cũng không sợ. Điều đó nói lên tinh thần dũng cảm của nhà văn cách mạng Hồ Chí Minh. Câu nói trên đây của Hồ Chủ tịch đã nói lên cái dũng khí của lớp nhà văn kiểu mới, *nhà văn cách mạng*.

Đối với lớp nhà văn kiểu mới này, sáng tác văn học không phải

---

1. Hồ Chủ tịch nói tại Đại hội thứ hai của Hội nhà báo Việt Nam, tháng 4-1959.

2. Có người nói rằng cuốn sách này về sau được sửa chữa, bổ sung và xuất bản với cái tên *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

là để kiếm tiền mà là để phục vụ – phục vụ Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Hồi đầu năm 1920, khi có người hỏi Hồ Chủ tịch làm thế nào để xuất bản cuốn sách do Người viết, vì in sách phải có tiền, Hồ Chủ tịch đã trả lời: "Khi nào tôi viết xong cuốn sách đó, tôi sẽ giới thiệu nó với một đảng viên xã hội hay bất cứ một người nào khác. Sau khi biết giá tiền để in, tôi sẽ bán thân tôi cho họ như một người đầy tớ. Chẳng nhẽ tôi không biết đánh giày hoặc dọn bàn hay sao?". Hồ Chủ tịch muốn cuốn sách do Người viết ra được xuất bản bằng tiền dành dụm được do lao động cần cù của mình. Sau khi in xong, Người gửi sách về nước phát không cho đồng bào đọc chứ không đem bán. Đối với Hồ Chủ tịch, viết sách không phải là để kiếm tiền.

Văn học cách mạng nhằm phục vụ đối tượng bạn đọc chủ yếu là quần chúng cách mạng, là nhân dân lao động, trước hết là công nhân và nông dân. Về nội dung cũng như về hình thức, nó phải thích hợp với đối tượng bạn đọc đó. Có như vậy nó mới có thể đi sâu vào giai cấp công nhân và nhân dân lao động, lôi cuốn được họ và nâng cao họ lên ngang tầm tư tưởng của thời đại. Đây là một điểm hoàn toàn mới trong văn học Việt Nam. Đây là một trong những khía cạnh của cuộc cách mạng trong văn học.

Văn học cách mạng cũng đánh dấu một sự đổi mới trong mối quan hệ của các nhà văn, nhà thơ với bạn đọc, cũng như với những người bán sách báo là những người góp phần vào việc truyền bá văn học. Quan hệ giữa nhà văn cách mạng và người bán hàng sách được một số nhà văn nhà thơ nói đến.

Trần Huy Liệu, trong khi bị bắt giam ở nhà lao Khám lớn Sài Gòn, đã làm thơ nhắn cô hàng sách ở Bến Ngự (Huế), trong đó có đoạn:

Kẻ rút ruột tằm, kẻ bán tơ,
Trải bao năm tháng đến bây giờ.
Vầng trăng bến Ngự soi vằng vặc,
"Tâm sự một bầu" thấu rõ chưa?
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Cảnh ấy người này đã khác xưa.
Tôi bị vào tù, cô đóng cửa,
Hận thù chồng chất, cháy gan chưa?

Văn học cách mạng một mặt kế thừa và phát triển những giá trị cổ truyền của văn học dân tộc; mặt khác đem lại những đổi mới sâu sắc và căn bản trong nội dung và hình thức của văn học dân tộc. Nó

đem lại cho văn học dân tộc thế giới quan mới và nhân sinh quan mới. Nó đưa ra một quan niệm mới về văn học nghệ thuật. Nó đem lại cho văn học Việt Nam một phương pháp sáng tác mới gắn liền chủ nghĩa hiện thực với chủ nghĩa xã hội. Nó làm cho tiếng nói văn học dân tộc giàu có thêm bằng vốn từ vựng mới. Bằng cách vận dụng phương pháp tư duy mới, văn học cách mạng đã đem lại một cách thức diễn đạt mới trong văn học. Văn học cách mạng đã sáng tạo ra một hình tượng con người mới chưa từng có trong văn học Việt Nam: đó là con người chiến sĩ cộng sản, điển hình của con người mới ở thời đại chúng ta. Với sự ra đời của văn học cách mạng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước ta, giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành người chủ của văn học, sử dụng văn học như một vũ khí sắc bén để chiến đấu nhằm thực hiện mục tiêu và lý tưởng của mình là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Xét về tất cả các mặt mà nó đã đem lại cho văn học dân tộc, văn học cách mạng thật sự là một cuộc cách mạng trong văn học Việt Nam.

*

*   *

Văn học cách mạng Việt Nam, mở đầu bằng những tác phẩm đầu tay của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 20 và kết thúc bằng *Tuyên ngôn Độc lập* mà Người đã viết trong những ngày sôi nổi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, là một nền văn học đặc biệt, có một không hai trong lịch sử lâu đời của dân tộc Việt Nam ta. Đó là nền văn học mới, có nội dung mới và cách thức thể hiện mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, văn học cách mạng Việt Nam là nền văn học của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội. Nó không những phản ánh cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mà còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh đó. Nó góp phần quan trọng vào việc bồi dưỡng lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội cho nhân dân ta.

Văn học cách mạng là nền văn học của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nó biểu dương tinh thần kiên cường bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Nó nêu cao ý chí cách mạng kiên cường của các chiến sĩ cộng sản Việt Nam. Nó ca ngợi tinh thần xả thân vì

nước của các chiến sĩ và quần chúng cách mạng. Văn học cách mạng có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng tinh thần dũng cảm hy sinh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Văn học cách mạng là nền văn học của chủ nghĩa nhân văn mới. Chiến đấu cho mối quan hệ mới giữa người và người, văn học cách mạng nêu cao tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Nó trân trọng phẩm giá của con người. Nó đấu tranh kiên quyết chống thái độ thô bạo đối với con người. Nêu cao tính năng động của con người trong công cuộc cải tạo xã hội, nó giúp cho con người càng thêm tin tưởng vào sức lực của chính mình. Bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động, văn học cách mạng Việt Nam đã góp phần tích cực bồi dưỡng con người mới Việt Nam, con người có tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, con người có thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa.

Văn học cách mạng nêu cao tinh thần làm chủ đất nước, ý thức lao động, ý thức bảo vệ của công, lòng yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế chủ nghĩa, là những nét chính của bộ mặt tinh thần của con người mới, xã hội chủ nghĩa, Việt Nam.

Văn học cách mạng không chỉ sử dụng những hình thức cũ để diễn đạt nội dung mới, mà còn sáng tạo ra những hình thức mới, thích hợp, để biểu hiện nội dung mới.

Xét về nhiều mặt, văn học cách mạng đã đặt được những viên đá đầu tiên làm nền tảng cho việc xây dựng nền văn học mới, nền văn hóa mới.

Về mặt quốc tế, văn học cách mạng Việt Nam là một bộ phận hợp thành của nền văn học mới trên thế giới do các đội tiên phong của giai cấp công nhân được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác – Lênin lãnh đạo. Nó tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

So với lịch sử hàng nghìn năm của văn học dân tộc, văn học cách mạng với thời gian tồn tại khoảng 20 năm (1925 – 1945) chỉ là một đoạn ngắn ngủi. Song đó là một chương đặc biệt, vô cùng vẻ vang của văn học Việt Nam.

Văn học cách mạng đánh dấu một bước ngoặt, một giai đoạn mới, trong lịch sử phát triển lâu dài của văn học Việt Nam. Xét về thế giới quan và phương pháp sáng tác, xét về nội dung tư tưởng cũng

như phương thức thể hiện, văn học cách mạng có những cống hiến mới, vô cùng quan trọng đối với văn học Việt Nam.

Cũng như mọi nền văn học khác, văn học cách mạng có quá trình phát sinh, phát triển, trưởng thành. Nó có những chỗ mạnh và những chỗ yếu. Nó lớn lên bằng cách không ngừng khắc phục những mặt non yếu của nó. Mặt non yếu của văn học cách mạng thể hiện trong một số tác phẩm chủ yếu là ở chỗ tư duy lôgíc chưa kết hợp nhuần nhuyễn với tư duy hình tượng, lý trí chưa kết hợp với cảm xúc, cái chung chưa được biểu hiện thông qua tính cụ thể của cái riêng. Mặc dù có một số mặt non yếu, văn học cách mạng đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn. Chính những thành tựu đó làm cho văn học cách mạng có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn học Việt Nam.

Văn học cách mạng là một nền *văn học đặt biệt.* Nó không giống những nền văn học khác, những nền văn học thông thường viết bằng mực đen trên giấy trắng. Văn học cách mạng là nền văn học viết bằng máu đỏ trên tường vôi. Đây là những "bản di chúc" của các liệt sĩ cộng sản lưu lại cho các thế hệ mai sau. Ở đây, mỗi bài thơ là một cuộc đời, mỗi lời thơ là một dòng máu.

Chính vì vậy mà người ta không thể dùng những kích thước thông thường để đo tầm vóc của văn học cách mạng. Phải có con mắt cách mạng, phải có quả tim cách mạng và khối óc cách mạng thì người ta mới hiểu được giá trị của văn học cách mạng.

Giá trị của văn học cách mạng không những ở chỗ nó phản ánh một cách chân thật một giai đoạn đấu tranh cực kỳ anh dũng của nhân dân ta, mà còn ở chỗ nó là một nguồn sức mạnh tinh thần bất diệt. Là tấm gương sáng ngời về tinh thần chịu đựng gian khổ, chiến đấu ngoan cường, hy sinh dũng cảm, nó nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần lạc quan cách mạng. Đối với thế hệ đương thời và các thế hệ mai sau, văn học cách mạng mãi mãi là nguồn cổ vũ trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta không thể không tưởng nhớ tới bao chiến sĩ và đồng bào cách mạng đã đem tâm huyết sáng tạo một nền văn học đặc sắc góp phần làm rạng rỡ non sông đất nước ta. Với tinh thần "uống nước nhớ nguồn", chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc vài nét về nền văn học cách mạng Việt Nam.

Tháng 8–1980.

KHẢI LUẬN

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Dưới ngọn cờ cứu nước do giai cấp công nhân giương cao, dân tộc Việt Nam vốn giàu lòng yêu nước, sẵn ý chí quật cường, vùng lên đấu tranh mãnh liệt. Một cao trào cách mạng đã dấy lên trong cả nước mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 -1931), thể hiện rõ ràng khí thế tiến công của cách mạng từ khi có sự lãnh đạo của Đảng. Tiếp đó là thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936 -1939) đánh dấu một bước nhảy vọt của phong trào cách mạng 1930 - 1931 - cuộc tổng diễn tập thứ nhất, cao trào cách mạng 1936 -1939 - cuộc tổng diễn tập thứ hai, dẫn đến thắng lợi vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đảng ta 15 tuổi lãnh đạo cách mạng thành công, nắm chính quyền cả nước. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi viết nên một trang sử vàng chói lọi của dân tộc Việt Nam.

Văn học cách mạng từ 1925 đến 1945 đã phản ánh một cách sinh động và sáng tạo những thời kỳ chuyển mình của đất nước trong giông bão của cách mạng, sự nổi dậy của một dân tộc khát khao tự do, độc lập và chủ nghĩa xã hội. Mang ánh sáng chân lý của thời đại - chủ nghĩa Mác - Lênin, mang sức mạnh bất diệt của dân tộc và giai cấp, dòng văn học yêu nước truyền thống phát triển lên thành một dòng văn học mới, cuồn cuộn ào ào chảy như một dòng văn học chủ lưu. Dòng văn học mới này mang tên DÒNG VĂN HỌC CÁCH MẠNG THUỘC HỆ TƯ TƯỞNG VÔ SẢN. Ngày nay, nó giữ địa vị chính thống trong nền văn học dân tộc.

Dòng văn học cách mạng chảy qua nhiều chặng đường. Mỗi chặng mỗi vẻ. Văn học cách mạng thời kỳ 1925 -1935 có những nét riêng của thời kỳ chuẩn bị và thành lập Đảng, khác với thời kỳ 1936 -1939 khi Đảng hoạt động công khai, và lại càng khác với thời kỳ Đảng lãnh đạo chuẩn bị Tổng khởi nghĩa 1940 -1945. Thơ văn cách mạng của thời kỳ 1925 -1935 có một vị trí đặc biệt: nó đóng *vai trò chuyển tiếp* từ dòng văn học yêu nước sang dòng văn học cách mạng

và giữ *vị trí mở màn* cho cả một thời kỳ dài của nền văn học mới thuộc hệ tư tưởng vô sản.

Phản ánh trung thành quá trình vận động cách mạng, văn học cách mạng thời kỳ 1925 -1935 tập trung vào những chủ điểm lớn sau đây: kêu gọi quần chúng lao động vùng lên làm cách mạng, phản ánh cao trào cách mạng Xô viết ở Nghệ Tĩnh và ở một số tỉnh khác, ca ngợi gương liệt sĩ cách mạng, nêu cao khí phách người cách mạng, và khẳng định Cách mạng Việt Nam mãi mãi đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin.

*

* *

Trong cuốn *Đường kách mệnh,* Hồ Chủ tịch có viết: *"Văn chương và hy vọng trong sách này chỉ ở trong hai chữ: Kách mệnh! Kách mệnh! Kách mệnh!"*

Thực vậy, thơ văn cách mạng nói chung đều là những bài kêu gọi làm cách mạng, lật đổ đế quốc, phong kiến, giành lại độc lập, tự do. Đó là những tiếng thét phẫn nộ, căm thù, tiếng kèn thôi thúc lên đường chiến đấu, tiếng nói nghĩa tình của quần chúng với Tổ quốc, với Đảng, tiếng cười lạc quan tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của Cách mạng.

Những bài thơ văn kêu gọi vùng lên làm cách mạng, không "hú hồn, hú vía đồng bào", mà nhằm vào đối tượng rõ ràng, nhiều khi rất cụ thể, có bài gửi chung cho các tầng lớp nhân dân, có bài dành riêng cho công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên, trí thức, binh lính. Với mỗi đối tượng, có một nội dung, một thể loại thích hợp.

Những bài thơ văn kêu gọi vừa khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, nghĩa đồng bào, vừa nâng cao lòng căm thù giai cấp, tinh thần đoàn kết, liên minh giai cấp. Tiếp thu kinh nghiệm của dòng văn học yêu nước, nhắc nhở mọi người đừng quên gốc "con Rồng cháu Tiên", "dòng dõi Lạc Long", "giống ta đâu phải giống hèn", đề cao những gương anh hùng dân tộc chống xâm lăng, giải phóng đất nước như Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, tố cáo tội ác bóc lột của giặc Pháp và bọn vua quan Nam triều, thơ văn cách mạng ở đây đã thêm một nội dung mới: phản ánh hết sức trung thực cuộc sống cơ cực của quần chúng lao động và đứng trên lập trường của giai cấp công nhân phanh phui nguyên nhân, nguồn gốc nỗi khổ của từng giai cấp, từng tầng lớp, kêu

gọi đứng về phía quyền lợi của các giai cấp bị áp bức, đấu tranh chống ách thống trị của giai cấp bóc lột. Những âm mưu của bọn tư bản, phong kiến được vạch trần:

Trong công xưởng, thợ thuyền thất nghiệp,
Hỏi rằng ai bóc lột nhân công?
Ngoài thôn quê, anh chị bần nông,
Hỏi rằng ai chiếm tư công điền thổ?
Bọn tư bản tóc quăn mũi lõ,
Tiền của ai mà nó xa hoa?
Lũ nhặng xanh ba đứa gian tà,
Tiền của ai mà vòng vàng, nhẫn bạc?

Khuyết danh: *Đi vận động ca em xê ét*

Mỗi lời thơ như một lời hỏi tội sắc gọn, đanh thép. Bằng nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, Bùi Khắc Thựu vạch mặt kẻ thù và chỉ rõ bạn, ta:

Đạp quách xong đời **mục, nát, xưa.**
Thoát ly chế độ **giặc, quan, vua.**
Phanh thây mấy lũ **hùm, beo, sói,**
Vạch mặt ba đồ **nịnh, hót, khua.**
Sân khấu về tay **cày, thợ, lính,**
Vai tuồng hết ngón **bán, buôn, mua.**
Làm ăn công cộng **vui, no, ấm,**
Hạnh phúc dồi dào **sớm, tối, trưa.**

Bùi Khắc Thựu: *Dân cày*

Ngoài việc tố cáo tội ác của giặc, nỗi khổ của công nhân, nông dân, chỉ rõ ta, bạn, thù, thơ văn cách mạng thường tập trung giải quyết những thắc mắc về tư tưởng, những ý nghĩ, quan điểm sai lầm của một số người, và nêu ra những đường lối, chủ trương, phương pháp làm cách mạng.

Trong bài thơ dài *Kêu gọi quốc dân,* Lê Thế Hiếu nêu hàng loạt vấn đề và lần lượt phân tích, giải thích:

Có kẻ nói ta ngu, ta dại,
Có làm chi cho lại người Tây.
Cạnh tranh gặp lúc hội này.
Theo đòi nương tựa gót thầy cho xong.
Sao chẳng thấy anh hùng thuở nọ?

Từng ra tay đánh đổ nước ngoài.
Ngô Quyền, Trưng Trắc là ai?
Trần vương, Lê tổ vốn người Việt Nam.

Trong bài *Ái quốc phản đế ca*, những luận điệu của địch cũng bị đập lại một cách mạnh mẽ:

Chúng kể lể: ơn người Pháp trọng,
Xây đê, đường, cầu, cống cho ta.
Ơn gì một tổ bợm già,
Hút nghìn phần máu, nhả ra một phần.
Chúng dọa: Pháp lắm binh, nhiều tướng,
Há lẽ đâu thua trứng mỏng manh.
Mạnh gì sau cuộc đua tranh,
Cơ đồ đã sụp, vuốt nanh đã cùn.
Bọn mũi lõ như giun lìa tổ,
Chim chịu lồng, cáo thỏ trong hang.

Lời thơ ở đây vừa có tính chính luận, vừa giàu tính hình tượng, giải đáp trúng những băn khoăn, thắc mắc của quần chúng.

Công tác vận động binh lính được Đảng ta coi trọng. Số lượng bài thơ cổ động binh lính khá nhiều, có bài kêu gọi binh lính ở các đồn trại, có bài vận động binh lính gác nhà giam. Lời thơ ân cần, nhắn nhủ, phân tích lẽ thiệt hơn:

Đồng bào có những người nổi dậy,
Họp biểu tình đòi lấy lại quyền.
Chúng bèn ra lệnh các anh,
Người mình đi bắn người mình, đau chưa?

Lại những buổi Âu châu chinh chiến,
Chúng gây ra giành miếng ăn nhau.

. . . .

Rủi mà bỏ mạng chiến trường,
Mẹ cha, con, vợ, cơ hàn ai nuôi?

Khuyết danh: *Cổ động binh lính*

Đối với phụ nữ, cũng có nhiều bài thơ, nhiều khúc ngâm dài nói lên các khía cạnh khổ cực trong cuộc sống. Lời thơ nêu lên những bất công, những sự bất bình đẳng mà người phụ nữ phải cam chịu ở trong môi trường gia đình, xã hội:

Sống thì có, quyền thì không có:
Việc hôn nhân tùy ở mẹ cha.
Hé môi chẳng được bàn qua
Thân mình, tiền bạc mua ra, quý gì!

. . . .

Việc làm ngang với đàn ông,
Việc làm thì giống, tiền công không đều.

Khuyết danh: *Vận động phụ nữ*

Dưới chế độ thực dân phong kiến, người phụ nữ còn bị xiềng xích của Nho giáo ràng buộc. Cần phải giải phóng người phụ nữ, và như vậy, người phụ nữ trước hết phải đứng lên tự giải phóng cho mình. Do đó, nhiều Ban tuyên truyền của địa phương đã mạnh dạn nổ súng vào thành trì của lễ giáo phong kiến, phân tích sự tai hại của thuyết "nam tôn, nữ ti" cho cả nam giới và nữ giới cùng hiểu:

"*Hỡi các anh, cũng bởi nam nữ bất bình đẳng, nên có câu* **phụ nữ tam tòng: tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử**, *nghĩa là khi ở nhà thì theo cha, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết phải theo con. Ôi, nếu theo cha lại đến theo chồng, rồi theo con, suốt đời người phụ nữ có gì phải theo nữa không ? Việc phải thì theo, việc trái cũng bắt phải theo hay sao? Cha hư, con dại, chồng rượu chè dĩ thõa, cũng bắt buộc phải theo hay sao?*"

Ban tuyên truyền Tỉnh ủy Nghệ An:
Phụ nữ nói chuyện với thanh niên

Thơ văn cách mạng từ cuộc sống mà ra, mang hơi thở của cuộc sống, đi thẳng vào lòng người, cởi gỡ những thắc mắc, băn khoăn, cất những gánh nặng về tư tưởng, tạo mọi thuận lợi cho quần chúng đến với cách mạng.

Sau khi giải thích, phân tích rõ: Tại sao phải làm cách mạng? Tại sao phải đoàn kết, đấu tranh dưới lá cờ của Đảng? một vấn đề nóng hổi khác thường được đặt ra là: *phải làm cách mạng như thế nào? Phải đấu tranh như thế nào..?..* Việc tổ chức quần chúng, việc xây dựng và bảo vệ Đảng, vấn đề liên minh công nông, đoàn kết với giai cấp vô sản thế giới, những hình thức đấu tranh như mít tinh, biểu tình, đình công, bãi công, bãi khóa, bãi thị, phản chiến luôn luôn được nói đến. Thơ văn cách mạng đúng là thơ văn kêu gọi và hướng dẫn *hành động:*

Truyền đơn, diễn thuyết hô hào,
Dựng cờ liềm búa, nêu cao dân quyền.
Trường bãi khóa, chợ bãi phiên,
Nông dân kháng thuế, thợ thuyền bãi công.
Tiền phong lãnh đạo một lòng,
Liên bang Xô viết ra công tuyên truyền.

. . . .

Đánh đổ đế quốc cho yên,
Lập lên Xô viết chính quyền khởi cương.
Tịch thu ruộng đất hào cường,
Địa chủ, cố đạo, quan trường ngày nay.
Chia cho binh lính, dân cày,
Nông dân cải thiện, đủ đầy đất đai.
Bao nhiêu xí nghiệp, lâu đài,
Của quân tư bản nước ngoài tịch thu.

Khuyết danh: *Kêu gọi binh lính*

Hình ảnh của đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng được phác vẽ khá cụ thể:

Còn nhiều kiến thiết sau này,
Nhà thương, trường học, dân cày khắp nơi.
Thợ có nhà ăn, nhà chơi,
Có chỗ xem sách, nghỉ ngơi có nhà.
Có nơi phụng dưỡng người già,
Có câu lạc bộ, có nhà dục anh.
Cứ theo kế hoạch tiến hành,
Noi gương xã hội rành rành xứ Nga.

Khuyết danh: *Kêu gọi binh lính*

Khái niệm về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản được phổ biến tới quần chúng lao động một cách đơn giản, nhẹ nhàng, nhưng không kém phần sâu sắc. Lời hiệu triệu của Đảng Cộng sản Đông Dương được "diễn ra" dưới thể hát giặm Nghệ Tĩnh:

Tụi đế quốc phải đổ,
Bọn phong kiến quét đi.
Lấy ruộng đất thu về,
Chia cho dân cày, binh lính.
Lấy nhà máy thu về,
Giao cho thợ thuyền binh lính.

Mọi việc đều phải tính,
Lập Chính phủ công, nông,
Đảng Cộng sản thi hành,
Cho anh em ta giải phóng,
Cho chị em mình giải phóng.

Khuyết danh: *Diễn ca hiệu triệu của Đảng Cộng sản Đông Dương*

Kinh nghiệm hoạt động cách mạng được đúc kết trong những câu thơ bốn chữ. Kinh nghiệm khi đi đường:

Khi đi việc kín,
Chớ có rụt rè.
Lên tàu xuống xe,
Tự nhiên thái độ.
Hẹn cho đúng chỗ,
Chớ có sai giờ.

Kinh nghiệm khi bị địch tra tấn:

Chớ có rối trí,
Khi chúng bắt ta.
Đến lúc hỏi tra,
Phải đều chối hết.

Khuyết danh: *Cách mạng huấn điều*

Cái hay, cái đẹp của thơ văn cách mạng ở đây cần chú ý trước hết chính là *tính thiết thực* của nó. Nó không nói viển vông, mà đề cập đến những điều có ích cho cuộc đấu tranh giai cấp, cho cách mạng; nó là vũ khí sắc bén của quần chúng.

Cao trào Xô viết Nghệ – Tĩnh là sự vùng dậy đầu tiên của quần chúng công nông sau khi có Đảng. Bằng bạo lực cách mạng, cuộc khởi nghĩa đầu tiên này đã lật đổ ách thống trị của bọn thực dân, bọn quan lại và cường hào ở một địa phương, thành lập chính quyền Xô viết. Nó là bước thực nghiệm về phương pháp cách mạng bạo lực để giành chính quyền và giúp cho Đảng thấu hiểu nghệ thuật khởi nghĩa trong thực tiễn cách mạng nước ta. Nó chứng minh nghị lực cách mạng, sức mạnh to lớn của quần chúng công nông. Nó thức tỉnh toàn thể nhân dân Việt Nam đi vào con đường cách mạng vô sản để giành lại độc lập cho Tổ quốc và cuộc sống tự do, hạnh phúc cho mình. Nó khẳng định trong thực tế vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với Cách mạng Việt Nam.

Thơ văn cách mạng hừng hực khí thế đấu tranh, lời thơ bốc lửa đã khắc sâu quang cảnh *"Cộng sản Ba mươi trống nổ trời"*. Cuộc đấu tranh ngày 1 -9 -1930 ở Thanh Chương (Nghệ An) thật mãnh liệt, hào hùng:

Phong kiến mặt xanh lo hết kiếp,
Thực dân mũi lõ sợ tơi đời.
Phong trào tranh đấu lên cao mãi,
Cộng sản Ba mươi trống nổ trời.

Nguyễn Trọng Đông: *Ngày 1 tháng 9 ở Thanh Chương*

Cuộc đấu tranh ngày 12 -9-1930 ở Hưng Nguyên cũng kiên cường, quyết liệt:

Xách búa liềm ra hỏi lợi quyền,
Quyết thay cuộc đấu ở Hưng Nguyên !
Đầu rơi ba loạt không lùi bước,
Máu chảy hai lần vẫn tiến lên.
Chết giữa đạn bom lòng chẳng nát,
Sống qua khói lửa chỉ thêm bền.
Mười hai tháng chín Ba mươi ấy,
Xô viết muôn năm sử chép truyền.

Trần Lê Hương: *Ngày 12 tháng 9 ở Hưng Nguyên*

Những bài thơ thất ngôn bát cú nêu sự việc cô đọng, giàu hình tượng được bổ sung bằng những bài vè, hát giặm mộc mạc. Với thể loại "ký" bằng thơ này, nhiều cuộc đấu tranh được kể lại với nhiều chi tiết sinh động.

Đây, cuộc đấu tranh đầu tiên ngày 1-5-1930 ở Nghệ – Tĩnh. Phối hợp với cuộc biểu tình của công nhân ở Vinh - Bến Thủy, 3000 nông dân tập trung tại đình làng Hạnh Lâm (huyện Thanh Chương, Tỉnh Nghệ An) tổ chức mít tinh, rồi biểu tình, kéo vào đồn điền của tên Ký Viễn đòi trả lại ruộng đất và con đường giao thông độc đạo mà nó lấn chiếm của dân. Bài vè dân gian *Dân Hạnh Lâm phá nhà Ký Viễn* vạch trần âm mưu của Ký Viễn, cho biết cảnh phá nhà hắn "*Đầu đoàn vô phá sạch rồi, Đuôi đoàn mới kéo tới đuổi cây đa*" và cảnh Tây về làng " *Bắt dân vì tội phá nhà Ký Vôi*". Tiếp theo là cuộc đấu tranh ở Thanh Chương:

Búa liềm cờ đỏ tung hoanh,
Tiếng trống tiếng mõ rập rình bên sông.

Thả tù phạm, đốt huyện công,
Dân đi như nước biển Đông kéo về.

Khuyết danh: *Dân Hạnh Lâm phá nhà Ký Viễn*

Hai vạn nông dân đã lên đốt huyện đường. Tri huyện Phan Sĩ Bàng (tức Phàng) chạy trốn. Ba giờ chiều ngày 1-9-1930, lãnh binh đưa một toán lính khố xanh về, nhưng trước khí thế của quần chúng, hắn cũng phải ký vào bản yêu sách rồi chuồn nốt. Bài vè khắc họa dáng điệu của bọn thống trị thật thảm hại:

Lãnh binh kéo đến xem không,
Huyện đường nha lại biệt mông chạy quàng.
Hương hào, tổng lý các làng,
Các ông tái mặt đầu hàng dân đen.

Khuyết danh: *Kể chuyện tranh đấu ở Thanh Chương*

Sau Thanh Chương, huyện Nam Đàn cũng có phong trào cách mạng sôi nổi. Cuộc biểu tình của 3000 nông dân ngày 30 -8-1930 được phản ánh tỉ mỉ trong bài *Kể chuyện tranh đấu ở Nam Đàn.* Quần chúng kéo vào huyện đường, đưa yêu sách cho tri huyện. Tên này bảo còn phải lên "thưa tòa". Thế là:

Những đơn, những án, những bài,
Những nghiên, những bút quăng ngoài mái hiên.
Cầm tay quan dắt lại bên,
Ấn mô đưa đóng như trên yêu cầu

Tri huyện phải cam kết: "Từ nay về sau, tri huyện Nam Đàn không được nhiễu hại nhân dân"

Cách mạng thật đúng là ngày hội của quần chúng. Như một cuốn phim tư liệu thời sự, bài vè *Cuộc biểu tình ngày 12 tháng 9 ở Hưng Nguyên* ghi lại được nhiều hình ảnh sinh động của quang cảnh "*Cộng sản Ba mươi trống nổ trời*". 8000 nông dân "*Như sông Lam cuộn nước trào, Cuốn phăng cả núi đổ nhào ra Vinh*". Đoàn biểu tình tiến về phủ lỵ Hưng Nguyên:

Phủ đường hồn lạc phách xiêu,
Báo cho Tây biết chết vèo đến nơi.
Vinh nghe nổi một hồi còi.
Cam nhông lính kín đốc trời bổ ra.

Rồi tàu bay lao đến **đám** biểu tình ném bom. Hàng trăm người chết. Đoàn người vẫn:

Phất cờ thẳng tiến không lui,
Dẫu cho chật đất ngất trời tiếng rên.
Người trước ngã, kẻ sau lên,
Cả đoàn vẫn vững, cấp trên dẫn đầu.

Thơ văn cách mạng không những khắc họa được những sự kiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong khi giáp mặt với quân thù mà còn cho biết khá rõ ràng năng lực cách mạng to lớn của công nông trong công cuộc "đổi đời" xây dựng cuộc sống mới. Dưới chính quyền Xô viết, một lối sống mới bừng sáng ở nông thôn. Thôn xã tưng bừng nhộn nhịp, không lúc nào ngớt tiếng trống mõ tuyên truyền cổ động:

Truyền đơn, diễn thuyết đàng hoàng,
Biểu tình, đọc báo, họp làng đấu tranh.
Rộn ràng bao cuộc mít tinh,
Rộn ràng tự vệ tập tành hôm mai.

Khuyết danh: *Kể chuyện tranh đấu ở Thanh Chương*

Ở những "làng đỏ", những tập quán hủ lậu trong ma chay, cưới hỏi, tệ cờ bạc, rượu chè, hút sách, trộm cắp không còn nữa. Cán bộ, đảng viên ngày đêm quên mình lo tính mọi việc cho quần chúng:

Phen này ai cũng như ai,
Của mình mình hưởng, triệt loài bất nhân.
Phen này không thánh, không thần,
Không trời, không bụt, quyền dân thi hành.

Khuyết danh: *Kể truyện tranh đấu ở Thanh Chương*

Hiện nay chưa có cuốn tiểu thuyết, quyển lịch sử nào phản ánh cụ thể và trung thực những ngày cuối của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh bằng thơ ca cách mạng. Cụm bài vè và hát giặm *Những ngày khó khăn ở Yên Thành, Cái nạn bang tá, Xã Hữu Biệt hồi 1930 - 1931, Những ngày thoái trào ở Đông Sơn,*v.v.. phơi bày khá đầy đủ tội ác dã man, âm mưu chia rẽ, xảo quyệt, mua chuộc của giặc Pháp và quan lại, đồng thời vạch trần những hành động bỉ ổi đê tiện của bọn cường hào ngóc đầu dậy, bắt bớ, trả thù, tống tiền, cướp bóc của dân. Người dân sống nghẹt thở, nhớ Đảng, nhớ Cách mạng, mong Đảng về. Quần chúng căm phẫn hỏi chúng:

Cộng sản năm ngoái,
Bay dám ngu ngoe?
Giờ cậy có Tây về,
Ra tay đàn áp.

Choa đợi thượng cấp,
Choa đợi thời cơ.
Dân như nước vỡ bờ,
Làm vỡ đê loảng toảng.

Khuyết danh: *Những ngày thoát trào ở Đông Sơn*

Trong cuộc ra quân đầu tiên đánh bọn đế quốc Pháp, một số chi bộ Đảng ở Nghệ An không khỏi không mắc sai lầm. Để giáo dục quần chúng không được tự động, phải biết chờ thời cơ, chờ mệnh lệnh của tổ chức Đảng, Ban Tuyên truyền Tỉnh ủy Nghệ An đã phổ biến một bài thơ khẳng định thắng lợi của phong trào và uốn nắn những chủ trương lệch lạc:

Tổng Phù Long giết đứa lính tuần,
Ích gì giết đứa tiểu nhân,
Hai làng bị hại muôn phần thảm thương.
Nay chưa phải cái trường chinh chiến,
Phải tính cho lợi tiện mọi đường.
Chớ nên tự động làm càn,
Khó khăn cho Đảng, phá tan phong trào.

Ban Tuyên truyền Tỉnh ủy Nghệ An: *Chớ nên tự động*

Những tiếng nói của Đảng vừa ân cần vừa nghiêm khắc, thông qua hình thức thơ ca, đến với quần chúng một cách dễ dàng và có tác dụng giáo dục lớn. Khi cách mạng gặp khó khăn, địch khủng bố dã man, không khỏi không có một số người hoang mang, dao động, bi quan, thơ ca cách mạng lại xuất hiện và củng cố lòng tin vào thắng lợi cuối cùng. Bằng hình ảnh "than" và "tro", nhà thơ đã ví cơ sở Đảng như than dưới tro, đảng viên phải có trách nhiệm giữ vững lòng dân, và khi quần chúng giác ngộ, vùng lên, khi tro nóng thì than sẽ đỏ và phong trào sẽ lên:

Cơ sở Đảng như than với tro,
Sưởi ấm lòng dân lúc mịt mù.
Quần chúng hờn căm quân mọt nước,
Nhân dân oán ghét lũ côn đồ.
Trường Sơn mênh mông chứa hận thù.
Tro nóng trên than, than sẽ đỏ.
Hồn thiêng trỗi dậy, sóng trào to.

Khuyết danh: *Chí cả sóng trào*

Những loại bài kể chuyện quần chúng đấu tranh ở những tỉnh khác chưa sưu tầm được mấy. Cuộc biểu tình đầu tiên ở Quảng Ngãi hưởng ứng phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh được ghi lại bằng thơ với một thể loại rất đặc biệt: thơ mới, thơ tự do, leo thang. Tả đoàn đi thì:

Nào cơm gói,
Nào dùi dây,
Nào cờ cầm tay,
Nào băng biểu ngữ.
Có toán phá ngõ,
Có toán vượt đồng,
Có toán phá đập,
Có toán băng sông.

Đoàn biểu tình đi trong trật tự, lời thơ diễn tả:

Thẩy rập ràng, rầm rộ, bước chân đi,
Gió tung bay phấp phới ngọn hồng kỳ.
Chiếu liềm búa trăng khuya vàng rực rỡ,
Tiếng trống đánh trời long, đất lở.

Khí thế xung thiên của quần chúng cũng bừng bừng trong lời thơ:

Có toán xông vào trại,
Bẻ gông, phá cùm, giải phóng phạm nhân.
Có toán lên công đường,
Đập tan cửa kính.
Đập, đập, đập!
Ấn, dấu, súng,
Tủ thuế khóa, sổ bộ,
Luật lệ hồ sơ.
Đem ra sân chất đống đốt ra tro, tiêu tan áp bức.

Khuyết danh: *Cuộc biểu tình đầu tiên ở Quảng Ngãi*

Cao trào cách mạng 1930 -1931, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh, đi vào lịch sử như một bản anh hùng ca. Những bài thơ sưu tầm được tuy chưa nhiều nhưng cũng góp phần nhất định làm sống lại những năm tháng hào hùng của một phong trào cách mạng thật sự có tính quần chúng rộng lớn, lấy công nông làm nền tảng, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong cuộc đấu tranh một mất một còn với quân thù, sự hy sinh của người cách mạng là điều không tránh khỏi. Nhiều người con ưu tú của giai cấp, của đất nước đã ngã xuống. Thơ văn cách mạng của thời kỳ 1925 - 1935 có nhiều bài khóc thương người đã mất. Khóc thương mà không ủy mị, bi quan, khiếp nhược. Khóc thương để biến đau thương thành sức mạnh, để động viên mọi người tiếp tục đấu tranh trả thù cho các liệt sĩ.

Mỗi lần truy điệu thường là dịp để cho những bài văn tế, bài thơ ra đời. Tiếc rằng nhiều bài hay còn nằm ở khắp nơi, chưa tập hợp được. Nếu ở những thời kỳ 1936-1939 và 1940-1945, khi truy điệu thường dùng thể văn xuôi, ít dùng văn biền ngẫu, thì ở thời kỳ này, thể loại văn tế lại phổ biến. Bài văn tế giữ đúng kết cấu, lệ luật, cũng "bát tự", "cách cú", "song quan", "gối hạc" như trong bài văn tế cổ điển. Song trong cái vỏ "cổ kính" ấy, lại chứa đựng nội dung hiện đại, mang hơi thở của thời đại mới. Thể loại văn tế này - gọi cho đúng là *văn truy điệu*, vì có ai "tế" người cách mạng bao giờ - là một dấu hiệu cụ thể của thời kỳ quá độ chuyển tiếp từ dòng văn học yêu nước sang dòng văn học cách mạng.

Cái mới, cái hay của văn truy điệu ở thời kỳ này trước hết là *tính mục đích cách mạng* của nó. Bài văn không những nêu cao đức tính của người cách mạng, mà nhân dịp này động viên cách mạng: tổng kết phong trào, tìm nguyên nhân thành công, thất bại, phân tích tình hình xã hội, quê hương, nhiều khi nói cả tình hình thế giới, nhắc nhở người đang sống tiếp tục hoàn thành công việc của người đã chết.

Có bài văn truy điệu nêu ngay mục đích yêu cầu như sau:

Vậy hôm nay có lời truy điệu, trước gọi rằng thăm viếng anh em;
Nhân tiện đây bày tỏ nguyên do, sau nữa để cáo cùng xã hội.

Khuyết danh: *Văn truy điệu các chiến sĩ hy sinh ở truông Cồn Đọi*

Có bài phân tích nguyên nhân, đánh giá phong trào, vừa nâng cao nhận thức, vừa bồi dưỡng tình cảm cách mạng cho quần chúng:

Những tưởng rằng: vận hội nước ta đang lên, thời cơ đã đến,
Trung Nam Bắc đã thuận hòa một bụng, cờ đấu tranh dựng mãi vẫn vang lừng;
Nào ngờ đâu: tri thức dân còn kém, trình độ Đảng còn non, công nông binh chưa liên hiệp một đoàn, lửa cách mạng bùng lên rồi nguội lạnh.
Thôi, tha hồ nó bắt bớ, nó khảo tra, nó giam cầm, nó bắn giết, lòng dã man độc ác mãi khôn cùng;
Nào, xá kể ta ốm đau, ta đói rét, ta hoạn nạn, ta cơ cầu, thói bóc lột nén đè ngày một mạnh.

Đồng chí Nghị: *Văn truy điệu các chiến sĩ bị giết ở Yên Phúc và Song Lộc*

Với mục đích như vậy, bài văn truy điệu rõ ràng làm nhiệm vụ một bài hiệu triệu, bài hịch kêu gọi, cổ động cách mạng.

Cái mới, cái hay của văn truy điệu ở thời kỳ này là hình tượng tập thể quần chúng cách mạng, hình tượng người chiến sĩ cộng sản được khắc họa với tất cả những phẩm chất cao đẹp. Đời người quý nhất là sự sống. Ở đây, văn truy điệu ca ngợi những người đem cái quý nhất đó hiến dâng cho Tổ quốc, cho Đảng. Những liệt sĩ cách mạng của ta là những người đẹp nhất. Nếu người nông dân lần đầu tiên xuất hiện cao đẹp trong bài *Văn tế vong hồn dân mộ nghĩa* của Nguyễn Đình Chiểu, thì cũng có thể nói giai cấp công nhân, nông dân, người chiến sĩ cộng sản lần đầu tiên được miêu tả toàn diện ở những bài văn truy điệu...Quần chúng cách mạng ở đây là những ai? Đó là những người dân mất nước, bị áp bức, bóc lột, là những "Kẻ lao khổ da trầy trán bóng, trong áp bức nín hơi mấy độ, nghe tiếng vang mà tạc chữ đồng; Người nông dân chân lấm tay bùn, dưới cường quyền áp bức bấy lâu, theo luồng gió mà kết dây đoàn thể". Những chiến sĩ cộng sản là những ai? Có người như Nguyễn Nghiêm "Dòng dõi khoa danh; Con nhà cách mạng", như Võ Trọng Cảnh "Mài gươm đọc sách, dòng trâm anh từng giữ dấu gia phong", như Nguyễn Công Thường, nông dân... "hăm lăm tuổi sinh trưởng nông thôn" v.v... Họ

đều có một đặc điểm chung là căm thù giặc sâu sắc, yêu nước thiết tha, chiến đấu rất dũng cảm, không sợ hy sinh, một lòng vì dân, vì Đảng:

Giận chí nên ra sức tung hoành;
Căm gan phải đem thân cách mệnh.
Vì nghĩa lớn, nên sinh tử chẳng từ, gian nan chẳng kể, bước chông gai lội thác trèo non;
Nặng thù chung, nên tù đày không sợ, súng đạn không kinh, công tác Đảng chen vai sẻ gánh.
Chỉ một bụng vì anh em, vì nhân loại, vào sinh ra tử, cố lo sao cho nổi phong trào;
Trải bao phen chống đế quốc, cự Nam triều, vượt súng xông tên, chẳng kể chi chu toàn tính mệnh.

Đồng chí Nghị: *Văn truy điệu các chiến sĩ bị giết ở Yên Phúc và Song Lộc*

Nhiều bài văn truy điệu, nhân việc tiếc thương người quá cố, đã luận bàn về vấn đề sống chết, đã nêu cao nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, sống chết vì cách mạng của các chiến sĩ:

Chết như các anh em ta đó, chết vì nhân đạo, chết vẻ chết vang;
Sống như phường bạc ác quân kia, sống hại giống nòi, sống dơ sống thối.

Khuyết danh: *Văn truy điệu các chiến sĩ hy sinh ở truông Cồn Đọi*

Nhiệm vụ nặng, bản thân coi nhẹ, rất đáng kính yêu;
Giành sống chung, đành chịu thác riêng, vô cùng anh dũng.
Xác tuy chết, hương hồn không chết, chết đi theo Các Mác, Lênin;
Người không còn, danh tiếng vẫn còn, còn mãi với Trà Giang, Bút Lĩnh

Trần Kinh Luân: *Văn truy điệu Nguyễn Nghiêm*

"Xác tuy chết, hương hồn không chết, chết đi theo Các Mác, Lênin", tứ thơ về cái chết thật rất mới. Khái niệm "hồn" ở đây có một nội dung duy vật, đó là "tinh thần bất tử" của người chiến sĩ.

Sức mạnh của truyền thống dân tộc được nhân lên nhiều lần với sức mạnh của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Người cộng sản ngã xuống với nhận thức đầy đủ: hy sinh vì dân tộc, vì giai cấp, vì nhân loại. Họ hiểu rõ: Vì ai mà chiến đấu? Vì sao mà hiến máu? Cho nên, bài văn truy điệu khóc thương người chết mà vẫn hào hùng; không khí chết chóc không bao trùm bài văn. Người chết đành phận rồi, người sống phải sống như thế nào? Sống sao cho xứng đáng với người đã khuất, với xóm làng? Cho nên, không khóc thương suông, các bài văn truy điệu thường kết thúc bằng những lời kêu gọi:

Trả thù!

Một người xướng, ngàn vạn người tiếp ứng, quyết phục thù nối chí ngày mai

Một kẻ ngã, ức triệu kẻ đứng lên, thề xé thịt phanh thây chúng nó.

Trần Kinh Luân: *Văn truy điệu Nguyễn Nghiêm*

Trả thù bằng hành động cách mạng với lòng đầy tin tưởng vào thắng lợi ngày mai:

Thôi thì thôi!

Kẻ chết hãy cam lòng;

Người còn nên gắng gỏi.

Non nước ấy của chung từ trước, tụi cường quyền chuyên chế mãi được ru;

Sắt son này tấc dạ nào phai, tội độc ác dã man đành phải hỏi.

Nợ thù chung quyết trả, nào Nam triều, nào đế quốc, sóng dồn gió quét sạch sành sanh;

Gương cách mạng rạng soi, quyền độc lập, quyền tự do, nước Nhị non Hồng thêm chói lọi.

Nguyễn Văn Đức: *Văn truy điệu các chiến sĩ hy sinh tại đồn Thượng Xá*

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã xua tan mọi tư tưởng bi lụy và đã tạo nên "chất thép" ở các bài văn truy điệu.

Cái mới, cái hay của văn truy điệu đã làm xúc động lòng người chính là nhờ tính trữ tình kết hợp với tính chính luận, nhờ chất *bi* hoà lẫn với chất *hùng*, nhờ lời thơ chải chuốt, cổ kính mà vẫn hiện đại:

Thôi thì thôi!
Đã sinh có hóa, cái lẽ tất nhiên;
Nỏ trước thì sau, trong vòng ai chẳng...
Linh hồn đi cho khỏi, lũ đầu xanh còn lắm kẻ tung hoành;
Vô sản đứng dậy rồi, nền đế quốc hẳn phen này tan tác.

Khuyết danh· *Văn truy điệu hai anh*

Hình ảnh, ngôn từ cổ điển xen lẫn với hình ảnh, ngôn từ chính trị mới một cách rất tự nhiên, đầy cảm xúc:

Than ôi!
Hạc bay bổng lên non,
Ngọc chìm sâu xuống bể.
Gương sáng cổ nhân để lại, chúng ta cương quyết noi theo;
Bánh xe lịch sử không lùi, cách mệnh nhất định tiến tới.
Hàng vạn quả tim sôi;
Một vài dòng máu nhỏ.

Trần Kinh Luân: *Văn truy điệu Nguyễn Nghiêm*

Bên cạnh những bài văn truy điệu là những bài thơ và câu đối khóc viếng - khóc viếng những cán bộ, đảng viên cộng sản hy sinh trong chiến đấu hay bị địch giam cầm, tra tấn đến chết ở các nhà lao.

Khóc Hoàng Tâm, Bí thư Huyện ủy Nghi Lộc, Nghệ An:

Mấy phen tra tấn lòng không nản,
Một mực trung thành dạ chẳng lay.

Khuyết danh: *Hoàng Tâm đã giỏi thay!*

Khóc Trần Kiên, người Đức Thọ, Nghệ An:

Nằm gai nếm mật, thân không quản,
Nát thịt xương tan, chí chẳng rời.

Khuyết danh: *Khóc Trần Kiên*

Trong cuộc đấu tranh ở ngục Kông Tum, ngày 12 -12-1931, chống việc đi làm khổ sai ở Đắc Lắc, Đắc Pao, đế quốc đã giết tám chiến sĩ. Đó là các đồng chí Đặng Thái Thuyến, Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Lê Trọng Kha, Nguyễn Phi (tức Võ Mai), Lương Thu Tâm, Phạm Thoan, Võ Am. Nhân dịp giỗ đầu năm 1932, trong nhà lao có tổ chức một cuộc thi thơ, lấy đề tài "Viếng mồ chiến sĩ". Đây chính là chủ trương của chi bộ nhà tù dùng văn thơ để làm công tác tư tưởng, động viên mọi người giữ vững tinh thần. Bài của Trịnh Quang Xuân

được giải nhất, bài của Hồ Tùng Mậu được giải nhì. Những vần thơ ca ngợi khí phách những người đã chết thực ra là nói với những người đang sống "thấy người nằm đó, nghĩ làm sao?"

I

Tám nấm một gò, cỏ phủ quanh,
Chết vì chính nghĩa, chẳng vì danh.
Tầng rêu khó phủ lòng cương quyết,
Nắm đất khôn che dạ nhiệt thành.
. . . .

Trịnh Quang Xuân

II

Tám mồ chiến sĩ táng kề nhau,
Nấm mới vun thêm, giậu mới rào.
Thể phách dẫu vùi miền đất đỏ,
Tinh thần còn tỏ giữa trời cao.
. . . .

Hồ Tùng Mậu

Tất cả những lời khóc viếng đều khẳng định phẩm chất cao quý của những người cộng sản, những người dân yêu nước và lên án bọn xâm lược. Qua những lời khóc viếng hào hùng, chúng ta vẫn thấy rõ nỗi lòng của tác giả. Thương bạn mà thương mình, tức cho mình chưa làm được như bạn, khóc đồng bào mà thấy trách nhiệm lớn lao đè nặng lên vai mình. Trần Hữu Chương *Khóc em Dương* bộc lộ: *"Em chết mà hơn anh sống dở, Xót em tuổi trẻ chết nên thương"*. Đồng chí Quán, mượn lời người vợ *Khóc Nguyễn Sĩ Sách: "Quyên sinh cũng muốn cho xong kiếp, Chỉ sợ Bà Trưng mỉm miệng cười"*. Có những vế câu đối thật chân tình, bộc bạch hết cả lòng mình với người chết, nghe thật cảm động. Một cụ ở Quỳnh Đôi khóc một người học trò cũ bị giặc giết:

Tôi sống cũng dư sinh, sống về thơ, sống về phú, sống chi ba chữ văn chương, tôi mới nói đến đây, tóc bạc chưa quên tình nghĩa cựu;
Anh chết mà bất tử, chết vì dân, chết vì nước, chết có nhiều bài truy điệu, anh đi đâu đó, lòng son tỏ với nước non tân.

Thật vậy, thơ văn cách mạng "không chỉ nói lên tình cảm riêng của nhà thơ, mà nhiều khi thông qua tình cảm đó nói lên niềm hy vọng của cả một dân tộc, những ước mơ của nhân dân, vẽ nên những nhịp đập của trái tim quần chúng và xu thế chung của lịch sử loài người" [1]. Cái *tôi* ở đây không còn là cái *tôi* bé nhỏ, bơ vơ, bệnh tật trong thơ văn lãng mạn, mà là một cái *tôi* hòa lẫn với cái *ta* rộng lớn, hùng mạnh của quần chúng, của giai cấp, của dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh quyết liệt với quân thù, nếu sự hy sinh của người cách mạng là điều không thể tránh khỏi, thì sự tù đày cũng là lẽ đương nhiên. Trong tình hình bọn thống trị còn cả một bộ máy đàn áp khổng lồ, nhiều chiến sĩ cộng sản, nhiều nhà yêu nước đã bị địch giam cầm, tra tấn, đày đọa dã man. Song từ trong bóng tối của lao tù, vẫn vang lên những bài thơ nêu cao khí phách của người cách mạng.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, không có giai đoạn nào có nhiều bài thơ *Nhật trình đi đày* như ở thời kỳ này, nhật ký viết bằng thơ đủ các thể loại. Người đi đày làm thơ! Đẹp biết bao và cũng tự hào biết bao *người đi đày - thi sĩ*!

Nhật trình đi đày là loại truyện thơ dài có giá trị hiện thực và lịch sử. Qua lời thơ, hiện lên khá rõ nét quang cảnh đoàn tù bắt đầu ra đi, cách ăn, ở, đi lại của đoàn tù, cách đối xử của bọn thống trị trên đường giải tù và khi tới trại tù. Đây là những bức tranh vẽ bằng thơ mộc mạc, nhưng rất sống. *Nhật trình đi đày đến Hội An* cho biết ngày mồng 1 tháng 12 năm Tân vị (1931), 81 người ở Diễn Thành bị giải về Vinh. Đây là quang cảnh chờ tàu ở ga Diễn Thành:

Gác trước, canh sau đà có lính,
Còn bà con phải đứng cho xa.
Bánh quà rồi, ra trước thềm ga,
Sắp hàng lại, giở thuốc Mêlia tán chuyện.

Đến Vinh, chúng chỉ lấy 33 người, và thêm 17 người ở lao Vinh, cả thảy là 50 người, phát vãng vào Hội An. Chúng lại đưa các chính trị phạm lên xe lửa. Tác giả đã miêu tả cảnh xe lửa chạy qua đèo:

Tỉnh Hà Tĩnh thẳng đường chạy mãi,
Độ chín giờ, tàu tới Quảng Bình.
Núi Hoành Sơn nam bắc trường thành,
Tàu lại phải đi quanh theo núi.

1. Sóng Hồng: *Thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1966, tr 77.

Bài thơ dài hơn 120 câu kể chuyện hấp dẫn, dí dỏm, kết thúc bằng mấy câu kêu gọi, động viên, đừng thấy phát vãng mà sợ:

Việc đấu tranh không ngớt chỗ nào đâu,
Anh em xin chớ hoạt đầu!

Đặc biệt có chùm thơ bát cú *Hành trình đi Côn Lôn* của Nguyễn Ngọc Tỉnh, gồm 14 bài liên hoàn. Cuộc đi đày bắt đầu từ ngày:

Năm Mùi, tháng Ngọ, tối Hăm ba.
Từ biệt Hỏa Lò, đến hỏa xa.
Quốc, Cộng anh em ngoài tám chục
Chân tay xiềng xích chật hai toa.

Xuống Hải Phòng, chuyển sang đi tàu thủy:

Bốn mặt mông mênh trời lẫn biển,
Trông về cố quận đã xa xa.

Đến Bà Rịa, chúng đón thêm 90 người nữa rồi đưa đi Côn Lôn, Đoạn đường này đi rất vất vả:

Hai bữa nhịn cơm đành chịu đói,
Một ngày say sóng vẫn còn nôn.

Tối mới đến Côn Lôn:

Côn Lôn tới bến, ghé sang thuyền,
Xiềng, khóa trả về, cất gót lên.
Đèn đuốc tưng bừng soi bốn mặt,
Súng roi nhộn nhịp gác đôi bên.

Cuộc sống trong tù được phản ánh ở nhiều bài thơ. Lê Thành Lập có một loạt bài, nói chuyện ở, chuyện ăn, chuyện học tập, đấu tranh... ở Côn Đảo.

Chỗ ở của tù:

Nhà, cửa sắt tường xây cao tít,
Sàn xi măng liền tịt xung quanh.
Góc trong hố xí tênh hênh,
Góc ngoài tem hẻm cái vành cửa ra.

Chỗ giam chật, người đông, mùa hè ngột ngạt hơi người, cho nên:

Chia nhau từng phút ra ngồi,
Sát khe song sắt hít hơi thoáng vào.

Bữa cơm của tù:

Bốn người một, một thùng cơm sạn,
Ruồi bậu đầy như chậu đỗ đen.

Cà mèn canh để một bên,
Một bên là một cà mèn cá khô.
Nói canh, cá, nói cho mỹ lệ,
Thực ra thì có qué gì đâu!
Cá là khô mục từ lâu,
Bọ giòi đục ruỗng.còn màu mè chi !

Ăn, ở khổ cực như vậy, các chính trị phạm vẫn biến nhà tù thành trường học. Hình thức học rất linh hoạt, thầy chọn trò, trò chọn thầy, học hai môn chính trị và văn hóa:

Học đêm hoặc giả học ngày,
Học nơi nào cũng tùy hai bên bàn.
Cũng có lúc ngồi tràn trong khám,
Có khi ngồi dưới đám bóng râm.
Có khi hai bạn cùng nằm,
Thế là thầy giảng, trò chăm nghe bài.
Có lớp dạy hàng hai, ba chục,
Có những thầy dạy độc một trò.

Mục đích của việc học được nêu lên một cách dí dỏm:

Đào tạo những con người yêu nước,
Những kỹ sư trí thức Mác - Lê.
Mai ngày tốt nghiệp ra về,
Bằng do Đảng cấp, việc tùy Đảng giao.

Chính trong cái cảnh "một ngày ở tù bằng nghìn thu ở ngoài" này, trong cái cảnh mà tưởng như không thể sống được ấy, người cách mạng lại biết sống và quyết sống. Đế quốc Pháp phát vãng, tù, đày các chiến sĩ cách mạng để cắt đứt liên hệ của họ với cuộc sống xã hội, với gia đình, thì họ vẫn tìm cách nắm tình hình cách mạng trong nước và trên thế giới, vẫn làm thơ nhớ vợ, nhớ con. Địch tra tấn, cùm kẹp, hành hạ họ bằng khổ sai, ăn đói nhịn khát... thì họ vẫn một lòng một dạ với dân, với nước, biến nhà lao thành trường học, huấn luyện cho nhau để chờ thời cơ ra tù chiến đấu. Không có thử thách cụ thể, chính xác nào bằng đem sự sống, chết của con người ra kiểm tra. Một là, sống làm người cộng sản, người cách mạng, hay là chết; hai là sống làm tay sai cho giặc. Chọn lấy một. Rất nhiều người đã chọn điều trên, sống làm người cộng sản, người cách mạng, thà chết vinh còn hơn sống nhục. Chính nhờ tinh thần

biết hy sinh, dám hy sinh vì Tổ quốc, vì giai cấp ấy mà Tổ quốc Việt Nam có những ngày rạng rỡ như hiện nay.

Cái gì đã tạo nên khí phách người cách mạng? "Cái gì" này, đối với quân thù và nhiều người có khi cho là khó hiểu. Không phải là cái gì xa lạ, mà chính là *lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, là sức mạnh của "mặt trời chân lý chói qua tim"*. Người cách mạng sống và chết vì lý tưởng của mình, say mê lý tưởng, lao vào cuộc đấu tranh với một mục đích cao đẹp: giải phóng dân tộc khỏi vòng nô lệ; giải phóng giai cấp khỏi cảnh đói nghèo, giải phóng nhân loại khỏi ách bóc lột. Họ tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng. Thất bại chỉ là tạm thời. Đế quốc, phong kiến nhất định bị lật đổ. Sức mạnh của quần chúng, của giai cấp vô sản là vô địch. Họ luôn luôn đứng ở tư thế người chiến thắng vì họ đại diện cho giai cấp tiên tiến nhất của lịch sử: giai cấp vô sản, người đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản. Mang trong mình sứ mệnh của lịch sử như vậy, họ luôn luôn có tinh thần tiến công cách mạng. Cho nên, cái chất cơ bản bao trùm lên tất cả các bài thơ tù là *tinh thần lạc quan cách mạng,* tin tưởng ở tiền đồ của Tổ quốc, ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Với tinh thần lạc quan cách mạng, họ đã trả lời dí dỏm vì sao đi làm cách mạng và bị ở tù:

Bạn hỏi vì sao phải ở tù?
Thưa rằng bởi tại bọn đê cu.

Bọn "đê cu" là bọn đế quốc, chúng bóc lột, áp bức nhân dân ta, cho nên:

Căm hờn đứng dậy làm xê ét,
Nó sợ, bắt tôi nó bỏ tù.

Nguyễn Công Hoạch: *Vì sao phải ở tù?*

Lòng say mê lý tưởng cũng được nói rõ trong bài *Bởi đâu bị tù?* của Trần Lê Hương:

Bởi giận thực dân giành đất nước,
Bởi hờn phong kiến bán non sông.
Bởi mong mọi giống người bình đẳng,
Bởi muốn năm châu cảnh đại đồng.
Bởi thế nên nay đành chịu khổ,
Để rồi chung sống cả non sông.

Quân thù tra tấn, tù đày người cách mạng để làm nhụt ý chí đấu tranh ư? Đồng chí Võ Thị Ngọ nói:

Tra tấn làm gì luống uổng công,
Con này đâu sợ cảnh lao lung.

. . . .

Đem gan thi với xiềng, roi , kẹp,
Cho bọn sài lang khiếp má hồng.

Võ Thị Ngọ: *Tra tấn làm gì luống uổng công*

Chúng cho ăn khổ, ở khổ để dọa người cộng sản ư? Nguyễn Gia Hào coi khinh:

Cảnh khổ xà lim tớ biết rồi,
Thị uy đến đó, tớ xem chơi.
Ba loài hút máu tay lùa sạch,
Bảy bận không ăn miệng vẫn cười.

Nguyễn Gia Hào: *Quyết chẳng lùi*

Với một tinh thần lạc quan cách mạng, họ chịu đựng mọi khổ cực, thiếu thốn trong nhà tù. Họ cười đùa với sự canh gác của đế quốc:

Trộm chẳng vào nhà nhờ lính gác.
Cướp không qua cửa có quân canh.
Đi đâu một chắc (mình), quan liền sợ,
Nói chuyện vài người, lính phải kinh.

Khuyết danh: *Người chiến sĩ trong tù*

Họ vẫn vui Tết, thưởng xuân bằng nhiều cách:

Rung đùi, lưng túi thơ hay dở,
Đỏ mặt, nghiêng bầu rượu tỉnh say.
Cờ xóm hơn thua chơi suốt sáng,
Đàn chăn to nhỏ dạo thâu ngày.

Phan Huy Tiềm: *Vui xuân trong ngục*

Với một tinh thần lạc quan cách mạng, họ động viên tinh thần đồng chí trong buổi tiễn đưa đi đày, khuyên nhủ những người thân trong gia đình. Cũng có những lúc nhớ thương, buồn tủi..., nhưng họ không bao giờ để tình cảm làm mềm yếu lòng người, xao lãng nhiệm vụ, mất khí tiết người cách mạng. Họ dặn dò vợ:

Chăn chia gối lẻ lòng tơ vướng,
Bể nổi dâu chìm hạt lụy rơi.
Dẫu muốn ái ân cho trọn nghĩa,
Há đem sinh tử phó quyền người.

Tôn Gia Chung: *Cách mặt chẳng xa lời*

Lê Thế Hiếu làm thơ *Dặn người nhà:*

Dặn mẹ khuây nguôi lòng nhớ trẻ,
Dặn con hăng hái chí hơn cha.
Phòng không dặn vợ đừng trông bạn
Đời loạn dặn em chớ lẫn ma.

Đề tài từ cuộc sống trong tù thật phong phú. Đồng chí Trần Cung đã tâm sự:

"Cảnh tù tội dễ làm cho tôi cảm xúc và ở đấy có thì giờ để tôi làm thơ tương đối dễ dàng. Những xích xiềng, roi vọt, những hầm giam cầm, những chế độ ăn ở, những bộ mặt dữ tợn của bọn gác ngục đều là những đề tài vô tận của văn thơ.

Không những thế, nằm trong buồng giam mà tôi tưởng tượng đến thế giới bên ngoài, đến công tác cách mạng, đến gia đình, xã hội, đến cảnh vật thiên nhiên thì tôi dễ nảy ra những vần thơ câu hát. Hoặc ngược lại, đôi khi có ánh trăng, luồng gió lọt vào song sắt, những hoạt động xã hội vang dội vào nhà lao cũng dễ gợi những tứ thơ điệu hát cho tôi"[1]

Thật vậy, thơ ca cách mạng không bó mình vào những đề tài vĩnh cửu. Trong cụm thơ luật cổ ở đây, mỗi bài một vẻ, đề tài rất đa dạng. Nhờ vậy người đọc qua những vần thơ được dẫn dắt đi sâu vào thế giới bên trong của nhà tù, hiểu được một phần tâm tư của người trong ngục. Cũng là "nhớ", Nguyễn Tiềm *"Nhớ lúc luận đàm câu vận mệnh, Nhớ khi hò hét nợ non sông"...;* người khác lại chỉ nhớ đồng chí *"Nhớ Đạm béo lùn, khoanh cổ nghé, Nhớ Triêm cao ngẳng, khoánh lưng ong";* Nguyễn Gia Hào *"Đêm nằm không ngủ nghĩ lông bông, Nghĩ đến tương lai luống ngại ngùng. Nghĩ kiếp đọa đày thương xót phận, Nghĩ đời cay nghiệt ngổn ngang lòng";* Tôn Thị Quế thì *"Nằm buồn thêm nỗi ước lan man, Ước vô duyên có bầu trời nổ, Ước bất thình lình quả đất tan. Ước thấy chết quang quân phú quý; Ước trông dậy sạch bạn cơ hàn..."*

---

1. *Thơ ca cách mạng*. NXB Văn học, Hà Nội, 1964, tr..43.

Đọc lại những bài thơ tràn đầy khí phách cách mạng, chúng ta xiết bao tự hào về Đảng ta, Đảng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và của trí tuệ Việt Nam, càng tự hào về nhân dân ta, một nhân dân kiên cường, bất khuất, dũng cảm, thông minh.

Đảng anh hùng, nhân dân anh hùng lập nên những chiến thắng vẻ vang chính là nhờ Hồ Chủ tịch đã vạch ra con đường cách mạng đúng đắn, con đường đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngay từ khi thành lập Đảng, cách mạng nước ta đã đi đúng quỹ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin. Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Luôn luôn nắm vững đường lối chiến lược cơ bản ấy, Đảng ta ngày càng được tôi luyện trong cuộc đấu tranh sinh tử chống ách thống trị thuộc địa vô cùng tàn bạo của quân thù, ngày càng bắt rễ sâu trong các tầng lớp nhân dân và già dặn trong nghệ thuật vận động cách mạng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã đến với người lao động Việt Nam như "Luồng mưa nhân tạo, Cứu vớt loài người thoát biển khổ". Trần Kỳ Phong kêu gọi mọi người đấu tranh cho một xã hội tươi đẹp của ngày mai:

Sóng gió phá tan rồi một trận,
Mời thần Công lý bước ra đời.
. . . .
Sự thể không còn tên quý, tiện.
Dân gian mất hết tiếng nghèo nàn.
Hang cùng ngõ hẻm ca Bình đẳng,
Góc biển đầu non xướng Tự do.

Trần Kỳ Phong: *Xây nền Bác ái, đây Mã Khắc!*

Thế giới đại đồng sẽ hiện lên như một thiên đường ở hạ giới:

Xây nền BÁC ÁI, đây Mã KHẮC,
Bảo vệ HÒA BÌNH, đó Liệt Ninh.

Trần Kỳ Phong: *Xây nền Bác ái, đây Mã Khắc!*

Từ khi Đảng ta thành lập, việc kỷ niệm Lênin hằng năm đã trở thành một cuộc động viên quần chúng sâu rộng, để đẩy mạnh phong trào cách mạng trong cả nước. Mít tinh, treo cờ búa liềm, rải truyền đơn, ra báo..., những hình thức này làm cho quân thù điên cuồng lồng lộn săn đuổi, bắt bớ, nhưng cũng làm cho quần chúng phấn khởi,

hướng về Đảng, tin tưởng ở cách mạng. Văn học cách mạng đã ghi lại và phản ánh một cách khá sinh động và chân thực những tình cảm của những người Cộng sản Việt Nam đối với Lênin vĩ đại. Những luận điểm chính của Lênin được cô đọng thành thơ:

Nền kinh tế lung lay tai hại,
Lênin dấn tới, bước đi, lùi lại,
Lùi lại mà bước tới cho mau,
Tân kinh tế chính sách bắt đầu,
Bồi đắp được thật mau nền kinh tế.
Xem xét rõ trong ngoài tình thế,
Sáng lập ra Quốc tế thứ ba,
Là móng nền cách mạng của chúng ta.
Để lãnh đạo chỉ huy cho thế giới.

Khuyết danh: *Kỷ niệm Lênin*

Trong lao tù, các chính trị phạm cũng tổ chức kỷ niệm Lênin, tổ chức học tập thảo luận những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin. Bài hát *Kỷ niệm Lênin* (theo điệu *La Mađơlông* của Pháp) do Đình Nhu đặt lời, nói lên tinh thần lạc quan của người cách mạng:

Cách mạng hiện thời đang sôi nổi khắp trên năm châu,
Tinh thần đấu tranh ta quyết theo gương Lênin!
Ngày hôm nay là ngày kỷ niệm hai mươi mốt tháng giêng,
Dù rằng trong khi chúng ta ở nơi lao tù,
Gan sắt son ghi lòng tạc dạ chớ quên!

Tra tấn, tù đày không lay chuyển ý chí người cách mạng. Học thuyết của Lênin, gương đấu tranh của Lênin có một sức mạnh động viên, giáo dục to lớn. Phạm Ngọc Trân bị tra tấn dã man, đêm nằm mộng gặp Lênin:

...Người vào tận cửa xà lim dặn dò.
Dặn rằng: Con chớ nên lo,
Đã làm việc lớn, nạn to là thường.
Tuổi thơ, nghiệp cả đảm đương.
Dẫu rằng nát thịt, tan xương cũng đành...

Hôm sau, khi bọn mật thám đưa đi tra tấn, đồng chí đã:

Gắn ghi giấc mộng Lênin,
Ra đi nhẹ nhõm như mình đi chơi,
Buồng tra vừa bước tới nơi,
Nhìn gông, xiềng, điện sáng ngời, như không

Hôm nay là trận cuối cùng,
Trên đường chiến thắng ung dung trở về.

Phạm Ngọc Trân: *Mộng Lênin*

Ngoài việc nắm vững nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin, người cách mạng Việt Nam rất cần biết tiến trình của cuộc cách mạng sẽ đi những bước như thế nào? Cách mạng thắng lợi rồi, cuộc sống của nhân dân lao động tổ chức ra làm sao? Công nhân, nông dân, trẻ, già, gái, trai sống như thế nào?...Không gì bằng thông qua cuộc cách mạng cụ thể đầu tiên của giai cấp vô sản Nga mà giới thiệu kinh nghiệm vận động cách mạng. Cho nên, trong nhiều bài thơ, văn kêu gọi, nhiều bài văn truy điệu, cuộc sống của người dân Xô viết thường được viện dẫn, hiện lên như một ước mơ.

Người dân Việt Nam nào mà chẳng phấn khởi khi được biết việc học hành được phổ cập rộng rãi:

Nói về việc văn hóa,
Thật phổ biến phi thường.
Từ dạy ở các trường,
Lại dạy khắp các sở.
Nhân dân đều biết chữ,
Cầm sách báo đều hay.
Từ thuyền thợ, dân cày,
Ai ai đều xem được,
Ai ai đều đọc được.

Trương Văn Lĩnh: *Giới thiệu Liên Xô*

Kỷ niệm công xã Pari cũng là một dịp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đảng viên và quần chúng cảm tình của Đảng. Sau khi nêu diễn biến của cuộc cách mạng vô sản đầu tiên 18-3-1871, bài *Kỷ niệm Ba Lê công xã* đã rút ra những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo cách mạng:

Một là không biết xa lo,
Bo bo thế thủ, hững hờ thế công.
Hai là tại nhà băng không tịch,
Để cho tiền quân địch dồi dào.
Mộ thêm lính, đóng thêm tàu,
Vécxây luyện tập để tiêu diệt mình.
Ba là tại dùng binh thất lược,

Mở cửa thành quân Đức đi qua.
Nó cùng chính phủ Chie.
Hợp nhất lực lượng quay về đánh ta.
Bốn là tại trước khi bạo động,
Không biểu tình náo động ầm lên.
Nông dân cho đến thợ thuyền,
Không biết ủng hộ đoàn liên với mình.
Năm là tại quân binh ít ỏi,
Dù hy sinh chống chọi cũng thừa.

Khuyết danh: *Kỷ niệm Ba Lê công xã*

Năm bài học ngắn, gọn, nhưng rất bổ ích đối với các cán bộ, nên thường được đem ra thảo luận sôi nổi ở trong tù. Chính nhờ cách giáo dục này một phần mà trình độ đảng viên được dần dần nâng cao.

*

* *

Mười năm đầu (1925 -1935) của dòng văn học cách mạng bao gồm năm năm chuẩn bị thành lập và năm năm ra đời, trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những năm tháng thai nghén của lịch sử, những trận giáp mặt quyết liệt với quân thù, cả một quá trình vận động cách mạng sôi nổi ấy đã được phản ánh vào văn học. Khác hẳn với những tác phẩm của những dòng văn học ở thế kỷ trước và dòng văn học công khai cùng thời, thơ ca cách mạng nở rộ dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, mang trong mình nhiều cái Mới của thời đại: cách nhìn, cách đánh giá cuộc sống và con người theo thế giới quan mới, cách phản ánh cuộc sống, tâm tư, nguyện vọng con người theo phương pháp sáng tác mới.

Chất lượng tác phẩm mới đã đành, số lượng tác phẩm cũng rất phong phú. Sách báo của Đảng tuy còn lưu hành bí mật, thơ văn tuy phần lớn chỉ được phổ biến bằng truyền miệng, nhưng số lượng thơ, văn sưu tầm được cho đến nay có đến hàng ngàn bài thơ thất ngôn bát cú, hàng chục khúc ngâm dài lục bát hoặc song thất lục bát, thể loại thơ văn thật đa dạng: hịch, văn truy điệu, câu đối, thơ luật, thơ mới, hò, vè, hát giặm, ca trù, v.v...

Dòng văn học cách mạng có một sự phát triển đổi mới, đó chính là vì văn học cách mạng đã trở thành vũ khí đấu tranh của quần chúng cách mạng và là nhu cầu về tinh thần không thể thiếu được của mọi người dân Việt Nam yêu nước.

Văn học cách mạng mười năm đầu này (1925 -1935) đã thể hiện rõ *sự kết hợp chặt chẽ giữa tính dân tộc và tính giai cấp.* Cảm hứng chủ đạo *"Thà chết không chịu làm nô lệ"* là sợi chỉ đỏ quán xuyến toàn bộ thơ văn cách mạng. Hình tượng *Tổ quốc Việt Nam* giàu đẹp, có truyền thống chống xâm lược, luôn luôn được khắc họa bằng những lời thơ khi thì hào hùng, khi thì tha thiết, khi thì xót thương. Ngày nay, lịch sử đã sang trang. Năm 1980, chúng ta kỷ niệm lần thứ 35 ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có nhớ lại những năm tháng cách đây nửa thế kỷ, khi đất nước còn rên xiết dưới nhiều tầng áp bức của đế quốc và phong kiến, chúng ta mới cảm thụ hết cái cao đẹp của thơ văn cách mạng. Đó là sự phẫn nộ của lương tri, là những tiếng thét căm thù, tiếng hô cứu nước, tiếng kêu gọi đấu tranh. Nó vang vọng khắp nơi, ở trong công xưởng, ngoài đồng ruộng, ngay trong tù, trên đường đi đày, trong những cuộc biểu tình, bãi công, v.v...

Tính dân tộc ở văn học cách mạng khác hẳn ở dòng văn học yêu nước trước đây: từ cảm hứng chủ đạo *" Thà chết không chịu làm nô lệ"*, nó động viên lòng tự hào dân tộc, khêu gợi tinh thần tự lực, tự cường dân tộc và tập trung vào nhiệm vụ lớn: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, vùng lên dưới lá cờ của Đảng "cứu nước, cứu nhà, cứu mình". Văn học cách mạng dùng nhiều thể loại văn học dân gian. Những bài diễn ca đường lối chính sách của Đảng, những bài hát giặm, bài vè, những bài hát ví, hát sa mạc mang nội dung tuyên truyền, vận động nông dân, binh lính, phụ nữ, thanh niên.... vừa dễ nhớ, vừa dễ đọc, được mọi người ưa thích. Những hình ảnh dân tộc, những câu ca dao, tục ngữ, những tiếng dùng phổ thông trong cuộc sống hằng ngày, thậm chí nhiều tiếng địa phương, đã đi vào thơ ca một cách tự nhiên.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác -Lênin, tính dân tộc của thơ văn cách mạng khăng khít với tính giai cấp. Cuộc sống cơ cực của giai cấp công nhân, của nông dân, tức là cuộc sống của đại đa số người trong dân tộc, được phân tích và lý giải một cách khoa học. Vì sao công nhân khổ? Vì sao nông dân khổ? Các chiến sĩ cộng sản

đã vạch mặt chỉ tên kẻ thù của dân tộc, của giai cấp và đòi *"Giản xương đế quốc, xẻo mối quan trường"*, kêu gọi *"Ở ngoài, quốc tế liên minh, ở trong quần chúng đồng tình kéo lên" (Đặng Chánh Kỷ: Bài ca cách mạng).*

Hình tượng người công nhân, hình tượng người nông dân bừng sáng lên trên những trang thơ. Một số bài thơ ghi lại, tuy chưa đầy đủ nhưng rất đáng quý, hình ảnh đảng viên tự nguyện "đi vô sản hóa" để cải tạo mình thành người công nhân, hòa mình vào quần chúng lao động để tuyên truyền vận động cách mạng.

Tính dân tộc và tính giai cấp đã tăng thêm sức lôi cuốn, hấp dẫn, thuyết phục và tạo cho thơ văn cách mạng một dáng dấp, một phong cách khỏe khoắn, lành mạnh.

Văn học cách mạng mười năm đầu này (1925 -1935) còn thể hiện rõ *sự kết hợp chặt chẽ giữa tính lý tưởng và tính hiện thực*. Lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã bao trùm lên tất cả các bài thơ văn, biểu hiện sâu sắc qua chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ca ngợi những kỳ tích chiến đấu, những gương hy sinh quên mình vì Tổ quốc, nêu cao khí tiết của người cách mạng, qua chủ nghĩa nhân đạo vô sản, phản ánh những tình cảm sâu sắc về tình mẹ con, chồng vợ, những suy nghĩ cao đẹp về tình đồng chí, nghĩa đồng bào, tinh thần quốc tế vô sản. Mặt khác, những tư tưởng cầu an, hoạt đầu, dao động, bi quan, sợ địch, tinh thần vô tổ chức, thiếu kỷ luật.... đã được phân tích, phê phán nghiêm khắc. Sáng tác trong bóng tối của xà lim, trước máy chém của quân thù, thơ văn cách mạng luôn luôn lạc quan cách mạng, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng, tin tưởng ở con đường đã chọn. Tính đảng là linh hồn của thơ ca cách mạng, tạo nên chất thép chiến đấu, chiều sâu tư tưởng trong các vần thơ, điệu hát.

Tính lý tưởng của tác phẩm ở đây khỏe khoắn, vững vàng, toát ra từ một hiện thực cách mạng vô cùng sống động. Hiện thực cách mạng khi là những cuộc đấu tranh của hàng nghìn, hàng vạn quần chúng, khi là đời sống cơ cực của những người lao động, khi là cảnh tù đày ở Lao Bảo, Buôn Mê Thuột, Côn Đảo, ở xứ Guyan xa xôi tận Nam Mỹ, khi là những con người bất chấp mọi gian nguy đi "vận động ca em xê ét"... Từ cuộc đấu tranh cách mạng, quần chúng cách mạng vụt đứng lên, hiên ngang lẫm liệt. Lần đầu tiên, họ xuất hiện trên văn đàn, họ viết về mình, phản ánh cuộc đấu tranh của dân tộc

và của giai cấp mình. Từ hiện thực cách mạng, lý tưởng cách mạng càng sáng ngời như bó đuốc của chân lý, soi đường cho quần chúng tiến tới. Không phải ngẫu nhiên, ở Nghệ – Tĩnh, chính quyền mới giành được gọi là XÔ VIẾT.

"Tiếp thụ chân lý của thời đại, phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, văn học cách mạng thời kỳ 1925 -1935 đặt nền móng vững chắc cho nền văn học thuộc hệ tư tưởng vô sản. Góp phần vào những thắng lợi của cách mạng, nhất định có công lao không nhỏ của dòng văn học cách mạng non trẻ rực lửa chiến đấu của thời kỳ mười năm 1925 -1935 này".

*

* *

Phần văn học cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có sáu tập: ba tập bao gồm những sáng tác của đông đảo các chiến sĩ cách mạng trong ba thời kỳ 1925 -1935, 1936 -1939, 1940 -1945; một tập dành riêng cho những tác giả nổi lên từ ba phong trào ấy; một tập riêng về lý luận văn học cách mạng; và một tập đặc biệt giới thiệu những tác phẩm của tác giả vĩ đại Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ những năm thứ mười của thế kỷ này đến ngày 2 -9-1945.

Tập 34 này - *Văn học cách mạng thời kỳ 1925 -1935* - là tập đầu của phần Văn học cách mạng. Cho nên, mở đầu có bài *Tổng luận* nhận định, đánh giá toàn bộ văn thơ cách mạng từ năm 1925 đến năm 1945, do đồng chí Hồng Chương, Tổng chủ biên phần Văn học cách mạng, viết.

Tiếp đó là bài *Khải luận* giới thiệu văn thơ cách mạng của riêng thời kỳ 1925 -1935, do đồng chí Phong Châu, Chủ biên tập sách này, viết.

Sau cùng là *Mục lục tra cứu* tác phẩm và tác gia trong Tập 34 này để giúp bạn đọc dễ dàng khi sử dụng sách.

Như đã trình bày ở trên, thơ văn ở thời kỳ này phong phú về đề tài và đa dạng về thể loại. Vậy vấn đề sắp xếp thơ văn tập này như thế nào là hợp lý nhất? Khó mà có một cách sắp xếp toàn bích. Nếu sắp xếp một cách riêng rẽ theo trình tự thời gian, hoặc theo đề tài, hoặc theo thể loại... thì cách nào cũng có chỗ mạnh và chỗ yếu của nó. Do đó, cần phải phối hợp linh hoạt nhiều cách. Chúng tôi đã sắp xếp các bài vừa theo từng cụm bài có nội dung cùng một chủ điểm,

đồng thời có kết hợp trình tự thời gian, đề tài và thể loại. Tất cả việc sắp xếp đều nhằm mục đích làm nổi bật tư tưởng chủ đề của từng chương, phản ánh trung thành sự vận động của văn học cách mạng thời kỳ 1925 - 1935 trong toàn bộ sách.

Thơ văn ở thời kỳ này sưu tầm được thường không phải từ tác giả của nó, mà lại từ những "độc giả, thính giả' đương thời, thường không phải rút ra từ sách báo mà từ những bản chép tay của nhiều người. Thơ văn phần lớn do trí nhớ, do truyền miệng mà còn, người nhớ câu này chữ này, kẻ nhớ câu khác chữ khác. Có bài do chính tác giả chép cho chúng tôi; so với dị bản sưu tầm được, nội dung, ý nghĩa, câu, chữ lại không phong phú bằng. Quần chúng cách mạng đã in dấu ấn, thêm bớt, sửa chữa vào những bài thơ, bài văn trong quá trình lưu truyền, phổ biến. Vì vậy, đối chiếu nhiều dị bản, tìm lấy điều hợp lý nhất là việc cần thiết. Đối với một số bài mà tác giả còn sống, chúng tôi đã tranh thủ xin được sự chỉnh lý cuối cùng. Và, trong một số trường hợp, để bạn đọc tham khảo, chúng tôi cho in cả nguyên văn và dị bản.

Về nguồn tài liệu, chúng tôi đã tuyển chọn, tu chỉnh và chú thích lại nhiều bài trong hai tập sách in trước đây: *Thơ ca cách mạng 1925 -1935, Thơ văn Xô viết Nghệ - Tĩnh.* Ngoài ra, còn nhiều bài khác sưu tầm được là nhờ ở báo chí lưu trữ tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, Viện Bảo tàng Cách mạng, ở tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tuyên huấn ở nhiều địa phương. Đặc biệt, một số cụ cách mạng lão thành, hoặc những người thân trong gia đình các cụ đã trực tiếp gửi cho những bài thơ, ca hoặc chỉ bảo cho nhiều điều cần thiết để viết tiểu dẫn và chú thích. Về xuất xứ các bài thơ văn chúng tôi cố gắng ghi chú ở phần tiểu dẫn.

Cuối cùng, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan và các vị đã giúp đỡ chúng tôi trong việc biên soạn tập sách này.

Chủ biên

PHONG CHÂU

Phần một

KÊU GỌI VÙNG LÊN LÀM CÁCH MẠNG DƯỚI LÁ CỜ CỦA ĐẢNG

ĐỨNG DẬY MAU!

Hỡi người cực khổ, kẻ thương đau,
Cương quyết phen này đứng dậy mau.
Búa đánh tan đầu quân thực đế [1],
Liềm cưa đứt cổ tụi quan giàu.
Tự do xẻ dọc màn thiên diễn [2]
Bình đẳng cao ngang mặt địa cầu.
Rửa sạch vết nhơ trên lịch sử,
Cuộc đời hạnh phúc hưởng chung nhau.

KHUYẾT DANH

*

CỜ VÔ SẢN

TIỂU DẪN: Nguyễn Thế Long sinh ra và lớn lên ở xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Năm 1928, đồng chí hoạt động trong tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1930, thực dân Pháp bắt đồng chí và giam ở nhà lao Thái Bình, Hải Phòng... Năm 1932 vượt ngục Hải Phòng, đồng chí trở lại Thái Bình hoạt động và giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Giữa năm 1932 bị bắt lần thứ hai, bị đày đi Côn Đảo. Vượt ngục Côn Đảo, đồng chí về tham gia hoạt động ngay ở Nam Bộ. Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, đồng chí là Giám đốc Sở Công an Khu I. Đồng chí mất năm 1951. Bài này do Trương Sĩ Hùng sưu tầm.

Quê ta phấp phới ngọn hồng kỳ,
Dấu hiệu công nông rõ nét ghi.
Nhát búa: phá tan nền áp bức,
Lưỡi liềm: cắt đứt lưới hàn vi.
Gọi người vô sản đoàn kết lại,
Giục bạn công nông tiến bước đi.
Cách mạng phen này cho triệt để,
Năm châu phấp phới ngọn hồng kỳ.

NGUYỄN THẾ LONG

1. *Quân thực đế:* quân thực dân đế quốc.
2. *Thiên diễn:* sự tiến hóa tự nhiên của vạn vật.

SÓNG XÍCH NGA

TIỂU DẪN: Hồ Viết Tùng người xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, làm y tá, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, rồi gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, hoạt động hồi 1930 – 1931. Sau ba năm bị đày đọa gian khổ ở Lao Bảo, Hồ Viết Tùng chết năm 1933.

Sóng xích Nga tràn khắp tứ tung [1],
Biểu tình rầm rộ Bắc, Nam, Trung,
Xôn xao tiếng trống miền thôn dã,
Đỏ chói ngọn cờ chốn xưởng công.
Mặt nạ bay đem tàu súng dọa,
Tay không choa (tao) vác búa liềm dong.
Cường quyền áp bức choa sao đặng,
Choa cứ bước lên cõi đại đồng.

HỒ VIẾT TÙNG

*

NHỊP TRỐNG TỰ DO QUYẾT DÓNG VANG

Bốn bể năm châu một chữ đồng,
Trí, thanh, binh, phụ với công nông.
Tiếng chuông bình đẳng đà vang dậy,
Nhịp trống tự do phải cố rung.
Đúc lá gan vàng che đạn sắt,
Đốt bầu máu nóng tỏ lòng trung.
Chém cha nô lệ không làm nữa,
Đù mẹ quân thù, nó phải bong. [2]

KHUYẾT DANH

*

---

1. *Sóng xích Nga:* làn sóng đỏ của Cách mạng Tháng Mười Nga, đây là làn sóng cách mạng vô sản.

2. *Phải bong:* phải bật ra, tách ra, tức là bị đuổi đi, bị quét sạch.

GẶP GỠ

TIỂU DẪN: Lê Thành Lập, tức Nguyễn Khoái, tức Nguyễn Lạc, sinh năm 1904, người xã Thượng Cốc (nay là xã Gia Khánh), huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Đồng chí Lập hoạt động cách mạng từ năm 1926, năm 1929 gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, năm 1930 vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1930 đồng chí Lập bị đế quốc Pháp bắt và đày ra Côn Đảo; năm 1936, ra tù. Năm 1945, đồng chí tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở tỉnh Hải Dương và giành chính quyền ở huyện Cẩm Giàng. Bài thơ này, đồng chí viết để ghi lại cảm nghĩ của mình khi tìm thấy Đảng.

Biết bao mong ước biết bao công,
Mừng thấy ngàn đông đã rạng hồng.
Lá thắm thuận theo dòng nước đỏ,
Lòng son xiết chặt sợi tơ đồng.
Chắc duyên tri ngộ nay bền mãi,
Mà nợ tang bồng sẽ trả xong.
Thành khí cảm thông ngàn vạn dặm,
Thề cùng gánh vác với non sông.

LÊ THÀNH LẬP

1929

*

TIẾN ĐẾN CÙNG

Trải mấy bôn ba một tấm lòng,
Một lòng thề hẹn với non sông.
Vừa qua thực tế, qua đàm luận,
Biết rõ màu đen, rõ sắc hồng.
Muốn trả thù nhà, đền nợ nước,
Phải theo mác xít, dựa công nông.
Con đường cách mạng dù gian khổ,
Thề quyết xông pha, tiến đến cùng

LÊ THÀNH LẬP

1929

QUYẾT XOAY ĐỜI LẠI

TIỂU DẪN: Nguyễn Văn Ngọ quê ở làng Hạ Đồng, xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Năm 1930, đồng chí được Xứ ủy Bắc Kỳ điều về công tác ở Thái Bình. Cuối năm 1930, đồng chí bị đế quốc Pháp bắt, cầm tù.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến đầu năm 1950, đồng chí giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, kiêm Chủ tịch tỉnh Thái Bình. Đồng chí mất năm 1955.

Còn cực gì hơn cái cực nghèo!
Suốt đời lao động vẫn gieo neo.
San san sao chẳng san cho khéo,
Sẻ sẻ thì không sẻ rõ đều.
Đứa bát cơm đầy, đầy mặt lợn.
Người lưng rau nhớt, nhớt đuôi nheo.
Bạn nghèo ta quyết xoay đời lại,
Cho lũ hùm beo hóa lũ mèo.

NGUYỄN VĂN NGỌ

*

XOAY TRỜI ĐẤT

TIỂU DẪN: Phạm Ngọc Trân hay Phạm Trân, hiệu Nam Hồng, sinh năm 1906, tại làng An Phú, xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1930, đồng chí chỉ huy cuộc biểu tình đầu tiên ở miền đông Sơn Tịnh (ngày 31–10–1930). Năm 1945, đồng chí tham gia khởi nghĩa ở Ba Tơ (11–3–1945)

Trời đã sinh trong buổi bất bình,
Thù nhà nợ nước há mần thinh.
Quyết xoay trời đất lòng không nản,
Thề đắp non sông nghiệp tất thành.
Giành mối lợi quyền gìn chủng tộc,
Chặt xiềng nô lệ cứu sinh linh.
Thân này hiến tận cùng xương tủy,
Dầu đến ra tro, dạ cũng đành.

PHẠM NGỌC TRÂN
1927

DỐC LÒNG TRANH ĐẤU

TIỂU DẪN: Nguyễn Thị Quang Thái, người ở Vinh, Nghệ An, em ruột liệt sĩ Nguyễn Thị Minh Khai, hoạt động cách mạng từ năm 1930, đã hy sinh trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Bài thơ này do chị Nguyễn Thị Nhuận ở Vinh đọc cho ghi.

Mười sáu năm nay sống ở đời,
Nhân tình nghĩ đến lệ đầy vơi. [1]
Trông phường đế quốc lòng ngao ngán,
Thấy bạn cần lao dạ rối bời. [2]
Quyết chí xông pha, dù máu đổ.
Dốc lòng tranh đấu, mặc đầu rơi.
Ngọn cờ vô sản bao giờ phất,
Chín suối hồn ta mỉm miệng cười.

NGUYỄN THỊ QUANG THÁI
Vinh, 1930

*

ĐI TRÊN NÚI NHỚ NHÀ

TIỂU DẪN: Nguyễn Chánh (tức Nguyễn Chí Thuần), sinh tháng 5-1914, quê ở xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyễn Chánh tham gia phong trào Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội năm 1929, vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1931. Đồng chí đã tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí đã kinh qua các chức vụ: Tỉnh ủy viên, Bí thư liên tỉnh, Bí thư Khu ủy, kiêm Chính ủy Tư lệnh Liên khu V, Trung ương ủy viên, Tổng tham mưu phó, Chủ nhiệm Tổng cục Cán bộ.

Nguyễn Chánh mất năm 1957.

Bài thơ này đồng chí làm lúc mới 14, 15 tuổi, khi đưa các đồng chí trong

---

1. Có người nhớ: ... lệ châu rơi.
2. Có người nhớ: ... bạn quần thoa.

Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội lên núi giả vờ làm ruộng để che mắt địch, trốn tránh chúng truy lùng.

Nhớ mưa, nhớ gió, nhớ quê nhà,
Nhớ lúc thanh nhàn dạo có hoa.
Nhớ trống tự do không kẻ đánh.
Nhớ đàn dân chủ thiếu người hòa.
Nhớ cờ độc lập tươi sông núi,
Nhớ đuốc trung thành gọi quốc gia.
Nhớ bạn đồng tâm đâu chẳng thấy,
Nhớ mưa, nhớ gió, nhớ quê nhà.

NGUYỄN CHÁNH

*

DÂN CÀY

TIỂU DẪN: Bùi Khắc Thựu người Tam Đa, xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc (Nghệ An), tham gia Đảng Tân Việt. Trong cao trào 1930 – 1931, Bùi Khắc Thựu là người hoạt động hăng hái kiên quyết, sáng tác khá nhiều văn thơ nhưng thất lạc, nay không còn mấy; đã mất hồi năm 1930. Hai bài thơ này do Lê Huy Ba ở Nghi Long (Nghi Lộc, Nghệ An) đọc cho ghi.

I

Vất vả bao năm *ngày, tháng, mùa,*
Ngán thay cho kiếp *cấy, cày, bừa.*
Cầm hơi ba miếng *rau, khoai, cháo,*
Chết xác đôi phen *gió, nắng, mưa.*
Con khóc, vợ kêu, *hèn, đói, rách,*
Sưu cùm thuế kẹp, *đắng, cay, chua.*
Tấm thân lao khổ, *buồn, căm, tức,*
Đạp quách xong đời *mục, nát, xưa.*

II

Đạp quách xong đời *mục, nát, xưa,*
Thoát ly chế độ *giặc, quan, vua.*
Phanh thây mấy lũ *hùm, beo, sói.*
Vạch mặt ba đồ *nịnh, hót, khua.*

Sân khấu về tay *cày, thợ, lính.*
Vai tuồng hết ngón *bán, buôn, mua.*
Làm ăn công cộng *vui, no, ấm,*
Hạnh phúc dồi dào *sớm, tối, trưa.*

BÙI KHẮC THỰU

*

TRÁI NGƯỢC

TIỂU DẪN: Đặng Thái Thuyến, hiệu Canh Tân, người huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, con cụ Ngư Hải Đặng Thái Thân, một nhà Nho yêu nước. Đồng chí hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước ở Thái Lan và ở Trung Hoa. Đồng chí bị đế quốc bắt ở Băng Cốc (Thái Lan), giải về Huế, bị kết án tù chung thân và đày lên Kông Tum. Ngày 12–12–1931, trong một cuộc đấu tranh ở Kông Tum, đồng chí đã bị địch bắn chết.

Thằng thì ăn chả, đứa ăn nem,
Túi nỗi tay không phải nhịn thèm.
Cơm: được bữa trưa, chưa bữa tối,
Nhà: sau không vách, trước không rèm.
Năm canh, nước mắt con tầm tã,
Sáu khắc, mồ hôi bố lấm lem.
Xã hội bất công như thế đó!
Búa liềm đứng dậy, bớ anh em!

ĐẶNG THÁI THUYẾN
Thái Lan, 1926

*

TIỄN BẠN

TIỂU DẪN: Năm 1926, lớp huấn luyện chính trị do Hồ Chủ tịch mở ở Quảng Châu (Trung Quốc) bế mạc. Các học viên được phân công đi công tác các nơi, nhiều người về nước hoạt động. Riêng Đặng Thái Thuyến phải ở lại Trung Quốc, chờ tàu về Thái Lan sau. Đồng chí làm bài thơ này tiễn các đồng chí trở về nước nhà.

Trên bến Châu Giang dưới bóng tà,
Nhìn nhau lã chã giọt châu sa.
Hồn quê muôn dặm non sông khách,
Tiếng cuốc năm canh đất nước nhà.
Đất Bắc, tôi nào e gió bụi,
Trời Nam, bác chớ ngại xông pha.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Vận hội sau này ta với ta.

ĐẶNG THÁI THUYẾN

BÀI THƠ HỌA LẠI BÀI "TIỄN BẠN"

TIỂU DẪN: Phan Trọng Quảng sinh ngày 1-11-1904, tại làng Mỹ Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (quê mẹ). Chính quán là làng Đông Thái, nay là xã Châu Phong, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 1925, được dự lớp chính trị đặc biệt của Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội và được kết nạp vào Thanh niên Cộng sản đoàn ở Quảng Châu (Trung Quốc). Về nước hoạt động từ năm 1926, đến năm 1931, bị bắt, đồng chí bị đày ra Côn Đảo tháng 5-1933. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí hoạt động trong ngành Công an ở Liên khu IV, ngành Thương nghiệp, cuối cùng ở Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trực thuộc Tỉnh ủy Thanh Hóa. Sau đó đồng chí đã nghỉ hưu.

Tác giả làm bài thơ họa lại của đồng chí Canh Tân Đặng Thái Thuyến, trong buổi tiễn đưa nhau ở Quảng Châu. Tất cả các bài thơ của Phan Trọng Quảng trong tập sách này đều do Phan Trọng Luận cung cấp.

Nhìn nhau căm giận lũ gian tà,
Chửa thốt nên lời lệ đã sa.
Vì nước anh đà lìa khỏi nước,
Thương nhà tôi dám tưởng chi nhà.
Muốn cho giặc Pháp gông xiềng nát,
Xá kể thân mình cát bụi pha.
Nước Tổ trầm luân, dân khốn đốn,
Đêm ngày ngóng đợi ở phường ta.

PHAN TRỌNG QUẢNG

Mùa đông, 1926

*

VƯỜN BÁCH THÚ

TIỂU DẪN: Nguyễn Tạo (tức Nguyễn Phủ Doãn), khi còn nhỏ tên là Nguyễn Trọng Tạo, bí danh là Cuội, bút danh Mục Tử, sinh năm 1905, quê làng Thái Yên, xã Quảng Chiêm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 1928, đồng chí tham gia Đảng Tân Việt, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách tài chính của Trung ương.

Ngày 31-3-1931, bị bắt ở Hải Phòng (số nhà 158B, đường Nguyễn Đức Cảnh, tức đường Bonal cũ), bị án 20 năm cấm cố; đồng chí đã tổ chức vượt ngục thành công ở Hỏa Lò, Hà Nội, ngày 24-12-1932.

Tháng 4-1934, đồng chí lại bị bắt ở đồn điền Hải Mao, Thọ Xuân, Thanh Hóa, bị kết án thêm 7 năm tù và bị đày đi Lao Bảo, đến 1937 đày đi Buôn Mê Thuột, năm 1940 chuyển đi đày Đắc Min. Ngày 5-12-1942, đồng chí lại vượt ngục Đắc Min.

Tháng 8-1945, đồng chí tham gia Ủy ban tổng khởi nghĩa hai tỉnh Nghệ - Tĩnh và lãnh đạo giành chính quyền ở Nghệ - Tĩnh. Tháng 10-1945, được Trung ương cử vào làm Giám đốc Quốc gia Tự vệ cục Nam Bộ.

Từ 1958 đến 1971, đồng chí giữ chức Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp; sau đó là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp Trung ương. Sau đó nghỉ hưu tại Hà Nội.

Cũng rằng cổ thụ, cũng vườn hoa,
Bay nhảy lầu son lũ chó gà.
Rừng cũ mơ màng con hổ xám,
Vũng tù lặn lội chú ba ba.
Trên cành ngất nghểu con chim cú,
Trong cũi vênh vang lũ khỉ già.
Cảnh cũ người xưa đâu vắng bóng?
Chuông chùa Trấn Vũ thỉnh xa xa.

NGUYỄN TẠO

Hà Nội, 1925

*

KHÔNG QUY LỤY

Nhờ khuôn trẻ tạo đúc nên người, [1]
Cần quái chi mà quy lụy ai.
Cơm áo nặng dày ơn bảy thước,
Non sông chìm nổi sẵn hai vai.
Đầu không chung đội trời lang sói,
Lòng vẫn riêng lo nợ giống nòi.
Những lũ cáo chồn mang lốt cọp,
Xá gì để bận đến con người.

PHAN TRỌNG QUẢNG [2]

1925

*

CHỐNG "BỂ THẢM"

TIỂU DẪN: Vào khoảng 1924–1925, một số thanh niên hay ngâm bài Bể thảm của Đoàn Như Khuê:

Bể thảm mênh mông sóng lút trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Gẫm lại cùng trong bể thảm thôi.

Tác giả làm bài thơ này để chống lại tư tưởng bi quan yếm thế của Đoàn Như khuê.

Đời sầu bể thảm rộng mênh mông,
Trót đã sa vô phải vẫy vùng.
Sóng cả vững tay chèo bác lãng, [3]

---

1. *Trẻ tạo:* hay tạo hóa, chỉ ông trời.
2. Tiểu sử tác giả giới thiệu ở tr.164.
3. *Bác lãng:* tự do, không có gì bó buộc.

Gió to bền chí vượt cuồng phong.[1]
Đem thuyền bát nhã qua siêu độ,[2]
Lấp biển trầm luân dập não nùng.[3]
Những bậc tài danh ngàn thuở trước,
Mấy ai bó gối đợi tao phùng.[4]

PHAN TRỌNG QUẢNG[5]

*

THỜI THẾ

TIỂU DẪN: Nguyễn Thị Hồng sinh năm 1907, người xã Hoàng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1925, khi đang học năm thứ tư trường Đồng Khánh, Huế, đồng chí đã tham gia bãi khóa. Năm 1928, đồng chí gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Sài Gòn; năm 1929 về Huế hoạt động, bị bắt và bị kết án tù 7 năm. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí làm Bí thư Phụ nữ cứu quốc tỉnh Hà Tĩnh, sau tham gia Ban thường vụ Tỉnh hội Phụ nữ Thanh Hóa. Năm 1964, đồng chí nghỉ hưu. Tất cả các bài của Nguyễn Thị Hồng trong tập sách này đều do Phan Trọng Luận cung cấp.

Lập địa khai thiên bấy đến giờ,
Loài người tiến hóa thế này ư?
Màn loan, nệm gấm, ai đài các,[6]
Nước mắt, mồ hôi, kẻ bụi bờ.
Nô lệ muôn dân, cơm áo thiếu,
Chủ nhân một lũ, bạc vàng dư.
Cuối cùng một trận xoay thời thế,
Cho thỏa ngàn xưa những ước mơ.

NGUYỄN THỊ HỒNG
Huế, 1929

---

1. *Cuồng phong:* gió to dữ dội.
2. *Bát nhã:* chữ Phạn, nghĩa là trí tuệ.
Siêu độ: lễ của nhà Phật cầu cho linh hồn người chết vượt qua biển Mê.
3. *Biển trầm luân:* theo Phật giáo là biển Khổ.
4. *Tao phùng:* gặp gỡ may mắn.
5. Tiểu sử tác gia đã giới thiệu ở tr. 164.
6. Có sách chép: ... quân nhàn rỗi.

CẢM TÁC

Chim trời quen núi, cá quen sông,
Lúng túng trong nơi mắc chậu lồng.
Không cánh không vi trong nước đứng,
Khó bay khó nhảy giữa trời không.
Trông chừng biển Bắc vươn vây ngạc, [1]
Đợi thuở trời Nam chấp cánh hồng. [2]
Lồng, chậu một mai dầu thoát khỏi,
Chim thời nên phụng, cá nên rồng. [3]

KHUYẾT DANH

*

TỰ CỨU LẤY

TIỂU DẪN: Trần Lê Hương, người xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, hoạt động trong phong trào cách mạng hồi 1930 ở Nghệ An.

Bất bình ta há chịu ngồi co,
Giữa sóng chung nhau một chuyến đò.
Sống chết bởi ta, ta phải tính,
Lợi quyền xin nó, nó không cho.
Phải mang liềm búa ra tranh đấu,
Để phá gông xiềng cướp tự do.
Dẫu có đầu rơi cùng máu đổ,
Quyết rằng áo ấm với cơm no.

TRẦN LÊ HƯƠNG
1930

*

---

1. *Ngạc:* cá sấu.
2. *Hồng:* con ngỗng trời, loài chim bay cao.
3. *Phụng:* chim phượng.

DÂN TA CÁCH MẠNG CÓ TRUYỀN THỐNG

Dân ta cách mạng vốn di truyền,
Nổi dậy xua cừu biết mấy phen.
Hận trước cha ông đà rửa sạch,
Thù nay con cháu há ngồi yên.
Liệu mau hợp lực toàn dân lại,
Đánh ngã cường quyền dựng nước lên.
Độc lập phất cao cờ xã hội,
Quyết cùng thiên hạ bước đua chen. [1]

TRẦN LÊ HƯƠNG
1930

*

LAO KHỔ AI NGƯỜI CÓ BIẾT KHÔNG

Cách mạng phong trào rộn biển Đông,
Thù chung há lẽ đội trời chung.
Bình quyền tranh cạnh em khuyên chị,
Công lý đinh ninh vợ dặn chồng.
Tỉnh ngộ hờn căm phường đế quốc,
Biểu tình liên hiệp bạn công nông.
Tấm gương nhiệt huyết còn treo đó,
Lao khổ ai người có biết không?

TRẦN LÊ HƯƠNG
1930

*

1. Có người nhớ: *Quyết cùng quốc tế bước đua chen.*

VẬN NƯỚC ĐẾN RỒI, VỤT ĐỨNG LÊN!

TIỂU DẪN: Trần Kỳ Phong sinh năm 1872 trong một gia đình nghèo ở làng Châu Me, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 18 tuổi, thi đậu cử nhân, sau đi vận động cứu nước, bị bắt và bị đày ra Côn Đảo. Ở đây, Trần Kỳ Phong tiếp thụ chủ nghĩa Mác–Lênin. Mãn hạn tù, về đất liền, ông hoạt động như một chiến sĩ cộng sản. Trần Kỳ Phong mất năm 1941.

Trần Kỳ Phong làm chùm thơ luật tám câu này nhân dịp Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội được tổ chức ở Quảng Ngãi. Lời thơ điêu luyện, ý tứ kín đáo, súc tích, nói lên hoàn cảnh xã hội, tâm trạng người trí thức lúc bấy giờ, và lòng tin tưởng vào đường lối cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề ra.

Bài này do hai đồng chí Nguyễn Quang Cư và Phạm Ngọc Trân sưu tầm.

Cấm chợ, ngăn sông chẳng được chi,
Giam thân hãm chí cố nằm ỳ.
Cho trang sách cổ là huyền diệu,
Quên cảnh năm châu đổi diệu kỳ.
Biển khổ trông mong thuyền bát nhã.
Dân nghèo đã có thuốc lương y.
Trào lưu trước mắt khinh đoàn trẻ,
Ngày tháng riêng ta lại hóa chì!

Mù mịt trời Nam cuộc bể dâu,
Lửa càng thêm nóng, nước sôi mau.
Con thơ khát sữa vì không mẹ,
Bác lão no say kiếm thiếp hầu.
Săn thịt gớm ghê phường chó má,
Đớp gà nổ sợ lũ diều hâu.
Ai ơi! Vứt bỏ lòng tham bạo,
Đất lở này xem chuyện năm châu.
Giãi nắng dầm mưa suốt tháng ngày,
Bước đường kinh tế lắm chua cay.
Ao khô bèo giạt khôn tìm cá,

Cát trắng đầy cồn khó kiếm khoai.
Thở chẳng ra hơi, xâu bắt mãi,[1]
Chích không chút máu, thuế gia hoài!
Dân cùng nước kiệt, quan tăng bổng,
Tế độ, thuyền từ hỏi mấy tay?[2]

Trong cơn vùng vẫy đổi thay trời,
Sao bác cuồng Nho lại lắm hơi?
Ngã ngửa mà xem tuồng bá láp,
Chết ngây còn nói chuyện ba đời.
Tre sinh hang đá, mưa khôn lớn,
Hoa nở vườn xuân, nắng cũng tươi.
Thử hỏi trò đời sao lạ thế?
Trơ trơ phỗng đá thật buồn cười!
Tinh mơ dậy mở cửa rèm tranh,
Thấy chú gà tồ nhảy nhót quanh.
Bươi chái ăn chi cồn cát trắng,
Lung lay muốn đổ cái trời xanh.
Mười năm gặm sách, Nho mà hủ,
Tám kiếp tương rau, Phật chẳng thành.
Một xó mặc dầu đời chưa chán,
Tiếng đàn suối đá lúc đêm thanh.

Tiếng suối đàn kia tiếng gọi đời!
Giọng xưa, điệu lạ đó ai ơi!
Văn minh đài mới đang xây dựng,
Đạo đức nền xưa sắp hết thời!
Gánh nặng đường dài xin cố gắng,
Ao sâu gầu nhỏ chớ ngồi chơi.
Nghìn năm nước cũ, phong trào mới,
Chỉ cậy nơi ta, chớ cậy người.

Tiếng gió lao xao bốn phía rèm,
Khi buồn lại gặp lúc mưa đêm.

---

1. *Xâu:* bắt đi phu.

2. *Tế độ, thuyền từ:* theo Phật giáo, lấy Phật pháp cứu giúp chúng sinh ra khỏi biển khổ, ví như dùng thuyền đưa người.

Luồng mây quỷ khí ngăn ngang vách, [1]
Ngọn đuốc thần quang chói trước thềm.
Chua xót tiếng quyên nghe quá thảm,
Mơ màng hồn điệp giấc khôn yên. [2]
Canh khuya ngồi chực trời mau sáng,
Vận nước đến rồi, vụt đứng lên!

TRẦN KỲ PHONG
Quảng Ngãi, 1926

*

CHO THIÊN HẠ BIẾT MẶT ĐÀO THƠ

Em ơi! Ruột chị rối như tơ,
Nước mất nhà tan cám cảnh chưa!
Đất tổ làm hang nuôi hổ báo,
Con tiên lộn kiếp hóa trâu lừa.
Trận mưa chuyên chế bao người chết,
Tiếng gọi công bằng mấy kẻ thưa!
Chị rắp ra tay liều một kiếp,
Cho thiên hạ biết mặt đào thơ.

Biết mặt đào thơ những lúc này,
Lẽ nào đành chịu nuốt chua cay!
Trông dân như lửa trào gan ruột,
Thấy nước không hồn thẹn cỏ cây.
Son phấn ví không liều một kiếp,
Cung tên thôi cũng chán râu mày.
Cơ trời càng tưởng càng thêm rối,
Này hỡi em ơi! Em có hay?

Em có hay chăng nỗi chị phiền!
Nước nhà còn thế tưởng gì duyên.

---

1. *Quỷ khí:* khí ma quỷ, tư tưởng thù địch.
2. *Hồn điệp:* hồn bướm, mượn điển Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa bướm.

Gối chăn đành mặc trời thu xếp,
Xương thịt mong đem dạ báo đền.
Đời đã mê quên lòng nghĩa phận,
Mình đâu riêng kể nỗi truân chuyên!
Phận bồ tuy gọi là thơ yếu,
Gặp lúc long trời há chịu yên!

Chịu yên sao được hỡi em ơi!
Nghĩ đến giang sơn chết nửa người.
Mất mẹ, gà con ngơ ngẩn bóng,
Gặp thời, chó dại ngoáy ngoe đuôi.
Đỉnh non vắng tiếng chim thương tổ,
Đáy nước sôi tăm cá ngáp mồi.
Tiếng khóc tày đình đâu vắng tá!
Thương chàng nước Sở hạt châu rơi. [1]

Hạt châu lã chã thấm khăn hồng,
Cái nợ tang bồng phải nợ chung.
Kiếp sống ai không là máu mủ!
Phận bồ đâu nỡ phụ non sông!
Trông anh em đó như điên dại,
Còn ruột gan nào hưởng đỉnh chung [2]
Xé yếm may cờ dùng thỏa chí,
Kiếp này khỏi tội với cha ông.

Cha ông vất vả kể bao phen!
Phận cháu con sao chẳng giữ nền!
Đã trót tim gan vòng cẩu trệ, [3]
Còn đâu thói phép giống Long Tiên!
Ngu hèn đành chịu thân luồn cúi,
Thông thạo xoay quanh cuộc đảo điên.
Cá chậu chim lồng ai biết nhục!
Thấu tình chăng hỡi! Hỡi hoàng thiên [4]

---

1. Mượn tích Thân Bao Tự sang cầu cứu nhà Tần đem quân giúp nước Sở.
2. *Đỉnh chung:* vạc và chuông, chỉ sự phú quí.
3. *Cẩu trệ:* người đê hèn.
4. *Hoàng thiên:* ông trời.

Ớ hỡi hoàng thiên thấu nỗi oan!
Bực mình muốn phá cả giang san.
Đôi trâm thoa ấy làm gươm giáo,
Mượn đất trời kia mở ruột gan.
Khói lửa thiêu tàn quân mọt hại,
Yếm khăn đùm lấy bạn lầm than.
Vá trời chi quản công mang đá,
Cái kiếp Oa hoàng thế mới ngoan.[1]

Thế mới ngoan chăng gái nước nhà!
Con thuyền liều với ngọn sông sa.
Sống không ra sức cùng non nước,
Chết cũng thêm buồn với cỏ hoa.
Trót lỡ lời thề cơn hoạn nạn,
Phải già tay lái lúc phong ba.
Thân này đến thế gì hơn nữa!
Đâu lẽ cao dày nỡ phụ ta[2]!

Nỡ phụ ta chăng, ta cũng đành,
Thù nhà nợ nước há làm thinh!
Bể dâu sóng cuộn bao tầng thảm,
Đào liễu trời cho cũng kiếp sinh.
Tằm chết, tơ kia mong trả nợ,
Xuân tàn, cuốc nọ vẫn cầm canh.
Lưỡi gươm mài sáng chờ khi tuốt,
Cho xóm giềng ai biết mặt mình.

Biết mặt mình đây cũng gọi rằng,
Dù khi chị ngã có em nâng.
Phá nọn xây lại nền thân ái,
Tát bể san vơi nỗi bất bằng.
Cứu lũ con em lòng phải vững,
Đuổi quân tàn bạo chí cho hăng.
Cùng nhau ta đốt đèn nhân loại,
Soi tỏ sơn hà có phải chăng?

KHUYẾT DANH

---

1. Ca ngợi gương bà Nữ Oa, nhân vật truyền thuyết, đội đá vá trời.
2. *Cao dày*: dùng với nghĩa chỉ trời đất.

CHI ĐỂ AI KHINH KHÁCH MÁ HỒNG

Cũng tai cũng mắt cũng hình dung,
Chi để ai khinh khách má hồng.[1]
Trưng, Triệu gương xưa còn chói lọi,[2]
Tú, Lan nếp mới quyết toang gông[3]
Sục sôi màu đỏ nghiêng trời đất,
Phấp phới cờ hồng vạch núi sông.[4]
Rầm rập bốn phương đều đứng dậy,
Rúc còi nổ súng, ghé vai chung.[5]

KHUYẾT DANH

*

GƯƠM: ẤY CON THƠ, SÚNG: ẤY CHỒNG

Nước mất nhà tan gánh nợ chung,
Có ta, ta phải ghé vai cùng.
Liễu bồ đã đứng trong trời đất,[6]
Vàng đá xin thề với núi sông.[7]
Chân yếu tay mềm tuy phận gái,
Gan bền chí vững tựa đàn ông.
Nợ đời chưa trả, duyên gì nữa?
Gươm: ấy con thơ, súng: ấy chồng.

KHUYẾT DANH

---

1. Có người nhớ: *Dắt dìu nhau lên thẳng cõi hồng.*

2. Tức Trưng Trắc, Trưng Nhị và Triệu Trinh Nương, các gương nữ liệt cua ta trong lịch sử.

3. Tức Trịnh Duc Tú, nữ chiến sĩ cách mang Trung Quốc và Madam Róláng (Madame Rolland), nữ chiến sĩ cách mạng Pháp. Chữ "toang gông" dùng hơi ép.

4. Có người nhớ: *Đem đường chỉ thắm khâu trời đất, Ngả lá khăn hồng bọc núi sông;* ngờ rằng đó là câu họa lại bài thơ này chăng?

5. Có người nhớ: *Rúc còi nổ súng, lệnh theo cồng.*

6. *Liễu bồ:* tức cây thùy dương, đến mùa rét, cây bồ liễu rụng lá sớm nhất cho nên cây bồ liễu được dùng để nói về thân phận yếu đuối của người phụ nữ.

7. *Vàng đá:* dịch chữ "kim thạch". "Kim" là kim khí dùng để đúc chuông đỉnh; "thạch" là đá dùng để tạc bia. Vàng đá chỉ sự bền vững, không thay đổi.

VỊNH HAI BÀ TRƯNG

TIỂU DẪN: Phan Trọng Bình người làng Đông Thái, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1926, xuất dương qua Quảng Châu, gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 7–1929, bị bắt ở Hà Tĩnh, rồi đày đi Lao Bảo cho đến năm 1933. Năm 1941, lại bị bắt một lần nữa. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí công tác ở ngành Ngân hàng, nay đã về hưu.

Nặng mối thù riêng, nặng nợ chung,
Hai vai bồ liễu gánh non sông.
Phất cờ tự chủ, em theo chị,
Vì nước hy sinh, vợ kế chồng.
Ai được khen là già quắc thước, [1]
Sao không thẹn với gái anh hùng?
Đây hăm lăm triệu nòi Giao Chỉ, [2]
Thử hỏi nơi đâu vết cột đồng?

PHAN TRỌNG BÌNH

*

LÀM THỢ HỒ

TIỂU DẪN: Sau khi được kết nạp vào Thanh niên Cộng sản đoàn và được bố trí về hoạt động trong nước, Phan Trọng Quảng được phân công đi Lào để tìm đường. Năm 1927, khi làm thợ hồ ở Pạc Xế (Lào), nghĩ đến triển vọng của cách mạng, liên hệ đến công việc mình đang làm, tác giả đã viết bài thơ này.

Một mình gánh nặng cả hai vai,
Viên gạch đầu tiên há dám nài.

1. Sử chép: Mã Viện, tên tướng xâm lược Việt Nam, khi thắng trận trở về được vua Hán khen là "già quắc thước" (quắc thước tai lão ông).

2. Khi Mã Viện về đến biên giới đã cho dựng một cột đồng có khắc câu: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt" (Cột đồng gãy thì nòi Giao Chỉ bị diệt). Nay dân Giao Chỉ đã lên đến 25 triệu nhưng vết cột đồng không thấy ở đâu.

Vì nước, cát, vôi ra sức trộn,
Thương đời, nền móng dốc lòng xây.
Công Nông cốt có công trình ấy,
Lào, Việt đâu không phận sự này.
Chẳng chóng thì chầy rồi cũng thấy,
Bốn phương ngói đỏ ngất tầng mây.

PHAN TRỌNG QUẢNG [1]

*

KÉO XE CẢM TÁC

TIỂU DẪN: Trong phong trào vô sản hóa, Phan Trọng Quảng đi kéo xe ở Sài Gòn. Có lần kéo phải một thằng Tây quá béo, cho nên, khi kéo nó đến nơi rồi thì đồng chí ngã gục không dậy được nữa. Lúc tỉnh dậy lại còn bị cảnh sát phạt, vì dám đỗ xe ở phố Tây. Trở về, đồng chí xúc cảm làm bài thơ dưới đây.

Bố mẹ sinh ra vốn thảo hiền,
Xót vì non nước gặp hồi đen.
Bánh xe lịch sử còng lưng kéo,
Đỉnh dốc tiền đồ cố sức lên.
Gió bụi dù cho da mặt rám, [2]
Chông gai khôn thủng tấm gan bền.
Rồi đây dâu bể đời thay đổi, [3]
"Ngựa" hóa ra rồng hẳn có phen. [4]

PHAN TRỌNG QUẢNG

---

1. Tiểu sử đã giới thiệu ở tr. 164.

2. *Rám:* sạm nắng.

3. *Dâu bể:* chỉ sự biến đổi, thăng trầm của cuộc đời.

4. Thời bấy giờ, người kéo xe thường được gọi là "ngựa" người.
Điển cố văn học có chuyện cá chép vượt qua cửa Vũ thì hóa rồng. Tác giả mượn điển ấy, nói "ngựa" hóa rồng, để nói lên cuộc đời độc lập, tự do, hạnh phúc sẽ đến.

BỎ CÀ SA THAM GIA CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN: Võ Văn Bính sinh năm 1906, ở xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tác giả làm bài thơ này khi là sư trụ trì ở một ngôi chùa gần Hà Nội, bí mật hoạt động cách mạng trong Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, năm 1928.

Nam mô "sắc sắc" thị "không không", [1]
Trai giới nô tì cõi chẳng xong.
Dân tộc lầm than càng khổ hạnh,
Giống nòi điêu đứng cứ trầm vong.
Linh thông Phật pháp vô mầu nhiệm,
Diệu pháp Lênin dễ cảm thông.
Tích trượng, cà sa thôi xếp lại, [2]
Ra tay tế chúng phất cờ hồng. [3]

VÕ VĂN BÍNH
1928

*

TÂM SỰ

TIỂU DẪN: Nguyễn Tạo làm bài thơ này hồi vượt ngục trốn lên đồn điền Đa Phúc ở tỉnh Vĩnh Phúc. Đồng chí làm người chăn dê cho đồn điền để che mắt địch và để hoạt động cách mạng. Tài liệu do tác giả cung cấp.

Ngày xuân phơn phớt một màu xanh,
Xao xác đàn dê, lẫn bóng mình.
Lếch thếch nón tơi, hình bỡ ngỡ,
Ngậm ngùi thân thế, bước lênh đênh.

---

1. *Nam mô "sắc sắc" thị "không không"*: tiếng nhà Phật, sắc là hình tượng hiện rõ ra, không là hư không, trống rỗng. Cả câu thơ có ý nói: Thế gian này hư hư thực thực, biến đổi không ngừng.

2. *Tích trượng:* gậy của các tăng lữ. Cà sa: áo của nhà sư.

3. *Tế chúng:* tế độ chúng sinh, ở đây nghĩa là giúp đỡ quần chúng khỏi đau khổ.

Gió thét như phơi lòng uất hận,
Suối réo nhường than nỗi bất bình.[1]
Tâm sự ngổn ngang, trời bát ngát,
Đồi cây nội cỏ cũng vô tình!

Đồi cây nội cỏ cũng vô tình,
Lau lách chen chân đá gập ghềnh.
Sóng gợn nước khe, cây rủ bóng,
Mưa gieo ngọn cỏ, hạt long lanh.
Trên không chíu chít chim kêu bạn,
Trong bóng lơ thơ lá phất cành.
Đối cảnh bồi hồi hồn lữ thứ,
Giục lòng phấn đấu buổi ngày xanh.

NGUYỄN TẠO

*

GỬI CHỊ MINH KHAI

TIỂU DẪN: Nguyễn Thị Nhuận quê ở Cổng Chốt, Vinh, tỉnh Nghệ An, tham gia hoạt động từ năm 1930.

Bài thơ này tác giả làm tặng đồng chí Minh Khai, khi đồng chí thoát ly gia đình, đi hoạt động bí mật.

Tác giả đọc cho chúng tôi ghi.

Thân gái xông pha chốn dặm trường,
Nào khi đạp tuyết với giày sương.
Một bầu nhiệt huyết hai vai nặng,
Treo tấm anh thư dễ mấy phường.[2]

NGUYỄN THỊ NHUẬN

---

1. Theo "Vượt ngục" của Cựu Kim Sơn, Nhà xuất bản Tập sách dân chúng, 1939, hai câu luận như sau:

Dê be như gợi cơn sầu thảm,
Suối réo nhường tuôn nỗi bất bình.

2. *Anh thư:* người phụ nữ can đảm, tài giỏi. Nguyễn Thị Minh Khai sinh năm 1910 tại Nghệ An. Năm 1927, tham gia Tân Việt cách mạng đảng. Năm 1930, vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí được cử làm đại biểu chính thức của Đảng đi dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản họp ở Mátxcơva (7–1935). Năm 1937, về nước, đồng chí làm Bí thư Thành ủy thành phố Sài Gòn. Tháng 7–1940, đồng chí bị bắt và bị kết án tử hình. Ngày 28–8–1941, đế quốc Pháp xử bắn đồng chí tại Hóc Môn, Sài Gòn.

HIỆU TRIỆU ĐỒNG BÀO ĐẢ ĐẢO PHÁP ĐẾ THƯ

TIỂU DẪN: Để tuyên truyền vận động cách mạng, các chiến sĩ cộng sản dùng nhiều thể loại văn học thích hợp với từng đối tượng. Đối với các cụ có Hán học, những nhà trí thức lúc bấy giờ, bài luận văn viết bằng chữ Hán này có tác dụng mạnh mẽ.

Trần Toại, tức Trần Đàm, hiệu là Kim Tương, quê ở xã Đức Dân, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, sinh trong một gia đình Nho học, song sớm giác ngộ cách mạng, vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Đầu năm 1931, đồng chí làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên thì bị địch bắt, đưa đi đày. Đồng chí đã tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba Tơ. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí được cử làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Nghĩa. Đồng chí đã mất năm 1948.

號召同胞
打倒法帝書

世事到頭，
人情至此。
嗟我生民之憔悴苦隘無救，
痛他苛政之擾攘罪難書竹。
貪心未滿；
惡貫已盈。
仇恨難平，
仰天呪咀。
彼法浪西；
何仇南土！
越重洋之陸抹，殖民之計已施；
接東海以轉輸，吮吸之心無厭

牛馬我人民;

臣妾我兆庶.

七十年之經理,暴斂橫征;

廿五兆之生靈,塗膏釁血.

修繕橋樑里路,適以樹通商機器之利

廣行立學開商,貿以起愚陋害人之險

南北兩圻,利權盡握;

安南保護聲勢虛張.

賣官鬻獄,利貪官趨附之徒

漁海牧林,奪群衆樂生之路.

徵求太刻,

剝削添深.

我饑我寒,

爾魚爾肉.

悲童哭老給供之計無由；
散子離妻生活之期日促。
我人何辜；
遭此慘禍。
簿言往遡，
殘虐愈滋。
放縱豺狼之輩，劫奪紛紛；
廣營砲碑之屯，車途列列。
施殘苛之令，以恐怖民；
張歸順之旗，徒愚惑衆。
呼！悽歟！慘歟！
痛者！恨者！
白鬼之奸謀可笑。
真神之公理不亡。

兵粟皆秦，扶起沛公於泗上，
城池内屬，建興黎祖於藍山。
去暴歸仁，事有常理；
事譬亡國遠不關心。
現今文明諸國，提倡平權；
世界列強，聯團共產。
濟蒸大同之會，豈甘人躍馬停。
逢此爭鬭之期，何畏彼優此劣。
文豪諸貴列，起發雄心。
知識諸尊台，展開大志。
莫覩目前之利，偵情形而謀害同人，
勿神心學之淵，貢才幹而甘臣異種。
以德化愚；
以文發野。

替學於行，
捐軀為國。
有躍馬枕戈之志，何患無甲堅兵利之儲
有長槍大劍之能，何患乏砲海彈林之用
願：
彼此一心，救生靈於水火；
辭閑萬苦，謀群衆之利權。
抱懷心血一腔，急相灑濺；
打倒帝國四字，印諸腦筋
每齧齒痛心，不遑他務；
舉疾首蹙額，佈告同人

Ngưỡng thiên trú trớ.
Bỉ Pháp Lang Tây;
Hà cừu Nam thổ!
Việt trùng dương chi lăng lược, thực dân chi kế dĩ thi;
Quật Đông Hải dĩ chuyển du, duẩn hấp chi tâm vô yểm.
Ngưu mã ngã nhân dân;
Thần thiếp ngã triệu thứ,
Thất thập niên chi kinh lý, bạo liễm hoành chịnh;
Trấp ngũ triệu chi sinh linh, đổ cao hấn (?) huyết.
Tu thiện kiều lương lý lộ, thích dĩ thụ thông thương cơ
khí chi lợi đồ;
Quảng hành lập học khai thương, thực dĩ khởi ngu lậu hại nhân
chi hiểm trạng.
Nam Bắc lưỡng kỳ, lợi quyền tận ốc;
An Nam bảo hộ, thanh thế hư trương.
Mãi quan dục ngục, lợi tham quan xu phụ chi đồ;
Ngư hải mục lâm, đoạt quần chúng lạc sinh chi lộ.
Trưng cầu thái khắc;
Bác tước tư thâm.
Ngã cơ ngã hàn;
Nhĩ ngư nhĩ nhục.
Bi đồng khốc lão, cấp cung chi kế vô do;
Tán tử ly thê, sinh hoạt chi kỳ nhật xúc.
Ngã nhân hà cô;
Tao thử thảm họa.
Bạc ngôn vãng tố,
Tàn ngược dũ tư.
Phóng túng sài lang chi bối, kiếp đoạt phân phân;
Quảng danh pháo đạn chi đồn, xa đồ liệt liệt.
Thi tàn hà chi lệnh, dĩ khủng bố dân;
Trương qui thuận chi kỳ, đồ ngu hoặc chúng.

Hu! Thê dư, thảm dư!
Thống giả, hận giả!
Bạch quỷ chi gian mưu khả tiếu;
Chân thần chi công lý bất vong.
Binh túc giai Tần, phù khởi Bái Công ư Tứ Thượng;
Thành trì nội thuộc, kiến hưng Lê Tổ ư Lam Sơn.
Khử bạo quy nhân, sự hữu thường lý;
Sự thù vong quốc, cự bất quan tâm.
Hiện kim: Văn minh chư quốc, đề xướng bình quyền;
Thế giới liệt cường, liên đoàn Cộng sản.
Tế tư đại đồng chi hội, khởi cam nhân dược ngã đình;
Tao thử tranh đấu chi kỳ, hà úy bỉ ưu thử liệt.
Văn hào chư quý liệt, khởi phát hùng tâm;
Trí thức chư tôn đài, triển khai đại chí.
Mạc đổ mục tiền chi lợi, trinh tình hình nhi mưu hại đồng nhân;
Vật thần tâm học chi uyên, phụ tài cán nhi cam thần dị chủng.
Dĩ đức hóa ngu;
Dĩ văn phát dã.
Thế học ư hành;
Quyên khu vị quốc.
Hữu dược mã chẩm qua chi chí, hà hoạn vô giáp kiên binh lợi chi trừ;
Hữu trường thương đại kiếm chi năng, hà hoạn phạp pháo hải đạn lâm chi dụng.

Nguyện:
Bỉ thử nhất tâm, cứu sinh linh ư thủy hỏa;
Giải khai vạn khổ, mưu quần chúng chi lợi quyền.
Bão hoài tâm huyết nhất xan cấp tương sái tả;
Đả đảo đế quốc tứ tự, ấn chư não cân.
Mỗi khiết xỉ thống tâm, bất hoàng tha vụ;
Cử tật thử xúc át, bá cáo đồng nhân.

Dịch nghĩa:

THƯ HIỆU TRIỆU ĐỒNG BÀO ĐÁNH ĐỔ ĐẾ QUỐC PHÁP

Sự thế đến cùng;
Thời cơ sắp tới.
Đau đớn bấy! Dân ta điêu đứng khổ biết bao nhiêu!
Cay nghiệt thay! Chúng nó hoành hành tội không thể tả.
Lòng tham chưa đủ;
Chuỗi ác đã đầy.
Căm giận chứa chan;
Kêu trời nguyền rủa.
Hỡi kìa người Pháp quốc!
Thù gì đất Việt Nam?
Trùng dương bao cách trở, kẻ thực dân vượt tới xâm lăng;
Đông Hải lắm tiền tài, túi vô để tóm thu vơ vét. [1]
Coi dân ta như trâu ngựa;
Bắt dân ta làm tôi đòi.
Bảy mươi năm đô hộ, thuế nặng sưu cao;
Hai mươi lăm triệu sinh linh, nạo xương hút tủy.
Đắp đường sá, xây cống cầu cốt để thông thương cơ khí;
Mở nhà thương, lập trường học chẳng qua ngu hoặc nhân dân.
Nam Bắc cắt giao, lợi quyền nắm cả;
Trung Kỳ bảo hộ, thanh thế rỗng không.
Bán ngục, mua quan, lũ dua bợ Nam triều dễ bề kiếm chác; [2]
Thuế rừng, thuế biển, dân đói nghèo lao động mất kế làm ăn.
Trưng cầu quá khắc;

---

1. *Túi vô để:* túi tham không đáy.
2. *Lũ dua bợ:* lũ xu nịnh giặc Pháp.

Bóc lột càng sâu.
Ta thì rách áo đói cơm;
Nó lại cá ngon thịt béo.
Ông già, trẻ nít, không chỗ náu nương;
Bỏ vợ, chôn con, nghẹt đường sinh sống.
Ta đây có tội tình gì;
Lâu nay chịu thảm họa ấy.
Ngẩn cổ tỏ cùng ai;
Đè đầu nặng hơn nữa.
Thả lểnh giống sài lang, lung tung kẻ cướp;
Xây nhiều đài pháo đạn, ngang dọc đường xe.
Ra pháp lệnh bạo tàn, khủng bố quần chúng;
Trương ngọn cờ quy thuận, phỉnh phờ nhân dân.
Than ôi!
Hết sức thảm thương!
Vô cùng uất hận.
Kìa gian mưu rất đáng buồn cười;
Nhưng công lý không hề mai một.
Binh thóc nhà Tần, Lưu Quý vùng lên miền Tứ Thượng; [1]
Non sông ai chủ, Lê Lợi đứng dậy ở Lam Sơn.
Bỏ kẻ ác, về với người nhân, đó là thường lý;
Thờ quân thù, quên Tổ quốc, chớ có quan tâm.
Hiện nay:
Các nước văn minh đều đề xướng bình quyền;
Thế giới liệt cường có liên đoàn Cộng sản.
Vận hội đang buổi đại đồng, đâu nỡ để người đi ta đứng;
Chính phong trào tranh đấu, đừng rằng mạnh được yếu thua.
Hỡi các vị văn hào, nêu cao đại chí;
Hỡi các nhà trí thức, mở rộng hùng tâm.
Chớ thấy tài lợi trước mắt, dò tình hình hãm hại đồng bào; [2]
Chớ ôm mưu chước trong lòng, đem tài cán làm tôi quân địch.

1. Chỉ Bái Công Lưu Quý nổi dậy từ miền sông Tứ.
2. *Dò:* dò xét, làm gián điệp cho địch.

Lấy đạo đức hóa người ngu dốt;
Dùng văn minh thay lối quê mùa.
Đem học ra làm;
Liều mình cho nước.
Hễ có chí dám cầu siêu phi ngựa, sợ gì không gươm bén giáp bền;[1]
Hễ có tài hay đại kiếm trường thương, lo gì thiếu đạn rừng súng bể.
Nguyện:
Phấn đấu một lòng một dạ, cứu nước lửa cho sinh dân;
Giải trừ muôn đắng ngàn cay, mưu lợi quyền cho quần chúng.
Chứa chan tâm huyết một bầu, cho ra khẩn cấp;
"Đánh đổ đế quốc" bốn chữ, ghi vào não cân.
Xót dạ nghiến răng, không một phút bỏ lơ nhiệm vụ;
Đau đầu nhăn trán, kính đôi lời tỏ với bà con.

TRẦN TOAI

Nghĩa Bình – Phú Yên, 1930 – 1931

*

QUYẾT CHÍ RA ĐI VÌ CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN: Nguyễn Thiệu sinh năm 1902, tại thôn Thạch Trụ, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Nghĩa. Năm 1925, đồng chí bỏ học cùng với Nguyễn Nghiêm lập ra Cộng ái đảng, một tổ chức có xu hướng cộng sản đầu tiên ở tỉnh Quảng Nghĩa. Dự lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) xong, đồng chí được Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội phái về phụ trách Kỳ bộ Thanh niên ở Trung Kỳ. Tháng 2 – 1930, Nguyễn Thiệu là một trong số hai đại biểu của An Nam Cộng sản đảng dự Hội nghị ở Hồng Kông để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Về nước, đồng chí làm Bí thư Đặc ủy Hậu Giang, kiêm Bí thư liên Tỉnh ủy Mỹ Tho – Bến Tre – Cà Mau. Đồng chí bị đế quốc bắt và đày ra Côn Đảo. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí đã làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh Quảng Nghĩa.

---

1. Ý nói sợ gì không có vũ khí tốt đánh địch.

Nợ non nước mỗi người đều phận sự,
Gánh tang bồng sao cho phỉ dạ nam nhi.
Vì giống nòi mà quyết chí ra đi,
Dù mưa nắng có quản gì thân lữ khách. [1]
Gội sương gió mà luyện thêm lòng thiết thạch, [2]
Cõi trời Nam xa cách mấy trùng dương.
Lò đấu tranh nung nấu chí quật cường,
Có nặng gánh giang sơn ta mới biết.
Đắc thất, bại thành, do tự quyết. [3]
Tam sơn, tứ hải, quyết đua tài.
Rút gươm ra mà vịnh khúc tương lai,
Vì Tổ quốc ra tay trừ bạo tặc.
Giống Hồng Lạc sẽ đến ngày hưng phục,
Phải làm cho rạng mặt với năm châu.
Mấy mươi năm qua, đâu chịu cúi đầu,
Giờ đã tới lúc phá tan vòng áp chế.
Gương bất khuất trải qua bao thế hệ,
Nay cháu con sao há dễ chịu thua.
Các bạn trẻ mau đứng dậy tranh đua,
Tung chí lớn vẫy vùng xua khổ hận.
Lòng đã sáng, tiền đồ càng thêm rạng,
Hướng theo cờ cách mạng chúng ta đi.
Quyết làm sao cho xứng chữ tu mi, [4]
Con dân nước Việt nối đời hùng anh.
Thực dân phong kiến tan tành,
Xây nền tự chủ rạng danh đời đời.
Các bạn ơi! Tiến lên thôi!

NGUYỄN THIỆU
Xuân năm 1927

---

1. *Lữ khách:* kẻ qua đường.
2. *Thiết thạch:* do chữ "thiết thạch tâm trường" nghĩa là tim ruột sắt đá, tinh thần cứng cỏi, mạnh mẽ.
3. Cả câu thơ nghĩa là: được, mất, thất bại, thành công do mình quyết định.
4. *Tu mi:* râu mày, chỉ người đàn ông.

ĐI VẬN ĐỘNG CA EM XÊ ÉT [1]

Nhân gặp lúc phong trào sôi nổi,
Lòng mẹ đây xiết nỗi mừng vui.
Dầu cha con sớm thác đi rồi,
Chắc cũng nói một lời như mẹ.
Ngẩng mặt trông ra ngoài bốn bể,
Sóng cuộn dâng có kẻ buông câu.
Ngẩng đầu lên trông suốt năm châu,
Khói nghìn nghịt cùng ra màu uất khí.

Sách có chữ:
"Cẩn dụng lực tắc nan nhi phản dị,
Bất dụng lực tắc dị nhi phản nan". [2]
Kìa anh chị em vô sản kết đoàn,
Con cũng phải hò khoan mà theo nhịp.
Trong công xưởng, thợ thuyền thất nghiệp.
Hỏi rằng ai bóc lột nhân công?
Ngoài thôn quê, anh chị bần nông,
Hỏi rằng ai chiếm tư công điền thổ?
Bọn tư bản tóc quăn mũi lõ,
Tiền của ai mà nó xa hoa?
Lũ nhặng xanh ba đứa gian tà,
Tiền của ai mà vòng vàng nhẫn bạc?
Bọn hào lý dọc ngang ngang dọc,
Bóp cổ dân đếm tóc lấy tiền.
Bọn nha môn xiên xỏ xỏ xiên,
Lừa quần chúng bạc tiền đâm thủng giấy.
Ấy là xã hội xấu xa như vậy,
Chạy đua nhau làm nậy [3] làm uy.
Bất canh nhi thực, bất chức nhi y, [4]

1. *Ca em xê ét:* K.M.C.S. là cách mạng cộng sản.
2. Câu này có nghĩa: biết dùng lực một cách cẩn thận thì khó biến thành dễ, không biết dùng lực một cách cẩn thận thì dễ biến thành khó.
3. *Nậy:* nghĩa là lớn (ông lớn, quan lớn).
4. Câu này có nghĩa: không cày ruộng mà được ăn, không dệt vải mà có áo mặc.

Toàn vô sản bù chì cho nó cả.
Dân ta đói, dân Tàu cũng không khá,
Người Âu hoặc người Á cũng không hơn.
Bởi vì tư bản, phong kiến cường quyền,
Sự áp chế tất nhiên đâu cũng có.
Khắp mọi nơi có người lao khổ,
Trường đấu tranh nào có khác đâu nào?
Vậy cho nên, ta vận động phong trào,
Quyết đánh đổ lộn nhào quân phản nghịch.
Anh em công đình công bãi dịch,
Anh em nông tranh đấu biểu tình.
Kìa anh em các trại nhà binh,
Hô khẩu hiệu, mít tinh phản chiến.
Ấy là cuộc biển dâu dâu biển,
Trong cuộc đời lùi tiến tiến lùi.
Lòng mẹ đây xiết nỗi mừng vui,
Vui vì nỗi kẻ đui rồi được sáng.
Cũng có kẻ chân tràng tay vượn,
Rồi ra cũng mạnh bạo, béo to.
Cũng có người chân quắp tay co,
Rồi ra sẽ dễ co và dễ duỗi.
Mẹ thương con nên chi phải nói,
Chờ cho mau đến hội mà xem.
Lợi với danh vứt quách chẳng thèm,[1]
Đi vận động ca em xê ét (K.M.C.S.).

KHUYẾT DANH

*

HỠI ANH EM CÔNG NÔNG

TIỂU DẪN: Hoàng Trọng Trì, sinh năm 1867, tên thật là Hoàng Bá Huân, lại có tên là Hoàng Trọng Minh. Trì là tên người em. Khi hoạt động cách mạng, tác giả thường mang tên người em. Đồng chí tham gia Đảng Tân Việt, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư Chi bộ Lộc Đa, rồi Bí thư Tổng hội Nông hội Nghệ An. Đồng chí là một trong những người lãnh đạo cuộc biểu tình ngày 1–5–1930 ở Vinh – Bến Thủy. Học giỏi chữ Hán,

1. Có sách chép: Gia đình kia vứt quách chẳng thèm.

đồng chí đã lều chõng đi thi và vào đến tam trường. Bị bắt cuối tháng 5-1930, đồng chí bị kết án tử hình, sau giảm xuống tù chung thân, đã bị giam nhiều nơi, sau bị đi đày ở Guyan. Năm 1937, đồng chí được trả lại tự do. Đồng chí mất năm 1938.

Hỡi anh em công, nông Nam Việt!
Nay tôi có mấy lời diễn thuyết tỏ khuyên:
Nước Nam Hồng Lạc, con cháu Rồng Tiên,
Mấy ngàn năm trong cõi Nam thiên,
Dẫu có khi yên khi loạn.
Nhưng có loạn đến đâu cực loạn,
Như từ ngày Phú Lăng sang đây.
Đã hơn sáu chục năm nay,
Giả danh bảo hộ thực tay tồi tàn.
Đã áp bức dân gian cực khổ,
Lại dối lừa mẹo đủ trăm khoanh.
Thôn quê cho chí thị thành,
Ruộng vườn đất bãi tung hoành chiếm xâm.
Trên sơn lâm dưới cùng giang hải, [1]
Vét biết bao của cải nước Nam!
Nào than đá, nào gỗ lim,
Hết tìm mỏ nọ qua liền mỏ kia.
Lại thuế khóa nhiều bề sai dịch,
Nào công sưu, công ích bày ra.
Đinh, điền đã nặng còn gia, [2]
Thuế đò, thuế chợ, cùng là thuế xia. [3]
Lại rượu, muối tranh nghề buôn bán,
Độc ác thay bắt phạt bỏ tù.
Khi tê có cực rứa mô, [4]
Rồi phường quan lại, hùa vào nịnh thêm.
Cốt cho túi nhiều tiền nhiều bạc,
Chẳng biết gì nghĩ trước nghĩ sau.
Ngang nhiên cưỡi cổ đè đầu,

1. Cả câu nghĩa là: Từ miền rừng núi cho đến miền sông biển.
2. Ý nói: thuế người, thuế ruộng đã nặng lắm rồi mà còn tăng thêm.
3. *Thuế xia:* thuế vệ sinh (đi xia, đi đại tiện).
4. Tiếng địa phương, có nghĩa: trước kia có khổ như thế đâu.

Tát tai, đá đít bắt hầu thằng Tây.
Lương tháng lĩnh cầm tay có mấy,
Cũng chẳng qua nạm (nắm) giấy mà thôi.
Bạc thực nó lấy đi rồi,
Ăn tiêu bạc giả mà ngồi không hay. [1]
Lại ra mặt ta đây cai trị,
Từ vua trên cho chí quan viên.
Sợ thằng Tây truất mất quyền,
Nịnh trên, nạt dưới, phù phiền lắm thay [2]!
Gẫm như thế đáng cay mọi nhẽ,
Giận căm phường nô lệ, chó săn.
Làm cho thiệt hại quốc dân,
Nào phần bắn chết, nào phần bắt giam.
Nay ta phải tính toan sao đặng,
Dốc một lòng nước nặng non sâu.
Sao cho đánh đổ Nam triều,
Đánh tan giống trắng cứu loài dân đen. [3]
Đánh cho hết cường quyền địa chủ,
Đánh cho tan cả lũ chó săn.
Đưa nền hạnh phúc quốc dân,
Công, nông, binh lính được phần an vui.
Đường thế giới ta soi trước mặt,
Kìa nước Nga Xô viết thành công.
Chẳng qua có một chữ đồng,
Đồng lao, đồng lực, đồng lòng mới nên.
Mấy lời diễn thuyết tỏ khuyên,
Anh em ta phải vững bền lá gan.
Chữ rằng thế sự vô nan! [4]

HOÀNG TRỌNG TRÌ

---

1. Ý nói: tiêu tiền giấy, mất giá trị, như tiêu bạc giả. Ngày trước, tiêu bạc nén, bạc đồng.
2. *Phù phiện:* lôi thôi không ra làm sao cả.
3. *Giống trắng:* chỉ thực dân Pháp.
4. Ý nói mọi việc trong cuộc đời không có gì là khó, khi đã đồng tâm đồng sức với nhau.

ÁI QUỐC PHẢN ĐẾ CA

Đỉnh non Tản mây sầu u ám, [1]
Dòng sông Thao huyết thảm mênh mông. [2]
Núi sông này vẫn núi sông,
Mà thân nô lệ đau lòng hay chưa?
Một dân tộc ngày xưa oanh liệt,
Bắc: bình Ngô; Nam: đuổi quân Xiêm.
Mà nay tăm tối như đêm,
Mà nay nhao nhác như chim lìa đàn!
Tám mươi năm lầm than cơ cực,
Tám mươi năm tù ngục nhuốc nhơ.
Căm thay cho lũ hung đồ,
Xương dân đẽo đến bao giờ mới buông?
Kẻ yêu nước đêm trường trằn trọc,
Người thương nòi oán khóc hôm mai.
Âu sầu gió cũng than dài,
Căm hờn bể cũng nước sôi, sóng gào.
Tội lang sói chất cao nhường núi,
Ác hùm beo mưa gội không phai,
Máu rơi thịt nát vì ai?
Cha con chồng vợ chia rời tại đâu.
Lúa chín nọ một màu đỏ ối,
Nhà máy kia phun khói như mây.
Công nông khó nhọc trồng cây,
Của ngon riêng để thằng Tây nó dùng.
Nào nắng hạ lửa hồng hun ruột,
Nào mưa đông gió buốt xuyên da.
Thế mà không đủ ấm no,
Không tiền nuôi nấng con thơ mẹ già.
Gạt nước mắt đợ nhà bán cửa, [3]
Rứt ruột gan bán lúa bán nương.

---

1. *Non Tản:* núi Tản Viên (Ba Vì) thuộc tỉnh Hà Tây.
2. *Sông Thao:* sông Hồng (Hồng Hà) nước đỏ, tác giả ví như huyết thảm.
3. *Đợ:* bán đỡ, cầm cố, bán nhưng về sau có thể chuộc lại được.

Rồi đi cầu thực tha phương, [1]
Đoạn trường này có đoạn trường nào hơn?
Kẻ ra lính, lệ tuôn ảo não,
Đàn con thơ níu áo ôm tay.
Kẻ đi muôn dặm trời Tây, [2]
Người thì tựa cửa ngày ngày ngóng trông.
Ngẫm nông nỗi ai không căm tức,
Ai là không đau nhục xót xa.
Ai không muốn tuốt gươm ra,
Ăn tươi nuốt sống quân thù mới nguôi.
Riêng mấy đứa mặt người dạ thú,
Tham đỉnh chung, nịnh lũ hung tàn.
Mọt dân: một tụi vua quan,
Đua nhau trổ khóe chó săn chim mồi.
Chúng kể lể: ơn người Pháp trọng,
Xây đê đường cầu cống cho ta.
Ơn gì một tổ bợm già,
Hút nghìn phần máu, nhả ra một phần.
Chúng dọa: Pháp lắm binh nhiều tướng,
Đá lẽ đâu thua trứng mỏng manh. [3]
Mạnh gì sau cuộc đua tranh,
Cơ đồ đã sụp, vuốt nanh đã cùn.
Bọn mũi lõ như giun lìa tổ,
Chim chịu lồng, cáo thỏ trong hang. [4]
Ta còn ngồi lặng sao đang,
Cam tâm nước mất nhà tan mãi à?
Đảng Cộng sản nêu cờ cách mạng,
Gọi anh em binh lính, công, nông.
Cùng nhau gắng sức một lòng,
Phen này quét sạch thù trong giặc ngoài.
Anh em thợ vẫn nuôi thằng chủ,
Mau đình công, tống cổ nó đi!

1. Cầu thực tha phương: đi kiếm ăn nơi khác.
2. *Kẻ đi muôn dặm trời Tây:* đi sang Tây, sang Pháp, ý nói những binh lính ta phải đưa đi làm bia đỡ đạn cho đế quốc.
3. Do câu tục ngữ: trứng chọi với đá, ý nói sự chênh lệch nhau quá nhiều.
4. Như con chim đã chịu ở yên trong lồng vì thói quen, hay vì thích ăn sung sướng, không phá lồng đòi ra nữa.

Anh em cuốc mướn cày thuê.
Tội gì cam phận trâu dê ươn hèn.
Đuổi bọn chủ đồn điền bóc lột;
Diệt bọn quan đê mạt vô liêm!
Hơn hai mươi triệu búa liềm,
Há không phá nổi gông xiềng hay ru?
Hỡi binh lính, bao giờ mới tỉnh?
Đem súng kia mà bắn thù ta!
Đồng minh gương sáng không xa,
Công nông Xô viết nước Nga hùng cường.
Ta mau xóa đêm trường u tối,
Cho bình minh chói lọi non sông.
Anh em con cháu Tiên, Rồng,
Bước chân theo ánh cờ hồng tự do.

KHUYẾT DANH

*

KÊU GỌI QUỐC DÂN

TIỂU DẪN: Lê Thế Hiếu, người xã Triệu Vân, huyện Triệu Hải, tỉnh Quảng Trị, làm nghề dạy học ở Cẩm Thủy, Thanh Hóa, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh Quảng Trị. Đồng chí đã hy sinh trong một trận địch càn hồi đầu kháng chiến chống Pháp.

Kể từ thuở Lạc Hồng khai thác,
Bốn ngàn năm non nước dài lâu.
Trải qua mấy cuộc bể dâu,
Sơn hà ấy vẫn một màu gấm thêu.
Khắp ba xứ tiền nhiều của đủ,
Ấy gia tài tổ phụ lưu lai.
Hai mươi lăm triệu con người,
Thông minh vốn sẵn tư trời phú cho.
Thế mà chịu làm nô lệ mãi,
Trước thuộc Tàu, nay lại thuộc Tây.
Vì ai nên nỗi nước này?

Nỡ lòng đem tượng về giày mồ cha.[1]
Ngồi xét kỹ cho ra manh mối,
Mãi quốc đành cái tội nhà ai[2]?
Bởi ham địa vị trên ngai,
Nay cầu mai thỉnh cho người kể ơn.
Ông cha đã thiệt hơn không tính,
Con cháu càng mê tỉnh không hay.
Ngâm thơ vịnh phú suốt ngày,
Trong không tự trị, họa rày mới dai.
Chốn triều điện cân đai lụng thụng,
Chỉ đua nhau chức trọng quyền cao.
Ngoài ra nào biết chi nào,
Nước non để mặc Tây vào chủ trương.
Nghĩ càng tủi, tủi càng thêm tức,
Tức vì ai, lại bực vì ai?
Vì ai vận nước rối bời?
Vì ai gió bụi lấp trời Việt Nam?
Miếng thịt mỡ bên hàm hùm hổ,
Mấy mươi năm phỏng có còn chi!
Kể ra nào có ra gì,
Của thì mồi béo, dân thì ngựa trâu.
Cách độc hiểm hơn Tàu khi trước,
Oai cường quyền lại chước gian hùng.
Luật Nam nó vẫn cứ dùng,[3]
Mượn hơi quân chủ nén lòng dân ta.
Sự giáo dục qua loa xong việc,
Học già đời chả biết chi chi.
"Basô", cao đẳng trở đi,[4]
Như mù như điếc hướng gì nữa ai.
Dạy cho đủ làm tôi làm tớ,
Dạy cho vừa biết "ớ" biết "a"[5].
Xuất dương tiệt hết đường ra,

1. Ý nói Gia Long "đem voi về giày mả Tổ".
2. Ý muốn kể tội nhà Nguyễn đã bán nước.
3. *Luật Nam:* luật của phong kiến Nam triều.
4. *"Basô":* bằng tú tài, phiên âm tiếng Pháp.
5. *Biết "ớ" biết "a": ý* nói biết những điều sơ đẳng nhất.

Dù cho sang Pháp cũng là như không.
Sự thuế khóa đau lòng chi xiết!
Đè ép ta rút huyết mạch ta.
Đinh, điền ngày một tăng gia,
Lại thêm Thương chánh cùng tòa Kiểm lâm.
Nghĩ nòi giống thương tâm thảo mộc,
Kế sinh tồn nào có đủ đâu!
Gặp khi thuế khóa trưng cầu,
Cầm con, cầm ruộng, bán trâu, bán nhà.
Phương chi lại những tòa khai mỏ,
Khoáng sản kia chuyên chở còn chi?
Ngày ngày hàng tấn chở đi,
Nào là lim, gụ, nào là gạo, ngô. [1]
Phương chi lại ậm mưu diệt chủng,
Quyết làm cho hết giống nòi ta.
Rượu cồn cho đến yên nha, [2]
Muối kia nó cũng cứ pha độc vào.
Mưu hiểm ác kể sao cho xiết!
Anh em ta phải biết mà phòng.
Vét vơ tuyệt sạch như không,
Của ta lấy hết trong lòng mới yên.
Kho đầy ắp là miền Nam Hải,
Ấy lợi quyền ở Thái Bình Dương.
Thịt đà vào miệng hổ lang,
Không dưng chưa dễ chúng nhường nhả ra.
Đem quà bánh phỉnh phờ con trẻ,
Mượn phẩm hàm dối kẻ dại ngu.
Ngoài thì giả cách nhơn du, [3]
Mà trong gian hiểm như đồ yêu tinh.
Chỗ quan yếu có binh đồn trú,
Lính mã tà đi đủ mọi nơi. [4]
Côn Lôn là chỗ đày người,
Sợ oai ai cũng nín hơi giật mình.

---

1. Có sách chép: *kiền kiền, lim, gụ, quế, bì, gạo, ngô.*
2. *Yên nha:* thuốc phiện.
3. *Nhơn du:* nhân đạo.
4. *Mã tà:* lính cảnh sát ở Nam Bộ dưới thời Pháp thuộc.

Thế mà cũng lắm anh ngu ngốc.
Cứ một lòng cảm phục người Tây.
Rằng xưa ta vẫn mê say,
Nhờ ơn bảo hộ nên rày văn minh.
Dám xin hãy hiện tình xét kỹ,
Mới biết rằng phú quý nhờ ai?
Anh em buôn bán cấy cày,
Kiếm tiền để nạp cho đầy thuế công.
Kìa vênh váo mấy ông thông ký,
Miếng cơm thừa, chẳng nghĩ xa xôi.
Của ta nó lấy nó nuôi,
Lạ chi mật ngọt chết ruồi hơi ai!...
Có kẻ nói ơn người khai hóa,
Dân trí ta rày đã bán khai. [1]
Đua nhau giữa chốn vũ đài,
Phải nương dưới bóng tam tài cho qua [2] (!).
Sao chẳng thấy Xiêm La [3] nước nhỏ,
Nào có ai bảo hộ cho không?
Mà nay Xiêm cũng xưng hùng,
Dân giàu nước mạnh sánh cùng năm châu.
Ví ta cũng tính sau lo trước,
Nước ta đà cũng được như ai.
Cớ sao chẳng giữ lâu dài,
Phên rào sơ hở cho người lẻn vô?
Có kẻ nói ta ngu ta dại,
Có làm chi cho lại người Tây.
Cạnh tranh gặp lúc hội này,
Theo đòi nương tựa gót thầy cho xong.
Sao chẳng thấy anh hùng thuở nọ,
Từng ra tay đánh đổ nước ngoài.
Ngô Quyền, Trưng Trắc là ai?
Trần vương, Lê tổ vốn người Việt Nam.
Ví ta cũng chẳng cam nô lệ,
Gương tổ tiên treo để soi chung.

---

1. *Bán khai:* trình độ mới được mở mang một nửa.
2. *Bóng tam tài:* chỉ cờ ba màu xanh, trắng, đỏ của nước Pháp.
3. *Xiêm La:* tên nước Thái Lan ngày trước.

Muôn người đúc lại một lòng,
Non tây cao mấy, bể đông sâu gì?
Có kẻ lại ham mê lợi lộc,
Chẳng kể gì cái nhục non sông.
Lo cho tử ấm thê phong, [1]
Uốn lưng nô lệ, cam lòng ngựa trâu.
Có kẻ lại tham cầu danh vọng.
Hở môi ra những giọng bỉ thời. [2]
Dân tình chẳng rõ một hai,
Chỉ trương mặt nạ cho người ngợi khen.
Ngồi nghĩ lại dân tình thêm tủi,
Đứng lên trông sông núi mà thương.
Than ôi, một giấc mơ màng!
Bốn ngàn năm lẻ ngày càng mê say.
Anh em hỡi, có hay chăng nhẽ?
Thù non sông há dễ ngồi yên!
Hai mươi lăm triệu Rồng, Tiên,
Ta hò ta hét tiến lên thử nào.
Quyết đem giọt máu đào Hồng Lạc,
Thề một phen sống thác ra tay.
Sợ gì tàu thủy, tàu bay.
Xe hơi, xe lửa, súng này, súng kia.
Nọ cách mệnh cùng chia gánh nặng,
Kẻ giúp tiền, người gắng ra công.
Nào khi trận tuyến tương xung, [3]
Súng, tàu, ta sắm, ta dùng khó chi.
Kết đoàn thể ba kỳ lại một,
Chữ đồng tâm khắc cốt ghi lòng,
Nào người làm việc sở công,
Nào quan, nào lính, liên đồng với nhau.
Nào bằng sắc mau mau đốt sạch,
Nào bội tinh xé rách quăng đi.
Phu phen, bồi bếp cu ly,
Đình công, bãi dịch, ta thì nổi lên.

---

1. Cả câu ý nói lo cho vợ, con được danh giá, sung sướng.
2. *Bỉ thời:* khinh đời.
3. *Tương xung:* hai bên đánh nhau.

Nó dù muốn nằm yên chẳng dễ,
Đến dùng binh, ta sẽ dùng binh.
Ngoài thì kết hợp đồng minh,
Trong lo tự trị kết thành Viêm bang [1].
Quân nó muốn kéo sang lần khác,
Thì ta đà giữ được thế ta.
Muôn người cố gắng sức ra,
Cường quyền đạp đổ, sơn hà dựng xây.
...

LÊ THẾ HIẾU
1930

*

BÀI CA KIẾP DÂN ĐEN

TIỂU DẪN: Nguyễn Tạo vượt ngục ngày 24 – 12 – 1932; đến tháng 2 – 1933 lên làm người chăn dê ở đồn điền Đa Phúc (Vĩnh Phúc). Đồng chí làm bài ca này để tuyên truyền nông dân. Bài này khá phổ biến ở Đa Phúc, ở mấy làng tỉnh Hưng Yên và hầu khắp nông thôn Thanh Hóa. Bản tiếng Việt (in đất) lọt vào tay bọn mật thám Pháp, đã dịch ra Pháp văn, đến nay còn giữ được.

Ngồi mà ngẫm cảnh dân lao khổ,
Kiếp ngựa trâu ngắn cổ kêu ai?
Còng lưng sấp mặt một đời,
Thức khuya dậy sớm ai người biết công?
Đời chúng ta vô cùng buồn thảm,
Thân gầy gò mặt xám đầu gio.
Cày bừa cấy hái đủ trò,
Cốc kia khó nhọc để cò ngồi xơi.
Kìa lúa gạo nhờ ai vun bón,
Lại hoa màu mơn mởn khắp nơi.
Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Mình làm khó nhọc, chúng ngồi hưởng không.
Đủ trăm ách ra công gánh vác,
Đủ trăm khoanh, chúng bác tước hoài. [2]

---

1. *Viêm bang:* tên riêng người Trung Quốc gọi nước ta, vì nước ta là xứ nóng.
2. *Bác tước:* bóc lột.

Hết mùa, hết gạo hết khoai,
Uổng công vất vả, kêu trời không xong.
Nghĩ lắm lúc đau lòng muốn khóc,
Nghĩ đến thân khó nhọc ai thương,
Lầm than cực khổ đủ đường,
Quanh năm ngày tháng phơi sương nhuốm bùn.
Gió đông lạnh, tê chân buốt cật,
Lửa hè thui, rám mặt cháy hông.
Đói cơm, rách áo, nhà không,
Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan.
Mẹ cắt ruột, bán con đổi bữa,
Vợ bỏ chồng, lần lữa dung thân.
Biển sầu núi thảm khôn cân,
Uất lòng muốn nói không phân nên lời.
Cảnh dương thế hóa nơi địa ngục,
Nỗi bất bình sôi sục tâm can.
Cường quyền quen thói dã man,
Bạc vàng vơ vét tham tàn bất nhân.
Ruộng, nhà máy, hầm than, sông, bể,
Lẽ công bằng đều để hưởng chung.
Căm thay một lũ vô lương,
Túi tham vét sạch chẳng thương tới người.
Kiếp công, nông trăm đời vất vả,
Nỗi cơ hàn ai tả cho ra.
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng tai, cũng mắt, ai mà kém ai?
Cớ sao kẻ tiêu xài sung sướng?
Chỉ ngồi chơi an hưởng giàu sang.
Suốt đời ngồi mát, bát vàng,
Tiền kho, lúa đụn sẵn sàng vung chơi.
Của nước mắt mồ hôi lao động,
Chúng tha hồ cửa rộng lầu son.
Cung đàn tiếng hát véo von,
Xe xe ngựa ngựa dập dồn vào ra.
Ta lại hỏi cảnh ta sao khổ?
Quá thân trâu kiếp chó nhà giàu?
Trăm ngàn cơ cực vì đâu?
Vì đâu vất vả âu sầu biết bao?

Cảnh lầm than kể đâu cho xiết,
Kiếp tôi đòi ai biết chăng ai?
Vì chưng một lũ lang sài,
Của trời vét sạch lại xoay lắm trò.
Dân trơ trọi còn trơ xác chết,
Thế mà còn bóp chẹt không tha.
Trăm ngàn đày đọa xót xa,
Thuế trâu, thuế chợ, thuế nhà, thuế xe.
Thuế ruộng đất, thuế chè, thuế cá,
Thuế hoa màu, thuế cả phân tro.
Kể từ bát nước, chuyến đò,
Chúng đều đánh thuế, bóc cho kỳ cùng.
Công của ta, ta dùng rượu, muối,
Thế mà còn tù tội không tha.
Căm thay! Đến cả thân ta,
Cha sinh mẹ dưỡng ai mà biết đâu!
Thế mà cũng đè đầu đánh thuế,
Hỏi còn gì thân thế, hỡi ai?
Căm gan muốn đạp tung trời,
Xót thân nhơ nhuốc, căm loài dã man.
Nỗi căm tức bầm gan tím ruột,
Hỡi anh em mau tuốt gươm ra!
Tiếc gì cái kiếp sống thừa,
Mà không đoàn kết, chần chờ mãi thôi!
Cờ Cộng sản đỏ trời phất phới,
Quyền công, nông cướp lại mau lên!
Phá tan chính sách dã man,
Phanh thây đế quốc tham tàn từ đây.
Chiếm nhà máy về tay thuyền thợ,
Chia ruộng vườn, trả nợ nông dân.
Có làm thì mới có ăn!
Đuổi quân rút máu giao phần âm ty...

NGUYỄN TẠO
1933

KÊU GỌI CÔNG NÔNG BINH LÀM CÁCH MẠNG

Trời Nam một cõi mênh mông,
Đoái nhìn Tổ quốc mà lòng xót xa!
Trung, Nam, Bắc một nhà còn đó,
Giống Lạc Hồng trăm họ còn đây.
Trải bao dâu bể đổi thay,
Vẫn non sông ấy, vẫn cây cỏ này.
Mà sao chịu đắng cay cùng khuất,
Tám mươi năm nước mất nhà tan.
Trải bao nông nỗi gian nan,
Quân thù táng đởm, biết gan anh hùng!
Ông cha trước vẫy vùng là thế,
Đến như ta càng kể càng đau!
Tủi mình đứng ở năm châu,
Xót thân mất nước, lệ sầu chứa chan!
Kìa quân Pháp tham tàn quá độ,
Ngoài mặt thời ra bộ hảo tâm,
Mà trong gươm giáo chất ngầm,
Ngày ngày nó cứ âm thầm giết ta.
Thuốc phiện đó thực là thuốc độc,
Rượu cồn làm suy nhược giống nòi.
Sưu cao thuế nặng, ai ơi!
Nó tìm hết cách triệt nòi giống ta.
Đồng bào hỡi! Con nhà đất Việt,
Phải mau mau phân biệt thực hư.
Từ Tây cai trị đến giờ,
Có đường xe lửa cũng nhờ tiền ta.
Có nhà cao cùng là cửa rộng,
Có tàu bè, súng ống, điện xa[1].
Trăm công nghìn việc nhờ ta,
Nếu không nó đã hóa ra ăn mày!
Đồng bào hỡi, chua cay là thế!

1. *Điện xa:* xe điện.

Nỗi niềm này càng kể càng đau!
Có thân ta phải liệu mau,
Lẽ nào cứ chịu ngựa trâu cho người?
Phải đứng dậy còn ngồi chi nữa?
Hiệp đoàn mau vác búa liềm lên!
Dân cày đi với thợ thuyền,
Cùng binh lính, cướp chính quyền mau mau!
Làm tỏ mặt năm châu mới sướng, [1]
Công, nông, binh an hưởng thái bình.
Mấy lời tâm huyết giãi trình,
Hỡi người, mất nước thấu tình này chăng?

KHUYẾT DANH

*

BÀI CA CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN: Đặng Chánh Kỷ, người xã Hoàng Sơn, Bí thư Huyện ủy Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, năm 1930. Đồng chí sáng tác nhiều bài thơ văn tuyên truyền có tính chiến đấu và được lưu truyền phổ biến ở nhiều nơi. Đây là một bài được truyền bá khá rộng rãi ở Nghệ An năm 1930.

Hỡi anh chị em lao khổ!
Nông nỗi này ai tỏ chăng ai!
Đã hơn sáu chục năm rồi,
Làm thân trâu ngựa cho loài khuyển dương. [2]
Quân Tây nó nhiều đường độc ác, [3]
Người Nam mình lắm lúc nguy nan.
Lại thêm áp bức tham tàn, [4]
Càng nô lệ mãi, càng oan khổ dày.
Miệng bảo hộ mà tay bóc lột,
Mặt nhân từ mà ruột hiểm sâu.
Rày sưu, mai thuế trưng cầu,

---

1. Có sách chép: Làm cho khắp năm châu sung sướng.
2. *Khuyển dương:* chó dê, chỉ bọn thực dân.
3. Có người nhớ: ... Nó nhiều phương độc ác.
4. Có người nhớ: ... Lại thêm áp bức nồng nàn.

Cầm con, cầm vợ, bán trâu, bán bò.
Rượu ta nấu, nó cho rượu lậu,
Muối ta làm, nó bảo muối gian.
Lại thêm những kẻ hung tàn,
Cảnh binh hiếp chúng, phu đoàn nhiễu dân.[1]
Kể sao xiết muôn phần nhục nhã,
Văn minh chi, khai hóa chi chi?
Than ôi! Giấc ngủ còn mê,
Những phường bán nước nhiều bề vinh thân.
Lũ mật thám chó săn khéo rúc,
Tụi quan trường mọt đục chui ra.[2]
Người ta làm hại dân ta,
Mồ voi giày xéo, gà nhà đá nhau.
Bòn khố rách, sắm dù sơn kiệu,
Hút máu dân, làm rượu làm trà.
Khổ ta, ta phải lo ta,
Thế không chịu nổi, mau mà tỉnh mau!
Kìa Bến Thủy đứng đầu dậy trước,
Nọ Thanh Chương tiếp bước đứng lên.
Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên,
Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi.
Không có lẽ ta ngồi chịu chết,
Phải cùng nhau cương quyết một phen.
Tổng này xã nọ kết liên,
Ta hò, ta hét, thét lên mau nào.
Trên gió cả, cờ đào phất thẳng,
Dưới đất bằng, giấy trắng tung ra.[3]
Giữa thành một trận xông pha,[4]
Bên kia đạn sắt, bên ta gan vàng.
Hơi nghĩa khí dồn vang bốn mặt,
Dải đồng tâm thắt chặt muôn người.
Lợi quyền ta cố ta đòi,

---

1. Cảnh binh ở thành phố, phu đoàn ở nông thôn, hai lực lượng duy trì trật tự an ninh cho bọn thực dân, phong kiến.

2. *Quan trường mọt đục:* ví bọn quan lại đục khoét, bóc lột nhân dân như mọt đục gỗ.

3. *Giấy trắng:* truyền đơn.

4. Có người nhớ: Đường đường một trận xông pha.

Giần xương đế quốc, xẻo môi quan trường.
Làm cho nó không đường an nghỉ,
Đến thời cơ ta sẽ dùng binh.
Ở ngoài, quốc tế liên minh,
Ở trong, quần chúng đồng tình kéo lên.
Non nước cũ, tay liềm kéo lại,
Nòi giống ta tới cõi vinh quang.
Dầu ai liều giữa chiến trường,
Rồi đây bia đá tượng vàng ngàn thu.
Ai ơi tỉnh dậy mau mau!

ĐẶNG CHÁNH KỶ

*

GIANG SAN LÀ QUÝ, CHI CHI CHẲNG MÀNG

TIỂU DẪN: Trong vụ địch đánh phá tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, Trần Kỳ Phong bị kết án một năm tù. Được tin Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, nằm trong tù, Trần Kỳ Phong làm bài này gửi ra cho Tỉnh Đảng bộ Quảng Nghĩa nhằm góp phần vào việc tuyên truyền vận động cách mạng cứu nước.

Bài này do Phạm Ngọc Trân sưu tầm.

Trường thiên diễn, cổ kim kim cổ,
Cuộc phồn hoa, không có có không.
Đạo đời mở hội Đại đồng,
Anh em bốn biển tây đông một nhà.
Kể từ trận can qua Âu chiến,
Trên địa cầu đất chuyển trời rung,
Nghìn năm nổi cuộc bão bùng,
Máu sông lai láng, non xương chất chồng.
Chỉ vì nỗi nặng lòng tham dục,
Đem loài người vùi cuộc bể dâu,
Trầm luân bờ bến là đâu,
Bèo trôi mặt sóng, hoa châu cuối dòng.
Kìa ai đó cờ hồng phất trước?
Nga La Tư một nước quật cường.
Xông pha trải mấy tinh sương,

Xô nền đế chế, mở đường tự do.
Quyền xí nghiệp giao cho vô sản,
Chuyển đồng điền dựng hẳn nông trang.
Này y viện, nọ học đường,
Pháo đài nấm mọc, công trường sao dăng.
Sức thần thánh muôn nghìn hình trạng,
Vẻ tiên đài chói rạng gấm hoa.
Khách du đến đất Xô Nga,
Một bầu cực lạ ai mà chẳng ưa.
Phần trong nước, lần lừa xếp đặt,
Việc ngoại bang, mọi mặt lo chuyên.
Cuộc đời chẳng chút tư riêng,
Mối dây đoàn thể kết liên xa gần.
Tăng quân bị, vững vàng chính thể,
Giữ chủ quyền, bảo vệ cần lao.
Phong trào ngày một lên cao,
Không quân, hải lục thứ nào cũng sung. [1]
Trào cách mạng Tây, Đông mọi nước,
Ngày thành công chẳng trước thì sau.
Cuộc đời thay đổi rõ mau,
Mới năm năm đó cách nhau mấy tầng.
Nghĩ mình luống bâng khuâng buồn tủi
Trời Việt Nam đang buổi truân chuyên
Non sông thành quách y nguyên,
Hư danh còn đó, chủ quyền nào đâu?
Ngạch tô, thuế gạn dần cho kiệt,
Việc học hành nhồi nhét cho ngu.
Làm cho máu cạn xương khô,
Làm cho tai điếc, mắt mù chưa thôi.
Nào tan xác trong hồi Âu chiến,
Nào bỏ mình các chuyến mộ phu.
Biết bao nước thảm non sầu,
Sương gieo nắng hạ, khói mù đêm đông.
Nếu mà kể, kể không thể xiết!...
Chỉ hờn ta, tự miệt chính ta.
Cũng xương cũng thịt cũng da,

1. *Sung:* sung sức, hùng mạnh.

Cũng dòng máu đỏ con nhà Lạc Long.
Thế mà chịu trăm vòng trói buộc,
Bảy mươi năm nhơ nhuốc lầm than.
Than ôi! Bách Việt hà san,
Nghìn năm văn hiến khôn ngoan có thừa!
Nay phải biết mưu lừa kế gạt,
Máy cường quyền độc ác sắc sâu.
"Văn minh, nhân đạo" gì đâu!
Mượn danh "khai hóa" để câu giống nòi.
Máy hút sạch, sức voi cũng ngã,
Nước tát hoài, thì cá phải khô.
Trách ai sao chẳng biết lo,
Ham ăn trước mắt, không dò họa sau.
Phường quan lại là đầy tớ nó,
Hễ sai đâu, đi đó mà thôi.
Cầm dao cho chúng ăn trâu,
Hát hay cho chúng tóm thâu lấy tiền.
Gặp vận hội trời nghiêng đất sụp,
Đồng bào ta trong vực hiểm nguy.
Kêu quan, quan cứ mê si,
Hỏi trời, trời có biết chi đâu nào?
Tổng khủng hoảng kéo ào tới đó,
Đại chiến tranh bùng nổ nay mai.
Sét vang sấm dậy bên tai,
Cứ ngồi mà ngóng, trách ai bây giờ?
...
Bà con hỡi! Kẻ nào người nấy!
Phải chung vai gánh lấy giang sơn.
Chớ đi lạc nẻo lầm đường,
Bị người lợi dụng phải mang lấy sầu.
Có thắng lợi, mới mong kiến thiết.
Có hy sinh, mới chắc thành công.
Trước sau son sắt một lòng,
Đừng ham lợi nhỏ, chớ mong công gần.
Đừng có thói tối Tần, chiều Sở,
Đừng có lòng nay Á, mai Âu.
Treo mồm vì cá mắc câu,
Giết mình vì bởi tham màu lợi danh.

Đừng có thấy oai hình mà sợ,
Đừng có nghe cám dỗ mà sa.
Lòng ta, ta giữ lấy ta,
Bạn ta, ta phải thiết tha ân cần.
Đường bình đẳng bước chân cho lẹ,
Cuộc tương lai lắm vẻ diệu kỳ.
Cho hay bỉ thử nhất thì,[1]
Giang san là quý, chi chi chẳng màng!
Một trận gió, mây ngàn mở mặt,
Trên vũ đài, xuân sắc biết bao!
Bậc thang bắc tới tầng cao,
Suối đàn hoa nở, nguồn đào là đây.
Đường muôn dặm đi hoài phải đến,
Cuộc nghìn năm có biến mới thông.
Mai sau thế giới đại đồng,
Việt Nam ta cũng góp chung một phần.

TRẦN KỲ PHONG
Quảng Nghĩa, 1930

HỠI NHỮNG NGƯỜI LAO KHỔ !

Hỡi anh chị em ta ơi!
Những người lao khổ, những người gian nan.
Đế quốc bóc lột dã man,
Lại thêm phong kiến tham tàn hại dân.
Thuế sưu ngày một tăng dần,
Dân cày mất khố, công nhân ăn mày.
Bắt phu mộ lính hằng ngày,
Làm cho vô sản đọa đày chết oan.
Mồ hôi máu mủ dân gian,
Bị quân thống trị hút dần không tanh.
Chúng đem lời khéo dỗ dành,
Nào là "bảo hộ", "văn minh" nọ này.
Chém cha đồ khốn khéo bày!
Dân choa (tao) há lại chịu bay mãi nào.

---

1. *Bỉ thử nhất thì:* mỗi người có một thời.

Miệng quà (quạ) gửi trứng được sao,
Anh em quyết chí cùng nhau giết quà (quạ).
Hô hào vận động gần xa,
Công, nông, binh lính, đàn bà, học sinh.
Đứng lên tranh đấu biểu tình,
Làm cho đế quốc thất kinh hết hồn.
Chúng toan dùng thói bạo tàn,
Thẳng tay bắn giết phá tan phong trào.
Dã man độc ác biết bao!
Đốt nhà, cướp của, hiếp giao đàn bà. [1]
Mặt nạ tàn ác lộ ra,
Hăm lăm triệu lẻ ai mà chẳng căm.
Kìa quân đế quốc ngu lầm;
Tưởng rằng tàn sát dọa ngăn dân mình.
Công, nông không dám hy sinh,
Để cho chúng nó đè mình tự do.
Nào hay ta có Đảng to,
Đông Dương Cộng sản chỉ cho lối đường.
Bao nhiêu trách nhiệm đảm đương,
Dắt dân lao khổ lên đường đấu tranh.
Phá cho tư bản tan tành,
Đắp nền bình đẳng, xây thành tự do.
Việc ta, ta phải gắng lo!

KHUYẾT DANH

*

1. Có người nhớ: Giết người, cướp của, kẹo treo, đốt nhà

ANH EM LAO ĐỘNG ĐỨNG LÊN

Thương ôi xã hội lầm than,
Kẻ chơi sung sướng, người làm chẳng ra.
Đời người như gió thoảng qua
Sống làm tôi tớ, thác là hồn oan!
...
Dân cày dầu dãi nắng mưa,
Cày sâu cuốc bẫm sớm trưa nhọc nhằn.
Áo thời chẳng đủ che thân,
Cơm ăn rau cháo tảo tần cho qua.
Nay sưu, mai thuế rầy rà,
Lấy gì đóng góp lân la tháng ngày.
Công non, nợ lãi, lĩnh vay,
Cả nhà trông một cái cày mà thôi.
Mất mùa, đại hạn bất thời,
Công làm khó nhọc, thương ôi còn gì!
Thân ta, ta phải xét suy,
Công nông đã vậy, binh thì làm sao?
Từ khi áo số mặc vào,
Nay canh, mai gác, biết bao dãi dầu.
Việc binh, dịch bất đi đầu,
Lợi quyền, ta hưởng có đâu bằng người.
Mũi tên hòn đạn bời bời,
Thân ta mà thực cái đời về ai?
Ngày thời cuốc đất trồng khoai,
Sai đâu đá đít tạt tai nó hành.
Cái lon giả dối hư danh, [1]
Phân ra kẻ trọng, người khinh khác vời.
Chiến tranh đế quốc tới nơi,
Anh em máu té, thịt rơi đầy đường.
Lại đem Âu chiến làm gương, [2]
Bao nhiêu quyền lợi về phường ăn không!

---

1. *Lon:* quân hàm.

2. *Âu chiến:* chiến tranh bên châu Âu, đây chỉ Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914–1918).

Tàu bay, tàu lặn đùng đùng,
Nhà binh tan nát, nhà nông tơi bời.
Quả bom, thuốc ngạt đầy trời,
Anh em cùng cảnh, cùng loài giết nhau.
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Chúng ta mắc phải mưu sâu kẻ thù.
Ngày nay đã tỉnh giấc mơ,
Thân ta, ta phải đền bù cho ta.
Đi đầu đã có nước Nga,
Anh em vô sản đứng ra một hàng.
Cùng nhau sum họp luyện bàn,
Thề rằng giết lũ tham tàn chẳng tha!
Cõi bờ ta chẳng phân chia,
Giống nòi ta chẳng phân bì trắng đen.
Anh em lao động đứng lên,
Kéo cờ độc lập, xây nền tự do!

KHUYẾT DANH

*

CHUYỆN NGƯỢC ĐỜI

Cày bừa nghĩ cũng gay go,
Người ta ăn gạo, trâu bò ăn rơm.
Người cày mà bị đói cơm,
Mấy anh thợ ngói lấy rơm lợp nhà.
Buồn cho mấy chú thợ da,
Mặc quần không nịt, [1] đi ra không giày.
Buồn cho mấy chú thợ may,
Bao nhiêu quần áo trao tay cho người.
Nói ra dở khóc dở cười,
Người làm không hưởng, đứa xơi không làm.

TRẦN KỲ PHONG
1928

*

1. *Nịt:* thắt lưng.

BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Bản đồ nước Tổ chúng ta,
Càng nhìn càng thấy mặn mà xinh tươi!
Bốn nghìn năm đã lâu đời,
Cơ đồ riêng một góc trời Á châu.
Có rừng lớn, có biển sâu,
Dân nhiều, đất rộng, núi cao, sông dài.
Rồng, Tiên con cháu cũng tài,
Nhiều phen đánh đuổi giặc ngoài xâm lăng.
Vĩ đại thay! Sông Bạch Đằng!
Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.
Oai hùng thay! Núi Lam Sơn!
Có ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.
Gặp khi giặc kéo đến nhà,
Tuốt gươm cũng có các bà ra tay!
Ai cho giặc được tới đây?
Người Việt Nam, đất nước này Việt Nam...

KHUYẾT DANH
1931

*

NHỚ NHÀ

TIỂU DẪN: Đặng Thị Quỳnh Anh, sinh năm 1887, tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Năm 1926, đồng chí gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước ở Xiêm, năm 1953, về nước, công tác ở Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, nay đã về hưu.

Đêm thanh ra đứng trông chừng,
Nước nhà cách trở, suối rừng dặm khơi.
Vầng trăng vằng vặc giữa trời,
Trông trăng mà lại nhớ người nước ta.
Nhân từ cách nước xa nhà,
Nắng mưa thay đổi mười ba năm tròn.
Quản bao tháng trọn năm mòn,
Nhớ lời hẹn với nước non những ngày.
Nghĩ mình chút phận bèo mây,

Giang sơn kia với thân này tính sao?
Dẫu rằng khó nhọc quản bao,
Miễn sao giúp được đồng bào là hay.
Kết đoàn ta phải ra tay,
Chị em sum họp phen này cùng lo.
Để mà rửa thẹn trả thù,
Bảo nhau kéo lại cơ đồ Việt Nam.
Thân này dù thác cũng cam,
Bõ công vượt biển băng ngàn ra đi.
Liều bồ thôi chớ quản chi,
Nước non gặp buổi suy vi phải liều.
Lời quê chấp chểnh mấy điều,
Chị em bạn gái Việt kiều hiểu cho.
Tên em là Nữ Tự Do.

QUỲNH ANH
1926

*

CÂY NÊU ĐẠI THỌ

TIỂU DẪN: Võ Tùng quê ở Quảng Nghĩa, là chồng Quỳnh Anh, năm 1926 gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, năm 1930 vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí công tác trong phong trào Việt kiều yêu nước ở Xiêm. Năm 1929, đồng chí là đại biểu cho "Thanh niên" ở Xiêm, dự Đại hội Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, họp ở Hương Cảng. Năm 1930, đồng chí bị bắt và bị đưa về nước, mất năm 1955.

Cây nêu đại thọ,
Trải lắm phong sương.
Người đấng hiền lương,
Được bao kính mộ.
Vẻ vang nước Tổ,
Tạo phúc giống nòi.
Biểu suất hậu lai,[1]
Tày danh thiên cổ.

VÕ TÙNG

1. *Biểu suất hậu lai:* làm kiểu mẫu tiêu biểu cho đời sau.

SẦU XUÂN

TIỂU DẪN: Bài này đăng trong báo *Thân ái*, ở bên Xiêm (Thái Lan), số ra ngày 11-2-1930. Tài liệu lấy ở Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Lần lần tháng trọn ngày qua,
Xuân đi lại lại, xuân già lại non.
Đất xoay, xoay tít xoay tròn,
Mình còn lận đận nước non quê người.
...
Thương ôi, nòi nước tan tành!
Chúa xuân riêng ghét chi mình cõi Nam?
Kìa ai vui thú thiên nhiên,
Miếng bùi yêu trẻ, chén xuân chúc già.
Trông người lại ngẫm đến ta,
Miệng thơ vắng mẹ, với già vắng con.
Thương ôi, nòi nước hao mòn!
Trẻ già trai gái một đoàn bơ vơ!
Mối tình ai biết cho chưa?
Sầu này dằng dặc bao giờ gỡ xong.
Bao giờ cách mạng thành công,
Phục thù bước trước, đại đồng bước sau.
Non sông ta với năm châu,
Một trời xuân sắc đâu đâu cũng là.
Bấy giờ xuân mới xuân ta.

V.G.[1]

---

1. *V.G.:* chưa rõ là ai.

TẾT

Trông phong cảnh nay đã cuối hạ,
Tết Chính trung này đã tới nơi [1]
Nghĩ mà tức tối lắm ai ơi...!
Gan sắt đá sục sôi vì Tết đến.
Tết hỡi Tết, trêu người chi hỡi Tết!
Tết bao nhiêu càng thảm thiết bấy nhiêu!
Kìa ai Tết đến vui reo,
Mà ta Tết đến trăm điều thở than.
Nghĩ khổ thay cho vô sản muôn phần,
Năm tháng lại xoay vần đưa Tết đến.
Nào chẳng thấy lợi quyền đưa đến,
Kiếp ngựa trâu sai khiến đủ trăm đường.
Than ôi! Nước mất nhà tan [2]!
Xác xơ đói rách lòng càng ghê thay!
Thế mà vẫn sưu sai đóng góp,
Trăm thức đều phải nộp không tha.
Mấy lần trống đánh nứt da,
Mõ kêu vang óc nghe mà thảm thương.
Nào bán đất, bán nương, bán ruộng,
Bán cơ đồ cho đủ thuế sưu.
Than ôi, máu mạch mòn hao!
Nhân dân tiêu tán biết bao thảm sầu.
Ngồi mà nghĩ càng đau, càng tủi,
Bởi vì ai nên nỗi nước này?
Chính trung cái Tết giờ đây,
Vui ai đấy nhỉ, buồn ai đây mà?
Nào hoa quả, nào cờ, nào quạt,

---

1. *Tết Chính trung:* ngày lễ 14 tháng 7 tây (giữa năm ta) mà ta thường gọi là hội Cát - tót - duy - đê hoặc là hội Tây. Hội này kỷ niệm ngày 14–7–1789, ngày nhân dân Pari nổi lên phá ngục Bátxti (Bastille), chống chế độ quân chủ Pháp. Ở Việt Nam, bọn thực dân đã xuyên tạc ý nghĩa chân chính của ngày lễ. Hội được tổ chức rất linh đình, có nhiều trò chơi, đặc biệt là những trò nhằm đánh lừa và làm nhục người Việt Nam như trò đập nồi, trò liếm chảo. Những người yêu nước ghét Tây không ưa xem hội này.

2. Có sách chép: Lại thêm ngặt buổi hung hoàng.

Nào đá kem, nào hát, nào hò.
Cuộc ăn chơi bày đặt đủ trăm trò,
Nhờ vô sản say no trà với rượu.
Tết ai đó chúng ta nên hiểu,
Tết chi ta mà lẽo đẽo vui mừng.
Tết tư bản, tết đế vương,
Tết quân địa chủ, tết phường quan nha.
Hút máu mủ dân ta làm tết,
Hỡi anh em có biết hay không?
"Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm".
Khuyên ai hỡi, nhất tâm chờ đợi!
Cái Tết này không phải tết ta đây.
Tết ta đẹp, Tết ta hay,
Tết ta tươi sáng ai tày Tết ta.
Tinh thần đủ vẻ văn hoa,
Tự do bình đẳng, ấy là Tết chung.
Tết này mặc lũ tàn hung.

KHUYẾT DANH

*

NAM NỮ VẤN ĐÁP VỀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN

Nữ:

Gặp anh đây, em xin hỏi đôi lời,
Anh ơi, có biết cuộc đời ra sao?
Chủ nghĩa cộng sản thế nào?
Xin anh bày tỏ thấp cao em tường!
Cớ sao trong xứ Đông Dương,
Công nông lại dám tự cường nổi lên?
Biểu tình tranh đấu liên miên,
Làm chi như thế có phiền lắm ru?
Người bị bắn, kẻ bị tù,
Phong trào vẫn cứ ù ù tiến lên?
Trong tay không súng, không tiền,

Lấy gì mà cướp chính quyền, hỡi anh?
Mai sau đế quốc tan tành,
Hạng nào làm chủ kinh doanh cuộc đời?
Mưu cầu hạnh phúc loài người,
Chị em phụ nữ quyền thời ra sao?
Vô sản các nước thế nào,
Cùng một chủ nghĩa hay sao, hỡi chàng?
Nghe rằng Xô viết Liên bang,
Công nông sung sướng muôn vàn phải không?
Mấy lời anh nói cho em thông,
Thì em sẽ phất cao ngọn cờ hồng theo anh.

Nam:

Gặp em đây, anh tỏ thấp cao,
Cuộc đời biến đổi nói sao cho cùng!
Chủ nghĩa cộng sản đại đồng,
Làm cho nhân loại thoát vòng ngựa trâu.
Công nông liên hiệp cùng nhau,
Cùng nghèo, cùng khổ, cùng cầu mưu sinh.
Muốn cho diệt hết bất bình,
Nên chi quần chúng đấu tranh hằng ngày.
Làm người chưa khỏi đọa đày,
Dù bắn dù giết cũng gây phong trào.
Súng đạn đế quốc biết bao!
Giác ngộ binh sĩ họ trao ta dùng.
Chính quyền sau ở công nông,
Kinh dinh mọi mặt, mới mong vững bền.
Chính quyền khi được dựng lên,
Tuyên bố nam, nữ bình quyền như nhau.
Vô sản khắp cả hoàn cầu,
Cùng một chủ nghĩa, một bầu nhiệt tâm.
Xô Nga sung sướng muôn phần,
Đang còn vận động gây mầm khắp nơi.
Trước sau anh đã cạn lời,
Mong em gánh vác việc đời cùng anh.

KHUYẾT DANH

DIỄN CA HIỆU TRIỆU CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

TIỂU DẪN: Bài này do đồng chí Nguyễn Đình Triển, ghi theo trí nhớ của đồng chí Nguyễn Văn Hy công tác tại Bộ Giao thông – Vận tải. Theo đồng chí Hy, bài này ra đời vào giữa năm 1930, lúc đồng chí còn làm công tác tuyên truyền của Huyện bộ Anh Sơn. Tác giả của nó là Đặng Chánh Kỷ và một số đồng chí khác trong Ban tuyên truyền của Tỉnh ủy Nghệ An. Những người này đã dựa theo một bài hiệu triệu của Đảng mà "diễn ca" ra theo thể loại hát dặm.

Hỡi tất cả chị em thợ thuyền, dân cày, binh lính, thanh niên, học sinh!
Hỡi tất cả những người bị áp bức bóc lột!

Bấy nhiêu lời hiệu triệu,
Gửi các bạn phân minh.
Không lẽ bạn làm thinh,
Không lo toan gì hết,
Không luận bàn gì hết.

Nông nỗi này có biết,
Sáu bảy mươi năm trường,
Trên dải đất Đông Dương,
Biết bao đường cực khổ,
Chịu trăm phần cực khổ.

Kẻ cày bừa cắm cổ,
Vất vả suốt quanh năm.
Đã không đủ nuôi thân,
Lo sưu cao thuế nặng,
Lòng bị đè thuế nặng.

Thợ thuyền trong lò xưởng,
Làm quần quật suốt ngày,
Mắt thức cả canh dài,
Tay không hề ngơi nghỉ,
Không có giờ ngơi nghỉ

Kẻ bán rong buôn nhỏ,
Khắp phố chợ nhà quê.
Lời lãi chẳng ra gì,
Nay gia tăng thuế mãi,
Mai gia tăng thuế mãi.

Nói riêng về phận gái,
Nỗi khổ kể khôn cùng:
Vất vả chốn loan phòng,
Chẳng biết gì xã hội,
Chẳng biết gì bàn bạc.

Nay xem qua trường học,
Lớp tuổi trẻ thiếu nhi,
Giáo dục chẳng ra gì,
Lối ngu dân nhồi sọ,
Lối phục tùng nhồi sọ.

Khắp thị thành thôn xã,
Chẳng có chút tự do,
Chịu bó buộc trăm bề,
Khổ thay cho thân phận,
Thiệt thòi cho thân phận.

Nguyên nhân vì tư bản,
Bọn phong kiến quan liêu,
Tụi đế quốc, Nam triều,
Chúng đồng minh bóc lột,
Chúng đồng tình bóc lột.

Cách phỉnh phờ nói ngọt,
Dân khổ cực trăm đường.
Cảnh đói rét đau thương,
Sáu bảy mươi năm ròng rã,
Đã bao đời ròng rã.

Đảng Cộng sản truyền bá,
Thuyết Các Mác, Lênin,
Nào cổ động thanh niên,
Nào hô hào nữ giới,
Nào vận động nữ giới.

Công nông binh một phái,
Anh em phải đồng tình.
Quyết một dạ nhiệt thành,
Để cùng nhau chiến đấu,
Trận cuối cùng chiến đấu.

Đồng bào ta đã thấu,
Chủ nghĩa đẹp dường bao!
Cờ liềm búa phất cao,
Anh em ta hành sự,
Chị em mình hành sự.

Công, nông, binh một xứ,
Phải đoàn kết với nhau,
Phải tổ chức cho mau,
Lập công đoàn công nghiệp,
Lập nông đoàn nông nghiệp.

Như gia đình công việc,
Hãy thu xếp một bên.
Cùng vô sản tương liên,
Để xây nền xã hội,
Để dựng nền xã hội.

Cùng hành động một lối,
Đường cách mệnh thênh thang,
Chuông tranh đấu kêu vang,
Trống tự do dóng dả,
Trống bình quyền dóng dả.

Tụi đế quốc phải đổ,
Bọn phong kiến quét đi.

Lấy ruộng đất thu về,
Chia cho dân cày, binh lính.
Lấy nhà máy thu về,
Giao cho thợ thuyền, binh lính.

Mọi việc đều phải tính,
Lập Chính phủ Công, Nông, Binh.
Đảng Cộng sản thi hành,
Cho anh em ta giải phóng,
Cho chị em mình giải phóng.

Rồi toan lo gây dựng,
Cho chủ nghĩa xã hội thành công,
Mai sau đây thế giới đại đồng.
Chói lọi thay nền nhân đạo!
Rạng rỡ thay đường nhân đạo!

Bấy nhiêu lời hiệu triệu,
Xin gửi tới đồng bào,
Công, nông, binh đoàn kết với nhau,
Theo lệnh của Đảng, phất cao ngọn cờ!
Đấu tranh! Đấu tranh!
Giải phóng nước nhà!

KHUYẾT DANH

*

AI ƠI TỈNH DẬY!

TIỂU DẪN: Bài này do đồng chí Mai Đợi, người Diễn Yên, Diễn Châu, Nghệ An, đọc cho ghi. Bài này thường được dùng để thay cho các bài diễn thuyết trong các cuộc biểu tình.

Ai ơi, tỉnh dậy!
Xem vận mệnh nước nhà,
Mấy mươi triệu dân ta,
Cuộc nguy cơ sắp đến,
Cơ hiểm nghèo đã đến.

Nay tôi xin kể chuyện,
Ai nấy hiểu cho rành.
Tây nó lấy nước mình,
Thật mưu cơ hiểm độc,
Thật mưu lừa hiểm độc.

Nhân dân ta khó nhọc,
Nước mắt lẫn mồ hôi.
Của không đủ mà nuôi,
Nay thuế tăng một cách,
Mai thuế tăng một cách.

Nào công sưu công ích,
Nào thuế chợ, thuế đò.
Cho đến thuế trâu bò,
Nó ở đây ngày mô,
Ta làm gì còn của,
Mình còn gì còn của.

Thuế lắm bề cực khổ,
Luật lắm cách hung tàn.
Dân lương thiện làm ăn,
Chịu cường quyền áp chế.
Chịu dưới quyền áp chế.

Mấy mươi năm nô lệ,
Khổ lắm hỡi, trời ơi!
Hùm sói xé con người,
Còn chi dân Nam Việt,
Còn chi người Nam Việt.

Ai là người tâm huyết,
Giừ (giờ) nghĩ lại càng đau.
Kết đoàn thể cho mau,
Đồng tâm lại với nhau,
Đợi thời cơ mà dậy,
Dốc một lòng đứng dậy.

Anh em không trông thấy,
Kìa Ấn Độ, Cao Ly,
Kìa Tây Trúc, Xiri,
Nước họ đến khi nguy,
Cũng phất cờ độc lập.

Trong hoàn cầu đồn khắp,
Dân khí họ quật cường,
Ta há lẽ thua nhường,
Chịu ngu si rứa mãi,
Chịu suy đồi rứa mãi.

Anh em không nghĩ lại,
Yên nước mới yên nhà.
Ta phải hợp đoàn ta,
Đạp cường quyền cho đổ,
Cho giang sơn tự chủ,
Cho cách mạng thành công.
Ai ơi, gắng sức đồng lòng!

KHUYẾT DANH

*

ĐỨNG DẬY

TIỂU DẪN: Nguyễn Ngọc Tuyết, tức Băng Thanh, sinh ngày 20-9-1907, người thôn Duệ Đông, xã Vân Tương, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1928, đồng chí gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nghệ An, sau chuyển qua Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1929, trong khi hoạt động cách mạng, đồng chí bị bắt và bị đày đi Lao Bảo. Năm 1937, được tự do, đồng chí hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ và rồi lại bị bắt. Những ngày đầu của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí tham gia Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Nghệ An. Từ năm 1951, đồng chí chuyên công tác ở ngành Tư pháp, sau đó đã nghỉ hưu.

Này ai ơi, nghĩ lại!
Cảnh nước mất nhà tan.
Nỗi thống khổ muôn vàn,
Kể làm sao cho xiết,
Nói thế nào cho xiết.

Dân tình ngày thảm thiết,
Thuế má ngày tăng cao.
Rồi đây biết tính sao?
Đến ôm nhau chết đói,
Đến nhìn nhau chết đói.

Nay chỉ còn một lối,
Là sinh lộ ở đời,[1]
Phải cách mệnh cho rồi,
Còn phân vân chi nữa,
Còn dùng dằng chi nữa.

Dấn thân vòng binh lửa,
Liều một chết cứu đời,
Kiếp trâu ngựa thôi thời,
Sống làm chi cho nhục,
Sống làm gì cho nhục.

Phong trào ngày thúc giục,
Phải đoàn kết cho mau.
Đảng Cộng sản đứng đầu,
Làm tiên phong dẫn đạo,
Nguyện phất cờ dẫn đạo.

Đế quốc, phải đả đảo,
Cách mệnh mới thành công,
Thế giới mới đại đồng,
Xin anh em đứng dậy!
Xin đồng bào đứng dậy!

NGUYỄN NGỌC TUYẾT
1929

---

1. *Sinh lộ:* con đường sống.

CHÚC CÔNG NÔNG VẠN TUẾ

Bạn công nông anh em ngồi lại,
Cho chúng tôi bày tỏ đôi lời:
Ai ai cũng tai mắt ở đời,
Sao chúng ta là nô lệ?
Sao chúng mình làm nô lệ?

Đắng cay khôn xiết kể!
Dân thợ, chí dân cày.
Tình cảnh khổ lắm thay!
Hồn chúng ta đâu mất?
Hồn chúng mình đâu mất?

Đem mồ hôi, nước mắt,
Cung phụng lũ ăn không.
Thật bất bình, bất công,
Cớ sao mà chẳng biết?
Lẽ nào mà chẳng biết?

Dệt tơ, mang áo rách,
Cày ruộng, thiếu cơm ăn.
Xây lầu, ở túp tranh,
Cớ sao mà chịu được?
Lẽ nào mà chịu được?

Làm thâu ngày hết sức,
Được một chút tiền công.
Cơm áo không đủ dùng,
Thân mình đà đói rét,
Cả nhà đành đói rét.

Nói ra thêm thảm thiết!
Biết bao nỗi âu sầu!
Hầu hạ kẻ sang giàu,
Nó tha hồ đánh đập,
Nó tự do đánh đập.

Còn muôn ngàn áp bức,
Còn muôn nỗi bất công.
Nó cướp hết nhân quyền,
Có sao không nghĩ tới?
Lẽ nào không nghĩ tới?

Hãy nhìn xem thế giới,
Kìa cách mệnh cơ quan. [1]
Đang tổ chức kết đoàn,
Chúng ta nên quyết chí,
Chúng mình cần quyết chí.

Hãy lo phương tự trị,
Chớ cho kẻ đè đầu.
Mau liên hiệp cùng nhau,
Quyết ra tay phấn đấu,
Quyết một lòng phấn đấu.

Trừ đế quốc tẩu cẩu, [2]
Phế tư bản cường quyền.
Quét sạch lũ tự chuyên, [3]
Chúng ta mau tấn thủ, [4]
Chúng mình cùng tấn thủ.

Phất ngọn cờ nhân đạo,
Cả thế giới đại đồng.
Ấy là lúc thành công,
Chúc bình dân vạn tuế!
Chúc công nông vạn tuế!

KHUYẾT DANH

---

1. *Cách mệnh cơ quan:* chỉ các tổ chức cách mệnh.
2. *Tẩu cẩu:* chó săn.
3. *Tự chuyên:* chuyên quyền.
4. *Tấn thủ* (hay tiến thủ): cố gắng tiến lên.

XẢ THÂN VÌ NGHĨA

TIỂU DẪN: Bài này ra đời thời kỳ 1930 – 1931, sau các cuộc biểu tình ở Trung Châu, Quảng Nghĩa và biến thành truyền đơn phổ cập rộng rãi trong vùng đồng bào Kinh, nằm dọc hai bên lưu vực sông Ba Tơ lúc bấy giờ.

Lẳng lặng mà nghe,
Cái vè phong, thực.[1]
Ai mạnh thì được,
Ai yếu thì thua.
Không mất tiền mua,
Thẳng tay cướp, giết.
Giờ ta phải biết:
Tự cứu lấy mình!
Cứu lấy non sông!
Con Hồng, cháu Lạc!
Noi gương bất khuất,
Nối gót ông cha,
Tái tạo sơn hà,
Xoay trời đất lại.
Xả thân vì nghĩa,
Dẹp lũ tham tàn.
Quét sạch xâm lăng,
Thoát vòng cương tỏa.
Bền gan sắt đá,
Gian khổ không sờn.
Thề quyết hy sinh,
Theo cờ của Đảng.
Đường đi đã sáng,
Mở rộng đất, trời.
Nổi dậy khắp nơi,
Tơi bời khói lửa.
Vua quan khiếp sợ,
Đế quốc kinh hoàng.

---

1. *Phong, thực:* phong kiến, thực dân.

Khắp cả xóm làng,
Về tay cách mạng.
Thuế xâu đình hoãn,
Tô tức phải lùi.
Tăng công cấy, cày,
Nâng lương thuyền thợ.
Bãi công, bỏ chợ,
Đi lại cũng ngừng.
Hoãn chuyện học hành,
Không vào tuần đinh.
Không làm binh lính,
Quay súng trở về.
Giữ trọn tình quê,
Con dân nước Việt.
Lập ra Xô viết,
Của công, nông, binh.
Theo nước Xô Liên,
Dựng nền cộng sản.
Trời xuân lồng lộng,
Hạnh phúc đủ đầy.
Áp bức tiêu trừ,
Lầm than tiêu diệt.
Sống tình đoàn kết,
Chung sức chung lòng.
Kẻ mạnh góp công,
Người già góp trí.
Đua tài, gắng trí,
Xây dựng ngày mai.
Rạng rỡ tương lai,
Đời người lao động.
Nước nhà hưng vượng,
Thế giới đại đồng.
Không có chiến tranh,
Không còn bóc lột.
Cất cao tiếng hát,
Dào dạt tình thương.
Rộn cảnh thiên đường,
Thái bình cộng hưởng.

Con dân núi Ấn,
Tắm mát sông Trà.[1]
Sống mãi không già,
Cùng trời đất Việt.
Mấy lời tha thiết!
Phân rõ thiệt hơn.
Gửi anh chị em,
Đồng bào đồng chí.
Ta nên nghĩ kỹ,
Nghĩa vụ thiêng liêng.
Dũng cảm xông lên,
Theo lời Đảng gọi.
Tổ quốc mong đợi,
Sức mạnh chúng mình.
Chuyển núi dời sông,
Tiến lên hơn nữa.
Mặc địch trả đũa,
Khủng bố hành hung.
Cướp của, phá làng.
Bắn giết tràn lan,
Ta không lùi bước.
Nó càng lấn lướt,
Trong cuộc hơn thua.
Nhiều trận gió mưa,
Mới thành lụt, bão.
Đời chưa tạnh ráo,
Máu lửa còn dâng.
Nhiều trận ra quân,
Cuối cùng tất thắng.
Trời đã hửng sáng,
Càng rạng chí hùng.
Thêm hăng chiến đấu,
Tới! Mau tiến tới!
Hỡi anh chị em mình!

KHUYẾT DANH

*

1. *Núi Ấn, sông Trà:* núi Thiên Ấn, sông Trà Khúc ở Quảng Nghĩa.

CÁCH MẠNG HUẤN ĐIỀU

TIỂU DẪN: Bài này ra đời vào thời kỳ hoạt động của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Theo nhiều đồng chí, đây là một sáng tác tập thể.

Cách mạng đồng chí,
Huấn luyện mấy chương.
Xin chớ làm thường,
Phải ghi vào dạ.

Thư từ giấy má,
Hình ảnh thiếp danh.
Chớ để trong mình,
Khi không sứ mạng. [1]

Tin tức lai vãng,
Phải biết phòng xa.
Khi hỏi người ta,
Chớ nên lúng túng.

Ra nơi công chúng,
Gặp bạn chớ chào.
To tiếng hỏi nhau,
Lắm điều bất tiện.

Thư từ bí kiện, [2]
Cất đặt có nơi.
Suy xét tìm tòi,
Phải dò từng tí.

Phải cho tinh ý,
Trong mọi hành vi.

---

1. Ý nói: khi không làm nhiệm vụ, khi không có trách nhiệm.

2. *Thư từ bí kiện:* văn kiện, thư từ, chỉ thị, nói chung là tài liệu bí mật của Đảng.

Suy xét hào ly, [1]
Kẻo người rình lén.
Khi đi việc kín,
Chớ có rụt rè.
Lên tàu xuống xe,
Tự nhiên thái độ.

Hẹn cho đúng chỗ,
Chớ có sai giờ.
Không được hững hờ,
Phải nên thần tốc. [2]

Trong mình y phục,
Hết sức thủ thường.
Đừng có phô trương,
Kẻo người chú ý.

Khi đi bao, bị,
Thu xếp gọn gàng.
Chớ để kềnh càng,
Cảnh binh chú mục. [3]

Nói đừng lụp chụp,
Nói phải giữ lời.
Chờ nói dông dài,
Lộ ra hại sự. [4]

Sổ sách giấy má,
Xong việc hủy ngay.
Chớ để vào tay;
Những phường hành chính. [5]

Hội nghị phải tính,
Lối chạy, lời thưa.

---

1. Nghĩa là suy xét cẩn thận đến nơi đến chốn, mọi mặt, từng ly, từng tý.
2. *Thần tốc:* nhanh nhẹn, mau lẹ.
3. *Cảnh binh chú mục:* cảnh binh để ý, dòm ngó, theo dõi.
4. *Hại sự:* hỏng việc.
5. Chỉ những người làm việc cho Pháp về mặt chính quyền.

Cỗ bài, bàn cờ,[1]
Thường nên dự bị.
Kết nạp đồng chí,
Phải giấu tên mình.
Giáp, Ất, Bính, Đinh...
Tha hồ đặt bịa.

Chớ có rối trí,
Khi chúng bắt ta.
Đến lúc hỏi tra,
Phải đều chối hết.

Nếu chúng ác nghiệt,
Ta cứ thung dung.
Chúng ắt ngã lòng,
Tự nhiên vô sự.

Tra tấn có dữ,
Giả dại, giả si.
Hư thực không khai,
Tên bạn không nói.

Chớ nghe lời dối,
Rằng bạn thú rồi.
Thần trí bồi hồi,
Mà sa vào bẫy.

Cứ như thế ấy,
Làm gì được ta?
Kết cục phải tha,
Bảo toàn danh tiết.

Hy sinh không tiếc,
Phấn đấu kỳ cùng.
Cách mạng thành công,
Đại đồng thế giới.

KHUYẾT DANH

*

---

1. Có sẵn cỗ bài, bàn cờ để đánh lừa, che mắt bọn địch, trong trường hợp bất trắc.

CỔ ĐỘNG CÔNG NHÂN

...

Lại nhắc tới những người tư bản,
Sống cuộc đời sướng chán, sướng chê.
Nhà lầu, lên ngựa, xuống xe,
Quyền cao, vợ đẹp, thiếu gì thú vui.
Chúng được thế, ai nuôi chúng vậy?
Ấy mồ hôi, nước mắt chúng ta.
Cũng vì mất nước, mất nhà,
Cũng vì chế độ thật là bất công.
Phong trào dội khắp Tây Đông,
Cuộc đời như thế, phải vùng lên thôi.
Kìa cờ đỏ, sáng ngời liềm búa,
Giới công nhân làm chủ Xô Nga.
Đông Dương Cộng sản Đảng ta,
Cũng đồng chủ nghĩa, một nhà Mác – Lê.

Công nhân đứng dậy mau đi!
Với nông, binh đó, tức thì kết liên.
Dưới cờ của Đảng tiến lên!
Đùng đùng tranh đấu một phen long trời.
Đập cho chúng nó tơi bời,
Rồi ta xây dựng cuộc đời ấm no.
Vững lòng tin ở tiền đồ!

KHUYẾT DANH

CỔ ĐỘNG DÂN CÀY

Hỡi anh em dân cày!
Đã bao nhiêu đời nay,
Chịu lầm than nô lệ,
Hãy vùng dậy phen này.
Đầu tắt mặt tối,
Tay lấm, chân bùn.

Người nông dân vất vả quanh năm,
Canh tư chưa nằm,
Canh năm đã dậy.
Gặp những khi mưa nắng bất thường,
Lưng không bén giường,
Chân không bén đất.
Đến bữa ăn, cơm độn, mắm, cà,
Áo quần tấm rách, tấm lành,
Nhà lụp xụp, phên thưa mái dột.

Đè trên đầu: sưu cao thuế nặng,
Tô cắt cổ, lãi bóp hầu.
Con tôm, con cá dưới sông,
Gánh than, gánh củi trên rừng,
Nếu không thuế, phải đưa chân cùm, kẹp.

Bệnh tật thường xuyên,
Thuốc men đâu có.
Thương bấy kẻ lâm chung, tử biệt, [1]
Nén hương không, hòm vỏ cũng không!
Chỉ vì thực dân, phong kiến,
Hai ách nặng nề.
Bên mình, còn ách cường hào,
Hà hiếp, bóc lột để làm giàu cho chúng.
Bọn chúng nó: nhà ngang dãy dọc,
Ruộng thẳng cánh cò bay.
Lúa thóc thu đầy kho,
Tiền bạc chất đầy tủ.
Kẻ hầu, người hạ,
Ngồi mát ăn không,
Tha hồ chè chén.
Bất công này để vậy sao yên,
Máu hận lâu niên,
Tim sôi sùng sục,
Quyết phen này rửa nhục sạch thôi.

---

1. Ý nói thương người chết.

Giờ đây có Đảng ra đời,
Vì quyền lợi công nông giai cấp.
Giành tự do độc lập nước nhà,
Kết đoàn mau bước chân ra,
Cờ hồng phất ngọn theo mà đấu tranh,
Ấm no, quyền sống về mình!

KHUYẾT DANH
Quảng Nghĩa. 1930

*

BẠN CÀY TA NGHĨ LẠI

Anh ơi, dừng cày lại!
Anh hãy tạm họ trâu!
Em khuyên giải vài câu,
Bạn cày ta nghĩ lại,
Anh em mình xét lại.

Kìa bốn phương sôi nổi,
Sóng dân quyền dữ dội,
Nền tư bản lung lay.
Thuyền thợ với dân cày,
Dân cũng đều tỉnh ngộ,
Họ muôn phần giác ngộ.

Dân Trung Hoa, Ấn Độ,
Dân Nhật Bản, Xiêm La,
Khắp các nước gần xa,
Thợ cày đang tranh đấu,
Giọng hò vang tranh đấu.

Chủ nghĩa đã hiểu thấu,
Cách mạng được tiến hành.
Cuộc giai cấp đấu tranh,
Đã rõ ràng thế giới.

Lẽ đâu ta ngồi đợi,
Phải liên hiệp mau mau.
Kẻ trước dắt người sau,
Phất ngọn cờ tranh đấu.

Chống với quân địa chủ,
Cách bóc lột hằng ngày,
Nào thuê mướn cấy cày,
Nào địa tô lễ tết.

Cầm đồ ác nghiệt,[1]
Đặt nợ nhiều lời,
Nhất nhất cố ta đòi,
Anh em ta đòi lại,
Bạn cày mình đòi lại.

Tụi cường hào mọt hại,
Chuyên hà hiếp dân đen.
Đời chúng nó đã quen,
Ta cũng cần phản đối,
Anh em mình phản đối.

Nào giam cùm đánh trói,
Nào dọa nạt trình quan.
Đổ rượu lậu, muối gian,
Để ăn tiền, ăn lễ,
Đòi ăn tiền, ăn lễ.

Biết bao điều thậm tệ,
Ngồi giữa chốn đình trung.
Xôi thịt ních sình hông.
Rượu chè say be bét,
Nói cười say toe toét.

1. Ngày trước, người nghèo cần tiền phải đem đồ đạc, quần áo đến bọn nhà giàu "cầm", gửi chúng để vay tiền chịu lãi, khi nào có tiền trả đủ cả vốn lẫn lãi chúng mới trao lại các thứ gửi.

Chúng phồng mang dọa nạt,
Khi mùa màng thất bát,
Lúc vụ thuế vụ sưu,
Ta biết tính làm sao,.
Chịu trăm đường cực khổ,
Đủ ngàn đường cực khổ.

Nào phụ thu, lạm bổ,
Nào công thổ, công điền.
Chúng vơ vét trăm đường,
Nào công quỹ nghĩa thương.[1]
Cũng vào tay chúng nó,
Nuôi vợ con chúng nó.

Ta quanh năm cực khổ,
Nước mắt lẫn mồ hôi.
Bán sức để mà nuôi,
Chung qui nào có đủ,
Suốt đời nào có đủ.

Cơm ăn đã chẳng có,
Áo mặc cũng chẳng lành.
Đói rét vẫn hoành hành.
Bởi vì ai nên nỗi?
Bởi vì đâu nên nỗi?

Vì tư bản xã hội,
Tại gốc ở của riêng,
Bọn thù nghịch xỏ xiên,
Tại phong kiến vua quan,
Cùng đế quốc tàn hung,
Mưu đục khoét công nông,
Đủ trăm đường thậm tệ.

Nào tăng gia sưu thuế,
Nào trích lục, môn bài,

---

1. *Quỹ nghĩa thương:* lúa lập quỹ để cứu giúp người bị đói khi mất mùa.

Nạn lạc quyên trong ngoài, [1]
Nạn quốc trái lâu nay, [2]
Mau đục khoét dân cày,
Đủ trăm đường thê thảm.

Cha mẹ già đau ốm,
Ai chạy chữa chăm lo?
Đàn con cái ngây thơ,
Ai tập tành dạy dỗ?

Trời ơi, là cơ khổ!
Nói ra thêm nhiều chỗ,
Kể mãi cũng không cùng.
Anh đứng lại mất công,
Phần nắng rọi bên hông,
Phần bùn ngâm dưới cẳng.

Biết bao điều cay đắng,
Ta phải tính làm sao.
Ta phải bàn lẽ nào,
Chẳng lẽ cam chịu chết?
Dại chi mà chịu chết!

Rủ nhau ta đoàn kết,
Dù đấu tranh kịch liệt,
Dù đổ máu hy sinh,
Phải đòi lấy lợi quyền,
Phải tự mình đòi lại.

Thôi chào anh bước tới,
Em trở lại quê nhà.
Gọi chị em đàn bà,
Đều ra tay ủng hộ,
Bạn thoa quần ủng hộ.

---

1. *Lạc quyên:* quyên góp tiền của.
2. *Quốc trái:* Nhà nước vay tiền.

Sao cho quân thù nhượng bộ,
Sao cho đế quốc rùng mình,
Sao cho quan lại thất kinh,
Sao cho cường hào mất vía,
Sao cho địa chủ kinh hồn.
Khuyên anh em ta phải tự tồn.

KHUYẾT DANH

Báo Dân cày, năm 1934

*

NÓI CHUYỆN VỚI THANH NIÊN

Hôm nay, tôi trông thấy anh em thanh niên, người tôi như trẻ lại. Hôm nay, tôi trông thấy anh em thanh niên, bằng tôi trông thấy cái mầm măng mới mọc, đang mơn mởn giữa thanh thiên. Hôm nay, tôi trông thấy anh em thanh niên, bằng tôi trông thấy cái nụ hoa mới nở, đang tươi cười cùng bạch nhật. [1]

Thanh niên là gì? Là những người tuổi trẻ hồn nhiên, không chịu cúi luồn, mang một tâm hồn cao đẹp.

Xã hội thanh niên cậy vào ai? Cậy vào thanh niên. Người thanh niên gánh vác việc gì? Gánh vác việc xã hội thanh niên. Xã hội thanh niên nhờ có đoàn thanh niên, xã hội thanh niên mới trường xuân bất lão. [2] Đoàn thanh niên nhờ có xã hội thanh niên, người thanh niên ấy mới danh giá vô cùng. Thế thì, xã hội thanh niên là một cái linh hồn của người thanh niên. Mà người thanh niên là một cái tính mạng của xã hội thanh niên.

...

À! Đáng kính thay thanh niên! Đáng sợ thay thanh niên! Dẫu ai nói, thanh niên lay trời, trời cũng phải chuyển; lay đất, đất cũng phải long. Lời nói ấy chẳng phải là quá đáng.

Thanh niên ngoại quốc đã nắm chặt cái vận mệnh xã hội trong tay. Ngó lại thanh niên nước mình thì sao?

---

1. *Bạch nhật:* ánh sáng ban ngày.
2. *Trường xuân bất lão:* trẻ mãi không già.

Tôi xin kể tính chất anh em thanh niên nước mình. Từ khi mới sinh ra cho đến năm bảy tuổi, cha mẹ quá yêu dấu, đã muốn mua cho con một chút phẩm hàm nô lệ. Cho nên, khi cắp sách đến nhà trường, miệng đọc a, b, c, nhưng óc đã chứa đầy những "hồng" với "thị". [1] Khi bập bẹ năm tiếng "toa", "moa", "nông", "ủy"..., [2] chân đã lo xỏ "bốt tin" [3] sao cho "mốt", tay lo cắp "ba toong" [4] sao cho oai. Kịp đến khi đã được cái tham, cái đốc chỉ rồi, thời mặt múa mày bay, ngó trông nòi giống họ hàng nhà mình, coi không ai hơn mình nữa. Khiến đến nỗi gà trong chuồng tô vẽ mặt, cá dưới chậu ngúc ngoắc đuôi.

Ôi, nô lệ già chưa kịp trở vai, nô lệ trẻ đã toan cất gánh. Tính chất anh em thanh niên ta như thế đó! Tư cách anh em thanh niên ta như thế đó! Khiến những người có tâm huyết không buồn rơi nước mắt, không tức tím lá gan sao được?

Việc hiện thời ta phải chung lo. Kìa ngọn cờ tranh đấu đã phấp phới giữa hoàn cầu. Nọ làn sóng dân quyền đã tràn lan trong bốn bể. Xin anh em thanh niên phải mau mau đứng dậy! Dốc một lòng dũng cảm, quyết một chí hy sinh. Đổ máu đào để đòi lợi quyền, phất cờ đỏ để sửa sang lại nền xã hội. [5]

ĐẶNG CHÁNH KỶ

*

HY SINH

...

Cách mệnh là việc chung, không phải vì một mình ai mà làm, nên người chân chính cách mệnh biết rõ hy sinh, không những là biết rõ tính chất riêng của mình, mà tính người thái quá, còn dẫn đỡ cho người bất cập nữa.

---

1. *Hồng:* tức hồng lô. *Thị:* tức thị độc, thị giảng. Đó là những viện hàm của Nhà nước phong kiến ban cho những người có công với mình. Nó khác với vinh hàm, từ cửu phẩm trở lên. Viện hàm chỉ ban cho người có học.

2. *"Toa", "moa", "nông", "ủy":* phiên âm tiếng Pháp, nghĩa là "mày", "tao", "không", "ừ", những từ thường dùng trong việc giao thiệp hằng ngày.

3. *"Bốt tin":* phiên âm tiếng Pháp, một kiểu giầy da.

4. *"Ba toong":* phiên âm tiếng Pháp, cái gậy cầm tay.

5. Bài này tác giả viết để nói và đọc trong các cuộc mít tinh của thanh niên. Nguyên bản không còn, chúng tôi dựa vào trí nhớ của nhiều đồng chí trong phong trào 1930 – 1931 rồi đối chiếu chỉnh lý lại.

Ví như bây giờ có một người tính chất rất tự trọng, một người tính chất rất hoạt bát cùng làm việc, mà hai người đều biết hy sinh, thì chẳng những không cố chấp tính chất mình mà lại chỗ nào nên tự trọng thì tự trọng, chỗ nào nên hoạt bát thì hoạt bát, như thế thì có phải rằng có ích cho công việc ư? Đi ra làm việc công mà còn giữ tính riêng, thế là chưa biết hy sinh, thế là chưa phải chân chính cách mệnh. Làm việc cách mệnh phải biết cách mệnh là việc chung, nên lấy lòng chí công vô tư mà theo dõi các công việc, lại phải biết cách mệnh cốt nhất là sự hy sinh, hy sinh gia đình, hy sinh tính mệnh, hy sinh lợi quyền, hy sinh ý kiến. Đồng bào ơi! Phải nghĩ cho kỹ, phải xem cho suốt, mục đích mình là đánh Tây, nên ai mà thân Tây đều là cừu địch mình. Tôn chỉ mình là cách mệnh, nên ai là cách mệnh đều là đồng chí mình.

Mình chỉ hỏi người ấy có phải là người cách mệnh không, mà đừng nên hỏi người ấy là ai? Chỉ nên hỏi việc ấy có ích với Đảng cách mệnh không, mà đừng hỏi việc ấy ai làm.

Thế mới gọi là hy sinh, thế thì mới gọi là chân chính cách mệnh.

KHUYẾT DANH

Báo *Thanh niên*, cơ quan của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, số 65, ngày 17-10-1936.[1]

*

CỔ ĐỘNG HỌC SINH, THANH NIÊN

Hỡi các bạn học sinh!
Hỡi các bạn tuổi xanh!
Đang tâm hồn trong trắng,
Đang chăm lo học hành.
Học cậu Phù Đổng phá Ân,
Học cậu Quốc Toản thời Trần phá Nguyên.
Đừng để Pháp làm đen trí óc,
Dùng đủ trò đầu độc chúng mình,
Học đừng ham bả hư vinh,
Học trung với nước, chân thành với dân.

---

1. Tài liệu lấy ở Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, ký hiệu TN, số 65.

Các bạn đương mầm xuân tươi tốt,
Các bạn là rường cột nước nhà.
Bạn ơi! Bọn Pháp sang ta,
Câu kết phong kiến, muôn nhà lầm than.
...
Nay có đuốc tiền phong soi sáng,
Đảng Đông Dương Cộng sản dẫn đầu.
Nào người bạn trẻ ta đâu?
Đem gan sức đẩy phong trào tiến lên!
Làm cho rạng tuổi thanh niên!

KHUYẾT DANH
1930

PHỤ NỮ NÓI CHUYỆN VỚI THANH NIÊN

TIỂU DẪN: Những năm 1930 – 1931, nhiều phụ nữ đã tham gia đấu tranh cách mạng, song do tư tưởng trọng nam khinh nữ của phong kiến vẫn còn, nhiều người vẫn chưa xem phụ nữ như là một lực lượng cách mạng. Cho nên có bài diễn thuyết này.

Hôm nay, tôi xin thay mặt tất cả chị em phụ nữ mà đứng ngang hàng cùng các anh. Tôi xin bày tỏ những tình trạng thống khổ của chị em chúng tôi cho các anh nghe mà mong các anh hiểu cho rằng, thuyết "*nam tôn, nữ ti*" [1] là trái hẳn với đạo lý, là vô nhân đạo.

Hỡi các anh, hiện giờ chị em chúng tôi không phải chỉ bị đế quốc quan lại, hào cường, địa chủ bóc lột, đè nén thôi đâu, mà chị em chúng tôi còn bị cái thuyết *nam nữ bất bình đẳng* trói buộc! Nó đã khiến cho chị em chúng tôi phải chịu giày vò, đày đọa khôn cùng!

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng*, nên có câu: không làm chi đổ đàn bà con gái! Ôi, con gái không phải là người hay sao! Sao lại khinh bỉ như thế? Nói "không làm chi" thì thiệt vô lý quá. Xưa nay, biết bao nữ anh hùng, hào kiệt làm nên công việc vĩ đại, sự

1. Nghĩa là trọng nam khinh nữ, không coi đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông.

nghiệp vẻ vang, khiến bạn đàn ông trông thấy phải kính phục đó sao! Như cô Dục Tú người Tàu đánh đuổi quân Mãn Thanh, như bà Gian–Đa, người Pháp, ra chống cự cùng quân Anh, như bà Trưng Trắc, Trưng Nhị, người nước ta đứng lên quét lũ Tô Định ra khỏi bờ cõi Việt Nam. Mấy người đó có phải là đàn bà hay không, là con gái hay không?

Lại như suốt một năm trời nay, trong các cuộc biểu tình, tuần hành, thị uy, biết bao nhiêu phụ nữ đã đứng đầu đi trước, làm tiên phong cho các bà con lao khổ, biết bao chị em đã gan góc chịu đựng hy sinh, nêu cái gương can đảm trước đội ngũ cần lao. Như thế, ai còn dám bảo *đồ đàn bà làm chi, đồ con gái làm chi!*

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng,* nên có câu *nữ nhân nan hóa,* nghĩa là đàn bà khó dạy. Đàn bà cũng gan góc trí tuệ như đàn ông chứ có khác gì đâu. Chỉ vì không được đi học, nên đành chịu ngu đốt đó thôi. Nếu mà đàn bà cũng được đi học như đàn ông, xem có khôn ngoan tài trí không? xem có khó dạy hay không?

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng,* nên có câu *nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô,* nghĩa là một người con trai cũng gọi là có, mười người con gái lại bảo là không. Ôi, mới lọt lòng mẹ ra chào đời ba tiếng oa oa, đã bị gia đình chuyên chế, đã bị xã hội bạc đãi, đã bị đàn ông coi khinh!

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng,* nên có câu *phụ nữ tam tòng, tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử,* nghĩa là khi ở nhà thì theo cha, lúc lấy chồng thì theo chồng, chồng chết phải theo con. Ôi, nếu theo cha lại đến theo chồng, rồi theo con, suốt đời người phụ nữ có gì phải theo nữa không? Việc phải thì theo, việc trái cũng bắt phải theo hay sao? Cha hư, con dại, chồng rượu chè đĩ thõa, cũng bắt buộc phải theo hay sao?

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng,* nên có câu *nam tại ngoại, nữ tại nội,* nghĩa là đàn ông lo việc ngoài, đàn bà lo việc trong. Như thế là đàn ông có quyền đón gió ngăn mây, bôn nam tẩu bắc, đàn bà thì chạy loanh quanh nơi chướng gấm màn đào, quanh quẩn ở xó buồng góc bếp, ngoài công việc nồi cơm trách cá, còn được biết chi chi! Ôi, sự nghiệp cứu nòi há riêng của đàn ông? Sao lại có câu nói quái gở lạ lùng như thế?

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng,* nên sinh ra nạn

thanh lâu, đa thê [1] để hạ thấp người đàn bà con gái cho xuống tột bậc, và đặt ra *tam cương, ngũ thường* [2] để trói buộc xích xiềng người đàn bà con gái cho thật chặt nút vào!

Hỡi các anh, cũng bởi *nam nữ bất bình đẳng*, nên chị em chúng tôi biết bao người than vụng khóc thầm nơi xó bếp góc buồng; biết bao đau khổ tuyệt vọng đường đời đã phải tự trầm tự ải! [3]

Hỡi các anh, từ nay về sau, các anh có công nhận cái thuyết *nam nữ bất bình đẳng* là phải nữa hay không? Tôi dám chắc không. Nếu mà có, chị em chúng tôi xin phản đối cho tới kỳ cùng.

Thế là vì tiến hóa cho xã hội!

Thế là vì quyền lợi của công, nông!

Hãy vì chủ nghĩa mà lìa bỏ nó đi!

Hãy vì hạnh phúc của bao người mà gột sạch nó đi!

Còn nó, là còn đế quốc, quan liêu, hào cường, địa chủ.

Còn nó, cũng là còn bất công, áp bức, xích xiềng và mọi đau khổ tủi nhục khác, không phải chỉ với chị em chúng tôi mà đối với cả các anh.

Hỡi các anh, nhớ lấy mà suy nghĩ cho kỹ, hỡi các anh!

BAN TUYÊN TRUYỀN TỈNH ỦY NGHỆ AN

*

PHỤ NỮ PHẤT CAO CỜ CỘNG SẢN

Này đứng dậy, hỡi chị em đoàn phụ nữ!
Kết tâm đồng tranh đấu xem sao!
Chị em ta há phải thua nào,
Dù khăn yếm cũng phất cao cờ Cộng sản.
Đem tâm huyết thi gan cùng súng đạn,
Sợ chi phường tư bản bạo tàn đâu...

---

1. *Thanh lâu:* nhà chứa, nhà thổ. *Đa thê:* nhiều vợ.

2. *Tam cương:* ba mối quan hệ giữa người và người: quan hệ vua tôi, quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng.

Ngũ thường: năm điều cơ bản của đạo đức phong kiến là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

3. *Tự trầm tự ải:* ý nói tự tử. Tự trầm là gieo mình xuống nước mà chết. Tự ải là dùng dây treo cổ mà chết.

Cờ chỉ huy nhuộm thắm thêm màu,
Theo kịp bước bạn mày râu, giành lẽ phải.
Tranh đấu nhiều phen gương sáng rọi,
Biểu tình nhiều cuộc sấm kêu vang.
Chị em ta kết thành đoàn,
Mau chân mà bước lên đường đấu tranh.
Làm cho Cộng sản lập thành.

TRẦN TOẠI
1930

*

CỨU NHÀ, CỨU NƯỚC, CỨU MÌNH!

Chị em phụ nữ!
Mấy nghìn năm bị chữ tam tòng,
Buộc ràng khuê khổn [1] ở trong,
Biết gì việc nước mà mong bình quyền!
Nay nước mất, thêm xiềng nô lệ,
Chị em đà liệu kế gì chưa?
Bà Trưng, bà Triệu thuở xưa,
Đứng lên cứu nước phất cờ dấy binh.
Cưỡi voi phận gái thân chinh,
Đánh cho xâm lược tan tành mới nghe.
Ấy gương hào kiệt nữ nhi,
Chị em nay đã học gì người xưa?
Trước họa nước, hững hờ sao được,
Pháp, vua, quan bạo ngược, hung tàn.
Làm cho trăm họ lầm than,
Muôn dân phải dậy lên đàng đấu tranh.
Riêng phụ nữ chiếm phần nửa nước,
Nhiệm vụ chung, chị trước, em sau.
Chị em đứng dậy mau mau!
Tiến lên theo ngọn cờ đào! Tiến lên!
Cứu nhà, cứu nước, cứu mình!

KHUYẾT DANH

1. Khuê khổn: chỉ phòng khuê, phòng riêng của phụ nữ phong kiến.

*

THÀ CHẾT KHÔNG CHỊU LÀM NÔ LỆ

Cực lắm rồi, chị em ta hỡi!
Đứng mau lên mà cởi trói ra.
Đồng lòng, hỡi chị em ta!
Tuốt gươm giết lũ giặc già không dong (dung).
Hô khẩu hiệu cờ hồng đi trước,
Chị em ơi, cố bước tiến lên.
Trừ đế quốc, cướp chính quyền,
Phá tan áp bức, xây nền tự do.
Phụ nữ ta làm cho rõ mặt,
Cùng anh em, ta dắt nhau đi.
Đầu rơi, máu đổ sợ chi,
Dẫu rằng muôn hiểm, nghìn nguy cũng đành.
Sợ chi nữa mà kinh chi nữa,
Chớ có nên lần lữa hôm mai.
Tiếng chuông cảnh tỉnh bên ngoài, [1]
Tiếng vang đã động bên tai ta rồi.
Dẫu chết cũng xong đời nô lệ,
Treo tấm gương ghi để về sau.
Chị em ơi, phải tiến mau!

KHUYẾT DANH

*

LÀM CHO ĐẤT ĐỘNG, TRỜI KINH

Hỡi! Hỡi! Hỡi! Chị em ta hỡi!
Đau đớn mình, mình đợi ai lo?
Cầu trời, trời chả phù cho,
Phận mình mình gánh, ai lo cho mình?
Thoạt đầu là gia đình chuyên chế,
Rồi dần dần tệ đó lưu thông.

1. *Cảnh tỉnh:* làm cho người ta giác ngộ.

Tính tự cường, luật thiên công, [1]
Bao nhiêu thẩy bị chữ "tòng" phá tan.
Chị em nghĩ ta thân phận gái,
Có tiền duyên, oan trái chi đâu?
Chỉ vì son phấn nhuộm màu,
Mà đem vàng ngọc chôn sâu mấy tầng.
Nghĩ nông nỗi gan bừng, ruột nóng,
Mở miệng kêu, cứng họng, tê môi.
Lỗi xưa, nay phải đền bồi,
Đem thân son phấn trau dồi non sông.
Chị em hãy rộng lòng sau, trước,
Nỗi vì dân, vì nước, vì mình.
Phá tan ranh hạn bất bình,
Tạo nên xã hội, gia đình hơn xưa.
Chừ (giờ) gặp hội gió mây mới mẻ,
Chị em ta nên nhẹ tư tình. [2]
Làm cho đất động, trời kinh,
Giữa làn khói lửa, liều mình ra tay.
Thói ỷ lại từ nay bỏ sạch,
Cùng nam nhi thích cánh, chen vai.
Bước chân lên chốn vũ đài,
Làm gương cho bạn hậu lai mới là. [3]
Miễn nợ nước, thù nhà, rửa sạch,
Dù xương tan, thịt nát, cũng vinh.
Rồi ra mình có thiệt mình,
Ngày sau bạn gái khỏi vành đắng cay.
Tiến lên với bạn râu mày!

PHẠM NGỌC TRÂN

*

1. Luật thiên công: luật tạo hóa làm nên vạn vật.
2. *Tư tình:* tình riêng.
3. *Bạn hậu lai:* những thế hệ sau, những người đi sau.

VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ

Bài I

Hỡi chị em, mau mau đứng dậy!
Kết đoàn nhau đòi lấy lợi quyền!
Kìa trông phụ nữ Xô Liên,
Tự do bình đẳng, bình quyền từ lâu.
Được ứng cử bầu vào Xô viết,
Của công, nông kiến thiết lập ra.
Người thì vào chốn binh gia,
Chen vai thích cánh vậy mà kém ai.
Mọi phương diện đua tài, đua trí,
Được tự do chẳng kể nữ, nam.
Bình quyền, bình đẳng hoàn toàn,
Không còn áp bức, lăng loàn như xưa.
Ở Âu, Mỹ bây giờ nhiều nước,
Các chị em đang bước tiến lên.
Đấu tranh đòi lấy lợi quyền,
Đòi quyền tuyển cử, đòi quyền đương binh. [1]
Những chế độ bất bình vô lý,
Đạp đổ đi chẳng để mảy may.
Dân cày, thuyền thợ ra tay,
Phá cho chế độ ngày nay tan tành.
Trong khắp cả tình hình thế giới,
Các chị em phấn khởi đấu tranh.
Đoái trông tình cảnh xứ mình,
Bao nhiêu những nỗi bất bình xót xa!
Chịu hèn kém, đàn bà con gái,
Bị khinh thường, bạc đãi từ lâu.
Cắn răng, cắm cổ, cúi đầu,
Nhọc nhằn như thể ngựa trâu tôi đòi.
Sống thì có, quyền thì không có:
Việc hôn nhân tùy ở mẹ cha.

1. *Quyền đương binh:* quyền đi lính bảo vệ đất nước.

Hé môi chẳng được bàn qua,
Thân mình – tiền bạc mua ra, quý gì!
Lấy chồng để làm thân nô lệ,
Làm đồ chơi, máy đẻ cho chồng.
Việc làm ngang với đàn ông,
Việc làm thì giống, tiền công không đều.
Ngoài xã hội bao điều cần biết,
Mình biết chi, biết để làm chi?
Thân mình nào có ra gì?
Loanh quanh riêng một phạm vi gia đình.
Còn tục lệ một chồng nhiều vợ,
Còn biết bao chế độ bất công!
Nào dây tứ đức, tam tòng,
Trói chặt phụ nữ vào vòng lao lung.
Cảnh bạn gái đau lòng như thế,
Chị em ta há dễ ngồi yên?
Hãy mau đoàn kết cho bền,
Dân cày cùng với thợ thuyền đấu tranh!
Chế độ cũ bất bình đạp đổ!
Cảnh đời kia ta cố phá xong!
Cùng nhau đoàn kết một lòng,
Tạo nên xã hội đại đồng tự do!

KHUYẾT DANH

Bài II

Đoái trông tình cảnh nước mình,
Bao nhiêu những nỗi bất bình xót xa!
Chịu hèn kém, đàn bà con gái,
Bị khinh thường bạc đãi từ lâu.
Cắn răng, cắm cổ, cúi đầu,
Nhọc nhằn như thể ngựa trâu tôi đòi.
Lúc đến tuổi trâm cài lược giắt,
Mặc mẹ cha xếp đặt hôn nhân,
Không quyền lựa chọn phu quân, [1]

1. *Phu quân:* chồng.

Không quyền gắn bó ái ân chung tình.
Phận hèn kém thôi đành cam chịu,
Để cho người giày xéo thân hoa.
Từ đây lạ cửa lạ nhà,
Gắng sao trên thuận dưới hòa cho yên.
Đâu cái cảnh mẹ hiền dâu thảo? [1]
...
Thôi hết lúc đùng đùng chửi rủa,
Lại đến khi đánh đấm giày vò.
Thở than trời chẳng thấu cho,
Kêu nài chồng cũng thờ ơ lạnh lùng.
Lấy chồng để làm đồ nô lệ,
Làm đồ chơi, máy đẻ cho chồng.
Ôi thôi, quyền cậy làm chồng!
Biết điều có một, cuồng ngông thì mười!
Bắt hầu hạ như tôi như tớ,
Hỏi phải thưa, gọi dạ, dặn vâng.
Nếu mà trái ý lang quân,
Roi song, gậy trúc, khổ thân liễu bồ.
Lỡ chồng chết, con thơ nheo nhóc,
Phải nuôi con ăn học, thành người.
Chỉ mong con học thành tài,
Về già âu cũng có nơi nương nhờ,
Nhưng con thảo bây giờ thời hiếm,
Khi lớn khôn tiền kiếm đầy bao.
Đâu còn nghĩ tới công lao,
Mà người mẹ đã tổn hao vì mình.
Chỉ biết có con xinh, vợ đẹp,
Mặc mẹ già thân lép mình ve.
Than ôi! Tình cảnh thảm thê!
Cảnh già không chốn chở che yên lòng.
Khổ nhất cảnh chồng chung vợ chạ,
Bị giày vò hành hạ trăm khoanh.
Khổ vì chồng chẳng thương tình,
Tha hồ vợ cả lôi đình thẳng tay.
Kiếp lẽ lẽ trăm cay nghìn đắng,

1. Đến đây thiếu mấy câu.

Có khác nào số phận hẩm hiu.
Đời người thiếu phụ tiêu điều,
Ép duyên đành phải bước liều theo duyên.
Kiếp lấy lẽ gây nên bao cảnh:
Người bỏ chồng trốn tránh tu hành,
Người theo dòng nước trong xanh,
Người thì nha phiến, giấm thanh hãi hùng! [1]
Đó là sợi tam tòng trói buộc,
Cảnh gia đình chẳng khác nhà tù.
Suốt đời không có tự do,
Sống đời lệ thuộc đến già chưa thôi!
Ngoài xã hội đi đôi một loạt,
Cấm đàn bà mưu thoát cùm gông.
Khi làm việc với đàn ông,
Việc làm thì giống, tiền công không đều.
Còn phải chịu bao điều ràng buộc,
Sống cuộc đời ngu ngốc tối tăm.
Để rồi trọn tháng quanh năm,
Quẩn quanh cuộc sống âm thầm bất công. [2]
. . . .

KHUYẾT DANH

*

MỞ MẶT VỚI SƠN HÀ

Trong sinh sản không phân phận hạng, [3]
Dù yếm mang, quần vận cũng là người.
Non sông nay bị dập vùi,
Chị em bạn gái ta ngồi sao yên?
Nếu thủ phận kêu rên than thở, [4]
Biết chừng nào thoát khỏi tôi đòi.

---

1. *Nha phiến, giấm thanh:* thuốc phiện, giấm thanh, hai thứ này hòa lẫn với nhau thành thuốc độc dùng để tự tử.
2. Bài II này do Trần Xuân Thanh ở Vĩnh Phú sưu tầm.
3. *Sinh sản:* lao động sản xuất. *Không phân phận hạng:* ý nói không phân biệt nam nữ.
4. *Thủ phận:* chỉ lo giữ yên phận mình.

Gái, trai cũng một cái đời,
Lẽ đâu chịu mãi kiếp người trầm luân! [1]

...

Quyết đứng dậy xông lên tranh đấu!
Quyết ra tay giành lấy lợi quyền!
Noi gương nữ kiệt Triệu, Trưng,
Cùng với bạn gái Xô Liên kết đoàn.
Cùng nam giới non sông gánh vác,
Cùng đồng bào giũ sạch lầm than!
Thù nhà hận nước rửa xong,
Xóm làng đổi mới, vợ chồng đoàn viên.
Đời ấm no, bình quyền, bình đẳng,
Cảnh phồn vinh gái đảm trai hùng.
Đồng thanh, đồng chí, đồng tình,
Thù chung đuổi hết, thái bình vui ca.
Đến chừng đó sơn hà mở mặt,
Đất nghìn năm văn vật trổ tài.
Đua nhau già trẻ gái trai,
Chung xây hạnh phúc tương lai huy hoàng!

KHUYẾT DANH
1930

*

NÀO AI LÀ KHÁCH MÁ HỒNG

Nào ai là khách má hồng?
Đứng lên ta hãy vẫy vùng một phen.
Cuộc đời thẳng bước đua chen,
Cùng người nam tử tranh quyền lợi chung.
Dọc ngang trời đất bốn phương,
Nguyền đem son phấn liều cùng nước non.
Phận bồ chớ bảo con con, [2]
Đem thân nhi nữ vùi chôn trong nhà.
Chị em ta bảo nhau ra,
Đảm đang việc nước mới là gái ngoan.

---

1. *Trầm luân:* chìm đắm trong cảnh khổ.
2. *Bồ:* bồ liễu, chỉ phụ nữ.

Này này một dải giang sơn,
Trông ra nước nước non non muôn vàn.
Để cho Pháp tặc[1] tham tàn,
Đè đầu cưỡi cổ cướp ăn sao đành.
Chị em ta phải tung hoành,
Diệt quân đế quốc tan tành mới xong.

*

Nào ai là khách má hồng?
Chị em ta phải kíp vùng lên thôi.
Thời cơ nay đã đến rồi,
Bốn phương cách mạng phong lôi đùng đùng.[2]
Đông Dương Đảng Cộng cờ hồng,
Cờ bay phấp phới khắp trong ba kỳ.
Biểu tình đó đó đây đây,
Truyền đơn tháng tháng ngày ngày luôn luôn.
Thằng Tây mất vía bồn chồn,
Nam triều địa chủ kinh hồn tả tơi!
Chị em nhi nữ ta ơi!
Ra tay phấn đấu cùng người nam nhi.
Bao nhiêu tư bản quân Tây,
Nam triều phong kiến phá đi cho rồi.
Kinh dinh tái bạo cuộc đời,
Lập ra xã hội một trời vui thay.[3]

*

* *

Nào ai là khách nữ nhi?
Chị em ta phải ra tay với đời.[4]
Tát xong bể khổ cho rồi,
Chặt xiềng nô lệ, cho người nước Nam.

---

1. *Pháp tặc:* giặc Pháp.
2. *Phong lôi:* gió và sấm. Ý nói phong trào cách mạng đang nổi dậy như vũ bão sấm sét.
3. Có người nhớ: ... *đời đời vui thay*. Lại có người nhớ: *Xã hội chủ nghĩa đời đời vui thay*!
4. Hai câu này có người nhớ:

Làm cho rạng mặt rạng mày,
Cùng nam nhi gánh chung vai việc đời.

Phá tan chính phủ tham tàn,
Xây nền xã hội hoàn toàn tự do.
Chị em ta gắng ta lo,
Con đường cách mạng bước cho tới cùng.

NGUYỄN THỊ LỢI [1]

*

KHUYÊN CHỊ EM

TIỂU DẪN: Trong cao trào những năm 1930 – 1931 ở Quảng Nghĩa, bài này thường dùng hô hào chị em phụ nữ tham gia cách mạng trong các cuộc biểu tình, đấu tranh.

Đứng lên, hỡi chị em mình!
Người ta cộng sản biểu tình tứ tung.
Chồng đi thì đi với chồng,
Con đi thì cũng một lòng với con.
Cùng nhau giữ nghĩa vuông tròn,
Dẫu rằng sống, chết, dễ mòn lá gan.
Kết đoàn "quần vận, yếm mang", [2]
Cờ hồng kéo trước, xếp hàng theo sau.

Theo sau cho kịp cùng người,
Cũng tai cũng mắt ở đời kém chi.
Đấu tranh người đã ra đi,
Chị em mình há chẳng bì được sao?
Chị em ta đứng dậy mau,
Dắt dìu bè bạn, nhập vào cho đông.
Tiến lên sánh với đàn ông,
Làm cho cộng sản thành công mới là.

KHUYẾT DANH

*

---

1. Chưa rõ tiểu sử.

2. *Quần vận:* chỉ đàn ông. *Yếm mang:* chỉ đàn bà. Ở đây muốn nói đoàn kết nam nữ.

EM KHUYÊN CHỊ

Chị ơi chị, ngồi lại!
Cho em thưa lời hơn lẽ thiệt.
Sinh ra gái Nam Việt,
Chịu thua thiệt trăm bề,
Chỉ điểm phấn trau huê,
Làm đồ chơi cho họ,
Làm đồ dùng cho họ.

Chịu nhiều bề cực khổ,
Việc rửa đọi (bát) quét nhà.
Việc nấu nướng củi trà,
Đem thân ta đày đọa.
Đem chị em mình đày đọa.

Việc họ hàng làng xã,
Việc tổng mạc nước non.[1]
Việc xã hội luận bàn,
Sao mà ta không biết?
Sao mà mình không biết?

Chịu nhiều bề thua thiệt,
Bởi tại lỗi vì ai?
Vì trọng lấy con trai,
Mà khinh bề con gái,
Mà rẻ bề con gái.

Nghề vá may bông vải,
Họ bày đặt cho mình.
Đường chữ nghĩa học hành,
Nào có ai giáo dục.
Nào có người giáo dục.

---

1. *Tổng mạc:* làng, tổng.

Cầm sách không biết đọc,
Cầm lấy báo không hay,
Chỉ mờ mịt đêm ngày,
Chị phải tính sao đây,
Lẽ đâu như thế mãi?
Lẽ nào như thế mãi?

Chị ơi, nên nghĩ lại!
Thân gái cũng như trai.
Cũng chín tháng mười ngày,
Cũng tai mắt chân tay,
Nỡ ngồi yên sao được?
Nỡ ngồi nhìn sao được?

Xem nước ta ngày trước,
Cũng có bạn má hồng.
Bà Triệu với bà Trưng,
Ra chống chọi non sông.
Đánh quân Ngô mất vía,
Đuổi tướng Tàu mất vía.

Sử xanh còn chép để,
Ta lấy đó làm gương,
Chị ơi, phải lo lường!
Phải chăm lo học thức,
Phải chăm bề học thức.

Đường công đức, tư đức,
Ta xây đắp cho dày.
Ai đói rét thương vay,
Kẻ gian lao giúp đỡ,
Chị em mình giúp đỡ.

Bỏ dã man thói cũ,
Lối ăn nói dông dài,
Việc đối mách đối lai,
Việc hận thù giận dữ,
Việc mắng la chửi rủa,

Đường son phấn trau dồi,
Phen này quyết xin thôi,
Để lo toan việc khác,
Để luận bàn việc khác.

Đường trâm thoa hãy gác,
Nền học vấn âu lo.
Nào sách vở họa đồ,
Phải chăm coi mới được,
Phải học hành mới được.

Sự lỗi lầm về trước,
Chịu thua thiệt đã đành.
Nay thời đại văn minh,
Quyết phân tranh nữ giới,
Quyết thi tài nữ giới.

Vang lừng khắp hoàn hải, [1]
Cờ nữ kiệt đâu đâu.
Khách tài tử không râu,
Bạn anh hùng có ướm (yếm).
Chợ người ta đi sớm,
Nào xe ngựa bời bời,
Chợ mình đã trưa rồi,
Lẽ nào ta ngơ ngác,
Lẽ nào mình ngơ ngác.

Mấy lời em bàn bạc,
Chị phải tính mau mau,
Làm cho bạn mày râu,
Không dám khinh ta nữa,
Không dám cười ta nữa.

KHUYẾT DANH

1. *Hoàn hải:* chỉ hoàn cầu.

VỢ KHUYÊN CHỒNG ĐI HỌC

TIỂU DẪN: Năm 1926, khi cụ Phó bảng Sắc tức Nguyễn Sinh Huy (thân sinh Hồ Chủ tịch) trên đường đi Sa Đéc vào Chợ Gạo, ở tại gia đình bác Mười (Hồng Liên). Cụ đã dạy cho bác Mười khi ấy còn nhỏ bài ca sau đây. Trong những năm 1930 – 1935, ở vùng Chợ Gạo (Mỹ Tho), nhiều người biết bài này. Bác Mười (Hồng Liên) đọc cho chúng tôi ghi lại. Không rõ tác giả là ai.

Chàng ơi, chàng ngồi lại!
Cho thiếp phân giải đôi lời.
Đã sinh ra kiếp làm người,
Thua người ta cũng thẹn,
Kém người ta cũng thẹn.
Người trèo non vượt biển,
Kẻ qua Bắc sang Đông,
Kẻ lo việc non sông,
Cho trọn bề trung, hiếu.
Người ta thắng, ưu mà mình liệt, bại,
Nghĩ lại thêm rầu.
Chữ "nhẫn sỉ sự thù", [1]
Sao mà anh chịu được,
Sao mà chàng chịu được.

Thiếp vì anh bày mưu vạch chước,
Xin chàng bước cho mau.
Phải tính việc dài lâu,
Phải lo đường lui tới,
Phải bỏ cũ theo mới,
Phải kiếm chốn học hành,
Người ta cạnh tranh, người ta đấu trí.

Chữ "tứ phương hồ thỉ", [2]
Xin chàng giữ cho bền,
Việc đốt pháo xông tên,

---

1. *Nhẫn sỉ sự thù:* chịu cái nhục thờ kẻ thù.
2. *Tứ phương hồ thỉ:* làm trai phải có chí lớn, tung hoành bốn phương.

Cho vẻ vang đất nước,
Cho danh lừng đất nước.

Việc *lục thao, tam lược,* [1]
Chàng luyện tập cho tinh.
Việc bày trận bố binh,
Việc hỏa xa thiết lộ,
Việc làm hột nổ,
Việc chế khí cầu. [2]
Các việc cơ đồ,
Thiếp khuyên anh phải học,
Thiếp khuyên chàng phải học.

Còn như việc gia thất,
Thì có thiếp lo rồi.
Dù khi anh đi ngược về xuôi,
Mặc sức anh vùng vẫy,
Mặc sức chàng vùng vẫy.

Làm sao cho muôn dân được cậy,
Làm sao cho nhà, nước được nhờ.
Xin anh đừng lơ lửng bơ vơ,
Xin anh đừng loanh quanh luẩn quẩn.

Đừng nào thi, nào luận,
Nào chi phú, chi sách, chi văn.
Thiếp khuyên anh bỏ lại.

Nay tứ hải hiện đại, [3]
Phải học cách văn minh,
Mai sau nhà nước thái bình,
Đem kinh luân ra mà tận dụng, [4]
Đem tài tình ra mà tận dụng.

---

1. *Lục thao, tam lược:* hai bộ sách bàn về việc binh.
2. *Khí cầu:* khinh khí cầu.
3. *Tứ hải:* bốn biển, ý nói thế giới.
4. *Kinh luân:* tài sửa sang, sắp đặt về chính trị.

Thiếp khuyên anh một bụng,
Nay thiếp cũng một lòng.
Xin chàng học cho nên công,
Ấy là thiếp mừng riêng trong dạ,
Ấy là thiếp mừng thầm trong dạ.

Mấy lời vàng đá,
Thiếp giải cùng anh.
Hữu chí cánh thành [1]!

KHUYẾT DANH

HỠI ANH EM QUÂN BINH NAM VIỆT!

Hỡi anh em quân binh Nam Việt!
Nông nỗi này ai biết chăng ai?
Từ khi nước lọt tay người,
Đem thân nô lệ cho loài khuyển dương.

Khi ở nhà trăm đường bức chí,
Giận những thằng tổng lý quan thân. [2]
Sưu cao, thuế nặng mấy lần,
Nhân tâm xé mắm thêm phần mút tay.
Đà chịu khổ quân Tây bóc lột,
Giận căm phường mọt đục dân đen.
Làm cho xiêu ốm hao mòn,
Lấy gì nuôi vợ, nuôi con ở nhà.
Cảnh gia đình nghĩ đà thống khổ,
Bước chân ra tới chốn binh đao.
Kể từ mặc áo lính vào,
Mỗi tóc mỗi tội, bất sao chịu vầy.
Tập ắc, ê sáng ngày chí tối, [3]
Suốt canh thâu lúi húi gác canh.

1. *Hữu chí cánh thành:* có chí thì thành công.
2. *Quan thân:* chỉ bọn quan viên chức sắc cường hào ở hương thôn.
3. *Tập "ắc ê":* tập đi một hai ("ắc ê": do tiếng Pháp "un, deux" đọc chệch ra).

Sai một chút bỏ xà lim,
Phạt "xan pulít", "côngxin" mọi bề. [1]
Nghĩ cám cảnh tái tê tấc dạ,
Xót thê nhi ở chốn hương quê.
Ngày chủ nhật lại "píchkê", [2]
Nghe kèn "aléc", "cỏ vê" tức thì. [3]
Nó lừa mình "tiểu ri" cho giỏi, [4]
"Bon côngduýt" lên đội lên cai. [5]
Tập nấp, tập bắn mọi tài,
Đưa ra đánh "giặc" đồng loài giết nhau.
"Giặc" ở nơi chôn rau cắt rốn,
Bốn nghìn năm một chốn thuở nào.
Cùng chung một giọt máu đào,
Cùng hăm lăm triệu đồng bào Đông Dương.
Anh em hỡi, cũng xương cũng thịt!
Máu Lạc Long một giọt sinh ra.
Lẽ nào ta lại giết ta,
Súng địch đem bắn người nhà sao đang.
Tụi đế quốc trăm phương lừa dối,
Lòng tham lam gây mối chiến tranh.
Lợi quyền nó hưởng một mình,
Bắt lính thuộc địa đi giằng xé nhau.
Xương trắng bãi, gió sầu ai oán,
Mộ tha phương dế khóc canh thâu.
Chúng mình chẳng được gì đâu,
Chính quân đế quốc là sâu đục mình.
Đảng Cộng sản thực hành nhân đạo,
Khắp năm châu huyên náo biểu tình.
Công nông binh tấm nhiệt thành,

1. Phạt "xan pulít": phiên âm tiếng Pháp (salle police), nghĩa là phạt giam ở phòng gác. *"Côngxin"*: phiên âm tiếng Pháp (consigne), một hình phạt tương tự như trên.

2. *"Píchkê"*: phiên âm tiếng Pháp (piquet), nghĩa là chích, chọc, bổ nhào, đây nghĩa là tập đâm lê.

3. *Kèn "aléc"*: phiên âm tiếng Pháp (alerte), nghĩa là kèn báo động. *"Cỏ vê"*: phiên âm tiếng Pháp (corvée), nghĩa là một hình phạt lao động khổ sai như nhổ cỏ, nhặt gạch đá...

4. *"Tiểu ri"*: phiên âm tiếng Pháp (théorie), nghĩa là lý thuyết, ở đây dùng với nghĩa là chăm chỉ, cần cù học tập.

5. *"Bon côngduýt"*: phiên âm tiếng Pháp (bonne cunduite), nghĩa là hạnh kiểm tốt.

Rủ nhau bí mật chương trình mới hay.
Chờ cơ hội có ngày bạo động,
Anh em ta quay súng lại mà.
Làm như quốc tế Xô Nga,
Theo Đảng Cộng sản nước nhà chỉ huy.
Hô khẩu hiệu tức thì quay súng,
Bắn mất nòi tuyệt giống quân Tây.
Đế quốc chủ nghĩa phanh thây,
Nam triều phong kiến đạp ngay tan tành.
Dựng nên Chính phủ công, nông, binh,
Việt Nam độc lập quang vinh đời đời.
Ai ơi, ghi nhớ mấy lời!

HOÀNG TRỌNG TRÌ

CỔ ĐỘNG BINH LÍNH

Đem thân đi lính,
Hỡi anh em ta tính thế nào?
Ngày thời súng đạn nịt vào,
Tập nhiều mang nặng mệt trào mồ hôi.
Đêm canh gác khắp nơi cho chúng,
Chịu gió sương, khó đứng khó ngồi.
Lỡ lầm một chút, ôi thôi!
Phạt "xan pulít", miệng thời mắng, la.
"Bệt xàlù, côson toa", [1]
"Cỏ vê" phạt nữa, nghĩ mà đắng cay.
Đồng bào có những ngày nổi dậy,
Họp, biểu tình, đòi lấy lợi quyền.
Chúng bèn ra lệnh các anh,
Người mình đi bắn người mình, đau chưa!
Lại những buổi Âu châu chinh chiến,
Chúng gây ra giành miếng ăn nhau.
Bắt binh lính làm hàng rào,
Chịu bom, chịu đạn, mạng nào ra chi!

---

1. *Bệt xàlù:* phiên âm tiếng Pháp (bête salaud), nghĩa là đồ thú vật, đồ hèn mạt. Côson toa: phiên âm tiếng Pháp (cochon toi), nghĩa là con lợn, đồ bẩn thỉu. Đó là những câu chửi mắng mà bọn thực dân Pháp hay dùng.

Chiến tranh hết, mong khi về được,
Chúng thí cho chức tước con con.
Bổng lương thêm một ít đồng,
Ấy là tất cả ân nồng chúng ban!
Rủi mà bỏ mạng chiến trường,
Mẹ, cha, con, vợ, cơ hàn ai nuôi?
Nếu rủi bị tật, đui, què, điếc...
Chịu suốt đời, nguy biết là bao!
Trong khi mình khổ với nhau,
Bao quyền lợi lớn trút vào túi Tây.
Nhà cao, xe đẹp, cỗ đầy,
Vợ con sang trọng, chức tày trời con.
Mình khổ, chúng ăn ngủ ngon,
Mình chết, chúng sống lầu son, kếch sù.
Chúng lập tòa án, nhà tù,
Áp bức, bóc lột, tha hồ hại dân,
Thực dân, phong kiến kết thân,
Làm cho nòi giống chết dần điêu linh.

*

* *

Chịu sao hết nỗi bất bình,
Đồng bào cả nước biểu tình đấu tranh.
Công nông cùng với nhà binh,
Cùng nhau xiết chặt liên minh diệt thù.
Súng kia giữ vững tay cò,
Lúc cần, quay nó vào đầu thực dân.
Nay có Đảng Đông Dương Cộng sản,
Đuốc tiền phong soi sáng ta đi.
Năm châu bè bạn thiếu gì,
Nhịp nhàng chỉ ngọn hồng kỳ tiến chung.
Trận này là trận cuối cùng,
Công, nông, binh hãy đùng đùng tiến lên!
Cuộc đời để vậy sao yên,
Quyết giành hạnh phúc, lưu truyền đời sau.
Đứng lên! Anh dũng cùng nhau!

KHUYẾT DANH

*

VẬN ĐỘNG ANH EM BINH LÍNH Ở LÀO

TIỂU DẪN: Phan Công Văn, bút danh là Tuệ Trang, người xã Thượng Đồng, huyện Phong Doanh, nay là xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, công tác trong Ban Xứ ủy Lào, ở Viêng Chăn. Sau ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Tuệ Trang công tác ở báo *Cứu quốc* Trung ương một thời gian, sau đó đã nghỉ hưu.

Bài thơ này đã đăng ở báo *Gương chung* của Đảng, phát hành bí mật tại Lào, năm 1932. Bài này do Chu Hà sưu tầm.

Này hỡi các anh em binh lính!
Cực khổ này đã tỉnh hay chưa?
Hay là vẫn cứ say sưa,
Để quân đế quốc đày bừa trăm khoanh.
Nào là những ngày canh đêm gác,
Nào là bao công tác luôn tay.
Nào là phạt, nào là rầy (mắng),
Nào là đập đánh, đắng cay đủ bề.
Tường cao ngất nặng nề che kín,
Sự học hành nút kín u mê.
Tấm thân lam lũ ê chề,
Mà đồng lương bổng chẳng hề đủ ăn.
Lại những khi chiến tranh đế quốc,
Tụi cường quyền bắt buộc phải đi.
Tấm thân thôi có ra gì!
Xông tên, lướt đạn, thôi thì thiếu đâu.
Cảnh bi thảm rơi đầu, nát thịt,
Đời quân nhân nghĩ thật điêu linh.
Hơn thua chi cũng chết mình,
Còn quân tư bản riêng phần vinh hoa.
Lời hơn thiệt phân qua các bạn,
Nghĩ cho cùng có đáng hay không?
Nghĩ mình cũng kiếp công, nông,
Nỡ nào sấp mặt cam lòng ngựa trâu.

Nay gặp lúc phong trào cách mạng,
Khắp năm châu vô sản đứng lên.
Hỡi ơi! Binh lính anh em!
Trông người rồi phải xét xem lại mình.
Đừng có chịu bất bình thế nữa,
Phá cho rồi cương tỏa mà ra.
Thẳng tay đã sẵn can qua,
Trừ quân đế quốc dễ mà, khó đâu!
Ngoài, có Đảng hô hào tổ chức,
Trong, anh em hợp lực cùng nhau.
Chờ khi cách mạng lên cao,
Trong ngoài ta quyết cùng nhau một lần.
Lực lượng nhóm muôn phần thắng lợi,
Lũ cường quyền bắt buộc phải tan,
Trừ quân đế quốc vua quan,
Phá nền tư bản, đập tan bất bình.

TUỆ TRANG

*

CÁI THÂN LÀM LÍNH KHỔ THAY!

Nhớ chàng làm bức thư tiên,
Mấy lời thiếp dặn chàng nên ghi lòng.
Đôi ta đạo nghĩa vợ chồng,
Vì ai nên nỗi loan phòng vắng tanh.
Em nay rất mực thương anh!
Đêm ngày sáu khắc năm canh thương vì.
Kể từ chàng bước chân đi,
Cái thân làm lính thực thì khổ thay!
Tập tành vất vả suốt ngày,
Lại còn canh gác đọa đầy thân anh.
Lo khi nó hỏi không rành,
Tát tai, đá đít,... nhục hình, anh ơi!
Lương tiền chẳng được mấy mươi,
Nó còn cúp phạt, lấy tươi... còn gì.
Cơm thừa, canh cặn ra chi,

Hôm nay la mát, mai đi tuần phòng.[1]
Bất kỳ mưa gội, nắng nồng,
Hết giờ canh gác có công sai liền.
Nghe kèn mà chậm hay quên,
Nó liền bỏ bóp xà lim giam cầm.
Thế mà cứ phải làm câm,
Một mình tức trộm tủi thầm mà thôi.
Đau lòng thiếp lắm, chàng ơi!
Sao chàng vẫn cứ vui chơi cho đành.
Kể sao xiết nỗi bất bình!
Đắng cay chua xót nỗi tình ai hay.
Chàng ơi, muôn sự vì Tây!
Nó vơ, nó vét, của rày sạch không.
Nó làm cho vợ lìa chồng,
Cho con xa bố khóc trông mãi hoài.
Nó thì xe ngựa lâu đài,
Ăn sung mặc sướng suốt đời vinh thân.
Lại còn cậy thế cậy thần,
Giết người cướp của muôn phần gớm ghê.
Chàng ơi, cực khổ trăm bề!
Cái thân làm lính thật là ngựa trâu.
Sao chàng không tỉnh dậy mau,
Cùng người cày, thợ, hợp nhau thành đoàn.
Thà rằng thịt nát xương tan,
Còn hơn ngồi chịu lầm than thế này.
Thiếp tuy phận gái thơ ngây,
Cũng nguyền gắng sức một tay giúp vào.
Chàng đà sẵn có súng dao,
Quay ngay đầu lại, lo sao không thành.
Phá cho Pháp tặc tan tành,
Diệt đi những lũ hoành hành xưa nay.
Lợi quyền hết thảy về tay,
Vợ chồng ta sẽ có ngày vui chung.
Chàng ơi, nhớ lấy thiếp cùng![2]

KHUYẾT DANH

1. *La mát:* phiên âm tiếng Pháp (la marche), nghĩa là đi hành quân.

2. Bài này sưu tầm được ở Đô Lương.

*
* *

KÊU GỌI BINH LÍNH

Thiếp là phụ nữ nhà nông,
Mấy lời nhắn nhủ cùng chồng ở binh.
Chàng ơi, chàng có thấu tình?
Chàng vì đế quốc ráng mình lập công.
Một là phá hoại công, nông,
Hai là đế quốc tranh hùng với nhau.
Vì chàng lầm lạc bấy lâu,
Để cho giai cấp đớn đau trong lòng.
Chàng cũng giai cấp công, nông.
Cũng người lao khổ trong vòng lầm than.
Loài đế quốc thật dã man,
Lợi dụng binh lính bạo tàn cha anh.
Làm cho cách mạng chưa thành,
Công, nông còn chịu trăm vành hôi tanh.
Rồi còn đế quốc chiến tranh,
Thị trường thế giới tranh giành lẫn nhau.
Kìa xem đại chiến Âu châu,
Các nước xung đột cùng nhau thế nào.
Công, nông chết hại biết bao!
Máu chảy thành suối, xương cao tày ngàn.
Bao năm chinh chiến tồi tàn,
Cũng vì đế quốc túi tham chưa đầy.
Chết thì bạn thợ, dân cày,
Được thì chúng nó cỗ đầy mâm cao.
Cho nên trống đánh mõ rao.
Bắt người cướp của đẩy vào chiến tranh,
Công, nông đói rách tan tành,
Cũng vì đế quốc chiến tranh bạo tàn.
Rừng xương trận trước chưa tan,
Bây giờ nó đã tính toan chiến kỳ.
Tăng gia binh bị gấp nguy,
Quân quan thao diễn thị uy hằng ngày.

Không quân: tạc đạn, tàu bay,
Lục quân: hơi ngạt, súng tay, súng tầm.[1]
Thủy quân: tàu chiến, tàu ngầm,
Thiếu gì lợi khí sát nhân trận này.
Chàng ơi, nguy hiểm có hay?
Đế quốc gieo cái vạ này cho ta.
Chết thì nó đẩy mình ra,
Lợi quyền nó được ngồi nhà hiển vinh.
Đạn bia là cái thân mình,
Xương rơi máu chảy thảm tình quên sao!
Ngày thường sưu nặng thuế cao,
Hễ mà chinh chiến đẩy vào chết thay.
Tập tành, canh gác đêm ngày,
Cái thân đi lính đọa đày đắng cay.
Quản, đội hành hạ già tay,[2]
Pháp luật áp bức hằng ngày trăm khoanh.
Đem thân cho nó sai hành,
Đêm thì nó ngủ, mình canh ngoài đường.
Bắt mình dãi nắng dầm sương,
Để cho nó đủ trăm đường thanh cao.
Tiền lương có được là bao,
Thân chàng chẳng đủ, lẽ nào thiếp đây.
Chẳng qua nó cũng già tay,
Áp bức bạn thợ, dân cày chúng ta.
Cảnh tình đi lính đó mà,
Khuyên chàng nhắn với những nhà ở binh.
Tiện đây xin kể nỗi mình,
Chàng ơi, cảnh tượng gia đình có hay?
Thiếp chàng tình cảm đó tày,
Chàng thì đã vậy, thiếp nay ở nhà.
Một mình con dại mẹ già,
Nợ nần, đói rét, cửa nhà lầm than.
Khổ thay tay xách, nách mang,
Bồng con, dắt mẹ, mong chàng đường xa.

1. *Súng tầm:* súng bắn tầm xa.

2. *Quản, đội:* hai cấp chỉ huy trong quân đội thực dân Pháp ngày trước. *Quản:* tương đương với cấp thượng sĩ; *đội:* tương đương với cấp trung sĩ.

Con thơ thì khóc đòi cha,
Mẹ già lòa lẫn, vào ra hỏi chàng.
Thiếp thời khuya sớm vội vàng,
Thấy con lòng thiếp lại càng xót xa.
Ngày thời cấy mướn đồng xa,
Con thơ khát sữa, mẹ già đói cơm...
Kể ra lắm nỗi thảm thương,
Xiết bao cảnh tượng gia đường xót xa!
Hãy còn giai cấp chúng ta,
Anh em chú bác trẻ già biệt ly.
Cửa nhà xiêu bạt bỏ đi,
Sa vào công xưởng, mỏ chì, cao su.
Thương thay làm thợ, đi phu,
Cảnh tình lại quá lao tù ngục trung.
Cai đánh đập, chủ phạt phùng,
Thiếu gì thủ đoạn cướp công hằng ngày.
Rừng xanh nước độc đọa đày,
Biết bao nhiêu xác vun cây trong rừng.
Một khi sập hố, đổ tường,
Kẻ chết ngạt, người gãy xương thiếu gì!
Đày người vào chốn hiểm nguy,
Miễn là lợi chúng, quản chi hại người.
Việc làm nước mắt mồ hôi,
Kẻ trèo đỉnh núi, người chui dưới lò.
Tiền lương cơm chẳng đủ no,
Việc làm đánh đập hiếp hà dã man.
Người mới đẻ, kẻ có mang,
Trèo hang, chui hố, phũ phàng thai sinh.
Biết là nguy hiểm hại mình,
Giấy tờ trói buộc trăm vành chạy đâu?
Tha hồ bóp cổ chẹn hầu,
Bắt người làm kiếp ngựa trâu đó mà.
Còn người nào ở lại nhà,
Cày thuê, cấy rẽ thiệt là khổ thay!
Đế quốc hết sức già tay,
Địa chủ cướp đất, cò bay thẳng hàng.
Thiếu gì ruộng đất bỏ hoang,
Lúa kia mục nát, kho tàng phí hao.

Rõ ràng miếng thịt trăm dao,
Tha hồ chúng nó khoét đào xương ra,
Nợ vơ vét, thuế kẹp tra,
Vợ chồng con cái trẻ già khóc than.
Trời ôi, thống trị bạo tàn!
Dân nghèo ta phải lầm than nỗi này.
Người đi ở, kẻ ăn mày,
Tấm thân sống đọa thác đày tả tơi.
Bơ vơ chiếu đất màn trời,
Sáng ngồi đình chợ, tối nơi quán cầu.
Áo mo, cơm cám, cháo rau,
Trẻ già đói rét qua cầu thảm thương.
Đứa con ngựa giẫm trên đường,
Người mẹ chết đói, phơi sương đầu đình.
Đó là những bạn phe mình,
Sao mà không nghĩ chút tình, chàng ơi!
Công, nông nước mắt mồ hôi,
Để cho đế quốc ngồi rồi ăn dưng.
Cửa cao, nhà rộng mấy từng,
Ăn thời bồi bếp nấu dâng cao kỳ.
Mỏ thì vàng, bạc, thau, chì,
Cao su, nguyên liệu thiếu gì khoáng than.
Của thừa kho bạc, ngân hàng,
Ô tô, rạp hát đủ đường xa hoa.
. . . . [1]
Nữ trang ngọc thạch, kim cương,
Áo quần len dạ, đệm giường lò xo.
Tàu bay, xe điện, ô tô,
Lâu đài cung các kinh đô rất nhiều.
Thiếu thì đã có dân nghèo,
Già tay bóc lột ăn tiêu tha hồ.
Của đâu đủ ấm đủ no,
Của không máu mủ tha hồ phí hoang.
Đế quốc hết sức tham tàn,
Tẩu cẩu phong kiến lại càng già tay.

---

1. Thiếu hai câu, chúng tôi chưa sưu tầm được.

Theo đòi nịnh hót từng bầy.
Để hòng đế quốc... [1]
Lĩnh phần rượu cặn thịt thừa,
Ngày ngày chui rúc bụi bờ mách tin.
Tụi này được miếng xương quăng,
Ra sức khủng bố nhân dân tồi tàn.
Bởi vì chúng nó dã man,
Công, nông ta hãy kết đoàn đấu tranh.
Biết bao chiến sĩ hy sinh,
Quyết vì giai cấp, gia đình quản bao.
Truyền đơn, diễn thuyết hô hào,
Dựng cờ liềm búa, nêu cao dân quyền,
Trường bãi khóa, chợ bãi phiên.
Nông dân kháng thuế, thợ thuyền bãi công.
Tiền phong lãnh đạo hết lòng,
Liên bang Xô viết ra công tuyên truyền.
Vận động binh lính, thợ thuyền,
Cùng năm châu dựng chính quyền công nông.
Bây giờ hàng ngũ đã xong,
Trận này là trận cuối cùng của ta.
Ầm ầm trống giục kèn loa,
Nông, công đội ngũ tiến ra trận tiền.
Đánh đổ đế quốc cho yên,
Lập nên Xô viết chính quyền khởi cương.
Tịch thu ruộng đất hào cường,
Địa chủ, cố đạo, quan trường ngày nay.
Chia cho binh lính, dân cày,
Nông dân cải thiện, đủ đầy đất đai.
Bao nhiêu xí nghiệp, lâu đài,
Của quân tư bản nước ngoài tịch thu.
Bỏ hết thuế, tha hết tù,
Thủ tiêu khế tự, cấm thu nợ nần. [2]
Đặt luật bảo hiểm công nhân,
Ngày làm tám tiếng theo tuần xứ Nga
Còn quân tư bản nước nhà,

---

1. Thiếu bốn chữ. Bản chép tay lâu ngày bị mờ quá, không đọc được.
2. *Khế tự:* giấy chứng nhận vay mượn, cầm bán đồ cho bọn nhà giàu.

Đánh thuế lũy tiến để mà trừ sau.[1]
Gái trai quyền hạn ngang nhau,
Cơ quan, Chính phủ đều vào tham gia.
Chính phủ Xô viết nước nhà,
Công, nông, binh lính tham gia trận tiền.
Cách mạng phản đế, địa, điền,
Bước đường tư sản dân quyền từ đây.
Còn nhiều kiến thiết sau này,
Nhà thương, trường học dân cày khắp nơi.
Thợ có nhà ăn, nhà chơi,
Có chỗ xem sách, nghỉ ngơi có nhà.
Có nơi phụng dưỡng người già,
Có câu lạc bộ, có nhà dục anh.
Cứ theo kế hoạch tiến hành,
Noi gương xã hội rành rành xứ Nga.

KHUYẾT DANH

*

NÀO KHỐ XANH, KHỐ ĐỎ, CÙNG MỘT GIỐNG DA VÀNG

Trên năm châu đại lục,
Có nước phải có binh.
Không phải một nước mình,
Có quân gia cơ vệ.

Binh cùng dân một thể,[2]
Binh xuất tự dân ra.
Cũng con cháu một nhà,
Cũng ruột thịt màu da,
Không quanh quẩn đâu xa,
Xin anh em nghĩ với,
Binh lính mình nghĩ với.

---

1. *Thuế lũy tiến:* lợi tức càng nhiều, tỷ lệ thuế nộp càng tăng.
2. Ý nói binh lính và nhân dân cũng là người lao động cả.

Nước Nam ta luồn cúi,
Tôi tớ dưới cường quyền.
Đã sáu bảy mươi niên,
Ai thương lũ ngu hèn,
Cứ nhồi dưa rứa mãi,
Cứ ép dầu rứa mãi.

Thuế nặng không chịu nổi,
Phải kiếm chước yêu cầu.
Xin giảm thuế giảm sưu,
Đã có làm chi đâu,
Mà ra tay tàn hại,
Mà nỡ lòng tàn hại.

Năm nay cùng năm ngoái,
Trải mấy cuộc biểu tình.
Nào bắn giết cực hình,
Nào đốt phá tan tành,
Người mình trở hại mình,
Cũng nỏ ai vô đó.

Nào khố xanh khố đỏ,
Cũng một giống da vàng.
Ăn, ăn của Đông Dương,
Ở, ở đất Hồng Bàng.
Bước chân ra ngoài đàng,
Kẻ thì chào bằng bác.
Người gọi chú cũng đông.
Hỏi phải thế hay không?

Gọi rằng binh với nông,
Cũng một tổ một tông,
Cũng một giống một dòng,
Nên thân ái một lòng,
Tiếng anh em không quá.

Nay các trường bãi khóa,
Các xưởng thợ đình công.

Tranh đấu khắp tây, đông,
Binh không lẽ ngồi trông,
Cứ ngồi trưa rứa mãi,
Cứ nằm lỳ rứa mãi.

Kẻ rước voi vốn dại,
Người cõng rắn không khôn. [1]
Cáo quay cổ về cồn,
Cây chụm lại nên non,
Xin anh em phải tính.

Đừng nghe lời nói phỉnh,
Lấy quân mình trị mình,
Lấy lính mình bắn mình,
Chữ "Tần túc Tần binh", [2]
Không mất chi đến hắn.

Cơm một ngày hai bận,
Hỏi thóc lúa ai trồng?
Bạc một tháng mấy đồng,
Sưu thuế mô góp lại?

Quần áo bận bằng vải,
Bông sợi lấy mô ra?
Giày dép đi bằng da,
Trâu bò ai nuôi nấng?
Xin các anh chớ tưởng,
Chớ lấy thế thằng Tây,
Tôn tộc với ai đây? [3]
Nếu không nghĩ lâu dài,
Sau ăn năn răng được,
Sau phàn nàn răng được.

---

1. Chỉ bọn vua quan nhà Nguyễn bán nước rước voi về giày mả tổ, cõng rắn cắn gà nhà.

2. Chữ dùng của Hán Cao Tổ, ý nói lấy lúa nhà Tần, nuôi quân Tần để đánh nhà Tần. Đây nói chính sách "dùng người Việt trị người Việt".

3. *Tôn tộc:* người cùng họ, ý nói: có họ hàng với Tây sao?

Hồi Phấn, Quyên ngày trước,
Cuộc Yên Bái vừa đây, [1]
Lính tỉnh, dân còn say,
Không trách chi thất bại.

Anh em về nghĩ lại,
Để hiệp thế liên đoàn.
Dù xuôi bể ngược ngàn,
Có anh em bảo lĩnh,
Có người mình bảo lĩnh.

Mẹo thằng Tây đã khoảnh, [2]
Khoảnh những cách lừa người.
Lương thưởng một gấp đôi,
Tiền bạc sẵn trong tay,
Cho hý hách tiêu xài,
Xác thịt đã no say,
Súng đã vác vào vai,
Ai thâu đêm suốt ngày,
Ra tốt biên cho họ,
Đứng pháo đầu cho họ? [3]

Cách lừa người đã rõ,
Phát những thứ "mề đay", [4]
Nào lon đội, lon cai,
Bài cửu phẩm đặc dày,
Về làng xã ăn ngồi,
Tranh phần "bái", phần "bồi", [5]
Tranh phần thịt, phần xôi.

---

1. *Phấn, Quyên:* tức đội Phấn và đội Quyên, hai viên đội trong hàng ngũ lính khố đỏ của thực dân, có lòng yêu nước, hoạt động trong phòng trào yêu nước do cụ Phan Bội Châu lãnh đạo. *Cuộc Yên Bái:* chỉ binh lính nổi dậy tham gia cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái năm 1930.

2. *Khoảnh:* chỉ biết mình, không nghĩ đến người khác, ích kỷ.

3. *Tốt biên, pháo đầu:* ý nói làm bia đỡ đạn cho lũ thống trị.

4. *Mề đay:* phiên âm tiếng Pháp (médaille), nghĩa là cái huân chương.

5. *Phần "bái", phần "bồi":* quyền lợi, vị trí của các quan viên trong việc cúng tế ở thôn xóm ngày trước.

Nay dân trí mở khai,
Trâu để chặn ta cày,
Bò để chuồng ta nuôi,
Giọng mánh chén sắp mời.
Cò và cọp giơ môi,
Không mắc mưu nó nữa,
Không mắc lừa nó nữa.

Việc đã làm chẳng sợ,
Dạ đã quyết thì xong,
Người ta, ta yêu cùng,
Công ta, ta làm chung,
Cơm ta ăn vừa lòng,
Áo ta mặc vừa dùng,
Lúa ta cấy ngoài đồng,
Cá ta đánh dưới sông,
Hỡi! Việt Nam mênh mông,
Mặc sức ta vẫy vùng,
Sóng đã dậy biển Đông,
Đố ai ngăn lại được,
Ngăn phong trào lại được.
Hẳn trong lòng các bác,
Chỉ nghĩ như thế này:
"Người xe điện tàu bay,
Ta những mõ và còi.
Người trái phá, súng xay (liên thanh),
Ta những búa với rìu".
Người đã có thế rồi,
Ta lại có thế hay.
Quân ta đã liền bầy,
Đàn ta đã liền dây,
Súng ai cầm mà xay?
Tàu ai cưỡi mà bay?
Bom ai thả mà rơi?
Tây lại trời với Tây,
Giữ được trong, mất ngoài,
Cửa chuyên chế phải cài,

Nền tư bản sập rồi.
Cờ bốn phương cắm rồi,
Còi năm xứ ngậm rồi,
Rúc một nhịp đều hơi,
Vỗ một nhịp đều tay,
Chúc vô cương vạn vạn,
Chúc đại đồng vạn vạn.

Ai là người vô sản,
Ở trong cõi Đông Dương,
Xin ngồi nghĩ lại cho tường.

KHUYẾT DANH

*

BÀI VÈ CHỐNG LẠI BÀI VÈ CỦA TUẦN TRÁC

TIỂU DẪN: Cuối năm 1930, phong trào cách mạng ở tỉnh Quảng Nghĩa lên mạnh. Thực dân Pháp và phong kiến Nam triều ra sức khủng bố đàn áp nhân dân. Từ tỉnh đến huyện, tổng, xã, chúng đều tăng cường bộ máy đàn áp. Mỗi xã có chánh xã đoàn và phó xã đoàn chỉ huy "Đoàn phu đoàn thập". Đó là một tổ chức dân vệ gồm những nông dân từ 18 đến 45 tuổi. Nhiệm vụ "Đoàn phu đoàn thập" là canh gác, xét giấy, ban đêm thì cầm gậy đi tuần khắp làng. Tên Tuần vũ Quảng Nghĩa Nguyễn Bá Trác đặt ra một bài vè chống cộng sản, bắt "Đoàn phu đoàn thập" hát khi đi tuần. Bài của tên Tuần vũ đưa ra, lập tức Tỉnh ủy Quảng Nghĩa liền cho làm một bài vè chống lại. Lúc xã đoàn bảo hát bài vè của Nguyễn Bá Trác thì "Đoàn phu đoàn thập" lại hát bài của ta; vài ba người đi trước hát nho nhỏ bài vè của Trác để xã đoàn đủ nghe, còn số đông đi sau hát bài của ta. Tên Trác biết việc này, lập tức rút ngay bài vè và cấm hát cả hai bài.

Kìa, kìa quân tư bản,
Bóc lột dân ta,
Gọi ta làm loạn.
Xưa không bảo hộ,
Cũng được bình yên.
Chúng nó đảo điên,
Làm cho dân cực.

Giả giọng nhân đức,
Phỉnh dân ta theo,
Ỷ thế làm liều,
Làm dân ta khổ.

Thù thay chúng nó,
Là lũ bất nhân!
Quan thì hại dân,
Tây thì cướp nước.
Lại bày mưu chước,
Hiểu nói cho xuôi.
Cách mạng lên rồi,
Bay đừng trốn mất. [1]

*
* *

Khắp trên trái đất,
Há phải một mình.
Quyết chí biểu tình,
Đồng tâm cộng sản.
Chưa dùng súng đạn,
Há phải tay không.
Họp lại cho đông,

---

1. Có người nhớ là:
Thù thay chúng nó,
Là lũ bất nhân
Giết hại nhân dân,
Phá làng, phá nước.
Bày mưu bày chước
Nói ngược nói xuôi.
Cách mạng lên rồi,
Chui đầu trốn mất.

Mỗi làng một ít.[1]
Anh em cố kết,
Cứ gióng trống lên.[2]
Xóm dưới làng trên,
Đồng lòng, hợp sức.
Đừng sợ nó bắt,
Đừng sợ nó tìm.
Kỷ luật ta nghiêm,
Anh em cứ vững.
Hô đứng thì đứng,
Hô đi thì đi.
Đoàn trưởng chỉ huy.
Anh em cứ tới!
Là tới, tới, tới!

Việc làm có Đảng,
Tổ chức thành đoàn.
Chúng nó làm ngang,
Ra tay cứu giải.
Ai mà dãi đãi,[3]
Thì phải trị trừng.
Thế giới văn minh,
Cộng sản vạn tuế.

NHIỀU TÁC GIẢ
1930

*

1. Có người nhớ là:
Bay đừng trốn mất.
Cửa nhà ruộng đất,
Xứ sở của mình.
Quyết chí biểu tình,
Thành công cộng sản.
Chúng có súng đạn,
Chúng ta tay không.
Chúng ta thì đông,
Chúng nó thì ít.
2. Có người nhớ là:
Đoàn kết, đoàn kết,
Ta hãy đứng lên!
3. *Dãi đãi:* lơ là với nhiệm vụ.

BÀI VÈ GIẢI THÍCH CHO "ĐOÀN PHU ĐOÀN THẬP"

TIỂU DẪN: Vào cuối năm 1930, bọn thống trị ra sức tổ chức "Đoàn phu đoàn thập" ở các thôn xã để chuyên canh gác và vây bắt những đảng viên cộng sản. Tỉnh ủy Quảng Nghĩa cho đặt ra bài vè này để giải thích cho "Đoàn phu đoàn thập", giác ngộ anh em đó đi theo cách mạng chống lại đế quốc và phong kiến.

Anh em, anh em,
Ta nên suy nghĩ!
Mưu thần chước quỷ,
Của lũ quan trường.
Lập kế tìm phương,
Gây ra họa hại.

Tưởng dân ta dại,
Bày đặt đoàn binh.
Thảo luận chương trình,
Đoàn phu, đoàn kiết.
Anh em nên biết,
Việc ấy rất nguy.
Há dễ ngu si,
Ra đi canh giữ.

Anh em nghĩ thử,
Lao khổ xiết bao!
Thuế nặng, sưu cao,
Trăm đường khó nghĩ.
Vợ con thăn thỉ (năn nỉ),
Nhà ngả vách xiêu.
Cơm không đầy niêu,
Áo không đủ mặc.
Ốm đau đói rét,
Ruột thắt còm lưng.
Ăn rau cầm chừng,

Muối trườm đỡ dạ.[1]
Đứng thì muốn ngã,
Đi thì muốn nhào.
Đau khổ làm sao,
Cảnh tình như thế!
Mọi đường sinh kế,
Biết dựa vào đâu.
Bắt ngồi vọng lâu,[2]
Đêm ngày gác mãi.
Ta không chống lại,
Thật uất lòng ta,
Canh cho ông cha,
Gia tài chi đó?
Giữ cho chúng nó,
Ngồi vững được an.
Ăn cho thật sang,
Mặc cho thật sướng.
Ai mà dung dưỡng,
Những lũ ăn không.
Ngóng cổ ngồi trông,
Chực mồi đem tới.

Nô lệ phải cởi,
Ách mấy mươi đời.
Khắp cả mọi nơi,
Biểu tình vang động.
Nó còn nói không,
Bịt mắt bưng tai.
Thiệt quân độc tài,
Thiệt loài tàn ngược!
Bày ra mưu chước,
Bắt bớ dã man.
Còn dám cả gan,
Đem lời hiểu dụ.

---

1. *Muối trườm:* muối mặn.
2. *Vọng lâu:* chòi cao để gác.

Anh em đông đủ,
Suy nghĩ bài này.
Thế giới từ đây,
Chúng ta phải biết:
Kìa Nga Xô viết,
Cách mạng thành công.
Giai cấp công nông,
Cầm quyền trị nước.
Rộng ra các nước,
Tất cả đâu đâu.
Vô sản năm châu,
Đồng thanh cộng sản.
Nay ta có Đảng,
Cộng sản Đông Dương.
Là đuốc soi đường,
Dẫn ta tranh đấu.
Thù sâu một mối,
Chẳng đội trời chung.
Anh em ta cùng,
Bắt tay đứng dậy.
Phen này quyết lấy,
Máu đỏ nhuộm cờ,
Xương chất lên bờ,
Thây chồng thành lũy.

Phá cho tiêu hủy,
Chế độ vua quan.
Đánh cho tiêu tan,
Những phường đế quốc.
Làm cho cả nước,
Độc lập, tự do.
Áo ấm cơm no,
Mới là hạnh phúc.

KHUYẾT DANH

Phần hai

CAO TRÀO CÁCH MẠNG XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở CÁC NƠI KHÁC

NGÀY 1 THÁNG 9 Ở THANH CHƯƠNG

TIỂU DẪN: Trong phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, Thanh Chương là huyện dẫn đầu. Nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng đã nổ ra ở đây. Ngày 1–5–1930, trong khi công nhân Bến Thủy đi biểu tình rầm rập giữa thành phố Vinh, nông dân mấy xã Hạnh Lâm, Cao Điền, La Mạc, Cát Ngạn, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, đã kéo đến phá đồn điền Ký Viễn, một tên tư sản mại bản kiêm địa chủ. Ngày 1–6–1930, ba ngàn nông dân lại kéo lên huyện, tên Tri huyện Phan Thanh Kỷ phải mặc áo thụng xanh ra đón đoàn tại chợ Rộ và nhận các yêu sách. Ngày 1–9–1930, hai vạn nông dân Thanh Chương đã đốt huyện đường, thả chính trị phạm, tên tri huyện Phan Sĩ Bàng phải bỏ huyện ly chạy trốn.

Trong không khí sục sôi cách mạng, tiếng trống thôi thúc đấu tranh ầm ầm vang động xóm làng, Nguyễn Trọng Đông đã sáng tác bài thơ này. Tác giả người xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, tham gia hoạt động ngay từ năm 1930, đã mất năm 1967.

Cộng sản ba mươi trống nổ trời,
Thanh Chương đứng dậy cả muôn người.
Lên đồn Ký Viễn tung tan nát,
Xuống huyện Thanh Chương trúc đổ nhồi (nhào).
Phong kiến mặt xanh lo hết kiếp,
Thực dân mũi lõ sợ toi đời.
Phong trào tranh đấu lên cao mãi,
Cộng sản ba mươi trống nổ trời.

NGUYỄN TRỌNG ĐÔNG
1930

NGÀY 12 THÁNG 9 Ở HƯNG NGUYÊN

TIỂU DẪN: Cuộc biểu tình ngày 12 tháng 9 ở Hưng Nguyên nổ ra giữa lúc phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh đang lên. Bọn đế quốc đàn áp rất dã man, một mặt chúng đưa nhiều xe cam nhông chở lính đến ngăn chặn, bắt bớ, bắn giết; mặt khác, chúng cho tàu bay thả bom vào đoàn biểu tình. 214 người chết và nhiều người bị thương. Trước sự khủng bố trắng, quần chúng vẫn dũng cảm tiến bước đấu tranh.

Trong lúc bị giam ở lao Kông Tum, nhân dịp kỷ niệm một năm ngày 12 tháng 9, ngày thực dân pháp đàn áp đẫm máu cuộc biểu tình ở Hưng Nguyên, Trần Lê Hương làm bài thơ này.

Xách búa liềm ra hỏi lợi quyền,
Quyết thay cuộc đấu ở Hưng Nguyên.
Đầu rơi ba loạt không lùi bước, [1]
Máu chảy hai lần vẫn tiến lên. [2]
Chết giữa đạn bom lòng chẳng nát,
Sống qua khói lửa chí thêm bền.
Mười hai, tháng Chín, Ba mươi ấy,
Xô viết muôn năm sử chép truyền.

TRẦN LÊ HƯƠNG
1931

*

HỠI HỠI ANH EM, BƯỚC TỚI NÀO!

TIỂU DẪN: Bài này ra đời trong cao trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930–1931), do bác Viện, người ở Vinh, đọc cho ghi. Bác Viện cho biết: khi bị giam ở lao Vinh, bài này được nhiều người thuộc, không rõ tác giả là ai.

I

Thế giới bao phen nhuộm máu đào,
Con đường tranh đấu bước càng cao.
Ngọn cờ vô sản năm châu dậy,
Tiếng trống nông dân bốn bể xao. [3]
Cơ sở đế quyền tan nát sạch,
Lâu đài phong kiến đổ lăn nhào.
Cuối cùng một trận xoay trời đất,
Hỡi hỡi anh em, bước tới nào!

---

1. Câu này ý nói, năm tàu bay của Pháp thả ba đợt bom xuống đoàn biểu tình, nhiều người chết nhưng đoàn người vẫn cứ tiến bước.

2. Câu này chỉ rõ việc địch ném bom hai lần, một lần buổi sáng lúc nhân dân đang biểu tình và một lần buổi chiều lúc đồng bào nhặt xác, chôn cất những người bị địch giết hại.

3. *Bốn bể xao:* bốn bể xao động, vang dậy.

II

Mau mau hưởng ứng với phong trào,
Sợ gì súng đạn lẫn gươm đao.
Phơi gan quét sạch quân tàn bạo,
Đổ máu làm tan một lũ giàu.
Gây cuộc thái bình cho bốn giống,
Xây nền bình đẳng khắp năm châu.
Đại đồng thế giới bao xa nữa,
Hỡi hỡi anh em, bước tới nào!

KHUYẾT DANH

*

CÂY ĐA XÔ VIẾT

TIỂU DẪN: Ở Đan Phố (Hà Tĩnh) có một cây đa được đồng bào đặt tên là "Cây đa Xô viết". Nguyên do như sau: trong phong trào Xô viết năm 1930 – 1931, Đan Phố là một trong những làng đỏ, nhân dân đấu tranh dũng cảm. Khi phong trào bị vỡ, đế quốc phát hiện thấy nhiều cán bộ cộng sản là người quê ở Đan Phố. Thế là Đan Phố nằm trong danh sách những làng bị triệt hạ. Tên tri huyện Nguyễn Khảng tung lính về Đan Phố bắt dân làng chặt trụi cả cây cối. Cam bị đào bật gốc, tre bị chặt sát mặt đất, cây ổi mới nhú lên cũng bị nhổ. Cây đa sống hàng trăm năm chúng cũng chẳng từ. Nhưng khi bọn lính đến chặt cây đa, không ai bảo ai, đồng bào đã kéo đến phản đối chúng, tên phái viên của tỉnh nhượng bộ. Nhưng để giữ thể diện, hắn hạ lệnh: "Tha tội "tru lục" cho cây lão thọ, song phải róc hết lá và chặt cành con". Thế là cả làng chỉ còn một cây đa sống sót. Và từ đó, nhiều thơ phú đã ra đời xung quanh đề tài "cây đa" và được lưu hành bằng miệng.

Vì ai cây cối chặt tan hoang,
Sót một mình em đứng giữa làng.
Qua bọn lý hào lên mặt ghét,
Biết cho dân xã sẵn lòng thương.
Ngoài lăng ngó xuống thương thân "rõi",
Trước cửa nhìn sang tủi phận "bàng".
Ai đó vì em nên gắng mãi,
Vì ai cây cối chặt tan hoang.

KHUYẾT DANH

*

CHÍ CẢ SÓNG TRÀO

TIỂU DẪN: Bọn đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều đàn áp rất dã man phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh. Không ít người đâm ra hoang mang, dao động hoặc bi quan. Bài này làm ra nhằm củng cố lòng tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Sóng cách mạng, Xô viết Nghệ An,
Tạm thời vùi dập dưới hung tàn.
Công, nông thống khổ khôn sao xiết!
Đất nước âm u thật xốn xang.
Một lũ cầu vinh cam khuất phục,
Cả đàn bán nước kéo nhau hàng.
Giống dòng Hồng Lạc bay quên hẳn,
Bĩ cực thái lai, bay chớ than [1]!

*
* *

Chiến sĩ sa cơ cảnh rối bời,
Người vào khám lớn, kẻ ra khơi.
Hỏa lò tạm nghỉ xem ưu khuyết,
Côn Đảo dừng chân ngẫm việc đời.
Đồng chí bên ngoài gây dựng lại,
Nhân dân trong nước đứng lên thôi.
Chí cả non sông không để nhụt,
Mùa xuân rực rỡ vẽ nên lời.

*
* *

Cơ sở Đảng như than dưới tro,
Sưởi ấm lòng dân lúc mịt mù...
Quần chúng hờn căm quân mọt nước,
Nhân dân oán ghét lũ côn đồ.

---

1. *Bĩ cực thái lai:* ý nói qua cơn cực khổ thì ngày vui sướng sẽ đến.

Trường Sơn hùng vĩ nuôi tâm chí,
Sông rộng mênh mông chứa hận thù.
Tro nóng trên than, than sẽ đỏ,
Hồn thiêng trỗi dậy, sóng trào to.

KHYẾT DANH

*

EM ƠI NGHE LẤY LỜI ANH!

TIỂU DẪN: Chị Thảo bị bắt vì bị tình nghi là cộng sản. Để mua chuộc chị, mỗi buổi sáng, tên lính gác thường mua xôi cho chị ăn. Thấy vậy, đồng chí Phan Nhật Uy, đang bị giam ở phòng bên, làm bài thơ trên đây gửi sang để khuyên chị Thảo phải cảnh giác. Tác giả người quê ở Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, bị bắt năm 1928, năm 1930 lại bị bắt. Đồng chí đã chết năm 1945.

Thằng lính Pháp cho xôi chị Thảo, [1]
Ông Uy hay, liền bảo lia đi.
Này em ơi: "Cũng gái tình nghi,
Dẫu ngon ngọt xá gì đồ dị chủng. [2]
Em không biết những tuồng vô dụng,
Thấy miếng ăn là sinh bụng sài lang.
Đem giang sơn cầm cố hết mọi đường,
Nông nỗi ấy ta đang tìm phương đòi lại.
Em không biết ở đời khảng khái,
Di, Tề [3] kia còn mãi tiếng thanh (thơm).
Em ơi nghe lấy lời anh!"

PHAN NHẬT UY

1. Tức Nguyễn Thị Thảo, người xã Cẩm Trường, huyện Nghi Lộc, Nghệ An.
2. *Dị chủng:* chủng tộc khác.
3. *Di, Tề:* tức Bá Di, Thúc Tề, bầy tôi nhà Thương. Nhà Thương đổ, nhà Chu lên. Bá Di, Thúc Tề lên núi Thú Dương ở ẩn, hái rau ăn, không dụng đến lúa của nhà Chu.

KÊU THẦN CÔNG LÝ

TIỂU DẪN: Võ Thị Ngọ, người làng Phù Minh, xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, cháu cụ Võ Liêm Sơn. Năm 1930, hoạt động cách mạng, chị bị bắt, bị tra tấn, chị không khai. Tên Công sứ tán tỉnh, dụ dỗ chị. Chị chống lại. Trước khi đưa chị trở về nhà lao, tên Công sứ nói với chị: "Ne faites pas savoir aux autres ce que je vous ai dit" (Đừng nói cho ai biết những gì tao đã nói với mày). Về nhà lao, chị viết lại những gì tên Công sứ gạ gẫm, những gì chị trả lời rồi gửi ra cho các đồng chí ở ngoài. Đảng bộ địa phương căn cứ vào thư của chị, viết truyền đơn vạch mặt tên Công sứ. Vì việc đó, chị bị tăng án từ ba năm tù lên phát vãng chung thân, mãi sau mới được giảm.

Tôi là con gái,
Mười bảy xuân xanh.
Bị bắt vì hiềm, [1]
Giam cùm mấy tháng.

Trải qua tra tấn,
Tôi chẳng tội gì.
Xét mãi hồ sơ,
Tòa đà tuyên án:
Ba năm án quản,
Một năm án treo.

Gặp sứ Gơreo, [2]
Tính nó chỉ mèo. [3]
Mỗi ngày gọi đến,
Hỏi han chỉ chuyện,
Chính trị pha tình.

Tôi nghĩ thân mình,
Thác trong sống đục.
Tôi văng vào mặt,
Thằng quỷ sứ dê.
Nó sợ ngoài nghe,

---

1. *Hiềm:* tình nghi cộng sản.
2. Gơreo: phiên âm tiếng Pháp (La Grèze).
3. *Mèo:* gái.

Bịt mồm tôi lại.
Gọi lính vào giải
Tôi về để lao.
Mắt tôi đỏ ngầu,
Căm tức khôn xiết!

Về lao tôi viết,
Lời sứ hỏi tôi,
Lời tôi trả lời,
Gửi ra đồng chí.

Hôm sau thành phố,
Có vụ truyền đơn.
Chửi thằng sứ dâm,
Bị tù nhiếc mắng.

Sứ bèn tức giận,
Chạy sang Nam tòa.[1]
Đưa tập án ra,
Xé toang nhiều mảnh.

Rồi sứ ra lệnh:
"Nó chính cách mệnh,
Làm nhẹ quá ri.
Phải làm lại đi,
Chung thân mới đúng".

Ba cụ lúng túng,[2]
Chửi vụ truyền đơn.
Lại chuyện rối thêm,
Việc con Thị Ngọ.
Thế tập án bỏ,
Không hiểu thế nào.
Cách hai tháng sau,
Đem tôi phát vãng.

VÕ THỊ NGỌ
1930

1. *Nam tòa:* tòa án của triều đình nhà Nguyễn.
2. *Ba cụ:* tuần phủ, án sát, bố chính, đấy là ba quan đầu tỉnh của phong kiến Nam triều..

NGHE CHI LỜI QUAN LẠI...

TIỂU DẪN: Có một tên tri huyện về xã Thanh Thủy, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, bắt dân sắp hàng nghe nó hiểu thị. Nó dùng lời lẽ khi thì lừa phỉnh, khi thì dọa nạt. Các chiến sĩ cách mạng đã sáng tác bài hát giặm này vạch trần luận điệu giả dối, mua chuộc của nó và kêu gọi quần chúng cách mạng tiếp tục đấu tranh dưới lá cờ của Đảng.

Kể cái năm cộng sản,
Dân Nghệ Tĩnh không vừa.
Bọn quan lính đến lùa (bắt),
Dân biểu tình diễn thuyết.

Có đi ra mới biết,
Quân bán nước khinh ta.
Ngồi giữ lấy một tòa,
Đồ đỉnh chung không thiếu,
Miếng ngon lành không thiếu.
Dân ta nào có chịu,
Dòng con Lạc cháu Hồng.
Quyết dựng lại non sông,
Rạng danh trên thế giới.

Bao tháng trời phấn khởi,
Cờ liềm búa nêu cao.
Trống mõ đánh xôn xao,
Bọn Nam triều bạt vía,
Quân Tây đồn mất vía.

Tưởng đã xoay thời thế,
Ngờ đâu lũ hung tàn.
Chúng đàn áp dã man,
Rồi đưa quan hiểu thị.

Quan đứng lên bệ vệ,
Dân sắp dưới hai hàng:

"Phải cái buổi Tây sang,
Ai có mời chi nó,
Mời làm chi bọn nó.[1]

Quan chộ dân bay đó,
Quan nghĩ lại cũng thương.
Sợ Nam Bắc đôi đường,
Chưa đồng nhau một bụng,
Chưa đồng lòng một bụng.

Sinh bay ra quần chúng,
Chờ cơ tạo xoay vần.
Phải lo lắng ăn mần,
Trời cho ta cũng dễ.

Nghĩ đến tình cha mẹ,
Phải đơm cúng cho đầy.
Tớ phải vịn lấy thầy,
Các chùa đền tu bổ.[2]

Tàu bay cao đà chộ (thấy),
Xe chạy mãi chưa cùng,[3]
Quân nhà nước đang đông,
Sao mà ta không hãi?"

Nghĩ đường xa, lẽ ngái,
Gánh không lại, nó van.
Câu tục ngữ "miệng quan",
Tin làm sao cho đặng.
Nghe làm sao cho đặng.

Chịu trong vòng cay đắng,
Đã biết mấy năm rồi.
Chữ độc lập ai ơi!

---

1. Đây là luận điệu giả dối.
2. Đây là luận điệu mua chuộc.
3. *Chạy mãi chưa cùng:* ý nói rất nhiều. Đây là giọng dọa nạt.

Chữ cơm áo ai ơi!
Biết mấy người biệt vãng [1]!

Đã cùng năm cùng tháng,
Đợi cả buổi cả ngày.
Rượu càng uống càng say,
Phải ngẫm lấy điều hay,
Nghe chi lời thằng sướng (sung sướng).

Bắt lấy người được thưởng,
Bát, cửu phẩm, bội tinh.
Nghĩ non nước nhà mình,
Cũng cái phận trời sinh,
Hay gì quân phản bội.

Đặt chức cai, chức đội,
Đặt bang tá giữ dân,
Đặt lý trưởng "cầm cân",
Đặt chánh đoàn canh điếm.

Người tài tình nào hiếm,
Chịu nhục nhã nhiều vòng.
Những đánh đập cùm gông,
Trong dạ cứ bâng khuâng,
Nhủ vẻ vui chi được,
Nhủ thanh nhàn sao được.

Bà nữ Trưng khi trước,
Đức Lê Lợi ngày xưa,
Ông Nguyễn Huệ không xa,
Ra đánh giặc giữ nhà,
Chữ vàng đó còn tô,
Giừ (giờ) thù này chưa rửa.

Trông nước mình cho khá,
Người vô sản cho đông.
Tất cả cứ đồng lòng,

---

1. Câu này ý nói bao nhiêu người đấu tranh cho độc lập, cơm áo đã bị tù đày.

Mặc sức ta quyền tạm,
Mặc sức mình quyền tạm. [1]

Ghét những thằng mật thám,
Vì ham bạc thích tiền.
Điều hay dở báo liền,
Tụi quan lại đảo điên,
Nói những điều quàng xiên,
Đi hiểu thị huyên thiên,
Coi thân mình đã rẻ.

Đến cửa trên thoa vẽ,
Từng chén rượu con bò.
Trời cao, trời ở mô?
Sinh những anh ra rứa?
Đẻ những thằng ra rứa?

Cơm ngày ăn ba bữa,
Lo chuyện nớ mà thôi.
Dân công, nông ta ơi!
Hãi chi mà không trị.

Về nằm đêm suy nghĩ,
Nghĩ non nước nhà ta.
Của chở về Lăngsa (Pháp).
Lấy một năm biết mấy!
Lấy của mình biết mấy!

Nghe chi lời quan lại,
Cúi mặt làm tay sai.
Cũng đồng lòng với Tây,
Chuyện hại giống hại nòi,
Thật rành rành ra đấy.

Truyền mỗi người mỗi gậy,
Nghe trống đánh đầu đình.

1. *Quyền tạm:* ta quản lý lấy nước ta.

Nắm chặt tay biểu tình,
Dầu thác đi cũng vậy.

Ta cứ cầm vững gậy,
Cứ mệnh lệnh cấp trên,
Cứ giữ bụng cho bền,
Chống Tây vô không hãi,
Chống lính về không hãi.

Lợi quyền ta đòi lại,
Ruộng đất sẽ về ta,
Dân có nước, có nhà,
Việt Nam độc lập, âu ca thái bình.

KHUYẾT DANH

*

CHỚ NÊN TỰ ĐỘNG

TIỂU DẪN: Trong cao trào cách mạng Xô viết Nghệ – Tĩnh, nhiều địa phương tự động đấu tranh, đánh địch. Có một lần, ở gần đồn Thanh Quả, huyện Thanh Chương, không rõ vì nguyên nhân gì, cả một làng nổi trống, nổi mõ, ầm ầm kéo nhau lên đồn. Bọn lính trong đồn tưởng quần chúng và xích vệ đội bao vây đánh đồn, liền nổ súng bắn và cho người lên kêu lính ở trên về cứu viện. Thế là xảy ra cuộc đánh nhau, quần chúng cách mạng chết trăm người.

Để giáo dục quần chúng không được manh động, phải biết chờ thời cơ, chờ mệnh lệnh của tổ chức Đảng, Ban Tuyên truyền Tỉnh ủy Nghệ An đã làm bài thơ này khẳng định thắng lợi to lớn của phong trào và uốn nắn những lệch lạc của quần chúng. Chỉ thị của Đảng bằng thơ truyền đến cơ sở ở thời kỳ này thật thích hợp, vừa dễ thuộc, vừa dễ phổ biến.

Hỡi anh chị em!
Hãy thong dong nghe lấy điều này:
Anh chị em ta cách mệnh bấy nay,
Phong trào Đảng Cộng mỗi ngày mỗi to.
Nơi đốt huyện, nơi lo phá ngục,
Nơi biểu tình, nơi đọc diễn văn.
Ầm ầm dậy khắp nhân dân,

Quân Tây mất vía, chó săn hoảng hồn.
Tiếng tăm đã vang đồn Vạn quốc,
Người Việt Nam thẳng bước tranh hùng.
Bom kêu súng nổ đùng đùng,
Đầu rơi máu chảy mà lòng chẳng kinh.
Bụng hăng hái nhiệt thành rất mực,
Chí hy sinh cương quyết ai đương.
Nghìn năm một cuộc vẻ vang,
Bóng cờ Đảng Cộng vinh quang đời đời.
Anh với chị, ai ơi nghĩ lại!
Vui vẻ thay mà lại lo thay!
Lo vì nông nỗi bấy chầy,
Bởi lòng quá vội nên gẩy (gây) biến to.
Ta thử xét lý do vài chuyện,
Việc tử thương bên huyện Thanh Chương.
Vì ta quá vội quá vàng,
Rồi ra bỡ ngỡ bàng hoàng mà nguy.
Đầu chưa rõ, đuôi chi chưa hiểu,
Đã gọi nhau kéo kéo nhau đi.
Mắc lầm mang cực tức thì,
Sa cơ nên nỗi thiệt nguy trăm người. [1]
Nay chưa phải cái thời bạo động,
Phải tính toan cho đúng thời cơ.
Chưa có lệnh, ta cứ chờ,
Ngấm ngầm trang bị đến giờ ra tay.
Lại xét đến chuyện này cũng dở,
Tổng Phù Long giết đứa lính tuần.
Ích gì giết đứa tiểu nhân,
Hai làng bị hại muôn phần thảm thương.
Nay chưa phải cái trường chinh chiến,
Phải tính sao lợi tiện mọi đường.
Chớ nên tự động làm càn,
Khó khăn cho Đảng, phá tan phong trào.

BAN TUYÊN TRUYỀN TỈNH ỦY NGHỆ AN

---

1. Chỉ việc xảy ra ở đồn Thanh Qua thuộc huyện Thanh Chương.

TRẢ THÙ CHO ĐỒNG BÀO BỊ TÀN SÁT Ở HƯNG NGUYÊN

Chốn đất Việt ùn ùn khí uất,
Cõi Hồng Lam hóa đất thảm sầu!
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
Sông đầy máu chảy, non cao thịt chồng.
Nỗi thảm khốc bút không tả xiết!
Thảm nhất là cuộc chết Hưng Nguyên.
Mấy ngàn dân hạt Nghệ An,
Vì sưu thuế nặng nổi lên biểu tình.
Quân đế quốc trăm vành ác nghiệt,
Mặt hung tàn bắn giết sinh linh.
Gieo bom thả đạn đã đành,
Nhằm dân súng nổ liên thanh mấy giờ.
Xương lẫn thịt lẩy đường la liệt,
Máu cùng thây nghin nghít như mây.
Đầu rơi, bỏ xác, phơi thây,
Ai người còn sống đắng cay gấp mười.
Chồng mất vợ gượng cười thơ thẩn,
Con vong cha chịu phận mồ côi.
Trông tình cảnh, luống ngậm ngùi,
Hai hàng châu lệ sụt sùi chứa chan.
Quân đế quốc đa đoan lắm nỗi!
Dân Hưng Nguyên có tội tình chi?
Anh em khắp cả ba kỳ,
Ai người yêu nước ta thì tính sao?
Đường sinh lộ cùng nhau tiến bước,
Cách độ tồn tính chước mau mau.[1]
Cùng anh em cả năm châu,
Đứng lên giết sạch lũ thù không tha!

KHUYẾT DANH

1. *Độ tồn:* cứu sự sống, tồn tại.

HƯỞNG ỨNG PHONG TRÀO XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH

TIỂU DẪN: Phong trào cách mạng ở Nghệ – Tĩnh nêu cao "gương đòi quyền" cho các tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của nhiều Đảng bộ địa phương, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra để hưởng ứng, phối hợp với công, nông Nghệ – Tĩnh. Song, chỉ có phong trào ở Quảng Nghĩa là rầm rộ hơn cả.

Bài thơ kêu gọi của Trần Toại dưới đây phản ánh được một phần nào khí thế chiến đấu của Quảng Nghĩa hưởng ứng với Nghệ – Tĩnh ở thời kỳ đó.

Hỡi anh chị em cả nước!
Phải mau chân tới trước,
Đoàn kết lại cùng nhau,
Mà đòi lại lợi quyền cho hẳn được.
Ngồi nghĩ lại mấy mươi năm về trước,
Bảo hộ đâu, mà dân ta được an cư?
Từ khi Pháp quốc thừa hư, [1]
Kế tàm thực mỗi ngày thêm dữ dội. [2]
Nạn cơ hàn dân ta đà trôi nổi,
Việc thuế sưu, đủ lối tăng gia.
Mượn tay quan lại nước ta,
Để bóc lột cho xương mòn, da mỏng.
Có những kẻ đau lòng căm tức,
Đem thân ra mà bênh vực cho dân.
Thì cường quyền, nó gây sự bất nhân,
Tàn sát biết bao người nghĩa sĩ!
Nó không có tí gì đạo lý,
Đã giết người, cướp của, còn chưa phỉ ước ao.
Liệt cường lúc khởi binh đao, [3]
Nó bắt đi lính làm hàng rào cho nó.
Nó đãi mình như trâu, như chó,
Mình sợ gì chúng nó mà làm thinh.

---

1. *Thừa hư:* nhân lúc ta sơ hở.

2. *Kế tàm thực:* kế lấn dần như tằm ăn lá dâu.

3. *Liệt cường lúc khởi binh đao:* đây chỉ cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918).

Cả kêu nông với công, binh,
Anh em đứng dậy mà bênh nhau cùng.

*

* *

Kìa Nghệ Tĩnh đùng đùng tranh đấu,
Gương đòi quyền rọi thấu Bắc Nam.
Muốn cho bẻ khóa, phá dàm, [1]
Dẩu hiểm trở, cũng cam liều với chúng.
Quyết đoàn kết, một lòng hùng dũng,
Quyết ra tay phấn đấu đòi quyền,
Biểu tình mở cuộc liên miên.

TRẦN TOẠI
Quảng Nghĩa, 1931

*

CUỘC BIỂU TÌNH ĐẦU TIÊN Ở QUẢNG NGHĨA

TIỂU DẪN: Để hưởng ứng với phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, ngày 16 tháng 8 âm lịch (tức 8–10–1930), Đảng bộ Quảng Nghĩa đã tổ chức một cuộc biểu tình lớn có 3000 người tham gia, từ các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, kéo lên huyện lỵ Đức Phổ, xông vào chiếm huyện đường, phá nhà tù, đốt sổ sách rồi giải tán. Cuộc biểu tình được chuẩn bị chu đáo về mọi mặt vật chất, tinh thần. Trước khi đi đấu tranh, có diễn thuyết động viên tư tưởng. Trong khi đi, có hô khẩu hiệu, hát bài ca cách mạng, có các đội tự vệ, đội phòng gian, phòng triệt (chặn lính Tây cứu viện). Kỷ luật rất nghiêm, khi phá huyện đường, tráp bạc "tung ra nhưng không mất một đồng".

Mười sáu tháng Tám,
Đêm thu trăng sáng,
Lúc canh hai đã thấy thoáng đông người.
Đến Gò Đa Tân Hội [2]
Giục tiếng trống đầu tiên dữ dội,

---

1. *Phá dàm:* phá bỏ ách áp bức (dàm để thắng ngựa).

2. *Gò Đa:* ở thôn Tân Hội, thuộc xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, Quảng Nghĩa.

Báo hiệu nhanh "giờ nổi vùng lên".
Hùng Nghĩa ba thôn,
Văn Trường, Mỹ Thuận. [1]
Trống mỗi phút, mỗi giây lan rộng,
Khắp bầu trời ba tổng: Cảm, Ca, Tri, [2]
Chuẩn bị xong, người người kéo ra đi.
Nào cơm gói,
Nào dùi dây,
Nào cờ cầm tay,
Nào băng biểu ngữ.
Có toán phá ngõ,
Có toán vượt đồng,
Có toán phá đập, [3]
Có toán băng sông.
Tất cả về địa điểm tập trung,
Tại Lộ Bàn đám đất bên trường, [4]
Một giờ sáng ba nghìn người có mặt.
Một đồng chí già, người ở Bắc,
Bước lên đàn diễn thuyết mọi người nghe.
Đồng chí nói:
"Thưa toàn thể đồng bào thân mến!
Nước Việt Nam hơn bốn nghìn năm.
Đã từng chống giặc ngoại xâm,
Rạng trang lịch sử tiếng tăm lẫy lừng.
Nào Phù Đổng, Bà Trưng, Bà Triệu,
Nào Lý, Ngô, Hưng Đạo, Ức Trai, [5]
Dẹp thù trong, đuổi giặc ngoài,
Tây Sơn nối tiếp, thu hồi giang sơn.
Việc chẳng may Gia Long phá nước,

---

1. *Ba thôn:* thôn Hùng Nghĩa thuộc xã Phổ Phong; thôn Văn Trường thuộc xã Phổ Văn; thôn Mỹ Thuận thuộc xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, Quảng Nghĩa.

2. *Ba tổng:* tổng Phổ Cảm, Phổ Tri (Đức Phổ), Phổ Ca (Mộ Đức), tỉnh Quảng Nghĩa.

3. *Phá đập:* phá đập Liên Chiểu (Mộ Đức), đập Tân Trị và đập Bến Bè (An Tây) để nước cạn, đi qua cho dễ, không qua các con đường lớn để giữ bí mật.

4. *Lộ Bàn:* thuộc xã Phổ Ninh (Đức Phổ).

5. *Ức Trai:* chỉ Nguyễn Trãi, người đã cùng Lê Lợi đánh thắng quân Minh.

Về giày mồ, chúng rước voi Tây.
Bán nước, cướp nước hai tay,
Triều đình với Pháp, cả bầy hại dân.
Đồng bào chịu trăm phần khổ nhục,
Đồng đứng lên, Nam, Bắc một lòng,
Trương Định, Hoàng Thám, Phan Phùng.[1]
Lê Đình, Mai Thưởng[2] khắp vùng đâu đâu.
Nay đến lượt đồng bào Nghệ Tĩnh,
Hàng vạn người sát cánh biểu tình.
Phong trào tiếp tiếp đấu tranh,
Xông lên, cương quyết hy sinh đòi quyền.
Ta chẳng lẽ ngồi yên đứng ngó,
Để thực dân khủng bố giống nòi.
Đồng bào yêu nước ta ơi!
Quốc thù không thể một trời đội chung.
Giờ có Đảng Đông Dương Cộng sản,
Đảng dẫn đầu cách mạng chúng ta.
Đảng mưu độc lập nước nhà,
Tự do, cơm áo, làm đà tiến lên.
Đảng kêu gọi công, nông, binh,
Cùng nhau siết chặt, giành quyền lợi chung.
Đảng kêu cả nước anh hùng,
Phá tan nô lệ, quyết vùng đứng lên!"

*

* *

Lời vừa dứt, tiếng hoan hô như sấm,
Người người tay đưa quả đấm lên cao.
Miệng thét to:
– Giảm thuế, giảm xâu!
– Chống khủng bố đồng bào Nghệ Tĩnh!

---

1. *Trương Định, Hoàng Thám, Phan Phùng:* chỉ những lãnh tụ của phong trào yêu nước chống Pháp như Trương Công Định, Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng.

2. *Lê Đình, Mai Thưởng:* tức Lê Trung Đình (Quảng Nghĩa), Mai Xuân Thưởng (Bình Định), những sĩ phu yêu nước lãnh đạo phong trào Cần vương ở Quảng Nghĩa và Bình Định.

– Đả Đảo đế quốc!
– Đả đảo phong kiến!
– Độc lập, tự do thực hiện!
– Đảng Đông Dương Cộng sản muôn năm!
Nghe mối thù, càng thấm, càng căm,
Nghe lời Đảng, càng tin, càng quyết tới.
Hàng loạt truyền đơn,
Tuôn ra như xối.
Mọi người xem như cởi tấm lòng.
Mét tinh mọi việc vừa xong,
Lệnh chỉ huy gọi: Đồng bào trật tự!
Đâu đó xếp thành hàng ngũ,
Thảy rập ràng, rầm rộ, bước chân đi.
Gió tung bay phấp phới ngọn hồng kỳ.
Chiếu liềm búa trăng khuya vàng rực rỡ.
Tiếng trống đánh trời long, đất lở,
Giương cao băng, biểu ngữ chỉnh tề,
Trông rất nhịp nhàng, hùng tráng, oai nghi,
Từng chặng một, đội chỉ huy cất tiếng:
"Đi lên! Đi lên!
Mau lên! Anh em!
Chị em! Anh em!
Mau lên! Tiến lên!
Muôn triệu người dân ta đứng lên,
Quyết đánh tan những loài đế quốc!
Quyết đánh tan những quân phong kiến!
Giành chính quyền về công, nông, binh!
Phải chính quyền về công, nông, binh!
Đi lên! Đi lên!
Mau lên! Mau lên!
Chị em! Anh em!
Mau lên! Mau lên!
Chúng ta đi thị uy biểu tình,
Tỏ một lòng cùng nhau đoàn kết,
Thề một lòng cùng nhau sống chết.
Đạp cường quyền bước tới đấu tranh.
Lướt súng thù bước tới đấu tranh.

Đi lên! Đi lên!
Mau lên! Tiến lên!
Chị em! Anh em!
Mau lên! Tiến lên!
Nhằm cờ hồng ta hãy tiến lên!
Phất cờ hồng ta cứ kéo lên!
Ta hè tiến lên!
Tới! Tới! Tới!
Đoàn biểu tình trong lúc đi hăng hái,
Đội tự vệ nhiệm vụ xem lại,
Ai lôi thôi cần phải nghiêm minh.
Đội phòng gian lo bắt những tên
Phản động, cường hào – mấy quân trình, báo.
Hoặc đưa ra cảnh cáo,
Hoặc bịt mắt dẫn theo.
Lo ngăn đường, phá cống, đẵn cây,
Đội "phòng triệt" chặn lính Tây cứu viện.
Đoàn biểu tình trên bước tiến,
Chốc chốc lại thêm đông.
Cuồn cuộn như sóng dâng,
Ào ào như bão táp.
Gần mờ sáng xông vào vây huyện lỵ,
Bọn quan lại khiếp vía kinh hồn.
Miễn thoát thân, trối kệ nha môn.
Chúng bỏ huyện từ bao giờ trốn mất.

*
* *

Thù lâu đời chồng chất,
Khí thế đương bừng bừng.
Có toán xông vào trại,
Bẻ gông, phá cùm, giải phóng phạm nhân.
Có toán lên công đường,
Đập tan cửa kính.
Đập, đập, đập!
Ấn, dấu, súng.
Tủ thuế khóa, sổ bộ..

Luật lệ hồ sơ,
Đem ra sân chất đống đốt ra tro, tiêu tan áp bức.
Có toán xuống tư thất, đập va ly, tráp bạc,
Bạc tung ra nhưng không mất một đồng.
Có chị nhìn xe kéo gọng đồng,
Miệng vừa nói: "Đây là của bóc lột!"
Dùi nơi tay chị đập gãy ngay.
Đầy bờ thành biểu ngữ, cờ băng,
Đầy mặt đất truyền đơn bươm bướm.
Lá cờ Đảng,
Lá cờ đầu tiên, cờ chỉ huy to tướng,
Kéo hiên ngang bay lượn trên không.
Chương trình xong, trời sắp chiếu tia hồng,
Lệnh tuyên bố: cuộc biểu tình giải tán.

*

* *

Giờ giải tán, đoàn quân gần nửa vạn,
Phấn khởi về như thắng trận khải hoàn.
Từ đây thề đúc lá gan,
Tiến theo cờ Đảng lên đường đấu tranh.

KHUYẾT DANH

*

CHỐNG CHỦ TRƯƠNG "KÉO CỜ QUY THUẬN"

TIỂU DẪN: Để dập tắt phong trào cách mạng, đế quốc Pháp bắt các làng xã phải kéo cờ xin "quy thuận" đầu hàng chúng và xin sự "bảo hộ" của chúng. Nơi nào không nghe theo, chúng khủng bố rất dã man, triệt hạ cả xóm làng.

Tác giả bài thơ này động viên lòng yêu nước của quần chúng, chống lại âm mưu thâm độc của giặc.

Điểu thú lâm cùng du quất trác, [1]
Huống chi người nung lửa quạt vào gan.
Bảy mươi năm kế quỷ mưu gian,
Đế quốc Pháp bạo tàn nay rõ mặt.
Sách chính liễm ngày càng hà khắc, [2]
Mỡ, dầu ta, nặn vắt đã tiêu khô.
Dân ta đến thế cùng đồ, [3]
Kêu xin thì nó hành hổ thẳng tay. [4]
Văn minh chi lắm lũ bay,
Gặm sương hút máu đồng loài gớm ghê.
Kìa đốt phá bốn bề như thế,
Tra, nã người không kể than van, [5]
Làm cho thân nát xương tan,
Thịt da rời rã, máu tràn trệch thây. [6]
Bay ỷ có quân bầy, lính đội,
Giả canh tuần đạo, lội khắp thôn quê. [7]
Bắt người nọ, giết người tê,
Bò, trâu, gà, lợn cướp về uống ăn.
Chúng độc ác càng thêm dữ dội [8]
Người dân lành đến nỗi thế ni.
Kéo cờ bắt phải thuận quy.
Anh em suy nghĩ định kỳ thế nao?
Kìa ngõ lớn, nọ lầu cao,
Tài nguyên quý báu, cả vào tay ai?

---

1. ***Điểu thú lâm cùng du quất trác:*** Chim thú lúc ở thế cùng, thế nguy cũng mổ, cào, vùng vẫy, không chịu nằm yên.

2. *Sách chính liễm:* chính sách thuế khóa của địch.

3. *Cùng đồ:* cùng đường.

4. *Hành hổ:* hành hạ, đàn áp.

5. *Tra, nã:* tra tấn, truy nã.

6. *Máu tràn trệch thây:* máu chảy khắp người.

7. Có người nhớ là:

Bay dừng ỷ có quân đầy lính đội,
Dân đem về rồn lội khắp thôn quê.

8. Có người nhớ là:

Lừa trâu, dắt lợn đem về uống ăn,
Giống độc ác lắm phen dữ dội.

Dân mình trên đám chông gai, [1]
Chỉ còn có mảnh hình hài này thôi!
Sợ chi nó mà bồi hồi trong dạ,
Ai tội tù, mình an tọa, sướng chi đây?
Việt Nam này đã thuộc thằng Tây, [2]
Ta nguyền đổi xác thây mà lấy lại.
Vẫn biết việc làm thì lợi, hại,
Nước mất rồi, lấy lại dễ gì đâu.
Nệ gì gian hiểm, mau, lâu,
Đồng lòng tranh đấu, quyết thâu lại quyền. [3]

TRẦN TOẠI
Quảng Nghĩa, 1930

*

CUỘC ĐÌNH CÔNG CỦA CÔNG NHÂN SỞ MUỐI HẢI TRIỀU

TIỂU DẪN: Hồi tháng 8 năm 1934, ở Sở muối Hải Triều (Phú – Khánh) đã nổ ra một cuộc đình công của công nhân, nhân một việc như sau: khi công nhân vác bao muối từ kho xuống tàu, bao muối bị đứt dây khâu, muối bị đổ xuống nước. Thằng Tây đoan coi phu thấy thế liền hầm hầm vác dùi cui đến đánh ông già vác bao muối túi bụi. Lúc ấy trong đoàn công nhân khuân vác cũng có cả người con trai của ông cụ. Anh ta liền chạy lại can. Thằng Tây liền đánh luôn cả người con đến hộc máu mồm. Bất bình quá, tất cả anh em công nhân khuân vác liền hè nhau quây lại trói thằng Tây đoan, rồi lôi nó đến nhà tên chủ Sở muối là Baladi, nhưng tên chủ đi vắng. Anh em liền bỏ thằng Tây đoan lại ở đó rồi giải tán. Người bồi của tên chủ Sở muối cởi trói cho tên Tây đoan; thằng này lấy xe đạp đi đánh điện về tỉnh. Tỉnh liền phái giám binh dẫn một bọn khố xanh độ 30 tên về khu thợ đàn áp. Anh em công nhân Sở muối liền đình công và dán lên tường nhà tên chủ Sở muối bản yêu sách 8 điểm:

---

1. Có người nhớ là:
Tài nguyên vật liệu phó vào tay ai?
Anh em mình nằm giữa chông gai.

2. Có người nhớ là:
Ai tội tù, ai tàn phá,
Ai an tọa hưởng, mà ai vui sướng chi đây?
Đông Dương này đã rõ mặt của thằng Tây.

3. Có người nhớ:
Đồng lòng quyết liệt đặt thâu lại quyền.

1. Đưa ông già bị đánh đi nhà thương chữa.

2. Đổi tên Tây đoan đánh người đi nơi khác.

3. Không được treo lương hàng tuần.

4. Không được đánh đập phu, thợ.

5. Tăng lương cho người làm hợp đồng tháng 20%.

6. Tăng lương cho người làm hợp đồng ngày 10%.

7. Thả hết những người bị bắt.

8. ...

Chủ không xét yêu sách và càng khủng bố. Phong trào lan rộng. Tất cả có đến 2000 công nhân tham gia đình công. Cuộc đình công kéo dài hơn một tuần. Và kết thúc thắng lợi.

Tác giả là người đã tham gia cuộc đình công. Tiểu sử của tác giả sẽ giới thiệu trong phần Tiểu dẫn bài *Ở Sở mật thám Sài gòn*.

Hải Triều Sở muối Baladi,
Ngược đãi công nhân ít chỗ bì:
Đánh đập, phạt tiền và chửi mắng,
Khác nào địa ngục ở âm ty.
Đây là cảnh sống ở trần gian,
Đối xử công nhân rất dã man.
Tư bản thực dân và phong kiến,
Đua nhau bòn rút tận tim gan.

Một cuộc đình công đã nổ ra,
Khởi đầu là trói chú Langsa.
Công nhân tranh đấu không lùi bước,
Thắng lợi: tăng lương, bỏ khảo tra.

Mặc cho quản thúc với dò la,
Nhưng vẫn hiện hình cái "bóng ma".[1]
Xuất quỷ nhập thần ai biết được,
Rõ ràng thắng lợi đã về ta.

NGUYỄN VĂN HUYỀN

1. *Bóng ma:* có lẽ tác giả muốn dùng hình ảnh "bóng ma cộng sản" mà C. Mác và Ph. Ăngghen dùng trong đoạn mở đầu *Tuyên ngôn Cộng sản*.

Ô THƯỚC ĐỘI CẦU

TIỂU DẪN: Trong những cuộc mít tinh, biểu tình, quần chúng thường làm thơ ca, hò vè để động viên tinh thần nhau. Bài thơ này do cụ Lê Quang Xô, quê ở Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho, đọc cho ghi. Theo cụ, bài này thường đưa ra đọc trong lúc quần chúng giải lao và rất được ưa thích. Bài thơ đã mượn câu chuyện thần thoại Ngưu Lang – Chức Nữ (vợ chồng Ngâu) để nói chuyện "cu li quạ" bắc cầu. Hằng năm, cứ đến mồng bảy tháng bảy, quạ đen (ô thước) phải bắc cầu cho hai vợ chồng Ngưu Lang, Chức Nữ gặp nhau. Nhưng quạ ở đây khổ sở quá, "làm cách mạng" đấu tranh. Thiên lôi được Trời sai xuống thấy quạ quyết hy sinh, đấu tranh kiên quyết, cũng rút lui. Quạ đấu tranh thắng lợi. Chuyện quạ thần thoại thực ra là chuyện đời, chuyện quần chúng lao động đi phu cho đế quốc, bắc cầu cho Tây đấu tranh và đã đấu tranh thắng lợi.

Mồng bảy tháng bảy năm Canh Thân,
Chiếu lệ bắc cầu qua sông Ngân.
Hằng hà sa số "cu li" quạ,
Bay bổng về trời như tải quân.
Hai bên bờ sông lội lóp ngóp,
Con thì kêu đói, con than nhọc.
Đường sá xa xôi việc nặng nề,
Phần lũ con thơ ở nhà khóc.
Một con mới bay lên diễn thuyết:
"Hỡi hỡi đồng bào nghe nói đây!
Việc này chẳng phải việc công ích.
Không ai có phép bắt dân đày,
Trối kệ Ngưu Lang cùng Chức Nữ.
Sang đặng thì sang, không thì chớ,
Sao bắt xâu đi đọa đày khổ sở?" [1]
Bỗng nghe dân quạ nổi "cách mạng",
Trời sai Thiên lôi xuống thám thính.
Đầu đen máu đỏ quyết hy sinh,
Thiên lôi cầm búa không dám đánh.
À, té ra mềm ai cũng nuốt,

1. *Bắt xâu:* bắt đi phu.

Cứng rắn thì trời cũng phải nhả.
Hằng hà sa số "cu li quạ",
Bay về hạ giới kêu: "Khá khá!" [1]

KHUYẾT DANH

*

NHÌN LẠI PHONG TRÀO XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH

TIỂU DẪN: Nguyễn Thế Vỹ, tức Nguyễn Thế Vợi, tức Lê Văn Vỹ, quê ở huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Đồng chí hoạt động cách mạng trong phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh. Đồng chí bị bắt và bị giam ở Buôn Mê Thuột. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí công tác ở nước ngoài.

Bài này, Nguyễn Thế Vợi sáng tác sau khi cao trào cách mạng Xô viết Nghệ – Tĩnh bị bọn thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, với mục đích rút kinh nghiệm và động viên phong trào hãy tiếp tục đấu tranh kiên quyết một mất một còn với địch.

Chúng tôi in bài này theo *Văn thơ yêu nước và cách mạng*, Tập III, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1959.

Chốn ngục thất nhân khi thong thả,
Viết vài lời ta để khuyên nhau.
Trải bao phen gió thảm mưa sầu,
Sóng thuộc địa ào ào dồn đến.
Cõi Viêm bang trời lay đất chuyển,
Bốn ngàn năm nước biến non thay.
Hai mươi nhăm triệu lẻ, ba kỳ,
Quyền thống trị đều về tay Pháp.
Bọn cầm quyền ra tay xâm lược,
Thôi tha hồ đủ chước kiếm ăn.
Giả "văn minh", "khai hóa", "nhân quần",
Thực gian giảo hại dân hại nước.
Đem tư bản dùng mưu bóc lột,
Rút của người đến ruột đến gan.

---

1. *Hạ giới:* về mặt đất.

Nào thuế đinh, thuế ruộng, thuế đoan,
Đánh tất cả trăm ngàn thứ thuế.
Anh em ta tài cùng sức quệ,
Chỉ lo làm, góp để nó ăn.
Kẻ cày bừa dưới ruộng trong vườn.
Người mò, hái trên nguồn, dưới bể.
Giọt mồ hôi tuôn ra dầm dề,
Nước mắt trào, thân thế long đong.
Nỗi áo cơm không đủ no dùng,
Lại đóng góp tiền cung đế quốc.
Kẻ thợ thuyền các nơi cùng cực,
Việc làm ăn khổ cực trăm đường.
Tăng giờ làm, rút tiền lương,
Quân tư bản đủ đường bóc lột.
Kẻ thợ thuyền đắng cay chua xót,
Cơm không no, áo rách vì ai?
Hỡi anh em thuyền thợ với dân cày!
Đồng giai cấp bị đày bị đọa.
Đồng thân phận đắng cay vất vả,
Việc làm ăn cực khổ trăm bề.
Mối lợi quyền mất cả còn chi!
Thân lao động như trâu như ngựa.
Lại những kẻ theo đòi binh mã,
Vác canông[1] đứng giữ cửa thành,
Suốt tháng thâu canh những tập với tành.
Hết ngày tháng rầy canh mai gác.
Lúc thì bị cỏ vê sai phạt,
Buổi chiến tranh lội thác trèo non,
Phận chinh phu dạ héo gan mòn,
Thân binh lính gian nan cơ cực.
Trong thiên hạ mấy thằng đế quốc,
Gây chiến tranh để cướp lẫn nhau,
Chết phơi xương, binh lính đứng đầu,
Nơi trận mạc đem nhau bỏ xác.
Thân chiến sĩ họa mấy năm Đức, Pháp,
Máu thành sông mà thịt đắp thành non.

---

1. *Canông:* súng đại bác (tiếng pháp canon).

Thắng trận rồi sướng tụi vua quan,
Thân binh lính chịu tàn chịu tật.
Chịu những kiếp đui què mẻ sứt,
Con không cha mà vợ không chồng.
Đem thịt xương mà đổi bấy nhiêu đồng.
Thân binh lính vô cùng cực khổ.
Công, nông, binh vốn dòng một tổ,
Anh em ta cực khổ trăm đường!
Nỗi cảnh tình càng nói càng thương,
Quân tư bản bóc truồng bóc lổ. [1]
Trải bốn mùa, dầm mưa dãi gió,
Chỉ làm tôi làm tớ bọn giàu.
Sống cơ hàn, sống được mãi sao!
Mất quyền lợi lấy đâu ra sống?
Bởi áp bức gây nên sức động,
Giữa trời đông gió sóng đùng đùng.
Khắp ba kỳ dậy tiếng công, nông,
Hô Xô viết quyết lòng cách mệnh.
Hăng hái nhất hai miền Nghệ, Tĩnh,
Chí hy sinh liều lĩnh sát thù.
Hai năm trời sóng gió mịt mù,
Cùng đế quốc vật nhau dữ dội.
Nào kháng thuế, biểu tình la lối,
Nào bãi công phản đối đủ đường.
Bớt giờ làm, đòi chúng tăng lương,
Quân tư bản kinh hoàng khủng cụ. [2]
Lại tranh đấu mấy nhà địa chủ,
Lấy ruộng tiền thóc gạo chia nhau,
Sóng công, nông sôi nổi ào ào,
Tiếng vô sản reo hò rầm dậy.
Chống cường quyền, bắc cầu công lý,
Giết quân thù, lấy giấy làm gương.
Dắt tay nhau, đường chính ta làm,
Đế quốc Pháp nhẫn tâm tàn sát.

---

1. *Bóc truồng bóc lổ:* tiếng địa phương Nghệ – Tĩnh, nghĩa là trần truồng, ở đây ý nói bóc lột thậm tệ.

2. *Khủng cụ:* khiếp sợ.

Thả lê dương hoành hành phá đốt,[1]
Hại công, nông tan nát cửa nhà.
Bắn giết người, hãm hiếp đàn bà,
Bỏ thuốc độc, giết ta cho hết.
Nỗi độc ác kể ra không xiết,
Cảnh dã man bút viết không cùng.
Nhờ công nông mà lại giết công nông,
Quân đế quốc thật lòng gian ác.
Kiếm đủ hết trăm phương, ngàn chước,
Phá phong trào tan nát mới yên.
Vun vốn vào tư bản móng nền,
Cướp vô sản gạo tiền cơm áo.
Lại lừa dối nhân dân xuất thú,
Bắt tội tù làm đủ cực hình.
Bắn giết người, đốt phá tan tành,
Nó chẳng quản chi dân tình điêu thảm.
Anh em ta liền giết ba thằng mật thám,
Nó lại đem xử trảm bỏ tù.
Tịch gia tài đưa của vào kho,
Mang mặt mo ngồi lo đánh, cướp.
Dân chết đói, phơi xương bỏ xác,
Lại ốm đau, xơ xác héo mòn,
Vợ khóc chồng, cha đứng khóc con,
Gạt nước mắt như tuôn như xối.
Nạn đói rét nay đà thậm tội,
Họa binh đao nó lại hung tàn.
Dân hai miền Hà Tĩnh, Nghệ An,
Chết đói đến mười phần ba, bốn.[2]
Thế mà cứ sưu đầy, thuế trọn,
Nó cho ra chẳng quản chi chi.
Chết mặc thây, sống cũng mặc thây,
Nó vẫn cứ thẳng tay bóc lột.
Lại cải lương xỏ xiên đôi chút,[3]

1. *Lê dương:* lính đánh thuê gồm những người nước ngoài (tiếng Pháp: légionnaire).

2. Nhắc đến nạn đói trầm trọng ở Nghệ An và Hà Tĩnh bấy giờ.

3. Để xoa dịu tình hình và lừa gạt nhân dân ta thời bấy giờ, thực dân Pháp đã đề ra một số chủ trương cải lương, như dẫn thủy nhập điền, mở trường học, lập Hội đồng tộc biểu.

Mở sông đào, phát hột cơm dư.
Múa mép cùng những kẻ "ngu phu", [1]
Dám bưng mắt che mồm người cách mệnh.
Anh em ta là người đồng bệnh,
Chốn lao tù khi rảnh nghĩ mà coi.
Chớ hiểu lầm, cũng chớ nghe sai,
Xin ai nấy chớ nguôi lòng nản chí.
Nhưng ta phải suy đi nghĩ lại,
Kinh nghiệm đầu thất bại từ đâu.
Ngẫm xem khi đang bồng bột phong trào,
Thì ai cũng theo vào cách mạng.
Thuận như thế tưởng rằng đã mạnh,
Chí đang hăng mải đánh đuổi Tây.
So trí khôn chưa được chút gì,
Chủ nghĩa cộng sản chưa chút gì giác ngộ.
Chỉ nóng nảy theo về đường thượng võ, [2]
Cướp súng gươm binh mã cho nhiều.
Cậy thế đông mà làm lệch làm liều,
Cuộc manh động phần nhiều là sai cả. [3]
Lại đấu tranh về đường cực tả,
Việc tuyên truyền huấn luyện cao xa.
Anh em ta chính trị thật thà,
Không thủ đoạn để mà đối phó.
Chữ thanh Đảng hiểu ra chưa rõ,
Đã vội vàng đem bỏ người ngay [4]!
Xô cách mạng về tay đế quốc.
Thậm chí anh em trong một làng một nước,
Đem giết nhau để trả thù riêng.
Cuộc biểu tình đất rộn trời nghiêng,
Gươm tự vệ sáng choang nhọn hoắt.
Làm những sự quá cơ vô ích,
Để quân Tây làm cớ bắt tù.

1. Danh từ chỉ người dốt nát.

2. Ý nói dùng vũ lực.

3. Ý nói bạo động non.

4. Một số địa phương thực hiện việc thanh Đảng không đúng tinh thần Nghị quyết của Trung ương lúc bấy giờ.

. . . . [1]

Lòng công, nông, chưa liên hiệp một đoàn,
Chưa nhận rõ chính đoan cách mạng.
Ở trong cuộc trở ra làm phản,
Vô sản cùng vô sản hại nhau.
Lại ba thằng cách mạng hoạt đầu,
Làm chưa được bao lâu mà chán.
Ở trong Đảng ngoảnh ra phá Đảng,
Thế trách gì cách mạng chưa xong.
Lại nói tình binh lính, công, nông,
Chưa liên hiệp một lòng một bụng.
Bên vác mác với bên cầm súng,
Anh em còn xung đột lẫn nhau.
Công, nông, binh chưa hợp ý tâm đầu,
Cuộc cách mạng lấy đâu mà trỗi.
Vì thế đó nên chi thất bại,
Thất bại này chính tại vì ta.
Nhưng khoan khoan, ta hãy nghĩ mà,
Thất bại thế chưa phải là thất bại.
Xin anh em cứ một lòng hăng hái,
Thất bại rồi ta lại làm đi.
Kinh nghiệm đầu lầm lỗi bấy lâu nay,
Có thất bại mới hay điều khôn, dở.
Việc cách mạng phải chăng việc dễ,
Làm nửa chừng mà bỏ hay ru?
Hỡi anh em trong chốn lao tù!
Về rồi lại rủ nhau làm cách mệnh.
Hỡi tất cả anh em binh lính!
Cùng công, nông ước đính chữ đồng.
Đem gan vàng thề với non sông,
Liên hiệp với công, nông cho vững chãi.
Chớ tưởng thế mà cho rằng thất bại,
Mà hững hờ mãi mãi lúc nào xong.
Kìa Nga Xô cách mạng mấy năm ròng,
Thất bại mãi mới thành công xã hội.
Cách mạng phải qua thời kỳ thất bại,

1. Chỗ này thiếu 3 câu chưa sưu tầm được.

Khắp đâu đâu sự ấy cũng là thường.
Huống gì ta chỉ mới hai năm trường.
Chưa chốc lát đã chán chường lắm vậy.
Anh em ta hãy cùng nhau đứng dậy,
Thất bại này chính là mẹ thành công,
Khuyên ai nấy quyết lo lòng làm lại.
Khắp năm châu bây giờ là thế vậy,
Vô sản đều lừng lẫy xôn xao.
Á, Âu cùng nổi dậy phong trào,
Cách mạng sắp tới cầu đại thắng.
Kìa sấm đế quốc chiến tranh còn choáng váng,
Lớp mây mù che đậy Thái Bình Dương,
Họa chiến tranh muôn thảm nghìn thương,
Công, nông sắp đổ máu phơi xương cho đế quốc.
Vậy ta phải mau mau tỉnh giấc,
Đổi chiến tranh làm chước nội công.
Cướp chính quyền giao lại công, nông,
Dựng Xô viết giữ non sông Hồng Lạc.
Cõi đại đồng tiến lên cực lạc,
Khắp năm châu vạn quốc một nhà.
Bại hay thành là cốt ở chúng ta!
Ta cương quyết hy sinh phụng thờ chung đất nước.

NGUYỄN THẾ VỢI

Phần ba

GƯƠNG LIỆT SĨ CÁCH MẠNG

VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SĨ HY SINH Ở TRUÔNG CỒN ĐỌI NGÀY 7 - 9 - 1930

TIỂU DẪN: Truông Cồn Đọi ở Đô Lương, Nghệ An. Ngày 15 tháng 7 năm Canh Ngọ, tức ngày 7 – 9 – 1930, trong một cuộc biểu tình của nhân dân phủ Anh Sơn, khi kéo qua truông Cồn Đọi, giặc Pháp đem máy bay đến thả bom, làm cho mười người bị chết. Đây là cuộc tàn sát đầu tiên bằng bom ở Nghệ – Tĩnh trong cao trào Xô viết. Ít hôm sau đó, nhân dân phủ Anh Sơn họp mít tinh làm lễ truy điệu các chiến sĩ đã bỏ mình, do đó có bài văn truy điệu.

Bài này do đồng chí Nguyễn Đình Hiển ở xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, cung cấp.

Than ôi!

Sóng cách mạng ầm ầm trong bốn bể, khắp hoàn cầu đều vang tiếng đua tranh;

Lửa oan cừu rực rực mấy năm trời, thề sống chết quyết ra tay chống chọi.

Căm tức lũ mặt người dạ thú, nỡ đem lòng tàn hại dã man;

Xót thương người máu đỏ đầu đen, phải những nỗi thảm sầu dữ dội.

Vậy hôm nay có lời truy điệu, trước gọi rằng thăm viếng anh em;

Nhân tiện đây bày tỏ nguyên do, sau nữa để cáo cùng xã hội.

Anh chị em ơi!

Kể từ khi quân Tây chiếm nước, lòng hung tàn kể biết bao nhiêu;

Bấy lâu nay dân Việt Nam ta, nỗi hà ngược xiết mô kể nổi!

Thuế các thứ đinh điền tăng mãi, của chúng ta nó vét nó vơ;

Trải bao phen bắt bớ xét nhà, dân chúng ta kẻ tù người tội.

Kẻ thuyền thợ làm trong công xưởng, mồ hôi nước mắt, suốt đêm ngày mà không đủ nuôi thân;

Người hành binh ra giữa chiến trường, hòn đạn mũi tên, liều thân thể mà không ai thương tủi.

Đeo mặt nạ mượn điều nhân nghĩa, lập nhà thương, mở trường học, giả lối bề ngoài;

Nặng túi tham vét hết bạc tiền, chiếm đất ruộng, lập đồn điền,
khi mô chán mỏi.
Tội ác nghiệt tày trời như thế, tre Nam Sơn viết mãi khôn cùng;
Lòng tham lam rất mực dường này, nước Đông Hải rửa lâu khôn rọi.
Chúng tưởng rằng ta run sợ, cứ thẳng tay đàn áp đến kỳ cùng;
Biết đâu là nó hung tàn, đã rõ mặt lưới trời khôn thoát khỏi.
Đảng Cộng sản đem điều nhân đạo, dắt loài người khỏi bể
trầm luân;
Nước Xô Nga dựng cột dân quyền, treo vạn tuế tấm gương sáng chói.
Nào thợ thuyền, nào dân cày, nào binh lính tổ chức nhiều nơi;
Khi bãi khóa, khi bãi thị, khi đình công đua tranh mọi nỗi
. . . .[1]
Ngày mười lăm, tháng Bảy rầm rộ biểu tình, phất cờ đỏ
rải truyền đơn, yêu cầu sửa đổi.
Không thèm gươm, không thèm súng, quyết ra tay cướp lấy
lợi quyền;
Kể hàng vạn, kể hàng nghìn, đều ai nấy hô lời phản đối.
Quân đế quốc kinh hồn bạt vía, đem máy bay dọa nạt thị uy;
Lúc anh em đồng nhịp đều chân, nhằm hòn đạn dã man vô loại.
Ôi thương ôi!
Hoa sầu cỏ thảm, tủi bạn đồng bào;
Đất rộng trời cao, thương người chín suối.
Chết như các anh em ta đó, chết vì nhân đạo, chết vẻ chết vang;
Sống như phường bạc ác quân kia, sống hại giống nòi, sống dơ
sống thối.
Nay đặt mấy lời kính viếng, gọi chút tình máu mủ cùng nhau;
Đã đành đôi ngả xa xôi, xui tấc dạ linh hồn yên ủi.
Này gái này trai, này anh này chị, quyết ra tay rửa mối thù chung;
Còn trời còn đất, còn nước còn non, còn cơ hội chém cha mấy tụi.
Ôi thương ôi!

KHUYẾT DANH

---

1. Thiếu mất một số câu.

*

VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SỸ HY SINH NGÀY 12-9-1930 Ở HƯNG NGUYÊN

TIỂU DẪN: Sau vụ giặc Pháp ném bom dã man tàn sát 214 người trong cuộc biểu tình ngày 12 tháng 9 năm 1930, tại làng Thái Lão, huyện Hưng Nguyên, Xứ ủy Trung Kỳ và Tỉnh ủy Nghệ An đã chỉ thị cho các huyện làm lễ truy điệu. Chúng tôi sưu tầm được bài văn truy điệu dưới đây của huyện Nam Đàn, đọc trong buổi mít tinh truy điệu vào hồi cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1930. Không rõ tác giả là ai, nhưng lời văn rất chỉnh, ý tứ sâu sắc trong bài cho biết rõ tác giả phải là người học rộng và có tham gia tích cực trong phong trào.

Than ôi!

Núi Hồng Lĩnh ngàn tầm chót vót, mảnh gương nghĩa khí sáng soi chung;

Đất Nam thiên một dải mênh mông, giọt máu Hồng Bàng đau đớn nhẽ.

Đã biết tử sinh chẳng quản, trước sau một kiếp mà thôi;
Xót vì tàn sát quá chừng, dữ dội đã ra tuồng đáo đế.
Nhớ cuộc biểu tình;
Thương người đồng chí.
Cũng có kẻ anh hùng nghĩa sĩ, rèn gan óc ghé vai xã hội, lên vũ đài gióng trống tự do;

Cũng có người liệt nữ anh thư, vứt trâm thoa đỡ gánh tang bồng, hô quần chúng phất cờ xướng nghĩa.

Kẻ lao khổ da trầy trán bỏng, trong áp bức nín hơi mấy độ, nghe tiếng vang mà tạc chữ tâm đồng;

Người nông dân chân lấm tay bùn, dưới cường quyền áp bức bao lâu, theo luồng gió mà kết dây đoàn thể.

Nào anh nào chị, chung cuộc đua tranh;
Nào trẻ nào già, một lòng bền bỉ.

Miền Hoan quận tuôn tuôn cờ Cộng sản, đem tinh thần mà đòi lại lợi quyền chung;

Dải Hồng Sơn rực rực lửa đồng cừu, lấy tâm huyết mà thu về miền quốc tế.

Phút chốc bể dâu ngán nỗi, đường bán đồ gió đẩy mưa xô [1];

Ngờ đâu non nước ngậm sầu, thân vô sản xương vùi cát té.

Than ôi!

Bịt bùng mây bạc che núi Hồng Sơn;

Lác đác mưa sa tuôn dòng Lam Thủy.

Ngán nỗi chó săn hươu đuổi, điện vu oan căm tức tụi quan trường [2];

Căm lòng hùm dữ beo gầm, súng vô lại bắn cha quân đế chế.

Tiếc là tiếc mấy thân tình máu mủ, thời chăng tá, mệnh chăng tá, trong phút chốc gặp cơn nguy hiểm, ngẩn ngơ đầy sông máu rừng xương;

Thương là thương hăm lăm triệu đồng bào, sống cùng nhau, thác cùng nhau, khi nhất đán riêng phần thiệt thòi, đau đớn đến buồng gan lá phế.

Sống tự do dồn khắp cõi nhân hoàn;

Trường cách mạng quản chi là số hệ.

Thân dẫu liều đạn lạc tên bay;

Danh đã nổi trời long đất lở.

Sức tranh đấu dẫu ngàn quân cũng nhỏ, đối phó chẳng phân gang tấc sắt, trong bấy lâu chí vững gan bền;

Nhẹ lông hồng xem một thác như chơi, xông pha dầu vực thẳm hang sâu, toan ruổi hội gươm cùn súng mẻ.

Thần tự do nhờ đó mà chiêu hồn;

Ma chuyên chế từ đây mà lạc vía.

Ôi thôi!

---

1. *Đường bán đồ:* đường đi được một nửa.

2. *Chó săn hươu đuổi:* chỉ bọn mật thám, tay sai của địch.

Điện vu oan: khi đoàn biểu tình rầm rộ kéo về phủ lỵ Hưng Nguyên, tên trưởng ga Yên Xuân và Tri phủ Hưng Nguyên điện cho bọn thống trị ở Vinh là dân chúng làm loạn. Bọn Pháp ở Vinh đưa lính và máy bay đến đàn áp.

Xối máu nóng chuộc quyền cho nước, sấm non Lôi rầm rập đội tiền phong [1];

Rạch gan vàng trả nợ cho dân, sắt kênh Thiết dùi mài gươm chính khí [2].

Chết như thế, vì nòi vì giống, ma anh kiệt hô hào chín suối, đất náo thần kinh;

Sống như ai, chật núi chật sông, thói dã man quay quắt đồng loài, mày trơ mặt bẽ.

Rày nhân trong tiết trời đông;
Đặt bộ câu văn cúng tế.
Dưới suối vàng có thấu cho chăng;
Trên trần thế tỏ lòng thương mộ.
Sống thể phách, chí cứ phiêu diêu;
Thác tinh anh, hồn về ủng hộ.
Ôi thương ôi!

KHUYẾT DANH

1. *Non Lôi:* tức núi Độc Lôi, hay còn gọi là núi Mượu, ở Nam Đàn, gần thôn Thái Lão.

2. *Kênh Thiết:* tức kênh sắt ở Nghi Lộc, đoạn kênh này chảy qua Hưng Nguyên, gần làng Thái Lão, gọi là kênh Xước.

VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SĨ HY SINH TẠI ĐỒN THƯỢNG XÁ

TIỂU DẪN: Theo lời một đồng chí ở Nghi Phong (Nghi Lộc), đây là bài văn truy điệu các chiến sĩ hy sinh tại đồn Thượng Xá (xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc) trong cuộc biểu tình ngày 18 – 10 – 1930 để giải vây cho các chiến sĩ bị chúng bắt giam ở đây. Bà con Nghi Lộc đã tập trung làm lễ truy điệu tại Cồn Vàng (thuộc xã Nghi Trường). Song cũng có người nói đây là bài văn truy điệu các chiến sĩ Hưng Nguyên (hy sinh trong ngày 12 – 9 – 1930) của cán bộ và nhân dân Nghi Lộc. Tác giả là một nhà Nho yêu nước quê ở Nghi Phong, có cảm tình với Đảng Cộng sản và có tham gia phong trào. Bài này do một người học trò của tác giả đọc cho ghi.

Than ôi!

Lò đại giã đồng thau sôi sục sục, đúc tinh thần ra chuyển đối hóa cơ [1];

Cuộc tân trào sóng gió dậy ầm ầm, vận kế hoạch để sửa sang nhân loại.

Xa gần nổi mấy trường oanh liệt, dốc một lòng đánh đuổi lũ hung tàn;

Trước sau đều trăm trận xông pha, khắp bốn bể đoàn liên tình thân ái. [2]

Nhớ anh chị em xưa:

Trình độ nêu cao;

Tinh thần hăng hái.

Quyết tâm can bênh vực lợi quyền chung;

Đem tư tưởng xây nên nền móng mới.

Sóng cách mạng bởi Liên Xô dồn tới, lắng tai nghe mấy tiếng hô hào;

Bản chương trình từ quốc tế tin qua, đoàn kết lại một lòng chống chọi. [3]

---

1. *Lò đại giã:* cũng như lò tạo hóa, ở đây chỉ lò cách mạng.

Hóa cơ: máy của tạo hóa, đây nói trật tự xã hội.

2. *Đoàn liên:* cũng như đoàn kết.

3. *Quốc tế:* đây chỉ Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập năm 1919.

Trải mấy lúc vấn đề thảo luận, đạp cường quyền cho chúng nó thất kinh;
Lại nhiều phen triệu tập biểu tình, đuổi nô lệ những mấy thằng dơ thối.
Gương đại đồng treo rạng tỏ ngàn năm;
Nền độc lập quyết thu về một mối.
Những tưởng còn non còn nước, hội thái bình cho bõ thuở công lao;
Hay đâu vì thế vì thời, đường tranh đấu gập ghềnh cơn gió bụi.
Hỡi thương ôi!
Huyết lệ tuôn dầm;
Nhiệt thành bối rối.
Hăm lăm triệu con nhà Hồng Lạc, thấy anh em ai mà chẳng động lòng;
Năm mươi tám tỉnh hội công nông, nghe tình thế kẻ nào không cảm khái.[1]
Vẫn biết anh hùng thời chẳng quản, trong cuộc thời kỳ lưu huyết, dầu tử sinh không chút ngại ngùng;
Trách sao tạo hóa khéo vô tình, rồi đây thế giới đại đồng, đường kim cổ vẫn còn mong mỏi.
Nghĩ mà mừng mấy đội tiên phong;
Nghĩ mà tiếc những người khẳng khái.
Thôi thì thôi!
Kẻ chết hãy cam lòng;
Người còn nên gắng gỏi.
Non nước ấy của chung từ trước, tụi cường quyền chuyên chế mãi được ru;
Sắt son này tấc dạ nào phai, tội độc ác dã man đành phải hỏi.
Nợ thù hung quyết trả, nào Nam triều, nào đế quốc, sóng dồn gió quét sạch sành sanh;

---

1. *Năm mươi tám tỉnh:* chỉ toàn cõi Việt Nam, trước năm 1945, thực dân Pháp chia Bắc Bộ thành 27 tỉnh; Trung Bộ: 15 tỉnh; Nam Bộ: 16 tỉnh.

Gương cách mạng rạng soi, quyền độc lập, quyền tự do, nước Nhị non Hồng thêm chói lọi.

Mai mốt hẳn giang sơn quang phục, lễ âm siêu cho thỏa kiếp u minh [1];

Trước sau đều lăng miếu nguy nga, đài kỷ niệm cho những người oan trái.

Nay vừa buổi thu thiên lương tiết, thấy mưa sa gió thổi dạ khôn cầm;

Ngụ mấy lời thê thảm điếu thăm, nhưng giấy vắn tình dài lòng xiết nói. [2]

Ô hô! Thương thay!

NGUYỄN VĂN ĐỨC

*

VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SĨ BỊ GIẾT Ở YÊN PHÚC VÀ SONG LỘC

TIỂU DẪN: Xã Song Lộc thuộc huyện Nghi Lộc (Nghệ An) là nơi quần chúng biểu tình đã giết tên tri huyện Tôn Thất Hoàn, tháng 12 năm 1930. Xã Yên Phúc thuộc huyện Anh Sơn (Nghệ An), cũng là nơi giết tên đội người Pháp Periê (Perrier), tháng 4 – 1931. Bọn thống trị đã đem quân về hai xã đốt phá, bắn giết và bắt bớ nhiều người đem giam cùm trong ngục tối.

Đồng chí Nghi, người huyện Thanh Chương, khi bị giam ở lao Vinh, cảm phục tinh thần dũng cảm cách mạng của nhân dân và cán bộ ở hai xã Song Lộc và Yên Phúc, đã làm bài văn truy điệu này.

Bài này do một số đồng chí ở hai huyện Thanh Chương và Nam Đàn (Nghệ An) đọc cho ghi, chúng tôi có chỉnh lý chút ít.

Than ôi!

Núi Hồng Lĩnh trời che mây ám, cỏ hoa đều chan chứa giọt tang thương;

1. *Âm siêu:* thoát ra khỏi cõi âm. *U minh:* nơi sâu kín tối tăm, chỉ âm phủ.

2. *Ngụ:* cũng như ngỏ, gửi, giãi bày.

Dòng Lam Giang nước chảy máu oan, thiên hạ thảy gớm ghê tuồng tranh cạnh.
Nghĩ nước đời mà tức tối căm gan;
Đoái tình bạn những xót xa cám cảnh.
Nhớ các anh xưa:
Sinh đất Hồng Lam;
Vốn người Nghệ Tĩnh.
Tài cao sức mạnh, đấng làm trai không khuất lũ cường quyền;
Hiểu rộng trông xa, thân tráng sĩ quyết trừ phường thống lãnh. [1]
Đà giận nỗi nước nhà gặp cơn hoạn nạn, bọn Lang sa cướp sạch mối lợi quyền;
Lại thương cho thế giới gặp lúc gian truân, quân đế quốc thu tiệt nguồn tài chính;
Bóc lột người vô sản yếu hèn;
Đè nén kẻ công nông binh lính.
Khắp ba xứ anh em miền Hồng Lạc, phận tôi đòi bao xiết nỗi đắng cay;
Cả năm châu vô sản giữa hoàn cầu, thân lao động chịu nhiều bề đập đánh.
Giận chí nên ra sức tung hoành;
Căm gan phải đem thân cách mệnh.
Vì nghĩa lớn nên sinh tử chẳng từ, gian nan chẳng kể, bước chông gai lội thác trèo non;
Nặng thù chung nên tù đày không sợ, súng đạn không kinh, công tác Đảng chen vai sẻ gánh.
Chỉ một bụng vì anh em, vì nhân loại, vào sinh ra tử, cố lo sao cho nổi phong trào;
Trải bao phen chống đế quốc, cự Nam triều, vượt súng xông tên, chẳng kể chi chủ toàn tính mệnh.
Chí hy sinh cương quyết vô cùng;

1. *Phường thống lãnh:* bọn thống trị.

Lòng nghĩa khí trung can đã thịnh.
Hai năm trời rầm rộ, đạp móng nền tư bản rung rinh;
Một cục diện tung hoành, gây thế lực công nông vững mạnh.
Những tưởng rằng: vận hội nước đang lên, thời cơ ta đã đến, Trung Nam Bắc đã thuận hòa một bụng, cờ đấu tranh dựng mãi vẫn vang lừng;
Nào ngờ đâu: Tri thức dân còn kém, trình độ Đảng còn non, công nông binh chưa liên hiệp một đoàn, lửa cách mạng bùng lên rồi nguội lạnh.
Thôi, tha hồ nó bắt bớ, nó khảo tra, nó giam cầm, nó bắn giết, lòng dã man độc ác mãi khôn cùng;
Nào, xá kể ta ốm đau, ta đói rét, ta hoạn nạn, ta cơ cầu, thói bóc lột nén đè ngày một mạnh.
Đau đớn nhẽ, gió sầu mưa thảm, một cọc lim ba thước đất, găng mồm bịt mắt, mấy thằng Tây giết sống bạn trung lương [1];
Vẻ vang thay, đất rộng trời cao, ba hồi trống một hồi chiêng, hiệu lệnh pháp truyền, năm loạt súng đưa hồn người cách mệnh.
Ôi trời ôi! Công lý để đi đâu?
Ôi đất hỡi! Pháp luật này ai định?
Ôi thương thay cho các bạn đồng tâm;
Ôi tiếc thay cho mấy người đồng bệnh!
Giận bừng trời biết trả lúc nào xong;
Sầu tựa biển biết khi mô thì tính.
Vẫn biết rằng những người cách mệnh, chẳng kể gì sinh tử, trăm nguy ngàn hiểm, mảnh hình hài dù có cũng như không;
Lại thương thay cho mấy bạn trung kiên, trải bao thuở gian truân, bảy nổi ba chìm, trường thắng lợi không chút gì vinh hạnh.
Nhưng mà thôi!
Chết mà vinh thì chết cũng như còn;
Sống mà nhục thì chết đi cho rảnh.

---

1. *Bạn trung lương:* chỉ những người thật thà, ngay thẳng. Ở đây chỉ những người yêu nước làm cách mệnh.

Đoái trông ra vật đổi sao dời, tang thương mấy cuộc, đám có hoa một nấm những rầu rầu;
Ngồi nghĩ lại, thân nguy bạn chết, sinh tử đôi đường, nơi ngục thất năm canh càng canh cánh.
Chúng tôi nay ở trong vòng tù tội, sặc máu đào vì giặn lũ bất nhân;
Tưởng các anh cứ từng bữa cơm ăn, rưng nước mắt khóc người bạc mệnh.

Ôi!
Dâu dâu, bể bể, nước nước, non non;
Cổ cổ, kim kim, hình hình, ảnh ảnh.
Một đời người thôi thế là xong;
Muôn kiếp hận để sau trả mánh (miếng).
Đốt nén hương xin nguyện với tôn linh;
Ghi mấy chữ để làm chuông cảnh tỉnh.

Đồng chí NGHỊ

TRUY ĐIỆU NHỮNG LIỆT SĨ TRONG PHONG TRÀO XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH

TIỂU DẪN: Phong trào cách mạng Xô viết Nghệ – Tĩnh đã làm cho quân thù khiếp sợ và quần chúng cách mạng trong cả nước phấn khởi tin tưởng vào sức mạnh của mình. Nhiều bài văn truy điệu viết ra để tưởng nhớ những liệt sĩ đã hy sinh và nhắc nhở động viên những người sống "đem tính mạng hy sinh cùng nghĩa vụ". Bài văn này khá tiêu biểu, nêu bật những đức tính của những liệt sĩ: thiết tha yêu nước, căm thù giặc, chiến đấu dũng cảm, có tinh thần quốc tế vô sản... nhấn mạnh được những cuộc đấu tranh lớn của phong trào. Nhiều khẩu hiệu đấu tranh đã đi vào bài văn tự nhiên: "Tự do ngôn luận, tự do học hành – Xá thuế ruộng nương, bỏ thuế chợ búa – Cấp cơm gạo cho dân nghèo – Chia ruộng đất của địa chủ...". Nội dung bài văn hiện thực, song lại rất trữ tình, tình cảm xót thương người đã mất thấm đọng vào từng câu, từng chữ.

Tiết hạ vừa chói chang nắng lửa, cóc réo kêu trời;
Rừng thu thêm mờ mịt non xanh, chim lìa rẽ tổ.

Nhìn non sông nước cũ, bậc hữu tâm ai khỏi bước lầm than [1];

Cảm khí phách người xưa, kẻ hậu tấn xiết bao lòng tủi hổ [2];

Xét nòi giống mẩn mê cơn túy mộng, thân đi thịt chạy, phí thì giờ bôn tẩu với hư sinh [3];

Thương anh em mắc nạn chốn giam đình, mắt thấy lòng đau, đem tính mạng hy sinh cùng nghĩa vụ. [4]

Nhớ các anh xưa:

Chí khí cao xa;

Tinh thần sáng sủa.

Sinh gặp buổi nhà tan nước mất, tuồng chuyên chế diễn ra đủ cảnh: nào quân chủ, cường quyền, đế quốc, biển trầm luân cố lấp chưa bằng;

Chính là ngày biển đổi cồn thay, gương tự do treo đã tỏ tường: nào bình đẳng, bác ái, văn minh, mầm tiến hóa vun trồng mới trổ. [5]

Nghĩ tới tụi quan trường thêm héo ruột, bán nòi buôn giống, cốt cầu cạnh quan cao bổng hậu, thân tự do cam chịu ách chui lòn (luồn);

Trông ra quân đế quốc những căm gan, róc thịt moi xương, ngón tham tàn thuế nặng sưu cao, ôm súng đạn phỉnh phờ công bảo hộ.

Chói lọi bấy tấm gương ái quốc, bốn mặt phong trào xô đẩy, công nông binh đều tay vỗ dậy, trống biểu tình đánh dội núi sông vang;

Mới mẻ thay mảnh đất Việt Nam, một vùng không khí mịt mù, Trung Nam Bắc khắp mặt reo hò, cờ Cách mạng cắm đầy trời đất đỏ.

. . . .

Rồi khi ấy:

Hội họp anh em trai gái, từ Phú Long, Thông Lạng, Phú Yên,

---

1. Câu này ý nói xưa nay những người đã có tấm lòng vì nước, ai mà không phải trải qua những bước đường gian nguy, vất vả.

2. Câu này ý nói những kẻ đời sau, thấy những gương hy sinh tranh đấu của người xưa, tủi hổ vì chưa cống hiến được nhiều.

3. *Cơn túy mộng:* giấc ngủ say, đây muốn nói chưa tỉnh ngộ, giác ngộ cách mạng. *Bôn tẩu với hư sinh:* chạy vạy, xoay xỏa cho một cuộc sống vô ích.

4. *Chốn giam đình:* đây chỉ nơi tù tội.

5. *Biển đổi cồn thay:* cồn cát nổi lên ở chỗ mà trước đây là biển, đây chỉ sự thay đổi.

đều vùng dậy, phất cờ gióng trống, ra đuổi hoài anh phủ Hưng Nguyên [1];

Xông pha súng đạn cung tên, tự Ngọc Điển, Phương Cần,

Thái Lão, kéo dần ra, thét gió gầm mây, quyết phản đối Tây, Nam chính phủ. [2]

Đòi cho được:

Tự do ngôn luận, tự do học hành;

Xá thuế ruộng nương, bỏ thuế chợ búa.

Cấp cơm gạo cho dân nghèo;

Chia ruộng đất của địa chủ.

Làm cho:

Quân đế quốc phải kinh hồn mất vía, đeo mặt nạ dã man tàn sát, bãi chiến trường chồng chất đống xương khô;

Mặt chinh phu tuy dãi gió dầm mưa, quyết đầu đơn tranh đấu tung hoành, bầu chí khí ngọt ngon mùi thuốc nổ,

Thôi thì:

Sống thác đồng lòng;

Trước sau khác số.

Trời trêu oan nghiệt biết bao chừng;

Dân không nước tội tình là thế đó.

Há lẽ nào: mắt thấy tai nghe, gan vàng dạ ngọc, mà chịu mãi trong vòng hắc ám, sống thì say chết thì ngủ, cõi đời hờ hững với hư sinh [3];

Nay ai còn: cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ, dắt nhau lên ngọn tháp đại đồng, rét chung áo đói chung cơm, bể khổ nghênh ngang thuyền tế độ.

Ai là người theo chân nối gót, nắm sinh quyền đương dữ dội đua tranh;

---

1. Những địa danh ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
2. Như 1.
3. *Say:* đây là say tranh đấu.

Kìa những kẻ bỏ mạng quyên trần, tiền tử tuất sẽ ít nhiều ban bố.[1]

Nay nhân:

Lập đàn truy điệu, tỏ ý hoan nghênh;

Mở cuộc mít tinh, sẵn lòng hâm mộ.

Hồn tráng sĩ non Bồng, nước Nhược, thiêng thì theo quân đội mà giúp cho cách mạng thành công;

Giống Việt Nam con Lạc, cháu Hồng, dậy đòi lấy dân quyền mới gọi là phương danh bất hủ.[2]

Thượng hưởng!

KHUYẾT DANH

*

VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SĨ XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH

Chủ nghĩa lan tràn[3];
Hoàn cầu rộng rãi.
Giữa năm châu nổi tiếng đùng đùng;
Trong một phút gặp cơn ái ngại.
Gan cảm tử đã từng;
Chí hy sinh vừa trải.
Cho hay: sinh là ký mà tử là quy[4];
Mới biết: mạng ấy tiểu mà danh ấy đại.[5]
Nhớ các anh xưa:
Chí vẫn trung thành;
Lòng càng hăng hái.

---

1. *Kẻ quyên trần:* người bị giết.
2. *Phương danh bất hủ:* danh thơm không bao giờ mất.
3. *Chủ nghĩa:* chỉ chủ nghĩa Mác – Lênin.
4. *Sinh là ký mà tử là quy:* sống gửi, thác về, theo thuyết nhà Phật.
5. *Mạng ấy tiểu mà danh ấy đại:* mạng người thì bé, nhưng danh người thì lớn.

Các anh về chín suối, việc nhân hoàn rồi để mặc ai lo;
Chúng tôi sống trăm năm, thù thế giới càng đúc gần trở lại.
Đoàn vô sản ta đột xung kịch liệt, đã rành rành đứng dậy khắp năm châu;
Tụi tư bản kia áp bức quá chừng, mới rõ rệt chia ra làm hai phái.
Chúng ta nay hiệp lực kết đoàn;
Thì quân ấy chắp tay mà vái.
Cuộc đời say tỉnh, tím gan chưa?
Dâu bể đổi đời, đau ruột mãi.
Căm bởi quân tư bản đều hai tai hai mắt, nỡ dùng quyền áp bức để vét vơ;
Tức vì lũ Nam triều cùng một giống một nòi, mà đem cách dã man ra đối đãi.
Cũng có kẻ quyết chí hô hào cách mạng, tiếng nam nhi rầm rập với nhân quần;
Đã nhiều người rèn gan cổ động tự do, cờ nữ kiệt phất phơ trong hoàn hải.
Tập hàng trận để lùa quân ác quỷ, không chỉ anh em trong một cõi Đông Dương;
Phất cờ đào vào mặt lũ hung tàn, biết bao vô sản giữa năm châu thế giới.
Chung tất cả nào trai nào gái, mà gắng sức lo toan;
Quyết theo nhau nào trẻ nào già, cũng ra tay đào thải.
Núi Yên Tử tầng mây cuồn cuộn, sắc cỏ cây còn than thở khách gian lao;
Biển Thái Bình làn sóng xôn xao, tình non nước càng ngậm ngùi người bác ái.

KHUYẾT DANH

VĂN TRUY ĐIỆU HỒ VIẾT TÙNG CHẾT TRONG NHÀ ĐÀY LAO BẢO

TIỂU DẪN: Hồ Viết Tùng, người huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, làm nghề y tá, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, hoạt động trong phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, bị bắt, bị đày lên Lao Bảo và ốm nặng, chết ở đó năm 1932.

Than rằng:
Màn chuyên chế năm châu mây phủ, nhân quần tan hợp hợp tan;
Nỗi bất bình bốn bể sóng cồn, xã hội nổi chìm chìm nổi.
Nhớ anh xưa:
Bẩm tính hiền hòa;
Thiếu niên hăng hái.
Núi Hùng Sơn hun đúc tinh thần [1];
Nước Bống Thủy trau dồi khí khái. [2]
Bút nghiên giữ nếp, tân học dùi mài;
Sự nghiệp giúp đời, y trường đeo đuổi. [3]
Trông thấy đồng bào mấy chục năm làm thân trâu ngựa, từng thâm gan tím ruột căm lũ thực dân;
Nhìn xem xã hội hơn ngàn triệu trong cảnh tôi đòi, dù vào tử ra sinh quyết vì nhân loại.
Đường cách mạng bao năm giong ruổi, hy sinh phấn đấu, vì đoàn thể mà trổ hết tài năng;
Đảng Thanh niên một dạ theo đòi, tổ chức tuyên truyền, họp công nông để đòi chung quyền lợi.
Bền gan vững chí, những mong cho vô sản thoát khỏi kiếp ngựa trâu;
Lỡ bước sa chân, bỗng chốc mới bán đồ sỉa vào hang hùm sói. [4]
Luật cường quyền hà khắc, án mười năm hình phạt khinh thường;

1,2. *Hùng Sơn, Bống Thủy:* tên núi và tên sông ở vùng Diễn Châu.
3. *Y trường:* làm nghề thuốc.
4. *Bán đồ:* nửa đường. *Sỉa:* sẩy chân rơi xuống.

Nơi hiểm địa đọa đầy, thân bảy thước phong trần từng trải.
Hơn ba năm tân khổ trong chốn lao lung;
Đã mấy cuộc đấu tranh trên trường thắng bại.
Những tưởng trăm năm là hẹn, cơ hội còn nhiều;
Nào ngờ một bệnh bất kỳ, thuốc thang khó nổi.
Ôi, thương ôi!
Sự thế đáng buồn;
Loài người sao tội?
Nước Bảo lệ tuôn ròng [1];
Non Mai sầu chất khối. [2]
Mưa sa gió thổi, giọng kèn điểm phạm, tấm lòng nhớ bạn bâng khuâng;
Cảnh vắng đêm trường, nhịp mõ dồn canh, tấc dạ thương người bối rối.
Tiếc là tiếc quanh vòng cầu, ào ào luồng gió Cộng, bước tương lai rất rộng, nỡ vội về chi!
Thương là thương khắp mặt đất, phơi phới ngọn cờ Hồng, đường hy vọng còn dài, sao không ở lại?
Vẫn biết xương đồng da sắt, người cách mạng sinh tử xem thường;
Nhưng mà dạ đá gan vàng, bạn đồng tâm vong tồn nhớ mãi.
Chúng tôi nay:
Đủ mặt anh em;
Một lòng tê tái.
Ngậm ngùi kẻ khuất người còn;
Ngao ngán sao dời vật đổi.
Hơn một trăm sáu mươi chính trị phạm, cùng nhau thề quyết một lòng;
Ngày mười lăm, tháng Chạp, năm Nhâm Thân, tiễn bạn về nơi chín suối.

PHAN TRỌNG BÌNH
Lao Bảo, 1933

1. *Nước Bảo:* sông Bảo ở Lao Bảo.
2. *Non Mai:* núi Mai Linh ở Lao Bảo.

TRUY ĐIỆU CÁC CHIẾN SĨ HY SINH Ở NGỤC KÔNG TUM NHỮNG NĂM 1930 – 1931

TIỂU DẪN: Cuộc sống đày đọa khổ cực của các chiến sĩ cách mạng ở ngục Kông Tum đã được phản ánh khá đầy đủ trong cuốn ký nổi tiếng *Ngục Kông Tum* của Lê Văn Hiến. Với lối văn biền ngẫu trong thể loại văn truy điệu, cuộc sống Kông Tum ở đây được khắc họa với những dáng nét và âm điệu đặc biệt. Cảnh sống của người chính trị phạm được diễn tả bằng những hình ảnh sinh động, lời thơ khi thì vừa chua chát, vừa trào phúng: "Buồn khi tay trói chân cùm, cơm pha trấu, mắm pha giòi, ơn đế quốc đãi mình xem đã riết"; khi thì lâm ly, xúc động lòng người: "Buổi lâm chung quan dế quách giun, mảnh chăn rách cũng dở đùm giở bịt".

Bài văn truy điệu do một tập thể tác giả sáng tác. Những tác giả này lại là những người trong cuộc, đang bị tù đày ở Kông Tum, thương cảm những đồng chí mình đã mất, viết lên bài văn. Cho nên, mỗi câu, mỗi đoạn như làm sống lại khí thế chiến đấu của các chiến sĩ cách mạng, phản ánh rõ nét cảnh lao động khổ sai, cảnh ăn ở, chôn cất những người tù. Bài văn có giá trị tố cáo mạnh mẽ tội ác của bọn đế quốc và tay sai.

Than rằng:

Cơn dâu bể ba chìm bảy nổi, khách hữu tâm bao quản bước chông gai;

Trường cạnh tranh chín nhịn mười ăn, thân vô sản đã dày phen thua thiệt.

Vẫn biết:

Trên trường tranh đấu, thắng bại là thường;

Giữa bước tồn vong, tâm tình khôn xiết!

Nhớ các anh xưa:

Sinh đất Hồng Lam;

Cùng dòng Nam Việt,

Tư trời hun đúc chí hy sinh;

Nết đất sẵn sàng lòng cảm quyết.

Tức tối nhẽ! Mấy ngàn năm nước cũ, mất sự tự do, mất quyền sinh hoạt, đoái non sông thêm trạnh dạ anh hào;

Xót xa thay! Năm sáu giống loài người, chịu bề áp bức, chịu nỗi bất bình, thấy nòi giống những căm gan tuấn kiệt.

Phu đài sưu thuế, trăm việc nặng nề;

Bắt bớ gông cùm, đủ điều ác nghiệt.

Kẻ đèn sách sớm khuya nghiên bút, miếng chung đỉnh đã kề môi gần miệng, nghĩ nỗi anh xơ em xác, vào luồn ra cúi, vinh thân mình như thế được là bao;

Người ruộng trâu khuya sớm cày bừa, trải nắng mưa vừa miệng lùm tay vo, nghĩ khi thuế bắt sưu tra, đưa của nuôi người, khổ cái xác nói ra càng thêm mệt. [1]

Thương kẻ thợ thuyền cực khổ, lương hướng chi mà được tối mất mai;

Xét người lính tráng nhọc nhằn, canh gác lại còn bớp đầu đá đít.

Dưới biển thuế thuyền thuế muối, Thương chánh cầm quyền [2];

Trên rừng cấm gỗ cấm than, Kiểm lâm bắt hiếp. [3]

Còn chi là gọi chút công tâm?

Nín sao được cái bầu nhiệt huyết!

Gặp lúc phong trào đổi mới, mấy mươi triệu anh em chung cực khổ, hăm hở giơ liềm dựng búa, vỗ tay lên toan giật lại lợi quyền;

Nhân khi cơ hội gây nên, tám mươi năm chìm đắm đã chán chường, dập dìu vỗ cánh giương vây, cất đầu dậy quyết theo gương Xô viết.

Có kẻ đứng treo cờ rải giấy, liều thân mình vào những chốn cơ nghiêm;

Có người ra đầu đạn mũi tên, hô quần chúng bước lên thềm quyết liệt.

Khí quốc dân càng bước càng hăng;

---

1. Cả câu ý nói người nông dân cay bừa vất vả chỉ vừa cho mình tạm đủ sống, nhưng sưu thuế nặng nề nộp để nuôi bọn thống trị bắt họ làm quần quật, nỗi khổ cực không biết kêu ai, nói ra lại càng mang vạ vào thân.

2. *Thương chánh cầm quyền:* cơ quan thuế quan đánh các thứ thuế thuyền, thuế muối.

3. *Kiểm lâm bắt hiếp:* cơ quan kiểm soát việc đẵn gỗ ở trên rừng ức hiếp những người làm nghề sơn tràng, cấm đốt than, lấy chặn gỗ của họ.

Hồn đế quốc một ngày một khiếp.
Những tưởng cơ trời đã tới, chí quyết tháo lồng sổ cũi, dắt anh em lên thượng cõi đài xuân;
Nào hay đế quốc dã man, hãy còn gượng phép làm oai, đưa chí sĩ ghép vào vòng lụy tiết.
Ô! Trời cao đất thẳm, biết tỏ cùng ai?
Nghĩa trọng thân khinh, thôi liều một kiếp!
Phát vãng lúc đào cây, xẻ núi, trải Đắc Pao, sang Đắc Pết, xiết nỗi dãi dầu;
Vội vàng khi vác cuốc, xách vên, roi lính "mọi" lệnh thằng Tây, ghê dường thảm thiết [1]!
Tủi lúc mình trần thân trụi, mưa không tơi, nắng không nón, cảnh phong trần đến thế nghĩ mà ghê!
Buồn khi tay trói chân cùm, cơm pha trấu, mắm pha giòi, ơn đế quốc đãi mình xem đã riết!
Lúc ngọa bệnh thang trời thuốc đất, bát cháo hồ đành bữa có bữa không;
Buổi lâm chung quan dế quách giun, mảnh chăn rách cũng dở đùm dở bịt. [2]
Thân bách luyện trải trăm than ngàn lửa, dầu mấy tuyết sương bao quản, mượn non sông làm núi cả màn vây [3];
Bước thiên nan khi một vực một trời, thương thay mưa nắng vô tình, đem hồn phách theo hang cùng núi biếc. [4]
Ối thương ôi!
Cây tàn lá đổ, cuốc thảm khóc sương;
Gió dập mưa dồn, ve sầu gọi nguyệt.
Ngảnh mặt lại mấy mồ lưu lạc, một vùng cỏ áy, nước non rầu rĩ khóc hồn oan;

1. *Vên:* một thứ dụng cụ để xúc đất.
2. Câu này ý nói lúc chết chôn trần hoặc bó chiếu, làm mồi cho giun dế.
3. Câu này ý nói người chiến sĩ cách mạng đã được tôi luyện dày dạn trong lò lửa đấu tranh chống đế quốc phong kiến.
4. *Thiên nan:* nghìn khó khăn.

Đau lòng thay những kẻ điêu linh, nửa nấm đất vàng, cây cỏ
ngậm ngùi thân tử biệt.

Tiếc là tiếc thân như thế, can trường như thế, sao chẳng sống
ít năm chi nữa, nhân quần còn lắm lúc thảnh thơi;

Thương là thương người thế này, cảnh ngộ thế này, bởi vì đâu
một phút mà xa, cửa Phật mở trông mây tối mịt.

Trên xã hội đương hồi bay nhảy, ai kẻ thêm lông chắp cánh,
dạ bi hoài ngẫm nghĩ những xót xa;

Trách hóa công sao khéo phũ phàng, người đầu vắng tiếng xa tăm,
thân giá áo đi về thêm vướng vít.

Ối thương ôi!
Sông lở khúc bồi;
Trăng tàn lúc khuyết.
Truyện kim cổ hỏi các làng hào kiệt, mấy ai mà hài cốt ở quê
hương;

Cuộc bách niên thương mấy chú công khanh, lớp đất cũng thảo vu
cùng tuế nguyệt.

Anh em ta:
Nặng nghĩa đồng chu;
Nhẹ tình phân khuyết. [1]
Hồn tinh vệ vẩn vơ vơ vẩn, bể Nam Minh mong hết sức đền bồi; [2]
Tiếng đỗ quyên rầu rĩ rĩ rầu, giọng cố quốc vì ai mà ríu rít? [3]
Gạt nước mắt viếng thăm người chín suối, mấy hòn máu nóng
đã tan chưa?

Mượn văn Nôm kể lể giấy vài hàng, một khúc u trường chăng
có biết?

ĐẶNG THÁI THUYẾN, HOÀNG THÀNH,
TRẦN HỮU CHƯƠNG và một số
chính trị phạm sáng tác tập thể.

---

1. *Phân khuyết:* xa cách.
2. *Tinh vệ:* chim nhỏ ở bờ biển. Ý nói người có chí, có thù.
3. *Đỗ quyên:* con cuốc. Ý nói người mất nước nhớ nước nhà bị giặc cướp mất.

VĂN TRUY ĐIỆU CÁC CHỊ

TIỂU DẪN: Đây là một bài văn truy điệu dành riêng cho các chị. Các chị là ai? Có cụ nói đây là các chị đã hy sinh trong cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Hưng Nguyên. Cũng có người cho rằng bài văn này truy điệu tất cả các chị đã hy sinh trong phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh những năm 1930 – 1931. Nội dung bài văn đề cập đến những phụ nữ tham gia phong trào nói chung, khó minh định là người ở một địa phương cụ thể, xin ghi để tìm hiểu thêm.

Bài này do cụ Phan Thái Mại, người xã Thanh Lâm, Nghệ An, cung cấp.

Than ôi!
Bóng quang âm vi vút, kiếp phù sinh chớp mắt đã mơ màng. [1]
Lòng ưu ái bâng khuâng, hồn tử sĩ chạnh niềm thêm thắc mắc
Giang sơn gánh vác, gái hòa trai;
Tạo hóa ghét ghen tài với sắc.
Bèo chìm đá nổi, non nước sụt sùi;
Kẻ khuất người còn, trúc mai rời rạc.
Nhớ các chị xưa:
Liễu yếu đào tơ;
Phòng khuê cửa các.
Trong gia hương nức tiếng nhân từ [2];
Ngoài xã hội dúng tay mực thước.
Hoặc có chị cày mây cuốc nguyệt, thú điền viên cay đắng trăm bề; [3]
Cũng có người buôn Sở bán Tần, đường quyền lợi theo đòi hết sức.
Hoặc có chị chán đời vật chất, chỉ sớm trưa chăm việc tằm tơ;
Cũng có nàng tức bộn quan nha, mà nhiều ít theo đòi hàn mặc. [4]
Dịu dàng nữ hạnh nữ dung;

---

1. *Quang âm:* quang là ánh sáng, âm là bóng tối, sáng rồi tối, tối rồi sáng, đây chỉ thời gian trôi qua. Phù sinh: nói đời người ngắn ngủi.

2. *Gia hương:* quê quán, gia đình.

3. Cày mây cuốc nguyệt: nói việc làm ruộng.

4. *Hàn mặc:* ngọn bút, thoi mực, nói việc học tập chữ Nho, chỉ học trò.

Đúng đắn phụ công phụ tắc.[1]

Những nóng ruột bốn ngàn năm dân tộc, nước mất nhà tan, nòi tàn giống vỡ, bẽ bàng thay kiếp ngựa thân trâu;

Lại đau lòng mười mấy triệu nữ lưu, mang xiềng nô lệ, nặng ách cường quyền, tủi hổ nhẽ con Hồng cháu Lạc.

Tức những bọn túi cơm giá áo, không biết nhục canh cặn cơm thừa, miệng thưa lưng cúi, bán giống nòi mà theo bả vinh hoa;[2]

Thương những người má phấn môi son, chẳng quản chi ăn nhờ ở cậy, tóc rối da chì, xem tính mạng lại như liều cỏ rác.

Tình tình cảnh cảnh xiết nỗi chua cay;

Nước nước non non, trăm chiều ngơ ngác.

Nghĩ phận chim lồng cá chậu, chết cũng nhục mà sống càng thêm nhục, không lẽ nằm than ngồi khóc, để giang sơn nhuộm mãi vẻ tang thương;

Vả chăng mắt phượng mày ngài, kém chi ai mà dại có như ai, thôi đành quyết chí ra tay, quẳng gối nệm để so tài lỗi lạc.

Giang sơn đón rước khách anh hùng:

Hoa cỏ chào mừng người cân quắc.[3]

Vòng chuyên chế quyết một phen quét sạch, cho hôn thú tự do, cho lợi quyền bình đẳng, đổ máu đào nhuộm lại cảnh đình vi;[4]

Ngọn trào lưu vừa gặp hội đua chen,khi lên đàn diễn thuyết, khi vào cuộc đấu tranh, giương tay trắng phá tan nền đế quốc.

Trải mấy lần lặn suối trèo non, lên ghềnh xuống thác, nặng thù chung mà nhẹ gánh tình riêng;

Biết bao trận phất cờ gióng trống, vào tử ra sinh, đem nhiệt huyết mà moi gan nghịch tặc.

Gần đây năm bảy tháng, tiếng trống biểu tình, ngọn cờ tranh đấu, rực sông Lam mà đỏ tía non Hồng;

1. *Phụ công phụ tắc:* ca ngợi những điểm lao động cần cù, đối xử phải phép... của phụ nữ.

2. *Miệng thưa lưng cúi:* chỉ những kẻ đớn hèn hay xu nịnh, bợ đỡ, ton hót.

3. *Cân quắc:* cái khăn bịt đầu của người con gái, đây chỉ gái anh hùng.

4. *Cảnh đình vi:* đình là nhà, vi là màn, chỉ cảnh gia đình ấm cúng.

Đã trải mấy nghìn năm, sử xanh nữ kiệt, bia đá anh thư, em chị Triệu và cháu con Bà Trắc. [1]

Thân hầu phận tớ, thay lốt đổi hình;

Con Rồng cháu Tiên, rạng mày nở mặt.

Những tưởng giang sơn giành giật đó, gặp hội trào lưu sôi nổi, dắt đồng bào cho lên tháp đại đồng;

Nào ngờ tạo hóa ghét chi, giữa vòng tên đạn tơi bời, sao vĩnh quyết vội chia đường sống thác.

Trời đất ôi! Mệnh hay chăng, thời thế hay chăng!

Chị em hỡi! Nín cũng cực, khóc than cũng cực!

Đục dòng cấn nước, thiệt thòi mấy đấng thuyền quyên;

Cướp của giết người, ghê gớm những tay độc ác.

Trông quang cảnh bấy lâu mà tủi, Tổ quốc lầm than, cửa nhà khói lửa, ngậm ngùi thế giới buổi can qua;

Thấy anh em năm xứ mà đau, xương cao tày núi, máu chảy đầy sông, tức tối nước nhà cơn loạn lạc.

Ôi giang sơn thế mà tang thương như thế, má hồng chi phận mỏng cánh chuồn!

Thôi nhân quần đây mà xã hội còn đây, mắt xanh đã lẫn chen bóng hạc!

Vẫn biết kiếp phù sinh thấm thoắt, trước cũng vậy, sau cũng vậy, mà thọ yểu bành thương rồi cũng vậy, hầu dễ gió mây hỏi nguyệt, cầu tử sinh chi thoát khỏi qua vòng; [2]

Song le hồi thế sự lộn nhào, tù bao nhiêu, chết bao nhiêu, đày Kông Tum, Côn Đảo biết bao nhiêu, hẹn nhau tháo cũi sổ lồng, dây đoàn thể để phần ai giữ mực.

Ôi! Sông Lam ngàn Hống, nguyệt rọi mờ mờ;

Ôi! Dặm liễu đường hòe, hoa rơi man mác.

Cảnh phù dung gà sớm te te;

Hồn cảm cựu chim kêu xao xác.

---

1. *Anh thư:* người đàn bà tài giỏi, có chí, nổi tiếng.

2. *Thọ yểu bành thương:* ý nói sống lâu hoặc chết non.

Nghĩ đến câu *nhất thốn tâm thiên cổ sự*, bốn mùa non nước
bóng trăng in;[1]

Lại trông ra *tam xích thổ bách niên phần*, một nấm cỏ hoa chiều
gió phất.[2]

Nghĩ sống đó cũng không đến hổ, như những lúc phấn đấu kỳ cùng, hy sinh triệt để, quyết chí vin vai hào kiệt, trước miệng hùm
cả quyết máu xông pha;

Thời thác đi ấy cũng là vinh, nhưng rồi đây công nông liên hội, thế giới đại đồng, quay đầu ngó bạn quần thoa, trên trướng ngọc
ngập ngừng châu lác đác.

Thôi thì thôi!

Âm thanh cảnh vắng đó cứ tu hành;

Nợ nước thù non đây xin gánh vác.

Tiệc hạ công khao thưởng một bài, khóc than nhau giữa hội
đoạn trường;[3]

Lễ truy điệu than thở vài câu, an ủi bạn dưới miền cực lạc.

KHUYẾT DANH

---

1. *Nhất thốn tâm thiên cổ sự:* một tấc lòng mang việc ngàn năm.
2. *Tam xích thổ bách niên phần:* ba tấc đất đắp nên cái mồ của người quá cố.
3. *Hạ công:* mừng công, tác giả coi nổ ra cuộc đấu tranh là đã thắng lợi.

VĂN TRUY ĐIỆU NGUYỄN CÔNG THƯỜNG

TIỂU DẪN: Nguyễn Công Thường người làng Xuân Tường (nay là xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An), hy sinh trong cuộc biểu tình lịch sử ngày 1–9–1930 của huyện Thanh Chương tại bến đò Nguyệt Bổng. Ngay chiều hôm ấy, nhân dân Thanh Chương đã làm lễ truy điệu đồng chí. Sau đó, để phát động lòng căm thù và khí thế đấu tranh, các làng, các xã đều làm lễ truy điệu. Đây là bài văn truy điệu của xã Võ Liệt vào ngày 15 tháng 7 năm Canh Ngọ, tức ngày 7–9–1930 (một tuần sau đó). Tác giả là nhà Nho làng Võ Liệt, đậu giải nguyên năm 1918, có cảm tình với Đảng Cộng sản.

Bài này do Tôn Gia Chung cung cấp.

Than ôi!
Vòng thiên diễn mưa Âu, gió Á, bốn phương đều lừng lẫy phong triều;[1]
Chí nam nhi hồ thỉ tang bồng, một niềm nghĩ giang sơn cố thổ.
Nghĩa tử sinh xem tựa giấc chiêm bao;
Lòng trung nghĩa chẳng đợi cơn biến cố.
Nước Nam ta:
Gặp hội truân chiên,[2]
Mắc vòng bảo hộ.
Đường chính trị phân tranh lắm nỗi, giả văn minh bưng bít mắt tai;
Suối tài nguyên cướp lấy nhiều phần, cùng quan lại đục soi máu mủ.
Hăm lăm triệu đồng bào căm tức, quyết vùng lên mở cuộc biểu tình;
Khắp ba kỳ cờ trống vang lừng, chen bước thẳng yêu cầu Chính phủ.
Nguyễn lang ta:
Tính khí hiên ngang;
Thiên tư tài bộ.
Năm trăm hợp anh em Lâm tổng, chí hy sinh gắng sức sanh phù;[3]
Hăm lăm tuổi sinh trưởng Xuân thôn, ơn cố quốc ra tay tế độ.[4]

---

1. *Thiên diễn:* sự thay đổi, sự biến hóa của cuộc sống, của vũ trụ.
Phong triều: phong trào.

2. *Truân chiên:* gian nan vất vả.

3. *Lâm tổng:* tức tổng Xuân Lâm, tổng của Nguyễn Công Thường, tổng này chạy từ Rú Nguộc xuống chợ Cồn. *Sanh phù:* giúp đỡ để cho sống lại, lớn lên.

4. *Xuân thôn:* tức thôn Xuân Tường. *Tế độ:* lấy Phật pháp mà cứu tế để cho chúng sinh ra khỏi biển khổ.

Nằm gai nếm mật, chung nỗi ân ưu; [1]
Lặn suối bắt thuyền, riêng phần lao khổ. [2]
Những tưởng tới nơi huyện ly, phất cờ đào đánh đổ cõi thiên thanh; [3]
Nào ngờ bị chúng hung tàn, buông tên đạn đã xa miền quá độ. [4]
Một là vì thằng suất đội Dởn, lĩnh quân binh mong thưởng cái mề đay; [5]
Hai là vì thằng phó bảng Phàng, xui Tây tập đàn áp đoàn dân hộ. [6]
Núi Hồng Lĩnh ù ù gió thổi, nhìn trông mây ráng khéo buồn ghê;
Sông Lam Giang ục ục sóng dồn, nghĩ kẻ thanh niên thêm ái mộ.
Thôi sống thác chẳng qua phận định, này tự do, này nhân đạo, để công lao bia tạc ngàn thu;
Kìa chui lòn những tụi chó săn, nào thám tử, nào Lý nhân, lưu tội ác danh ô vạn cổ. [7]

Rày nhân:
Vừa Tết Trung nguyên;
Kính dâng lễ số.
Kẻ nhen hương, người thắp sáp, dưới sân đều đủ mặt công, nông;
Này đặt tráp, nọ cài hoa, bên trướng sắp đầy hàng phụ nữ.
Hồn phách thấu hay chăng nhẽ, chốn công đường đành thỏa thích hồn xưa; [8]
Linh hồn hoặc có oan thay, nhà phủ Ngạc đã bồi hoàn mệnh đó. [9]

PHAN BÁ HÒE
1930

---

1. *Ản ưu:* lo buồn, suy nghi.

2. *Lặn suối bắt thuyền:* ý nói khi đoàn biểu tình của tổng Xuân Lâm và tổng Đại Đồng kéo đến bến đò Nguyệt Bống thì thuyền bè đều bị chúng bắt giữ bên bến Chợ Rộ. Nguyễn Công Thường đã hăng hái bơi qua sông để lấy lại thuyền đưa đoàn biểu tình sang huyện ly.

3. *Thiên thanh:* sắc xanh của da trời, đây ám chỉ bọn thống trị, bọn bóc lột lúc đó.

4. *Quá độ:* ý nói đã hy sinh.

5. *Đội Dởn:* tên suất đội khố xanh đóng tại huyện ly Thanh Chương lúc đó.

6. *Phó bảng Phàng:* tức Phan Sĩ Phàng, người Võ Liệt, đỗ phó bảng, làm giáo học dạy chữ Hán tại Trường Quốc học Vinh, được bọn thống trị cho về làm tri huyện Thanh Chương lúc đó.

7. Đảng Lý nhân là tổ chức phản động do bọn thống trị lập ra.

8. Nói việc hôm đó: huyện đường Thanh Chương và nhà phủ Ngạc, tức nhà của bố con Phan Sĩ Phàng đều bị quần chúng đốt sạch, ngay sau cuộc biểu tình.

9. Như 8.

VĂN TRUY ĐIỆU VÕ TRỌNG CẢNH

TIỂU DẪN: Võ Trọng Cảnh người thôn Phù Xá (bây giờ là xã Hưng Xá), huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Đồng chí là Huyện ủy viên huyện Hưng Nguyên trong những năm 1930 – 1931, bị địch bắt trong cuộc đấu tranh lấy lúa chia cho dân nghèo vào khoảng tháng 3–1931, tại chợ Trung (xã Hưng Thắng, rồi bị đem xử bắn tại chợ Liệu (xã Hưng Lĩnh).

Bài này do đồng chí Võ Trọng Ân, người trong gia đình, cung cấp.

Than rằng:
Một dây đoàn thể, cờ Xích Nga treo khắp cõi hoàn cầu;
Hai chữ hy sinh, gương tráng sĩ rạng soi miền Quế Hải. [1]
Thấy cường quyền thêm nóng mặt giang sơn;
Vì chủ nghĩa luống thương người địch khái. [2]
Gió mưa cuốn đất, cây cỏ phai màu;
Sấm sét vang trời, âm dương rẽ lối.
Đồng chí xưa:
Bản tính hiên ngang;
Tấm lòng hăng hái.
Mài gươm đọc sách, dòng trâm anh từng giữ dấu gia phong;
Bán lợi mua danh, tuồng vật chất thây cha đời thế thái.
Rõ ràng sao ngoài tứ bể nước họ, trống tự do, cờ độc lập, rạng vẻ văn minh;
Thẹn thùng thay mấy mươi triệu dân ta, thân trâu ngựa, cảnh lầm than, cam bề hủ bại.
Chí phục thù dậy những thuở thanh xuân;
Gan mạo hiểm đủ ghê hồn dị loại. [3]
Ân cổ động xuất dương du học, khoảng ba năm trạng huống chua cay;

1. *Quế Hải:* biển Quế, trong thời nước ta bị Trung Quốc chiếm đóng, người Trung Quốc gọi nước ta là Quế Lâm, vì sản xuất nhiều quế, đây chỉ nước ta.

2. *Địch khái:* căm thù địch.

3. *Dị loại:* chủng loại khác, chỉ bọn Tây.

Tuồng thiên nhiên mãn hạn phóng hồi, hơn mười tháng lòng còn khảng khái. [1]

Hồi đen may cũng lần lừa;

Lòng đỏ vẫn còn đua đuổi.

Gặp hội trào lưu sôi nổi, khi tuyên truyền, khi tổ chức, nặng giang sơn mà nhẹ gánh gia đình;

Giữa vòng tên đạn tơi bời, khi diễn thuyết, lúc đấu tranh, vào đoàn thể để chen vài bằng bối. [2]

Miệng hùm nọc rắn, vào tử ra sinh;

Dạ sắt lòng son, qua đèo vượt núi.

Trai vẫy vùng Lam Phố, tiếng tăm còn nức miệng công nông; [3]

Cuộc đấu tranh Hưng Nguyên, thanh tích lọt vào tai cọp sói. [4]

Cao chạy xa bay, lúc gian nan tạm giấu mặt hào hùng;

Phất cờ gióng trống, sẵn vây cánh những toan đường sống mái.

Mẹ kiếp mấy thằng thám tử, tay nó dài ghê!

Cha đời cái phận phong trần, theo anh bắt lại!

Những tưởng cường quyền là thế thế, nương náu lao tù, qua ngày đoạn tháng, ba thước gươm sẽ quyết với năm châu;

Nào ngờ công lý mất đâu đâu, gớm ghê mặt nạ, ngày trắng trời xanh, một tiếng súng thu linh về chín suối.

Ôi!

Đất lệch trời nghiêng;

Bèo chìm đá nổi.

Thảm nỗi đất bằng tuôn sóng gió, cuộc bể dâu chia rẽ đứt đôi đường;

Ngán thay trời úa đổ mây mù, cơ thành bại nặng nề tình một khối.

---

1. Chỉ việc Võ Trọng Cảnh vào khoảng 1925 – 1926 có tham gia việc cổ động và đưa thanh niên xuất dương sang Xiêm tìm đường cách mạng, bị địch bắt và kết án ba năm, nhưng mới giam mười tháng thì được thả.

2. *Bằng bối:* chỉ bạn bè.

3. *Lam Phố:* Lam Giang và Phố Giang, vì làng Phù Xá ở gần ngã ba Tam Chế, nơi hợp của sông Lam và sông La; đây chỉ cả miền Nghệ – Tĩnh.

4. Sau cuộc biểu tình 12-9 ở Hưng Nguyên, bọn thống trị đã tìm bắt Võ Trọng Cảnh, nhưng đồng chí đã "thoát ly" để hoạt động bí mật.

Ôi thôi thôi!
Anh em ta sống thác có hề chi;
Đế quốc nó tham tàn đà hết nói.
Miền cực lạc đàn anh cười khúc khích, đủng đỉnh gỡ mây cưỡi hạc,
chốn Bồng Lai vui thú thanh nhàn.
Tháp đại đồng quần chúng quyết đua tranh, quét tan lũ sói
đàn hổ, ca khải hoàn phất cờ xã hội.
Đồng ưu hai hàng lệ chứa chan;
Truy điệu một vài câu ngắn ngủi.
Hỡi ôi! Thương ôi!

KHUYẾT DANH
1931

*

VĂN TRUY ĐIỆU TRẦN KHANG

TIỂU DẪN: Trần Khang quê làng Cẩm Nang, xã Lương Điền, tổng Bích Hào, huyện Thanh Chương, Nghệ An. Đồng chí hoạt động tích cực trong phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, bị địch bắt và giết ngày 3 tháng 9 năm Canh Ngọ, tức ngày 24–10–1930.

Nguyễn Điệng, một nhà Nho có tham gia hoạt động cách mạng, ở Lương Điền, thương tiếc Trần Khang, làm bài văn truy điệu này, đọc trong lễ truy điệu năm 1933.

Than ôi!
Thời thế xoay vần;
Cuộc đời rắc rối.
Khách anh hùng gặp buổi truân chiên;
Vầng trời đất nổi cơn gió bụi.
Vào sinh ra tử, nghĩa trạch bào chưa vẹn ước trăm năm;[1]
Kẻ khuất người còn, tình văn điếu ngậm ngùi nơi chín suối.

---

1. *Nghĩa trạch bào:* nghĩa đồng bào.

Nhớ anh xưa:
Bích, Cẩm quê hương [1]
Trâm anh dòng dõi.
Đầu xanh tuổi trẻ gặp hội đua chen;
Dạ sắt lòng son, một niềm hăng hái.
Câu diễn thuyết tràn đầy chí khí, Pháp và Nam đã có ý truy tầm;
Cuộc biểu tình đủ khắp anh em, đồn với huyện định lập mưu bắt trói. [2]
Những chắc tam sinh hữu hạnh, kẻ đua tài, người đua sức, món thù chung không thể đội trời chung; [3]
Còn mong nhất cử thành danh, đông có mây, tây có sao, bạn nông giới quyết gây nên thế giới. [4]

Nào ngờ:
Cơ tạo hay trêu;
Lòng người chưa đổi.
Tụi "Lý nhân" còn ra sức theo đòi;
Giặc đế quốc mới thẳng tay tàn hại.
Đồ phi loại làm những điều phi lý, trải từng phen bao xiết nỗi kinh hoàng;
Người vô duyên mắc phải đạn vô tình, trong một bước biết đâu là may rủi.
Ôi thương ôi! Non sông Nam Việt chưa khỏi hồi đen;
Ôi thương ôi! Ngành ngọn Đông A gặp khi vận cuối. [5]
Ôi thương ôi! Thung huyên tươi tốt, ai làm cho đổ lá rung cây; [6]

---

1. Chỉ quê quán Trần Khang. Xem tiểu sử ở trên.

2. Ý nói, Trần Khang trước đó đã từng đi diễn thuyết, đi kêu gọi quần chúng biểu tình, tham gia nhiều cuộc biểu tình; bọn thống trị đã ghi vào sổ đen, mấy lần định bắt.

3. *Tam sinh hữu hạnh:* tam sinh là ba kiếp sống (tiền sinh, kim sinh và lai sinh); hữu hạnh là gặp may, tốt đẹp. Đây nói cuộc sống tốt đẹp.

4. *Nhất cử thành danh:* làm một việc mà nên chuyện.

5. *Đông A:* tức là chữ Trần (về chữ Hán, chữ Trần do chữ "A" và chữ "Đông" nhập lại mà thành). Đây chỉ đồng chí Trần Khang là dòng họ nhà Trần.

6. Ý nói bố mẹ đồng chí Trần Khang đều còn sống, khỏe mạnh.

Ôi thương ôi! Loan phượng sum vầy, ai nỡ để nghiêng chăn lệch gối.[1]
Man mác hoa trôi bèo giạt, kiếp phù sinh nghĩ lại thêm buồn;
Mơ màng nước biếc non xanh, hồn vô sản biết đâu mà gọi.
Canh Ngọ ngày mồng ba tháng Chín, súng thị uy nghe mấy tiếng đùng đùng;[2]
Lương Điền lần kỷ niệm thứ hai, cờ truy điệu kéo đôi hàng phấp phới.[3]
Hội cứu tế dẫu sẵn lòng bác ái, ngàn vàng khôn chuộc kẻ tài danh;
Bạn công nông sực nhớ nghĩa đồng ưu, ba chữ gọi chút tình cảm khái.
Thôi đành chịu hy sinh tính mạng, hẳn thoát khỏi những vòng trói buộc, nghĩa quốc dân vẹn vẻ giữa trần ai.
Gần tới ngày bạo động thời kỳ, dắt anh em lên cõi hòa bình, tiếng Cộng sản vang lừng trong xã hội.
Ôi anh em ôi! Hỡi trời đất hỡi!

NGUYỄN ĐIỆNG
1933

*

VĂN TRUY ĐIỆU ĐỒNG CHÍ THIÊN VÀ ĐỒNG CHÍ LỘC

TIỂU DẪN: Đồng chí Thiên tức Nguyễn Trung Thiên, tên chính là Trần Đình Thiều, người làng Dương Xuân, tổng Đặng Sơn (nay là xã Lĩnh Sơn), huyện Anh Sơn, thoát ly gia đình năm 1929, đi hoạt động lấy tên là Trần Lai. Năm 1930, đồng chí công tác ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, bị bắt rồi bị bắn ngày 24 – 12 âm lịch (tức 11-12-1931). Còn đồng chí Lộc tên thật là Trần Cư, quê ở Phù Minh (Can Lộc), một cán bộ cơ sở, được đồng chí Thiên giác ngộ. Đồng chí Lộc cũng bị bắn cùng ngày. Để ghi nhớ hai đồng chí, nhân dân đã đặt xã mình là Thiên Lộc. Bài này do đồng chí Duyệt người xã Thiên Lộc đọc cho ghi.

---

1. Chi Trần Khang đã có vợ.
2. Tức ngày 24-10-1930.
3. *Lương Điền:* tức xã Lương Điền, cũng thuộc tổng Bích Hào, nay là xã Thanh Xuân.

Than rằng:
Núi Hồng Lĩnh hiu hiu gió thổi, thấy cỏ cây than thở khách anh hùng;
Sông Lam Giang văng vẳng câu hò, tình non nước ngậm ngùi hồn tráng sĩ.

Nhớ các anh xưa:
Thao lược gồm tài;
Kinh luân là chí.
Giữa buổi cường quyền áp bức, ghé vai vào gánh vác non sông;
Gặp cơn công lý bập bùng, dang cánh để vẫy cùng hổ thỉ.
Bốn nghìn năm Tổ quốc, núi bạc bể vàng;
Hăm lăm triệu đồng bào, đầu xanh máu tía.
Không lẽ chịu lầm than thế mãi, kẻ hô hào, người cổ động, sống mà chi, thác cũng mà chi;
Phá khỏi vòng nô lệ từ đây, hội phản kháng, cuộc biểu tình, súng cũng thế, gươm thời cũng thế.

Ngậm cay nếm mật chung nỗi âu sầu;
Mở hội bắc cầu giữ phần ưu hỷ.
Tiếc là tiếc xương đồng da sắt, quyết vẫy vùng lúc đạn lạc tên bay;
Thương là thương dạ đá gan vàng, ra chống chọi giữa mưa Âu gió Mỹ.
Thân cách mạng biết bao phen oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng như không;
Chí anh hùng trải lắm lúc gian nan, hồn phách quý, non sông càng thêm quý.

Song le:
Bốn bể tương thân;
Năm châu đồng chí.
Không phải riêng anh em trong cõi Việt, phất cờ đào mà đuổi lũ tàn hung;
Biết bao nhiêu vô sản giữa hoàn cầu, đánh trống trận mà lừa quân ác quỷ.

Hồn có thiêng liêng thời phảng phất, hãy về đây giúp đội tiên phong;

Chớ nề lưu thác chốn tha phương, không đoái tới gì ban vệ ủy. [1]

Dẫu ai có vợ góa con côi, cha mẹ già yếu, trước ba sinh xin chớ phàn nàn;

May gặp hội trời xanh biển lặng, gió thuận mưa hòa, dưới chín suối vui lòng yên ủi.

Các anh thác mà tiếng thơm chẳng mất, mấy kẻ đua chen;

Chúng tôi sống mà trả nợ chưa xong, tấm lòng vân vỉ.

Tấc lòng thành truy điệu, một nén hương dâng, gọi là giải cấu tình ly; [2]

Nặng nghĩa sau xưa, mấy lời kính viếng, thấu nhẽ tương phùng đồng chí.

Ôi thương ôi!

KHUYẾT DANH

*

VĂN TRUY ĐIỆU HAI ANH

TIỂU DẪN: Hai anh là ai? Chúng tôi chưa tìm được tiểu sử. Theo nội dung bài văn, hai anh là người thuộc tầng lớp giàu có, được học hành cẩn thận, sớm giác ngộ tham gia phong trào và hoạt động liên tục, đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác–Lênin. Hai anh đã sa vào lưới giặc và bị giết.

Bài này do một học sinh ở huyện Đô Lương (Nghệ An) cung cấp.

Mối chiến tranh chưa dứt hẳn, mệnh sinh hoàn còn lắm lúc lầm than; [3]

Nền kinh tế quyết đắp chung, thân tráng sĩ có hề gì sống thác.

Bể khổ trông chừng gai mắt, nào ai ngăn cản chí hy sinh;

1. *Lưu thác chốn tha phương:* gửi lại ở nơi xa, ý nói chết và chôn cất ở nơi xa quê hương (đồng chí Thiên). *Ban vệ ủy:* ban chi ủy. Cả câu ý nói: dù chết và chôn cất ở nơi xa quê hương, cũng nhớ tới ban vệ ủy.

2. *Giải cấu:* tình cờ không hẹn mà gặp.

3. *Sinh hoàn:* sinh linh trên hoàn cầu, chỉ nhân dân.

Suối vàng dù có tan xương, hãy cứ phất phơ hồn linh sảng.
Một giấc mơ màng;
Ngàn thu niệm tưởng.
Nhớ hai anh xưa:
Vốn dòng Nho gia;
Con nhà hào trưởng.
Kho tiền đụn lúa chứa chan;
Ruộng mẫu ao liền lai láng.
Cũng bậc tài danh;
Cũng tay khoa bảng.
Nếu không hiểu lợi quyền hai chữ, mà ra tay bóc lột, thực hai nhà giàu có gớm ghê;[1]
Phỏng như tham phú quý một đời, mà cúi cổ chui lòn, cũng một tụi quan trường nhũng lạm.
Song le, tính trời bẩm thụ, từ lên một, lên năm, lên tám, đã sẵn sàng cái óc khôn ngoan;
Vả chăng, nết đất dồi mài, lo xem sách, xem báo, xem đồ, thêm hiểu rõ con đường chính đáng.
Bỏ qua vật chất, no mà chi, ấm mà chi, sung sướng nữa mà chi;
Nhức nhối tinh thần, giàu cũng mặc, có cũng mặc, quan sang rồi cũng mặc.
Chỉ xót thương nhân loại, lênh đênh giữa bể trầm luân;[2]
Thêm tức tủi đồng bào, sống thác trong tay đế quốc.
Quay ngó trên phường áo mũ, chỉ trông vợ đẹp hầu non, lầu cao tòa rộng, đắm vinh hoa mà tô vẽ mặt mày;
Ngảnh trông dưới lũ nghèo hèn, chỉ lo đơm cha cúng mẹ, lạy Phật thờ thần, vì hủ lậu mà bít bưng tai mắt.
Văn minh nào có biết là gì?

1. Câu này ý nói nếu không giác ngộ về quyền lợi của giai cấp vô sản thì sẽ thành tư sản, kẻ thù của giai cấp.
2. *Trầm luân:* chìm đắm trong biển khổ.

Chủ nghĩa cũng tưởng rằng không khác. [1]
Ách cường quyền chẹt cổ đè đầu;
Tuồng nô lệ trói tay buộc cẳng.
Tài không hèn, sức không mọn, nghĩ mình cũng nam nhi chí khí, không lẽ cắn răng cúi cổ, chịu chim lồng cá chậu rứa ri:
Áo có mặc, cơm có ăn, muốn sao cho nhân loại sinh tồn, phải liều nhắm mắt dời chân, mong phượng múa loan rờn mới đặng. [2]
Lúc bấy giờ ra lộng vào khơi;
Chừng khi ấy lên ghềnh xuống thác.
Nào du học mộ người, nào xuất dương tìm bạn, tấm nhiệt thành hăng hái, thấu tai "Chính phủ" đã nhiều lần để ý tình nghi;
Hoặc hô hào dân chúng, hoặc vận động trong ngoài, lòng bôn ba ân cần, trước hội Duy tân đà lắm lúc ghé vai gánh vác. [3]
Nhân lúc phong trào sôi nổi, luống thẹn thùng Đông Á, Tây Âu; [4]
Mới tìm chủ nghĩa trung kiên, mà hâm mộ Lênin, Các Mác.
Đem thống khổ ra tuyên truyền cổ động, này tổ chức cơ quan, này chỉ huy quần chúng, noi Xô Nga mà chỉ lối đem đường;
Tập đồng bào cho can đảm hy sinh, khi tập trung diễn thuyết, khi tranh đấu biểu tình, chờ cơ hội để giơ chân nhóm bước.
Nhờ đó, người đều giác ngộ, cái mặt nạ cường quyền đế quốc khôn bề giả dối như xưa;
Cho nên, sau được vững bền, lũ đầu xanh nam nữ thiếu niên nối gót lần theo mực thước.
Than ôi!
Những tưởng sa cơ chưa đến nỗi, mà xông pha giữa trận, dắt díu nhau lên tháp đại đồng;
Nào ngờ lỡ bước phải xa vời, mà mắc lái (lưới) quân thù, bắn giết đã ra tay bạo ngược.

1. Câu này ý nói lúc đầu chưa hiểu chủ nghĩa xã hội.
2. *Phượng múa loan rờn mới đặng:* ý nói đi chiến đấu cho hạnh phúc của nhân dân.
3. Chỉ lúc hai chiến sĩ này hoạt động trong phong trào yêu nước, trước năm 1930.
4. *Luống thẹn thùng Đông Á, Tây Âu:* ý muốn nói con đường xuất dương sang Nhật của Phan Bội Châu và con đường sang Tây Âu như Phan Chu Trinh, cả hai đều không thực tế, không giải quyết được vấn đề cách mạng Việt Nam.

Ghê gớm thay! Công lý đâu mà đạo đức ở đâu?
Ngao ngán nhẽ! Các anh tủi mà chúng tôi cũng tủi!
Trời cao biển thẳm, khóc nhau khôn xiết sự tình;
Kẻ khuất người còn, nhắc nhở càng thêm cảm tưởng.
Thôi thì thôi!
Đã sinh có hóa, cái lẽ tất nhiên;
Nỏ trước thì sau, trong vòng ai chẳng.
Linh hồn đi cho khỏi, lũ đầu xanh còn lắm kẻ tung hoành;
Vô sản đứng dậy rồi, nền đế quốc hẳn phen này tan tác.[1]
Đồng ưu hai hàng lệ chứa chan;
Truy điệu một vài câu vắn tắt.

KHUYẾT DANH
1930

*

VĂN TRUY ĐIỆU ĐOÀN LÂN

TIỂU DẪN: Đoàn Lân, người thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Hải, tỉnh Quảng Trị, là một trong những chiến sĩ cộng sản đầu tiên ở Bình – Trị – Thiên. Năm 1929, đồng chí hoạt động cách mạng và bị đế quốc Pháp bắt, bị kết án tù chung thân và đày lên Lao Bảo. Tháng 1–1930, đồng chí đã chết ở trong nhà lao.

Bài văn truy điệu này đọc trong buổi lễ ngày 22–1–1930, tại nhà đày Lao Bảo.

Chưa rõ những ai là tác giả.

Tài liệu do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Bình – Trị – Thiên cung cấp.

Hỡi ôi!
Khói ủ trời xanh;
Sóng xao bể bạc.
Gặp buổi sinh linh đồ thán, nặng non sông đành phải nhẹ gia đình;
Muốn mưu nhân loại đại đồng, quý tinh thần nên phải hành thân xác.

---

1. Câu này nói lên ý nghĩa tích cực của phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh và khí thế của quần chúng cách mạng.

Nhớ anh xưa!
Khí bẩm tinh anh;
Tài tình lỗi lạc.
Đèn khuya sách sớm, nghề bút nghiên cũng đáng bậc tài danh;
Cửa rộng nhà cao, lối gia tư cũng sánh bề cung các. [1]
Gặp cơn dâu bể, kẻ khóc sưu, người van thuế, xứ xứ vang tai tiếng não sầu;
Luống những quặn đau, khi nghĩ cạn, lúc suy sâu, đoạn đoạn căm gan tuồng độc ác.
Vẫn biết thân gia thư thái, bề tài nguyên chẳng phí sức âu lo; [2]
Chỉ vì thế đạo bất công, nợ hồ thỉ phải kề vai gánh vác.
Kết đoàn lại này nanh này vuốt, nỗi gian nguy ngàn vạn chẳng sai chầy;
Vỗ tay lên làm bão làm dông, lòng khảng khái trăm năm nguyện ghi tạc.
Bao xiết kể vào kinh ra quận, nào tuyên truyền nào tổ chức, bỏ gia đình kiếm bạn sắt son;
Biết bao phen lướt gốc giày gai, khi mạo hiểm lúc lâm nguy, xem cường quyền như tuồng cỏ rác.
Ý quyết phơi gan trải ruột, ra tay đánh đổ lũ hung tàn;
Chỉ mong tháo cũi sổ lồng, thẳng bước lên đường mưu hạnh phúc.
Nào hay!
Trời đã éo le;
Người càng độc ác.
Tìm sâu vạch lá, lũ đầu trâu ác nghiệt đa đoan;
Xáo thịt nồi da, đồ mặt ngựa manh tâm tố giác. [3]
Cõi Đông Dương đất bằng sấm dậy, người tan nhà kẻ nát cửa, dân đen đoạn khổ đoạn căm lòng;

1. *Lối gia tư cũng sánh bề cung các:* câu này ý nói cuộc sống gia đình cũng sung túc, giàu có.

2. *Thân gia thư thái:* ý nói không phải lo lắng nhiều về cha mẹ, người thân trong gia đình.

3. *Tố giac:* tố cáo với bọn đế quốc.

Nạn Tây di ép mỡ rán sành, nay luật nọ mai lệ kia, mùi độc càng lâu
càng chua chát. [1]

Đã quyết trước sau tròn khí tiết, giam mặc kệ, tội tù mặc kệ,
gông cùm xà lim xá kể lối cơ mi; [2]

Chí lăm sắt đá vững tấm lòng, đày mà chi, cấm cố mà chi,
Lao Bảo, Côn Lôn nào ghê nơi đinh vực. [3]

Chín tháng lẻ trong vòng luy tiết, nào lúc yêu cầu khi phản kháng, bao phen tuyệt thực muốn chết quách cho rồi kiếp dở dang; [4]

Đôi mắt xem ngoài chốn lao tù, nơi toan bạo động dựng cờ hồng, khảng khái tấm lòng gượng sống lại để toan bề gánh vác. [5]

Bao phen ngậm cay nuốt đắng, lối tùy cơ đành tạm lần lừa;

May ra mạnh cánh dẻo vai, khi hữu sự lao vào công tác.

Dè đâu:

Đất nọ vô tình;

Trời kia phụ bạc.

Chứa chan một bầu nhiệt huyết, khối tình còn nặng với mai sau;

Thờ ơ một trận gió mây, hồn Anh đã tách nơi đường khác.

Sông Hãn lờ đờ dòng nước chảy, cá cua cùng tủi với vành trăng; [6]

Núi Mai mờ mịt một làn mây, cây cỏ cũng sầu theo bóng ác. [7]

Ngao ngán nỗi sông dài biển rộng, phù sinh nào khác bóng đưa qua;

Tức tối thay kẻ mất người còn, lệ ngọc khó cầm mưa lác đác.

Ôi, than ôi!

Ngang trời dọc biển, chính khí mênh mang;

Nhớ cảnh thương người, mối sầu man mác.

Ba tấc đất ngậm ngùi người ngọc, đoàn tiền phong chếch mất
một vai; [8]

---

1. *Nạn Tây di ép mỡ rán sành:* tục ngữ có câu *Rán sành ra mỡ*. Cả câu ý nói bọn Pháp bóc lột thậm tệ, keo kiệt.

2. *Cơ mi:* giàng buộc lỏng, ở đây ý nói lối giam giữ của đế quốc.

3. *Đinh vực:* nơi đồn trú biên ải, đây chỉ Lao Bảo, nơi Đoàn Lân bị lưu đày.

4. *Luy tiết:* cái dây xích trói buộc người tù. Chỉ chốn tù ngục.

5. *Gánh vác:* ý nói làm cách mạng.

6. *Sông Hãn:* sông Thạch Hãn ở Quảng Trị.

7. *Núi Mai:* núi Mai Lĩnh ở Quảng Trị. *Bóng ác:* bóng mặt trời.

8. *Đoàn tiền phong chếch mất một vai:* câu này ý nói Đảng mất một đảng viên ưu tú.

Chín tầng mây lờ lững hồn thiêng, nghĩa chung thủy đau lòng
bạn tạc.
Tay trần khôn kéo lại xe mây;
Tấc dạ xin ngỏ cùng suối bạc.
Thề cùng nhau bền gan bấm chí, cõi đại đồng xin ráng sức theo đòi;
Nguyện một lòng quét khói khua mây, tuồng vô đạo quyết đập
cho tan nát.
Xót đau bao xiết nỗi âu sầu;
Thô thiển biểu chút tình đạm bạc.
Hỡi ôi, thương Anh!

KHUYẾT DANH

*

VĂN TRUY ĐIỆU NGUYỄN NGHIÊM

TIỂU DẪN: Nguyễn Nghiêm sinh năm 1904 tại làng Tân Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, là Bí thư Tỉnh ủy Đảng Cộng sản Đông Dương của tỉnh Quảng Ngãi. Đồng chí cùng Đảng bộ tỉnh lãnh đạo cao trào cách mạng 1930 – 1931 ở Quảng Nghĩa. Cuộc biểu tình lịch sử ở huyện Đức Phổ ngày 8–10–1930 đã làm địch hoảng sợ. Ngày 1–1 âm lịch, tức ngày 17–2–1931, đồng chí bị giặc Pháp bắt. Ngày 6–3 âm lịch, tức 23–4–1931, chúng đã xử chém đồng chí tại bãi cát giữa sông Trà Khúc.

Sau khi đồng chí Nguyễn Nghiêm bị hại, đảng viên và nhân dân đã làm lễ truy điệu đồng chí ở nhiều nơi. Trần Kinh Luân sinh năm 1896, người xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng nghĩa, đã làm bài văn truy điệu này và đọc tại cuộc lễ tổ chức tại quê của Nguyễn Nghiêm.

Sử nhân loại đầy những trang thảm khốc, yếu là thua, mạnh là
được, lẽ bất công do lũ cường quyền;
Dân Việt Nam qua bao cuộc đấu tranh, lớp trước hạ, lớp sau trồi,
lòng bất khuất với quân tàn bạo.
Sống làm trâu làm ngựa, sống tôi đòi, sống rất nhuốc nhơ;
Chết vì nước vì dân, chết khí tiết, chết càng oanh liệt.

Nhớ anh xưa:
Dòng dõi khoa danh;
Con nhà cách mạng.[1]
Xa nghiêm phụ từ khi thơ ấu, chân trời góc biển, ngóng Côn Sơn càng tức dạ hiếu nhi;
Nương từ thân đến lúc trưởng thành, hận nước thù nhà, trong hoàn cảnh thêm đau lòng chí sĩ.
Vào Nam, ra Bắc len lỏi tìm tòi;
Hội nọ, đảng kia tham gia bí mật.[2]
Xảy gặp:
Sóng công nông từ Trung Quốc tràn vào;
Cờ liềm búa từ Xô Nga phất tới.
Liếc mắt rõ ràng thời đại mới, bắt liên lạc anh em tình bạn, tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lê;
Chen vai gánh vác địa phương nhà, để dắt dìu quần chúng nhân dân, đảm nhiệm vai trò Tỉnh bộ.
Hết lòng cổ động, tổ chức, dựng xây;
Ra sức hô hào, kết đoàn, hành động.
Treo cờ, rải giấy đầy khắp xóm làng;
Mét tinh, biểu tình xông vào phủ huyện.
Phong trào ồ ạt, bọn thực dân phách lạc hồn kinh;
Khí thế lẫy lừng, tụi quan lại chuột lùi chó chạy.
Vừa nối tiếp Nghệ – Tĩnh hai tỉnh, trải mấy phen tranh đấu, lấy tinh thần chống chọi súng gươm;

1. Con nhà cách mạng: ông thân sinh của đồng chí Nguyễn Nghiêm là Nguyễn Tuyên, đỗ tú tài, thường gọi là Tú Uyên, tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thục, hoạt động trong cuộc kháng sưu năm 1908 ở Quảng Nghĩa, bị thực dân Pháp bắt, đày ra Côn Đảo.

2. *Hội nọ, đảng kia tham gia bí mật:* chỉ việc Nguyễn Nghiêm cùng với Trương Quang Trọng, Nguyễn Thiệu lập ra Đảng Cộng Ái ở Quảng Nghĩa. Năm 1926, đồng chí mới vào Đảng Tân Việt, năm 1927 gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 3-1930, Xứ ủy Trung Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương cử Phan Thái Ất vào bắt liên lạc với Nguyễn Nghiêm.

Sắp liên kết Nam – Bắc hai kỳ, quyết một trận lớn lao, dốc lực lượng chuyển xoay thời cuộc.
Không ngờ: Ngày mồng một tháng Giêng, anh bị giặc bắt;
Thời cơ còn chờ đợi, sao anh vội đi đâu?
Công việc chưa hoàn thành, sao anh đành để dở?
Vì đâu nên nỗi, chém cha phường cõng rắn cắn gà!
Chẳng biết đến nòi, đù mẹ lũ rước voi giày mả!
Ngày mồng sáu tháng Ba, ngày căm thù sâu sắc, quân dã man cướp sống bạn đồng tâm;
Năm Ba mươi Ba mốt, năm chiến đấu vẻ vang, Đảng Cộng sản giương cao cờ quyết thắng.
. . . . [1]
Nhớ lúc còn nằm trong ngục thất, vẫn tranh thủ tuyên truyền binh lính, nhắc nhở anh em;
Đến khi gần ra chốn pháp trường, vẫn ung dung vĩnh biệt cõi trần, ngâm thơ giã bạn.
Nhiệm vụ nặng, bản thân coi nhẹ, rất đáng kính yêu;
Giành sống chung, đành chịu thác riêng, vô cùng anh dũng.
Xác tuy chết, hương hồn không chết, chết đi theo Các Mác, Lênin;
Người không còn, danh tiếng vẫn còn, còn mãi với Trà Giang, Bút Lĩnh.[2]
Một người xướng, ngàn vạn người tiếp ứng, quyết phục thù nối chí ngày mai;
Một kẻ ngã, ức triệu kẻ đứng lên, thề xé thịt phanh thây chúng nó.
Than ôi!
Hạc bay bổng lên non!
Ngọc chìm sâu xuống bể!
Gương sáng cổ nhân để lại, chúng ta cương quyết noi theo;
Bánh xe lịch sử không lùi, cách mệnh nhất định tiến tới.
Hàng vạn quả tim sôi;
Một vài dòng máu nhỏ.

TRẦN KIM LUÂN

*

---

1. Chỗ này thiếu một số câu chưa sưu tầm được.
2. *Trà Giang, Bút Lĩnh:* tên con sông và ngọn núi ở Quảng Nghĩa.

THỐNG NIỆM PHẠM HỒNG THÁI

TIỂU DẪN: Tháng 4 năm 1924, Phạm Hồng Thái đọc báo biết tin Toàn quyền Méclanh (Merlin) sắp sang Nhật công cán, và sẽ ghé lại Quảng Châu (Trung Quốc). Nhóm Tâm Tâm xã họp, vạch tội ác của Méclanh, khép hắn vào tội tử hình, giao cho Hồng Thái và Hồng Sơn thi hành bản án. Bọn Pháp kiều tổ chức chiêu đãi Méclanh tại khách sạn Víchtôria trong khu vực Sa Điện.

Phạm Hồng Thái đóng vai phóng viên trà trộn vào đám các nhà báo Trung Quốc đi dự tiệc, vai đeo hộp máy ảnh giả, trong đựng tạc đạn. Đang giữa lúc bọn tây đầm từng cặp ôm nhau nhảy, Phạm Hồng Thái ném tạc đạn vào chúng. Tạc đạn nổ, vợ chồng tên giám đốc Ngân hàng và ba tên võ quan Pháp chết ngay tức khắc, nhưng tên Toàn quyền Méclanh chỉ bị thương nhẹ. Khi làm xong nhiệm vụ, Hồng Thái nhảy qua cửa sổ, định chạy về phía bờ sông có sẵn thuyền của Hồng Sơn đón, nhưng bọn lính gác đã chặn ngang đường, Hồng Thái liền chạy ra phía khác, rồi nhảy xuống sông để bơi sang bên kia thành phố. Song, không đủ sức, Hồng Thái bị dòng nước cuốn phăng đi. Hai ngày sau, thi hài của đồng chí được tìm thấy ở sông Châu Giang, và sau đó được chôn cất trong khu nghĩa địa Hoàng Hoa Cương, nơi yên nghỉ của 72 liệt sĩ Trung Quốc.

Lê Hồng Sơn sinh năm 1899, tại thôn Xuân Hồ, xã Xuân Liễu (nay là xã Xuân Hòa), huyện Nam Đàn, Nghệ An. Cuối năm 1924, đồng chí bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Ái Quốc và trở thành một trong những người sáng lập ra Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, gọi tắt là Đảng Thanh niên. Ngày 3–2–1930, đồng chí tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuối năm 1931, trước cao trào cách mạng Xô viết Nghệ – Tĩnh, bọn thực dân Pháp một mặt thẳng tay đàn áp phong trào trong nước, mặt khác chúng câu kết với đế quốc Anh và Tưởng Giới Thạch khủng bố các chiến sĩ cách mạng hoạt động ở Hương Cảng và Trung Quốc. Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu bị bắt trong đợt đàn áp này và bị chúng đưa về nước để tra hỏi. Chúng biết Lê Hồng Sơn là người đã trừng trị Phan Bá Ngọc, một tên phản bội, nên tra tấn rất dã man. Đồng chí đã giữ thái độ hết sức bình tĩnh, dũng cảm, không cung cấp cho chúng bất cứ một tài liệu gì về hoạt động của Đảng. Năm 1932, chúng đã kết án tử hình và đưa đồng chí về quê quán tại Nam Đàn để bắn. Nay tại xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, đã xây mộ chí Lê Hồng Sơn.

Bài thơ dưới đây của Lê Hồng Sơn làm và đọc tại buổi lễ tưởng niệm Phạm Hồng Thái, tổ chức tại Quảng Châu, nhân dịp kỷ niệm lần thứ nhất ngày Phạm Hồng Thái hy sinh.

Phiên âm:

Quốc phá gia vong bất cộng thù,
Tiên sinh ninh khẳng tích tàn khu.
Lương chùy bất chúng tâm dư liệt,
Kinh kiếm vô linh chí diệt thù.
Quyết hoán quốc hồn lai tỉnh mộng,
Bất kham lệ sái khấp cô chu.
Lưu cầu thảng nhược vô thời thí,
Hà sự phong trần hãn mạn du.

LÊ HỒNG SƠN
19-6-1925

Dịch nghĩa:

THƯƠNG XÓT PHẠM HỒNG THÁI

Nước mất nhà tan, mối thù không đội trời chung,
Tiên sinh đâu chịu tiếc tấm thân tàn.
Chùy Trương Lương không trúng, trong lòng bừng cháy, [1]
Kiếm Kinh Kha mất thiêng, chí vẫn diệt thù. [2]
Quyết gọi hồn nước về, cho tỉnh lại giấc mơ,
Khôn gạt giọt lệ tràn, khóc chiếc thuyền cô quạnh, [3]
Dao lưu cầu ví phỏng không mang ra thử, [4]
Việc gì phải xuôi ngược nơi gió bụi.

---

1. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, Tần Thủy Hoàng diệt nước Hàn. Trương Lương, người nước Hàn, thuê một người làm thích khách, sử dụng quả chùy nặng 120 cân đón giết Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bác Lãng. Nhưng người thích khách không giết được Tần Thủy Hoàng, vì đánh nhầm vào một xe khác – xe tùy tùng của Tần Thủy Hoàng.

2. Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, Tần Thủy Hoàng muốn thôn tính nước Yên, Thái tử Đan của nước Yên thuê Kinh Kha, một kiếm khách, mưu giết Tần Thủy Hoàng. Việc không thành, Kinh Kha bị hy sinh.

3. *Cô chu:* chiếc thuyền lẻ loi. Đây chỉ chiếc thuyền của Lê Hồng Sơn không đón được Phạm Hồng Thái.

4. *Lưu cầu:* thanh kiếm hay dao quý. Ở đây chỉ lòng yêu nước, chí diệt thù.

Dịch thơ:

Nước mất nhà tan ngất hận thù,
Tiên sinh nào tiếc tấm thân ru!
Ngọn chùy chẳng trúng, tâm bừng cháy,
Mũi kiếm không nên, chí diệt thù.
Hồn nước tỉnh mau vang tiếng gọi,
Lệ đâu suông khóc chiếc thuyền trơ.
Lưu cầu nếu chẳng đem ra thử,
Lận đận làm chi chốn hải hồ.

ĐINH GIA KHÁNH dịch

KHÓC NHỮNG NGƯỜI DÂN NGHỆ - TĨNH BIỂU TÌNH BỊ ĐẾ QUỐC TÀN SÁT NĂM 1930

Sống làm nô lệ, thác còn vinh,
Thương kính nghìn muôn chúng biểu tình [1]!
Mắt rõ lợi quyền, gan phấn đấu,
Lòng tin chủ nghĩa, xác hy sinh, [2]
Dã man khủng bố bao nhiêu trận,
Bồi đắp công nông vững mấy thành.
Cờ đỏ nhuốm thêm màu máu đỏ,
Làm cho thống trị phải hồn kinh.

KHUYẾT DANH

*

VIẾNG BẢY LIỆT SĨ

TIỂU DẪN: Đầu năm 1932, tại nhà lao Hải Phòng, sau khi đồng chí Nguyễn Thế Long, người Tiền Hải, Thái Bình, vượt ngục, bọn chúa ngục ra lệnh cùm tất cả tù chính trị trong lao gồm 50 đảng viên Cộng sản và 20 đảng viên Quốc dân đảng. Tất cả mọi người nổi dậy đấu tranh, không chịu xỏ chân vào cùm. Thế là bọn chúa ngục đàn áp. Cuộc đấu tranh kéo dài trong 3 giờ

1. *Chúng biểu tình:* quần chúng đi biểu tình.
2. *Chủ nghĩa:* đây là chủ nghĩa Mác – Lênin.

liền. Cuối cùng chúng nổ súng bắn vào những người tù, làm 7 người chết và 13 người bị thương. Đồng chí Nguyễn Văn Ngọ đã tham gia vào cuộc đấu tranh ấy và đã làm bài thơ này.

Tâng, Đang, Hồ, Tịnh, Thuận, Xương, Dương, [1]
Máu đỏ còn in bãi chiến trường.
Thân thể hy sinh tròn nhiệm vụ,
Tinh thần bất diệt với quê hương.
Kẻ khuất người còn kìm thương nhớ,
Đất rộng trời cao tiếp bước đường.
Uất hận những mong sao trả hận,
Noi gương trừ hết lũ vô lương.

NGUYỄN VĂN NGỌ

Nhà lao Hải Phòng, 1932

*

KHÓC NGUYỄN TRỌNG ĐÀM

TIỂU DẪN: Đêm Nôen 24-12-1932, bảy người tù Cộng sản là Sao Đỏ (Nguyễn Lương Bằng), Nguyễn Văn Cuội (Nguyễn Tạo), Phạm Quang Lịch (Hào Lịch), Bùi Xuân Mẫn, Nguyễn Trọng Đàm, Cương và Tuyển vượt bệnh viện Phủ Doãn (Hà Nội) trốn. Chúng bắt được Nguyễn Trọng Đàm và tra tấn đồng chí đến chết.

I

Vừa được tin anh, luống rụng rời,
Đau lòng ta lắm, hỡi Đàm ơi!
Trăm phần phận sự còn chưa trọn,
Một khối tinh anh đã mất rồi.

Non nước ngậm ngùi khi nhớ bạn,
Đường đời khấp khểnh biết trông ai?
Đã đành thân ấy không sinh tử,
Nhưng cũng bâng khuâng khó đứng ngồi.

1. Trong số bảy người này, trừ anh Dương là đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng, còn sáu người đều là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương.

Nhưng cũng bâng khuâng khó đứng ngồi,
Cuộc đời đen tối nỡ đành thôi.
Đau lòng đoàn thể, cơn dâu bể,
Nát ruột anh em, cảnh góc trời.
Ngọn lửa chiến tranh rừng rực cháy,
Phong trào giải phóng ngấm ngầm sôi.
Công, nông chất chứa đầy đau khổ,
Anh nỡ cam tâm lánh việc đời!

II

Xuân xanh vừa quá tuổi đôi mươi,
Phấn đấu hy sinh dễ mấy người!
Cái kiếp trăm năm sao ngắn ngủi?
Con đường ba thước hóa xa xôi.
Tim gan ta nhớ lời non nước,
Nát thịt, anh cam trả nợ đời.
Ngẩng mặt trông chừng cây cỏ khóc,
Tìm đâu cho thấy, hỡi Đàm ơi!

NGUYỄN TẠO

Đồn điền Đa Phúc, 1932.

*

VIẾNG MỒ CHIẾN SĨ

TIỂU DẪN: Trong cuộc đấu tranh ở ngục Kông Tum ngày 12–12–1931, chống việc đi làm khổ sai ở Đác Pét, Đác Pao, đế quốc đã giết tám chiến sĩ. Đó là các đồng chí Đặng Thái Thuyến, Trương Quang Trọng, Nguyễn Huy Lung, Lê Trọng Kha, Nguyễn Phi tức Võ Mai, Lương Thu Tâm, Phạm Thoan, Võ Am. Năm 1932, nhân dịp giỗ đầu, trong nhà lao có tổ chức một cuộc thi thơ, lấy đề tài "Viếng mồ chiến sĩ". Đây chính là chủ trương của chi bộ nhà tù dùng văn thơ để làm công tác tư tưởng, động viên mọi người giữ vững tinh thần. Bài của Trịnh Quang Xuân được giải nhất, bài của Hồ Tùng Mậu được giải nhì, bài của Võ Trọng Bành được giải ba.

Trịnh Quang Xuân, người làng Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đồng chí hoạt động trong phong trào những năm 1930–1931, bị đế quốc bắt và đầy lên Kông Tum, Buôn Ma Thuột.

Hồ Tùng Mậu, tên thật là Hồ Bá Cự, người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, một trong những sáng lập viên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đã hy sinh năm 1951, ở Thanh Hóa.

Võ Trọng Bành, người làng Phù Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, tham gia cách mạng từ năm 1930, đã chết năm 1970.

I

Tám nấm một gò, cỏ phủ quanh,
Chết vì chính nghĩa, chẳng vì danh.
Tầng rêu khó phủ lòng cương quyết,
Nấm đất khôn che dạ nhiệt thành.
Bè bạn trông qua gan ruột tím,
Địch thù nhớ lại mặt mày xanh.
Trước sau cũng thác, thà như thế,
Mới gọi là người biết tử sinh.

TRỊNH QUANG XUÂN

II

Tám mồ chiến sĩ táng kề nhau,
Nấm mới vun thêm, giậu mới rào.
Thể phách dẫu vùi miền đất đỏ,
Tinh anh còn tỏ giữa trời cao.
Khí xông mất vía phường cai trị,
Máu đổ kinh hồn tụi xếp lao.
Sớm tối đi về, lòng thổn thức,
Thấy người nằm đó, nghĩ làm sao?

HỒ TÙNG MẬU

III

Bãi cỏ xanh xanh giữa bức tường,
Ấy mồ chiến sĩ dãi phong sương.
Chết vì đoàn thể hồn trung nghĩa,
Liều với phong ba kiếp đoạn trường.
Cây cỏ phất phơ cờ chiến sĩ,
Nước non chan chứa lệ tang thương.
Ngàn năm danh tiết ghi tân sử,
Cách mạng tiền đồ rạng nét gương.

VÕ TRỌNG BÀNH

HOÀNG TÂM ĐÃ GIỎI THAY!

TIỂU DẪN: Hoàng Tâm, người xã Nghi Tân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là Bí thư Huyện ủy Nghi Lộc đầu năm 1931. Đồng chí bị tri huyện Trần Mậu Trinh bắt ở Nghi Trạch. Bị kết án tử hình, đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Nghi Lộc, Hoàng Tâm đã giỏi thay!
So ra can đảm dễ ai tày.
Mấy phen tra tấn lòng không nản,
Một mực trung thành dạ chẳng lay.
Tuyên truyền trước mặt, quân thù khiếp,
Diễn thuyết bên tai, bọn lính say [1].
Dũng khí xưa nay ai kẻ sánh,
Nghi Lộc, Hoàng Tâm đã giỏi thay!

KHUYẾT DANH

*

HOÀNG TÂM THẬT ĐÁNG TÀI!

Nghi Lộc, Hoàng Tâm thật đáng tài,
Tinh thần hăng hái chí làm trai.
Tỏ lòng tâm huyết, binh nao nức,
Vạch mặt "nhân từ", địch khiếp oai [2].
Súng lục đem ra, trương bụng chịu,
Song roi vít lại, nhếch môi cười.
Kìa ai vô sản noi gương đó,
Trận giặc thứ hai đã đến rồi.

PHAN HỒNG

1. Câu này ý nói bọn lính chăm chú say sưa nghe đồng chí nói chuyện.
2. Câu này ý nói địch tra [illegible] dã man còn nói mép "nhân từ" và bị đồng chí Tâm vạch mặt.

NHỚ HAI ANH

TIỂU DẪN: Phạm Hoàng Trung, người Ân Hậu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là một chiến sĩ cách mạng.

Bài thơ này tác giả làm trong dịp lễ truy điệu hai đồng chí Nguyễn Văn Dần và Nguyễn Văn Vượng, người xã Song Lộc, huyện Nghi Lộc, bị kết án tử hình (2–1931), sau vụ giết tên Tri huyện Nghi Lộc Tôn Thất Hoàn (12–1930).

Than ôi, xã hội thiếu hai người!
Bị bắn ngày rày giữa tháng hai.
Đốt pháo Nam thiên ghê mấy kẻ,
Phất cờ Việt địa dễ gì ai?
Đạn đồng hai phát, thương ôi phận!
Dạ sắt muôn dân, thở vắn dài.
Gặp lúc phong trào đang sục sục,
Trông ra xã hội cứ quan hoài.

PHẠM HOÀNG TRUNG

*

TRUY ĐIỆU HAI ANH

TIỂU DẪN: Nguyễn Thức Phảng, người thôn Phù Ích, xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, là một nhà nho theo cách mạng. Tác giả làm bài thơ này nhân dịp lễ truy điệu hai anh Nguyễn Văn Dần và Nguyễn Văn Vượng.

Xã hội này ôi khéo phũ phàng!
Đổi thay chi mấy cuộc tang thương.
Chỉ còn phất phới trên cờ đỏ,
Hồn đã xa chơi dưới suối vàng.
Tức lũ mặt người mà dạ thú,
Căm phường miệng bụt lại lòng lang.
Kẻ còn, người khuất, tình khôn tỏ,
Truy điệu hai anh, ngỏ mấy hàng.

NGUYỄN THỨC PHẢNG

KHÓC TRẦN KIÊN

TIỂU DẪN: Trần Kiên người xã Đức Bùi, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, bí danh là Xác Đáng. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 1930, hoạt động ở ngay địa phương. Năm 1930, đồng chí bị bắt ở Đức Thọ và bị giết ở lao Vinh.

Ba bài thơ liên hoàn này do một đồng chí trong nhà lao Vinh sáng tác, không rõ tên và tiểu sử. Chúng tôi sưu tầm được ở Nam Đàn, Nghệ An.

I

Tạo hóa gây chi cuộc gió mưa,
Cho người nay bỗng hóa người xưa!
Hung tàn giết hại người không tội,
Can đảm khen cho sức có thừa.
Cái kiếp anh hùng đà phải thế,
Tấm gương nghĩa khí vẫn còn lưu (lại),
Ớ người chín suối hay không nhỉ?
Một mối ai hoài dạ ngẩn ngơ!

II

Ngẩn ngơ, ngơ ngẩn nhớ thương người,
Kiên hỡi anh ơi! Hỡi hỡi ơi [1]
Tiếng súng đưa anh về chín suối,
Danh thơm để lại đến muôn đời.
Nằm gai nếm mật thân không quản,
Nát thịt xương tan chí chẳng dời.
Chín suối linh hồn anh có biết
Mấy lời tiễn biệt lệ tuôn rơi!

III

Tuôn rơi giọt lệ khóc than ai,
Khóc kẻ anh hùng buổi bán khai. [2]

---

1. Có người nhớ: "*Xác Đáng anh ơi! Xác Đáng ơi!*". Xác Đáng là bí danh của đồng chí Trần Kiên.

2. *Buổi bán khai:* đây chỉ thời kỳ phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo mới nổi lên.

Hồn phách đã về nơi cực lạc,
Non sông khôn xiết nỗi bi ai!
Người còn kẻ khuất bâng khuâng nhẽ,
Đất nọ trời kia quấy ghẹo hoài.
Phỏng có thiêng liêng xin ủng hộ,
Bạn bè đồng chí buổi tương lai!

KHUYẾT DANH

*

THĂM MỘ ĐỒNG CHÍ NGUYỄN NGHIÊM

TIỂU DẪN: Nguyễn Nghiêm bị giặc Pháp xử tử hình, chém đầu năm 1931. Mộ của đồng chí ở bãi cát sông Trà Khúc, gần thị xã Quảng Ngãi. Bên kia sông, đối diện với mộ là quán cơm, nơi đô hội, xe cộ qua lại đông đúc, có bến đò đưa khách. Nguyễn Chánh cảm xúc làm bài thơ này, trong lúc thăm mộ.

Gặp gỡ nhau chi giữa lúc buồn?
Tình xưa nghĩ đến lệ sầu tuôn.
Ngổn ngang gác tía, người qua lại,
Ngao ngán lầu son, khách cúi luồn.
Bãi cát dập vùi thân chiến sĩ,
Xe đò đưa đón khách giai nhân.
Trần ai, hỡi khách bền gan óc!
Trả kiếp đầu xanh hết nợ nần.

NGUYỄN CHÁNH

*

VIẾNG BẠN

Ai làm nên nỗi bạn đầu xanh,
Xương trắng vùi sâu chốn ngục hình.
Đoàn thể tiếc thương người chiến sĩ,
Gia đình thương nhớ bạn anh linh.
Suối vàng hồn nghĩa đành an giấc,
Cuộc sống đàn em quyết đấu tranh.
Hợp tác từ đây xin gắng gỏi,
Ngàn năm gương bạn vẫn cao danh.

KHUYẾT DANH

NHỚ ANH

TIỂU DẪN: Ngô Đình Song, người Thanh La, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Bài này của Ngô Đình Song viết để tưởng nhớ người đồng chí của mình bị giặc Pháp giết trong những năm 1930–1931. Đồng chí bị giặc Pháp giết này là ai, chúng tôi chưa tìm hiểu được.

Chân mây ngọn cỏ ủ rầu rầu,
Nhớ tưởng đến người dạ quặn đau!
Ba tấc lưỡi hồng thay súng đạn,
Một tờ giấy trắng đỡ gươm dao.
Xé gan đế quốc mưu gian giảo,
Vạch mặt cường quyền dạ hiểm sâu.
Chín suối linh hồn xin thỏa kiếp,
Sau này bãi biển hóa nương dâu.

NGÔ ĐÌNH SONG

*

KHÓC EM DƯƠNG

TIỂU DẪN: Trần Hữu Chương, người Cẩm Xuyên (Hà Tĩnh), tham gia cách mạng khá sớm, hoạt động ở Vinh. Đồng chí bị bắt nhiều lần và bị giam ở nhiều nơi. Trần Hữu Chương làm bài thơ này khi được tin em là Trần Hữu Dương bị địch giết tại nhà lao Kông Tum ngày 16–12–1931. Lúc này tác giả đang bị đày ở Côn Đảo.

Đôi hàng huyết lệ khóc em Dương,
Cách mạng bôn ba mới nửa đường.
Nghĩa vụ khôn ghê hòn đạn lạc,
Gia đình đành dứt mối tình vương.
Liều thân phấn đấu đòi quyền lợi,
Nêu chữ hy sinh để thế thường.
Em chết mà hơn anh sống dở,
Xót em tuổi trẻ, tiếc nên thương.

TRẦN HỮU CHƯƠNG

KHÓC NGUYỄN SĨ SÁCH

TIỂU DẪN: Nguyễn Sĩ Sách người thôn Tú Viêm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, tham gia Tân Việt cách mạng đảng từ năm 1927. Đồng chí được cử đi dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc mở ở Quảng Châu (Trung Quốc). Sau đó, đồng chí tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, và được phân công phụ trách Bí thư Kỳ bộ thanh niên ở Trung Kỳ. Năm 1929, trong khi sinh hoạt, đồng chí bị bắt và bị đày lên Lao Bảo. Giặc Pháp đã sát hại đồng chí ngày 19-12-1929.

Nguyễn Thừa Duyệt và một số đồng chí trong nhà lao đã làm bài thơ dưới đây đọc trong buổi truy điệu. Trong buổi lễ truy điệu còn có câu đối của Tôn Quang Phiệt viếng Nguyễn Sĩ Sách.

Khóc anh, tôi lại giận cho đời,
Thủ đoạn cường quyền thế thế thôi
Án kết chung thân vừa mới đó,
Hồn theo chín suối đã xa rồi.
Năm châu sóng gió trời tuôn lệ,
Chín suối hô hào đất nín hơi.
Thế giới nổi chìm cơn bể khổ,
Khóc anh, tôi lại giận cho đời.

NGUYỄN THỪA DUYỆT
VÀ MỘT SỐ ĐỒNG CHÍ Ở NHÀ LAO LAO BẢO

*

TƯỞNG NHỚ NGUYỄN SĨ SÁCH

TIỂU DẪN: Nhân ngày giỗ đầu Nguyễn Sĩ Sách, ở nhà lao, một số đồng chí làm thơ tưởng niệm anh. Chúng tôi giới thiệu bài của đồng chí Phan Trọng Bình.

Sách ơi, đã một năm trời!
Xa anh càng nhớ những hồi gần nhau.
Xa anh dù chửa bao lâu,
Nhớ anh tưởng những mấy thu kia rồi.
Xương anh nắm đất lấp vùi,
Máu anh vẫn nóng trong người anh em.

Mỗi lần sờ đến trái tim,
Thấy tim sôi sục như tìm thấy anh.
Để dìm ngọn lửa đấu tranh,
Quân thù lấy máu tim anh giội vào.
Thấm thêm một lớp máu đào,
Lửa căm thù lại bốc cao mấy trùng.
Máu dân tộc, máu công nông,
Một dòng đổ xuống, muôn dòng trào lên.
Những dòng máu đỏ tô nên,
Bao trang sử đỏ trong thiên sử vàng.

PHAN TRỌNG BÌNH
1930

*

GIÃ MỒ LIỆT SĨ

TIỂU DẪN: Trịnh Quang Xuân, sinh năm 1912, quê ở Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đồng chí bị bắt năm 1930 ở Quảng Bình và bị đày đi Kông Tum, Buôn Mê Thuột. Năm 1935 ra tù, và năm 1940 lại bị bắt, bị giam ở Kông Tum.

Năm 1933, khi Trịnh Quang Xuân đang bị giam ở nhà tù Kông Tum thì bị địch đày đi Buôn Mê Thuột. Lúc ra đi, nhớ các đồng chí, nhớ những nấm mồ liệt sĩ ở Kông Tum, đồng chí làm bài này để lại.

Chúng tôi in bài này theo *Thơ văn cách mạng* (1930–1945), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1980.

Buồn lòng cất bước ra đi,
Bâng khuâng chốn cũ, nghĩ gì đường xa?
Nỗi lòng ta biết với ta,
Gẫm người xương trắng xưa là đầu xanh.
Bỏ mình trong cuộc đấu tranh,
Vì ai, ai biết, thân mình, mình hay!
Từ đây sương gió tháng ngày,
Mồ un cỏ mọc, nấm đầy lá rơi.
Tử sinh thề quyết một lời,
Dầu xa muôn dặm, không rời tấc son.
Còn trời, còn nước, còn non,
Còn nhiều cay đắng, ta còn đấu tranh.
Tấm lòng chứng có trời xanh,

TRỊNH QUANG XUÂN
Kông Tum, 1933

KHÓC CHÚ NGÔ ĐỨC DIỄN

TIỂU DẪN: Ngô Đức Diễn tự là Phúc Đình, em trai Ngô Đức Kế. Đồng chí làm nghề giáo học và là một trong những sáng lập viên của Tân Việt cách mạng đảng. Trong khi hoạt động, đồng chí bị bắt và bị đày lên Lao Bảo. Khi được tha, về nhà ít lâu, đồng chí bị chết vì bệnh lao.

Ngô Đức Mậu là cháu, nghe tin chú mất, làm bài thơ này.

Ngô Đức Mậu, người xã Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, con cụ Ngô Đức Kế. Năm 1927, Ngô Đức Mậu gia nhập Đảng Tân Việt. Năm 1930, tham gia thành lập Đảng bộ Cộng sản Đông Dương ở Thanh Hóa. Năm 1931, bị bắt và bị kết án 12 năm, đày đi Lao Bảo. Năm 1936, được thả ra. Lúc Nhà máy Trường Thi đình công, lại bị bắt lần thứ hai. Năm 1945, đồng chí tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở Can Lộc.

Chốn ngục thất khối sầu khôn tả,
Thương công, nông cực khổ đã lâu.
Trời Nam xanh ngắt một màu,
Nước non đày đọa như bào lòng son.
Tiếp âm tín kinh hồn lạc vía [1],
Kiếp phù sinh thôi thế thì thôi!
Phúc Đình, chú hỡi, chú ơi!
Sao mà chú vội lìa nơi cõi trần?
Nếu chú nghĩ kiếp trần khốn đốn,
Thì lìa trần trong chốn lao lung.
Cớ chi nay đã thoát vòng,
Nước non đùm bọc ngại ngùng nỗi chi?
Hay chú nghĩ ở thì loạn lạc,
Kiếp cúi luồn nhơ nhuốc lầm than.
Nên chi vội vã cửu toàn, [2]
Tìm người thiên cổ luận bàn mưu cơ?
Hay chú thấy nước chờ non đợi,
Mảnh thuyền nan khó nỗi vượt vời.

1. *Âm tín:* tin về cái chết của Ngô Đức Diễn.
2. *Cửu toàn* (cửu tuyền): chín suối, cõi chết.

Nên chi xa lánh cõi đời,
Lên nơi Bồng Đảo tìm người Thiên cung. [1]
Chú hỡi chú, "cùng, thông, bĩ, thái" [2]
Máy huyền vi còn mãi xoay vần. [3]
Vội chi xa lánh cõi trần,
Sinh ly tử biệt muôn phần xót xa.
Chú hỡi chú, sao mà vội thế!
Nợ phong trần chú để phần ai?
Sông Nghèn giọt lệ đầy vơi,
Non Kỳ khô héo tơi bời cỏ cây.
Sao chú chẳng đợi ngày sum họp,
Để bà con tấp nập vui vầy.
Vội chi lạc bạn lìa bầy,
Để bà con luống đêm ngày sầu thương.
Càng nhớ chú can trường càng nát,
Càng nghĩ thân càng bực càng lo.
Lo thân thế, lo tiền đồ,
Lo tình lo ái, càng lo càng sầu.
Chú hỡi chú, vì đâu nên nỗi!
Phải chăng vì danh lợi đua chen?
– Vì đời đen bạc, bạc đen,
Vì chưng thời đại kim tiền xấu xa. [4]
Vì một nỗi nước nhà loạn lạc,
Vì quân thù độc ác trăm khoanh.
Vì chưng chế độ bất bình,
Sinh linh đồ thán đủ vành trần ai.
Trời hỡi trời, trời ơi, trời hỡi!
Cái kiếp người là cái chi chi?
Đầu xanh đã tội tình gì,
Mà người chia rẽ âm ti, ngục hình. [5]
Nhớ chú lúc đầu xanh tuổi trẻ,

---

1. *Bồng Đảo* (hay Non Bồng hoặc Bồng Lai): chỉ nơi tiên ở, theo truyền thuyết xưa. *Thiên cung:* cung nhà trời, chỗ tiên ở.

2. *Cùng, thông, bĩ, thái:* lúc cùng, lúc đạt, lúc rủi, lúc may; ý nói tình hình biến chuyển không ngừng.

3. *Máy huyền vi:* theo quan niệm cũ, chỉ sự sắp xếp, thay đổi, tinh vi của tạo hóa.

4. *Thời đại kim tiền:* thời đại lấy đồng tiền làm lẽ sống.

5. *Âm ty:* cõi u ám, cõi chết.

Nghề bút nghiên chưa dễ nhường ai.
Âu văn, Hán học toàn tài,
Mười năm đèn sách chẳng hoài công lao...
Nhân gặp lúc phong trào tranh cạnh,
Cũng chen vai thích cánh với đời.
Phong trào sôi nổi khắp nơi,
Trên đàn giáo dục vui chơi tháng ngày.
Dẫu bạn trẻ đường ngay lối thẳng,
Nào quản chi mưa nắng sáng chiều,
Cửa quyền môn bé teo teo,
Vào luồn ra cúi xem chiều nhuốc nhơ.
Những mong mỏi phất cờ xã hội,
Nào hay đâu nông nỗi thế này.
Hỡi trời thẳm, hỡi đất dày!
Để người cho đến nỗi này vì ai?
Chú Phúc Đình, chú ơi, chú hỡi!
Cháu còn đây, chú vội đi đâu?
Giang sơn bốn mặt thảm sầu,
Càng thương phận chú càng đau dạ này.

NGÔ ĐỨC MẬU

Lao Bảo, 1932

*

THEO ĐỒNG CHÍ NGUYỄN NGHIÊM [1]

Tỉnh Quảng Nghĩa có triều (trào) tranh đấu mới,
Ai là người đề khởi bước đầu tiên?
Tân Hội thôn: đồng chí Nguyễn Nghiêm!
Thấy nòi giống lầm than mà cháy ruột.
Tính đốt tay, tính từ ngày Pháp thuộc,
Bảy mươi năm xác ngựa thân trâu.
Lũ quỷ tham tàn còn nói chi đâu,
Chúng bóc lột thuế xâu ngày tăng mãi,
Tinh vệ hận, chi nang điền hải, [2]

1. Về tiểu sử của Nguyễn Nghiêm, xem bài *Văn truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm.*
2. Câu này có nghĩa là: hận của chim tinh vệ đã tha sỏi đá lấp biển.

Ngu công thù, hà nại di sơn. [1]
Thương giống nòi nào quản gian nan,
Trơ trơ vững gan đồng dạ sắt.
Thay hình dạng vào Nam, ra Bắc,
Hết công trường, rồi lại chốn thôn quê.
Mầm cộng sản tìm kiếm đem về,
Và tổ chức bạn bè liên hiệp lại.
Đức Phổ huyện, biểu tình kéo tới,
Quan văn thư, thiêu hủy sạch sành sanh. [2]
Rồi Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.
Và Mộ Đức đấu tranh càng dữ dội. [3]
Chưa dùng đến binh đoàn, pháo đội,
Hai tay không mà vang dội cả đất trời.
Tiếng tung hô thế giới cũng một lời,
Giọng kêu gọi quan binh đều rơi lệ.
Tử cổ hữu sinh ưng hữu tử,
Chết mà còn, vì nòi giống rạng ngày mai.
Đường đấu tranh sinh tử có bao nài,
Người đã chết, ta sống đây phải nhớ!
Muốn tránh khỏi cúi luồn thân phận tớ,
Phải đem máu đỏ nhuộm non sông.
Hỡi anh chị em học sinh, binh lính, phụ nữ, công, nông!
Mau mau phất cờ hồng quyết nối chí bước xông theo người đi trước!

Cứu Tổ quốc ta khỏi vòng tai ách,
Làm cho Người thỏa được khối tâm linh.
Hè cùng nhau quét sạch bất bình,
Cùng nhân loại tiến lên đài hạnh phúc.

TRẦN TOẠI

Phú Yên, 1931

1. Câu này có nghĩa là: thù của Ngu công đã đục đá chuyển cả núi.
2. Năm giờ sáng ngày 30–8–1930, hàng nghìn nông dân bao vây huyện Đức Phổ chiếm huyện đường, đốt tất cả công văn, giấy tờ và thả những người bị bắt giam ở trong nhà tù của huyện.
3. Những địa phương thuộc tỉnh Nghĩa - Bình.

KỂ CHUYỆN VỀ NGUYỄN PHONG SẮC

TIỂU DẪN: Nói đến cao trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, phải nói đến người lãnh đạo của nó, đó là đồng chí Nguyễn Phong Sắc. Nguyễn Phong Sắc sinh năm 1902, tại làng Bạch Mai, huyện Hoàn Long cũ, nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Ngày bé, cha mẹ đặt tên đồng chí là Nguyễn Văn Sắc. Ông thân sinh là Nguyễn Đình Phúc, một nhà Nho yêu nước, đã tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thục và bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo hơn mười năm trời.

Năm 1924, đồng chí đỗ đầu bằng Thành chung và được học bổng đi du học bên Pháp, nhưng đồng chí từ chối không đi. Đồng chí vào làm thư ký ở Sở Tài chính, rồi xin thôi việc, đi nhiều nơi như Lạng Sơn, Ninh Bình, Hồng Gai và cả Xavanakhét (Lào), tìm những người bạn có tư tưởng cách mạng. Sau đồng chí quay về Hà Nội, dạy học ở trường Thăng Long.

Năm 1927, đồng chí gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 3–1929, đồng chí với các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Cung, Trịnh Đình Cửu, Đỗ Ngọc Du... tổ chức Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở trong nước. Sau ngày thống nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương 3-2-1930, Nguyễn Phong Sắc được cử vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, và được phân công phụ trách Phân cục Trung Kỳ của Trung ương Đảng. Trong những năm 1930–1931, đồng chí đã đi sát phong trào cách mạng ở Nghệ – Tĩnh.

Ngày 10–5–1931, do sự phản bội của Nghiêm Thượng Biền, đồng chí bị giặc bắt ở ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Ngày 26–5–1931, sau khi tra tấn rất dã man, chúng đem bắn đồng chí ở đồn Song Lộc, huyện Nghi Lộc, Nghệ An.

Có người nói bài này không phải sáng tác vào những năm 30 mà vào những năm 60, xin ghi để nghiên cứu.

Ngày giặc Pháp xâm lăng bờ cõi,
Tổ quốc ta dân đói nước nghèo.
Tiền giặc cướp, nhà giặc thiêu,
Thủ đô thành quách tiêu điều xót xa.
Thuở đất nước cờ pha sắc máu,
Bao anh hùng chiến đấu gian lao!

Đồng chí Phong Sắc thuở nào,
Đã từng lãnh đạo cao trào đấu tranh.

Chống giặc Pháp bạo hành xâm lược,
Nguyện trung thành dựng nước Việt Nam.
Tính tình giản dị bình thường,
Sống trong xóm nhỏ cuối làng Bạch Mai.
Nghìn chín trăm linh hai thuở ấy,
Sắc ra đời biết mấy hờn căm.
Giữa ngày đất nước tối tăm,
Muôn lòng đau hướng, muôn lòng kiên trung.
Sắc lại vốn con ông Nguyễn Phúc,
Là người trong nghĩa thục Đông Kinh.
Trong khi mưu cuộc lũy thành,
Bị đày Côn Đảo điêu linh tháng ngày.
Bà mẹ Sắc vững tay chèo chống,
Dạy con quen cuộc sống gian nan.
Mẹ hiền cho ấm tình con,
Con ngoan đời mẹ hoa dồn nẻo nương.
Sắc càng học lại càng tấn tới,
Chuyện sách đèn tạm gọi thành công.
Pháp toan mua chuộc con dòng,
Cấp cho học bổng thẳng giong nước ngoài.
Nhưng Sắc chỉ một lời từ chối
Không nghĩ gì bả lợi, đường danh.
Tháng ngày dưới mái nhà tranh,
Đi làm nuôi mẹ vẹn tình nghĩa con.
Sắc vẫn cố luyện rèn sách vở,
Khi ra thi lại đỗ cấp cao.
Nếp nhà thanh bạch phong tao,
Lớn trong cương vị lòng nào khác đâu.
Chí chiến đấu càng sâu thù hận,
Bước công danh chi bận thế tình.
Một hôm, nhân chuyện bất bình,
Xin thôi, Sắc trả lại danh mà về.
Rồi từ đấy ra đi không hẹn,
Hết Ninh Bình lại đến Hòn Gai.
Nước Lào đã trải khắp nơi,
Tìm người đồng chí ngỏ lời núi sông.
Một thời gian làm xong nhiệm vụ.
Hà Nội đây vốn chỗ tung hoành.

Sắc về hướng dẫn tuổi xanh, [1]
Trường Thăng Long với mối tình nước non.
Từ theo Đảng hứa tròn nghĩa Đảng,
Bao ước mơ đã sáng tim thề.
Riêng thân Sắc chẳng nghĩ gì,
Áo the giày vải đi về nắng mưa.
Lối Bạch Mai sương mờ bụi táp,
Nhà Bạch Mai gió bạc mây vàng.
Là nơi dừng gót bốn phương,
Là nơi tổ chức luận bàn đánh Tây.
Lá truyền đơn tung bay khắp chỗ,
Anh nhập đoàn phu thợ kéo xe.
Ngày ngày lao động say mê,
Nhân dân nào đã biết gì về anh.
Để tránh sự xung quanh theo dõi,
Cơ quan thường thay đổi khắp nơi.
Ngọc Hà, Cầu Giấy, Hoàng Mai,
Khi Ngã Tư Sở, khi ngoài Cửa Ô.
Đồng chí cùng với Ngô Gia Tự,
Du, Cảnh, Cung..., một số anh em.
Mặt trời thuở ấy đang lên,.
Chi bộ Cộng sản đầu tiên ra đời.
Nghìn chín trăm, năm Hai mươi chín,
Cuộc bãi công đột biến xảy ra.
Tại xưởng máy Avia,
Chính cương của Đảng nêu ra dẫn đường.
Chống cúp phạt, bạo tàn, đánh đập,
Đòi tăng lương, phụ cấp, tự do...
Giặc Pháp tuy vẫn đủ trò,
Chửi rủa đánh đập không từ điều chi.
Nhưng lần này chúng suy nghĩ đấy,
Dẹp không xong, để vậy là thua.
Dẫu sao rốt cuộc bây giờ,
Thợ thuyền tranh đấu reo hò thành công.
Qua mấy độ bụi tung gió nổi,
Trải bao phen nắng xối mưa ngàn.

1. Câu này ý nói đồng chí Sắc về làm công tác giáo dục thanh niên học sinh.

Những vì câu chuyện giang san,
Bao phen hoạt động, nguy nan sá gì.
Gặp trở lực kiên trì chống lại,
Thắng không kiêu mà bại không sờn.
Anh về cơ sở Nghệ An,
Tạm biệt Hà Nội, rời trường Thăng Long.
Anh vận động bãi công, bãi thị,
Anh đến từng hội nghị gần xa.
Hai làng Đức Thịnh, Lộc Đa,
Anh cùng những khách không nhà gặp nhau.
Đây là nơi phong trào đứng vững,
Các đảng viên, quần chúng một lòng.
Đêm đen rực sáng cờ hồng,
Một trời Hương Cảng, đuốc bùng lửa thiêng.
Nguyễn Ái Quốc lãnh quyền chủ tọa,
Sắc được mời đến dự nơi đây.
Nhưng vì nhiệm vụ lúc này,
Nghệ An trực tiếp anh gây phong trào.
Dòng sông Lam máu đào nhuộm sóng,
Tỉnh Nghệ An khói đọng lưng trời.
Một nghìn chín trăm ba mươi,
Tháng Năm mồng một bao người hy sinh.
Trong những cuộc biểu tình bão táp,
Nhân dân ta chống Pháp quật cường.
Thấy giặc khủng bố bất lương,
Anh lo kế hoạch tính phương diệt thù.
Chị Nghĩa, người mùa thu năm ấy, [1]
Bị giặc càn có thấy nữa đâu?
Từ Vinh, Hà Nội bấy lâu,
Anh cử chị Ái bắc cầu giao thông. [2]
Đêm Diên Trang đèn dong hội nghị,
Anh cùng bao đồng chí mưu toan.
Đưa ra Nghị quyết Trung ương,
Hẹn rằng cùng với đối phương mất còn.

---

1. Chị Nghĩa (tức chị Nguyễn Thị Nghĩa) và chị Ái (tức chị Hoàng Thị Ái) hồi đó làm nhiệm vụ liên lạc viên cho Trung ương Đảng.

2. Như 1.

Năm mươi năm ngậm hờn dân tộc,
Cả đồng bào u uất vùng lên.
Đuổi xâm lược, phế cường quyền,
Liên hiệp giai cấp khắp miền đánh Tây.
Bọn phong kiến đó đây lơ láo,
Lũ thực dân nhốn nháo cuồng điên.
Cờ bay Thái Lão khắp miền,
Biểu tình cướp lại chính quyền nhân dân.
Nhưng giặc Pháp bội phần man rợ,
Giội lửa bom phá vỡ thôn làng.
Tay sai thừa lệnh sói lang,
Chúng lùng, chúng quét, chúng càn gần xa.
Xác dân chúng phơi ra đồng ruộng,
Máu công, nông đổ xuống thôn nghèo.
Tiền giặc cướp, nhà giặc thiêu,
Cơ sở cách mạng tiêu điều tan hoang.
Xách trẻ con, chúng quăng vào lửa,
Bắt đàn bà, càn rỡ... xấu xa.
Cúi đầu nghĩ nỗi nước nhà,
Ngẩng đầu trông núi sông xa mà buồn.
Anh cảm thấy tim hờn đau nhói,
Thảo truyền đơn kêu gọi đối phương,
Thấy lời tha thiết quật cường,
Khiến cho bọn lính lê dương bàng hoang.
Cuối năm ấy Nghệ An, Hà Tĩnh,
Có thêm đồng chí Cảnh tham gia.
Tình sông núi dẫu muôn xa,
Về đây thôi cũng một nhà núi sông.
Mong cho dân tộc thoát vòng lệ thuộc,
Và giống dòng đất nước yên vui.
Anh cho Cảnh biết đầu đuôi,
Phong trào Nghệ Tĩnh bao hồi xuống lên.
Và vị trí quanh miền Trung Bộ,
Cơ quan ngay xế ngõ thành Vinh,
Có khi hội họp trắng canh,
Dư đồ thấp thoáng, đèn xanh tỏ mờ.[1]

1. *Dư đồ:* địa đồ.

Ánh búa liềm ngọn cờ nhân loại,
Phế ngai vàng, áo vải vùng lên.
Đuổi xâm lược, chống cường quyền,
Lửa căm hờn hẹn dáng quen đi về.
Huyện Đức Thọ, lối quê vắng vẻ,
Nhà họ Uông đồng chí ra vào.
Ở đây Hội nghị đôi trao,
Tình hình Xô viết phong trào đang lên.
Bọn đế quốc ngoan quyền mọi rợ,
Chúng dựa vào cơ sở của ta.
Tuyên truyền xuyên tạc gần xa,
Chủ nghĩa cộng sản khi vừa bình minh.
Để một số dân tình lung lạc,
Về việc ta trấn áp cường hào.
Thế rồi tư tưởng động dao,
Hững hờ đứng trước phong trào đấu tranh.
Vội xa Đảng, sống đành nô lệ,
Hoặc cầu an làm lễ quy hàng.
Mắc kế giặc, sống hoang mang.
Bên đường rước ngọn cờ vàng theo ai!
Bọn thực dân nhất thời đắc thắng,
Đảng của mình khá nặng thương đau.
Qua đêm ngỡ bạc mái đầu,
Lo sao lãnh đạo trước sau chu toàn.
Anh đề nghị cơ quan Xứ ủy,
Phải có thêm đồng chí kiên trung.
Tăng cường đội ngũ đã xong,
Lại về Tỉnh ủy lo công việc cần.
Trời xứ Nghệ mây vần lơ lửng,
Đất thành Vinh núi dựng u hoài.
Vừa qua có mấy ngày trời,
Khăn tang rủ xuống những lời giang san.
Đồng chí Cảnh đối phương quấy bắt, [1]
Đồng chí Mao đồn giặc bỏ mình. [2]

1. Chí Nguyễn Đức Cảnh bị bắt ở xã Hưng Thủy, gần thị xã Vinh, tháng 4-1931.

2. Chí Lê Mao, người cùng Nguyễn Phong Sắc, được uy nhiệm thay mặt Trung ương Đảng ở miền Bắc, bị giặc bắn chết đêm 2-5-1931.

Anh rời hai bạn đấu tranh,
Đảng mất cán bộ trung thành bấy lâu.
Anh lúc này lòng đau trăm đoạn,
Trước phong trào cách mạng gian nan.
Hôm nào đối diện họp bàn,
Bây giờ một bóng dở dang quốc thù.
Hồn yêu nước reo hò bốn phía,
Anh tưởng lời đồng chí đâu đây,
Bỗng không như mất đôi tay,
Càng thương xót bạn, càng say căm hờn.
Còn đế quốc ta còn chiến đấu,
Quyết rửa hờn xương máu thiên thu.
Lần theo sông núi mịt mù,
Những người sống mãi bây giờ còn thương.

*

* *

Thuở Chiến Quốc, Vũ Dương tác sắc,
Cho vua Tần giết mất Kinh Kha.
Lúc này máu nhuộm cờ pha,
Lại thêm bội phản xót xa giống nòi.
Nghiêm Thượng Biền con người man trá,
Để cơ quan tan rã đau lòng.
Bấy giờ Hà Nội, Hải Phòng,
Các nơi đồng chí bỗng cùng sa cơ.
Biền còn báo tin cho chúng nó,
Rình ở ga Hàng Cỏ bắt anh.
Cánh chim âu lỡ vướng cành,
Hùm thiêng ra khỏi rừng xanh mất rồi!
Ngày mồng mười có ai quên được,
Tháng Năm, năm Băm mốt còn ghi.
Là ngày Phong Sắc ra đi,
Là ngày Tổ quốc cực kỳ gian nan.
Sở mật thám tham tàn lúc ấy,
Chúng bắt anh ra lấy khẩu cung.
Đứng ngồi phong độ ung dung,
Anh nhìn, ánh mắt như bùng lửa đêm,

Hết gông, chúng lại đem cùm,
Thịt nung, điện gí, máu xương tơi bời.
Anh nghiến răng một lời không nói,
Dù cực hình tra hỏi đến đâu.
Cam lòng chịu hết khổ đau,
Cho rằng Biền nói trước sau việc này.
Thừa lúc chúng nới tay khảo đả,
Cửa sổ cao vội vã gieo mình,
Cả phòng nhốn nháo hoảng kinh.
Song anh không chết, khắp mình bị thương.
Bọn mật thám trung ương tàn ác,
Sau mấy ngày cùm kẹp khảo tra.
Hết dọa nạt lại thiết tha,
Anh bình tĩnh chẳng khai qua một lời.
Chánh cẩm đến tận nơi chất vấn:
– Đã cùng ai hoạt động xưa nay?
Hắn mở tập hồ sơ dày:
– Đây các đồng chí của mày biết không?
Chúng nó đã một lòng khai cả,
Làm việc gì, ăn ở khắp nơi...
Trước sau tao biết cả rồi,
Khôn hồn mày cứ liệu lời mà khai.
Anh nhìn thẳng, mắt ngời lửa thép:
– Nếu việc tao mày biết rõ ràng.
Cớ sao mày phải hỏi han?
Quân đi cướp nước, vẻ vang gì mày!
Sở mật thám viện ngay vào ký,
Đối chiếu cùng đồng chí của anh.
Những con mắt chuyển trời xanh,
Nhìn nhau gạt lệ trung thành muốn rơi!
Anh lắc đầu nghẹn lời không nói,
Chí sắt gang vời vợi kiêu hùng.
Trước sau thái độ ung dung,
Đã làm kiên định nhưng lòng động dao.
Trong trại giam, phong trào cách mạng
Lại bừng lên ánh sáng mùa xuân.
Tin anh truyền khắp xa gần,
Đó đây càng vững tinh thần đấu tranh.

Bọn mật thám hoành hành bao ngược,
Chúng khảo tra dùng hết cực hình.
Biết không khai thác được anh,
Xà lim số một chúng canh đêm ngày.
Trong ngục vắng khôn khuây quốc sự,
Oán quân thù giam giữ xót xa.
Phần đau vì nỗi nước nhà,
Phần thương đồng chí gần xa dài dầu.
Công việc mình chắc đâu lại được,
Cùng anh em như trước tung hoành.
Chuông xa nặng tiếng cầm canh,
Phố phường cùng với trường thành im im.
Hồn u uất, bóng đêm u uất,
Tưởng tinh thần bất khuất đâu đây.
Chúng sợ anh đặt dây quan hệ,
Với bao nhiêu đồng chí giam cầm.
Ngày hai mươi sáu, tháng Năm,
Năm Ba mươi mốt, bụi lầm cát bay.
Là chính ngày bọn Tây canh ngục,
Mở cửa tù thúc giục anh đi.
Vẫn còn phong thái uy nghi,
Băng ngang đầu dẫu đầm đìa máu vương.
Cũng từ ấy trên đường cách mạng,
Thấy đâu nào bóng dáng của anh.
Cái tin đưa đến không lành,
Phong Sắc bị án tử hình còn đâu!
Hoa cỏ rủ buông màu rờn rợn,
Núi sông nghiêng chào đón anh hồn.
Những người chết bởi giang sơn,
Gió muôn chiều rộn cung đàn tiễn đưa.

KHUYẾT DANH

LÒNG DƯỚI NGỎ ... LƯỢNG TRÊN SOI
(CÂU ĐỐI)

TIỂU DẪN: Tháng 7–1930, đàn áp cuộc biểu tình của đồng bào thị xã Hà Tĩnh và các xã xung quanh, bọn thống trị bắt một số người. Chúng lột trần truồng ba chị tên là Hòe, Phúc, Gạo, giải đi quanh phố để làm nhục. Cuối cùng, chúng đưa về dinh Tuần phủ để hỏi cung. Giữa phủ đường và trước mặt quan tuần, chúng vẫn cứ để ba chị không quần áo như thế. Một chị liền viết vào tờ khai một đôi câu đối. Quan đọc xong, tím mặt lại, quát ngay lính thả ba chị ra.

Hăm lăm triệu đồng bào, chị em tôi thơ yếu liễu bồ, dắt díu tay
nhau, mấy khoản yêu cầu lòng dưới ngỏ;
Một phần trong xã hội, gái trai đều chung nhau gánh vác, trần
truồng vô lễ, mảnh tình xin tỏ lượng trên soi.

*

ĐIẾU CÁC CHIẾN SĨ BỊ GIẶC GIẾT Ở NAM ĐÀN TRONG CUỘC BIỂU TÌNH NGÀY 28-9-1930
(CÂU ĐỐI)

Ối thương ôi! Giang sơn nước Tổ, bảy mươi năm giặc Pháp ngang tàng, biết bao nhiêu gái nữ kiệt trai anh hùng, uống đạn ăn gươm, quẳng bảy thước để nâng nòi giống yếu;

Sướng là sướng! Xã hội dân ta, đều năm xứ trời Nam lừng lẫy, khôn xiết kể kẻ đảng viên người lao động, xông bom đạp súng, hợp một đoàn toan giật lợi quyền chung!

TRẦN BÁ THAO [1]

---

1. Trần Bá Thao, người xã Xuân La, nay là xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, Nghệ An, có hoạt động trong những năm 1930–1931.

ĐIẾU CÁC CHIẾN SĨ BỊ GIẶC GIẾT Ở HƯNG NGUYÊN TRONG CUỘC BIỂU TÌNH NGÀY 12-9-1930

(CÂU ĐỐI)

Nào xiết nỗi oan cừu, Hưng Nguyên ném tạc đạn, Nghi Lộc phát ca nông, sống thể phách, thác tinh anh, vì nước vì dân, chín suối còn thơm hồn nghĩa liệt;

Chẳng biết chi nòi giống, Hoàng Gia Mô đi trước, Tôn Thất Hoàn theo sau, quỷ đưa đường, ma dẫn lối, mất thây mất xác, nghìn năm khôn chuộc tội tham tàn, [1]

NGUYỄN THẾ MỸ [2]

*

ĐIẾU DÂN BIỂU TÌNH HY SINH Ở HƯNG NGUYÊN

(CÂU ĐỐI)

Phất cờ liềm búa, cả muôn người hợp sức biểu tình!
Đòi độc lập! Đòi bình đẳng! Đòi tự do! Tụi đế quốc phải thất kinh, bèn điên cuồng giở thói dã man, đem bom dọa gây nên cơn thảm khốc;
Gặp trận mưa bom, hàng trăm kẻ bỏ thân vô tội!
Ôi văn minh! Ôi khai hóa! Ôi bảo hộ! Người công nông chưa thoát khổ, vẫn tiếp tục lên đường tranh đấu, để ngày mai quét sạch lũ tham tàn.

TRẦN LÊ HƯƠNG

---

1. Hoàng Gia Mô: Tri huyện, bị nhân dân giết tại Cổ Am. Nó là cháu Hoàng Cao Khải. Tôn Thất Hoàn: Tri huyện Nghi Lộc, bị nhân dân Cửa Hội giết trong lúc đi đàn áp cách mạng.

2. Nguyễn Thế Mỹ, người xã Vĩnh Thành, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, một nhà Nho, có cảm tình với cách mạng.

ĐIẾU CÁC ĐỒNG CHÍ BỊ GIẾT Ở KÔNG TUM
(CÂU ĐỐI)

Đầu rơi máu xối, tù Kông Tum xiết kể hy sinh, khiến một phen mất vía lũ cường quyền, nợ nước đền xong, gương trung liệt ngàn thu treo sáng chói;
Nước mất thân tù, bạn Lao Bảo vô cùng phẫn uất, phải có cuộc phanh thây quân bạo tặc, thù chung trả sạch, đài vinh quang muôn sức góp xây cao.

TRẦN LÊ HƯƠNG

*

ĐIẾU ANH NGUYỄN ĐÌNH LIÊM
(CÂU ĐỐI)

Thác anh đã toàn danh, tiếc vẫn tiếc mà thương vẫn thương, hồn theo tiếng trống nhát gươm, gương sáng ghi vào trang sử mới;
Sống em chưa thỏa chí, khóc dở khóc mà cười dở cười, gánh nặng thù nhà nợ nước, đầu xanh quyết chẳng đội trời chung.

Em: NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG [1]
Hà Tĩnh, 1930

*

ĐIẾU NGUYỄN CÔNG THƯỜNG
(CÂU ĐỐI)

Vì nước vì dân, công ấy ai tày, vẫn dạ sắt vẫn lòng son, lời biểu bạch tỏ lòng cảm tử [2];
Còn trời còn đất, mai sau còn nghĩ, dầu tượng vàng dầu bia đá, vẻ đan thanh rạng nét như sinh [3]!

KHUYẾT DANH

1. Nguyễn Đình Liêm và em là Nguyễn Đình Cương: chưa rõ tiểu sử.
2. *Biểu bạch:* thuyết minh cho những điều u ẩn được rõ ràng.
3. *Đan thanh:* đan là đỏ, thanh là xanh; chỉ nét vẽ tạc khéo léo.

Đau lắm thay nghĩa lại càng đau, nhà tan nước mất, của hết dân mòn, bể thảm lênh đênh làn sóng đỏ;
Chết như thế mới là nên chết, đất động trời vang, non sầu sông tủi, hồn thiêng phất phới ngọn cờ đào!

HOÀNG THUẬT [1]

*

ĐỀ NGHĨA ĐỊA CÔN LÔN
(CÂU ĐỐI)

Côn Lôn gió thét sóng gầm, biển bạc khôn nguôi thù đế quốc;
Nghĩa địa vàng phai đá nát, non xanh còn mãi dấu anh hùng.

KHUYẾT DANH

*

ĐỀ NGÀY TẾT Ở BANH SỞ CỦI CÔN LÔN
(CÂU ĐỐI)

Chí trượng phu bốn biển là nhà, mặc dầu khi nếm mật nằm gai, vàng đá vững bền trong một tiết;
Nền xã hội một phen đổi mới, hẳn có lúc đè mây cưỡi gió, ngựa xe giong ruổi giữa năm châu.

KHUYẾT DANH

1. Hoàng Thuật: Bí thư chi bộ trường học, người Thanh Chương, Nghệ An.

Phần bốn

KHÍ PHÁCH NGƯỜI CÁCH MẠNG

BỊ BẮT

Thuở đất nước đương cơn gió bụi,
Khách mày râu nhiều nỗi thương tâm.
Nước đời càng nghĩ càng căm,
Mấy thằng kẻ cướp bắt giam chủ nhà.
Một bầy đủ quan nha binh lính,
Vây nhà tao ra lệnh bắt tao.
Căm thằng giặc Pháp xiết bao!
Giận quân lính tập lao xao một bầy.
Làm nô lệ, tay sai cho giặc,
Hại giống nòi để được vinh thân.
Sá gì cái lũ chó săn,
Cùng thằng giặc Pháp là quân cướp ngày.
Bọn kẻ cướp đến đây xâm lược,
Giết dân ta, cướp nước của ta.
Rừng vàng biển bạc bao la,
Giang sơn gấm vóc, cõi bờ mông mênh.
Bọn kẻ cướp giả danh khai hóa,
Để tha hồ cướp của cướp công.
Hỏi bay giặc Pháp biết không?
Chúng tao là chủ nhân ông nước này.
Bay thử nghĩ xem ai phải trái,
Giặc là bay, ta phải đánh bay.
Đành rằng trong lúc này đây,
Chúng mày cậy mạnh, chúng mày bắt tao.
Bắt tao hở! Yên sao cho được!
Chúng tao còn triệu ức đồng bào.
Sẵn lòng chiến đấu từ lâu,
Sẽ xông lên đánh vỡ đầu chúng bay.
Khôn hồn cút thẳng về Tây!

LÊ THÀNH LẬP
1930

NHẬT TRÌNH ĐI ĐÀY

TIỂU DẪN: Nhật trình là một loại hình văn học khá phổ biến và khá phong phú ở Nghệ An. Nó là một loại nhật ký đi đường miêu tả phong cảnh, sinh hoạt, phong tục... và cho biết tình hình các cung trạm trên đoạn đường đã đi qua. Tác giả bài này cho ta rõ tình cảnh bị đi đày và con đường bị đày từ Diễn Châu đến Phephô (Hội An) của một số chiến sĩ Xô viết Nghệ – Tĩnh. Bài này sưu tầm được ở Đô Lương và Diễn Châu.

Nay gặp hội phong trào lan rộng,
Ai nấy đều cho chủ nghĩa Cộng là hay.
Dân công, nông đây đó ra tay,
Đường cách mạng càng ngày càng tiến bộ.
Đế quốc Pháp thẳng tay khủng bố,
Bắt tù đày kể có mấy mươi ngàn.
Kể riêng về một tỉnh Nghệ An,
Các phủ huyện giam tràn tù chính trị.
Ngày mồng một, tháng mười hai, năm Tân vị. [1]
"Thôi phạm nhân bát thập nhất danh". [2]
Lệnh quan trên sức tới Diễn Thành,
Sức phủ giải về Vinh nghị tội.
Trưa hôm ấy nào cai, nào đội,
Nào phạm nhân sắp một lối bốn hàng.
Gió heo may, "phạm" đứng nghiêm trang,
Đội xướng số rõ ràng đủ, đúng.
Hai bên lính mỗi người, mỗi súng,
Ápđonnê cho đúng luật nhà binh. [3]
Chào anh em ở lại Diễn Thành,
Chúng tôi sẽ đăng trình thượng lộ. [4]
Lòng bâng khuâng, chân từ từ cử bộ,

---

1. Tân vị: 1931.
2. *"Thôi phạm nhân bát thập nhất danh"*: đòi phạm nhân tám mươi mốt người.
3. *Ápđonnê:* là áp giải, phiên âm chữ Pháp (accompagner).
4. *Đăng trình thượng lộ:* lên đường (đăng trình là lên đường, thượng lộ cũng là lên đường).

Tới nhà ga chừng độ một giờ. [1]
Tàu chưa vào còn phải ngồi chờ,
Lúc thong thả tha hồ ta quà bánh.
Gác trước, canh sau, đà có lính,
Còn bà con phải đứng cho xa.
Bánh quà rồi, ra trước thềm ga,
Sắp hàng lại giở thuốc Mêlia tán chuyện. [2]
Hai giờ rưỡi tàu ngoài vừa đến,
Anh em ta sau trước lên tàu.
Riêng một toa lính gác hai đầu,
Ngồi ở giữa mặc mình mở trói.
Tàu síplê ào ào phun khói, [3]
Các toa sau thuận lối chạy dài.
Thấy máy bay, đừng cậy làm tài,
Bạn thuyền thợ ắt có ngày so sánh.
Ngồi nhìn xem hai bên phong cảnh:
Kìa động Thờ với lại Hai Vai. [4]
Kìa đền Cuông, kênh Sắt chạy dài, [5]
Nọ Kỳ, Kiếm giang sơn chung tú khí. [6]
Lừng lẫy cổ kim nhiều nghĩa sĩ,
Đất anh linh sinh bao mặt anh hùng.
Bấy lâu nay rợp bóng cờ hồng,
Công, nông đã tô màu sông núi.
Tàu chở nặng tấm lòng người "xã hội".
Trải ba ga tàu dừng lại ga Vinh.
Xuống tàu đều đứng lại phân minh,
Chỉ cửa tả, kéo vào dinh Tòa án.
Đủ một bầy những niết ty, thông phán, [7]

---

1. *Nhà ga:* đây là ga Diễn Châu.
2. *Mêlia:* một loại thuốc lá rẻ tiền hồi bấy giờ.
3. *Siplê:* là tiếng còi tàu, phiên âm chữ Pháp (sifflet).
4. *Động Thờ:* ở Yên Thành giáp Diễn Châu.
Lèn Hai Vai: ở Diễn Châu, tại làng Trung Phường.
5. *Đền Cuông:* đền thờ An Dương Vương ở Diễn Châu.
Kênh Sắt: chạy từ phía nam Diễn Châu vào bắc Nghi Lộc.
6. *Kỳ, Kiếm:* núi Kỳ, núi Kiếm ở Nghi Lộc, chỗ cầu Cấm nhìn xuống.
Giang sơn chung tú khí: sông núi đúc cái tốt cái tài lại.
7. *Niết ty:* ty án sát.

Thừa lệnh truyền giải hẳn sang lao.
Lính khố xanh mở cửa tiếp ta vào,
Tới Nhà giấy, ai ai đều ngồi xuống.
Trong Nhà giấy có người thơ Lượng [1].
Đem sổ ra đứng xướng tính danh.
Tám mốt tên đúng sổ rành rành,
Truyền đem xuống Trường hình giam giữ... [2]
Chiều mồng bốn đòi lên lượt nữa,
Tám mốt người tuyển lấy băm ba.
Gọi phạm danh lao Vinh mười bảy tên ra,
Hợp cộng lại năm mươi đà đủ số.
Quần áo phát mỗi người một bộ,
Toàn vải xanh "thanh bố" chững chàng.
Đều anh em "phẩm phục" rỡ ràng,
Hoàng hôn tới soạn riêng buồng ngủ.
Đêm hôm ấy tờ mờ ngọn đèn đỏ,
Anh em ngồi suy nghĩ thâu canh.
Nông nỗi này ai có biết tình?
Ngẫm gia sự những vắn dài than thở.
Cũng có kẻ nói cười hớn hở,
Khuyên anh em đừng sợ, đừng kinh.
Anh em nên hợp ý tán thành,
Cuộc phát vãng đồng tình ta phản đối.
Cuộc hội nghị đang bàn bàn nói nói,
Lắng tai nghe gà đã gáy ngoài thành.
Trống canh năm vừa mới tan canh,
Lính gác cửa Trường hình vào mở chốt.
Bước chân ra thấy Phúlăngsa viên Một [3].
Lính sắp "răng" (hàng) rầm rập chỉnh tề.
Súng hai hàng đầu lắp lưỡi lê,
Đem nón phát nhất tề người một cái.
Lính cầm dùi sẵn đâu vào đấy,
Lệnh viên Tây truyền giải ra ga.

1. *Thơ Lượng:* tức Nguyễn Văn Lượng làm thơ lại.
2. *Trường hình:* nơi để giết những người có tội, đây là tác giả chỉ nơi thực dân Pháp giết và giam những người yêu nước, cách mạng.
3. *Phúlăngsa viên Một:* tức viên quan Một, người Pháp.

Cũng có anh tiếp được người nhà,
Trao tiền bạc, bánh quà và quần áo.
Người nhà thấy đem lòng sầu não,
Anh em đành phải giả làm ngơ.
Trông phương đông trời đã tờ mờ,
Siplê thổi tới giờ biệt xứ.
"Sương lộ lĩnh đầu liên khách tứ,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu" [1].
Bước biệt ly càng nghĩ càng đau,
Phút chốc đã qua cầu Yên Thái [2].
Tỉnh Hà Tĩnh thẳng đường chạy mãi,
Độ chín giờ tàu tới Quảng Bình.
Núi Hoành Sơn nạm bắc trường thành,
Tàu lại phải đi quanh theo chân núi.
Cũng lắm chỗ tàu đi không lối,
Nên chi tàu phải lủi vào hang.
Khen công phu đục đá làm đường,
Qua năm cửa mới sang Quảng Trị.
Hai giờ rưỡi, tàu vào tới Huế,
Một tên Tây ra nhận giấy trên toa.
Tàu chạy vào một phút một xa,
Ngoạn mục có sơn hà thắng cảnh.
Trên đỉnh núi chim kêu, tiều vịnh [3],
Dưới biển sâu lấp lánh sóng dồn.
Lèn dăng ngang đá chất thành cồn,
Tàu lại phải chui luồn thêm chín cửa.
Từ Hà Tĩnh theo vào tới đó,
Mười bốn hầm chỉ có một hầm dài.
Ngồi trông chừng mà kể thước tây,
Dài ước độ hai kilômét,
Mười bốn hầm tàu qua đã hết,
Nhìn ra toa là đất Quảng Nam.

---

1. Hai câu này rút trong hai bài thơ đời Đường (Trung Quốc), có nghĩa là: Sương buông đầu núi làm cho người khách suy nghĩ. Khói sóng trên sông khiến lòng người buồn bã.

2. *Cầu Yên Thái:* còn gọi là cầu Chợ Thượng, nằm trên sông La, nối liền Nam Đàn (Nghệ An), Đức Thọ (Hà Tĩnh).

3. *Tiều vịnh:* ở đây ý nói người đốn củi ngâm thơ, ca hát.

Bảy giờ tàu vào tới Tuaran [1],
Vào lao đó tạm ăn một tối.
Sáng mồng sáu, đồng hồ bảy rưỡi,
Lên ô tô thẳng tới Phephô [2].
Áchxiđăng ra khám gói khám đồ [3],
Thu quần áo ký vào kho tất cả.
"Thử cảnh thử tình nan vận tả" [4].
Đất phồn hoa thực đã lạ lùng thay.
Khắp thị thành phố ngói nhà xây,
Toàn tây đầm lăng nhăng lố nhố,
Còn vô sản, phong trào còn có,
Đừng sợ gì khủng bố thị uy.
Tay cung đao là phận sự của nam nhi,
Bạn dự bị phải kíp thì nối gót.
Tuy phát vãng nhưng lòng không rè rụt,
Việc đấu tranh có ngớt chỗ nào đâu,
Anh em xin chớ hoạt đầu!

KHUYẾT DANH
1931

*

ĐI ĐÀY VÀO KÔNG TUM

TIỂU DẪN: Trong chuyến phát vãng vào Kông Tum ngày 15 - 2 - 1931, sau khi bị xiềng tay hai người một, xếp hàng trước sân lao, toàn thể đoàn phát vãng đã biểu tình đấu tranh giậm chân reo la, hô khẩu hiệu: "Chống chế độ dã man của đế quốc Pháp!". Bài này do một đồng chí trong đoàn phát vãng làm để ca ngợi tinh thần đấu tranh đó.

Nhân gặp dịp phong trào Cộng sản,
Anh em mình là bạn tất giao [5].

---

1. *Tuaran:* phiên âm tiếng Pháp (Tourane), nay là Đà Nẵng.
2. *Phephô:* phiên âm tiếng Pháp (Faifo), nay là Hội An.
3. *Áchxiđăng:* viên quản, phiên âm chữ Pháp (adjudant), một chức quan võ, trên suất đội, dưới quan Một.
4. *"Thử cảnh thử tình nan vận tả"*: cảnh ấy tình này thật khó tả.
5. *Tất giao:* thân với nhau như keo sơn.

Đồng tù, đồng khổ, đồng lao,
Đồng thời phát vãng đi vào Kông Tum.
Vì nghĩa vụ chân cùm tay xích,
Dạ sắt son như kích bên lòng.
Tay chân, tay gói long đong
Hai người một cái nồi đồng mang theo.
Hô khẩu hiệu mồm reo, tay vỗ,
Hô đồng thanh đánh đổ dã man.
Ra sân khi ấy sắp hàng,
Roi song nó đã ra oai tức thì.
Dây vô loại trói ghì đôi một,
Áo quần xanh một lốt như nhau.
Một đoàn anh trước em sau,
Lính cùng cai, đội chia nhau dẫn đường.
Dạo phong cảnh giã từ tỉnh Nghệ,
Chí làm trai bốn bể là nhà.
Trời cao, đất rộng bao la,
Anh em ở lại, chúng ta đăng trình.
Qua cửa tả ga Vinh dừng lại,
Anh em mình tính ngoại năm mươi.
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Cái thân luy tiết, ngăn người tự do [1].
Nhà ga Vinh cũng đô hội thật,
Cảnh chiều người, lên mặt tài hoa.
Tóc quăn, da trắng như ngà,
Ăn chi to lớn đẫy đà làm sao!
Ấy Mường, Mán, hay Lào, hay Pháp?
Hay thằng Một Tây nó áp giải ta?
Trước xe sẵn có một toa,
Anh em tất cả đều là lên xe.
Cơm một gánh, nước chè một gánh,
Tối om om, quang cảnh buồn thay!
Làm người khi tỉnh khi say,
Lạnh lùng hút gió tây may thổi hoài.
Tàu diréc chạy ngoài Bắc tới [2],

1. *Luy tiết:* dây trói người tù, nói chung chỉ vòng tù tội.
2. *Tàu diréc:* nghĩa là chuyến xe lửa chạy tốc hành từ Hà Nội vào Sài Gòn, phiên âm tiếng Pháp (direct).

Tiếng síplê như gợi cơn sầu.
Dồn cho toa lại đằng sau,
Con đường phát vãng bắt đầu từ đây.
. . . . [1]
Từ đây giã cảnh Hoan Châu,
Rồi ta sẽ tới nơi đâu thế này?
Dù tới đâu lòng đây chẳng ngại,
Dù bể kia hóa bãi dâu xanh.
. . . . [2]
Còi tàu thét, tàu ta liền chạy,
Qua Yên Xuân tới bảy nhịp cầu,
Nghệ An, Hà Tĩnh giáp nhau,
Lam giang chi thủy, một màu xanh xanh [3].
Ngó tờ mờ chông chênh bóng nguyệt,
Gió nơi đồng, hơi tuyết cành sương.
Lạnh lùng rét buốt tận xương,
Bắc phong hiu hắt đoạn trường tê mê.
Tàu dirréc là xe chạy thẳng,
Qua các ga nó chẳng có dừng.
Hết rừng lại đến đồng bằng,
Khỏi miền Đức Thọ tới miền Hương Khê.
Ga Thanh Luyện có bề thanh lịch,
Khách bộ hành tấp nập đường bao.
. . . . [4]
Ấy tàu sắp sửa chui hang,
Qua ba hầm đó, con đường xuyên sơn.
Cảnh nơi đây sao cỏn cỏ héo?
Cửa nhà như lều vịt bé con.
Vào ra mỏi gối chui lòn (luồn),
Cột pheo kèo nứa, lại còn phên thưng.
Gia nghiệp ấy xem chừng cơ cận [5],

1. Chỗ này thiếu mấy câu.
2. Như 1.
3. *Lam giang chi thủy:* nước sông Lam.
4. Chỗ này thiếu mấy câu.
5. *Cơ cận:* đói khổ, nghèo túng.

Chốn tiều phu xen lẫn mục đồng[1].
Đàn bà cũng tựa đàn ông,
Quần chân áo chít, tóc bồng bối sau.
"Sao thổ địa phì nhiêu như thế,
Sao lại mà lưu phế lưu hoang?"[2]
Ai ơi, tấc đất tấc vàng!
Sao mà luống chịu cơ hàn làm ri?
Nó thì chỉ vì tay bóc lột,
Sức thặng dư nó nuốt một phần[3].
. . . .[4]

KHUYẾT DANH

*

ĐƯỜNG ĐI BÀ NÀ

TIỂU DẪN: Nguyễn Huỳnh sinh năm 1910 tại thôn Văn Hà, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Nghĩa. Đồng chí tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, rồi vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930, làm Bí thư Chi bộ ghép vùng Trà Ninh. Đồng chí đã hy sinh rất dũng cảm trong nhà tù đế quốc năm 1931.

Hạ bút tả thiên lưu tích[5]:
Chuyện anh em hành dịch chốn Bà Nà[6].
Đúng ngày mười bốn, tháng Ba,
Đầu tiên sáu chục, chở ba xe đầy.
Tinh mơ xe lướt đường mây,
Mang theo hò hẹn vang đầy non sông.
Đó đây phấp phới cờ hồng,
Vẫy đưa chiến sĩ đoạn trường lênh đênh!
Dập dình sóng nước Trà Giang,

---

1. *Tiều phu:* người kiếm củi. *Mục đồng:* trẻ chăn trâu.
2. Hai câu này có nghĩa: sao đất ở đây tốt như thế mà để bỏ hoang đã lâu ngày?.
3. Đoạn này ý nói: đất thì tốt, người thì cần cù, nhưng phải chịu đói là bởi bọn thực dân và phong kiến bóc lột quá thậm tệ.
4. Đoạn cuối này chưa sưu tầm được.
5. Cả câu ý nói hạ bút viết bài này để lưu lại đời sau.
6. Núi Bà Nà ở Quảng Nam, nơi giam tù chính trị Quảng Nghĩa.

Chuông chùa Thiên Ấn ngân vang dặm dài.
Bồi hồi hương quấn hoa mai [1],
Bâng khuâng tiếng pháo tiễn ai nghẹn ngào?
Nhớ ai! Ngày tết vui sao!
Mặn nồng quê kiểng (cảnh), lao xao nói cười.
Giao thừa nhà rộn niềm vui,
Bên nồi bánh tét, bên cơi trầu vàng.
Sáng ra mở hội xuân sang,
Sắc bùa rỏn rẻn: "Tịch tang tùm vinh" [2].
Bài chòi rộn rã sân đình [3],
Bài thai no ấm, thái bình vạn an [4]!
Chúa xuân đâu được ở yên,
Niềm vui chưa trọn, lầm than tràn đầy!
Trâu bò vẫn giữ bừa cày,
Cho dâu nhả kén, đồng sai lúa vàng.
Chòi che ken két gọi vang [5],
Cho mía nhả mật, cho đàng (đường) kết tinh.
Rừng vàng bể bạc lung linh,
Như mâm cơm nếp, như tranh họa đồ.
Nhưng sao đời cứ tối mò?
Người thì đói rách, trâu bò thiếu rơm!
Vì đâu nông nỗi nguồn cơn?
Vì chưng phong kiến, thực dân tham tàn!
Lửa hờn đốt cháy tim gan,
Cho nên ta phải kết đoàn đấu tranh!
. . . . [6]
Trải qua mấy trận vẫy vùng,
Thời cơ chưa đến, lao lung sá gì!
Than ôi! Cái phận lưu ly!
Bước đi một bước nặng chì hai vai.

---

1. Hương quấn hoa mai: khói hương bốc lên quấn quýt quanh hoa mai, tả cảnh ngày Tết Nguyên đán.

2. *Sắc bùa:* một điệu dân ca ở vùng Trà Ninh, Mộ Đức, Quảng Nghĩa, thường hát múa vào dịp Tết Nguyên đán.

3.4. *Bài chòi, bài thai:* hai điệu hát dân gian địa phương.

5. Che: tiếng địa phương, chỉ trục ép mía do trâu kéo.

6. Chỗ này thiếu mất mấy câu.

Lần theo dấu thỏ, chân nai,
Gập ghềnh sỏi đá, chông gai bịt bùng!
Mưa phùn, dốc ngược đường trơn,
Đứng lên, ngã xuống, chân chùn gối run.
Thằng Tây mắt đục gườm gườm:
Miệng alê hấp! tay vung roi hèo.
. . . .[1]
Ngày nay còn vướng mây mù,
Ngày mai ắt sẽ nghìn thu huy hoàng!
Làm cho đất Tổ Việt Nam,
Đời đời rạng tiếng con dân Lạc Hồng!

NGUYỄN HUỲNH

Xuân 1931

*

ĐI ĐÀY LÊN SƠN LA

TIỂU DẪN: Phạm Đình Cấu người quê ở Ý Yên, tỉnh Hà Nam , hoạt động cách mạng từ năm 1930. Đồng chí đã mất năm 1969 tại quê nhà. Qua bài này, tác giả cho ta rõ hai chặng đường giải tù của thực dân Pháp: chặng từ Nam Định đi Hà Nội bằng tàu, chặng từ Chợ Bờ lên Sơn La đi bộ. Còn chặng đường từ Hà Nội lên Chợ Bờ, có lẽ là một bài thơ khác nữa, chúng tôi chưa sưu tầm được.

I
(TỪ NAM ĐỊNH ĐI HÀ NỘI)

Một chiếc tàu Tây, bốn đội binh,
Hai trăm chính trị bước đăng trình.
Nghe còi như giục hồn vô sản,
Trông nước càng sôi nỗi bất bình.
Núi nọ mây mờ còn u ám,
Thuyền kia sóng vỗ cũng lênh đênh.
Thằng Tây mặt đỏ hầm hè quát,
Càng quát, càng hun lửa đấu tranh.

---

1. Chỗ này thiếu mất mấy câu.

II
(ĐI BỘ TỪ CHỢ BỜ LÊN SƠN LA)

Mười hai ngày rưỡi tới Sơn La,
Khúc ruột căm hờn những xót xa.
Khóa chặt hai người tay xúc xích.
Kéo dài bốn cúp bước xông pha [1].
Trèo đèo khôn xiết chân mòn mỏi,
Ngã nắng bao người bệnh xảy ra.
Xôi sống dọc đường không muối chấm,
Rừng xanh vang dội tiếng hò la.

PHẠM ĐÌNH CẤU
1933

*

TỪ LAO VINH LÊN LAO BẢO

Trời thu lất phất hạt mưa bay,
Phố vắng, đường trơn, cảnh đọa đày.
Một tấm áo xanh in bốn số,
Ba vòng xiềng xích khóa hai tay.
Bơ vơ muôn dặm người theo bóng,
Man mác ngàn trùng nước lẫn mây.
Đất lạ ngậm ngùi khi sớm tối,
Nỗi niềm tâm sự có ai hay.

Ai có hay ta phận lỡ làng,
Mà tình nhân loại thác còn vương.
Lòng son dạ sắt nguyền ghi tạc,
Thịt nát, xương tan dám phũ phàng.
Tuổi trẻ ngại chi dầu dãi gió,
Gan già bao quản dạn dày sương.
Ai về nhắn với ai lao động,
Liên kết cùng nhau đánh bạo cường.

NGUYỄN NGỌC TUYẾT
1929

---

1. Hơn hai trăm tù chính trị chia ra làm bốn toán, mỗi toán gọi là một "cúp" (phiên âm tiếng Pháp "groupe").

HÀNH TRÌNH ĐI ĐÀY RA CÔN LÔN

TIỂU DẪN: Nguyễn Ngọc Tình, người ở Hạc Châu, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Đồng chí hoạt động trong Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội từ năm 1929, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí công tác ở Ủy ban Hành chính thành phố Nam Định, mất tại quê nhà năm 1974.

I

Năm Mùi, tháng Ngọ, tối hăm ba,
Từ biệt Hỏa Lò đến hỏa xa.
Quốc, Cộng, anh em ngoài tám chục [1],
Chân, tay xiềng xích chật hai toa.
Tây canh, lính gác rành nghiêm cẩn,
Kẻ gọi, người kêu thực thiết tha!
Ngước mắt nhìn nhau lòng ứ nghẹn,
Phút đâu xe chạy đã mười ga.

II

Mười ga sịch tới Hải Dương rồi,
Mưa gió đương cơn mới tạnh trời.
Ngoài phố xôn xao phường "bán nước",
Bên đường nhộn nhịp khách mua xôi.
Đỉnh non Yên Tử mây còn kín,
Ngọn nước Đằng Giang sóng vẫn sôi.
Cảnh ấy, tình này đương bối rối.
Hải Phòng đâu đã đến kề nơi.

III

Kề nơi cửa hãng Sáu Kho ra [2],
Tay siết tay nhau bước xuống phà.

---

1. Chỉ đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Đông Dương.
2. Tức bến cảng Hải Phòng, ngày trước có sáu kho lớn.

Sở Cẩm tiễn đưa toàn súng lục,
Nhà binh đón tiếp có quan Ba.
Con tàu "Cốtsáp" băng miền chạy,
Làn sóng Đồ Sơn thẳng vượt qua.
Bốn mặt mông mênh trời lẫn biển,
Trông về cố quận đã xa xa.

IV

Xa xa đường lối tính khôn cùng,
Gặp bước lưu ly há ngại ngùng!
Trời đất bốn phương, trời đất mới,
Nước non muôn dặm, nước non chung.
Trót nguyền sắt đá, đành cam dạ,
Dù gặp phong ba, sá ngã lòng.
Riêng ở đáy tàu khoang đặc biệt,
Anh em trò chuyện cứ ung dung.

V

Ung dung chẳng chút bận lo phiền,
Tàu chạy ba ngày, vẫn tự nhiên.
Qua tỉnh Nghệ An vào Quảng Trị,
Hết thành Thuận Huế đến Thừa Thiên.
Mịt mù đỉnh Ngự mây che đá,
Trắng xóa sông Hương sóng lộn thuyền.
Đoái lại Thần kinh non nước cũ [1],
Ngậm ngùi bao xiết nỗi hàn huyên!

VI

Hàn huyên nỗi ấy kể cùng ai?
Này bến Tuđoan đã tới rồi [2],
Bốn mặt lâu đài che rợp đất,
Một trường hàng hóa chất ngang trời.
Sơn hào, hải vật, nhường bao của!
Nữ tú, nam thanh, thực lắm người!

---

1. *Thần kinh:* chỉ kinh đô Huế của nhà Nguyễn.
2. *Tuđoan:* tức bến Đà Nẵng, phiên âm tiếng Pháp (Tourane).

Thấy cảnh lòng thêm ngao ngán cảnh,
Tiếc về quyền lợi ấy nhường ai?

VII

Nhường ai quyền lợi ấy sao đành?
Xui giục cho mình phải đấu tranh.
Tấc dạ đã ghi cùng biển bạc,
Tấm thân chi sá phụ trời xanh.
Chim dù gió cuốn còn thương tổ,
Cá dẫu mưa trôi cũng vượt ghềnh.
Lối nọ, đường kia đương thắc mắc,
Tàu liền quay mũi chạy thênh thênh.

VIII

Thênh thênh ra khỏi bến Tuđoan,
Thủy đạo nhằm theo hướng địa bàn.
Mặt biển sóng dồn, con nước chạy,
Lưng trời khói tỏa, áng mây tan.
Ngàn dâu trông bẵng, xa Bình Định.
Dặm liễu coi chừng, khuất Phú An.
Địa hạt Trung Kỳ đi đã khắp,
Ngày đêm vừa chẵn bốn hôm ràn.

IX

Bốn hôm tàu chạy chửa bao lâu,
Sịch tới miền Nam đã đổi tàu.
Tây, lính, súng, lê, đi dẫn trước,
Anh em, còng, xích, vác theo sau.
Giã từ "Cốtsáp" đi chưa đoạn,
Màn xuống "Rútxô" chạy rất mau [1].
Cờ đỏ tung lên chào cách mạng [2],
Trời cao, biển thẳm, biết về đâu?

---

1. Chuyển từ tàu "Cốtsáp" sang tàu "Rútxô", tàu này nhỏ hơn và chạy nhanh.
2. Khi chuyển tàu, Lê Ngọc Hiến giơ cao lá cờ đỏ bằng khăn tay lên, miệng hô khẩu hiệu: "Cách mạng thế giới muôn năm!".

X

Về đâu, nào đã biết đâu nào?
Ô Cấp kia kìa cảnh đẹp sao[1]!
Quanh quất ven bờ ngàn núi rộng,
Chơi vơi ngoài biển đỉnh non cao.
Tàu quen, lũ cá giương vây đón,
Khách lạ, đàn hươu nghển cổ chào.
Chót vót cây đèn trên mặt biển,
Đêm đêm soi sáng biết nhường bao!

XI

Nhường bao non nước đẹp như tranh,
Ai khéo gây nên nỗi bất bình?
Kẻ ở, người đi ngao ngán cảnh,
Nhà tan, nước mất ngẩn ngơ tình.
Lơ thơ xưởng cá kề chân núi,
Lác đác ghe câu thả mặt ghềnh.
Tới đó dừng tàu cho khách xuống,
Ngỡ ai... "hóa cũng anh em mình!"

XII

Anh em mình đấy chín mươi người,
Đi trước hơn nhau nửa tháng rồi.
Rấp tới Côn Lôn chưa tiện bước,
Ghé vào Bà Rịa để nằm ngơi.
Gặp nhau cười, nói, nhường vui vẻ,
Trông bộ áo, quần, đã tả tơi.
Ngồi đứng như nêm chen chẳng được,
Con tàu cất mũi vượt ra khơi.

XIII

Ra khơi thăm thẳm luống kinh hồn,
Lăn lộn con tàu bé cỏn con.

1. *Ô Cấp:* thuộc hải phận miền Nam, nay gọi là Vũng Tàu, tên tiếng Pháp là "Cáp Xanh Giắccơ" (Cap Saint Jacques)!

Hai bữa nhịn cơm đành chịu đói,
Một ngày say sóng vẫn còn nôn.
Ầm ầm mặt biển cơn mưa dập,
Cuồn cuộn chân mây trận gió dồn.
Vượt hết nửa đêm dông tố ấy,
Mờ mờ đã thấy bóng Côn Lôn.

XIV

Côn Lôn tới bến ghe sang thuyền,
Xiềng khóa trả về, cất gót lên.
Đèn, đuốc tưng bừng soi bốn mặt,
Súng, roi nhộn nhịp gác đôi bên.
Dẫn theo đường đá quanh về trại,
Nằm xuống sập trần ngủ thấu đêm.
Sáng dậy đứng coi bầy quỷ dữ,
Đầu trâu, mặt ngựa mấy trăm tên.

NGUYỄN NGỌC TỈNH

Côn Lôn, 1931

*

CÔN LÔN KÝ SỰ

Đứng mặt biển Đông Dương ngoảnh lại,
Mở bản đồ Nam Hải nhìn qua:
Một vùng biển rộng bao la,
Tự nhiên có đảo mọc ra mới kỳ.
Côn Lôn ấy chính thì là nó,
Sinh từ hồi thượng cổ tới nay.
Khen cho tạo hóa vần xoay,
Biển sâu dám xếp núi này nên cao!
Trải muôn trận sóng đào xung đột,
Với nghìn phen nước lụt trào lên.
Mà đây núi vẫn đứng yên,
Không mòn, không lở, không nghiêng, không dời!
Ngắm diện tích độ vài vạn mẫu,
Gồm các hòn láu nháu đi theo.

Rõ ràng như một bầy hươu,
Mẹ nằm khoảng giữa, con triều (chầu) xung quanh.
Trông nẻo trước như hình bán nguyệt,
Núi Chúa kia làm huyệt trung tâm.
Diện tiền đối thẳng đông nam,
Mỏ Bia, Đá Trắng, chia làm hai chi.
Ngoài tả, hữu, long quy, hổ bái,
Bên Trác, Tài, bên Bảy (Cạnh), Bông Lang. [1]
Quây thành cái vũng sà lan,
Đậu tàu chở lúa, chở hàng, chở khô (cá khô).
Dưới đáy rặt san hô, đá trắng,
Suốt quanh năm mỗi tháng hai lần.
Lấy lên chẻ, nấu vôi dần,
Xây nhà, xây khám, xây sân, xây tường.
Sau lưng ấy là phương tây bắc,
Một dải đi dằng dặc khá dài.
Bãi Bà, bãi Nhất, Đầm Ngoài,
Bãi Cầu, bãi Đụng, bãi Dàu, bãi Tiêu.
Qua Cỏ Ống sang đèo Đất Dốc [2],
Quanh Mũi Tàu về góc Mỏ Bia.
Mấy hòn rải rác ngoài kia,
Cau, Tre, Bà, Trứng đều về cả đây [3].
Ấy hình thế đảo này là thế,
Nhận kỹ ra không thể nào sai.
Lửng lơ riêng một góc trời,
Đá ngồi xanh mặt, sóng phơi bạc đầu.
Khí hậu đấy, ở đâu cũng khá,
Không mấy khi rét quá, mưa nhiều.
Bốn mùa nắng ấm đều đều.
Hè nam, đông chướng, hai chiều gió thay [4].

---

1. Côn Lôn là một đảo lớn, xung quanh có nhiều đảo nhỏ, ở bên phải có Hòn Trác, Hòn Tài Lớn, Hòn Tài Nhỏ; bên trái có Hòn Bảy Cạnh, Hòn Bông Lang, trông như rồng chầu, hổ phục.

2. *Cỏ Ống:* tên một địa điểm, hiện nay là sân bay Cỏ Ống.

3. *Cau, Tre, Bà, Trứng:* chỉ các đảo Hòn Cau, Hòn Tre, Hòn Bà, Hòn Trứng.

4. *Hè nam, đông chướng:* ở Côn Đảo, có hai mùa gió, mùa hè thì có gió nam, mùa đông có gió bấc, gọi là gió chướng. Anh em tù thường chờ hai mùa gió này thổi mạnh, dùng bè vượt biển về đất liền hoạt động.

Nước suối chảy trong ngay như lọc,
Nước giếng đào uống thực cũng ngon.
Lạ lùng phong thủy Côn Lôn,
Nước lành, gió tốt, sao còn lo âu!
Thổ sản lắm, biết đâu mà kể,
Kìa cây rừng, cá bể xiết bao!
San hô, đại mại, yến sào[1],
Tôm hùm, ốc tượng, nói sao cho cùng.
Ngải Bãi Cạnh lạ lùng hiếm có[2],
Quế Sở Tiêu mọc đó ai trồng[3]?
Đào lộn hột, nhãn tiêu lồng,
Củ, trà đủ thứ, trái, bông đủ mùi.
Đất đã tốt, cảnh thời lại đẹp,
Hỏi từ xưa, ai biết tìm ra?
Chính hồi Nguyễn Ánh nước ta,
Thua Tây Sơn, đã chạy qua đảo này.
Cho Hoàng Cảnh theo thầy cứu viện,[4]
Hẹn thành công sẽ hiến về Tây.
Nhưng khi thống nhất nước này,
Đổi đem tù tội ra đây giam cầm.
Người tới ở dần năm, dần biết,
Có vợ con dấy nghiệp làm ăn.
Cùng nhau sinh tụ lần lần
Lập làng An Hải, mở làng Bồng Hương.[5]
Theo lịch sử lẽ thường là thế,
Nghe truyền ngôn người kể mới hay.
Còn từ khi thuộc về Tây,
Côn Lôn lại có ngày nay nữa mà!
Mấy làng cũ nó đà phá sạch,

---

1. *Đại mại, yến sào:* đại mại nghĩa là đồi mồi, yến sào nghĩa là tổ yến.

2. *Ngải Bãi Cạnh:* chỉ cây ngải ở Bãi Cạnh.

3. *Quế Sở Tiêu:* chỉ Sở trồng các thứ cây hồ tiêu, cây quế.

4. *Hoàng Cảnh:* chỉ Hoàng tử Cảnh, con Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh bị Tây Sơn đánh thua, chạy ra Côn Đảo, cho con là Hoàng tử Cảnh theo cố đạo Alếchxăng đờ Rốt sang Pháp xin cứu viện. Hắn hứa với Pháp sẽ hiến Côn Đảo cho Pháp, nếu Pháp giúp hắn đánh thắng Tây Sơn.

5. Thời phong kiến nhà Nguyễn, những người bị tội đày được phép đem theo cả vợ con và sinh cơ lập nghiệp luôn ở đây. Họ lập ra hai làng An Hải và Bồng Hương.

Các dân xưa nó bắt lại quê.
Còn ai không có đất về,
Thì cho ở đấy làm nghề bán buôn.
Rồi nó mới xây luôn dinh thự,
Lập đồn binh, dựng sở, nhà thương.
Trại matà, xóm lạc dang, [1]
Đặt bày dây thép, sửa sang máy đèn. [2]
Hai banh lớn xây liền một chỗ, [3]
Banh mới và banh cũ kề nhau.
Khắp miền tù tội đâu đâu,
Bắc, Nam, Lào, Thổ, cùng nhau ăn nằm.
Đầu cạo trọc, áo chàm xanh ngắt,
Ăn uống toàn cơm lứt, cá khô. [4]
Khổ sai, cấm cố, lưu đồ, [5]
Chiếu theo số án phát cho đính bài. [6]
Quyền thống trị trên thời "Ông lớn", [7]
Nó quản cai khắp bọn Tây, tà.
Giấy tờ, công việc gần xa,
Sở này sở nọ đều là ở tay.
Chủ kho bạc ngày ngày tính sổ, [8]
Trả tiền công cho số tù nhân.
Mỗi năm lưu ký hai lần, [9]
Ở lâu thì nó phát ngân bốn đồng,
Chủ nhà thuốc, nó trông việc thuốc,
Quan nhà binh, nó thuộc nghệ binh.

---

1. *Matà:* lính bản xứ coi ngục.

Lạc dang: (gardien) lính người nước ngoài coi tù, nay ta gọi là giám thị.

2. *Dây thép:* là Sở bưu điện. Máy đèn: là Nhà máy điện.

3. *Banh:* là trại giam, phiên âm tiếng Pháp (bagne).

4. *Cơm lứt:* cơm nấu bằng gạo xay, không giã.

5. *Khổ sai:* án bắt làm việc nặng nhọc. Cấm cố: án cấm không cho liên hệ với người khác. Lưu đồ: án đày đi xa.

6. *Đính bài:* thẻ gỗ in số tù để lĩnh tiền công, lĩnh tiền lưu ký và tiền ký gửi vào quỹ của Nhà đày, khi nào người tù được thả về thì lĩnh.

7. *"Ông lớn":* chỉ thằng chúa đảo.

8. *Chủ kho bạc:* người coi việc thu phát tiền cho toàn đảo.

9. *Lưu ký:* mỗi năm hai lần vào ngày 14–7 (ngày Quốc khánh nước Pháp) và ngày Tết âm lịch, thì chủ kho bạc cho lĩnh tiền lưu ký.

Chủ kho phát các thức ăn:
Gạo, muối, mắm, mỡ, khoai, hành, chuối, rau.
Còn các sở nó hầu chia việc,
Cắt phiên nhau lần lượt gác canh.
Sở to, "xếp" nó quyền hành,
Bao nhiêu sở nhỏ phần anh matà.
Sở Bếp nọ làm ra cơm nước,
Sở Tải kia quét tước trong banh. [1]
Mấy người ốm yếu vàng xanh,
Dọn phân, thu rác: Sở anh "quét đường".
Sở Chỉ tồn kiêm đương mọi vụ, [2]
Dọn tàu bè, chở lúa, chở khô (cá khô).
Xe gạch ngói, kéo rulô, [3]
Lại còn tháng lấy san hô hai tuần. [4]
Sở Bản chế thuộc phần công nghệ, [5]
Ngoài gồm thêm Sở Ghế, Sở May.
Sở cưa, thợ ấy xẻ cây,
Thợ hồ, sở ấy đi xây cửa nhà.
Ngày chạy máy làm ra nước đá,
Đêm bật đèn sáng cả khắp nơi,
Nhà đèn sở ấy khá vui,
Khỏi điều nắng dập mưa vùi khổ thân.
Đục, minơ là dân Đá Trắng, [6]
Chẻ san hô là đám Lò Vôi. [7]
Lò than, lò gạch đôi nơi,
Ở kề với Sở Chăn nuôi heo, bò.
Sở Muối nọ đắp lò, nấu muối,
Sở Củi kia tìm lối chém cây.

---

1. *Sở Tải:* chuyên việc quét tước trong banh và dọn cống rãnh, sân, ngõ...

2. *Sở Chỉ tồn:* nơi dự trữ lực lượng lao động để bổ sung cho các đơn vị sản xuất trên đảo.

3. *Rulô:* xe lăn, phiên âm tiếng Pháp (rouleau).

4. Lấy san hô là một công việc hết sức nặng nhọc. Mỗi tháng cứ hai kỳ cuối con nước thì chúng chở anh em tù ra biển mò san hô. Đêm thì lặn mò, ngày thì phơi nắng chẻ san hô.

5. *Bản chế:* xí nghiệp nửa cơ khí nửa thủ công như tiện, nguội, cưa, đan v.v...

6. *Minơ:* thợ mỏ, phiên âm tiếng Pháp (mineur). *Đá trắng:* tức Sở Đá Trắng.

7. *Lò Vôi:* tức Sở Lò Vôi.

Sở Cỏ Ống nộp tre mây,
Sở Đầm, Đất Dốc kéo cây chở về.
Sở Ruộng nọ chăm nghề cày cấy,
Sở Dâu kia cần lấy tơ gai.
Cá thời Sở Lưới đánh chài,
Chuối, dừa: An Hải; ngô, khoai: Bông Hường.
Sở Ông Hội sẵn sàng mít, dứa,
Trong Sở Tiêu chan chứa cà phê.
Hòn Cau chở vích mang về,
Khoai lang, Sở Rẫy chuyên nghề trồng rau.
Ấy mọi sự, mọi màu như thế,
Cốt nhằm vào kinh tế mà thôi.
Mình tù, nào phải nó nuôi,
Toàn là nước mắt, mồ hôi của mình!
Bắn một trận, chết linh bảy chục, [1]
Bão một cơn, khám sập gần trăm. [2]
Nào người giam chết ở hầm, [3]
Nào hòn núi lở, tiêu năm mạng người. [4]
Nào những kẻ chìm trôi đáy bể,
Nào những người chết vệ hàng cây.
Nào còn già, yếu, trẻ, gầy,
Chết nằm nhà xác chôn đầy Hàng Keo. [5]
Lòng đau đớn trăm chiều tê tái,
Giận vì quân hùm sói dã man.
Đem người đẩy xuống biển oan,
Làm cho nhân loại điêu tàn chửa thôi.
Nay ta đứng giữa nơi Côn Đảo.

---

1. Anh em tù kể rằng: năm 1917, ở Côn Lôn có cuộc anh em tù nổi lên cướp súng, giết Tây. Nhưng cuối cùng thất bại, bị chúng bắt hết, đem sắp hàng quay mặt vào tường và bắn một loạt chết 70 người.

2. Năm 1930, Côn Lôn bị bão to. Nó khóa anh em tù ở Sở Lưới. Sở Lưới sập, chết 83 người.

3. Ở Côn Lôn có "casô" (xà lim). Có anh em ốm, bị giam chết trong đó, mà bọn cai ngục vẫn không biết.

4. Năm 1932, thằng Buviê (Bouvier) bắt anh em tù đi xe đá ở núi Chúa về sửa cầu tàu. Đá trên núi đổ xuống đè chết 5 người, xác nát hết, chỉ còn ba cái đầu lâu với ít ruột. Anh em đem bỏ vào bao để chôn.

5. Hàng Keo là một nghĩa địa chôn tù ở Côn Lôn, xung quanh trồng toàn cây keo.

Soi mảnh gương tàn bạo là đây.
Phong trào đến cuộc sau này,
Hô lòng công phẫn, gom tay hợp quần!
Đem xiềng xích trả quân đế quốc,
Vác búa liềm tính cuộc đấu tranh.
Đập tan thảm lũy, sầu thành,
Thù chung trả được dạ mình mới cam,
Đổi Côn Đảo ra làm Bồng Đảo.
Đem lâu đài sáng tạo nguy nga.
Một làm dinh để nuôi già,
Hai, lầu thư viện; ba, nhà công viên.
Dưới, quân bị đậu thuyền hải chiến,
Trên, sinh nhai mở bến ngư gia.
Rõ ràng ích lợi hà sa,
Chuyển ngay địa ngục làm ra võ đài.
Anh em hãy luyện tài, đúc trí,
Ngày đêm đừng lo nghĩ quẩn quanh.
Nâng cao trình độ tinh thần,
Rán chờ cơ hội đã gần tới nơi.
Chí hy vọng ắt rồi cũng thỏa,
Nợ bồng tang nay trả hẳn xong.
Mai ngày tới buổi thành công,
Tung hô vạn tuế đại đồng năm châu!

NGUYỄN NGỌC TỈNH
1934

*

Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Trời bốn bể, năm châu lồng lộng,
Dù ở đâu, phải sống cho hay.
Lúc này sống cảnh tù đầy,
Sống sao cho đúng những ngày ở đây.
Nhà, cửa sắt tường xây cao tít,
Sàn xi măng, liền tịt xung quanh.
Góc trong hố xí tênh hênh,
Góc ngoài tem hẻm cái vành cửa ra.

Còn quãng giữa gọi là hơi rộng,
Nhưng luôn luôn có trống người đâu.
Nằm nghiêng úp bát vào nhau,
Tối đi giẫm cả lên đầu lên chân.
Trời nóng nực, ngoài sân se cát,
Om trong hầm, ngột ngạt hơi người.
Chia nhau từng phút ra ngồi,
Sát khe song sắt hít hơi thoáng vào.
Nhưng vô phúc hôm nào nó phạt,
Đóng cửa ngoài kín mít như bưng.
Quân thù độc ác vô cùng,
Cướp chi cướp cả cái luồng thông hơi.
Dù nghẹt thở không ai chết cả,
Mà căm thù gan dạ càng hung,
Kho người khí uất bừng bừng.
Tường vây muốn nứt, mái tầng muốn bung!
Rừng phẫn uất muốn bừng gió hận,
Biển căm hờn như gợn sóng thù.
Bạch Đằng đầy xác giặc Ngô,
Đống Đa xưa cũng đầy mồ ngoại xâm.
Ông cha trước quyết tâm đánh giặc,
Bây giờ ta noi bước người xưa.
Phá tan xiềng xích nhà tù,
Đuổi Tây ra khỏi cõi bờ Việt Nam.
Dù giặc Pháp mưu thâm thế mạnh,
Chúng ta thề quyết đánh cho tan.
Chúng ta hai mấy triệu dân,
Có lòng dũng cảm, có gan anh hùng.
Lại có Đảng tiền phong lãnh đạo,
Có Liên Xô thành tựu đứng đầu.
Bạn bè bốn bể năm châu,
Như thợ thuyền Pháp bấy lâu giúp mình.
Tình giai cấp thấm tình dân tộc,
Chí diệt thù sôi sục gần xa.
Thiên thời, địa lợi, nhân hòa,
Lo gì nợ nước thù nhà chẳng xong.
Cơn bĩ cực quyết không thoái chí,
Phải nâng cao dũng khí diệt thù.

Đấu tranh từng phút từng giờ,
Giữ gìn thân thể, chăm lo học hành.
Phải kiên nhẫn tập tành tu dưỡng,
Để đảm đang cách mạng tương lai.
Ở đây sống để đợi thời,
Một mai giặc hết, sống đời tự do.
Bấy giờ xây dựng cơ đồ,
Nhà cao cửa rộng tha hồ thảnh thơi.

LÊ THÀNH LẬP
Côn Đảo, 1931

*

ĂN TRONG NHÀ TÙ CÔN ĐẢO

Một thằng Pháp tay cầm cò nghéo [1],
Một matà lẽo đẽo một bên.
Matà mở khóa rút then,
Thằng Tây lớn tiếng thét liền alê [2].
Luôn luôn muốn ra uy làm phép,
Tên matà thét tiếng ra côm [3]
Anh em ra khỏi cửa hầm,
Ngoài hè ruồi nhặng đen ngòm bay tung.
Bốn người một, một thùng cơm sạn,
Ruồi bậu dày như chậu đỗ đen.
Càmèn canh để một bên [4],
Một bên là một càmèn cá khô.
Nói canh, cá: nói cho mỹ lệ,
Thực ra thì có "qué" (quái) gì đâu?
Cá là khô mục từ lâu,
Bọ giòi đục ruỗng còn màu mè chi!

---

1. *Cò nghéo:* là cái ba toong, tức cái gậy.
2. *Alê:* nghĩa là đi, phiên âm tiếng Pháp (aller), nhưng trong ngôn ngữ lúc ấy người ta dùng như là tiếng giục giã bắt đầu làm một việc gì đó.
3. *Côm:* là cơm.
4. *Càmèn:* là cái bát to để đựng canh, phiên âm tiếng Pháp.

Canh lang úa, lượm về từng cục [1],
Cây chuối già, xắt khúc nấu suông.
Lửa lòng đốt cháy can tràng,
Không ăn não ruột, ăn càng não nhau.
Hiên không mái, trên đầu nắng cháy,
Thềm xi măng, bỏng giãy bàn chân.
Muốn, không, thì cũng phải ăn,
Và mau nuốt trửng chả cần phải nhai.
Có dạ sắt nghiền tơi sỏi giặc,
Có gan vàng nghiến nát sạn thù.
Ăn cho sống lúc bấy giờ,
Để tranh cuộc sống tự do sau này.
Cơm dù ít chửa ai ăn hết,
Tên matà đã thét: "Dô thôi" [2].
Thằng Tây đứng cửa đếm người,
Détxe mỗi tướng một roi vào đầu [3].
Một bạn ốm, lết vào hơi chậm,
Thằng chó Tây, đá đấm lu bù.
Matà túm cổ đẩy vô,
Cửa chưa kịp đóng tiếng hô vang trời.
Trăm tiếng thét, một lời: Đả đảo!
Đả đảo quân tàn bạo giết người!
Nỗi mình càng bực nỗi đời,
Trong hầm hơi ngạt, ngoài trời nắng thiêu.

LÊ THÀNH LẬP

1933

*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở CÔN ĐẢO

Nhà tù đã trở nên trường học,
Anh em tù giáo dục lẫn nhau,
Vì theo hoàn cảnh nhu cầu,
Chương trình giảng dạy chuyên vào hai môn.

---

1. *Lang:* là rau khoai lang.
2. *"Dô thôi":* tức là vào thôi.
3. *Détxe:* nghĩa là món ăn tráng miệng, phiên âm tiếng Pháp (dessert).

Học chính trị nhiều hơn văn hóa,
Vì ở đây tất cả mọi người
Là tù chính trị cả thôi,
Người nào cũng học, trừ ai ốm, già.
Việc học hỏi đề ra rất rộng,
Thầy chọn trò, trò cũng chọn thầy.
Học đêm hoặc giả học ngày,
Học nơi nào cũng tùy hai bên bàn.
Cũng có lúc ngồi tràn trong khám,
Có khi ngồi dưới đám bóng râm.
Có khi hai bạn cùng nằm,
Thế là thầy giảng, trò chăm nghe bài.
Có lớp dạy hàng hai ba chục,
Có những thầy dạy độc một trò.
Lúc đầu học chỉ học mò,
Giấy là sàn đất, bút là gạch, than.
Học truyền khẩu, học toàn sách sống,
Tất cả từ trí óc moi ra.
Sau rồi tiến bước dần dà,
Có giấy, bút, mực, sách và báo chương.
Các thứ đến theo đường dây Đảng,
Vượt biển, từ trong nước đưa ra.
Nào chữ Pháp, nào chữ ta,
Nào là Các Mác, nào là Lênin.
Cuộc rèn luyện đua chen tiến bộ,
Học càng cao, văn hóa càng cần.
Chả ai còn phải phân vân,
Thấy mình còn kém học dần tiến lên.
Bọn phản động ở liền ngay đấy,
Nên anh em ai nấy một lòng.
Bao nhiêu tài liệu học xong,
Phải lo cất giấu đề phòng cho chu.
Nhưng bọn chúng nhòm như cú vọ,
Rồi báo bô cho lũ Tây, tà [1].
Kéo vào lục soát các nhà,
Luôn luôn khám xét rồi là tịch thu.

---

1. *Báo bô:* báo cáo cho Tây và matà.

Nhưng chúng phá, mặc cho chúng phá,
Có tài trời, cũng chả được nào.
Có ăn thua cóc gì đâu,
Hôm nay thu hết, hôm sau lại đầy.
Đâu chả có bàn tay của Đảng,
Thách Buvê ngăn cản được ta[1].
Cám ơn Nhà nước Lăngsa,
Nuôi cho ăn học để mà đánh Tây.
Người cách mạng hằng ngày phải học,
Học thế nào tùy lúc, tùy nơi.
Lúc này học để chờ thời,
Đây trường đại học mở ngoài đảo khơi.
Đào tạo những con người yêu nước,
Những kỹ sư trí thức Mác – Lê.
Mai ngày tốt nghiệp ra về,
Bằng do Đảng cấp, việc tùy Đảng giao.
Đảng sắp xếp người nào việc ấy,
Học và hành là phải song song.
Muốn làm cách mạng thành công,
Suốt đời còn phải học trong trường đời.

LÊ THÀNH LẬP
1934

*

BIỂN RỪNG VANG TIẾNG CA

(Nhân cuộc đấu tranh hò la, bãi thực bảy ngày ở Côn Lôn)

Tên chủ ngục cáo già,
Khủng bố anh em ta.
Nhốt vào hầm xay lúa,
Cho ăn đủ thứ "quà"[2].
Anh em liền phản đối,

1. *Buvê:* tên chủ ngục Côn Đảo, phiên âm chữ Pháp (Bouvier).
2. Các hình thức phạt như đánh đập, cùm kẹp, nhốt xà lim, nhai thóc sống, uống nước bẩn v.v... đều được anh em gọi một cách mỉa mai chế giễu là "quà".

Bãi thực và hò la.
Đấu tranh ngày lan rộng,
Từ gần choán đến xa.

Từ gần choán đến xa,
Khắp cả mấy tòa nhà.
Cả những anh thường phạm,
Và nhiều chú matà.
Cũng ngấm ngầm ủng hộ,
Hoặc gián tiếp tham gia.
Chủ ngục càng đàn áp,
Đấu tranh càng thiết tha.

Đấu tranh càng thiết tha,
Cảnh vật cũng chan hòa.
Yến lượn nhường tâm sự,
Rùa bơi tỏ xót xa.
Gió rừng reo khuyến khích,
Sóng biển thét đưa đà.
Chủ ngục mời thương lượng,
Anh em càng thách già.

Anh em càng thách già,
Bãi thực bảy ngày qua.
Banh hai rất cương quyết [1],
Banh một thua đâu mà.
Buviê cuống quýt,
Y hạ lệnh thả ra.
Cuộc đấu tranh toàn thắng,
Biển rừng vang tiếng ca.

LÊ THÀNH LẬP
1935

1. Banh một là trại một, banh hai là trại hai. Banh một nhốt tù thường phạm, banh hai nhốt tù chính trị phạm. Theo pháp luật của chúng thì chính trị phạm chỉ tù đến án phát lưu chung thân là cùng, không có án khổ sai. Nhưng chúng cố gò một số anh em chính trị phạm vào tội ám sát, tống tiền (hoặc âm mưu làm các việc đó) rồi bày ra một tội danh "demi–politique" (nửa chính trị), gán cho họ cái án khổ sai như thường phạm, và nhốt họ chung với anh em thường phạm ở banh một. Cũng có người bị xử cả hai loại án, vừa phát lưu, vừa khổ sai, như đồng chí Ngô Gia Tự v.v... để chúng nhốt lúc ở banh một, lúc ở banh hai.

MỘT ĐÊM Ở RỪNG CÔN ĐẢO

TIỂU DẪN: Hoàng Kỳ sinh năm 1897 ở làng Kiều Thần, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội từ năm 1927, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1930, đồng chí làm Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình. Đồng chí đã bị đế quốc bắt và kết án nhiều lần. Năm 1945, đồng chí tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Thư Trì và tiếp tục công tác ở Thái Bình, Hải Phòng. Đồng chí nghỉ hưu năm 1962.

Hoàng Kỳ làm bài thơ này sau một chuyến vượt ngục không thành. Lần ấy, một số tù chính trị ở Côn Đảo trốn ra rừng xẻ gỗ đóng thuyền, toan vượt biển...

Rừng Côn Đảo mấy anh vượt ngục,
Xúm cùng nhau dưới gốc cây đa.
Ổ nằm bằng những lá khô,
Võng nằm bằng những cây nho tết liền.
Khí lạnh giá của miền hải đảo,
Buốt đến xương như nạo tâm can.
Xa nghe tiếng sóng kêu vang,
Tiếng kẻng báo gác, lòng càng xót xa!
Mấy chú vượn hò la đầu núi,
Vài chị gà trong bụi sườn non.
Cùng nhau ríu rít mẹ con,
Mảng vui nào biết bên còn có ai?
Chú khỉ độc thị oai với chúng,
Thét vang lừng tiếng động rừng sâu.
Những ai thức tỉnh canh thâu,
Bừng con mắt dậy ngõ hầu rạng đông.
Vội vàng tiếp tục thi công...

HOÀNG KỲ

Côn Đảo, 1934

TRONG NHÀ LAO VIÊNG CHĂN

TIỂU DẪN: Là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, Tuệ Trang công tác ở Viêng Chăn. Cùng với các chiến sĩ cộng sản Lào, đồng chí hoạt động bí mật, xây dựng phong trào chống đế quốc Pháp. Năm 1933, đồng chí đã bị đế quốc Pháp bắt và giam ở nhà lao Viêng Chăn. Cuộc sống cơ cực ở nhà lao được phản ánh khá sinh động trong bài thơ này.

Tuệ Trang, tức Phan Công Vân, người huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bài thơ này do Chu Hà sưu tầm.

Đường cách mạng cùng nhau bước tới,
Lũ quân thù sao vội ra tay.
Bắt ta giam mãi thế này,
Thân hình tiều tụy mỗi ngày một suy.
Thay cơm bữa: xôi thì một búng,
Thịt trâu dai với cộng cải xanh.
Ăn vào thì nó cay tanh,
Nhịn đi thì khổ thân mình ích chi.
Đành cố gắng nín đi mà nuốt,
Nuôi tinh thần đợi cuộc tương lai.
Ăn rồi thời lại nằm dài,
Chăn đen một mảnh rách hai ba phần.
Khi nồng nực lấy chăn làm gối,
Lúc lạnh lùng lấy gối làm chăn.
Quần thì bương cả hai manh,
Áo thì hai mảnh, rách phanh một rồi.
Lon nước uống để nơi cạnh ghế,
Ống tre phòng phóng uế độc ra.
Nghĩ mình mình lại xót xa,
Căm gan tím ruột, mổ cha kiếp đời!
Thằng thì giàu của xơi không hết,
Người thì nghèo đến chết đi thôi.
Lợi quyền chúng cướp sạch rồi,
Xui bên lao khổ, mê nơi thánh thần.

Thôi việc thế, có nhân rồi quả,
Ta một niềm giữ dạ sắt son.
Đá kia nước chảy cũng mòn,
Người trong xã hội hẳn còn cuộc vui.

TUỆ TRANG

Viêng Chăn, 1933

*

BIỆT XỨ TÙ NGÂM
(Trích)

TIỂU DẪN: Bùi Hữu Diên sinh năm 1903, tại thôn Chi Bồ, huyện Thụy Anh, tỉnh Thái Bình, là một trong những hội viên đầu tiên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Đồng chí bị đế quốc Pháp bắt và đày biệt xứ sang Inini ở Guyan thuộc địa Pháp (Nam Mỹ). Sau một thời gian bị tra tấn dã man và bị bệnh lao nặng, đồng chí đã mất tại Guyan năm 1935.

Bài này làm tại Guyan, khi tác giả bị lao nặng. Bài do ông Lương Duyên Hội cung cấp. Lương Duyên Hội cùng bị tù với Bùi Hữu Diên ở Guyan.

Marôni trường giang hiu quạnh [1],
Phorétchie phong cảnh lao tù [2].
Nhạn về lác đác chiều thu,
Khói nghi ngút tỏa, sương mù mịt bay.
Vầng trời đất cỏ cây ảm đạm,
Mây trắng phơ mấy đám bay qua.
Tầng không lấp ló gương nga,
Nách tường ngọn cỏ bóng nga dập dờn [3].
Người đối cảnh đòi cơn sầu thảm,
Cảnh theo người như cảm bi thương.
Non sông trong óc mơ màng,
Cố hương mình những ngổn ngang tơ lòng.

---

1. *Marôni:* tên một con sông lớn ở Guyan chạy dọc theo ranh giới giữa Guyan thuộc Pháp và Guyan thuộc Hà Lan.

2. *Phorétchie:* tên một khu rừng gần nơi lập nhà giam, và cũng là nơi tù phải đi làm có vế.

3. *Gương nga, bóng nga:* bóng trăng.

Đây dù phải non Bồng, nước Nhược [1],
Cũng thương ôi, non nước quê người!
Non Nùng mây bạc xa khơi [2],
Trời Nam muôn dặm tuyệt vời mắt trông!
Đâu Hồ Bạc, sông Hồng, Hà Nội [3]?
Đâu Hương Giang với núi Ngự Bình?
Nào đâu Lục tỉnh, Tây thành [4]?
Quê hương xứ sở nào mình ở đây!
Thương đồng chí, mấy tay liệt sĩ,
Nhớ non sông, yêu quý đồng bào.
Thấy chăng trong giấc chiêm bao,
Tỉnh ra nào thấy đâu nào, hỡi ơi!
Nghe tiếng cuốc mấy hồi gióng giả,
Khiến cho mình buồn bã tâm can.
Căm thay nước mất, nhà tan,
Vì ai mình bỏ giang san xứ mình?
Đầu cạo trọc, áo xanh một lũ,
Tên không kêu, kêu số tù đồ.
Nắng trời như đốt than lò,
Nhà không cửa sổ chẳng cho làm trần.
Nỗi bó buộc theo chân giục giã,
Trong xó rừng vất vả lầm than.
Kiếp thân trâu ngựa không cam,
Giở bao thủ đoạn dã man với mình.
Đặt ra chuyện mà hình mà phạt,
Nhưng ta đâu có nát gan vàng!
Tha hương gặp cảnh đoạn trường,
Sầu tuôn lụy ngọc, đượm tràng áo xanh.
. . . .
Sao lắm nỗi bất bình trong dạ?
Biết ngày nào cho hả lòng son?

1. *Non Bồng, nước Nhược:* ý muốn nói cảnh tiên.
2. *Non Nùng:* chỉ núi Nùng ở Hà Nội.
3. *Hồ Bạc:* chỉ hồ Lãng Bạc, tên cũ của Hồ Tây.
4. *Tây thành:* chỉ Sài Gòn, xuất xứ từ chữ Tây cống.

Còn trăng, còn nước, ta còn,
Giấy dù có rách, lề mòn được đâu [1].
Quyết bền chí, trước sau không đổi,
Cảnh đổi rồi, qua buổi truân chiên.

BÙI HỮU DIÊN

Guyan, 1934

*

TÙ PHỤ NGÂM

TIỂU DẪN: Trong nền văn học cổ điển của ta, có tác phẩm nổi tiếng *Chinh phụ ngâm*, trong đó tác giả đã mượn lời người vợ có chồng đi lính giãi bày tâm tư, tình cảm. Các nhà thơ cách mạng ở đây lại mượn lời vợ của người tù làm *Tù phụ ngâm*.

Có sách để tên tác giả bài thơ dài này là Hồ Văn Ninh. Nhưng đồng chí Hồ Văn Ninh có viết thư cho biết, trong số 171 câu ở bài này, chỉ có 10 câu là của đồng chí. Năm 1935, khi ở lao Buôn Mê Thuột, đồng chí có làm một bài thơ dài, nhan đề *Thư vợ gửi cho chồng*. Lúc đó, ở lao, có cuộc đấu tranh lớn, địch khủng bố, đã tìm được bản thảo, tịch thu và đốt đi. Đồng chí không còn nhớ lại toàn bộ bài thơ. 10 câu thơ của Hồ Văn Ninh, chúng tôi in nghiêng để đánh dấu, từ câu số 11 đến số 20. Ai là tác giả 161 câu còn lại, hiện nay chưa rõ. Chúng tôi ngờ rằng bài thơ này được bổ sung nhiều lần và là của nhiều người.

Trong trướng liễu gió thu hiu hắt,
Nghĩ nỗi niềm như thắt buồng gan.
Liêu Tây muôn dặm quan san [2],
Nhạn nam, yến bắc, lệ chan đôi hàng.
Vì đâu phải dở dang dang dở,
Nỗi bất bình biết thở cùng ai.
Đêm khuya vò võ canh dài,
Mộng xuân lẽo đẽo hồn mai thẫn thờ.
Tấm tình riêng ngẩn ngơ ngơ ngẩn,
Khúc ruột tằm đã bấn nhường tơ.

1. *Lề:* cái dây bằng giấy hay bằng vải xe để đóng sách, ý này do câu tục ngữ *Giấy rách phải giữ lấy lề.*

2. *Liêu Tây:* trong *Chinh phụ ngâm*, là nơi chồng người chinh phụ ra đi đánh giặc. Đây tức là nơi lao tù xa xăm.

. . . . [1]

Cũng có lúc ra vườn dạo cảnh,
Đàn chim trời vỗ cánh cao bay.
Chim sao sung sướng dường này,
Tự do nội cỏ ngàn cây vẫy vùng.
Thấy chim bay trong lòng cuồn cuộn,
Xót nỗi chàng trong chốn lao lung!

. . . .

Cũng có lúc ngồi nhìn khuôn ảnh,
Hình dung chàng lấp lánh gương trong.
Gương trong chẳng chút bụi hồng,
Ước sao chàng giữ tấm lòng như gương!
Nhớ ai bằng nỗi nhớ chàng?
Xa xôi thiếp mượn cánh hồng đưa tin.
Đường cách trở dặm nghìn có thấu,
Tâm sự này thiếp giấu làm chi.
Chàng ơi, cái kiếp tu mi!
Như chàng nghĩ chẳng kém gì người ta.
Chí chẳng muốn bôn ba danh lợi,
Thân tự do nằm dưới cường quyền.
Công, nông dịch nặng, phu phiền,
Biết bao thất nghiệp ở miền dân gian!
Phường vô sản kẻ than người khóc,
Bọn quan trường ngang dọc đảo điên.
Thoát nhìn xã hội biến thiên,
Gió Âu cuồn cuộn về miền Á Đông.
Sóng vô sản đùng đùng nổi dậy,
Nga La Tư đã lấy chính quyền.
Khoanh tay ngồi chịu sao yên?
Chim lồng cá chậu tủi phiền biết bao!
Nên chàng phải hô hào vận động,
Quyết ra tay gióng trống phất cờ.
Mấy phen lần lữa đợi chờ,
Vân lôi gặp hội bây giờ là đây [2].

1. Những câu chúng tôi in nghiêng là của Hồ Văn Ninh, còn những câu khác do nhiều người thêm vào. Do đó, vần điệu chỗ này chưa ổn.

2. *Vân lôi*: mây sấm, ý nói phong trào cách mạng rầm rộ.

Bao sá quản thời may vận rủi,
Thân ngàn vàng gió bụi xông pha.
Tấc son nguyền với sơn hà,
Quyết đem quyền lợi để mà hưởng chung.
Bao xiết kể khốn cùng ngày trước,
Thấy loài người đều được yên vui.
Thoát ra khỏi kiếp tôi đòi,
Chém cha nô lệ, làm người chủ ông.
Thiếp ngồi nghĩ ngại ngùng tấc dạ,
Lệ hai hàng chan chứa năm canh.
Than ôi! Đất đỏ rừng xanh,
Thương chàng, chàng có thấu tình thiếp chăng?
Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
Chàng sầu xa ngoài cõi thiên san.
Trông xuân, chỉ thấy xuân tàn,
Trông thu, thiếp những bàng hoàng vì thu.
Đèn leo lét ngồi ru con ngủ,
Xót nỗi chàng vui thú cùng ai.
Rè rè tiếng dế bên tai,
Giọt sương đeo nặng cành mai la đà.
Trông thấy cảnh, thiết tha với cảnh,
Cảnh trêu người, tấc dạ khôn khuây.
Mịt mùng muôn dặm khói mây,
Thiếp xin ngỏ chút niềm tây cùng chàng.
Việc gia thất xin chàng chớ nghĩ,
Thiếp trọn niềm chung thủy sắt son.
Sách đèn thay mặt dạy con,
Thờ cha kính mẹ vuông tròn cả hai.
Kiếp nhân thế còn dài mãi mãi,
Thiếp khuyên chàng xét lại cho mình.
Thất cơ, tấc dạ cứ đành,
Thất cơ hội trước, sẽ giành hội sau.
Cơn bĩ thái rất mau rất chóng [1],
Máy huyền vi mở đóng khôn lường [2].

1. *Bĩ thái:* từ này dùng để nói thời cục lúc lên lúc xuống, khi tốt khi xấu.

2. Câu này chỉ có ý là việc thua, được trong đấu tranh cách mạng là thường, người cách mạng không vì sự thất bại mà thối chí.

Được thua, thua được là thường,
Xưa nay cách mạng bước đường chông gai.
Kìa những kẻ anh tài thuở trước,
Thiếu chi người lỡ bước trắng chân.
Kìa xem mấy bậc Văn thân,
Huỳnh, Ngô, Phan, Đặng cũng thân lao tù [1].
Ngoài Côn Đảo mấy thu dầm dãi,
Gan sắt vàng vững chãi xông pha.
Tuy rằng giới hạn quốc gia,
Trăm năm danh tiết cũng là khá khen.
Cụ Lê Huân mình hèn đầu bạc,
Còn ghé vai gánh vác với đời.
Ghê thay xem thác như chơi,
Thất cơ cụ phải liều bài quyên sinh.
Vì nghĩa vụ đinh ninh tấc dạ,
Vững trơ trơ như đá như đồng.
Trọn niềm giá trắng tuyết trong,
Tiếng thơm lừng lẫy khắp miền Đông Dương.
Nay sóng gió bốn phương mù mịt,
Sắp ra tay cá thịt giành nhau.
Âm mưu đúc súng đóng tàu,
Hòa bình cục diện nghe đâu hững hờ.
Đâu đâu cũng ngồi chờ cơ hội,
Phất ngọn cờ đứng dậy là xong.
Làm cho biển lặng sông trong,
Cho nhân loại được đại đồng âu ca.
Kìa mấy tỉnh Trung Hoa gần đó,
Đã nhiều phen sóng gió đì đùng.
Lập thành Chính phủ công, nông,
Đánh cùng quân phiệt dài dòng mấy phen [2].
Đây lại nói ở bên Âu, Mỹ.
Sóng biểu tình nổi dậy ào ào.
Ban Nha, Đức, Pháp, Bồ Đào [3],

1. Chỉ các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Phan Chu Trinh, Đặng Thái Thân bị đày ở Côn Đảo.
2. Chỉ cuộc khởi nghĩa ở Quảng Châu, Trung Quốc.
3. *Ban Nha:* tức Tây Ban Nha. *Bồ Đào:* tức Bồ Đào Nha.

Ănglê, Thụy Sĩ phong trào cũng ghê.
Sóng cách mạng bốn bề dậy khắp,
Cuộc chiến trường đã sắp diễn bày.
Tình hình thế giới vui thay,
Đông Dương ta sẽ có ngày thừa cơ.
Xin chàng chớ làm lơ, sao đặng,
Lẽ tuần hoàn mưa nắng đổi trao.
Khi nào núi hết cây cao,
Sông sâu hết cá, cỗi đào hết hoa.
Xin chàng phải dần dà nuôi sức,
Lúc thừa nhàn hưu tức nghỉ ngơi [1].
Đem bài kinh nghiệm xem chơi,
Xưa nay lình ngự là nơi phúc đường [2].
Giải nguyên nhân tỏ tường sau trước,
Lại phê bình chước dở mưu hay.
Ba mươi, Ba mốt những ngày [3],
Nguyên nhân đình đốn giãi bày từng chương.
Gom góp lại mấy trường cách mạng,
Để chờ xem thái trạng cuộc đời.
Tang thương biết mấy đổi dời [4],
Còn ta, ta phải giữ lời thủy chung.
Dầu gặp lúc cây rung gió thổi,
Vững một lòng cứng cỏi đừng nao.
Trải qua tầng lụy ba đào [5],
Những tay cách mạng biết bao phong trần.
Xin chàng đã có thân phải nghĩ,
Chớ như người hữu thủy vô chung.
Đã đem mình ở lao lung,
Còn toan giở thói vận cùng tinh ma.
Kiếm mưu kế cầu ra cho khỏi,
Biết lấy gì mà nói cho nên.

---

1. *Hưu tức:* nghỉ ngơi.

2. *Lình ngự:* chốn tù ngục. Cả câu này ý nói nơi tù ngục có thể là nơi có phúc.

3. Nhắc đến thời kỳ Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930–1931).

4. Tang thương: lấy trong câu *tang điền hóa thương hải*, nghĩa là ruộng dâu hóa biển xanh. Ý nói những sự biến đổi ở đời.

5. *Tầng lụy ba đào:* ý nói trải qua bao đợt sóng dập vùi.

Chớ đem tấc dạ quàng xiên,
Cúi đầu lóm khóm một bên quân thù.
Chẳng hổ kiếp ngựa trâu đày đọa,
Nỡ đem lòng gian trá hại người.
Trơ trơ chẳng biết chê cười,
Mặt dày mày dạn muôn đời ra chi.
Nghĩ như thế còn chi trời nữa,
Sánh với loài trâu ngựa khác đâu.
Thân người tuy sống mặc dầu,
Tâm hồn đã chết còn hầu mong chi.
Sống như thế sống đê sống nhục,
Sống làm chi cho chật non sông.
Thà rằng chết quách cho xong,
Cái thân cẩu trệ ai mong có mình.
Lời thiếp dặn đinh ninh dường ấy,
Thiếp khuyên chàng có bấy nhiêu lời.
Chàng ơi, chàng muốn nên người,
Thì chàng phải nhớ những lời thiếp khuyên.
Xin chàng hãy xếp phiền lấp tủi,
Nương náu hồi gió bụi cho qua.
Đã từng sương tuyết xông pha,
Nếm nhiều cay đắng mới là người hay.
Được như thế thiếp đây mới thỏa,
Bõ công trình vàng đá ước ao.
Bõ công phận gái má đào,
Đem thân son phấn tất giao cùng chàng.
Để mai mốt cố hương trở bước,
Nợ với tình đều được vẹn mười.
Mặt nhìn mặt lại thêm tươi,
Bên câu lưu lạc là lời hàn huyên.
Xin chàng tấc dạ cho yên.

KHUYẾT DANH

NHÀ NGỤC KÔNG TUM

TIỂU DẪN: Sau khi cao trào cách mạng Xô viết Nghệ – Tĩnh bị bọn thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, hàng trăm, hàng nghìn các chiến sĩ cách mạng phải chịu cảnh tù đày, hành hạ rất dã man. Nhà ngục Kông Tum là một trong những nhà ngục điển hình về tội ác và sự trả thù hèn hạ của đế quốc và bọn tay sai. Ký sự *Ngục Kông Tum* của Lê Văn Hiến cùng bài vè tự sự *Nhà ngục Kông Tum* này là hai tác phẩm phản ánh được đầy đủ nhất tình trạng đó.

Chúng tôi đang tiếp tục sưu tầm và tìm hiểu tiểu sử tác giả bài vè. Chúng tôi in bài vè theo *Thơ văn cách mạng* (1930–1945), Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1980.

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Trần ngôn chép để mấy lời vân vân [1]:
Nay thiên tạo xoay vần,
Cuộc tang thương biến đổi.
Xét tình hình xã hội,
Hai giai cấp rõ ràng:
Quân tư bản giàu sang,
Chúng tao dân cực khổ.
Quân thủ tài chi lợi [2],
Hút máu mủ dân nghèo.
Vì áp bức trăm chiều,
Hóa ra đều xung đột.
Phong trào bồng bột,
Nào có sót nơi đâu.
Khắp hoàn hải năm châu [3]:
Úc, Á, Âu, Phi, Mỹ.
Đâu là miền thuộc địa?
Ai là kẻ lao dân?
Đều đứng dậy lần lần,
Quyết ra tay phản đối.

---

1. *Trần ngôn:* lời nói để trình bày, giải thích việc gì.
2. Bọn cướp bóc của cải của dân.
3. Ý nói khắp thế giới.

Phong trào sôi nổi,
Khắp trong cõi Đông Dương.
Trung, Nam, Bắc ai đương,
Lào, Cao Miên cũng thịnh.
Nhất là miền Nghệ – Tĩnh,
Phong trào mạnh lắm thay!
Quân đế quốc thẳng tay,
Dùng tàu bay, tạc đạn!
Bom gieo, súng bắn,
Chết hàng vạn hàng ngàn.
Cướp của cải bạc tiền,
Lại tịch biên gia sản.
Hàng nghìn chính trị phạm,
Nào lớp bắn lớp giam.
Lớp phát vãng Kông Tum,
Lớp đày Buôn Mê Thuột.
Mồng tám tháng Mười một,
Năm Canh Ngọ vừa rồi [1].
Anh em trăm rưởi người,
Đày lên nơi tỉnh "mọi" [2].
Vai mang, tay trói,
Ra vừa khỏi tỉnh nhà.
Lặn lội mấy sơn hà,
Vừa đến phà Côn Trẩu.
Nói ra càng ngơ ngẩn,
Và thêm giận căm gan.
Vừa khỏi bến phà ngang,
Thấy một đoàn lính "mọi".
Kìa thầy cai xông tới,
Nọ ông đội sơn son [3].
Thấy tình cảnh mà buồn,
Khác gì con cú rũ.

---

1. Cuối năm 1930 đầu năm 1931.

2. *"Mọi"*: danh từ bọn thực dân phong kiến dùng để chỉ đồng bào thiểu số ở Tây Nguyên với thái độ miệt thị. Để chia rẽ dân tộc, chúng thường dùng lính người dân tộc để đàn áp tù chính trị. Ngay tác giả bài này cũng chưa nhận thức đầy đủ âm mưu đó.

3. Tên đội lính cơ động đội nón sơn son..

Lính sắp hàng đội ngũ,
Dẫn về trú trong lao.
Một anh Một to cao [1],
Cầm gậy hèo chực đó.
Mặt người mà dạ thú,
Nó làm bộ thị uy.
Ắc, đê đếm vừa rồi [2]
Đánh mỗi người một gậy.
Anh em khi ấy:
Mặt trông thấy đều kinh,
Chiều, sắp lại phân minh,
Để hô danh phát số.
Áo lành toàn một bộ,
Khoét một chỗ đằng sau.
May áo số vào mau,
Chiều, quan vào hiểu thị [3].
Hiểu rằng:
"Làm rối bề chính trị,
Bay đích thị tội khiên [4],
Vì tội ấy cho nên,
Phải đày lên mạn ngược.
Đi làm đường Đắc Pét,
Ra cho đến Tân An.
Ngày mai phải lên đường,
Chừng một trăm cây số.
Chúng bay lên đó,
Hãy chịu khó mà làm.
Rồi Nhà nước tha cùm,
Mùa mưa về tỉnh ly.
Lời quan trên chỉ thị:
Cho tuần lễ một bò,
Còn tắm rửa giặt đồ,
Mỗi tuần cho hai lượt".

1. Tên quan Một Tây.
2. *Ắc, đê:* một, hai, do tiếng Pháp (un, deux) đọc chệch đi.,
3. *Hiểu thị:* nói cho công chúng biết.
4. *Tội khiên:* kẻ mang tội lỗi.

Nghe mấy lời hiệu trước,
Mai cất bước ra đi.
Nghe mấy tiếng thị phi [1],
Dữ lành chi chưa biết.
Thật là quân ác nghiệt,
Chúng nó ghét đời mô?
Cái mũ trắng ra tro,
Cái bêrê cũng đốt [2].
Trói ghì từng đôi một,
Ấy là mốt đi đường.
Rồi tay trói vai mang,
Xe thẳng đường giong ruổi.
Chia đôi phần trăm rưởi,
Một lớp phải đi ngay.
Đi xe đặng nửa ngày,
Qua khỏi phà, đi bộ.
Bước lên đường cực khổ,
Người ràng bó lại nhau
Dù kẻ ốm người đau,
Phải đi mau cho kịp.
Nói ra càng tội nghiệp,
Thương số kiếp hoe Xuân [3].
Vì đau yếu mỏi chân,
Phải bỏ thân khi ấy.
Lúc thằng Tây thấy vậy,
Nó bèn lấy lục liên [4].
Bắn một phát chết liền,
Sai người khiêng đi bỏ.
Suối vàng nhắn xuống hỏi hoe Xuân,
Có phải hèn chi phải bỏ thân?
Chừng biết đường đời gai lắm nhỉ,
Nên chi thác trước nợ phong trần [5].

---

1. *Thị phi:* lời nói phải, trái.
2. *Bêrê:* mũ nồi (tiếng Pháp: béret).
3. *Hoe Xuân:* tục địa phương Nghệ – Tĩnh gọi người có con gái đầu lòng là "hoe".
4. *Lục liên:* súng ngắn bắn sáu phát liền.
5. Ý nói sớm thoát khỏi nỗi gian khổ ở đời.

Nợ phong trần chất nặng,
Thật trăm đắng ngàn cay,
Anh thác trước là may,
Cực sau này gánh vác.
Đi đường nghe súng phát,
Phải nằm rạt như tờ.
Đi vào khoảng bốn giờ,
Tới Đắc Tô nghỉ lại.
Lớp sau đi cũng tới,
Đều nghỉ lại một nơi.
Cơm gạo thố, mắm hôi,
Bốn người một vựa.
Nghỉ Đắc Tô một bữa,
Sáng sắp sửa đi liền.
Thấy tình cảnh ưu phiền,
Vẫn y nguyên như cũ.
Đến Trạm Cô liền nghỉ,
Sáng cơm nước vừa xong.
Vừa chừng độ rạng đông,
Phải đi lên Đắc Xút.
Kìa chim kêu vượn hót,
Nọ chót vót non cao.
Dưới nước chảy ỳ ào,
Tiếng xì xào khó hiểu.
Cực đắng cay đành chịu,
Mà biết liệu làm sao?
Ngoài ngắc mặt trông nhau,
Trong như dao cắt ruột!
Dậy sáng ngày trở gót,
Hai người một cái bầu,
Múc nước lạnh đổ vào,
Ấy là đồ giải khát.
Đường trường chân rát,
Hai con mắt lờ đờ.
Tay trói cứng đơ đơ,
Vai mang đồ hành lý.
Tới Đắc Pao liền nghỉ,

Thấy cơ chỉ sẵn sàng [1],
Rồi ở đó làm đường,
Khổ lại càng thêm mãi.
Thấy rõ ràng hai trại,
Hơn trăm rưởi bộng cùm.
Thấy tình cảnh mà rung,
Thật trăm bề khổ sở.
Khi đi ra tắm rửa,
Lính mỗi đứa mỗi hèo,
Dù thoát khỏi hang beo,
Cũng mắc vào miệng hổ.
Khổ từ khi điểm số,
Ra tới chỗ làm đường,
Thấy tình cảnh mà thương,
Lúc làm đường trước hết.
Kìa quân Tây ác nghiệt,
Nó muốn giết cho êm,
Nên chúng nó bịa thêm.
Để tuyên truyền cho lính.
Rằng: "Quân này trái lệnh,
Nó giết lính, giết quan,
Cướp của cải dân gian,
Nó hung loàn giặc giã,
Giết người như chém chả,
Nay nó đã làm tù".
Quân lính "mọi" thì ngu,
Têôry sao nghe vậy [2].
Thôi bắt đầu từ đấy,
Mắt trông thấy anh em,
Coi như thể người hiềm,
Nó chỉ thèm ăn gỏi.
Nên đứa cầm roi lụi [3],
Đứa bẻ củi cũng nên,
Roi không sẵn một bên,

1. *Cơ chỉ:* nền nhà. Đây nói chỗ ăn ở, nhà cửa.
2. *Têôry:* lý thuyết (tiếng Pháp: théorie). Đây nói chỉ thị truyền miệng.
3. *Lụi:* một loại cây có đốt giống cây song, thân nhỏ rất cứng, dùng làm roi.

Lấy cán vên, cán búa.
Làm việc thì cúi cổ,
Hoặc chặt gỗ đào cây.
Làm không được hở tay,
Khổ hàng giây hàng phút.
Người thì cầm cái vót [1]
Người cầm cuốc cầm vên,
Phải làm việc cho chuyên,
Hễ trông lên là đánh.
Đồ làm thì cán vắn,
Nào có thẳng lưng đâu!
Mồ hôi chảy nhuộm thâu,
Bụi vùi đầu thấm mặt.
Dù lanh như con cắt,
Cũng chưa chắc khỏi đòn,
Thương hại cái bàn trôn,
Chịu da mòn thịt nát!
Còn đánh nhiều nơi khác,
Đánh khắp cả thân mình.
Dù cho cái ngọc hành,
Cũng là đành cực khổ!
Đứa đè đầu cưỡi cổ,
Rồi chúng nó xúm vào.
Đếm oong, đơ, tờroa [2],
Tính đã vào ba chục.
Đánh cho người đã nục,
Dạy lúc ngúc tạ ân.
Đập lòi thịt lòi gân,
Hễ yếu đi là quỵ.
Lam sơn chướng khí [3],
Nước thanh thủy uống vào [4].
Vì ruột rát như bào,
Khát làm sao chịu nổi!

---

1. *Vót:* tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh, chỉ cái cuốc chim.,
2. *Oong, đơ, tờroa:* một, hai, ba (tiếng Pháp: un, deux, trois).
3. *Chướng khí:* khí độc ở rừng núi.
4. *Thanh thủy:* ở đây chỉ nước lạnh ở khe suối.

Nắng xiên hông, mưa xối,
Cái nón đội che trời.
Bị chúng nó đánh chơi,
Là rồi đời cái nón.
Khen quân Tây tài chọn,
Đồ quỷ hỗn ma mang,
Thằng đội Kép hùng cường,
Đều là phường độc thủ.
Trưa làm đâu ăn đó,
Cơm gạo có hai phần.
Mở gói mắm ra ăn,
Thấy nửa phần giòi bọ!
Không ăn thì đói bụng,
Ăn vào cũng thêm lo.
Thôi khỏi đói là no.
Cốt trông cho khỏi chết,
Kíp bốn người trói riết,
Mặt trời xiết trên đầu.
Hễ tiểu giải đi đâu,
Dắt bạn bầu theo đấy.
Cơn lên run lẩy bẩy,
Có kẻ lạy cùng quan.
Xin thương chút thân tàn,
Kẻo thác oan tội nghiệp!
Chém cha thằng đội Kép,
Không cho phép đã đành.
Lại buộc cẳng trèo ngành,
Chảy nước xanh cũng mặc!
Chảy nước vàng cũng mặc!
Chiều về đi không được,
Buộc đòn chạc khiêng đi.
Ai mua thịt lợn ri[1],
Hễ chậm đi là hỏng.
Anh em thương muốn cõng,
Mà nó cũng không cho.
Bắt lấy chạc buộc vô,

1. Lợn rừng.

Kéo như voi kéo gỗ!
Thật trăm bề cực khổ,
Nói cũng nỏ (không) xiết mà!
Thân phối phạm đường xa,
Thật sống mà như chết!
Có nhiều người đau liệt,
Tuy được phép ở nhà.
Thấy tình cảnh xót xa,
Mà gấp ba gấp bảy,
Tay chân run lẩy bẩy,
Xách sáu bảy ống tiêu.
Dốc lên xuống thì cao,
Thấy mà hao mà hại.
Thở như bò cày vại [1],
Đi từ trại ra sông.
Trăm báng súng vào hông,
Ấy là không bị đập.
Có nhiều người bổ sấp.
Dậy lúc ngúc lạy dài.
Xia mà đổ ra ngoài,
Nó đập vài trăm gậy.
Khi đi qua đi lại,
Nó bắt phải cúi đầu.
Đau mặc kệ đời đau,
Biết làm sao là liệt!
Biết thế nào là liệt!
Đội Kép còn ác nghiệt,
Đi làm việc mới về.
Tay cầm một lưỡi lê,
Vào đi thăm malát [2].
Nghe tiếng giày loạc xoạc,
Đã phách lạc hồn xiêu.
Thôi nhắm mắt chịu liều,
Cho nó tiêu nó giậm!
Giày nụ đinh lấm chấm,

---

1. *Cày vại:* cày lần đầu tiên, đất còn rắn.
2. *Malát:* người ốm (tiếng Pháp: malade).

Vào nó giậm chân cùm.
Rồi miệng hét tay đâm,
Mặt hầm hầm như hổ.
Cái bộng cùm thì nhỏ,
Cái tay nó bằng ba,
Nắm cẳng mình lôi ra,
Thật đau lòng đến thác!
Thuốc nhà thương nó phát,
Mà có được bao lăm!
Phần nó đập chưa bầm,
Nên chưa nằm đã nặng.
Đi làm về hấn bất,
Phải phẳng lặng như tờ.
Hai người nói vừa vừa,
Tất thảy đều bị hại.
Hút thuốc trùm chăn lại,
Đừng cho khói ra ngoài,
Nó bắt được nguy tai,
Đánh trăm roi một lượt.
Đánh trăm hèo một lượt.
Kìa như thằng mặt thớt,
Lại có chú Bắcke,
Chú chó béo cũng ghê.
Đều một phường chó núi.
Nhởi chơi cho đến nỗi,
Nó bắt trói chân tay,
Nhổ lông dái cho hay,
Phứt lông chân cho thích.
Miệng nó cười rả rích,
Chơi chút chút một chi,
Thôi bấm bụng chịu đi,
Nói ra thì thêm tội.
Kèn lavẩy vừa thổi [1],
Thở dài nổi hai lao,
Vì khi ấy thấy nhau,

1. *Kèn lavẩy:* kèn báo thức (tiếng Pháp: réveil). Đây là kèn thúc từ dậy buổi sáng.

Chiều làm sao chưa biết.
Còn trong tay chó chết,
Ai đã biết thân ai.
Biết có sống đến mai,
Để củ khoai đến mót.
Thật cái thân sống sót,
Đắng như nuốt bồ hòn.
Còn chua cái chua con,
Thật trăm bề cơ cực.
Lầm than rất mực,
Mà sức lực còn chi.
Thân mặt bủng da chì,
Giá phen ni hóa "mọi".
Giá phen này hóa "mọi".
Lớp đầu lên trăm rưởi,
Lớp sau lại năm mươi.
Lên vừa mới tới nơi,
Biết là người Hà Tĩnh.
Hỏi thăm qua tình cảnh,
Thì tính mệnh khá lo.
Khổ từ khi sang đò,
Cũng cơ hồ như trước.
Chia gánh sầu gánh vác,
Mà đã được bao lâu.
Nón chẳng có đội đầu,
Chịu mưa dầu nắng hạ.
Người mới lên còn khá,
Lính nó đã nhắm rồi.
Kìa như khái được mồi, [1]
Tha hổ lôi, hổ xé.
Lớp năm mươi lại kế,
Vừa ở Nghệ đày vô,
Thôi mới được con rô,
Lại phúc cho con chép.
Nói ra càng kinh khiếp,
Mà tội nghiệp trăm chiều.

---

1. Khái: tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh gọi con cọp, con hổ.

Lê Thơ với Tô Kiều,
Hồn đã theo chín suối.
Hỏi bác Tô Kiều với bác Thơ,
Mấy hòn máu nóng đã tan chưa?
Suối vàng nhắn với cùng hai bác,
Lắm nắng rồi đây ắt lắm mưa.
Ở Vinh vừa phát vãng,
Một buổi sáng xong rồi.
Những kẻ sống hiện thời,
Đứng ngồi sao cho nổi.
Ba chìm bảy nổi,
Vừa một hội Đắc Pao.
Do đó được ít lâu,
Lên Đắc Tao đóng trại.
Lính nó còn làm hại,
Vì nó dại đã đành.
Lại có anh em mình,
Cũng dung tình thám tử.
Năm phen bảy thuở,
Thất thập tử nhất sinh.
Trong đó thằng bát Kinh,
Nó vì tiền bạc nghĩa.
Đầu đuôi tôi xin kể:
Nó ở Nghệ An đày đi,
Quê nó ở huyện Nghi [1]
Trước nó đi lính mộ,
Nó vào chân pháo thủ
Bị đau chỗ cánh tay.
Quân đế quốc thấy vầy,
Phong cho làm bát phẩm.
Sau về làm mật thám,
Ăn một đám Quỳnh Đôi.
Ăn hối lộ không trôi.
Sau ra rồi bị án.
Cũng đồng thời phát vãng,
Cũng bầu bạn với nhau,

1. *Huyện Nghi:* Tức huyện Nghi Lộc.

Hễ đi đến nơi đâu,
Tỏ ra mần hăng hái.
Ai ngờ thằng quỷ quái.
Nó muốn làm hại mình.
Vì một chút hư danh,
Mà bỏ tình đoàn thể.
Tiện đây tôi xin kể:
Tụi xếp bốt trên này,
Thằng tướng quỷ có đây,
Nó bị cây đè chết. [1]
Nó là thằng ác nghiệt,
Tay nó giết nhiều người.
Khó tránh khỏi lưới trời,
Tàn nhẫn thân ác báo.
Một cha lèo tàn bạo,
Nhất khó chịu thằng này.
Ba bảy hai mốt ngày,
Đổi ông hai Đắc Xút.
Bụng tròn như vại nhút, [2]
Béo như một trâu Lào.
Nó giết người không dao,
Cũng đứng vào nhất hạng.
Hai thằng kia tám lạng,
Nó cũng đáng nửa cân.
Vừa xếp được một tuần,
Một Đắc Tô lại ly. [3]
Ngỡ thoát thằng tướng quỷ,
May gặp kẻ đèn trời.
Ai ngờ cũng một loài,
Ăn thịt người không gớm.
Thằng bát Kinh thì bợm,
Thôi từ sớm chí chiều,
Nó ton hót đủ điều,

---

1. Đoạn này muốn nói: nó ác quá, anh em tù chặt cây cố ý cho cây ngã vào đè nó chết.

2. *Vại nhút:* cái vại đựng một thứ thức ăn phổ biến ở Nghệ - Tĩnh gồm cà, ngọn đỗ, mít non thái nhỏ trộn lẫn với nhau đem muối.

3. *Lại ly:* đến nhận chức.

Nên quan yêu, lính sợ.
Malát nằm một chỗ,
Trình cái sổ livê.
Thằng Một thấy tay què,
Cho làm nghề nấu bếp.
Ngoài đường thì đội Kép,
Trong cụ xếp bát Kinh,
Ở giữa anh em mình,
Thôi khổ tình thêm bội.
Chịu làm sao cho nổi,
Cơn cơ hội nguy nan.
Cũng có kẻ muốn bàn,
Anh em toan bạo động.
Bàn thì con nhà giống,
Làm thì mống nhà ma.
Nên vừa mới bàn ra,
Chưa làm chi đã lộ.
Thôi bắt đầu từ đó,
Bát Kinh rõ trước sau.
Biên số đứa cầm đầu,
Để mà tâu ông Một,
Để mà trình ông Một.
Rằng: "Quân này sẽ đốt,
Nó giết tuốt ông đồn.
Cướp súng lính giết luôn,
Thẳng đường nguồn giải phóng".
Một nghe càng êm giọng,
Đội Kép cũng nghe theo.
Nên từ đó về sau,
Đứa làm đầu thật tội.
Khi đi làm thì trói,
Trưa trói lại ăn cơm.
Chiều nghe tiếng kèn rong,
Trói một chùm bốn đứa.
Cháo một ngày hai bữa,
Một lót nửa phần thầu,
Dù đói bụng mặc dầu,
Khát khô hàm rát họng.

Ca nước nóng một hào,
Bạn thân thiết muốn trao,
Phải trông qua thầy Bát,
Phải trông chừng thầy Bát.
Có năm ba đồng bạc,
Hoặc đồ đạc cu ly,
Bát Kinh muốn cái gì,
Thì phải tùy ý nó.
Bát Kinh xơi một vố,
Đội Kép có ít nhiều.
Tiền bạc được bao nhiêu,
Thật cú kêu ma xực.
Đến ngày chủ nhật,
Tuy có phát một bò,
Là nói tiếng rằng cho,
Những tính vô tiền xúp (cháo).
Nào philê thịt bắp,
Nào thịt, óc, gan, tim,
Miếng nấu xúp với bim, [1]
Miếng nấu rim uống rượu.
Nào miếng ngon, miếng béo,
Nó đã xẻo đi rồi.
Đường, nước mắm hẳn hoi,
Nấu từ nồi cất sẵn.
Bát Kinh đà bẩn thẩn,
Lính "mọi" vẫn đói nghèo.
Mắt trông thấy thịt treo,
Khác chi mèo chộ (thấy) mỡ.
Nên đứa cầm dao rựa,
Đứa thổi lửa gạt than,
Đứa cầm cái dáo đăn,
Cắt miếng thăn hơ lửa,
Cắt miếng đùi hơ lửa.
Thịt và lòng và mỡ,
Đã hết nửa phần bò.
Còn mấy miếng xương to,

1. *Bim:* tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh gọi quả bí.

Và những đồ bạc nhạc.
Đổ nhồi vào nấu nác,
Rồi mặn lạt xong xuôi.
Bát Kinh ăn đầy nồi,
Anh em ngồi chịu thiệt.
Tuy có nhiều người biết,
Phải làm điếc như đui.
Châu chấu dám trêu voi,
Nên chi ngồi mà chịu.
Nó thông đồng với hiệu,
Ăn bớt gạo anh em.
Cơm tám trăm gờram,
Pờrôgờram nhất định.[1]
Bát Kinh đà khéo tính,
Lại mượn lệnh ông đồn.
Nên tính lại chỉ còn,
Bảy trăm gam một bữa.
Rượu vang và sữa,
Nó chất chứa bên mình.
Còn áo tốt quần xinh,
Anh em mình cung đốn.
Ở tù về có vốn,
Vì làm khốn anh em.
Khi về đến Kông Tum,
Bạc còn năm sáu chục.
Thật là con rắn lục,
Cái Nọc độc vô chừng.
Cay như khi ăn gừng,
Nói ra thêm khổ nhục.
Có ba người Nghi Lộc,
Đều tâm phúc chân tay.
Vì gặp lúc không may.
Phải bỏ thân đất khách.
Chết mỗi người mỗi cách,
Kể minh bạch ra đây,

1. *Pờrôgờram:* chương trình (tiếng Pháp: programme). Ở đây muốn chỉ số lượng gạo được ăn ghi trong bản công bố.

Vì trong vụ chết này,
Có lây cùng đội Kép.
Lệnh trên truyền thu xếp,
Rút nhà pha trở về,
Ở ngoài săngchiê, [1]
Mùa mưa nay đã đến.
Về Kông Tum thân mến,
Nhưng đánh đập vẫn còn,
Anh em muốn sinh tồn,
Tổ chức cuộc tranh đấu.
Ngày mười hai đổ máu,
Cũng trong tháng Mười hai.
Năm Một ngàn chín trăm ba hai, [2]
Ấy là ngày tranh đấu.
Lao ngoài đã đổ máu,
Bị chết oan tám người.
Lao trong cũng đồng thời,
Hưởng ứng rồi tuyệt thực.
Cờ búa liềm đỏ rực,
Cờ Cộng sản tuyên ngôn.
Bọn cai trị khiếp hồn,
Cho quản đạo dụ dỗ.
Anh em ta lúc đó,
Chí căm thù còn hăng,
Nên hai bên cũng găng.
Vạch hết các tội lỗi.
Nó xin sau sửa đổi,
Cùng tất cả mọi đều.
Tôi xin với Nam triều,
Nhường cho anh em cả.
Cuộc đấu tranh ròng rã,
Tuyệt thực vừa bốn hôm.
Chúng khiếp vía kinh hồn,
Toàn quyền lên giải tán.
Chết bảy người nó bắn,

---

1. *Săngchiê:* công trường (tiếng Pháp: chantier).
2. Đúng ra là 1931.

Bị thương trên ba mươi.
Tất cả hai lăm người,
Chết hai lao tổng số.
Anh em ta sau đó,
Được dễ dãi hơn nhiều,
Được tất cả mọi điều,
Được người nhà thăm hỏi.
Culy được gửi tới, [1]
Và sách báo, măngda. [2]
Bảy tám tháng vừa qua,
Rồi dời sang Ban Thuột.

Đồng chí TRÀNG và LÊ VĂN MỸ

*

HÃY MỘT NIỀM VÀNG ĐÁ

Thân ai nhốt, chân ai cột,
Chốn lao tù thét một tiếng vang.
Bạn nhà pha đâu đó, hỡi "lân bang" [3]!
Chớ thấy khổ mà ngang tấc dạ.
Tiếng trống biểu tình còn giục giã,
Ngọn cờ cách mạng vẫn tung bay.
Khắp nơi nơi thuyền thợ với dân cày,
Đều đứng dậy quyết ra tay tranh đấu.
Phá tan kiếp chim lồng cá chậu,
Băng mình lên sân khấu vẫy vùng.
Cờ búa liềm cắm chặt non sông,
Nền kinh tế quyết xây chung xã hội.
Trải mấy độ đầu rơi máu xối,
Đã bao phen ngậm tủi nuốt sầu.
Chốn sa trường súng đạn ào ào,
Càng khủng bố, phong trào càng mãnh liệt.

1. *Culy:* bưu phẩm (tiếng Pháp: colis postal).
2. *Măngda:* ngân phiếu (tiếng Pháp: mandat postal).
3. *"Lân bang":* ý muốn nói đến các trại tù bên cạnh.

Anh chị em chỉ một lòng cương quyết,
Liều thân ra tiêu diệt lũ tàn hung.
Anh em ta ở chốn lao lung,
Nghe tin tức cũng vui lòng thỏa dạ.
Anh em hãy một niềm vàng đá,
Chớ nghe quanh mà ngả chí tang bồng.
Chữ "hoạt đầu" vứt quách cho xong,
Dạ "thối chí" quăng buông dòng nước chảy.
Chốn ngục thất cũng là đường bay nhảy,
Có lẽ nào ta chịu vậy cho qua.
Vững tinh thần hết sức xông pha,
Trường tranh đấu đâu chẳng là địa điểm.
Anh em ơi, lợi quyền ai chiếm!
Máu trường hình ai liếm hết chăng?
Ấy ai vô sản hữu bằng. [1]

HOÀNG TRỌNG TRÌ

*

THẤT BẠI LÀ MẸ THÀNH CÔNG

Thành bại anh hùng mạc luận. [2]
Vì non sông lăn lộn mấy thu chầy.
Khi tuyên truyền, khi vận động khắp đông tây,
Thấy chế độ, un sôi bầu nhiệt huyết. [3]
Cuộc thành bại đã đến kỳ quyết liệt,
Anh em mình chi sá chốn lao lung.
Quyết hy sinh vì mối thù chung,
Trường huấn luyện phải là đây chăng tá?
Thất bại đa tàng kinh nghiệm phá,
Thành công do tự khổ tâm lai [4]

---

1. *Hữu bằng:* bè bạn thân thiết.
Có người nhớ: *Anh em vô sản họ hàng,*
Cùng nhau liên hiệp triệt phăng quân thù.
2. Câu này có nghĩa là đừng lấy thành bại mà luận kẻ anh hùng.
3. Chỉ chế độ thực dân phong kiến đàn áp bóc lột nhân dân.
4. Hai câu này có nghĩa là: thất bại cho ta nhiều kinh nghiệm, thành công là do chịu khó, gian khổ mà ra.

Tiến lên đi, các bạn tù ơi!
Đừng lưỡng lự hoài nghi chi nữa.
Đừng tranh nhau quyền riêng lợi nhỏ,
Mà quên đi một mối lợi quyền chung.
Quyết hy sinh tranh đấu đến kỳ cùng,
Phá xiềng xích chim lồng cá chậu.
Đuổi đế quốc quân tham tàn khát máu,
Tụi hào cường phản động diệt trừ ngay.
Đại đồng thế giới là đây. [1]

BÙI KHẮC THỰU

LÒNG TA CỨ VỮNG NHƯ KIỀNG BA CHÂN

Mấy lần cửa đóng then cài.
Cái nhà mật thám nào ai sợ gì!
Một thằng Đờloóc đen sì,
Thằng Phong, thằng Tảo nữa thì là ba. [2]
Mặc dầu mày tấn mày tra,
Hết cơn lửa điện lại "quà" gậy khiêng.
Mặc dầu chân xích, tay xiềng,
Lòng ta cứ vững như kiềng ba chân.
Cái quân bất nghĩa, bất nhân,
Khi nào khuất phục được thân anh hùng!
Mày căng ta vẫn không chùng,
Khi mày hết sức, ta tung ra ngoài.
Những quân chó sói, lợn lòi,
Đừng quên cái thói thịt người không tanh.
Rồi đây mày sẽ ăn hành.

PHẠM ĐÌNH CẤU

---

1. Có người nhớ: *Cộng hòa dân chủ là đây.*

2. Ở Sở mật thám Nam Định, có thằng Tây Đờloóc (Delorge), thằng Phong và thằng Tảo là những thằng tra tấn dã man các chính trị phạm.

VÁN CỜ ĐẾN ĐÓ CÒN CHỜ THẤP CAO

TIỂU DẪN: Bài này viết dưới dạng đối thoại, mượn lời của một cặp vợ chồng. Chồng là một chính trị phạm bị tù, vợ là một phụ nữ nông dân. Hai vợ chồng động viên nhau giữ vững tinh thần cách mạng, "quyết hăng hái hy sinh" vì Tổ quốc.

Bài này do cố Trớc, ở xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An, đọc cho ghi. Theo cố Trớc, bài này còn một số đoạn nữa, nhưng cố không nhớ.

Gặp anh giữa chốn ba đào,
Trông anh tiều tụy gan bào héo hon.
Khuyên anh chớ có lo buồn,
Ở nhà quyết chí nuôi con đợi anh về.
Ba sinh chưa vẹn lời thề,
Phong trần anh chịu những nặng nề gánh cả hai vai.
Khuyên em cố gắng vui cười,
Để cho anh hỏi đôi lời gần xa.
Kể từ ngày anh bị xích ra,
Đói no em thu xếp cửa nhà ra sao?
Một bên thì lũ cường hào,
Một bên đế quốc, bên nào tệ hơn?

Nỗi niềm em tỏ nguồn cơn,
Cửa nhà tan nát, chồng con tội tù.
Mình em hai lũ tử thù,
Tấm thân bồ liễu bây giờ tính sao?
Hung hăng một lũ cường hào,
Độc sâu đế quốc, bên nào cũng tệ như nhau.
Cảnh tình càng nói càng đau,
Thân lươn luống chịu lấm đầu mãi sao!

Khuyên em hãy cố hô hào,
Cho bà con giác ngộ phong trào, em chớ có lo.
Qua sông cũng một chuyến đò,
Ván cờ đến đó còn chờ thấp cao.

Khổ đau đành chịu mãi sao?
Giang sơn tối mịt, đồng bào điêu linh?
Vợ chồng ta quyết hăng hái hy sinh,
Liều thân cho đời sống thì mình mới khỏi lầm than.
Mau mau tổ chức kết đoàn,
Đem tinh thần năng lực phá tan bao nỗi bất bình.
Non sông chan chứa biết bao tình.

KHUYẾT DANH

*

KHUYẾN KHÍCH

TIỂU DẪN: Bài này Ngô Đức Mậu viết ở nhà lao Thanh Hóa năm 1931, lúc mới bị bắt giam. Tác giả thấy anh chị em tù có vẻ lo ngại và chán nản, nên làm bài *Khuyến khích*. Bài thơ này được anh em thích thú, nhiều người thuộc lòng.

Tù hỡi tù, tù đừng lo ngại!
Tù mà chi, tội nữa mà chi?
Tù ăn, tù ngủ, tù đi,
Tù chơi cho thỏa, tù suy cho nhiều.
Tù thức tỉnh cho nhiều người biết,
Tù nói năng cho tiết người sôi.
Tù đi, tù đứng, tù ngồi,
Bây giờ tù dở mà rồi tù hay.
Tù đừng kể tháng ngày dằng dặc,
Một ngày tù, trí thức một tăng.
Khi ra tù sẽ thung thăng,
Bước lên đài vũ, tù bằng người ta.[1]
Tù hỡi tù, tù nghe tù nói!
Rồi tù xem có phải hay không?
Nay mai thoát ách lao lung,
Tù ra vùng vẫy, cờ tung khắp trời.

NGÔ ĐỨC MẬU

Nhà lao Thanh Hóa, 1931

*

1. *Đài vũ:* vũ đài, nơi đấu tranh.

NGHE TIN SẮP BỊ ĐƯA ĐI ĐÀY

TIỂU DẪN: Phan Trọng Bình bị giam ở Hà Tĩnh đã gần một năm. Lúc đó phong trào cách mạng ở Hà Tĩnh đương lên mạnh. Bọn thực dân bắt đầu khủng bố dã man, nhà tù chật những chiến sĩ cách mạng. Bọn thực dân định chuyển một số tù chính trị đã thành án đi Lao Bảo, hay đi Côn Lôn. Tác giả nghe tin ấy làm bài thơ này.

Vũ trụ giai ngô phận sự,
Nhân sinh hà xứ bất phong lưu. [1]
Cần gì đâu mà sợ cóc gì đâu?
Đâu đâu cũng như đâu đâu đó.
Đâu không núi,
Đâu không sông,
Đâu không cây cỏ?
Đâu chẳng nhà,
Đâu chẳng nước,
Đâu chẳng anh em?
Lòng sắt son giữ vững một niềm,
Ngàn muôn dặm, nhìn xem bằng gang tấc.
Trong cuộc đấu tranh từng góp sức,
Trên trường thành bại quyết bền gan.
Đã chung vai xốc gánh giang san,
Chốn nguy hiểm bước gian nan đâu có nệ.
Sinh đứng làm người trong bốn bể.
Dầu chi chi cũng chẳng kể là chi.
Côn Lôn, Lao Bảo, thấm gì!

PHAN TRỌNG BÌNH
Lao Hà Tĩnh, 1930

1. Hai câu này có nghĩa là: những việc trong trời đất là phận sự của ta, người ta sinh ra dù ở đâu mà chẳng phong lưu.

TẾT LAO BẢO

Đùng đùng, đẹt đẹt,
Mở mắt xem phong cảnh Tết ở nơi này.
Ngao ngán thay những khách bị đày,
Khéo họp mặt nhau đây mà chúc Tết,
Bánh tét sống nhăn chừng nửa chiếc,
Thịt heo (lợn) chín dở độ phần ô. [1]
Này rá mốc, này cơm mọt, này canh nguội, này cá khô,
Ướm hỏi bạn ai no cùng ai đói?
Pháp luật dã man sao chẳng đổi,
Gông, xiềng, cùm, trói, mãi thế này a! [2]
Căm hờn nung nấu lòng ta.

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

*

ĐẤU TRANH Ở LAO BẢO

TIỂU DẪN: Phạm Ngọc Trân kể lại bằng thơ một cuộc đấu tranh ở Lao Bảo. Đồng chí Trần Giáp, người huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đấu tranh không chịu đi làm phu như anh em tù kinh tế. Tên đồn trưởng liền đem nhốt đồng chí Giáp vào hầm kín và không cho ăn. Anh em tù chính trị liền tổ chức làm reo, đòi bọn thống trị thực hiện đúng chế độ đối với tù chính trị. Cuộc làm reo sau chuyển sang đấu tranh tuyệt thực mười ngày liền. Cuối cùng, Saten, Khâm sứ Trung kỳ, phải nhượng bộ. Cuộc đấu tranh thắng lợi.

Vào chỗ chết để tìm ra cái sống,
Càng hiểm nguy, càng phải ngẩng cao đầu.
Anh Giáp hỡi, ta là nhà chính trị!
Giam cầm ta, chúng còn bắt làm xâu (phu).

Hàng đống đó, bao sọc xanh chứa gạo,
Ta không khiêng, xem cái chết thử nào?

---

1. *Thịt heo chín dở độ phần ô:* phần ô là phần thức ăn chia từng ô cho chính trị phạm. Cả câu ý nói thịt lợn luộc chưa chín được chia gần một phần ô.

2. Có người đọc: *Gông, xiềng, xai, trói mãi thế này a !* (*xai:* cùm bằng gỗ).

Quyết chiến đấu, đầu chúng mình có mất,
Còn dư trăm đồng chí cả ba lao. [1]

Chiều hôm ấy, trước cổng đồn Lao Bảo,
Thằng Côngbờ (combe) phưỡn bụng, tay cầm can.
Miệng hắn nạt anh em tù kinh tế, [2]
Gườm chúng tôi, hất mỏ, chỉ vào hàng.

Đồng chí Giáp tiến lên vài ba bước,
Giọng hiên ngang với tư thế hùng hào:
"Ta không làm, ta là nhà chính trị,
Bắn ta đi xem cái chết thử nào?"

Tên quản Hiền gần tôi toan mở miệng,
Bị một tràng "đả đảo" thét vang vang.
Không dám đánh, lao hầm đem nhốt kỹ,
Không cho ăn, gông cùm xích kỹ càng.

Tối hôm ấy, anh em về mới biết,
Việc thế nào, tôi, Giáp kể đầu đuôi.
Chỉ phút chốc thầm thì trong bóng tối,
Cuộc làm reo quyết định đã xong rồi.

Trời Lao Bảo hôm nay không khí đổi,
Cửa nhà lao tấp nập lính ra vào.
Những khẩu hiệu "không ăn, không làm nữa",
Trả rềdim pôlitích cho tao. [3]

Mười ngày liền anh em đều tuyệt thực,
Thằng Côngbờ tỏ thái độ không nao.
Đổi khẩu hiệu "bãi công không thời hạn",
Lão Saten, nhượng bộ trước phong trào. [4]

PHẠM NGỌC TRÂN

Lao Bảo, 1931

---

1. *Ba lao:* chỉ lao C. D. E. là ba gian lao hầm.
2. *Tù kinh tế:* tù bị bắt vì trộm cắp, buôn bán... không phải tù bị bắt vì chính trị.
3. *Rềdim Pôlitích:* phiên âm tiếng Pháp (régime politique), nghĩa là chế độ tù chính trị.
4. *Saten:* tên lão Khâm sứ lúc bấy giờ, phiên âm tiếng Pháp (Châtel).

PHÁT VÃNG

Phát vãng, phát vãng [1]
Vấn đề này ai chẳng tức căm.
Ấy chính sách độc ác hiểm thâm,
Quân đế quốc, lũ Nam triều giết ngầm ta đó!
Này thế này, anh em đủ rõ,
Và yêu cầu chú ý lưu tâm.
Năm ngoái đây gần hai trăm phát vãng tới Kông Tum,
Sau mấy tháng chết mòn còn năm bảy chục.
Phần thì bởi khí trời nước độc,
Phần nhà thương thang thuốc chẳng đủ dùng.
Phần thì Tây, lính quá tàn hung,
Nó đập đánh bắt làm cho đến chết.
Tội tình thiệt những người sống sót,
Thảm trạng này sống được hay không?
Da đen sì, mang cái bụng "cà rồng", [2]
Thế vẫn phải nắng mưa lam lũ.
Cảnh phát vãng trăm điều cực khổ,
Hỡi anh em, hỡi đồng chí nhà tù!
Vùng lên đi! Quyết phản đối âm mưu phát vãng!

KHUYẾT DANH

*

NÓI RỒI TAY LẠI CẦM TAY

TIỂU DẪN: Ngô Đệ, người xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Đồng chí đã tham gia tích cực phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh trong những năm 1930 – 1931. Bài thơ này đồng chí làm tiễn bạn. Song, nói với bạn, thực ra là cũng để nhắc nhở bản thân mình.

Anh em ở lại,
Nỗi buồn vui ái ngại lúc chào nhau.
Bước phong trần, thân thiết bấy lâu,

---

1. *Phát vãng:* đày đi xa và bắt làm lao dịch thật nặng nhọc.
2. *Bụng "cà rồng"*: ở đây chỉ bụng báng to vì đau gan.

Khi lâm biệt, lẽ không câu từ biệt.
Quyên đề trường dạ vô lưu huyết,
Tàm đáo tử thời vị đoạn ty. [1]
Bước đường đời chi kể chuyện phân ly,
Còn tiến thủ hãy còn khi gặp gỡ.
Mai mốt sẽ tôi về, anh ở,
Ở hay về, gánh nợ vẫn như nhau. [2]
Ngọn phong trào cuồn cuộn khắp năm châu,
Mặc dễ khó, đâu đâu không cùng cảnh.
Cờ gặp nước thì ta cứ đánh,
Chim sổ lồng nhẹ cánh cất mình bay.
Nói rồi tay lại cầm tay!

NGÔ ĐỆ

*

TẠM BIỆT CÁC BẠN TÙ Ở HÀ NAM

TIỂU DẪN: Nguyễn Duy Huân, người xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Khi từ nhà lao Hà Nam đi lên Hỏa Lò, Hà Nội, tác giả đã làm bài thơ này. Lời thơ rất khảng khái.

Trong cửa ngục ngâm câu tương tống biệt, [3]
Cùng ai ai quen biết bấy lâu nay.
Đường bắc, nam đôi ngả từ đây,
Ai ai hỡi! Xin đừng chớ ngại!
Mối tình riêng hãy xin xếp lại,
Công việc chung ta phải tính toan lo.
Tha hồ cho trẻ tạo nó bày trò. [4]
Dầu đắc, thất, vinh, khô, âu cũng mặc. [5]
Dời núi Ngu Công xin hãy học,

---

1. Đại ý hai câu là: con chim quyên kêu suốt đêm trường không chảy máu, con tằm đến lúc chết vẫn còn vương tơ; đây nói sự đau lòng khi chia cách.
2. Có người nhớ: *Ở hay về, phận sự cũng như nhau.*
3. *Tương tống biệt:* tiễn người lên đường.
4. *Trẻ tạo:* tạo hóa.
5. *Đắc:* được, *thất:* mất, *vinh:* sung sướng, *khô:* khổ sở.

Vá trời Oa Nữ nhớ đừng quên.
Lòng sắt son quyết giữ cho bền,
Dẫu núi đổ trời nghiêng, ta chẳng sợ.
Lấy máu đỏ viết mấy lời tâm sự,
Có yêu nhau xin chớ phụ lời nhau.
Còn nhiều hội ngộ về sau.

NGUYỄN DUY HUÂN

*

TIỄN MỘT SỐ ĐỒNG CHÍ BỊ ĐÀY ĐI CÔN ĐẢO

Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Tiễn đưa một chén quan hà từ đây.
Chúc anh em lên đường, vui với nước cùng mây,
Theo ông Lã Vọng tháng ngày tiêu dao.
Đã mang tiếng mày râu nam tử,
Bước đường đời ta thử bước đi xem.
Dù vinh hoa phú quý cũng không thèm,
Lòng nhân đạo vẫn thường in một mực.
Trong lúc đang cơn bĩ cực,
Vén mây mờ trông rực cảnh Bồng Lai.
Chuông tự do gióng giả bên tai,
Cờ liềm búa quyết không phai màu đỏ chói.
Mắt trông thấy đại đồng thế giới,
Cho thỏa lòng chờ đợi bấy lâu nay.
Trùng phùng xin hẹn nay mai.

KHUYẾT DANH

*

TIỄN ANH EM ĐI BUÔN MÊ THUỘT

Nay phân rẽ, kẻ đi người ở,
Ở với đi, xin chớ bận lòng.
Đấng trượng phu, khí tiết bá, tòng,[1]
Cơn gió giật, mưa dông đâu dễ chuyển.
Bước hào kiệt gian truân đời đã khiến,
Bể trầm luân lại láng cát đương bồi.
Ngẫm cuộc đời chẳng khác một trò chơi,
Tạo vật thử trêu người cho biết sức.
Nào ai dở, ai hay, ai gian tà, ai trung trực,
Thử coi ai trả sạch nợ trần ai?
Đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, xuân còn dài,
Nay cực khổ, ngày mai càng vui thú.
Kiếp phù thế, khi tan khi tụ,
Cảnh tụ tan, đâu đủ ghẹo anh hùng.
Dầu đi đâu, đâu cũng non sông,
Xin ghi tạc chữ đồng tâm vào dạ.
Chữ thiện ác có vay thì phải trả,
Đường hưng vong ròng rã bước tới cùng.
Thề cùng nhau giữ sạch lao lung,
Hết cơn bĩ cực, đời sung sướng bền.
Ra đi, chân cứng đá mềm.

VI KIỆM[2]

Quảng Nghĩa, 1931

*

1. *Bá, tòng:* cây bá, cây tùng, hai cây này có đặc điểm là giữa mùa đông băng giá lá vẫn xanh tươi. Ở đây muốn chỉ người cách mạng, dầu ở trong tù đày, cũng vẫn vững vàng, không gì lay chuyển được.

2. Chưa rõ tiểu sử của tác giả.

VỢ TIỄN CHỒNG ĐI ĐÀY

TIỂU DẪN: Bài này do đồng chí Hồ Sĩ Ninh làm thay lời vợ đồng chí Dương Vụ Bản, Bí thư Huyện ủy Quỳnh Lưu, tiễn đồng chí Bản đi đày năm 1931. Hồ Sĩ Ninh người xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Gương nghĩa khí, bốn ngàn năm trước,
Thiếu chi người cân quắc, trượng phu!
Giang sơn xây đắp cơ đồ,
Đem bầu nhiệt huyết điểm tô cảnh đời.
Đã làm người đứng trong vũ trụ,
Quyết sao cho nghĩa vụ vẹn toàn.
Bất bằng thét một tiếng vang,
Đem thân bảy thước làm gương cõi đời.
Anh tuổi trẻ đương thời hăng hái,
Chí tang bồng khảng khái ai đang!
Bấy lâu rèn luyện gan vàng,
Nặng tình nhân loại, nhẹ đường công danh.
Tay vận động một mình cáng đáng,
Việc Bí thư chẳng mảng chút nào.
Mấy phen gầm thét hô hào,
Sa chân, sảy bước, mắc vào lao lung.
Nơi sơn dã súng bồng, lính đón,
Chốn huyện đường trống rộn, người hầu.
Thảnh thơi ngày rộng đêm thâu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!
Dù súng kề tai, gươm kề cổ,
Vẫn điềm nhiên thái độ anh hào.
Nóng sôi một giọt máu đào,
Tử sinh kinh cụ há nào như ai [1]!
Chí làm trai dặm dài bao kể,
Dù xa xôi bốn bể cũng gần.
Nước non nặng gánh ái ân,
Phân ly đâu lại thường tình nữ nhi!

---

1. *Tử sinh kinh cụ*: kinh sợ việc chết sống.

Ngoài nghìn dặm, đường đi thong thả,
Nghìn thủy chung, sắt đá một lòng.
Quản gì nay bắc, mai đông,
Mặc em gánh vác non sông sau này.
Vầng nguyệt nọ khi đầy, khi khuyết,
Ngọn triều kia cơn ngược, cơn xuôi.
Hợp, ly, là cái lẽ trời,
Cùng cơn bĩ, thái, cõi đời xưa nay.
Gặp cảnh ngộ, ta tùy cảnh ngộ,
Sách có câu: *Hành tố nhi yên.* [1]
Khuyên anh chí giữ cho bền,
Rồi đây động địa, kinh thiên còn nhiều.
Ngảnh mặt lại, phong triều (trào) tràn tới,
Giương tay lên, lồng cũi phá ra.
Anh em gặp hội thái hòa,
Ấy là bình đẳng, ấy là tự do.
Lời khăng khít đăng đồ kính chúc, [2]
Nỗi quan hoài giục giã chén thề. [3]
Canh tàn mấy tiếng tê mê,
Mây kia nước nọ, trăm bề nhớ thương.
Tiễn đưa có bấy nhiêu hàng!

HỒ SĨ NINH

1931

*

TIỄN HOÀNG TRỌNG TRÌ ĐI GUYAN

TIỂU DẪN: Hồ Phi Dung, người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Năm 1931, đồng chí hoạt động, bị địch bắt, bị tra tấn dã man và đã chết ở lao Vinh.

Nghe tin Hoàng Trọng Trì, tức Hoàng Bá Huân, bị đế quốc Pháp phát văng sang tận Guyan, Nam Mỹ, tác giả làm bài thơ này.

---

1. *Hành tố nhi yên:* làm việc đúng phận sự của mình thì yên ổn.
2. *Đăng đồ:* lên đường.
3. *Quan hoài:* quan tâm, suy nghĩ, nhớ nhung.

Trì phát vãng, tin đâu như sét đánh!
Tớ vội vàng thức tỉnh hồn thơ.
Vác tinh thần ra khỏi giấc mơ,
Khua miệng lưỡi ngâm câu tiễn biệt.
Thơ rằng:
Đất đã sinh ta vào Đại Việt,
Trời sao để bác tới Guyan.
Chốn lao tù gặp gỡ tựa hoàng lương [1]
Nghĩ đến cảnh tang thương mà muốn chửi.
Xin bác hãy lên đường giong ruổi,
Vững can trường mà chờ đợi lúc ra.
Sợ gì tứ hải giai gia [2]!

HỒ PHI DUNG
1930

*

TIỄN NGUYỄN ĐỨC MẬU ĐI KÔNG TUM

TIỂU DẪN: Nguyễn Đức Mậu, người xã Sơn Hải, Bí thư đầu tiên của huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Đồng chí đã tham gia Đảng Tân Việt, sau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong cao trào Xô viết Nghệ – Tĩnh, đồng chí đã lãnh đạo nhiều cuộc biểu tình, làm cho "Tây kia hoảng sợ", "quan nọ kinh hồn". Tháng 8–1930, đồng chí bị địch bắt. Chúng giam đồng chí ở lao Quỳnh Lưu, lao Vinh, rồi đày đi Kông Tum. Năm 1933, Nguyễn Đức Mậu đã chết trong nhà lao Kông Tum.

Hồ Mậu Đờn, người Quỳnh Lưu, Nghệ An, là đồng chí cùng hoạt động với Nguyễn Đức Mậu, đã làm bài thơ này tiễn Nguyễn Đức Mậu lúc bị đày đi Kông Tum.

Mặt nhìn mặt khôn cầm giọt lệ,
Tay nắm tay ruột xé như cào.

---

1. *Hoàng lương*: kê vàng. Ý này dựa vào điển cố giấc mộng "hoàng lương": Một anh học trò đến một quán trọ, thấy chủ quán đang nấu nồi cháo kê vàng; anh ta nằm ngủ và mộng thấy mình thi đỗ, làm quan, lấy vợ, đẻ con, sống rất giàu sang, phú quý; anh ta tỉnh dậy, nhìn nồi cháo kê thì cháo vẫn chưa chín. Ở đây, chỉ sự ngán ngủi.

2. *Tứ hải giai gia*: bốn biển là nhà.

Anh đi căn dặn từng câu,
Tôi ra tù khắc thêm sâu hận thù.
Đường cách mạng trượng phu đã quyết,
Đời gian lao sống chết coi thường.
Cho dù nát thịt tan xương,
Mà lòng chẳng lạt, mà gương chẳng mờ.
Trước Tân Việt tôn thờ lý tưởng,
Sau búa liềm chí hướng cũng chung. [1]
Ra tay phất ngọn cờ hồng,
Nguyện đưa Tổ quốc non sông trở về.
Đồn Thanh Đàm, Tây kia hoảng sợ. [2]
Huyện Quỳnh Lưu, quan nọ kinh hồn. [3]
Bể kia anh lấp nên cồn,
Núi kia tôi xẻ thành con sông dài.
Anh bước đi, cuộc đời sóng gió.
Tôi ra tù, ôn cố tri tân. [4]
Đề cao lực lượng tinh thần,
Phất cờ cứu nước, cứu dân, cứu đời.
Anh ra đi còn người vợ trẻ,
Tuổi thanh xuân son sẻ măng tơ.
Chút con lên một ngây thơ,
Mẹ già lọm cọm đợi chờ tháng, năm.
Đồng bào vẫn ngàn trăm khổ nhục,
Đồng chí còn chui rúc đó đây.
Tam tài cờ giặc còn bay,
Non sông đẫm máu bàn tay quân thù.
Nhìn thấy cảnh, ruột như dao cắt,
Trông thấy người, nhường thắt buồng gan.

1. Ý nói hai người trước đã cùng nhau tham gia Tân Việt cách mạng đảng, sau lại cùng nhau gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương

2. *Đồn Thanh Đàm:* ở Quỳnh Thuận bây giờ, đây chỉ cuộc biểu tình của các làng Thanh Đàm, Thạch Đoài, Văn Thai... ngày 20-6-1930. Nhân dân đã kéo đến đồn Thương Chánh ở Thanh Đàm đòi bọn Tây không được độc quyền làm muối, bỏ việc nộp thuế muối và ức hiếp nhân dân.

3. Chỉ cuộc biểu tình toàn huyện Quỳnh Lưu ngày 4-2-1931 (tức 17-12, năm Canh Ngọ) gồm gần 6.000 quần chúng, làm cho tri huyện Quỳnh Lưu xanh mặt. Hôm sau giám binh Nghệ An phải đưa lính về đàn áp.

4. *Ôn cố tri tân:* ôn cũ biết mới, ý nói rút kinh nghiệm đấu tranh.

Cảnh kia đêm ngủ khôn an,
Người kia, ngày chẳng buồn ăn đó mà.
Anh ra đi đường xa cách trở,
Chốn lao tù xin chớ bi quan.
Cùng là Tổ quốc giang san,
Cùng là đồng chí đồng tâm với mình.
Anh ra đi vướng tình ly biệt,
Những diết da da diết bên lòng.
Nỗi nhà mẹ nhớ con trông,
Nỗi lo việc nước ai cùng ghé vai.
Xin anh cứ yên vui dạ ngọc,
Có đồng bào đùm bọc sớm trưa.
Kẻ đi vững dạ đợi chờ,
Những người ở lại không giờ phút quên.
Đường đã vạch, tiến lên phía trước,
Có quyết tâm, mưu lược thì xong.
Chúng ta sắt đá vững lòng,
Có ngày tháo cũi mở lồng như chơi.
Chủ nghĩa ta sáng ngời còn đó,
Mã Khắc Tư rồi có Lý Ninh. [1]
Đấu tranh cứu nước, cứu mình,
Ai mà úy tử tham sinh cho đành. [2]
Gương tổ tiên rành rành sáng tỏ,
Kìa vua Lê Thái Tổ đuổi Minh.
Vua Quang Trung diệt quân Thanh,
Trưng Vương, Triệu Ẩu, sử xanh còn truyền.
Đuổi quân thù dựng nền độc lập,
Diệt cường quyền tranh chấp tự do.
Gần đây khởi nghĩa phất cờ,
Nghè Phùng, Đề Thám chết cho giống nòi.
Xưa đã quyết, nay thời cũng quyết,
Phải xả thân, lưu huyết mới nên.
Gan cho vững, chí cho bền,
Làm cho động địa kinh thiên mới là.

---

1. *Mã Khắc Tư:* tức Các Mác.
Lý Ninh: tức Lênin.
2. *Úy tử tham sinh:* tham sống sợ chết.

Kìa Âu, Á gió mưa dữ dội.
Nay Bắc, Nam kêu gọi thiết tha.
Lân bang phủ huyện tỉnh nhà,
Cũng đều nổi dậy xông pha chiến trường.
Đuổi đế quốc tìm đường cút thẳng,
Trục Nam triều cụt cẳng què tay.
Sao cho trên nước non này,
Phải ghè đầu giặc, phải say máu thù.
Cờ độc lập tự do phấp phới,
Sóng dân quyền sôi nổi dâng lên.
Dân ta tự chủ, tự quyền,
Nước ta oanh liệt bước lên vũ đài.
Cùng nhân loại, triệu người như một,
Sống cuộc đời đẹp tốt sáng tươi.
Nước vui nhà cũng mới vui,
Ngày đoàn viên đến với người bền lâu.
Bõ hồi khổ nhục gian lao,
Bõ lòng rày ước mai ao từ ngày.
Giờ đây tay tạm chia tay.

HỒ MẬU ĐỜN

*

DỖ CON KHI BỊ BẮT

Nín, nín đi con, con hỡi con!
Khóc lóc làm chi dạ héo hon.
Gươm sắt súng đồng đâu đủ sợ,
Nước non còn đó, mẹ con còn.

KHUYẾT DANH

*

THƠ GỬI CHO CON TÊN LÀ BỘ

TIỂU DẪN: Nguyễn Hữu Tiến tức Giáo Hoài hoặc Hoài Nhân, quê ở Lũng Xuyên, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Đồng chí hoạt động từ năm

1930, bị đế quốc Pháp bắt và đày ra Côn Đảo. Cuối năm 1933, đồng chí vượt ngục Côn Đảo, về Nam Kỳ và tham gia lãnh đạo cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940. Đồng chí lại bị đế quốc bắt và xử tử năm 1941.

Bài này đã đăng trên tờ báo *Đỏ*, xuất bản bí mật ở tỉnh Hà Nam, năm 1932.

Thơ chú Bộ gửi về cho Bộ, [1]
Bộ học đi, học cố, con xem.
Xem rồi con dạy lại em,
Những lời chú dặn phải nên ghi lòng.
Sao chú phải long đong cơ khổ?
Thân xích xiềng, nay đó mai đây. [2]
Chú Tiêm với chú Tỉnh mày, [3]
Vì sao mà phải tù đày, hỡi con?
Ngán một nỗi con còn ngớ ngẩn,
Nghiến hàm răng, chú dặn mấy lời:
Bất bình lắm lắm, con ơi!
Giận đời còn lẫn giống người bất nhân.
Người bất nhân phải nên trừ diệt,
Đời bất bình phải quyết phá xong.
Làm cho thế giới đại đồng,
Cõi đời thành chốn non Bồng, cảnh Tiên.
Nhưng trước phải cướp quyền cho nước,
Đánh đuổi quân đế quốc tham tàn.
Công, nông lên nắm chính quyền,
Sửa sang mọi việc, xây nền tự do.
Ấy vì thế, hóa ra nên nỗi,
Các chú con tù tội mắc vòng.
Chú thời chìm nổi long đong,
Nghĩ sao cho thoát khỏi vòng ngựa trâu.
Chớ như ai sống lâu nhiều tuổi,
Sống mà chi, vào cúi ra luồn.

---

1. *Chú:* vì nhà hiếm, cho nên có tục con gọi bố bằng chú.

2. Câu này ý nói tác giả bị bắt ở Hà Nội, đưa về Sở mật thám Thái Bình rồi sang Sở mật thám Nam Định, bị đưa đi nhiều nơi.

3. *Tiêm, Tỉnh:* Tiêm là em ruột tác giả, bị bắt trước và bị kết án chung thân, đày đi Côn Đảo, năm 1933. Tiêm chết ở đấy. Tỉnh là em con ông chú, cũng bị bắt ở Hà Nội và bị tù, hiện nay công tác ở Thái Nguyên.

Cam tâm bán cả nước non,
Còn lo tranh khéo, tranh khôn với đời.
Bộ con hỡi! Mấy lời chú dạy,
Con phải nên ghi lấy vào lòng.

NGUYỄN HỮU TIẾN

Sở mật thám Nam Định, 1931

NHỚ MẸ

Nhớ lại ngày nào con bước ra,
Mang theo nghĩa mẹ lẫn tình cha.
Quyện trong chiếc áo tàng hơi ấy,
Sưởi tấm lòng con nợ nước nhà.

Nhớ mẹ con khôn tả hết lời,
Áo cha, mẹ xếp để dành hơi.
Đến khi nợ nước thù nhà gọi,
Mẹ khoác cho con gánh cuộc đời.

Nhớ lại ngày nào được ấm no,
Giờ thân đói rét cảnh buồn xo.
Chuyên tay kéo mướn làm thuê mãi,
Dạy trẻ, nuôi thơ dạ rối vò.

Nhớ mẹ trông theo một góc trời,
Muôn trùng non nước tít mù khơi.
Đôi vai gánh nợ đang quằn quại,
Tủi phận thần hôn lệ máu rơi.

Nhớ mẹ sinh con giữa cuộc đời,
Nước, bèo, dâu bể tựa trò chơi.
Sinh ly mẹ vẫn vui lòng mẹ,
Chờ buổi con xoay ngược đất trời.

Đất trời dẫu đoạn số đôi mươi,
Mẹ vẫn ung dung nở nụ cười.
Như đã có con về với bố,
Mang theo chiếc áo trữ tàng hơi.

Nhớ lại sau ngày con thiếu cha,
Mẹ khuyên con giữ nước non nhà.
Dẫu cho đất ngả, trời nghiêng hẳn,
Cũng trọn màu xuân đẹp tuổi hoa.

PHẠM NGỌC TRÂN
Phan Rang, 1928

EM BÉ SINH TRONG NGỤC TỐI

TIỂU DẪN: Trong lao, ở gian phụ nữ, có một chị sinh cháu. Đáng lý ra em bé phải được sinh ở nhà hộ sinh, ở bệnh viện, nhưng em đã sinh ra trong ngục tối. Tác giả căm phẫn, làm bài thơ này.

Mới lọt lòng ra giữa cõi đời,
Làm gì nên tội đó em ơi!
Sao em đã phải nằm trong ngục,
Không được nằm trong một chiếc nôi.

Nôi em chúng đã cướp đi rồi.
Toan cướp của em ánh mặt trời.
Cướp cả tình yêu cao quý nhất,
Tình yêu tha thiết của con người.

Mất nước, em ơi, mất cả nhà!
Nhà em mất cả mẹ cùng cha!
Riêng em miệng chửa thơm mùi sữa,
Thân đã đày trong cảnh xót xa.

Ngọn lửa căm thù rực núi sông,
Sơ sinh em đã nhóm trong lòng.
Mai kia thiêu xác quân thù địch,
Thù nước, thù nhà, ắt trả xong.

PHAN TRỌNG BÌNH
Nhà lao Hà Tĩnh, 9-1929

GỬI NGƯỜI YÊU

TIỂU DẪN: Trương Quang Trọng sinh năm 1906, tại làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Nghĩa. Năm 1925, gia nhập Hội Phục Việt (sau đổi thành Đảng Tân Việt); năm 1928, gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội; năm 1929, bị bắt ở Quảng Nghĩa; năm 1931, bị đày lên Kông Tum. Ngày 11-12-1931, đồng chí bị địch bắn chết cùng với 7 người khác trong một cuộc đấu tranh tại nhà đày Kông Tum.

Bài thơ trên đây do Trương Quang Trọng viết và gửi cho người yêu trong thời gian bị giam ở nhà lao Quảng Nghĩa.

Đôi quả tim này đã kết tinh,
Vì chưng nghĩa vụ phải làm thinh.
Quân thù đế quốc, ghê em nhỉ!
Cướp cả non sông lẫn ái tình.

TRƯƠNG QUANG TRỌNG
1930

*

GIỮ TRỌN LỜI THỀ

TIỂU DẪN: Năm 1932, chị Nguyễn Thị Du, người yêu của Trương Quang Trọng đang dạy học ở thị xã Đồng Hới, được tin đồng chí Trương Quang Trọng hy sinh anh dũng tại ngục Kông Tum, chị đau đớn làm bài này.

Chị Nguyễn Thị Du, người Nghệ An, làm công tác giáo dục ở tỉnh Nghệ An, sau ở Bộ Giáo dục. Chị đã nghỉ hưu năm 1968.

Hạnh phúc trăm năm đã vỡ rồi!
Hỡi nhà, hỡi nước, hỡi ai ơi!
Lời thề thiết thạch vang sông núi, [1]
Mà bạn tri âm biệt đất trời!

Mà bạn tri âm biệt đất trời!
Hận thù đế quốc, hận khôn nguôi.

---

1. *Thiết thạch:* sắt đá.

Tham tàn độc địa chia uyên thúy,[1]
Gieo rắc tang thương cả cuộc đời.

Gieo rắc tang thương cả cuộc đời,
Đường trường tranh đấu rẽ làm đôi.
Anh đi, gieo hận kêu hồn dậy,
Em ở, đun lò sục sục sôi.

Em ở, đun lò sục sục sôi,
Lửa hờn rực cháy khắp nơi nơi.
Đốt thiêu cho sạch quân hung bạo,[2]
Vẹn nghĩa yêu đương, rạng giống nòi.

NGUYỄN THỊ DU
Quảng Bình, 1932

*

NGƯỜI TÙ VÀ NGƯỜI LÍNH GÁC

Nhân khi thong thả,
Chốn cửa lao ngồi dựa mà chơi.
Vẳng tai nghe lách cách ngoài trời,
Trong bụng đã vui cười hớn hở.
Ngọn lưỡi lê chĩa vào giữa cửa,
Gácđờ nuy bác đã đến giờ.[3]
Khéo vô tình ta lại gặp ta,
Tôi thấy bác thiệt là vui vẻ.
Bác ơi bác! Mối tình huynh đệ,
Bấy lâu nay vẫn để trong lòng.
Bác là binh, tôi kẻ công, nông,
Đồng thân phận long đong vất vả.
Bác ơi bác! Khoan khoan thong thả,
Để cho tôi than thở đôi lời.

---

1. *Uyên thúy:* chim uyên ương và chim thúy (chim trả, chim bói cá), hai thứ chim tượng trưng cho tình yêu đôi lứa.
2. Có sách chép: *Thiêu sạch quân thù lòng mới hả.*
3. *Gácđờ nuy:* nghĩa là gác đêm, phiên âm tiếng Pháp (garde nuit).

Rằng: Chúng ta cùng kiếp làm người,
Cũng đạp đất đội trời như họ.
Cũng mặt mũi chân tay như rứa cả,
Cớ làm sao cơ cực thế này?
Bác ơi! Phường địa chủ với quan Tây,
Nó đè nén thẳng tay bóc lột.
Của chúng ta nó vét, nó vơ không sót,
Người chúng ta nó chà, nó xát chẳng từ ai.
Nó làm cho cùng kế sinh nhai,
Thất nghiệp phải tả tơi cực khổ.
Bất đắc dĩ phải ra tòng ngũ,
Mặc áo vàng theo lũ Lăngsa.
Đã đem thân vào chốn binh cơ,
Phải luồn cúi vào ra quỳ lụy.
Trên quan đội, các thầy bày dạy,
Sai một điều họ chửi họ la.
Việc tập tành tháng trọn ngày qua,
Hết bích kê rồi ra đi gác.
Một tháng chỉ mươi hai đồng bạc,
Mà gian nan khổ cực khôn cùng.
Nó đọa đày binh lính, công, nông,
Đồng thân phận long đong vất vả.
Cực khổ phải kiếm đường giác ngộ,
Đoàn kết nhau đánh đổ quân thù.
Lỡ bước ra, chúng tôi phải ngồi tù,
Song cách mệnh không bao giờ hết.
Bác ơi bác! Nói cho bác biết,
Tạm lùi đi một ít thời gian.
Tư bản còn, cách mệnh vẫn còn,
Cách mạng lùi, dần dần rồi sẽ nổi.
Chúng tôi đây mắc vòng tù tội,
Vẫn đấu tranh và đợi bên ngoài,
Đạn trong bao, súng vác trên vai,
Chính bác cũng một người vô sản.
Khuyên bác về tuyên truyền đồng bạn,
Cùng anh em binh lính hàng cơ.
Nếu rày mai cách mạng bùng ra,
Thì binh lính tham gia hưởng ứng.

Liên hiệp vào công, nông một Đảng,
Quay súng ra bạo động ngay đi.
Đánh tan phường phong kiến với quân Tây,
Cướp quyền chính về tay người cày, người thợ.
Xây dựng nên công, nông, binh Chính phủ,
Cứu giải người tù tội trong lao.
Tình anh bể rộng non cao,
Đồng tân, cam thiên thu vạn cổ[1].

KHUYẾT DANH

*

VÌ SAO PHẢI Ở TÙ?

TIỂU DẪN: Nguyễn Công Hoạch người Nghi Xuân, Hà Tĩnh, hoạt động cách mạng tại Vinh, bị bắt giam tại lao Vinh. Đồng chí đã làm bài thơ này khi ở lao Vinh.

Bạn hỏi vì sao phải ở tù?
Thưa rằng bởi tại bọn đê cu[2].
Thẳng tay bóc lột người lao động,
Phưỡn bụng no say bọn vũ phu.
Đối đãi công, nông như chó ngựa,
Chăm nom quần chúng tựa bò tru (trâu).
Căm hờn đứng dậy làm xê ét[3],
Nó sợ, bắt tôi nó bỏ tù.

NGUYỄN CÔNG HOẠCH

*

1. *Đồng tân, cam:* cùng cay, ngọt.
2. *Đê cu:* đế quốc (viết tắt: Đ.Q).
3. *Xê ét:* cộng sản (viết tắt C.S.).

BỞI ĐÂU BỊ TÙ?

Chân cùm, tay xích, cổ mang gông,
Luy tiết vì đâu phải chịu vòng.
Bởi giận thực dân giành đất nước,
Bởi hờn phong kiến bán non sông.
Bởi mong một giống người bình đẳng,
Bởi muốn năm châu cảnh đại đồng.
Bởi thế nên nay đành chịu khổ,
Để rồi chung sống cả non sông.

TRẦN LÊ HƯƠNG
Kông Tum, 1931

*

AI DÁM KHINH TA?

TIỂU DẪN: Bài này sưu tầm được ở Diễn Châu, Nghệ An. Theo lời những người đọc cho ghi thì nó ra đời ở nhà lao Buôn Mê Thuột năm 1931, do một đồng chí ở Nghi Lộc, Nghệ An, sáng tác, không rõ tên.

Ai dám khinh ta đứa ở tù,
Ở tù mà sướng quá đi tu.
Sướng ăn cơm hẩm, nằm nhà kín,
Sướng ở nhà sàn, uống nước lu.
Sướng bận quần đùi, mang áo ngắn,
Sướng phơi nắng lửa, tắm mưa dầu.
Sướng ghê, sướng gớm, vô cùng sướng!
Ai dám khinh ta đứa ở tù.

KHUYẾT DANH

*

NGƯỜI CHIẾN SĨ TRONG TÙ

Một mình một chiếu một xà linh [1],
Sinh hoạt nào ai sánh kịp mình.
Trộm chẳng vào nhà nhờ lính gác,
Cướp không qua cửa có quân canh.
Đi đâu một chắc, quan liền sợ [2],
Nói chuyện vài người, lính phải kinh.
– Xin hỏi dời chân đâu đấy cậu?
– Rằng ta ra xét cửa quan dinh.

KHUYẾT DANH
1931

*

THÁC VÌ CÁCH MẠNG, THÁC LÀ VINH

TIỂU DẪN: Bài này do đồng chí Phảng, người Nghi Hải, Nghi Lộc, Nghệ An, đọc cho ghi. Theo lời đồng chí Phảng thì bài này ra đời đầu năm 1932, tại lao Vinh.

Thân này trót nguyện với ba sinh [3],
Sau trước thề không đổi tấc thành.
Thất bại vẫn già gan chiến đấu,
Đọa đày bao quản bước lênh đênh.
Quyết ra tay lấp mồ danh lợi,
Thề đổ máu bôi chữ bất bình.
Bằng mấy thân này thôi chẳng tiếc,
Thác vì cách mạng, thác là vinh.

KHUYẾT DANH

*

---

1. *Xà linh:* xà lim, phiên âm tiếng Pháp (cellule).
2. *Một chắc:* một mình, không có người thứ hai.
3. *Ba sinh:* ba kiếp sống liên tiếp: kiếp trước, kiếp này và kiếp sau (theo Phật giáo), ở đây chỉ cuộc đời.

THỜI THẾ

TIỂU DẪN: Năm 1933, đồng chí Hoàng Kỳ bị thực dân Pháp bắt lần thứ hai. Đồng chí vừa bị tống giam vào Hỏa Lò, anh em bạn tù hỏi: – Thời thế ra sao?

Để trả lời anh em, đồng chí đã ứng khẩu ngay bài thơ này.

Ngẩm nước non nhà ruột héo hon,
Vì người, vì cảnh, vì giang sơn.
Búa đe vẫn giữ lòng chung thủy,
Gươm súng không sờn dạ sắt son.
Nhàn tản đã đành phường giá áo,
Đương đồ đâu phải hạng toi cơm [1].
Nghìn năm văn hiến gương còn sáng.
Hồng Lạc lo chi cuộc bảo tồn [2].

HOÀNG KỲ

Hỏa Lò, 1933

*

SỐNG

Sống làm nô lệ, thác còn vinh,
Yêu kính nghìn muôn "giống" biểu tình.
Mặt rõ lợi quyền, gan phấn đấu,
Lòng tin chủ nghĩa, xác hy sinh.
Dã man khủng bố bao nhiêu đạn,
Bồi đắp công nông vững lấy thành.
Cờ đỏ thắm thêm màu máu đỏ,
Làm cho thống trị phải hồn kinh.

NGUYỄN TRUNG THIÊN

1930

---

1. *Đương đồ:* cầm chính quyền.
2. *Bảo tồn:* gìn giữ lại. Câu này ý nói nòi giống Hồng Lạc nhất định phải được bảo vệ.

TIN TƯỞNG

TIỂU DẪN: Phan Thái Ất, người huyện Anh Sơn, Nghệ An. Đồng chí vào hoạt động ở Quảng Nghĩa từ giữa năm 1930. Đồng chí đã mất tại quê nhà năm 1970.

Đi lắm chồn chân tạm phải ngồi [1],
Ngồi xem sân khấu diễn tuồng chơi,
Quân thù đắc chí phồng mang thét,
Tướng chó ra oai cắn xé mồi.
Thịt nát mặc thây, đâu sá kể,
Xương tan kệ xác, quyết không lùi.
Hạ màn sẽ biết bên nào thắng,
Chính nghĩa xưa nay vẫn sáng ngời.

PHAN THÁI ẤT

*

KHÔNG NẢN CHÍ

Thâm cung kín cổng lại cao tường,
Vò võ mình suông bạn với giường.
Mặn chí hy sinh nừng muối trắng [2],
No lòng nhẫn nại đụi cơm lang [3].
Long le ống nước nhờn gan đá,
Hôi hám thùng xia bợn dạ vàng [4].
Uất ức trăm chiều không nản chí,
Chờ ngày đợi tháng phá tan hoang.

HOÀNG TRỌNG TRÌ

*

1. *Ngồi:* ngồi tù, bị giam trong nhà lao.
2. *Nừng:* một nhúm.
3. *Đụi:* cái rổ nhỏ. Nghệ – Tĩnh có tiếng "cạu đụi".
4. *Thùng xia:* thùng phân.

LỜI TRĂNG

TIỂU DẪN: Nhân một hôm, tên lính gác khi đứng canh trước xà lim của tác giả, đọc bài *Hỏi trăng* như sau:

Trải mấy thu nay vóc hãy còn,
Cớ sao khi khuyết, lại khi tròn?
Hỏi con Ngọc thỏ đà bao tuổi,
Chớ chị Hằng Nga được mấy con?
Đêm tối có gì soi gác tía,
Ngày nhàn sao lại thẹn vừng son?
Năm canh lơ lửng chờ ai đó,
Hay có tình gì với nước non?

Tác giả lấy luôn tứ thơ này, mượn *Lời trăng* nói lên khí tiết của người chiến sĩ cách mạng. Bài thơ họa lại theo nguyên văn bài *Hỏi trăng*.

Hình vóc nào lo mất với còn,
Gió mưa quý giữ tiết cho tròn.
Làm gương trông ngắm cho người lớn,
Há chuyện chơi đùa của trẻ con?
Giận thấy non sông dầm bóng tối,
Nguyện cùng trời đất tỏ lòng son.
Trăng trong một mảnh ngàn thu vẫn,
Dù chẳng tay già cũng chẳng non.

PHAN TRỌNG BÌNH

Lao Hà Tĩnh, 9 - 1929

*

GIẬN PHƯỜNG CƯỚP NƯỚC

Giận phường cướp nước ỷ cường quyền,
Nó giết ta hoài chẳng chút kiêng.
Đã bắt giam cầm trong ngục tối.
Còn đem đày đọa giữa rừng thiêng.

Đói đà rũ xác còn roi vọt.
Đau đến tắt hơi vẫn trói xiềng.
Ôi cũng là người như nó cả!
Lẽ gì sướng nó, khổ ta riêng?

TRẦN LÊ HƯƠNG

*

TRANH ĐẤU TRONG TÙ

TIỂU DẪN: Võ Văn Bính, người huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An. Đồng chí sáng tác bài thơ này khi bị giam ở lao Vinh.

Hẹn lòng quyết tử với non sông,
Bao quản xông pha cảnh bụi hồng.
Đập nát gông xiềng đời cá chậu,
Đánh tan ràng buộc kiếp chim lồng.
Mác – Lê chủ nghĩa dày tôi luyện,
Giai cấp đấu tranh chí nấu nung.
Độc lập nước nhà tin thắng lợi.
Đại đồng thế giới hẳn thành công.

VÕ VĂN BÍNH

*

NHẮN LŨ GIẶC TÂY

TIỂU DẪN: Phạm Kiệt sinh ngày 10 – 1 – 1912 ở xã An Phú, huyện Sơn Tịnh tỉnh Nghĩa Bình. Đồng chí tham gia cách mạng từ năm 1929. Đồng chí là một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí công tác trong Quân đội nhân dân Việt Nam và được phong hàm Trung tướng. Đồng chí mất ngày 23 – 1 – 1975.

Tháng 6 năm 1931, Phạm Kiệt bị đế quốc Pháp bắt và làm bài thơ này ở nhà lao Quảng Nghĩa. Hồi ấy, đồng chí bị án tù chung thân. Đồng chí đã khắc bài thơ ở thanh gỗ sàn xà lim. Năm 1943, khi địch chuyển đồng chí từ lao Buôn Mê Thuột về lao Quảng Nghĩa, đồng chí vẫn thấy còn bài thơ.

Cả kêu rằng lũ giặc phương Tây,
Thù oán riêng chi một đất này.
Mượn tiếng bình quyền che mắt chúng [1],
Cậy câu bác ái giả danh thầy.
Văn minh của đó thu về đó,
Quyền lợi phần đây trả lại đây.
Nếu chẳng y lời công chúng luận,
Thì trên mặt đất xác phơi đầy.

PHẠM KIỆT

1930

*

CHA QUÂN ĐẾ QUỐC!

TIỂU DẪN: Tô Thúc Rịch quê ở làng Thư Điền, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, Thái Bình. Khoảng năm 1928 – 1929, đồng chí hoạt động trong tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Tháng 7 – 1930, đồng chí bị đế quốc Pháp bắt và đưa đi đày ở Côn Đảo. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí về Hà Nội công tác và là Chánh văn phòng Bộ Y tế. Hiện nay, đồng chí đã về hưu.

Cha quân đế quốc bạo tàn thay!
Đày đọa chúng ta đến thế này.
Ngày nắng, đêm mưa, gông xiết cổ,
Màn trời, chiếu đất, xích còng tay.
Thân hình đau khổ lòng không nản,
Ý chí quật cường dạ chẳng lay!
Đuổi quân đế quốc xa bờ cõi,
Hạnh phúc tự do phải có ngày!

TÔ THÚC RỊCH

2 – 1931

*

1. Chúng: quần chúng, nhân dân.

ĐOÀN KẾT MAU MAU ĐỨNG DẬY HÈ!

Đù mẹ quân thù đã gớm ghê!
Ra tay đàn áp đủ trăm bề.
Tàu bay tạc đạn đâu nào sợ,
Khóa sắt cùm lim cũng chẳng nề.
Nửa vắt cơm nhồi cùng mắm thối [1],
Năm canh cùm đất nửa mình ê.
Nào ai là kẻ ưu thời nhỉ [2]?
Đoàn kết mau mau đứng dậy hè!

PHẠM CỪ [3]

*

QUYẾT CHẲNG LÙI!

TIỂU DẪN: Nguyễn Gia Hào, người Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, tham gia cách mạng từ năm 1930, là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí bị thực dân Pháp bắt và bị tù nhiều năm, mãi đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, mới được tự do, và về hoạt động tại quê hương.

Cảnh khổ xà lim tớ biết rồi,
Thị uy đến đó tớ xem chơi.
Ba loài hút máu tay lùa sạch,
Bảy bận không ăn miệng vẫn cười.
Để gánh tang bồng ngồi tạm nghỉ,
Khươ mùi tân khổ nếm cho vui.
Trung thành chủ nghĩa còn ghi mãi,
Ta hẹn với ta quyết chẳng lùi.

NGUYỄN GIA HÀO
1932

---

1. *Vắt cơm:* nắm cơm sai.
2. *Ưu thời:* lo cho thời thế.
3. Chưa rõ tiểu sử của tác giả.

TRA TẤN LÀM GÌ LUỐNG UỔNG CÔNG

Tra tấn làm gì luống uổng công,
Con này đâu sợ cảnh lao lung.
Một lời kiên quyết sau như trước,
Trăm kế dỗ dành có cũng không.
Ngọc nát cũng liều cùng sóng gió,
Thân tàn nán gửi lại non sông.
Đem gan thi với xiềng, roi, kẹp,
Cho bọn sài lang khiếp má hồng.

VÕ THỊ NGỌ

*

THỀ GHI MỘT TẤM SON

TIỂU DẪN: Đây là bài thơ tiễn bạn lúc lên đường đi hoạt động cách mạng ở nước ngoài, do một cụ ở Quỳnh Đôi đọc cho ghi.

Non nước, kìa! Đâu cũng nước non!
Cuộc đời ta phải tính vuông tròn.
Hồn đi thế giới hồn không mất,
Xác ở Viêm bang, xác hãy còn.
Xát mãi mài hoài, vàng vẫn thắm,
Rèn đi tui (tôi) lại, sắt không mòn.
Dù ai ngoài trắng, trong đen mặc,
Ta quyết thề ghi một tấm son.

KHUYẾT DANH
1931

THỀ VỚI NHÂN DÂN

TIỂU DẪN: Ngô Đình Sáu người Thanh Chương, Nghệ An, đã xuất dương sang Xiêm cuối năm 1929, và đầu năm 1930 về nước hoạt động, bị bắt năm 1931. Bài thơ này đồng chí sáng tác trước lúc bị đưa đi đày lên Kông Tum.

Chào anh em hỡi, chị em ơi!
Kẻ ở người đi phó mặc đời.
Xe ngựa cũng phường ba thước đất,
Gông cùm mà chí bốn phương trời.
Giận cùng thống trị cười vài tiếng,
Thề với nhân dân thét một lời.
Dù có thác đi đành phận vậy,
Hễ còn sống lại cóc bôi vôi[1].

NGÔ ĐÌNH SÁU

*

HÁ DỄ GIAM HỒN NƯỚC

TIỂU DẪN: Nguyễn Công Phương sinh năm 1888, tại làng Hoa Vinh, xã Hạnh Phúc, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Nghĩa Bình. Đồng chí hoạt động cách mạng liên tục từ năm 1906 cho tới khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời thì gia nhập Đảng, làm Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành năm 1930. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đồng chí là Ủy viên Hội đồng Cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đồng chí đã mất ngày 21-8-1972.

Gió lặng cây im, đá trập trùng,
Một mình thao thức suốt đêm đông,
Ngoài hiên lính gác thều thào nói,
Trước cửa thằng Tây lấp ló trông.
Căm giận quân thù bừng cháy ruột,
Thương tình đồng loại quặn đau lòng.

1. Câu này ý nói còn sống thì vẫn còn tiếp tục hoạt động cách mạng.

Ngục tù há dễ giam hồn nước,
Sức mạnh bùng lên chuyển núi sông.

NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
Lao Buôn Mê Thuột, 1934

*

NHỚ

TIỂU DẪN: Nguyễn Tiềm, người làng Dương Liễu, Nam Đàn, Nghệ An. Đồng chí là Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của Nghệ An. Theo nhiều chiến sĩ hoạt động cách mạng những năm 1930 – 1931, bài thơ này là của đồng chí Nguyễn Tiềm gửi cho đồng chí Lê Viết Thuật.

Bài này do bà Nguyễn Thị Nhuận ở Vinh đọc cho ghi.

Nhớ ai, ai có nhớ ta không?
Ta nhớ người xa cách mấy trùng.
Nhớ lúc luận đàm câu vận mệnh,
Nhớ khi hò hét nợ non sông.
Nhớ trăng in bóng lòng sông Cả,
Nhớ gió lùa mây đỉnh núi Hồng.
Càng nhớ, càng trông, càng thổn thức,
Nhớ ai, ai có nhớ ta không?

NGUYỄN TIỀM

*

NGHĨ

Đêm nằm chưa ngủ nghĩ lông bông,
Nghĩ đến tương lai luống ngại ngùng.
Nghĩ kiếp đọa đày thương xót phận,
Nghĩ đời cay nghiệt ngổn ngang lòng.
Nghĩ quyền lợi mất chưa đòi lại,
Nghĩ cảnh xích xiềng chửa cởi xong.
Nghĩ vẩn nghĩ vơ mà vẫn nghĩ,
Nghĩ sao cách mạng chóng thành công.

NGUYỄN GIA HÀO

ƯỚC

TIỂU DẪN: Tôn Thị Quế sinh năm 1900, quê xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Năm 1927, đồng chí đã tham gia Đảng Tân Việt; năm 1930, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Khi bị giam ở nhà lao Vinh, đồng chí đã làm bài thơ này.

Khắc khoải canh tàn dạ khó an,
Nằm buồn thêm nỗi ước lan man.
Ước vô duyên cớ bầu trời nổ,
Ước bất thình lình quả đất tan.
Ước thấy chết quang quân phú quý,
Ước trông dậy sạch bạn cơ hàn [1].
Ước nhiều điều ước hay liền dở,
Có cả khôn ngoan có cả gàn.

TÔN THỊ QUẾ
Lao Vinh 1933

*

TRẰN TRỌC

TIỂU DẪN: Lê Phú Thành người xã Đức Trung, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đồng chí là Tỉnh ủy viên của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm 1930 – 1931. Nhân kỷ niệm ngày 1 tháng 8, ngày chống chiến tranh đế quốc, tác giả nhớ lại những thảm họa do chiến tranh gây ra sáng tác bài này.

Giấc ngủ đêm nay khó ngủ say,
Mơ màng chuyện cũ nghĩ càng cay.
Chiến tranh đế quốc gây nên họa,
Thảm khốc công, nông phải đọa đày.
Mười triệu phơi thây ngoài mặt trận,
Hàng muôn què quặt ở trời Tây.
Đại đồng ví biết lo xây đắp,
Cái họa chiến tranh dứt có ngày.

LÊ PHÚ THÀNH
1931

1. *Bạn cơ hàn:* tức bà con lao động, đói rét.

TÌNH NGHI

TIỂU DẪN: Nguyễn Thị Mai hoạt động cách mạng từ trước năm 1930 ở cơ sở Nhà máy dệt Nam Định (Nam Định). Đồng chí bị thực dân Pháp bắt năm 1930, đưa về giam ở nhà lao Thái Bình.

Bài này do Trương Sỹ Hùng sưu tầm.

Cái chữ tình nghi mới lạ thay!
Làm cho đau đớn nỗi niềm đây.
Thanh tra hỏi bắt ghè đầu sắt,
Tổng đốc đòi sang giở lệnh chày.
Bởi bạn tu mi còn vắng mặt,
Nên làng son phấn phải ra tay.
Vì chồng gánh vác giang sơn đỡ,
Sá quản chi thân đã dạn dày.

NGUYỄN THỊ MAI
1930

*

PHÁT VÃNG TỚI NHA TRANG

Anh em phát vãng tới Nha Trang,
Tiễn biệt nôm na gọi mấy hàng.
Cũng bởi cường quyền ra mặt nạ,
Nên chi tù tội đến thân mang.
Dầu rằng sương tuyết pha đầu bạc,
Thề với non sông đậm dạ vàng. [1]
Cách mạng rồi đây lừng lẫy lắm,
Kéo cờ liềm búa khắp muôn phương.

KHUYẾT DANH

*

---

1. Có người nhớ: *Bốn ba sương tuyết phơi đầu bạc,*
Ưu ái non sông thắm dạ vàng.

PHÁT VÃNG TỚI KÔNG TUM

Bấy lâu phát văng tới Kông Tum,
Ăn ở cùng nhau dốc một lòng.
Tưởng lúc đào cây trên đỉnh núi,
Nhớ khi xúc cát dưới bờ sông.
Nắng mưa bao quản thân gang thép,
Sương tuyết không sờn dạ kiếm cung.
Người ở kẻ về, xin tiễn biệt,
Gặp nhau, ta hẹn lúc thành công.

KHUYẾT DANH

*

CÁI CHẾT KÔNG TUM

Cái chết Kông Tum nghĩ gớm đời,
Chỉ trong mấy tháng, hỡi trời ơi!
Ba trăm tù sót còn năm chục, [1]
Một loạt đầu rơi chốc tám người. [2]
Cây héo rừng thiêng gan thảm cháy,
Suối tuôn nước độc máu hờn sôi.
Than ôi cái chết người lao khổ!
Nhất thiết thù kia quyết trả rồi.

TRẦN LÊ HƯƠNG

*

1. Chỉ cảnh anh em làm con đường Đắc Pao... có tất cả 295 người, vì làm việc quá nặng nhọc, ăn uống quá kham khổ, bị đánh đập vô cùng tàn nhẫn, ốm đau không có thuốc thang, cho nên mới làm được sáu tháng, đã chết dần chết mòn, còn năm chục.

2. Chỉ việc địch khủng bố bắn giết 8 người ngày 12-12-1931, trong cuộc đấu tranh chống đi làm con đường số 14.

Ở SỞ MẬT THÁM SÀI GÒN

TIỂU DẪN: Nguyễn Văn Huyền, người ở Khánh Hòa, nay thuộc tỉnh Khánh Hòa, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1930. Khi ở Sở mật thám Sài Gòn, đồng chí đã sáng tác bài này.

Đã bị xiềng chân lại xích tay,
Nhốt trong khám tối suốt đêm ngày.
Đêm thanh lấp ló đèn canh rọi,[1]
Ngày vắng lờ mờ bóng lá lay.[2]
Chó sủa bên tai, tai giả điếc,[3]
Dế ngâm chọc ruột, ruột làm khuây.[4]
Lời thề trước Đảng còn ghi nhớ,
Thà chết, thân này quyết chẳng khai.

NGUYỄN VĂN HUYỀN

*

KHÁM LỚN SÀI GÒN

Mấy độ xông pha tưởng thấm gì,
Nào ngờ cũng được đến như ri.
Ăn ngày đôi bận người dâng đến,
Tắm tháng vài lần lính rước đi.
Gác đó, sân đây, không cách mấy,
Xe kia, ngựa nọ, có cần chi.
Một nhà chung hưởng, vui trăm họ,
Muôn đỉnh ngàn chung, há dám bì.[5]

PHAN TRỌNG QUẢNG
1932

---

1. Trong khám, cứ 15 đến 20 phút, lính canh lại bấm đèn pin vào để soát tù.

2. Trên tường sát trần nhà giam, có một lỗ thông hơi nhỏ, ánh sáng lờ mờ, qua đó có bóng lá cây bên ngoài hắt vào.

3. Sở mật thám cho bọn tay chân đóng giả người bị bắt, đem nhốt chung với tù chính trị. Bọn này đứa thì dò la tin tức, đứa thì vờ khóc lóc thương cha, nhớ mẹ... cốt để làm nhụt chí những chiến sĩ bị giam. Tác giả ví bọn này như lũ chó, loài dế.

4. Như trên.

5. *Đỉnh chung:* vạc và chuông. Đời xưa, nhà vua ghi công cho bề tôi vào vạc và chuông. Đỉnh chung có nghĩa bóng là phú quý. Câu thơ này có ý mỉa mai, trào phúng cảnh nhà tù.

BẾN CÔN LÔN

Nghe nói Bồng Lai giữa biển Đông,
Hỏi rằng: Đây có phải hay không?
Da trời mặt nước xanh tăm tắp,
Đầu bãi chân non bạc trập trùng.
Chẳng phải tu tiên mà đắc đạo,
Chính vì yêu nước mới thành công.
Chín mươi nghĩa sĩ đương chờ đợi, [1]
Đón tiếp sao đây vắng tiểu đồng?

PHAN TRỌNG QUẢNG
1932

*

ĐỪNG SỢ VẤP

Nghe nói rằng Mân sắp bị xai, [2]
Thương tâm nào biết ngỏ cùng ai?
Mùi đời đã hẳn: cay, chua, đắng,
Đường thế âu đành: đá, sỏi, gai.
Muốn bước, bước lên đừng sợ vấp,
Ưng ăn, ăn thử, chớ kêu nài.
Khó khăn chốc lát chưa là mấy,
Bĩ cực qua rồi đến thái lai.

NGUYỄN THỊ HỒNG
Lao Huế, 1929

---

1. Chí 90 chính trị phạm bị đày ra Côn Đảo
2. Chị Như Mân, đảng viên Đảng Tân Việt, cùng bị bắt một lần với tác giả. *Bị xai:* bị cùm chân.

BỊ GIẢI ĐI HÀ NỘI, GHÉ LAO VINH

Tám giờ, xe lửa đến ga Vinh,
Lính giải vào ngay Sở Giám binh.
Trình mặt xong xuôi sang dãy trại,
Xích tay rảo bước tới Trường hình.
Tính danh, quê quán lo biên chép,
Hành lý, tư trang khám lộn tinh.
Một đấm xô mình vào cửa ngục,
Vo ve muỗi đói vội hoan nghinh.

NGUYỄN THỊ HỒNG
Tháng 11–1929

*

TIỄN BẠN

Bạn ơi, xin bạn nhớ hôm nay!
Nhớ cảnh tù lao những tháng ngày.
Cơm nắm, nước bầu, cơn hoạn nạn,
Chân cùm, tay trói, lúc chua cay.
Kìa khi đàm luận câu thi, phú,
Nọ lúc nghị bàn việc dở, hay.
Thôi gửi vài câu dù ngắn ngủi,
Bạn ơi xin bạn nhớ hôm nay!

PHẠM KIỆT

*

TIỄN BẠN ĐI GUYAN

I

Guyan, Lao Bảo khác chi nhau,
Non nước cùng chung nỗi khổ sầu.
Kẻ ở còn mang thù bốn bể,
Người đi trĩu nặng nợ năm châu.

Đấu tranh càng mạnh trong tù ngục,
Phản đối thêm hăng khắp địa cầu.
Chia bước chẳng qua chia hoạt động,
Tâm hồn cách mạng có chia đâu.

II

Guyan, Lao Bảo cũng là lao,
Cho nó đày ta đến chỗ nào,
Thân thể đành giam âu đã vậy,
Tinh thần cũng hãm được ta sao?
Bể hờn trước ngục sâu như thế,
Sợi xích trong tù vững được sao?
Lao Bảo, Guyan chi sá kể!
Chim lồng có lúc thỏa bay cao.

TRẦN LÊ HƯƠNG
1931

*

NAM MỸ LÀ ĐÂU...?

TIỂU DẪN: Dương Đình Thủy người Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu), Nghệ An, gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội: năm 1931, bị bắt giam ở lao Vinh, rồi đày lên Lao Bảo. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí làm Chủ tịch huyện Quỳnh Lưu, đã mất năm 1946.

Bài này tác giả làm tiễn các đồng chí bị đày sang Guyan, Nam Mỹ.

Nam Mỹ là đâu với ở đâu!
Nghĩ càng thương bạn lúc ly sầu.
Non xanh nước biếc lời tan hợp,
Mặt bể chân mây bước dãi dầu.
Chân dấu chia phôi người một hội,
Lòng còn vương vít nợ năm châu.
Phong trào cách mạng ngày thêm mạnh,
Tạm biệt nhau rồi lại gặp nhau.

DƯƠNG ĐÌNH THỦY
1931

CẢNH ĐỀ

TIỂU DẪN: Bị đày sang tận Guyan xa xôi, nhân một buổi ngắm trăng, nhớ đến Tổ quốc, Bùi Hữu Diên tức cảnh làm bài thơ này.

I

Nỗi nọ đường kia ruột nóng cồn,
Trông trăng, chạnh nhớ nước cùng non.
Tóc xanh đã điểm đôi chòm bạc,
Lòng đỏ còn nguyên một nét son.
Giấc điệp bâng khuâng vườn cảnh cũ,
Hồn thơ lai láng từ quê hương.
Anh em ai thấu tình chăng nhỉ?
Vàng đá đinh ninh chớ mẻ mòn.

II

Xin chớ mẻ mòn dạ sắt son!
Kìa trăng vằng vặc nước cùng non.
Guyan đất lạ chim quen lối,
Nam Việt trời xa cuốc gọi hồn.
Thấy nước khôn khuây dòng Nhị thủy, [1]
Nhìn cây càng nhớ cảnh Nùng sơn. [2]
Thân ở trong tù, lòng chẳng ở,
Đôi chân còn bước mặt đường trơn.

BÙI HỮU DIÊN
1932

1,2. *Nhị Thủy, Nùng sơn:* sông Nhị tức sông Hồng và núi Nùng, đây muốn nói nhớ Tổ quốc.

TIỄN BẠN ĐI LAO BẢO VÀ CÔN ĐẢO

TIỂU DẪN: Trần Hữu Dực, người thôn Dương Lệ, xã Triệu Thuận, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Đồng chí lập tổ chức Ái hữu dân đoàn năm 1926. Cuối năm 1930 đầu năm 1931, đồng chí giữ chức Bí thư Tỉnh Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương ở tỉnh Quảng Trị.

Khi bị bắt giam ở nhà lao Quảng Trị, nhân có số đồng chí bị kết án đày lên Lao Bảo và ra Côn Lôn, đồng chí đã làm bài thơ để tiễn đưa.

Tài liệu theo *Tạp chí Văn nghệ Bình – Trị – Thiên* số xuân Kỷ Mùi, năm 1979.

Giã nhau người ở kẻ lên yên,
Chúc bạn đường xa, chí vững bền.
Đối cảnh lưu ly lòng lửa đốt, [1]
Cảm tình đồ thán, tiết sôi điên. [2]
Côn Lôn ngoạn thủy, tăm kình lội, [3]
Lao Bảo du sơn, tiếng hổ rền. [4]
Trong hét ngoài hò, hòa sấm sét.
Biển lồi núi tạ, vẽ tranh tiên.

TRẦN HỮU DỰC

*

MONG GẶP HỘI

TIỂU DẪN: Hàng năm, cứ đến hai mùa gió chướng và gió nam, một số anh em tù ở Côn Đảo tổ chức vượt ngục về đất liền. Tác giả làm bài thơ này khi vừa trốn khỏi nhà lao, còn nằm ở bãi San Hô, chờ cơ hội vượt biển.

Thoát ly chưa khỏi đất Côn Lôn,
Nằm bãi San Hô nửa tháng tròn.
Chiếu lá, màn cây, coi cũng lịch,
Cơm khô, nước suối, nghĩ mà ngon.

---

1 . Lưu ly: lưu lạc, ly biệt.
2 . Đồ thán: do chữ đất bùn, than lửa, đây là cảnh khổ lao tù.
3 . Ngoạn thủy: ngắm cảnh nước. Kình: cá voi.
4 . Du sơn: đi chơi núi.

Năm canh say tỉnh hồn mây gió,
Bốn mặt vơi đầy cuộc nước non.
Cưỡi sóng đè mây mong gặp hội,
Vẫy vùng cho hả tấm lòng son.

NGUYỄN NGỌC TỈNH

*

TIỄN BẠN ĐI HOẠT ĐỘNG NƠI XA

TIỂU DẪN: Hoàng Đức Bình, người huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Bài này tác giả làm để tặng vợ là Nguyễn Thị Yêm, người Song Lộc, Nghi Lộc. Đồng chí Yêm hoạt động ở Nghi Lộc, được chuyển vào công tác ở Nam Bộ.

Còi síplê đưa tiếng vội vàng,
Bồi hồi từ giã bạn thành Hoan. [1]
Biết tìm đâu thấy người trong mộng,
Khéo ngẩn ngơ thay cảnh dọc đường.
Cây cỏ ba xuân trời cố quốc,.
Nước non ngàn dặm bóng tà dương.
Xanh xanh sông nọ bao nhiêu khúc,
Một khúc xa nhau một đoạn trường.

HOÀNG ĐỨC BÌNH

*

TIỄN BẠN RA TÙ

TIỂU DẪN: Nguyễn Thị Nhã, người xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trước tham gia Đảng Tân Việt, năm 1930 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Nguyễn Thị Nhã và Nguyễn Thị Phúc là hai chị em.

Đinh ninh tiễn bạn hạt châu rơi, [2]
Trông bạn ra về ruột rối tơi,

---

1. *Thành Hoan:* tức Nghệ An.

2. Bạn ở đây là Tôn Thị Em, quê ở Thanh Chương, Nghệ An, cùng hoạt động từ 1930, cùng bị giam ở lao Vinh.

Mở miệng chúc mừng khôn cất tiếng,
Bắt tay trao dặn chẳng ra lời.
Thanh Chương bạn những bâng khuâng dạ,
Lao Nghệ ta còn lẩn khuất nơi.
Son sắt trước sau xin vững dạ,
Nghĩ tình đồng chí lúc nào nguôi.

NGUYỄN THỊ NHÃ

*

TỪ GIÃ BẠN QUẢNG TRỊ

Xa nhau tấc dạ rối tùng phèo,
Thương nhớ bên mình lẽo đẽo theo.
Lai láng tình thơ khi ngoảnh lại,
Mặn mà nghĩa bạn lúc nhìn theo.
Tôi lên trên ấy thông tin tức, [1]
Anh ở dưới đây thức bạn nghèo. [2]
Trân trọng mấy lời cơn tống biệt,
Nước sâu sóng cả vững tay chèo.

NGUYỄN NGỌC TUYẾT
Lao Bảo, 1930

*

BÀI THƠ HỌA LẠI BÀI "TỪ GIÃ BẠN QUẢNG TRỊ"

Dâu bể khi không nghĩ chán phèo,
Quan hà phân cách mối tình đeo.
Non Mai tuyết ủ đau lòng nhớ, [3]
Đất Bảo mây ùn mỏi mắt theo.

1. Trên ấy: chỉ Lao Bảo.
2. Dưới đây: chỉ nhà lao Quảng Trị.
3. Non Mai: chỉ ngọn Mai Lĩnh ở phía tây tỉnh Quảng Trị.

Dưới cửa cường quyền khua chúng sạch,
Trên đường hạnh phúc dắt dân nghèo.
Xa vời chớ quản khi dông tố,
Thuyền lái khuyên ai cứ vững chèo.

KHUYẾT DANH [1]

*

TIỄN ĐỒNG CHÍ QUẢ RA VỀ

TIỂU DẪN: Trần Đình Quả, Ngô Đức Đệ và tác giả ở cùng một xã, cùng là bạn học, cùng tham gia cách mạng. Mỗi người đi một nơi, rồi bị thực dân Pháp bắt, và cùng gặp lại nhau ở Lao Bảo. Đồng chí Quả được về trước, tác giả làm bài này tiễn đưa.

Quả về, Mậu, Đệ ở bơ vơ,
Có chuyện chi đây nhắn Quả giờ?
Chỉ hỏi non Nghèn bao chủ thể? [2]
Và xem nước Ngạn mấy đò đưa? [3]
Cây đa bến cũ ai trèo trượt?
Bia đá năm xưa dấu tỏ mờ?
Từ thuở tang thương đời đổi mới,
Nỗi niềm ai biết với ai chưa?

NGÔ ĐỨC MẬU
Lao Bảo, 1935

---

1. Bài họa lại này của một đồng chí người Quảng Trị, lúc đó đang bị giam ở lao Quảng Trị. Đến nay vẫn chưa tìm được tên tác giả.

2,3. Núi và sông thuộc Hà Tĩnh, gần quê hương của tác giả. Chủ thể: chủ nhân.

CÒN NGÀY TÁI NGỘ

TIỂU DẪN: Bài này tác giả làm để tặng một người bạn gái cùng hoạt động. Bài này do đồng chí Tôn Thị Quế ở Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đọc cho ghi.

Cùng nhau gặp gỡ chửa bao lâu,
Kẻ Bắc người Nam cảnh những sầu.
Một gánh tang bồng vai chất nặng,
Mấy lời vàng đá dạ in sâu.
Nước non tủi phận người tai mắt,
Thời thế đau lòng cuộc bể dâu.
Trời đất còn dành ngày tái ngộ,
Gìn lòng son sắt đợi mai sau.

NGUYỄN THỊ NHÃ

*

GẶP GỠ

TIỂU DẪN: Nguyễn Kiều, người huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong khi đang hoạt động cách mạng, đồng chí bị thực dân Pháp bắt và đưa đi giam ở nhiều nhà lao. Năm 1936, sau khi ra tù được ít lâu, đồng chí đã mất tại quê hương.

Năm 1935, khi bị giam ở nhà lao Vinh, Nguyễn Kiều gặp Tôn Thị Quế và có làm bài thơ *Gặp gỡ*. Đồng chí Tôn Thị Quế có làm bài thơ họa lại. Cả hai bài thơ đều toát lên một tinh thần lạc quan cách mạng, động viên nhau giữ vững tinh thần, tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Gặp gỡ nhau đây mới thấy đây,
Cùng thuyền, cùng hội vẫn xưa nay.
Mười năm hải ngoại em chìm nổi,
Bao độ lao lung chị đọa đày.
Má phấn hãy còn toan mở mặt,
Mày râu há lẽ chịu khoanh tay.
Vài lời khuyên chị ra công gắng,
Hạnh phúc gây nên hẳn có ngày.

NGUYỄN KIỀU

BÀI THƠ HỌA LẠI BÀI "GẶP GỠ"

Tôi bác bây giờ mới gặp đây,
Mưu chung hạnh phúc bấy lâu nay.
Quê nhà từng trải tôi chưa mấy,
Đất khách gian lao bác đã dày.
Hội ngộ chốn này hằng tạm nghỉ.
Trùng phùng mai đó sẽ đều tay.
Thì giờ thấm thoắt trăng tròn khuyết,
Xuân tới, thu qua sẽ đến ngày.

TÔN THỊ QUẾ

*

DẶN EM

TIỂU DẪN: Nguyễn Thị Nhã và Nguyễn Thị Phúc là hai chị em ruột, cùng hoạt động cách mạng và cùng bị tù. Cuối năm 1932, đồng chí Nguyễn Thị Nhã ra tù trước, làm bài thơ *Dặn em*, nhắc nhở em học tập tinh thần của Bà Trưng, Bà Triệu, tranh thủ thời gian ở trong tù mà "giũa mài trình độ để xông pha".

Nguyễn Thị Phúc được đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai giác ngộ, có tham gia Đảng Tân Việt. Đồng chí đã học đến Thành chung, rồi bỏ học, đi hoạt động cách mạng, bị bắt và bị giam ở nhà lao Vinh. Nhận được thơ của chị, đồng chí đã làm bài *Nhắn chị*, hứa sẽ giữ vững "tinh thần vô sản".

Đề lao nay chị bước chân ra,
Hiền muội trong này mạnh giỏi nha! [1]
Gắng gỏi tinh thần mà phấn đấu,
Giũa mài trình độ để xông pha.
Tinh thần hãy giữ lòng Trưng nữ, [2]
Nghĩa cả xin ghi dạ Triệu gia. [3]
Máu chảy xưa nay tuy thấm thịt,
Cảm tình nên tạm tỏ lòng ta. [4]

NGUYỄN THỊ NHÃ

---

1. *Hiền muội:* em gái.
2. *Trưng nữ:* Trưng Trắc.
3. *Triệu gia:* chỉ Triệu Trinh Nương.
4. Có người nhớ: *Bồi hồi nên tạm tỏ lòng ta.*

NHẮN CHỊ

Mừng chị hôm nay thoát ngục đường,
Trở về vùng vẫy chốn quê hương.
Dặm phần chị được năng lui tới,[1]
Nhà ngục em còn tạm náu nương.
Khí phách công, nông hằng trải dạ,
Tinh thần vô sản vẫn treo gương.
Chân thành chị tỏ lời khuyên bảo,
Trong dạ đâu còn những vấn vương.

NGUYỄN THỊ PHÚC

*

RA TÙ

TIỂU DẪN: Năm 1933, đồng chí Nguyễn Chánh ra tù, làm bài thơ này gửi cho người yêu là đồng chí Phạm Thị Trinh, đang bị giam trong lao Quảng Ngãi, động viên tinh thần, giữ vững khí tiết người cách mạng.

Đường đời còn lắm nỗi chông gai,
Tri kỷ ai về nhắn với ai.
Vàng thật quản gì lò lửa đốt,
Ngựa hay chi sá lối đường dài.
Mong cho thành gấm, chờ thêu dệt,
Muốn đặng nên kim, đợi sắt mài.
Nước chảy đá mòn là thế đấy,
Cho hay thành bại bởi nhân tài.

NGUYỄN CHÁNH

*

1. *Dặm phần:* mồ mả tổ tiên, đây chỉ làng quê.

THƠ GỬI CHO VỢ

TIỂU DẪN: Lê Viết Lượng, người Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930. Đồng chí đã làm Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên – Huế, sau bị thực dân Pháp bắt và đưa đi đày ở Buôn Mê Thuột. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, đồng chí đã đảm nhiệm nhiều công tác: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Tổng giám đốc Ngân hàng Việt Nam...

Trong thời gian bị đày ở Buôn Mê Thuột, nghĩ đến vợ còn trẻ, nghĩ đến cuộc đời cách mạng còn nhiều gian truân, đồng chí đã làm thơ, gửi về cho vợ, khuyên vợ đi lấy chồng và đi hoạt động cách mạng: *"Tái giá chớ nề giữ chữ trinh", "Ra làm cách mạng cứu sinh linh".*

Một đồng chí (chưa rõ tên) cùng bị giam ở Buôn Mê Thuột với đồng chí Lê Viết Lượng đã mượn lời người vợ làm thơ họa lại, động viên chồng và hứa giữ vững lòng chung thủy.

Thân đày nghìn dặm bước lênh đênh,
Xin mượn hồn thơ giải khối tình.
Vì nghĩa búa liềm ra hiệu tử, [1]
Nên tình chăn gối phải hy sinh.
Trăm năm đành chịu sai lời ước,
Tái giá chớ nề giữ chữ trinh.
Ân ái vì còn ghi chút đỉnh,
Ra làm cách mạng cứu sinh linh.

LÊ VIẾT LƯỢNG

*

THƠ VỢ TRẢ LỜI

Thương ai muôn dặm bước lênh đênh,
Cũng mượn hồn thơ gửi khối tình.
Hương quận dám phai lòng vàng đá, [2]
Tang bồng xin giữ chí hy sinh.

---

1. *Ra hiệu tử:* ra hiệu hy sinh vì Tổ quốc, vì giai cấp.

2. *Hương quận:* có người nhớ là *Hoan quận*, tức Nghệ An; lại có người nhớ là *Bồ liễu* vì nó đối với chữ *Tang bồng* ở câu dưới.

Nổi chìm phó mặc cơn dâu bể,
Báo đáp mong toàn chữ tiết trinh.
Lời ngọc dám không ghi phế phủ, [1]
Sức hèn e phụ với sinh linh.

MỘT ĐỒNG CHÍ TRONG LAO BUÔN MÊ THUỘT

THƯ KHUYÊN VỢ ĐI LẤY CHỒNG

Thời thế xui nên đã thế rồi,
Chữ đồng đành chịu bẻ làm đôi.
Tình duyên lỡ vậy thời theo lỡ,
Ân nghĩa thôi đành có thế thôi.
Bể ái mong gì thân cá chậu,
Tơ mành khó buộc cánh chim trời.
Liệu mà so lại cung cầm sắt,
Lẽo đẽo làm chi phí một đời.

NGUYỄN TẠO
Hỏa Lò, Hà Nội, 1931

*

CUỘC ĐẤU TRANH HÒ LA HAI NGÀY VÀ TUYỆT THỰC TÁM NGÀY Ở NHÀ TÙ HỎA LÒ

Hỏa Lò nung đỏ chí căm thù,
Hò hét vang trời chẳng sợ tù.
Mặc kệ roi song cùng vòi nước,
Kinh gì nát đít với bét khu.
Hùm thiêng sa cơ đành bó gối,
Cẩu Mã gặp thời cứ lên râu. [2]
Cách mệnh kiên tâm ta tập dượt,
Tinh thần bất khuất để ngàn thu.

NGUYỄN TẠO
1-11-1931

---

1. *Ghi phế phủ:* ghi vào tim gan, vào trong lòng.
2. *Cẩu Mã:* tên anh em tù dùng để gọi thằng xếp phó Gaziello.

ĐỪNG CƯỜI THẰNG ĐẠI LUYẾN KHUÊ MÔN

TIỂU DẪN: Trương Đức Đại, người Diễn Kim, huyện Diễn Châu, Nghệ An, hoạt động cách mạng từ năm 1930. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Diễn Châu và mất năm 1964.

Khi bị giam ở lao Đà Lạt, nhớ đến vợ, đến con, đồng chí đã làm bài thơ này, nhờ người cầm về cho gia đình.

Cùng nhau xa cách mấy năm tròn,
Góc bể chân trời một nước non.
Tay bẩy xà beng xô tảng đá,
Vai mang rùa sắt đẩy xe goòng.
Đi bên cụm liễu, lòng thương vợ,
Đứng cạnh cây hòe, dạ nhớ con.
Sẵn có bạn về, thơ tiện gửi,
Đừng cười thằng Đại luyến khuê môn. [1]

TRƯƠNG ĐỨC ĐẠI
Lao Đà Lạt, 1933

*

CON VẪN YÊU THƯƠNG, BỐ VẪN VUI

TIỂU DẪN: Thơ gửi về cho vợ, cho con mới được vài tháng thì đồng chí Trương Đức Đại nhận được tin vợ chết, để lại bốn đứa con. Đồng chí làm bài thơ này gửi về an ủi các con.

Đằng đẵng đào phai, cúc nảy chồi,
Xót lòng nhớ bốn chút con côi.
Chán đời mẹ sớm làng tiên nhởi, [2]
Yêu nước cha đương cửa ngục ngồi.

---

1. *Khuê môn:* nơi phụ nữ ở. Đây chỉ nơi ở của vợ con tác giả.

2. *Làng tiên nhởi:* nhởi, tiếng địa phương nghĩa là đi chơi. Đây muốn nói lên chơi làng các tiên ở, chỉ việc vợ đồng chí Đại chết.

Mắt trẻ bùi ngùi tràn lệ nóng,
Lòng cha sùng sục lửa dầu sôi.
Bao tình, bao cảnh thơ khôn tả,
Con vẫn yêu thương, bố vẫn vui.

TRƯƠNG ĐỨC ĐẠI
1933

*

CÁCH MẶT CHẲNG XA LỜI

TIỂU DẪN: Tôn Gia Chung người huyện Thanh Chương, Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An hồi 1930 – 1931. Đồng chí bị bắt, bị đày mãi đến năm 1945. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí hoạt động trong ngành Ngân hàng Nhà nước, đã về hưu từ năm 1963.

Bài này tác giả làm gửi về cho vợ là Nguyễn Thị Kỳ ở Thanh Chương. Bà Kỳ cũng là một cán bộ cách mạng. Chính bà Kỳ đọc cho chúng tôi ghi.

Kẻ Bắc người Nam bóng lẻ khơi,
Mặt tuy xa cách chẳng xa lời.
Chăn chia gối lẻ lòng tơ vướng,
Bể nổi dâu chìm hạt lụy rơi.
Dẫu muốn ái ân cho trọn nghĩa,
Há đem sinh tử phó quyền người.
Trong vòng luy tiết gan hằng đốt,
Tạm mượn hồn thơ xướng họa chơi.

TÔN GIA CHUNG
Kông Tum, 1933

*

TA SẼ SUM VẦY

TIỂU DẪN: Đây là bài thơ của vợ gửi cho chồng đang hoạt động cách mạng ở nước ngoài.

Bài này sưu tầm được ở Nam Đàn, Nghệ An.

Ba bốn năm trời luống nhớ thương,
Nhớ chàng lưu lạc nẻo tha phương.
Tóc thề đã chấm ngang vai thiếp,
Lụy nhớ e chưa ráo mắt chàng.

Thù nước, thù nhà chàng gắng trả,
Việc nhà, việc cửa thiếp xin đương.
Bao giờ đuổi sạch quân thù địch,
Ta sẽ sum vầy chốn cố hương.

KHUYẾT DANH

*

DẶN NGƯỜI NHÀ

TIỂU DẪN: Bài này chúng tôi sưu tầm được hai bản. Ở mỗi bản, có nhiều dị đồng khác nhau. Bản I đã đăng ở *Tạp chí Văn nghệ Bình – Trị – Thiên*, số Tết 1979. Bản II đã in ở trong *Thơ ca cách mạng 1925 – 1945*. Chúng tôi cho in cả hai bản để bạn đọc tham khảo. Mỗi bản có những điểm hay riêng.

Bản I

Thơ này ông Tú gửi thăm nhà,
Cặn kẽ tình riêng chút gọi là.
Khuyên mẹ khuây nguôi lòng nhớ trẻ,
Dặn con hăng hái chí hơn cha.
Phòng loan, vợ hỡi, đừng trông bạn!
Đời loạn, em kìa, chớ lẫn ma. [1]
Đành đã thân này thì "tội" ấy,
Tội tù thôi thế, thế thôi mà!

Bản II

Thư này trong ngục gửi về nhà,
Mong dặn đôi câu chút gọi là.
Dặn mẹ khuây nguôi lòng nhớ trẻ,
Dặn con hăng hái chí hơn cha.
Phòng không, dặn vợ đừng trông bạn,
Đời loạn, dặn em chớ lẫn ma.
Vẫn biết thân tù thì khổ ải,
Khổ rồi có lúc sướng thôi mà.

LÊ THẾ HIẾU
Lao Bảo, 1930

*

1. Em: Lê Thế Tiết, cũng hoạt động cách mạng.

PHÂN LY

TIỂU DẪN: Lương Văn Phôi bí danh là Giấy, sinh năm 1910 ở Kiến Xương, Thái Bình. Đồng chí hoạt động từ năm 1920 trong Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Khi bị giam ở trong tù, đồng chí đã làm bài thơ này gửi về an ủi mẹ già.

Ai làm chia rẽ mẹ con ta?
Con cảnh lao lung, mẹ cảnh già.
Đế quốc xâm lăng, phường áp bức,
Vua quan bán nước, lũ gian tà,
Gian nan sá quản chi tù tội,
Bão táp ngại gì những bước xa.
Cách mạng thành công, rồi có lúc,
Ắt còn sum họp mẹ con ta.

LƯƠNG VĂN PHÔI
1931

*

BIẾT TIN MẸ MẤT LÚC TRONG TÙ

TIỂU DẪN: Phạm Quang Mẫn (tức Hoài) quê ở xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Năm 1929, đồng chí tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1930, thực dân Pháp bắt đồng chí và đày ở Côn Đảo. Năm 1938, ra khỏi nhà tù đế quốc, đồng chí lên Thái Nguyên tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1947 – 1948, đồng chí làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến ở huyện Phụ Dực (nay thuộc Quỳnh Phụ), Thái Bình.

Bài này do Trương Sỹ Hùng sưu tầm.

Con ở nhà pha, mẹ chết ư?
Đến nay nhẩm tính trăm ngày dư!
Trăm ngày mẹ vắng, trăm năm nhớ,
Một phút con thương, một phút già!
Giận nỗi bất bình, bầu máu nóng,
Đau lòng thất thiệt, hạt châu sa!
Non sông chưa chút đền ơn nặng,
Cơm áo mong sao trả nợ nhà?

PHẠM QUANG MẪN
1930

CON XIN TỎ MÁU TRẢI CAN TRƯỜNG

TIỂU DẪN: Nguyễn Lung người thôn Giao Tác (chính là Dao Mác), xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh, là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Hoạt động tích cực trong những năm 1930 – 1931, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, đày lên Kông Tum. Đồng chí bị chúng giết ngày 12–12–1931 cùng với 7 đồng chí khác trong cuộc đấu tranh chống đi làm con đường 14 tại lao Kông Tum.

Con xin thầy mẹ chớ phiền thương,
Luy tiết lao lung vốn sự thường.
Đã quyết liều thân cùng xã hội,
Lẽ nào trơ mặt với quê hương.
Gia đình mong mẹ lo chăm sóc,
Việc nước xin thầy cố đảm đương.
Nghĩa nặng tình dày chưa kịp trả,
Con xin tỏ máu trải can trường.

NGUYỄN LUNG
Kông Tum, 1931

*

PHỤ TỬ ĐỒNG CÙM

TIỂU DẪN: Hồ Mậu Đờn cùng với bố là Hồ Vạn Phúc, đều hoạt động cách mạng. Năm 1928, hai cha con đều tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, và đều bị bắt, rồi được thả, Tháng 8–1930, Hồ Mậu Đờn lại bị bắt và bị giam ở lao Quỳnh Lưu. Nhớ lại cảnh hai cha con bị cùm chung một cùm tại nhà lao này năm 1928, Hồ Mậu Đờn xúc cảm làm bài thơ này.

Con, bố chung thân khóa một cùm,
Đuốc đèn chẳng có, tối om om.
Chân con "tói bạc" con hay duỗi, [1]
Cổ bố "kiềng vàng" bố phải khom. [2]

---

1. *Tói:* cái vòng, đây là cùm.
2. *Kiềng:* cái vòng, đây là gông đeo cổ.

Đàn rệp trêu mình bò lổm ngổm,
Thằng cơ đú mỡ hát òm òm.[1]
Vần thơ vừa dứt vừa thiu ngủ,
Bỗng lại sang canh trống điểm tòm.

HỒ MẬU ĐỜN
1930

*

GỬI LỜI THĂM QUÊ HƯƠNG

Trong lao ta biết nhắn chi đây!
Nhắn hỏi trò đời có đổi thay?
Sông Cả cát bồi thêm mấy khúc[2]?
Đá Bia rêu phủ đã bao dày[3]?
Nấm mồ tử sĩ ai vun đắp?
Trong chốn nhân quần mấy tỉnh say?
Nhắn bảo non sông bền chí đợi,
Dăm ba năm nữa cũng chưa chầy.

NGUYỄN GIA HÀO

*

ĐI TƯỚI HOA

TIỂU DẪN: Bọn đế quốc Pháp thường bắt tù chính trị phạm chưa thành án làm lao động ở dinh cơ của chúng. Một chiến sĩ cộng sản phải đi tưới hoa ở Tòa sứ Quảng Nghĩa, đã tức cảnh làm bài thơ này, để nói lên niềm tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng.

Hai vai gánh nặng một đôi thùng,
Ngày tháng chăm lo việc tưới bông (hoa).
Nảy lộc đâm chồi lài, cúc, huệ.
Mướt cành xanh lá thược, hường, dung[4].

---

1. *Thằng cơ:* thằng lính cơ.
2. *Sông Cả:* tức sông Lam.
3. *Đá Bia:* núi Đá Bia ở Nam Cát, quê hương của tác giả.
4. Thược, hường, dung: hoa thược dược, hoa hồng, hoa phù dung.

Trăm cây tươi tốt đều nhờ nước,
Một mảnh hình hài chớ quản công.
Hết lúc mưa rào cùng nắng dãi,
Xuân về hoa nở rực non sông.

KHUYẾT DANH

*

QUÉT RÁC

TIỂU DẪN: Mai Thị Én sinh trong một gia đình yêu nước, tại thôn Nghiêm Quang, xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi. Đồng chí vào Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930. Cùng với chồng là Nguyễn Chuân (Bí thư Huyện ủy đầu tiên ở Sơn Tịnh) đấu tranh rất dũng cảm khi ở tù cũng như đã ra khỏi tù, đồng chí đã mất năm 1937.

Chị em mình tay xách chổi ra,
Bụi trần quét sạch nước non nhà.
Kìa phường xả rác xin trừ tiệt,
Nọ lũ ngăn đường cố đuổi xa.
Thanh thế cứ quen tung gió bụi,
Dãi dầu bao quản chí đàn bà,
Tuy công sức ấy chưa bao ná,
Nhưng cũng là gương nữ giới ta.

MAI THỊ ÉN
Lao Quảng Nghĩa, 1931

*

TRƯỜNG HỌC LÀ ĐÂY

Ai bảo rằng đây cảnh ngục tù?
Chính vườn quả phúc khách chân tu.
Chia hai thành quách trời muôn dặm,
Riêng mấy lâu đài đất một khu.

Co duỗi vận trù cơ tiến thoái [1],
Nhỏ to đàm luận cuộc doanh du [2].
Lấy gông cùm xích làm phương tiện,
Nấu chén vân đan rửa hận thù [3].

PHẠM NGỌC TRÂN
Lao Bảo, 1932

*

NHÀ LAO CŨNG LÀ TRƯỜNG HỌC

Ai bảo đề lao chốn thảm sầu?
Ấy trường tranh đấu dạy cùng nhau.
Cho nền tư tưởng càng thêm rộng,
Về mặt tinh thần mãi tiến mau.
Đào tạo nhân tài cho cách mạng,
Trau dồi chiến sĩ lúc binh đao.
Hỡi ai là kẻ vì nhân loại!
Gặp hội chông gai chớ hoạt đầu.

KHUYẾT DANH

*

QUYẾT KHÔNG LAY

Gặp gỡ nhau chi có mấy ngày,
Hàn huyên chưa vẹn phút chia tay.
Mấy lời trân trọng đôi hàng lệ,
Hai chữ bình an mấy dặm mây.
Nung đúc lá gan đà trót hẹn,
Vững vàng tấm dạ quyết không lay.
Chí bền nào quản khi thành bại,
Tái ngộ rồi đây cũng chẳng chầy.

KHUYẾT DANH

---

1. *Vận trù:* định liệu mưu kế.
2. *Doanh du:* hơn với thua, ở đây dùng với nghĩa đấu tranh một mất một còn với đế quốc.
3. *Nấu chén vân đan:* tôi luyện thành thuốc tiên thuốc thần.

TẾT NHÀ PHA

TIỂU DẪN: Trần Đức Thịnh quê ở xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, hoạt động cách mạng từ trước năm 1930. Năm 1931, đồng chí làm Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình. Cuối năm đó, đồng chí bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Vượt khỏi nhà tù đế quốc, đồng chí tiếp tục về hoạt động ở Thái Bình (1936 – 1939). Năm 1939, đồng chí bị bắt lần thứ hai. Năm 1942 ra khỏi tù, đồng chí tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ. Sau 1945, đồng chí là Phó Ban công tác Nông thôn Trung ương, và mất năm 1970.

Bài này do Trương Sỹ Hùng sưu tầm.

Tết ở trong lao khác tết nhà,
Không trầm hương đốt, chẳng trà pha.
Không vàng, không mũ, không nêu quỷ [1],
Không rượu, không trầu, chẳng khấn ma.
Lý luận trên sàn ra tựa pháo,
Tâm tình góc trại nở như hoa.
Tù nhân cương quyết cùng tranh đấu,
Giành một mùa xuân mãi chẳng già.

TRẦN ĐỨC THỊNH
1931

*

TẾT TRONG TÙ

TIỂU DẪN: Phan Hữu Khiêm, người xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, là đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí đã có lần làm Bí thư Huyện ủy huyện Quỳnh Lưu.

Tết năm 1931, đồng chí Phan Hữu Khiêm cùng với mười đồng chí nữa bị bắt và giam ở nhà lao Vinh. Cả mười một người đang ở thời kỳ giam cứu, nghĩa là chưa thành án. Ngày Tết đến, bọn thực dân Pháp đối với tù bị giam cứu rất khốn nạn, tác giả tức cảnh làm bài thơ này.

---

1. *Nêu quỷ:* cây nêu để trừ quỷ.

Mười một anh em bọn chúng mình.
Lẽ nào tết đến lại mần (làm) thinh.
Vui xuân đã có thơ lưng túi,
Mừng tết e không rượu dính bình.
Thịt, cá, gân, xương trông dễ sợ,
Rau, cơm, sạn, trấu ngó mà kinh.
Tin nhà, giam cứu chưa cho phép,
Biết lấy chi ăn tết ngục hình?

PHAN HỮU KHIÊM

*

BỮA THỊT BÒ GÂN

TIỂU DẪN: Bửu Ba, người hoàng tộc nghèo ở Thừa Thiên, tham gia hoạt động cách mạng ở địa phương. Năm 1931, đồng chí bị bắt, bị giam ở lao Thừa Phủ. Một hôm, viên giám thị báo là các tù nhân sẽ được ăn bữa thịt bò, nhưng khi cơm dọn ra, thịt bò không có, chỉ thấy xương và gân. Anh chị em biết bị mắc lừa, nên giận lắm. Đồng chí Bửu Ba làm bài thơ vừa tức cảnh, vừa nhắc nhở mọi người bình tĩnh, giữ vững chí hướng.

Tài liệu này ở *Tạp chí Văn Nghệ Bình Trị Thiên*, số xuân Kỷ Mùi, năm 1979.

Đi làm cách mạng biết bò gân,
Thế mới làm trai trả nợ nần,
Thà cảu (ăn) cơm rau theo chí hướng,
Màng chi danh lợi chịu ngu đần.
Giữ lòng bác ái yêu nhân loại,
Nuôi chí căm thù chống thực dân.
Ngậm đắng cho qua cơn giận dữ,
Đấu tranh rồi có bước thanh tân.

BỬU BA
Lao Thừa Phủ, 1931

*

VUI XUÂN TRONG NGỤC

TIỂU DẪN: Phan Huy Tiềm là một nhà Nho yêu nước. Năm 1930, đồng chí gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Đồng chí hoạt động rất tích cực, bị thực dân Pháp bắt và đày lên Lao Bảo. Sau khi được tự do, về nhà một thời gian ngắn, đồng chí bị bệnh nặng và mất trước năm 1945.

Năm 1933, ở nhà tù Lao Bảo, anh em tù chính trị có tổ chức một cuộc thi thơ lấy đề tài *cầm, kỳ, thi, tửu* và vần *ay*. Đồng chí đã làm bài thơ này, phản ánh khá sắc nét cuộc sống trong tù và tinh thần lạc quan của anh em tù chính trị.

Thỏ lặn, ô tà cảnh đổi thay,
Lấy chi phô diện với xuân này?
Rung đùi, lưng túi thơ hay dở,
Đỏ mặt, nghiêng bầu rượu tỉnh say.
Cờ xóm hơn thua chơi suốt sáng [1],
Đàn chăn to nhỏ dạo thâu ngày [2].
Chúa xuân cũng chịu rằng: tài nhỉ!
Trong ngục sao mà lắm thú hay!

PHAN HUY TIỀM

*

ĐỀ LAO TUẦN BÁO

TIỂU DẪN: Để giáo dục tư tưởng cho đảng viên, năm 1931, tại lao Vinh, cho xuất bản *Đề lao tuần báo*. Mỗi người phụ trách một bài, đúng ngày báo ra, các đồng chí cho "xuất bản" bằng mồm bài mình phụ trách. Đồng chí Nhã được phân công phát biểu bài *Phi lộ* này ở ngay số đầu của báo.

Bài này do bà Nguyễn Thị Xân đọc cho ghi.

---

1. *Cờ xóm:* ở Lao Bảo, tất cả tù đều bị cùm chân suốt ngày đêm, không tới gần nhau được, nên muốn đánh cờ với nhau thì phải ra nhiều nhóm, gọi là "xóm", mỗi xóm gồm ba bốn người cùm gần nhau, và có bàn cờ riêng bày ra. Lúc đánh, người đánh đi nước nào thì cứ xướng to lên, rồi tất cả theo đó mà đi từng nước... Do đó, mới gọi là cờ xóm.

2. *Đàn chăn:* ở trong tù cấm gảy đàn, anh em vẫn cứ tự làm đàn để gảy chơi, nhưng hễ mỗi khi gảy, thì phải trùm chăn mà gảy. Do đó, gọi là đàn chăn.

Đề *lao tuần báo* mới ra đời,
Đánh bạo lên đàn nói một thôi.
Hay dở có làm rồi mới biết,
Khéo khôn không học khó nên người.
Tập trung tư tưởng mà suy nghĩ,
Tẩy rửa tà tâm kẻo thiệt thòi.
Ai nấy một lòng vì xã hội,
Việc đời xoay xở dễ như chơi.

NGUYỄN THỊ NHÃ

VẠCH MẶT BỌN HOẠT ĐẦU

Đù mẹ ba quân giả dối đời!
Giả vờ ghé cánh, giả nghiêng vai.
Ba câu cách mạng khua đầu mép,
Mấy chữ dân quyền dân cửa môi.
Nào lợi, nào quyền, tiền với bạc,
Rồi tình, rồi nghĩa, gái và trai.
Công nông tự cứu công nông lấy!
Đù mẹ ba quân giả dối đời!

KHUYẾT DANH
Lao Vinh, 1931

*

VẠCH MẶT ĐỨA HOẠT ĐẦU

Trong cơn gió bụi gặp anh đây,
Gan ruột biết nhau cũng tự rầy.
Duy vật chỉ là câu múa mép,
Hoạt đầu mới thật chữ cầm tay.
Muốn mờ mắt thế, mờ sao được?
Toan đổi lòng người, đổi chẳng hay.
Chí khí thanh niên mà thế nhỉ!
Mang chi cho nặng bộ râu mày.

KHUYẾT DANH
Lao Vinh, 1932

*

THẰNG LÍNH PHÁP

Lộp cộp ngoài sân tưởng Một vào [1],
Hóa ra lính Pháp tới đề lao.
Thằng cao ngất ngưởng như sào nứa,
Đứa béo tròn lăn tựa lợn Lào [2].
Mặt mũi râu ria trông hụm hoặm,
Nói năng cứ chỉ bộ quêu quao.
Khéo đem "ba bị" mà trêu nhát [3],
Trêu nhát gì choa (tao) có sợ nào!

NGUYỄN THỊ PHÚC
1932

*

ĐỘI BA

Cái mặt xương xương, cái cổ dài,
Nói năng cứ chỉ bộ ra oai.
Van la suốt buổi luôn không ngớt,
Chửi mắng thâu đêm chẳng có thôi.
Đôi lúc le te mang cặc chạy [4],
Nhiều khi rón rén vác thang nhoi [5].
Trăm lần đi điểm, trăm lần nhắc:
"Nhớ nói là tao đã điểm rồi!" [6].

NGUYỄN THỊ PHÚC

---

1. *Một:* tức quan Một của Pháp.
2. *Lợn Lào:* loại lợn chân cao, mình to, phàm ăn, nuôi chóng béo.
3. *Ba bị:* ông đeo ba cái bị. Người ta thường dùng hình ảnh này để dọa trẻ con.
4. *Cặc:* cái roi làm bằng gân bò, dùng để đánh phạm nhân, thường gọi là "roi cặc bò".
5. Ý nói nó bắc thang nhìn qua kẽ máng vào trong lao xem chính trị phạm làm gì.
6. Một cái thói quen của đội Ba: sáng nào cũng bắt tù ra sân ngồi sắp hàng để điểm danh từng người, điểm đến người cuối hàng thì quất một roi thật mạnh và nói câu này.

GỬI BẾP TRÌNH

Nực cười cho bác lính kia ơi!
Tàn ác làm chi chẳng biết trơi [1].
Mắt liếc trập trừng ngoài cửa sắt,
Chân rình rón rén cạnh tường vôi.
Quay đầu tây phía nhoi nhoi ngó,
Ngảnh mặt đông biên cố cố nhoi.
Liệu bớt thói hung, lo giữ xác,
Này này choa (tao) bảo trước, Trình ơi!

NGUYỄN THỊ PHÚC
1931

THẰNG LÍNH GIẢN

Chẳng phải Tây đen, chẳng phải Mường,
Ấy thằng lính giản tính ương ương [2].
Ngày đêm lấp ló bên buồng gái,
Sớm tối ra vô trước cửa Trường [3].
Rờ hết lai quần và gấu mấn (váy).
Mó qua chĩnh nước với đường mương.
Sao mày không nghĩ tình nhân loại?
Tội ấy sau này sẽ xé xương.

NGUYỄN THỊ PHÚC
1931

---

1. *Trơi:* xấu hổ, nhục nhã.
2. *Lính giản:* một loại lính hầu của Nam triều thời trước.
3. *Cửa Trường:* cửa Trường hình, tức nhà lao.

KHEN ĐỘI BA

Khen cho thầy đội khéo tò mò [1],
Một lát ra rồi, một lát vô [2].
Nhiều bữa bắc thang trèo lúm khúm,
Đòi phen nhẹ gót bước lo co.
Nghiêng tai, thỏ thẻ nghe ai đọc [3],
Trợn mắt trập trừng hỏi đứa mô?
Chửi mắng lâu ngày, rồi cũng chán,
Chẳng qua xin chuối hắn không cho [4].

NHƯỢNG [5]

---

1. Đây chỉ tên đội coi tù ở nhà lao Vinh nổi tiếng tàn ác.

2. Câu này ý nói đội Ba luôn luôn ra vào các buồng lao để theo dõi tình hình.

3. Chỉ việc hắn đi rình mò xem có ai đọc tài liệu bí mật không.

4. Anh em tù chính trị rất ghét hắn. Một hôm có đồng chí được người nhà gửi chuối vào ; hắn xin, đồng chí đó không cho, hắn thù. Đây chỉ là câu nói lên nhân cách ti tiện của đội Ba.

5. Không rõ tiểu sử.

Phần năm

MÃI MÃI ĐI THEO CON ĐƯỜNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

XÂY NỀN BÁC ÁI, ĐÂY MÃ KHẮC! [1]

TIỂU DẪN: Khi ở Côn Đảo cũng như khi về đất liền, Trần Kỳ Phong luôn để tâm nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin. Tác giả làm bài thơ này nhằm tuyên truyền cổ động cho chủ nghĩa cộng sản.

Một tiếng ra đời vội khóc to,
Đường đời chẳng ngại khúc quanh co.
Kiếp sau chưa đến trông chừng mãi,
Bước trước còn dài gắng sức lo.
Trái ngọt há vun chồi khổ lý [2],
Giống thần đâu lộn cỏ hồ lô [3].
Luồng mưa nhân tạo bây giờ khắp,
Cứu vớt loài người thoát biển khô.

Còn say mau tỉnh, hỡi ai ơi!
Cuộc thế bây giờ đã đến nơi.
Rạch nước vượt qua chiều sóng gió,
Quay buồm trở lại ngóng đua bơi.
Mênh mang biển khổ, thuyền bơi lội,
Man mác đài xuân, chúng thảnh thơi.
Sóng gió phá tan rồi một trận,
Mời thần Công lý bước ra đời.

Ra đời tưởng tượng chuyện ra sao?
Lược thuật sau đây thử thế nào.
Sự thế không còn tên quý, tiện [4],
Dân gian mất hết tiếng nghèo nàn.
Hang cùng ngõ hẻm ca Bình đẳng,
Góc biển đầu non xướng Tự do.

---

1. *Mã Khắc:* chỉ Các Mác.
2. *Khổ lý:* cay đắng.
3. *Hồ lô:* giống cỏ tranh.
4. *Quý, tiện:* sang và hèn.

Bằng phẳng núi sông thôi quốc giới [1],
Năm châu hòa thuận xếp binh đao.

Binh đao xếp hết, bỏ cường quyền,
Thế giới như vầy thật cảnh tiên.
Khí cốt lưu truyền nòi giống tốt,
Gái trai sinh sản cháu con hiền.
Xây nền *Bác ái*, đây *Mã Khắc*,
Bảo vệ *Hòa bình*, đó *Liệt Ninh* [2].
Trời đất một lò chung tạo hóa,
Trẻ già sống chết với thiên nhiên.

TRẦN KỲ PHONG
1927

*

MỘNG GẶP LÊNIN

TIỂU DẪN: Sau khi cùng các đồng chí khác tham gia lãnh đạo cuộc biểu tình ở huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Nghĩa, ngày 1 – 11 – 1930, Phạm Ngọc Trân bị đế quốc Pháp bắt và tra tấn rất dã man. Nghĩ tới Lênin, như được viện trợ về tinh thần, đồng chí thêm vững vàng khi bị địch tra tấn. Nằm trong ngục tối, đồng chí đã sáng tác bài thơ này.

Đêm qua tôi gặp Lênin.
Người vào tận cửa xà lim dặn dò.
Dặn rằng: "Con chớ nên lo,
Đã làm việc lớn, nạn to là thường.
Tuổi thơ, nghiệp cả đảm đương,
Dẫu rằng nát thịt tan xương cũng đành.

1. *Quốc giới:* biên giới quốc gia ; đây nói khi thế giới đại đồng, không còn biên giới giữa các nước.

2. *Liệt Ninh:* tức Lênin.

Thiệt mình mà lợi sinh linh,
Búa rìu sấm sét ngục hình sá chi...".
Tiếng mõ vang, mở hàng mi,
Than ôi! Người đã biến đi đâu rồi.
Thân đau, lòng những bồi hồi,
Thanh cùm gục trán, gượng ngồi nghĩ suy.
Ôn lời Người, dạ gắn ghi,
Mà quên tra tấn nặng nề ngày qua.
Nhật thưa vừa dứt tiếng gà,
Chúng dà vội vã dẫn qua Trường hình.
Gắn ghi giấc mộng Lênin,
Ra đi nhẹ nhõm như mình đi chơi.
Buồng tra vừa bước tới nơi,
Nhìn gông, xiềng, điện sáng ngời, như không.
Hôm nay là trận cuối cùng,
Trên đường chiến thắng, ung dung trở mình [1].
Chính nhờ mộng thấy Lênin,
Mà lòng son sắt thép đinh vững vàng.
Nhớ Người càng trọng bản thân,
Nhớ Người đã viện tinh thần mà nên.

PHẠM NGỌC TRÂN

*

KỶ NIỆM TUẦN LỄ ĐỎ

Đỏ, Tuần lễ Đỏ, Tuần lễ Đỏ!
Ngày 15, 17, 21 tháng Giêng Tây [2].
Anh em ta ngồi lại mấy giờ này,
Vẻ nghiêm trọng ai ai đều chú ý.
Kìa sự nghiệp vang lừng trong bốn bể,
Nọ tinh thần chói lọi khắp năm châu.
Lênin, Liépnếch, Luýchdămbua,

---

1. *Trở mình:* quay trở lại nhà giam.
2. Ngày 15 – 1 – 1918, Liépnếch bị giết.
Ngày 17 – 1 – 1919, Luýchdămbua bị xử bắn.
Ngày 21 – 1– 1924, Lênin từ trần.

Ba đồng chí hy sinh vì vô sản.
Lênin, một nhân tài chói rạng,
Óc thông minh và kiên nhẫn phi thường.
Thảm khốc thay dưới chế độ Nga hoàng,
Nông nô chịu trăm đường cực khổ.
Xã hội ấy xui Lênin giác ngộ,
Lại người anh bị nó xử hình [1].
Lên hai mươi, diễn thuyết, mở mét tinh,
Nên phải ba năm đày Tây Bá Lợi Á.
Lênin hết sức đêm ngày nghiên cứu,
Bổ sung vào chủ nghĩa Mác tiên sinh.
Lênin nhận rằng vô sản phải liên minh,
Cùng thuộc địa, kết tình thân mật [2]
Trong Đảng phải đấu tranh kiên quyết,
Dạ chí công, luật sắt chỉ huy.
Đảng Nga giờ đang tách hẳn hai phe,
Bônsêvích cùng Mensêvích.
Bọn đệ nhị hoạt đầu ra mặt [3],
Rồi chiến tranh Pháp – Đức bùng ra [4].
Đem công, nông bia đạn chốn trường sa,
Bọn trong đó phần đông là tiểu tư sản,
Đức viện lý khuếch trương tư bản,
Chiếm thị trường mưu "đường sống" công, nông.
Pháp Lan Tây tuyên bố lên rằng:
"Phải ủng hộ kỳ cùng cho đế quốc".
Lênin nghĩ trăm phương ngàn chước,
Ra hô hào quyết liệt phản chiến tranh.
Cách mạng ta giải quyết một mình,
Nhân đế chiến gây thành nội chiến [5].

1. Người anh của Lênin là Alêxăngđrơ bị kết án tử hình năm 1887, vì đã tham gia vụ mưu sát Nga hoàng Alêxăngđrơ III.

2. Ý nói Lênin đã bổ sung vào khẩu hiệu của Mác: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại" thành "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại".

3. *Đệ nhị:* tức Đệ nhị Quốc tế. Đệ nhị Quốc tế đến Chiến tranh thế giới thứ nhất thì phân hóa. Một bộ phận ủng hộ chiến tranh đế quốc, còn một bộ phận vẫn kiên cường cách mạng. Ở đây tác giả chỉ bọn hoạt đầu, ủng hộ chiến tranh đế quốc.

4. Chiến tranh Pháp – Đức: chỉ Chiến tranh thế giới thứ nhất, nổ ra ngày 1 – 8 – 1914.

5. Chuyển chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng.

Sáng kiến của Lênin trong thời kỳ hắc ám,
Vạch rõ ràng đường lối chúng ta đi.
Chiến công đầu trong việc chỉ huy,
Cách mạng Nga, Tháng Mười toàn thắng.
Thời gian ấy thành trì cách mạng,
Bị liệt cường vây đánh tứ tung [1].
Đưa quân sự, cộng sản mở đường,
Giải phóng được công, nông ra ngoài phong tỏa.
Thời gian ấy trong ngoài khói lửa,
Quần chúng Nga khổ cực trăm phần,
Nạn chiến tranh, dịch tả, cơ hàn,
Nền kinh tế lung lay lụn bại.
Lênin dấn tới, bước đi, lùi lại,
Lùi lại mà bước tới cho mau,
Tân kinh tế chính sách bắt đầu [2],
Bồi đắp được thật mau nền kinh tế.
Xem xét rõ trong ngoài tình thế,
Sáng lập ra Quốc tế thứ ba [3],
Là móng nền của cách mạng chúng ta,
Để lãnh đạo chỉ huy cho thế giới.
Lênin hy sinh và hăng hái.
Liépnếch, Luýchdămbua sống mái xông vào.
Lăn lộn luôn dưới bóng cờ đào,
Đả đảo bọn hoạt đầu Đệ Nhị.
Tuyên truyền rõ chiến tranh là phi lý,
Và kỳ cùng phản đối phi nghĩa chiến tranh.
Gặp thời cơ có lực lượng công, nông, binh,
Trong đứng dậy, ngoài đồng minh hưởng ứng.
Lay chuyển động móng nền tư bản,
Lan rộng thêm cách mạng công, nông,
Làm cho thế giới đại đồng.

KHUYẾT DANH

*

---

1. Ý nói Cách mạng Tháng Mười vừa thắng lợi thì 14 nước đế quốc liền bao vây tiến công Liên Xô.

2. Chính sách tân kinh tế đề ra tháng 8-1921.

3. *Quốc tế thứ ba:* Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập năm 1919.

GIỚI THIỆU LIÊN XÔ

TIỂU DẪN: Trương Văn Lĩnh, người xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, là một trong những hội viên đầu tiên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong khi đang hoạt động, đồng chí bị bắt và bị kết án tù chung thân, đày lên Buôn Mê Thuột. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ít lâu, Trương Văn Lĩnh mất tại Hà Nội.

Bọn đế quốc Pháp và tay sai thường vu cáo, xuyên tạc Chính phủ Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài hát giặm này bác bỏ những luận điệu xuyên tạc bỉ ổi của quân thù và tuyên truyền cho Liên Xô. Bài hát được phổ biến khá sâu rộng trong nông thôn Nghệ – Tĩnh.

Chàng ơi chàng ngồi lại,
Em khuyên giải đôi lời:
Sinh ra kiếp làm người,
Thua người ta cũng thẹn,
Kém người ta cũng thẹn.

Nay xem qua bốn biển,
Kìa Cách mạng Xô Nga.
Đánh tan lũ quốc gia [1],
Lập nên nền xã hội.
Dầu anh chưa đi tới,
Em nghe cũng sướng lòng.
Có Chính phủ công, nông,
Lên cầm quyền chính trị.

Được tự do hội nghị,
Được bàn bạc tha hồ.
Có trường dạy học trò,
Có nhà nuôi con trẻ,
Cha mẹ có công đẻ,

1. Tức đánh đổ Chính phủ tư sản Kêrenxki, chuyển từ cách mạng Dân chủ tư sản sang cách mạng Xã hội chủ nghĩa.

Chính phủ sẽ nuôi cho.
Nuôi cho đến lúc to,
Trăm nghề đều biết cả,
Vạn nghề đều biết cả.

Việc nam hôn nữ giá [1],
Tất cả được tự do,
Cha mẹ không phải lo,
Cốt tùy lòng nam nữ.

Nói về việc tuyển cử,
Ai nấy cũng có quyền.
Không kể người thợ thuyền,
Không kể người cày cấy.

Không chia trai và gái,
Tất cả được như nhau.
Hết thảy có quyền bầu,
Có đủ quyền tham chính.

Nói về việc binh lính,
Đã có đội Hồng quân.
Song ai là người dân,
Đều đem ra luyện tập,
Đều tham gia luyện tập.

Phòng có khi khẩn cấp,
Đã sẵn có nhân tài.
Không thua kém gì ai,
Đường bài binh trận mạc,
Cách bài binh trận mạc.

Nói về việc hợp tác,
Nghe thật cũng là hay.
Như hợp tác xã cày [2],

1. Chỉ việc lấy vợ, lấy chồng.
2. Tức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Ăn uống cùng một chỗ.
Dân cày chung một chỗ.

Nào khoai ngô lúa đỗ,
Nào hoa quả bốn mùa.
Trừ chi dụng còn thừa,
Cất dành chung lại đó.
Nuôi những người cô quả,
Nuôi những kẻ già nua.
Sắm máy cày, máy bừa,
Sắm những đồ chơi nhởi.

Không còn ai rách đói,
Làm lụng có thì giờ.
Khuyên nhau bỏ bạc cờ,
Cùng thói hư tật xấu.

Các cơ quan sinh sản,
Đủ các thợ các nghề.
Từ thành thị thôn quê,
Đâu đâu cũng nhà máy,
Mọi việc đều nhà máy.

Giao thợ thuyền quản lý,
Chính phủ lãnh đạo cho.
Chế tạo các thứ đồ,
Đem ra dùng chung chạ [1],
Đem ra làm chung chạ.

Nói về việc văn hóa,
Thật phổ biến phi thường.
Từ dạy ở các trường,
Lại dạy khắp các sở [2].

---

1. Ý nói dùng cho tập thể.
2. Đoạn này nói việc bổ túc văn hóa cho mọi người dân được tiến hành khắp nơi.

Nhân dân đều biết chữ,
Cầm sách báo đều hay.
Từ thuyền thợ dân cày,
Ai ai đều xem được,
Ai ai đều đọc được.

So mười mấy năm trước,
Khác chi biển với trời,
Răng cũng kiếp làm người,
Dân Nga sao sướng thế!
Người Nga sao sướng thế!

Thiếp tôi xin lược kể,
Xin chàng nghĩ tỏ tường.
Rồi nghiên cứu kỹ càng,
Quyết tham gia tổ chức,
Đứng ra mà tổ chức.

Theo gương Bônsêvích,
Khuyên chàng tỉnh cho mau.
Hợp tác lại cùng nhau,
Đánh tan quân thù địch,
Giết hết loài thù địch.

Sao cho đạt mục đích,
Chiến đấu đến kỳ cùng.
Xô viết rạng trời Đông.
Dù chết cũng cam lòng,
Thiếp khuyên chàng bền chí,
Thiếp xin chàng bền chí.

TRƯƠNG VĂN LĨNH

TRANH ĐẤU ĐƯỢC NHƯ NGA

Chàng ơi, chàng ngồi lại!
Thiếp xin kể chàng nghe:
Trên thế giới hai phe,
Một là người làm thuê,
Hai là phường bóc lột.
Mấy mươi năm về trước,
Dân trí chưa mở mang.
Chịu áp bức trăm đường,
Nỏ (không) biết gì liên lạc,
Bọn chúng mình rời rạc.
Kể từ khi ông Mác,
Hô hào ở Luân Đôn.
Vô sản mới tỉnh hồn,
Đánh Ba Lê như nhởi (chơi),
Cướp chính quyền như nhởi. [1]

Dẫu rằng không thắng lợi,
Song ảnh hưởng vô cùng,
Sức vô địch công, nông,
Năm châu đều rợn gáy,
Bọn bóc lột đều rợn gáy.

Chàng ơi chàng, từ đấy!
Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nga,
Bọn vô sản như ta,
Liên hiệp lại một nhà,
Ghé vai vào xã hội.

Trận Âu chiến chưa khỏi,
Bỗng đâu ở trời Nga.
Đảng công lý mưa sa,
Trống nhân quyền sấm dậy.

---

1. Đây nói về Công xã Pari (xem bài tiếp sau).

Công, nông Nga lúc ấy,
Nổi dậy cướp chính quyền,
Lập Chính phủ Xô Liên,
Bọn liên minh giơ mỏ.
Bọn liệt cường giơ mỏ. [1]

Chàng ơi chàng, từ đó!
Tính đốt chửa bao lâu,
Công, nông cả hoàn cầu.
Đều cùng nhau cách mạng,
Bước lên đường cách mạng.

Nước nào cũng có Đảng,
Không những một dân Nga.
Theo Quốc tế thứ ba,
Chủ trương đều nhất trí.

Sao mà chàng không nghĩ?
Người ta có kém chi.
Như Marốc, Angiêri,
Như Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ,
Mấy năm trời ròng rã.

Nào bãi công bãi khóa,
Nào tranh đấu biểu tình.
Tụi đế quốc rùng mình,
Quân liệt cường sắp đổ.
Phường dã man sắp đổ.

Chàng con nhà lao khổ,
Đứng trửa (giữa) hạng công nông.
Nỏ trương mắt mà trông,
Để quân thù đè nén.
Chịu trăm phần đè nén.

---

1. Chỉ 14 nước đế quốc bao vây và tiến công Liên Xô.

Thiếp xin chàng tự thẹn,
Quyết đứng dậy lo làm.
Dầu thác nữa cũng cam,
Đừng vấn vương chi nữa,
Chớ rụt rè chi nữa.

Cùng dân cày bạn thợ,
Ra mặt trận xông pha.
Tranh đấu được như Nga,
Mới hoàn thành nghĩa vụ,
Mới làm tròn nghĩa vụ.

Mấy lời sơ qua đó,
Thiếp bàn giải chân tình,
Chàng ơi, ta quyết chí hy sinh!

KHUYẾT DANH

*

KỶ NIỆM BALÊ CÔNG XÃ

Năm 1870 – 1871,
Ở châu Âu mê mệt chiến tranh,
Biết bao thảm họa tày đình!
Anh em vô sản ở thành Balê,
Chết vì nỗi bánh mì không có,
Chết vì điều dịch tả liên miên,
Chết vì quốc trái lạc quyên,
Chết vì súng đạn trận tiền xông pha.
Ngày mười tám, tháng Ba bạo động,
Nhân thời cơ cướp đặng chính quyền.
Balê Công xã là tên,[1]
Có mấy khẩu hiệu thì liền làm ngay.

1. *Balê Công xã:* tức là Công xã Pari (Paris). Pari là thủ đô nước Pháp. Công xã Pari là một Nhà nước kiểu mới, một hình thức chính quyền vô sản do giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp thành lập. Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.

Nào nhà máy về tay thuyền thợ,
Nào bánh mì san sẻ đều ra.
Nào là giải phóng đàn bà,
Một ngày làm việc tám giờ mà thôi.
Công xã sống sáu mươi ba ngày trọn, [1]
Thất bại này tại mấy lý do:
Một là không biết xa lo,
Bo bo thế thủ, hững hờ thế công.
Hai là tại nhà băng không tịch,
Để cho tiền quân địch dồi dào,
Mộ thêm lính, đóng thêm tàu,
Vécxây luyện tập để tiêu diệt mình. [2]
Ba là tại dùng binh thất lược,
Mở cửa thành quân Đức đi qua.
Nó cùng Chính phủ Chie, [3]
Hợp nhất lực lượng quay về đánh ta.
Bốn là tại trước khi bạo động,
Không biểu tình, náo động ầm lên.
Nông dân cho đến thợ thuyền,
Không biết ủng hộ đoàn liên với mình.
Năm là tại quân binh ít ỏi,
Dù hy sinh chống chọi cũng thừa.
Balê thất bại, nhưng mà
Ảnh hưởng Công xã sâu xa vô cùng.
Nó đánh thức công nhân thế giới,
Vùng đứng lên đòi lại lợi quyền.
Liên Xô cách mạng vẻ vang,
Cũng nhờ Công xã làm gương rõ ràng.

KHUYẾT DANH

1. Kể từ ngày 18-3-1871 đến ngày 25-5-1871.
2. *Vécxây:* nơi chính phủ phản động Pháp đóng lúc bấy giờ.
3. *Chính phủ Chie:* chính phủ phản động ở Pháp khi đó.

KÊU GỌI VÔ SẢN NĂM CHÂU

Hỡi vô sản năm châu đứng dậy!
Khắp hoàn cầu trông cậy vào ta.
Trắng, vàng, chẳng kể màu da,
Dầu đen, dầu đỏ, cũng là anh em.

Hỡi vô sản mau lên đứng dậy!
Nỗi khổ này chịu vậy hay sao?
Năm châu cũng thể đồng bào,
Cùng là giai cấp, lẽ nào quên nhau.

Hỡi vô sản chung đau chung khổ!
Đồng đứng lên đánh đổ dã man.
Giết phường bóc lột tham tàn,
Phá toang xiềng xích mở đàng tự do.

Hỡi vô sản chăm lo cất bước!
Cầm tay nhau kẻ trước người sau.
Bước đi ta phải bước mau,
Bước cho tới đích hoàn cầu ngóng trông.

KHUYẾT DANH
1930

PHỤ LỤC

NHỮNG BÀI CA CÁCH MẠNG

QUỐC TẾ CA

TIỂU DẪN: Dưới đây là bài *Quốc tế* ca mà Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dịch lần đầu tiên ra tiếng Việt, đăng trên hai tờ báo bí mật là tờ *Thanh niên* và tờ *Công Nông*, ra đời khoảng giữa năm 1925.

Điệp khúc

Trận này là trận cuối cùng,
Ầm ầm đoàn lực, đùng đùng Đảng cơ.
Lanhtécnaxiônalơ,
Ấy là nhân đạo ấy là tự do.

Đoạn I

Hỡi ai nô lệ trên đời!
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên?
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời nay đã đổi ra,
Xưa kia con ở nay là chủ ông!

Đoạn II

Công, nông ta có Đảng to,
Có nhờ ta mới có kho có tài.
Trời sinh đất để cho người,
Những đồ lười biếng thì mời đi đi.
Những đồ ăn xổi ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay?
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung!

Đoạn III

Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời phật, chẳng nhờ thần linh.
Công, nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo kinh dinh dân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do bình đẳng vẹn tuyền cả hai.
Thụt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng!

Đến năm 1929, bài *Quốc tế ca* lại được một số sinh viên Việt Nam học ở Trường đại học Phương Đông do Quốc tế Cộng sản mở tại Mátxcơva dịch ra tiếng Việt theo điệu nhạc *Quốc tế ca*. Bài này được phổ biến suốt từ năm 1930, và lần đầu tiên được hai vạn người dự cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1–5–1938 cất cao tiếng hát ở Nhà đấu xảo Hà Nội. Bài hát như sau:

Vùng lên, hỡi ai nô lệ trên hoàn cầu!
Vùng lên, hỡi ai đói rét bần cùng!
Sục sôi nhiệt huyết trong dạ chứa chan rồi,
Quyết phen này sống chết mà thôi.
Chế độ xưa, ta đem phá sạch tan tành,
Đoàn nô lệ vùng đứng lên đi!
Nay mai, cuộc đời sẽ đổi ra mới mẻ,
Bao nhiêu quyền lợi đều qua tay mình.
Đấu tranh này là trận cuối cùng,
Đoàn kết lại để ngày mai.
Lanhtécnaxiônalơ,
Sẽ là xã hội tương lai.

Điệp khúc

Đấu tranh này là trận cuối cùng,
Đoàn kết lại để ngày mai.
Lanhtécnaxiônalơ,
Sẽ là xã hội tương lai.

Năm 1930 – 1931, một số đồng chí trong nhà lao Quảng Nghĩa đã đặt ra một bài *Quốc tế ca* khác, hát theo điệu ta, ý mượn của bài *Quốc tế ca* chính thức và bài của Hồ Chủ tịch đã dịch, có thêm phần nói về binh lính. Bài đó như sau:

Hỡi những kẻ tôi đòi đói rét!
Mau đứng lên gầm thét xông pha!
Lửa lò công lý bùng ra,
Bất bình ta đốt tiêu ma cháy tàn.
Lề lối cũ đua đàng địa ngục,
Mau co chân đạp trúc (đổ) cho rồi.

Cuộc đời đã đổi, ai ơi!
Bao nhiêu quyền lợi ta thời đòi ngay.
Trận cuối cùng phen này phấn đấu,
Tay dắt tay, sân khấu tung hoành.
Đệ tam Quốc tế chúng mình,
Ấy là nhân đạo, thực hành tự do.

Công, nông ta có Đảng ta,
Có nhà máy lớn, có kho nhân tài.
Trời sinh đất đẻ ra người,
Những phường hay biếng hay lười không tha.
Bao nhiêu chủ xưởng, chủ nhà,
Đều là quạ đói, đều là diều hâu.
Một ngày chúng nó rơi đầu,
Mặt trời vẫn cứ giữ màu xuân dung.
Trận cuối cùng, đùng đùng phấn đấu,
Tay dắt tay, sân khấu tung hoành.
Đệ tam Quốc tế chúng mình,
Ấy là nhân đạo, thực hành tự do.

Nó xuôi (xui) ta ra vòng súng đạn,
Ta hòa ta, phản loạn đi thôi.
Làm "reo" quân lính ai ơi!
Kéo súng trở ngược, hàng thời loạn tan.
Không để chúng đưa đàng phỉnh lối,
Vì lợi danh đến nỗi lụy mình.
Chiến trường hiếu tử quyên sinh,
Giết nhau thê thảm, hại mình không hay.
Trận cuối cùng phen này phấn đấu,
Tay dắt tay, sân khấu tung hoành.
Đệ tam Quốc tế chúng mình,
Ấy là nhân đạo, thực hành từ đây.

KHUYẾT DANH
1930

*

CA QUỐC TẾ CỘNG SẢN

TIỂU DẪN: Nguyễn Văn Long đã học Trường đại học Phương Đông ở Mátxcơva. Đồng chí đã dịch nhiều bài ca cách mạng của nước ngoài. Hồi ở nhà tù Côn Đảo, đồng chí được anh em bầu làm Trưởng ban văn nghệ.

Nguyễn Văn Long đặt lời bài ca này, dựa theo điệu một bài ca của Đảng Cộng sản Anh.

Nhà máy nổi dậy lên, cùng nắm lấy tay nhau,
Đồng ra cướp lấy chính quyền, ta liều thác ra cầm đầu.
Lấy súng nhắm quân thù, phá cho tan phe phản động,
Kéo đoàn thợ thuyền mình, ra lãnh vai quân chỉ đạo,
Vô sản mình tiến công, đi với ta dân nghèo.

*

Đồng chí hãy an tâm, tù đày có chi đâu,
Đồng tâm với anh em ngoài, kéo quần chúng ra đòi quyền.
Chống với bọn phát xít, hiệp lực phá tan cửa ngục,
Tháo còng, mau mở xiềng, ra xông pha nơi trận mạc,
Cách mạng toàn năm châu, theo gương Nga Xô viết.

*

Kìa Quốc tế Cộng sản ta, dìu dắt cách mạng đi,
Cờ trương đỏ khắp hoàn cầu, búa liềm tỏ lực lượng mình.
Đánh nát chế độ này, lập ra Liên bang Xô viết,
Tất cả lao động mình, đặng hưởng chung sự khoái lạc,
Đồng một lòng hoan nghênh: Quốc tế Cộng sản mình.

NGUYỄN VĂN LONG

*

BÀI CA KÊU GỌI VÔ SẢN LÀM CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN: Đinh Nhu quê ở Hải Phòng. Đồng chí hoạt động cách mạng từ năm 1930. Năm 1945, khi Nhật đảo chính đánh đổ Pháp, đồng chí bị chúng bắn chết ở nhà tù Nghĩa Lộ. Theo điệu *La Mácxâye* của Pháp, đồng chí đặt lời cho bài hát nổi tiếng *Hồng binh*.

Đồng lòng cùng nhau anh em vô sản,
Mưu chung hạnh phúc loài người.
  Ôi dân nghèo ơi!
Phường tư bản cậy của áp bức công, nông,
Bọn chúng nó lăng loàn thế chịu yên à?
Cầm lòng sao đặng bước mau ùa ra,
Ngoài vòng nô lệ mà chiến đấu.
  Hy sinh quyết diệt tà!
Ở trên đời bình đẳng, bác ái, tự do.

Tiến lên anh em dân đen!
Quyết chiến với chúng một phen.
  Đồng tâm! Hiệp lực!
  Công, nông kết đoàn,
Phá tan chính sách bạo tàn!

Mau mau tuốt gươm trường ra,
Lấy súng lắp đạn cùng ta.

Nào trai, nào gái,
Trẻ con, ông già,
Sống trên thế giới một nhà!

Tiến lên đội quân tiên phong,
Thiếu niên thắt chặt đồng tâm.
Đạn đây, súng đây,
Bắn đi quân Hồng!
Chúng ta thề quyết một lòng!

Thế giới cách mạng thành công,
Đông Dương Cộng sản thành công.
Cờ bay phấp phới,
Mới hay búa liềm,
Muôn năm vô sản chính quyền!

ĐINH NHU

*

CA CHỐNG KHỦNG BỐ TRẮNG

TIỂU DẪN: Theo điệu *Bài ca chống khủng bố trắng* của Đảng Cộng sản Anh. Lời của Nguyễn Văn Long.

I

Trừ diệt quân tàn ác,
Đánh tan khủng bố trắng giết người.
Anh em xông ra chặn tay quân thù ấy kẻo nó tiến công ta,
Phấn đấu lên đạp đổ tiêu bọn cường quyền.

II

Trừ diệt quân tàn ác,
Đánh tan khủng bố trắng giết người,
Công, nông, binh ra thị oai rất hùng dũng,
Hô mấy chiến sĩ ta, kéo nhau đi đoạt về tay chính quyền này!

III

Trừ diệt quân tàn ác,
Đánh tan khủng bố trắng giết người.
Anh em mau lên dựng cao ngọn cờ đỏ.
Thêu dấu búa với liềm:
Phất lên ra trận đấu tranh thêm hùng cường.

IV

Trừ diệt quân tàn ác,
Đánh tan khủng bố trắng giết người.
Gương Xô Nga kia tựa như gương lò lửa.
Chói khắp cả năm châu,
Ráng noi theo, lập ra "Liên bang Xô viết"

NGUYỄN VĂN LONG

*

CA CỜ ĐỎ

TIỂU DẪN: Theo điệu *Bài ca Cờ đỏ* của Đảng Cộng sản Ý. Lời của Nguyễn Văn Long.

Này dân lao khổ đói khát,
Đứng lên đi chiến đấu,
Cờ đỏ phất tiến lên!
Này dân lao khổ đói khát!
Đứng lên đi chiến đấu.
Cờ đỏ phất tiến lên,
Ta sẽ không thua đâu,
Ta sẽ không thua đâu, nhờ cờ đỏ búa liềm (3 lần).
Do vô sản đưa ta đi đánh cướp lấy chính quyền.
Lênin vạn tuế!
Đồng lòng dấy lên!

NGUYỄN VĂN LONG

CA THANH NIÊN XÍCH VỆ

TIỂU DẪN: Bài *Thanh niên xích vệ* của Đảng Cộng sản Pháp.

Chúng ta là Thanh niên xích vệ!
Chúng ta là vệ đội ngày sau.
Sinh trưởng trong đời đớn đau này,
Một là toàn thắng, hai là hy sinh.
Vì công lý ta ra đấu tranh mau,
Mau đặng giải phóng cho nhân quần đây.
Dầu cho thịt nát, đầu rơi, trong lao tù,
Ta tranh đấu tới khi thành công.
Quân bay coi chừng! Quân bay coi chừng!
Quân buốcgioa, quân sát nhân, quân ngồi không! [1]
Thanh niên xích vệ ta đây,
Xông pha tiêu trừ lũ bay!
Tiêu trừ lũ bay!

NGUYỄN VĂN LONG dịch

*

KỶ NIỆM LÊNIN

TIỂU DẪN: Đinh Nhu đặt lời cho bài hát này theo điệu *La Mađơlông* của Pháp.

Cách mạng hiện thời đang sôi nổi khắp trên năm châu,
Tinh thần đấu tranh ta quyết theo gương Lênin!
Ngày hôm nay là ngày kỷ niệm Hai mươi mốt, tháng Giêng.
Dù rằng trong khi chúng ta ở nơi lao tù,
Gan sắt son ghi lòng tạc dạ chớ quên!
Tiến bước lên con đường đua tranh phấn đấu,
Mưu ích chung, ta cùng bảo nhau.
Hỡi anh em với nhau một lòng!

---

1. *Buốcgioa:* bọn tư sản, phiên âm tiếng Pháp (bourgeois).

Kìa kia thế giới đại đồng!
Những ai nô lệ trên đời!
Đập tan phá nát cuộc đời vô đạo dã man!
Liên bang Xô viết hiện thời tốt đẹp chứa chan!
Tinh thần Lênin anh em đều hô vạn tuế!
Giai cấp đấu tranh cuộc đời nay đã biến ra
Cảnh đại đồng rồi đây chung hưởng,
Cùng nhau chung hưởng cuộc đời bình đẳng tự do.
Vô sản Đông Dương mau mau noi gương giải phóng,
Cách mạng thành công đồng thời hô lớn muôn năm.
Dưới ngọn cờ Quốc tế Đỏ, tiến bước lên!

ĐINH NHU

*

CA CÔNG XÃ PARI

TIỂU DẪN: Theo điệu *Cácmanhon*. *Cácmanhon* là một điệu hát và nhảy thịnh hành ở Pháp trong thời kỳ Cách mạng 1793.

I

Mađam vêtô hứa sẽ tiến công,[1]
Mađam vêtô định đánh bọn ta.
Đòi vằm nát tan xương thịt Pari,
Đòi phá cho hết Công xã Pari.
Nhưng mưu nó không thành công,
Bị quân cách mạng đánh tiêu.
Toàn dân Pari vui sướng,
Hoan nghênh tiếng súng của mình!
Toàn dân Pari vui sướng,
Hoan nghênh tiếng súng canông!

---

1. Mađam vêtô là chỉ quyền phủ quyết. Ở đây có ý chỉ chính quyền tư sản do tên Chie (Thiers) lãnh đạo.

II

Đồng lòng cùng nhau hoan nghênh Công xã Pari,
Anh em hoan nghênh Công xã Pari.
Nhờ dùng võ trang nên đặng thắng to,
Nhờ có súng ống đều nắm vào tay.
Công xã Pari tiến công!
Đánh nhau liều thân hy sinh,
Thù này ta thề sẽ trả,
Hoan nghênh tiếng súng của mình!
Thù này ta thề sẽ trả,
Hoan nghênh tiếng súng canông!

III

Ta xông ra, xông ra cho mau,
Anh em bắt mấy thằng tư bản này.
Ta xông ra, xông ra cho mau,
Anh em bắt bọn nó treo lên!
Ta mau treo lên!
Như ta đây không treo nó,
Ta quyết đánh nó cho bể mồm.
Như ta đây không treo nó,
Mồm nó ta đánh bể đi!
Nhảy theo điệu Cácmanhon,
Hoan nghênh tiếng súng của mình.
Nhảy theo điệu Cácmanhon,
Hoan nghênh tiếng súng canông!

NGUYỄN VĂN LONG dịch

*

CÔNG NÔNG BINH CÙNG HIỆP

Điệp khúc

Công, nông, binh cùng hiệp,
Đồng tâm ta phá nền chuyên chế.
Thừa lúc đế quốc tranh chiến,
Với lúc đánh Xô viết,

Làm nội chiến mau.
Chí quyết chí, ta phấn đấu hầu giải phóng nhau,
Còn có Liên Xô dang tay cùng công, nông.
Này, phen này là trận cuối cùng,
Diệt trừ quân ăn không ngồi rồi.
Gây dựng nền Xô viết toàn năm châu,
Cùng nhau ta bắt tay mau lên.
Công – Nông – Binh!

Đoạn I

Anh em binh lính kíp,
Xoay lưng mau bóp súng.
Quyết bắn cho quân,
Đế quốc tan thây.
Dùng ta ra chiến tranh,
Thân ta xiết bao gian nan!
Xông pha khói lửa binh đao,
Thây phơi thịt nát xương tan.
Dùng ta ra chiến tranh,
Ai kia sống an vui chơi.
Quen tay áp bức công, nông,
Anh em phấn đấu mau lên!

Đoạn II

Công, nông ta phản đối,
Chiến tranh gây thảm khốc.
Đế quốc đua nhau,
Xâu xé năm châu.
Mình đây như thớt dao,
Xua nhau, bắn nhau, đâm nhau.
Tăng thêm sưu thuế lên cao,
Bao nhiêu khốn khó ta mang.
Mình đây như thớt dao,
Bao nhiêu xác ta mang ra.
Cho quân đế quốc chia tay,
Anh em phấn đấu mau lên!

Đoạn III

Liên bang Xô viết sống,
Công, nông mau giải phóng.
Đế quốc kinh tâm,
Kiểu cách tiến công.
Mình đây công, nông, binh,
Mau ra giúp tay Liên Xô.
Xông pha phá sức xâm lăng,
Xây cao thế giới tương lai.
Mình đây công, nông, binh,
Mau ra đứng lên hoan hô.
Liên bang Xô viết muôn năm!
Anh em phấn đấu mau lên!

KHUYẾT DANH

*

KÊU GỌI CÔNG NÔNG BINH ĐỨNG LÊN GIÀNH CHÍNH QUYỀN

TIỂU DẪN: Bài này phỏng dịch bài ca *Rốt Phơrông* của Đảng Cộng sản Đức.

Đi, đi, đi mau!
Anh em đi cho đông, đồng tiến công!
Đi, đi mau!
Công, nông, binh đi cùng với nhau!
Dấy lên! Phá cho tan dây xiềng chân tay, ta còn câu hát, ta là lời đi tiên phong, câu hát vô sản này để tiến công!
Thù thấy ta tiến công lại, còn nghe câu hát ta thì thêm kinh, còn lực lượng công, nông, binh, bọn đế quốc phong kiến này phải đánh tiêu!
Mau hiệp sức rồi chiến đấu đặng hoàn thành.
Nắm lấy tay nhau đồng một lòng,
Anh em cùng ra đường.
Giúp nhau quyền lợi mình,
Đánh chế độ người bóc lột người!
Giơ tay lên kêu công, nông, binh,

Cách mạng năm châu mau hoàn thành.
Công, nông, binh mình,
Cướp lấy chính quyền!
Rốt Phơrông! Rốt Phơrông [1]

NGUYỄN VĂN LONG dịch

*

KÊU GỌI CÔNG NÔNG BINH LÀM CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN: Đinh Nhu đặt lời cho bài hát này theo điệu bài *La Mađơlông* của Pháp.

I

Xã hội hiện thời đang xâu xé giết nhau, thương ôi!
Những người tham ô chúng chỉ biết vinh thân phì gia.
Phận người cách mạng là cải tạo cho cái cõi đời,
Phải đạp đổ ngay bao nhiêu những sự bất bình,
Rồi dựng nên một nền xã hội tốt tươi.
Còn những quân ăn dưng ngồi rồi lười biếng,
Thì thẳng tay diệt trừ tiệt nọc mới thôi!
Anh em công, nông, binh ta ơi!
Những ai nô lệ trên đời!
Vô sản thế giới hiệp đoàn!
Làm cho xã hội hiện thời phải vỡ tan hoang,
Đại đồng thế giới một nhà cực lạc an khang!
Bốn bể năm châu tới đâu là anh em đấy,
Đường thế gian tha hồ vùng vẫy dọc ngang!
Cõi trần hoàn khác chi tiên cảnh,
Bồng Lai tiên cảnh, cõi đời cộng sản sau đây!
Không ai giàu sang, không còn ai khốn khổ,
Tự do bình đẳng, người đời ai cũng như ai.
Chốn đại đồng yên vui cảnh lạc thú!

1. *Rốt Phơrông (Root Front):* tiếng Đức có nghĩa là Mặt trận Đỏ.

II

Ngọn cờ tiên phong nay đỏ chói khắp trên năm châu!
Đưa người công, nông ra liên kết nắm tay cùng nhau.
Lên đường đấu tranh phen ni quyết chí ta hy sinh,
Làm cho cái lũ dã man tiêu tan mới đành.
Phá sản anh em dân cày xiết bao!
Thất nghiệp công nhân thôi đà vô số,
Áp bức, quân binh ta rày tính sao?
Hay ta cứ để thân ta như vầy,
Làm trâu mang ách muôn đời.
Canh tuần, sưu thuế muôn năm,
Bao nhiêu nước mắt mồ hôi, quân tham tàn cút đi.
Này quân đế quốc cùng phường địa chủ vua quan,
Loài hại nhân dân một phen ra tay phá tan.
Ta quyết chí xây nền chuyên chính công, nông,
Các dân cày được phân phát đất,
Ngày làm tám tiếng thợ thuyền ta sẽ thảnh thơi.
Đồng tâm công, nông anh em, chị em chúng ta,
Gươm tuốt sẵn theo cờ cộng sản tiến lên,
Mau tiến lên, công, nông, binh, mau tiến lên!

ĐINH NHU

KÊU GỌI DÂN NGHÈO LÀM CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN: Bài ca này làm vào khoảng năm 1925 theo điệu nhạc của Trường Võ bị Hoàng Phố, Quảng Châu, Trung Quốc. Hồi đó anh em cách mạng thường gọi là *Bài ca Hoàng Phố*. Bài này được phổ biến rộng rãi suốt từ năm 1925 đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Đoạn I

Toàn thế giới sấm đã nổ vang dậy,
Các dân nghèo nắm tay cùng nhau.
Quyết đồng tâm phen này đều dấy lên,
Phá tan quân đế quốc,
Cùng nhau mưu giải phóng.
Mình đây cũng như ai trong vòng áp bức,
Há lại ngồi điềm nhiên sao?

Cờ vô sản phấp phới kia,
Ta quyết chí dẫu phen ni mặc dầu cho tan xương cũng
cùng đấu tranh!
Phấn khởi, bớ công nông binh!
Dắt tay nhau cùng tiến lên,
Vì lợi quyền ta hưởng chung!

Đoạn II

Cùng nhau bước lên đường đấu tranh này,
Cứu thân mình chỉ tay mình thôi!
Kìa làn sóng công nông trên thế giới,
Cuốn lên ngày thêm lớn,
Rền vang trong bốn biển.
Làm lay chuyển biết bao nhiêu vòng lưới sắt,
Mấy mươi đời ràng buộc ta!
Mau xông tới, công nông binh,
Ta quyết chí phá sao cho tiêu hết trơn bọn tham tàn hút
máu ta.
Xốc tới súng gươm búa liềm!
Chiến đấu đặng cứu lấy mình,
Vì lợi quyền ta hy sinh!

KHUYẾT DANH

*

HỒNG BINH

Điệp khúc

Nào anh em nghèo đâu?
Liều thân cho đời sống!
Mau thế giới đại đồng,
Tiến lên quân Hồng!

Đoạn I

Cùng nhau đi Hồng binh!
Đồng tâm mau đều bước!
Đừng cho quân thù thoát,
Ta quyết chí hy sinh!

Đoạn II
Lòng ta như dầu sôi,
Ruột ta như lửa đốt.
Sao cho mau toàn thắng,
Ta mới sống ở đời!

Đoạn III
Nhà ta không cần lo,
Đời ta không cần tiếc,
Thù kia sao trừ hết,
Ta mới yên vui cho!

Đoạn IV
Phần riêng ta vì ta,
Phần chung ta vì Đảng.
Phần chung vì nhân loại,
Cho cõi thế một nhà!

Đoạn V
Nào anh em cùng trông,
Thù kia nay gần tới.
Ngắm cho ngay nòng súng,
Quân thiếu niên tiền phong!

ĐINH NHU

*

ĐI LÊN! ĐI LÊN

TIỂN DẪN. – Bài hát này trong những năm 1930 – 1931 rất phổ biến ở khắp tỉnh Quảng Nghĩa. Trong các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành thị uy quần chúng thường hát bài này.

Đi lên! Đi lên!
Mau lên! Anh em!
Chị em! Anh em!
Mau lên! Tiến lên!

Muôn triệu người dân ta đứng lên,
Quyết đánh tan những loài đế quốc,
Quyết đánh tan những quân phong kiến.
Giành chính quyền về công, nông, binh,
Phải chính quyền về công, nông, binh.
        Đi lên! Đi lên!
        Mau lên! Mau lên!
        Chị em! Anh em!
        Mau lên! Mau lên!
Chúng ta đi thị uy biểu tình,
Tỏ một lòng cùng nhau đoàn kết,
Thề một lòng cùng nhau sống chết.
Đạp cường quyền bước tới đấu tranh,
Lướt quân thù bước tới đấu tranh.
        Đi lên! Đi lên!
        Mau lên! Anh em!
        Chị em! Anh em!
        Mau lên! Tiến lên!
Này, này, này, Đông Dương Cộng sản,
Mừng trong lòng từ đây có Đảng.
Nhắm cờ hồng ta hãy tiến lên!
Phất cờ hồng ta cứ kéo lên!
        Ta hò tiến lên!
        Tới! Tới! Tới!

KHUYẾT DANH
1930

*

TIỄN BẠN RA VỀ

TIỂU DẪN: Bài này hát theo điệu *Ca trù*.

Mưỡu:

        Dang tay từ biệt đất Sơn La,
Rừng mai hoa nở, sông Đà nước reo.
        Trải mùi rượu lá, thịt heo,
Gót chân còn lại suối đèo làm ghi.

Nói:

Cởi áo số, bước ra ngoài cửa ngục,
Thoát hầm sâu nước độc Sơn La.
Rồi mai đây trở lại quê nhà,
Hay bể thẳm rừng xa nào đã biết?!
Thế lộ khảm kha thiên lý viễn,
Nhiệt trường ưu ái bách mang sinh. [1]
Nhìn năm châu bom đạn nổ tan tành,
Quân thú độc liều mình đang nhả nọc.
Dưới không khí áp đè muôn thảm cực,
Bao anh em lăn lóc chật nhà lao.
Trải một phen khủng hoảng dội ba đào,
Lôi nhân loại chìm vào trong bể khổ.
Về với ở, chúng ta chung một số,
Quyết đi kề hàng ngũ với công, nông.
Nhìn võ đài thế giới sắp thay "phông", [2]
Xóa bỏ hết nỗi bất công trong xã hội.
Tung cửa mở ngọn cờ bay đỏ ối,
Tiếng hoan hô vang dội khắp Tây Đông.
Hẹn nhau trong lúc trùng phùng.

NAM HÀ [3]

QUYẾT CHÍ LÀM TRAI

TIỂU DẪN: Bài này hát theo điệu Xẩm chênh bong.

Quyết chí làm trai,
Giữ lấy đường trung chính mới là người tiến bộ văn minh.
Đạo cương thường có bằng hữu, đệ huynh, [4]
Làm sao cho tỏ mặt để thuận nhân tình với nhau.
Như các đồng chí ta không phụ khó, không tham giàu,

---

1. Ý hai câu này nói đường đời gập ghềnh ngàn dặm xa, nóng lòng thương yêu dân rồi trăm việc bận rộn, bức bách sinh ra.

2. *Phông:* có nghĩa là màn cảnh, phiên âm tiếng Pháp (fond). Chữ này dùng ở đây với ý chỉ bộ mặt xã hội.

3. Chưa rõ tiểu sử của tác giả.

4. *Đạo cương thường:* có người nhớ là *Đạo làm người.*

Nghèo mà chẳng lụy chẳng cầu đến ai.
Hết cơn bĩ cực đến tuần thái lai,
Xây nền xã hội riêng ai đâu là.
Ta quyết khăng khăng giữ lấy chí ta,
Dốc lòng phấn đấu mới là bền gan.
Ta tức quân thù lắm kế đa đoan,
Cắm dây cột cái dây oan cho chúng mình.
Không lẽ nào ta ngoảnh mặt làm thinh,
Cùng nhau đạp đổ nỗi bất bình cho xong.
Ta lập nền chuyên chính công, nông,
Đời ta mới được thoát vòng ngựa trâu.
Nay mai rồi sung sướng ngang nhau,
Có đấu tranh ta mới đạt được câu sinh tồn.
Hội dập dìu tài tử giai nhân,
Có trường văn hóa, có vườn dục anh. [1]
Cứ một lòng sắt đá đinh ninh,
Muốn khỏi vòng áp chế, hy sinh với quân thù.
Lẽ nào chịu chuyên chế mãi ru,
Cùng nhau ra tranh đấu để trả thù cho Tổ quốc giang sơn.

KHUYẾT DANH

*

HỠI ĐỒNG BÀO!

TIỂU DẪN: Bài này ghi theo một tờ truyền đơn hồi 1930 – 1931, tác giả đã duyệt lại. Bài này tác giả làm năm 1929, nhưng đến năm 1930 – 1931 mới được phổ biến. Bài này hát theo điệu *Hành vân*.

Hỡi đồng bào! Hỡi đồng bào!
Tính liệu làm sao?
Nhà tan, nước mất, sáu bảy mươi năm, đem thân làm nô lệ?
Cảnh tình như thế!
Đã làm dân há lẽ ngồi an?
Bọn tham tàn nghĩ càng căm dạ.

1. *Vườn dục anh:* tức nhà nuôi trẻ, vườn trẻ.

Này cách mạng, nọ cơ quan, tổ chức hiệp đoàn,[1]
Ta thì liên lạc lại cùng nhau cho mau![2]
Vì dân vì nước, son sắt một niềm,
Đạp đổ cường quyền.
Cướp tự do, tự do!
Công việc làm ta phải gắng lo, lo sao cho chóng,
Việt Nam cách mạng thành công!

PHAN TRỌNG BÌNH

*

VỢ KHUYÊN CHỒNG GIÁO VIÊN

TIỂU DẪN: Bài này hồi 1930 – 1931 được những người cách mạng dùng để tuyên truyền thanh niên trí thức về lòng yêu nước. Bài này hát theo điệu *Sa mạc.*

Anh giáo ơi! Em tiếc cho anh cũng bậc tài danh,
Con nhà gia giáo học hành thì cũng thông thông.
Sóng Âu châu tràn sang cõi Á Đông,
Học Nho bãi bỏ, cái "ngòi lông" ngày một suy đồi.
Cái thân anh, anh chẳng lẽ đi bồi,
Học hành là nghề nghiệp, anh cũng phải theo đòi mà vớ lấy cái chữ Tây.
Buổi tân trào gặp được bước may,
Đậu bằng tốt nghiệp, anh ra làm thầy cho lũ thiếu niên.
Cái thân anh, anh tưởng đã thần tiên,
Tháng lương mấy chục đồng tiền, anh tưởng đã là to.
Kiếp nam nhi anh chả biết lấy làm lo,
Trà sen, rượu cúc, nhà trò, anh những mê chơi.
Mảng vui anh quên hẳn sự đời,
Hoàng nô hắc quỷ trái đời ngày một lên cao.
Cái chỗ tiền nong, anh chẳng sợ chi nào,
Nợ non, nợ nước, anh tính làm sao bây giờ?

---

1. *Cơ quan:* những năm 1930 – 1931, từ "cơ quan" có nghĩa là tổ chức của một đảng, một đoàn thể (bí mật hoặc công khai) để tiến hành đấu tranh.

2. *Liên lạc:* ở đây có nghĩa là đoàn kết.

Mặt tu mi sao cho khỏi thẹn với cơ đồ,
Cuộc tương lai xã hội cũng trông chờ vào hạng các anh.
Đệ tử anh là vận mệnh quốc dân,
Anh phải ra công dạy dỗ cho chúng dần tỉnh khôn.
Anh chẳng đoái trông bọn ngày nay họ vào cúi ra luồn,
Râu ria áo mũ đã đáng buồn hay chưa?
Em khuyên anh, anh đừng tưởng chi đi sớm về trưa,
Văn bài anh nên chuyên chí, nắng mưa anh chớ có ngại ngùng.
Việc trong nhà đã có em trông,
Dẫu trăng thanh hay gió thẳm, em cũng dốc một lòng
thuyền quyên.

KHUYẾT DANH

*

TIỄN CHÂN ANH PHÓ VÀO NHÀ PHA

TIỂU DẪN: Hồi năm 1929, do có việc đầu thú, đầu hàng, khai báo của một số người, nên đã làm tan vỡ nhiều cơ sở của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội và của Đảng Tân Việt ở Nghệ An. Để đối phó với tình hình đó, một số chị em trung kiên đã tranh thủ bám sát những đoàn người bị giải đến Trường hình để trao quà bánh, dặn dò và động viên họ đừng khai báo.

Nguyễn Ngọc Tuyết là người bị đế quốc Pháp bắt vào cuối tháng 8-1929, bị giam ở nhà lao Vinh và đã sáng tác bài hát này trong bối cảnh trên.

Bấy giờ ở nhà lao Vinh có 10 xà lim sát cạnh nhau. Trong 10 xà lim này, giam tù chính trị có các đồng chí Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Sĩ Sách, Trần Văn Cung, Nguyễn Văn Lợi, Phan Nghi Đệ... và Cao Xuân Huy. Sau khi nghe Nguyễn Ngọc Tuyết hát bài hát này, cụ Cao Xuân Huy ở xà lim bên cạnh liền khen một câu: "Premier prix (giải nhất) ở nhà tù!". Anh em ở các xà lim khác cũng rất hoan nghênh.

Bài hát theo điệu *Xẩm*.

Anh Phó ơi! Em tiễn đưa anh đến tận Trường hình,
Dừng chân em kể cái nỗi tình em tiếc thương anh.
Em thương anh còn miệt mài trong cuộc đấu tranh,
Vì ai tố giác để tuổi xuân xanh anh phải lận đận trong chốn
lao tù.

Anh Phó ơi! Lòng quân phản trắc khôn dò,

Cơ đồ cách mạng từ trước đến giờ nó định phá sạch sành sanh.
Thảm thương thay phường úy tử tham sinh,
Ngàn năm cái tội tày đình ai rửa sạch cho xong.
Anh Phó ơi! Em tiếc thương anh mà em vẫn cầu mong,
Dù trăm cay nghìn đắng xin anh cũng dốc một lòng với
quần chúng nhân dân.
Em nghĩ như anh là người có tư tưởng tối tân,
Mai sau trong các đồn điền, xưởng máy, anh phải đem thân
mà len vào.
Anh Phó ơi! Anh nào phải như ai phản phúc hoạt đầu,
Giữa đường trở mặt để mưu cầu cái bước hiển vinh.
Anh nào phải như ai ham lợi ham danh,
Hô hào cho nổi tiếng, rồi lại nằm khoanh trên đống tiền.
Anh Phó ơi! Em nghĩ đến câu "thương hải tang điền",
Em càng đắng cay chua xót cho cái mối nhân duyên của em
nó bẽ bàng.
Cõi trần hoàn có kẻ khó với người sang,
Cái mối bất bình đẳng ấy, em những tím ruột thâm gan cho
cái cuộc đời.
Anh Phó ơi! Em tưởng đến anh lòng em những rối bời,
Một mình em than thở ngậm ngùi cho đôi lứa thiếu niên.
Lứa thiếu niên vướng vít mối tình duyên,
Anh làm sao cho vẹn lời nguyền cùng nhau.
Anh Phó ơi! Kìa phong trào cộng sản đương xô xát khắp
năm châu,
Người ta thì tuyên truyền vận động mà anh thì trong chốn
lao tù phải chịu lao đao.
Lúc nào ngọn cờ đỏ kia phấp phới trên mặt địa cầu,
Loài người mới khỏi bị bóc lột, khổ não, âu sầu như chế độ
ngày nay.
Anh Phó ơi! Nỗi niềm em càng nghĩ đến càng cay,
Vì quân tàn bạo nên anh mới phải đọa đày tấm thân.
Bước lao lung chi xiết nỗi phong trần!
Em khuyên anh giữ lấy tinh thần cho được như xưa.

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

7-1929

CÔNG NÔNG BINH ĐOÀN KẾT

TIỂU DẪN: Ở Nam Bộ năm 1930, quần chúng nhân dân cách mạng ở Gia Định, Cao Lãnh, Sa Đéc và nhiều nơi khác thường hát bài này để cổ vũ nhau đấu tranh.

Bài hát theo điệu *Khổng Minh tọa lầu.*

Hỡi công, nông, binh đoàn kết cho mau,
Đuổi Tây thù ra khỏi Việt Nam,
Giành chính quyền giữ lấy trong tay,
Phải đua gắng sức đạp đổ cường quyền,
Quyết phá tan quân đế quốc chẳng để chúng tung hoành.
Thề một lòng tiêu diệt quân sài lang,
Quyết bẻ gông xiềng giành lấy tự do.
Diệt chúng nó, ta tiến lên, dân ta quyết hy sinh chẳng màng.
Miễn cho cách mạng thành công,
Đời sau no ấm ta cùng quang vinh muôn đời.

KHUYẾT DANH

*

ƠI NÀY CÔNG NÔNG BINH!

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Bình bán.*

Ơi này công, nông, binh!
Áp bức này đâu dễ làm thinh,
Bởi vì chưng chế độ bất bình,
Đã gây nên xã hội điêu linh,
Khiến cho ta cực khổ lênh đênh,
Có lẽ đâu ta đành cam chịu?
Căm lòng thay đế quốc lũ kia,
Với quan trường một bọn gian tham.
Quyết ra tay cố công ta làm

Cho chúng tiệt cái nòi độc ác dã man,
Quyết ra tay tàn phá cho cam.
Tội tình chi ta làm nó ăn?
Chúng ta cùng chung lợi quyền,
Hạnh phúc chung mưu cho tất thảy,
Một lòng đoàn kết, chữ đồng tâm nhất thiết đinh ninh.
Sạch sanh, sạch sanh, quyết phen này phá sạch sành sanh!
Hãy cùng nhau phấn đấu hy sinh,
Phá tan, phá tan bất bình.
Hạnh phúc chung mưu cho tất thảy,
Công, nông, binh; công, nông, binh!

KHUYẾT DANH

QUYẾT CHÍ CÔNG NÔNG BINH

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Đăng đàn cung*.

Này này quyết chí công nông binh!
Kìa thân thế cực biết bao vành,
Nỗi này ta sao đành chịu!
Mau lo liệu đoàn kết từ đây,
Nào sưu thuế, tạp dịch, phu đài,
Còng lưng vay công lĩnh nợ.
Cực khổ mọi bề, lẽ nào ta đành lòng chịu?
Ta cùng đứng dậy!
Phất cờ hồng làm lệnh, sống chết ta cùng nhau.
Kìa xem đó, thế giới phong trào,
Càng ngày lan ra càng rộng,
Dân lao động tranh đấu càng hăng.
Cờ Quốc tế dội khắp phương trời.
...

KHUYẾT DANH

*

BỚ CÔNG NÔNG! PHẤT CỜ LÊN!

TIỂU DẪN: Đồng chí Trần Út, tác giả bài ca này là một chiến sĩ cách mạng ở Nam Bộ đã hy sinh trong nhà tù đế quốc trước Cách mạng Tháng Tám.

Bài hát theo điệu *Tam bình*.

Bớ Công nông! Phất cờ lên!
Bớ Công nông! Phất cờ lên!
Đồng tâm lướt tới diệt loài sài lang.
Theo ngọn cờ Mác – Lênin!
Phen ni mình quyết ra tay,
Trừ lũ đế quốc, buốcgioa, phong kiến, hết!
Đừng để chúng nó ra tay làm khổ ta,
Đừng để chúng nó bắn giết công, nông.
Ngồi an nhiên mà vui chơi, mà đua nhau thu
góp bạc vàng!

Này lần này là trận sau cùng,
Công, nông, binh đoàn kết mau lên!
Noi theo gương quần chúng Xô Liên.
Chí quyết chí ta ra chiến đấu,
Làm cho sài lang cường bạo,
Loài sâu dân phen ni tiêu hết!
Làm cho người ta cùng hiệp,
Làm cho tiêu tan giai cấp,
Rồi nhân dân yên vui thái bình,
Làm ăn chung vui sướng như nhau.
Gươm mài đi! Phất cờ lên!
Đồng tâm công, nông ta ra sức,
Mau xông tới, cướp lấy chính quyền.
Cùng nhau ta lướt tới xung phong!
Mau xông tới cướp lấy chính quyền.
Cùng nhau ta lướt tới xung phong!
Mau! Mau! Mau!

TRẦN ÚT

HỠI NÔNG DÂN!

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Khổng Minh tọa lầu.*

Hỡi hỡi nông dân! Đoàn kết cho mau!
Đuổi Tây thù ra khỏi Việt Nam.
Phải đua gắng sức! Đập đổ thành trì!
Phá tan đế quốc chẳng cho tung hoành.
Thề một lòng tiêu diệt sài lang,
Bẻ gông cùm cướp lấy tự do.
Dù chúng nó hết phương dự bị,
Thì ta đây cũng quyết hy sinh.
Tính mạng chẳng màng,
Miễn cầu cho cách mạng thành công.

KHUYẾT DANH
1932

*

CA NÔNG VẬN

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Hành vân.*

Bạn dân cày, là bạn dân cày!
Cực khổ lắm thay!
Vì đâu nên nỗi! Ấy bởi thằng Tây quá tay tàn bạo,
Ruộng vườn nó chiếm, sưu càng cao, thuế lại ngày tăng.
Thân phận này ta thời mau liệu, cùng thuyền thợ kết hợp mau lên.
Tổ chức chính quyền, ruộng đất chia liền cho nông dân, nông dân í i.
Phải lao động mới có ăn; những phường ăn bám kia thì đem giết sạch cho mau.

KHUYẾT DANH

CA CỔ ĐỘNG DÂN CÀY

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Hành vân*.

Ngâm:

Dân cày ta hãy đứng lên,
Bất bình phá sạch, cường quyền đập tan.

Ca:

Phận dân cày,
Cực khổ lắm thay!
Vì chưng phong kiến,
Bóc lột quá tay,
Chua cay nhiều nỗi,
Nghĩ càng căm tức.
Mình làm ra nuôi bọn chúng ăn,
Nỗi bất bình chịu hoài sao đặng.
Kìa công lý!
Nọ tự do!
Gặp hội bây giờ,
Ai người cực khổ,
Hãy cùng nhau đứng lên, đứng lên!
Hy sinh phấn đấu!
Tự cứu lấy mình!
Đạp đổ bất bình!
Dựng quyền dân, quyền dân.
Lao động thì mới có mà ăn.
Những quân ăn bám,
Ta mau quét sạch nó đi.

KHUYẾT DANH

CA CỔ ĐỘNG BINH LÍNH

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Hành vân*.

Ngâm:

Anh em binh lính đứng lên!
Bất bình phá sạch, cường quyền đập tan.

Ca:

Tội tình gì?
Tây bắt ra đi,
Làm thân anh lính.
Mũi súng hy sinh,
Để cho ai hưởng lợi?
Nghĩ càng căm tức,
Phải đồng lòng ta tự cứu ta!
Ở tay mình sẵn sàng súng đạn,
Phen này nổi dậy!
Liên hiệp công, nông,
Hiệp sức đồng lòng,
Đuổi quân cường bạo,
Khỏi Đông Dương cho mau, cho mau.
Trừ gian, dẹp nịnh,
Son sắt một lòng,
Rạng vẻ quân Hồng,
Của Việt Nam, Việt Nam.
Dẫu thân này thịt nát cũng cam.
Làm cho dân chúng.
Nơi nơi hạnh phúc, tự do.

KHUYẾT DANH

KÊU GỌI THANH NIÊN

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Kim tiền*.

Cất tiếng lên gọi Đoàn thanh niên,
Hãy thức tỉnh mới gọi anh hào,
Chớ để cho loài Tây bang nó lừng lẫy oai.
Kia anh hùng! Đây oanh liệt!
Đó nhân tài!
Chẳng phải loài ngựa trâu để cho người khiến sai.
Làm trai há không gan mật,
Cam đành làm tôi cho lũ dã man.
Tổ tiên ta bị chúng xé tan,
Nước ta nó đã lấy rồi,
Cớ sao chẳng chịu binh hùng tập luyện.
Mà phục giang san
Hỡi dân Nam Việt!
Hỡi người oanh liệt!

KHUYẾT DANH
1932

*

CÂU HÒ ĐỐI ĐÁP KÍCH ĐỘNG CĂM THÙ ĐẾ QUỐC VÀ PHONG KIẾN

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Hò đi cấy Nam Bộ*.

Nữ:

Ăn không ngon, nằm không ngủ, nghĩ mà căm giận bọn địa chủ và cái lũ quan làng,
Vì chúng nó dã man làm cho anh với em phải cực khổ,
Thề vào sanh ra tử cũng chẳng màng thân em!

Nam:

Anh cam tâm thọ tử dĩ bất khuất thành danh,[1]
Trải mặt phơi gan quyết trừ tan quân đế quốc,
Nếu sống mà cam chịu làm thân nô lệ thật là uổng cái kiếp phù sanh của con người.

KHUYẾT DANH

*

KÊU GỌI PHỤ NỮ, NÔNG DÂN, CÔNG NHÂN

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Tây Thi*, trong những năm 1930 – 1931 rất phổ biến ở Nam Bộ. Lúc đi biểu tình đấu tranh, quần chúng thường chia nhóm cùng hát các đoạn như đối đáp.

Phụ nữ:

Ngày nay em nguyện hy sinh,
Và quyết đấu tranh phá tan cái xã hội,
Tồi tàn này đây cho nhân loại đại đồng,
Khỏi cái vòng lao đao áp chế dã man.
Kìa câu "tam tòng tứ đức" bấy lâu em chịu buộc ràng,
Ta phải cam tâm chịu cái bề thiệt thòi,
Mặc tình rẻ khinh nhắc đến đau lòng.
Ngày nay em nguyền giác ngộ tranh đấu lợi quyền,
Liên hiệp cùng anh em nam nhi.

Nông dân:

Hoan nghênh thay, hoan nghênh thay!
Cái phận đào thơ còn mong đứng dậy,
Ta quyết một lòng tiến hành cách mạng.
Còn ta đây há nào sợ sệt sao đáng phận mày râu.
Quyết một lòng phấn đấu với lũ sài lang,
Địa chủ ác thay mỗi năm tăng lúa ruộng,
Hụt tiền đến vay một, phải trả hai.
Mất mùa ôi thôi, phải đợ vợ bán con,
Quyết mong đạp đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày nghèo.

1. Thà chết không chịu khuất phục để rạng rỡ danh thơm.

Công nhân:

Tư bản còn quá ghê bóc lột dài thợ thuyền,
Hợp lý hóa làm cho dân thợ thất nghề.
Cùng nhau ra tay tịch ký công xưởng về mình,
Thi hành làm ngày tám giờ luật bảo hộ nhân công.

Đồng ca:

Chúng ta đã quyết cùng nhau,
Phấn đấu cho đến cùng tiêu những loài đế quốc.
Còn, mất nổi lên một trận quyết theo lá hồng kỳ,
Chúc cho phong trào cộng sản muôn năm!

KHUYẾT DANH

*

KÊU GỌI PHỤ NỮ

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Hành vân.*

Ngâm:

Chị em phụ nữ đứng lên,
Phất cờ công đạo hộ quyền quốc dân.

Ca:

Chị em mình, là chị em mình,
Cùng bạn ông trời sinh,
Ta cùng gan óc tai mắt phân minh, thua ai đâu mà sợ?
Kìa Trưng Trắc xông rừng tên núi đạn gian nan, mấy dặm ngàn không hề lay chuyển
Này gương rạng ta thử soi chung, núi Tản sông Hồng, dặm trường mờ mịt một vừng đông, í i...
Làng khăn yếm buổi Á, Âu này, nối gót râu mày, bước tới đường mây.
Bạn thoa quần đua nhau từ đây,
Ta cùng nam giới tử sinh cùng quyết ra tay.

KHUYẾT DANH

CHỊ EM HÃY ĐỨNG LÊN!

TIỂU DẪN: Vũ Thiệu Chân, sinh năm 1907, người Khánh Hòa, nhưng sinh sống và hoạt động cách mạng ở Hải Phòng. Đồng chí hoạt động cách mạng từ năm 1927. Sau Cách mạng Tháng Tám, đồng chí làm công tác Tuyên huấn ở Liên khu III. Hiện nay đồng chí là Hiệu trưởng Trường cán bộ Y tế.

Bài thơ này đồng chí làm năm 1931 khi bị giam ở Sở mật thám Nam Định. Bài thơ được hát theo điệu *Sa mạc* dùng để tuyên truyền chị em phụ nữ rất có hiệu quả.

Chị em ơi, nghĩ mà căm thay cho xạ hội hiện thời!
Nó xô, nó đẩy biết bao nhiêu người xuống biển trầm luân.
Mà chị em ta lại còn khổ nhục muôn phần,
Trong gia đình, ngoài xã hội, họ coi bọn thoa quần ta chẳng ra chi.
Suốt đời ta như đứa thơ nhi,
Loanh quanh luẩn quẩn ở trong phạm vi nhỏ hẹp gia đình.
Có thông minh cũng chẳng được học hành,
Có tài, có chí, chị em mình cũng phải thua kém bạn đàn ông.
Gớm ghê thay cho "tứ đức" với "tam tòng"!
Theo cha, theo mẹ, hết phải theo chồng lại đến theo con!
Suốt đời ta chỉ vào cúi với ra luồn,
"Công, dung, ngôn, hạnh" thật đủ trăm đường trói buộc thân ta.
Chị em ta chỉ bạn với lũ vịt, đàn gà,
Lợi quyền, sự nghiệp, chỉ có tương, mắm, dưa, cà mà thôi.
Cái kiếp ta nay là kiếp tôi đòi.
Tôi đòi cho cả những kẻ tôi đòi nữa kia.
Nghĩ càng đau đớn ê chề!
Càng căm, càng tủi, càng tê tái lòng.
Tình cảnh chị em ta thật đã khốn cùng.
Noi gương chị em các nước, đồng lòng đứng dậy đấu tranh.
Mau mau tự cứu lấy mình,
Cùng anh em vô sản phá tan chế độ xã hội bất bình ngày nay.
Cờ đỏ búa liềm đang phấp phới khắp đông tây,

Tự do, bình đẳng, ắt có ngày như bạn đàn ông.
Dù trai, dù gái mặc lòng,
Đồng tâm hiệp lực ta xây dựng xã hội đại đồng tương lai. [1]

VŨ THIỆN CHÂN

*

MẤY LỜI NHẮN BẠN QUẦN THOA

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Sa mạc.*

Này chị em ơi! Đã sinh ra kiếp má đào,
Cũng tai cũng mắt, có lẽ nào thua bạn mày râu!
Nỗi niềm tây, em nghĩ lại thêm rầu,
Bốn ngàn năm lẻ, chịu cúi đầu dưới chốn khuê môn.
Này chị em ơi! Hết thờ chồng lại nuôi con,
Ngoài vòng bếp núc, biết xã hội vuông tròn là cái chi chi.
Này chị em ơi! Bác mẹ ta tưởng rằng trong đạo nữ nhi,
Ngoài "công, dung, ngôn, hạnh", biết gì đến việc sâu xa.
Này chị em ơi! Mau mau tỉnh dậy kẻo mà,
Kìa quân đế quốc nó tàn sát, bọn đàn bà mình phải ra tay.
Này chị em ơi! Trông thấy anh em gay lại càng gay,
Kìa xương rừng máu lạch cứ mỗi ngày lai láng lênh đênh.

---

1. Bài này do chính tác giả chép cho chúng tôi: sau đây là một "dị bản". *Căm tức thay cho cái chế độ hiện thời ! Nó vùi, nó dập biết bao người trong cái bể trầm luân. Chị em ta cay đắng muôn phần, Trong gia đình, ngoài xã hội, họ có coi cái bọn thoa quần nào có ra chi. Họ coi chúng mình như là thơ nhi. Loanh quanh luẩn quẩn trong phạm vi nhỏ hẹp gia đình. Dẫu có thông minh cũng chẳng được học hành, Có tài, có giỏi, chị em mình cũng phải luồn cúi cái bọn đàn ông. Nghĩ gớm ghê cho "tứ đức" với "tam tòng", bé theo cha, lớn theo chồng, chồng chết lại theo con. Suốt đời chỉ ra cúi với vào luồn, công, dung, ngôn, hạnh đủ trăm đường nó trói buộc thân ta. Quanh năm chỉ bạn với lũ vịt, đàn gà, lợi quyền sự nghiệp chỉ có chĩnh mắm với vại cà mà thôi. Chị em ta sống kiếp tôi đòi ! Đã tôi đòi lại tôi đòi cho những kẻ tôi đòi nữa kia ! Nghĩ càng đau đớn ê chề ! Lòng càng căm tức càng tê tái lòng ! Chị em ta đã đến lúc cùng. Noi gương chị em các nước đồng lòng đứng dậy đấu tranh. Giết quân tư bản hoành hành, phá tan cái xiềng phong kiến để chị em mình khỏi nỗi đắng cay. Búa liềm, cờ đỏ phất phới khắp đông tây. Tự do, bình đẳng ắt có ngày chị em ta được như bọn đàn ông.*

Ta đã trót đa mang lấy một chữ tình,
Cũng liều sống thác cho đành mới hay.
Trẻ thì ta học vá học may,
Để gặp thời ta may áo, vá giày cho khách hồng quân.
Lớn lên ta học thuốc học thang,
Để rồi đây ra chốn sa trường mà giúp bạn cung đao. [1]
Này chị em ơi! Ai có tài trí thì nên gắng sức hô hào,
Rung chuông đánh trống, làm cho sôi nổi phong trào đang lúc vần xoay.
Này chị em ơi! Dải đồng tâm ta thắt chặt muôn người,
Hồn tự do độc lập ta sẽ chiêu vời về cứu vớt anh em.
Này chị em ơi! Ta quyết phá tan hai chữ cường quyền,
Phất cờ độc lập đề tên nước nhà.
Mấy lời nhắn bạn quần thoa!

KHUYẾT DANH

*

THƯ THĂM VỢ

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Sa mạc*.

Này em ơi! Đôi chúng ta đã cùng nhau quyết chí hy sinh.
Thì bao nhiêu quan niệm gia đình ta hãy tạm thủ tiêu!
Khối tình chung ai chả nâng niu,
Nhưng so vào nghĩa vụ có điều nó lại nhẹ hơn.
Nghĩ cuộc đời mà anh đau đớn đòi cơn,
Vì quân tư bản với lại đế quốc, mà anh luống căm hờn suốt cả năm canh!
Nó cùng nhau gây mối cạnh tranh,
Làm cho thế giới bất bình kể biết bao nhiêu!
Thuộc địa thì xâm chiếm rất nhiều,
Nhân công bóc lột, thuế sưu nặng nề!
Hàng hóa thì sản xuất nhiều ghê,
Thị trường mở rộng chẳng hề nó chịu nhường ai!

1. Ý nói học làm y tá để ra mặt trận làm cứu thương.

Suốt năm châu trên cuộc lý tài,
Lợi quyền cướp sạch, nó chẳng để lọt ra ngoài cái kẽ tay.
Nó làm cho chúng ta trăm nỗi đọa đày,
Thợ thuyền thất nghiệp, dân cày lầm than.
Suốt quanh năm bao xiết nỗi cơ hàn!
Mấy trùng áp bức muôn ngàn đắng cay!
Thân chúng ta khổ cực đến thế này,
Ví không tranh đấu hằng ngày ta sống được sao?
Này em ơi! Gương Xô Nga vằng vặc đã treo cao,
Dẫu rằng sinh tử thế nào, anh đâu dám làm thinh!
Lỡ gặp cơn thất bại anh cũng đành,
Cái nhà tù là nơi trường học, anh vẫn tiến hành công việc luôn luôn.
Anh chỉ mong làm sao nhiệm vụ được tròn,
Hầm, xiềng, khóa, xích, anh cũng chẳng đau buồn chút nao!
Kinh nghiệm nhiều, trình độ lại thêm cao,
Gây nên những lớp tân trào cho hay.
Có lẽ đâu anh chịu bó tay,
Đành thân nằm dưới vũng lầy sao cam?
Này em ơi! Bổn phận anh thì anh gắng anh làm,
Bổn phận em, em phải lo toan cho vẹn mọi đường.
Xét tình hình cách mạng xứ Đông Dương,
Điều tra cho chắc chắn, chủ trương em chớ sai lầm.
Lấy *Luận cương* làm cái phương châm, [1]
Trên con đường chính trị em nhằm em đi.
Ngọn cờ hồng trông bóng chỉ huy,
Có khi vận động, có khi em phải tuyên truyền.
Phải thực hành chiến lược đầu tiên,
Mà làm "tư sản dân quyền" cho xong.
Liên hiệp năm xứ công, nông,
Miễn sao cho tới buổi thành công mới đành.
Mối thù chung em trả cùng anh,
Diệt trừ quân đế quốc với tụi địa chủ cho chúng nó tan tành một phen.

1. *Luận cương:* cương lĩnh chính trị của Đảng. Đây chỉ Luận cương Cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Trần Phú thảo ra và Trung ương Đảng thông qua tháng 10–1930.

Quyết ra tay cướp lấy chính quyền,
Phá vòng chuyên chế xây nền tự do.
Dân cày nghèo, ruộng đất chia cho,
Thợ thuyền làm việc bớt giờ lại được thêm lương.
Làm cho quần chúng xứ Đông Dương,
Hoàn toàn giải phóng lên đường văn minh.
Đó là em, đồng chí của anh,
Rõ ràng bên nghĩa bên tình em giữ được cả hai.
Chữ bình quyền nam nữ ngang vai,
Tự do bình đẳng, cái hạnh phúc loài người ta hưởng thụ
cùng nhau.
Sá như ai riêng tưởng mối sang giàu,
Đem thân làm kiếp ngựa trâu ở đời.
Dẫu nhà lầu, áo gấm với xe hơi,
Chẳng qua là con trùng xã hội, đối với loài người hồ dễ ai dung?
Chúng ta dù lao khổ cũng cam lòng,
Ghé vai rán sức gánh chung lấy trái địa cầu!
Chẳng cứ gì khăn yếm với mày râu,
Miễn làm sao cho theo kịp với bạn năm châu trong thế kỷ này.
Hỡi em ơi!
Đôi chúng ta xa cách tự bấy đến nay,
Nỗi niềm ân ái một ngày, anh ví bằng ba thu.
Chính vì quân đế quốc nó gây nên những chuyện hằn thù,
Nó làm cho anh em ta phải loan chia phượng rẽ, kẻ Việt người
Hồ trong bấy nhiêu năm!...
Tấc lòng riêng anh càng nghĩ lại càng căm,
Chỉ trời vạch đất mà anh viết thư thăm có bấy nhiêu lời.
Một bầu tâm huyết em ơi!

NGUYỄN NGỌC TỈNH

SỞ CỦI, NHÀ BÒ

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Xẩm xoan*.

Anh em ơi, "Sở củi, Nhà bò"[1]!
Nó là cái ngục tam đồ ở đất Côn Lôn.[2]
Nhác tai nghe tiếng đã kinh hồn,
Làm thân trâu ngựa biết còn chạy đâu.
Ôi, đành lòng ở đó ít lâu!
Ngẫm xem cảnh vật cơ màu ra sao?
Thằng đội Bề, độc ác xiết bao![3]
Lầm than vất cả thế nào, nó có kể chi!
Sáng năm giờ, nó lập binh đi,[4]
Vai thì vác búa, tay thì xách lon.
Đến chân rừng, quần áo vo tròn,
Giấu đi, tìm chỗ để bòn lấy cây.
Chạy lung tung khắp hết đó đây,
Dẫu cho bụi mái, bè mây cũng chẳng từ.
Bắt tay làm tự sáng đến trưa,
Gặp khi gió bão nắng mưa mặc dầu.
Nghe tù và nó thổi ở đâu.
Xách lon mà chạy mau mau về chòi.
Lãnh cơm ra ăn uống xong rồi,
Lại lên vác củi mà ngoi xuống đường.
Chất ra từng khoảnh rõ ràng,
Để chờ mấy chú cặp rằng đến đo.[5]
Củi than, củi bửa, thì to,[6]

---

1. Sở củi là một Sở có Tây coi, tên chủ Sở lúc đó là Luydôvích. Anh em đi đốn củi thì sáng đi, tối về. Nhà bò là nhà nuôi bò để kéo xe, chở củi. Anh em làm ở Sở củi và Nhà bò đều ở một chỗ.

2. *Tam đồ:* là đạo đồ, hóa đồ và huyết đồ ở trong kinh Phật: đó là ba tội nặng nhất phải xuống hỏa ngục.

3. *Đội Bề:* một tên đội ma tà, rất ác.

4. *Lập binh:* có nghĩa là điểm người, cắt việc giao cho ma tà dẫn đi làm, phiên âm tiếng Pháp (appel).

5. *Cặp rằng:* là cai tù, phiên âm tiếng Pháp (caporal).

6. *Củi than:* thứ củi cắt từng khúc to, còn tươi, dùng đốt làm than.

Củi bửa: củi khô, bửa thành từng mảnh, đem về làm củi đun.

Củi banh dù nhỏ, dù khô, cũng là.[1]
Đủ thì cơm lứt hai ca,[2]
Thiếu thì gạo sống, hầm, ba chục ngày,[3]
Nỗi đời càng nghĩ, càng cay!
Thân này, với nước non này, quản chi!
Gian nan rồi cũng có thì!

NGUYỄN NGỌC TỈNH
1931

*

CẢNH Ở HẦM CON

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Xẩm xoan*.

Bước chân vào cửa Hầm con,[4]
Bốn bề thảm đạm cái nỗi buồn ai dễ có hay?
Nhác trông lên nhà cuốn tường vây,
Rõ hang đá để đày ông chúa Giêsu.
Sập nằm hôi thoang thoảng những hơi chù,[5]
Cái bô ỉa đái xù xù cũng cả một bên.
Hai vòng còng chân cứ xỏ rền,[6]
Ở ngoài cửa khóa, ở trong then nó gài.
Ví không nhờ chút lỗ thông hơi,[7]

---

1. *Củi banh:* củi vụn, xe về banh để đun nấu.

2. Mỗi ngày, mỗi người tù ở Sở củi phải đốn đủ một mét khối, nếu đủ thì được phát hai ca cơm gạo xay như thường lệ, nếu không thì bị đánh 10 báng súng, rồi bị nhốt vào hầm, ăn gạo sống: lần thứ nhất 30 ngày, lần thứ hai 60 ngày, lần thứ ba 90 ngày.

3. Như trên.

4. Côn Lôn có hai thứ hầm: một cái gọi là Hầm lớn là hầm xay lúa, giam hàng trăm người đóng xiềng chân, đêm cùm, ngày bắt xay lúa (những tù trốn và bị tội nhẹ cũng giam ở đây) ; còn một thứ hầm giam từng người một, cửa khóa, chân cùm suốt ngày đêm, ỉa đái, ăn ngủ cũng ở cả đấy, hàng tuần mới mở cửa hầm một lần, nên gọi là Hầm con.

5. *Chù:* chuột chù, vì hầm tối và có lỗ thông ở dưới đất lên, nên đêm chuột chù thường bò vào gặm chân người bị giam.

6. Vòng còng và cùm có vặn bù loong chặt lại.

7. Loại hầm này chỉ có một cái lỗ bằng cổ tay để đút thức ăn vào, và đồng thời là lỗ thông hơi.

Nằm đây một khắc cái đời dễ cũng ra ma.
Cơm ăn mỗi bữa lưng ca,
Nước cho xúc miệng một và ngụm thôi.
Suốt ngày đêm nằm chán lại ngồi,
Chân đau cẳng liệt chẳng khác chi người mắc bệnh giang mai.
Nỗi niềm riêng biết ngỏ cùng ai?
Bạn cùng cái gián với một vài con nhện vương tơ.
Mặc thời gian qua lại nắng mưa,
Mắt trông chỉ thấy mờ mờ mà thôi.
Cái Hầm con là địa ngục giết người!
Thù này thề chẳng đội trời sống chung!
Thương ôi! Cá chậu chim lồng!

NGUYỄN NGỌC TỈNH

ĐI BIỂU TÌNH

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Xàng xê*.

Cùng nhau ta đi biểu tình!
Cùng nhau ta đi biểu tình!
Thợ thuyền, dân cày, binh lính,
Quyết hy sinh đồng lòng cùng nhau.
Cùng nhau, cùng nhau đoàn kết,
Quyết phen này nhất thiết đấu tranh.
Lợi quyền, lợi quyền đồng dựng,
Hạnh phúc chúng ta cùng mưu cầu.
Đánh tan đế quốc, quan trường, thổ hào liệt thân, [1]
Công, nông, binh, trai, gái cầm quyền.

KHUYẾT DANH

1. *Thổ hào liệt thân:* bọn cường hào giàu có ở nông thôn hay cậy thần cậy thế áp bức bóc lột dân đen.

QUẢNG CHÂU CÔNG XÃ

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Ca trù*.

Mưỡu:

Quảng Châu Công xã dựng cờ [1],
Tấm gương anh dũng bây giờ là đây.
Chính quyền cướp được ba ngày,
Khí mù Sa Điện, máu đầy Châu Giang [2].

Nói:

Mười hai, tháng Chạp [3],
Công, nông Tàu dậy cướp Quảng Châu.
Đội tiên phong cướp ngọn cờ đầu,
Trận vong quốc cùng nhau cùng khảng khái.
Thúc Giáo đạo đoàn quay súng lại [4],
Phá Công an cục tháo xiềng ra [5].
Tiếng hò reo giải phóng khắp Trung Hoa,
Phường diệt Cộng, phản Nga đều hú vía.
Quốc dân Đảng bàn mưu lập kế:
Kéo toàn quân ra để tiến công.
Nước Châu Giang máu đỏ nhuộm đầy sông,
Hàng chục vạn công, nông liều bỏ mạng.
Gương mãnh liệt nghìn thu còn soi sáng,
Sức Hồng quân còn đề kháng mãi về sau [6].
Lửa chiến tranh bùng cháy, hỏi vì đâu?
Họa vong quốc xiết bao là thảm hận!...
Lập Mặt trận nhân dân kháng Nhật,
Quyết liên minh để cứu lấy dân Tàu.
Muôn năm Công xã Quảng Châu!

NGUYỄN NGỌC TỈNH
1935

1. *Quảng Châu:* thủ phủ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.
2. Một con sông ở Quảng Châu.
3. Tức ngày 12-12-1927.
4. *Giáo đạo đoàn:* đoàn huấn luyện về quân sự của Quốc dân Đảng Trung Quốc.
5. *Công an cục:* tức là Sở Cảnh sát của Quốc dân Đảng.
6. *Đề kháng:* kháng cự lại, chống lại.

CÁCH MẠNG NGA

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Xàng xê*.

Ta nghe ngày bảy, Nôvăm [1],
Nga cách mạng thành công,
Rất nên đẹp lòng.
Khi công, nông đoàn tụ,
Thợ thuyền liên hiệp,
Đạp đổ nhà vua,
Phá tan cường quyền.
Thời hiện giờ đang kiến thiết,
Xã hội rày rất nên bình đẳng,
Hiện nay nước Nga đang thành lập Chính phủ
Công Nông

KHUYẾT DANH
1932

*

MƠ LIÊN XÔ

TIỂU DẪN: Bài hát theo điệu *Ca trù*.

Mưỡu:

Đứng trên phần sáu địa cầu,
Một mình nước mạnh, dân giàu không hai.
Xây nên xã hội tương lai,
Theo gương tiến hóa cho đời đấu tranh.

Nói:

Bầu trời trái đất,
Thú Liên Xô ao ước bấy lâu nay!
Kìa Hồng quân, thuyền thợ với dân cày,
Oanh liệt nhất hỏi rằng đây có phải?

1. Tức ngày 7 tháng 11.

Trụ cột hòa bình xây vững chãi,
Thành trì cách mạng mở thung thinh!
Nhác trông lên kìa tượng Lênin,
Quân đế quốc giật mình trong giấc mộng.
Nhà máy tập trung, đồn điền công cộng,
Kìa dưỡng lão viện, nọ dục anh đường.
Ngọn cờ bay đỏ chói một phương,
Dấu liềm búa huy hoàng như gấm dệt.
Thành Mátxcơva rung bóng nguyệt.
Trường Lêningrát chọi cung mây.
Hỏi công trình xây dựng bởi ai đây?
Nhờ vô sản ra tay kiến thiết.
Hô khẩu hiệu: Muôn năm Xô viết!
Xứ Cộng hòa vui biết nhường bao!
Càng trông phong cảnh càng yêu...

NGUYỄN NGỌC TỈNH
Côn Đảo, 1934

Phần sáu

NHỮNG BÀI VÈ DÂN GIAN VIẾT VỀ ĐỀ TÀI XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH

DÂN HẠNH LÂM PHÁ NHÀ KÝ VIỄN

TIỂU DẪN: Ký Viễn quê ở Thái Bình, khi đầu hắn đến Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, chỉ thuê một mảnh đất nhỏ để kinh doanh nghề nấu vôi ở lèn Yên Lạc. Nhưng sau, vì khéo bợ đỡ quan Tây cùng bọn quan lại, giàu có mãi lên. Với nhiều thủ đoạn gian ác, nó đã bao chiếm nhiều ruộng đất của nông dân Hạnh Lâm để lập đồn điền, đặt đường ray từ lèn Yên Lạc ra đến bến sông Giăng để vận chuyển vôi. Hơn nữa, hắn còn tự tiện ngăn cản hoặc đánh thuế nhân dân Hạnh Lâm và các xã La Mạc, Cao Điền, Cát Ngạn vào rừng hái củi, lấy măng, kiếm dang, lấy củ nâu..., tự tiện bắt giam trâu bò lạc vào đồn điền, hoặc chạy qua đường ray... Đấy là chưa kể những hình thức bóc lột khác như cho vay lãi, thuê nhân công.

Bài vè này phản ánh một phần cuộc đấu tranh của nông dân mấy xã hồi đó.

Tứ xứ phẳng lặng,
Riêng Hạnh Lâm đua sức đua tài,
Năm thôn sôi nổi, trong ngoài ngàn dân.
Thùng thùng trống đánh ngũ liên,
Vỏ lả chạy khắp hai bên hai làng [1].
Đồng dân họp điếm nậu Ràng [2],
Bất câu nội ngoại mời làng phải ra [3].
Nửa đêm nghe trống canh ba,
Đồng dân hiệp lại phá nhà Ký Vôi [4].
Đầu đoàn vô phá sạch rồi,
Đuôi đoàn mới kéo đến đuổi cây đa [5].
Phá rồi dân tản về nhà,
Thầy tớ Ký Viễn tới tòa báo binh [6].

1. *Vỏ lả:* chính là "vỏ lửa", chỉ công văn, chỉ thị khẩn cấp.
Hai làng: tức Hạnh Lâm và Yên Lạc.
2. *Nậu Ràng:* thuộc Hạnh Lâm, nậu cũng như phường, xóm.
3. *Nội ngoại:* chỉ dân nguyên quán và dân ngụ cư.
4. *Ký Vôi:* tức Ký Viễn.
5. *Cây đa:* tức cây đa chợ Tán, cách nhà Ký Viễn hơn 2km.
6. *Tòa báo binh:* có người nhớ *tòa ba binh*, có lẽ nói việc thầy tớ Ký Viễn đi báo với quan ba giám binh ở Vinh.

Yên Lạc chộ rứa (thấy vậy) cũng kinh,
Ông Chánh, ông Bộ xuống trình quan Tây, [1]
Lập bô hàng đội kéo ngay, [2]
Giấy chạy chưa khắp tàu bay lên liền. [3]
Tàu bay khám xét đồng Lèn,
Vặn máy trở lại về truyền các quan.
Hạnh Lâm có sự gian nan,
Điểm mục bảy xóm ra bàn chuyện dân.
"Chộ (thấy) quan, chộ lính, nỏ (không) cần,
Xin dân cho quyết, xin dân cho liều...". [4]
Quan Án ngài có "lòng yêu": [5]
"Dân đâu dân cứ làm kiêu cả đoàn.
Bồi của Ký Viễn ba ngàn,
Thuận thời làm giấy để quan về tòa".
Nửa đêm sang trống canh ba,
Đồng dân hiệp lại để mà đi coi.
Quan Án ngài đã hiểu rồi,
Dân đâu xã đó kiếm nơi mà về.
Quân Tây là quân u mê.
Súng đâu tọng nạp bắn về bên ta.
Quan Án nghe súng chạy ra,
Dân thương, dân chết hơn ba mươi người. [6]
Bắt các hào lý đem xuôi, [7]
Bao nhiêu trai hạng tránh thời cho xa.
Bắt rồi đến vạn độ hà,
Cả Tây lẫn lính hăm ba chiếc thuyền. [8]

---

1. Ý nói chánh tổng, lý hương ở Yên Lạc rủ nhau đi báo quan việc dân Hạnh Lâm nổi dậy đốt nhà Ký Viễn.

2. *Lập bô:* nghĩa là báo cáo, phiên âm tiếng Pháp (rapport).

Hàng đội: quân lính. Ý nói sau khi nghe báo cáo, lính Tây và lính khố xanh kéo lên ngay Hạnh Lâm để đàn áp.

3. Ý nói ngay chiều 1–5–1930, thực dân Pháp cho một máy bay lên quan sát tình hình.

4. Chỉ quyết định của quần chúng khi bàn kế hoạch đối phó với địch.

5. *Quan Án:* chỉ Án sát Nguyễn Khắc Niêm được Công sứ Vinh cử về giải quyết việc Hạnh Lâm.

6. Nói việc Hồng Quang Dịch làm Thương tá, khi đó dẫn Tây và lính khố xanh lên đàn áp, làm 35 người chết và bị thương.

7. Ý nói chúng đã bắt tất cả lý trưởng, ngũ hương của Hạnh Lâm, cho là họ có cảm tình với cách mạng, không trị được "bọn cộng sản" cứ để chúng làm "loạn".

8. Đàn áp và bắt người xong, chúng kéo xuống dọc sông Giăng, lấy 23 chiếc thuyền để xuôi Vinh.

Kéo về cổng chợ vừa liền,
Chộ lá cờ đỏ hồn liền tiêu ma. [1]
Hôm sau lại giấy tỉnh tòa,
Bắt dân vì tội phá nhà Ký Vôi.
Cả xã bắt khắp hết rồi,
Sót ông cai cựu đem xuôi nốt đò, [2]
Đồng dân cứ hỏi mò mò,
Răng ai có bụng lo cho dân cùng?

*

KỂ CHUYỆN TRANH ĐẤU Ở THANH CHƯƠNG

Gẫm xem trời đất lạ lùng,
Mừng năm Canh Ngọ đùng đùng nhủ đi. [3]
Khi ngơi (nghỉ) nói chuyện bên Nga,
Thành công vinh hiển thật là sướng thân.
Truyền đơn về báo dần dần,
Tuyên truyền huấn luyện trong dân hằng ngày.
Mùng một, tháng Chín ban ngày,
Rủ nhau đến huyện đuổi ngay huyện Phàng. [4]

...

Xuân Lâm, Cát Ngạn, Đại Đồng,
Bích Hào, Võ Liệt hội đồng đấu tranh, [5]
Búa liềm cờ đỏ tung hoành,
Tiếng trống tiếng mõ rập rình bên sông.
Thả tù phạm, đốt huyện công,
Dân đi như nước biển Đông kéo về.

---

1. "Chộ lá cờ đỏ hồn liền tiêu ma": khi chúng kéo xuống chợ Tán, thấy trên ngọn cây đa có lá cờ đỏ mang hình búa liềm đang tung bay, đứa nào cũng sợ.

2. Chỉ việc sau đó chúng vẫn tiếp tục đàn áp.

3. Chỉ cuộc biểu tình ngày 1-6-1930. Trong cuộc biểu tình này, ba ngàn nông dân Thanh Chương đã kéo lên huyện. Tri huyện Phan Thanh Kỳ phải mặc áo thụng xanh ra đón tiếp đoàn biểu tình tại chợ Rộ và nhận các yêu sách.

4. Ngày 1-9-1930, ngày có cuộc biểu tình của năm tổng gồm hai vạn nông dân Thanh Chương đã đốt huyện đường, thả chính trị phạm... Phan Sĩ Bàng tức Phàng về làm tri huyện thay Phan Thanh Kỷ, đã phải bỏ huyện lỵ chạy trốn.

5. Đây là năm tổng của huyện Thanh Chương.

Ào ào khắp nẻo làng quê,
Thét vang khẩu hiệu quản gì chông gai.
Quản gì sống thác hôm mai,
Quản gì súng đạn với loài thực dân.
Đòi độc lập, đòi lợi quyền,
Đòi bỏ các thuế, xây nền công nông.
Lãnh binh kéo đến, xem không,[1]
Huyện đường nha lại biệt mông chạy quàng,
Hương hào, tổng, lý các làng,
Các ông tái mặt, đầu hàng dân đen.
Đâu đâu "xã hội" cầm quyền,
Nông hội, phụ nữ đứng lên rõ ràng.
Thảm thương thay, Nguyễn Công Thường![2]
Hòn đạn đội Dởn, tai ương tức thì.
Làm lễ chôn cất một khi,
Bâng khuâng vĩnh biệt anh về quê hương.
Căm hờn ngùn ngụt Thanh Chương,
Sông Lam rộn sóng, núi Hoàng uy nghi.[3]
Tây đồn, phong kiến phứt (phá) đi,
Ruộng làng, ruộng bãi gì gì về ta.
Hạnh Lâm xuống đến Liễu nha,
Văn Giai, Xuân Bảng cho qua Trí Tường.[4]
Truyền đơn, diễn thuyết đàng hoàng,
Biểu tình, đọc báo, họp bàn đấu tranh.
Rộn ràng bao cuộc mít tinh,
Rộn ràng tự vệ tập tành hôm mai.
Phen này ai cũng như ai,
Của mình mình hưởng, triệt loài bất nhân.
Phen này không thánh, không thần,
Không trời, không bụt, quyền dân thi hành.

*

1. Hôm mồng 1-9-1930, khoảng 3 giờ chiều, lãnh binh đưa một toán lính khố xanh về, nhưng trước khí thế của quần chúng, hắn phải quay gót và cúi mặt ký vào bản yêu sách.

2. Nguyễn Công Thường hy sinh ở bến đò Nguyệt Bổng. Anh định lội xuống sông lấy thuyền cho đoàn biểu tình qua sông, tên đội Dởn đã bắn anh.

3. Chỉ núi Hoàng Bảng ở Võ Liệt, Thanh Chương.

4. Tên các làng ở đầu và cuối huyện Thanh Chương. Ý nói hồi đó ở Thanh Chương, làng xã nào cũng sôi sục khí thế cách mạng.

KỂ CHUYỆN TRANH ĐẤU Ở NAM ĐÀN

TIỂU DẪN: Nam Đàn là huyện có phong trào cách mạng sôi nổi của tỉnh Nghệ An. Chính quyền Xô viết đã được thành lập ở đây và đã đem lại một số quyền lợi thiết thực cho nông dân. Bọn địch đàn áp dã man. Bài này đã nêu lên được khá trung thực khí thế cách mạng của quần chúng Nam Đàn, những diễn biến cụ thể của phong trào cách mạng cùng các thủ đoạn đối phó của địch. Bài còn thiếu đoạn cuối, chưa sưu tầm được. Bài này do cố Sâm, người xã Nam Anh (Nam Đàn), đọc cho ghi.

Rằng đời Bảo Đại năm năm, [1]
Trung thu, tháng Tám ngày rằm đêm thanh.
Bóng nga thấp thoáng trướng huỳnh,
Giải lời trong lúc chén quỳnh đầy vơi.
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Thương dân trăm họ gặp thời gian truân.
Vì đâu họa biến xoay vần,
Để dân đến nỗi nhọc nhằn lo âu.
Bốn phương phẳng lặng một màu,
Thốt nghe gió chuyển mưa đâu lạ đường.
Khắp vùng ở chốn quê hương,
Xóm làng đã trải, phố phường đã hay.
Truyền đơn rải khắp đêm ngày,
Trống rung, chuông giục, mõ lay đôi hồi.
Mỗi người một cái thước dài,
Dân ra như kiến động trời gần mưa.
Ba quấn chỉ lối phất cờ,
Kéo ra đến tận dinh cơ huyện Đàn. [2]
Trong cung nha lại quân quan,
Hãi hùng mới hỏi rằng cơn cớ gì?
Sự sao có sự phi vi?
Hãy vào mà bạch (nói) một khi cho tường.
Đầy sân đứng chật cung đường
Rằng: "Xin mấy chữ dân đang yêu cầu:

1. Tức năm 1930.
2. Chỉ cuộc biểu tình ngày 30–8–1930 lên huyện Nam Đàn.

Thuế rượu, thuế muối, xá mau,
Thuế người, thuế ruộng, thuế trâu, xin đừng.
Lòng dân được thế mới mừng,
Lấy của đại địa chia bằng cho dân.
Bao nhiêu tù phạm oan thân,
Thả ra cho họ về mần (làm) ăn ngay".
Quan nghe chưa dám chuẩn y,
Nói rằng: "Thong thả, dân bay chưa cần,
Xuôi Tòa thưa hết vân vân,
Họa may chuyển một vài phân gọi là".
Dân nghe quan để thưa Tòa,
Đỏ mày, cay mắt, à à không thông.
Rủ nhau tác một chữ đồng,
Mở tha tù phạm thoát vòng trần ai.
Những đơn, những án, những bài,
Những nghiên, những bút quăng ngoài mái hiên.
Cầm tay quan dắt lại bên,
Ấn mô đưa đóng như trên yêu cầu. [1]
Trở ra Ký Rượu phố lầu, [2]
Phá phách tan nát chừng đâu vài giờ.
Vợ con hoảng hốt chơ vơ,
Vừa la vừa chạy quý hồ thoát thân.
Rượu vang, rượu điếm sạch ngần,
Quăng bàn ghế tủ ra sân rồi về.
Dân ta bàn tán hả hê,
Thế đang như bão ai thì dám đương,
Bây giờ giữa chốn hương trung,
Dân quyền bình đẳng ai cùng như ai.
Đình chùa, miếu điện, đền đài,
Toan đem dỡ lại một nơi tế thần.
Ruộng công lấy để chia dân,
Phần phò xôi thủ quan thân cũng rồi. [3]

---

1. Chỉ việc bắt Tri huyện Nguyễn Tuy phải đóng dấu vào mấy lời đoan: "Nam Đàn tri huyện huyện quan tự tư dĩ hậu bất đắc nhũng nhiễu nhân dân", nghĩa là: "Quan tri huyện Nam Đàn từ nay về sau không được nhũng nhiễu nhân dân".

2. Tên Ký Rượu này đã dựa vào thế quan, thế Tây, thầu bán rượu để bóc lột nhân dân.

3. *Quan thân:* quan lại, thân hào.

Thất thập, bát thập lão lai, [1]
Chánh lý, phó lý... thứ ngôi bỏ quàng,
Các ông tạp chức trong làng,
Thôi thôi cũng nỏ ra hàng lối chi.
Một đoàn dân đỏ chuyến ni,
Luận bàn việc xã đêm ngày đảm đang.
Đâu đâu cờ đỏ rỡ ràng,
Việt Nam Cộng sản đàng hoàng phân minh.
Lạ chi khí huyết dân tình,
Càng căm tức lắm, càng tranh đấu nhiều.

*

Tưởng là một trận gió mưa,
Quyền ta, ta giữ đã thừa trong tay.
Tập tành tự vệ đêm ngày,
Tiếng mau xa chạy cao bay triều đình.
Khắp miền phủ huyện tỉnh thành.
Lệnh ra nghiêm cấm, quân binh giữ gìn.
Lại sai mấy chiếc tàu thiên (tàu bay),
Dò xem tình trạng Hưng Nguyên thế nào. [2]
Dẫu mà dân có hỗn hào.
Quả bom chất sẵn ném vào phải tan.
Rồi sai mấy vị trọng quan,
Lang thang hiểu thị dân gian trong ngoài. [3]
Dân đâu có bỏ vào tai,
Đã quen dân chủ, nghe ai bây giờ!
Ngày thì ra dạng ngẩn ngơ,
Đã kín như trứng, lại trơ như đồng.
Đêm về diễn thuyết tập trung,
Mấy nhà mật thám sạch không tan tành.
Có đêm gió mát trăng thanh,
Rủ nhau đi huyện biểu tình lần sau. [4]

---

1. Tức là các bậc bô lão bảy mươi, tám mươi tuổi.

2. Chỉ việc thực dân Pháp dùng máy bay thả bom giết hại 214 người trong cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Hưng Nguyên.

3. Ý nói bên cạnh chính sách đàn áp, chúng cho mấy tên sĩ quan to trong triều làm Khâm sai đại thần ra kinh lý để hăm dọa, dụ dỗ.

4. Chỉ cuộc biểu tình ngày 28-9-1930, nhân dân kéo đến huyện bị địch dùng thủ đoạn lừa phỉnh rồi đàn áp.

Mấy tên lính lệ đứng đầu,
Mở dong cánh cửa, nói phao lên rằng:
"Ở đây quan lớn công bằng,
Nhân đức tuyệt diệu, nói năng dịu hiền.
Dân ta có vị cầm quyền,
Xin chi cũng được, vào xin sự gì.
Bao nhiêu dùi gậy vứt đi.
Phòng khi sấm sét bất kỳ thời sao?"
Tai nghe như mật rót vào,
Từng đàn từng lũ ào ào bước vô.
Hay đâu hiểm độc mưu mô,
Hay đâu lừa đảo chẳng dò đầu đuôi.
Đùng đùng khói tỏa ngất trời,
Súng vang như sấm, đạn thời như mưa.
Hồn dân theo ngọn gió đưa,
Than rằng trời biết cho chưa, hỡi trời!
Kẻ thì chạy ngược chạy xuôi,
Người thì bị đạn thiệt thòi oan thân.
Người thì mặt mũi sượng sần,
Người thì giập gối rách chân đau lòng.
Người thì sa xuống bờ sông,
Người thì bắt bỏ vào trong trại tù. [1]
Ba mươi sáu tỉnh như nhau,
Phải là một xứ mình đâu cát lầm. [2]
Tiếc thay súng để ai cầm,
Đạn kia ai đúc, dao gươm ai rèn.
Để ta nên thối nên hèn,
Để ta chịu lũ cường quyền mãi ru?
Dần dần đông lại thu qua,
Mùa màng nông vụ nay đà đến nơi.
Quân quan thích ngộ phùng thời, [3]
Tới thôn quê đóng đã đôi ba lần.
Tưởng là mượn pháp vương thần,
Cho dân sợ hãi rồi dần sẽ nguôi
Ai ngờ sắt đá vàng thau,
Truyền đơn cứ rải gươm dao cứ rèn...

---

1. Trong cuộc biểu tình này, địch bắn chết 18 người, bắn bị thương 22 người, bắt giam 37 người.

2. *Cát lầm:* đây có nghĩa là vất vả, khổ sở.

3. *Thích ngộ phùng thời:* may mà gặp thời.

CUỘC BIỂU TÌNH NGÀY 12-9 Ở HƯNG NGUYÊN

TIỂU DẪN: Ngày 12-9-1930, nhân dân hai huyện Hưng Nguyên và Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, cùng phối hợp tổ chức một cuộc biểu tình lớn. Bà con tổng Nam Kim qua đò Yên Xuân tập trung tại Phù Xá, rồi cùng với bà con các tổng Phù Long, Thông Lạng tiến ra Thái Lão để đến phủ ly Hưng Nguyên. Tên trưởng ga Yên Xuân thấy đoàn biểu tình, báo cho giặc Pháp ở Vinh biết. Lập tức, chúng cho quân lính đến ngăn chặn, bắt bớ, bắn giết và còn cho máy bay đến ném bom vào đoàn biểu tình. 214 người chết và nhiều người bị thương. Căm thù, quần chúng vẫn tiếp tục "Gạt phăng bọn chúng ra ngoài, Đoàn người rẽ đất vạch trời tiến ra". Ngày nay, bên đường 49, ở Thái Lão, đã xây dựng nghĩa trang liệt sĩ để tưởng nhớ đến những người đã hy sinh dũng cảm trong cuộc biểu tình này.

... Tây đang trợn mắt nhăn mày,
Lo dòng sóng Đỏ đêm ngày cuộn lên.
Thì vừa khắp huyện Hưng Nguyên,
Góp thêm trận bão kinh thiên làm đà.
Đây là trận máu xương ta.
Cũng đây là trận giục hoa ươm đài.
Nguyên tảng sáng mười hai, tháng Chín,
Dân Hưng – Nam hai huyện hẹn hò.
Mang cờ đỏ, đùm cơm mo,
Vượt đồng tới chợ, kết đò qua sông.
Đoàn vừa đến chỗ tập trung,
Biết tin, ga trưởng Yên Xuân báo rồi.
Trói ngay tên chó mạt đời,
Cho quê hương vạch chân trời đứng lên.
Dưới cờ liềm búa kết liên,
Lắng nghe thượng cấp uy nghiêm mở đầu:
"Hỡi công nông, hỡi đồng bào!
Trận này ta quyết lật nhào bất công.
Trăm miền đổ lại tập trung,
Kéo nhau ra tỉnh một lòng chớ lui.
Kéo đi bắt chúng trả lời,
Bao nhiêu quyền lợi ta đòi bấy nay.

Trả đất ruộng cho dân cày,
Trả nhà máy đó về tay thợ thuyền".
Tiến lên vô sản tiến lên!
Tiến lên, cùng tiến cuốn thêm nhiều người.
Như sông Lam cuộn nước trào,
Cuốn phăng cả núi, đổ nhào ra Vinh.
Chợt nghe tiếng máy xịch xình,
Đoàn xe chở lính khố xanh sục về.
Lắc cắc súng, tuốt trần lê,
Chúng đem bạo lực định đè anh em.
Khốn thay mẻ lưới rách mèm!
Ngăn sao sóng Đỏ đã lên to rồi.
Gạt phăng bọn chúng ra ngoài,
Đoàn người rẽ đất vạch trời tiến ra.
Đuôi đoàn còn ở nhà ga,
Đầu đoàn đã sắp kéo ra phủ đường.
Truyền đơn trắng xóa đường làng,
Tre vươn cao ngọn, cờ càng phất cao.
Phủ đường hồn lạc phách xiêu,
Báo cho Tây biết chết vèo đến nơi.
Vinh nghe nổi một hồi còi,
Căm nhông lính kín đốc trời bổ ra.
Chặn từ ngã bảy ngã ba,
Ách (giữ) dân qua lại khảo tra sự tình.
Rồi năm cánh sắt lao nhanh,
Xối bom xuống đám biểu tình tay không. [1]
Cho hay cốt sắt ở lòng,
Đoàn người đẫm máu lấy đồng vượt qua.
Trên đầu chẳng khiếp bom sa,
Lòng tin dưới tỉnh, bên ta chiếm rồi.
Phất cờ thẳng tiến không lui,
Dẫu cho chật đất ngất trời tiếng rên.
Người trước ngã, kẻ sau lên,
Cả đoàn vẫn vững, cấp trên dẫn đầu.

---

1. Năm máy bay thả bom hai lần ở Thái Lão: buổi sáng lúc nhân dân đang biểu tình; buổi chiều lúc nhân dân đang nhặt xác và chôn cất những người bị chúng giết hại.

Cho dù giữa cánh đồng sâu,
Ba trăm nhân mạng đỏ ngầu máu oan.
Những ai chạy tạt vào làng,
Vẫn còn nghe thét rõ ràng tiếng loa:
"Bước lên anh chị em ta,
Bước lên trước đứt sau ra nối liền".
Thế là nợ máu Hưng Nguyên,
Biến thành dòng máu quật lên ngút trời.
Kêu tên tất cả loài người,
Nơi đâu chưa rõ ách loài thực dân.

*

NHỮNG NGÀY KHÓ KHĂN Ở YÊN THÀNH

TIỂU DẪN: Phong trào cách mạng ở huyện Yên Thành, Nghệ An, vừa bùng lên thì bị bọn thống trị khủng bố. Chúng dùng những biện pháp thâm độc như tổ chức phu đoàn, phát thẻ quy thuận, rước cờ vàng, lập hệ thống đồn bốt v.v... để đàn áp nhân dân. Bài vè này phản ánh tình hình làng Ngọc Luật (Yên Thành) lúc thoái trào. Nó ghi lại được một phần cuộc đấu tranh của quần chúng và tình hình bọn cường hào nhũng nhiễu ở nông thôn.

Bài này do cố Nga ở làng Ngọc Luật đọc cho ghi.

Hoàng triều Quý Dậu chi niên, [1]
Đặt một cái chuyện để truyền về sau.
Từ Ngọ, Vị năm đầu, [2]
Nổi phong trào cộng sản.
Khắp bốn phương biến loạn,
Miền Nghệ Tĩnh vang lừng.
Nhất địa hạt Thanh Chương,
Rồi Nam Đàn, Nghi Lộc.

Thi hành thật kịch liệt,
Ra đánh đổ quyền cường,

1. *Quý Dậu:* năm 1934.
2. *Ngọ, Vị:* hai năm 1930 – 1931.

Đốt phá huyện Thanh Chương.
Kéo thẳng cờ độc lập.

Phát truyền đơn đã khắp,
Ra vận động Yên Thành.
Nào những kẻ tài danh,
Nào những ai tâm huyết.
Đi các làng diễn thuyết,
Gọi liên hiệp thợ, cày.
Quyết đánh đổ bọn Tây,
Với Nam triều Chính phủ.

Tin đâu về giục giã,
Gọi các xã các làng.
Những ai trong hội nông,
Những ai còn nặng lòng.
Nghĩ đất nước non sông,
Đi biểu tình ngoài huyện.

Ta làm nên một chuyến,
Cho bọn chúng phải ghê.
Lệnh tập trung chợ Kè, [1]
Khắp Quan Trung, Vân Tụ.
Kéo đầy đoàn, đầy lũ,
Một chốc đến Quảng Cư.
Phỏng độ gần mười giờ,
Tây kéo lên chợ Mới.

Thấy bóng người xấp xới,
Thấy cờ đỏ rõ ràng,
Nghe trống mõ vang lừng,
Tây, tập [2] liền kéo sang,
Phá Quảng Cư tan nát.

Mặt cái quân đã ác,
Súng bắn nổ vang trời,

---

1. *Chợ Kè:* chợ ở thôn Trú Pháp, xã Mỹ Thành bây giờ.
2. *Tập:* lính tập, tức là lính khố xanh.

Chết mất bốn mạng người,
Xong, rút về chợ Mới.
Ngăn đường đi lối lại,
Chúng sắp xếp đóng đồn.
Ngồi nghĩ nước nghĩ non,
Lúc bấy giờ o ép.

Ăn xong ba ngày Tết,
Nghe cụ Thượng kéo lên. [1]
Phát cờ, thẻ cho dân,
Về làm ăn cho dễ.

Phiên chợ Kè hôm đó, [2]
Cờ biển thật là sang.
Các quan tỉnh đàng hoàng,
Kéo vào liền hiểu dụ.

Thượng Kỳ ngon ngọt dỗ,
Ai có bỏ vào tai.
Nó đang nói lai nhai,
Tờ rơi tung hàng xấp. [3]

Rồi tiếng hô tới tấp,
Rồi đá ném tứ tung.
Thượng Kỳ liền thị hùng:
"Quân ni phải giết hết!"

Lúc đến mặt đỏ gấc,
Ra đi mặt xanh rì.
Một đoàn lủi thủi đi,
Lý hương lao đao lạy.

Bao người rồi sau đấy,
Bị bắt, bị kẹp treo.
Cây rú Gám liu hiu,
Nước sông Dinh cạn kiệt.

1. Tức Thượng thư Nguyễn Khoa Kỳ, Tổng đốc Nghệ An, kéo lên để phát thẻ quy thuận và "chứng kiến" cảnh dân rước cờ vàng.
2. Tức ngày 20-1, năm Tân vị (1931).
3. *Tờ rơi:* truyền đơn.

Dân tình rên xiết,
Quan lính cứ rông càn,
Nắng hạn khô khan,
Biết mần răng sống được.

Giừ ngoài đình trống thúc,
Sưu thuế đã đến nơi.
Ông lý đương ra thời.
Mắc can liên quá hại. [1]
Có anh tên Nguyễn Thái, [2]
Ra đút lót làm quyền.
Cậy thế nhà phú cường,
Chỉ dụng tình ức ác.

Chẩn người ta chỉ phát, [3]
Cho những kẻ cùng bần.
Những kẻ đói trong dân,
Chỉ ngồi nhìn trơ mắt.

Lúc bấy giờ mới biết,
Quyền Lý Thái ăn to.
Đói mấy cũng không lo,
Gấu (gạo) bao giờ cho hết.

Thằng nào thân thiết,
Gấu vừa đội vừa mang.
Làm Lý trưởng trong làng,
Như cây cao, che một phía.

Cái thằng bạc nghĩa,
Đồ bất cố giang sơn.
Vơ cả lễ tế thần,
Dọa ba người Cộng sản.

Dọa trong hương đảng,
Dọa kẻ ngái (xa) người gân (gần).

---

1. Chỉ việc Lý trưởng Liêm có cảm tình với cách mạng bị giặc bắt, tra tấn và tịch thu tài sản.

2. Thường gọi là Lý Đởn, một tên cường hào gian ác, đút lót bọn quan lại ra làm quyền lý trưởng.

3. *Chẩn:* phát chẩn, phát gạo cho người nghèo.

Dọa đến cả bà con,
Phải kiếm lễ nói liền,
Không thì tù đừng hối.
Thẻ để mà đi lại! [1]
Nhà nước sức ba xu.
Về Lý trưởng đi thu,
Đúng quan hai thẳng cẳng.

Con nhà nghèo nộp gắng,
Nghĩ mà nỏ mấy mươi.
Bốn mươi mốt con người, [2]
Ai ai mà cũng giận.

Giữ đinh điền cũng bán,
Biết lấy gì ăn tiêu.
Những sự đã nhiều điều,
Dân ta rày cực khổ!

Đâu chỉ riêng lão lý,
Nào bang tá, phu đoàn,
Nào các thầy, các quan,
Nào phó lý, ngũ hương,
Nào Tây, tập trên đồn.
Một bầy ác móc cổ.

Gấu ló (gạo lúa) chẳng có,
Cái rau má cũng không.
Gió cột cột thổi ròng,
Trời nắng lửa mù ong,
Vợ con nhìn thảm thiết!

Vua quan nào có biết,
Chỉ lo sự thằng Tây.
Gẫm Ngọ, Vị mới đây,
Trống mõ hãy còn say,
Cờ đỏ hãy tung bay,
Đứng lên làm phen nữa!

1. Chỉ thẻ quy thuận.
2. Chỉ số lượng suất đinh của làng Ngọc Luật (Yên Thành) khi đó.

CÁI NẠN BANG TÁ

TIỂU DẪN: Bang tá là một chức vụ do giặc Pháp đặt ra từ cuối năm 1930 để giúp chúng đàn áp phong trào cách mạng. Có bang tá xã, bang tá tổng, bang tá huyện... Hầu hết bang tá đều là những tên cường hào gian ác, chống cách mạng, tên nào cũng gian ác tham lam. Bài vè này vạch rõ "cái nạn bang tá" là cái nạn treo kẹp người, vu oan giá họa, bòn của, ăn hối lộ... của những tên tay sai của giặc hồi đó.

Năm Canh Ngọ biểu tình nổi loạn, [1]
Thấy dân ta ngao ngán sự tình.
Ông bang đòi dân ra đình, [2]
Hung hàng cùm kẹp như hình hướng nha: [3]
"Có răng bay phải khai ra,
Không tau (tao) bẩm tỉnh lên tòa bắn đi.
Những thằng đầu thú, tình nghi,
Mỗi thằng mười trự, tau thì cứu cho". [4]
Dân ta bán ruộng bán bò,
Vay công lĩnh nợ mà lo thân mình.
Khen cho Nhà nước cũng tinh,
Đặt thẻ quy thuận dân tình kiếm ăn.
Đoàn phu những chiếu với chăn, [5]
Canh giờ nghiêm ngặt trong dân đêm ngày.
Ngoài đồng mất trắng đã gay,
Ngồi nhìn con đói thảm thay trong lòng!
Lý hương nỏ được mấy ông.
Dân nhờ, dân cậy mà không mất tiền.

---

1. Tức năm 1930.

2. Tức bang tá Phan Văn Xuân, người làng Tràng Các, huyện Thanh Chương, Nghệ An.

3. *Hương nha:* tức như ở nơi công đường nha lại. Tại nơi đình trung của làng xã, bọn chúng đã biến thành nơi hỏi cung, tra tấn, treo kẹp, giam hãm người như nơi huyện đường, tỉnh đường vậy.

4. *Mười trự:* mười đồng tiền.

5. *Đoàn phu:* một tổ chức do Pháp lập ra để đàn áp cách mạng. Nó cũng na ná như tuần phu, song nhiệm vụ chính trị của nó nặng hơn

Phó đoàn là gã Trưởng Biền, [1]
Tính hay xoi móc bạc tiền trong dân.
Xoi rửa mãi, dần dần rửa mãi,
Lúa với tiền để tại nơi mô?
Những người phụ thuộc mơ hồ, [2]
Thanh niên, phụ nữ đứa mô nói cùng.
"Tiếng tau là tiếng anh hùng,
Ông đồn Thanh Quả cũng từng biết tau. [3]
Bay về lo liệu cho mau,
Thú quan một bản, thú tau một tờ".
Hai hào bút giấy liền vơ,
Hai hào công viết vị chi bốn hào.
Dân tình sợ hãi xôn sao,
Những bị đói khổ mấy lâu ni rồi.
Ông làm nghiệt lắm, ông ơi!
Cộng sản nổi lại đi đời nhà ông.
Sao không mở mắt mà trông,
Nhỡn tiền ra đấy, "anh hùng" nỗi chi!

*

XÃ HỮU BIỆT HỒI 1930 – 1931

TIỂU DẪN: Hữu Biệt là xã Nam Giang, một trong những xã có phong trào cách mạng vững mạnh ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trong những năm 1930 – 1931. Bài vè này đã phản ánh về tình hình địch khủng bố nhân dân xã Hữu Biệt hồi đó.

Rằng năm Canh Ngọ ngũ niên, [4]
Ta bắt cái chuyện lưu truyền lại sau.
Khởi sinh Cộng sản ra đầu,
Biểu tình dưới phủ gặp tàu bay lên. [5]

---

1. *Trưởng Biền:* Tức Nguyễn Đình Biền, người trong thôn.
2. Ý chỉ những người không phải là đảng viên, là cán bộ cách mạng chỉ tham gia biểu tình, mét tinh...
3. *Đồn Thanh Quả:* thuộc xã Thanh Chi (Thanh Chương).
4. *Canh Ngọ:* 1930.
Ngũ niên: nói năm Bảo Đại thứ năm.
5. Chỉ cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 bị thực dân Pháp đem máy bay đàn áp.

Dân tình chạy giạt hai bên,
Quả bom ném xuống oan khiên chưa trời.
Chết khoảng hai trăm rưỡi người,
Máu thời đỏ đẫm, xương thời nát tan.
Căm thù sôi sục buồng gan, [1]
Súng ống chưa đủ cũng bàn nhau đi.
Dao, trào, tay thước chỉnh tề,
Nam triều, Pháp tặc nay thì không tha.
Giữ ngồi kể chuyện xã ta,
Có anh hương Khải hung ngoa độc lòng. [2]
Cộng sản bắt trói vừa xong,
Đem vào nhà Cấn, đưa ông ra rào. [3]
Kẻ đang bàn tán xôn xao,
Kẻ lo giam giữ, dao, trào, dưới trên.
Nghe ba hồi trống dưới đền,
Mới hay Tây, lính đã lên ngoài đường.
Xe lên vừa đến xóm làng,
Trong nhà mẹ Khải đốt loang toang tức thì. [4]
Nửa đêm dân xã trốn đi,
Kẻ sang Tràng Lạng, người thì Thượng Khê.
Hai ngày dò dẫm ra về,
Tới nhà trông thấy đã ghê gớm đời.
Dân tình tản mát khắp nơi,
Giường thờ, mục chủ thì phơi khắp vườn.
Nồi đồng, xanh, vạc đào chôn,
Mâm thau, đọi sứ lo tuồn xuống hang.
Tây về, Khải báo rõ ràng,
Nó bắt cán bộ trong làng xã ta.

---

1. Có người đọc thêm bốn câu này:
Vang trời kẻ khóc người van,
Căm thù tức chí rủ bàn nhau đi,
Gia tài, tính mạng quản chi.
Nghĩ rằng sống đục chẳng thì thác ma.

2. *Hương Khải:* tức Hương bản Nguyễn Văn Khải, một tên chỉ điểm thường đi Vinh mật báo tình hình cách mạng trong xã với bọn quan trên.

3. Ý nói nhân dân đã bắt hắn đem trói tại nhà anh Cấn, định đưa hắn ra sông để dìm.

4. Nó có em là Bát Quế. Trong khi dân đang trói Hương Khải, Bát Quế đi báo Tây. Tây liền đem lính đến. Mẹ của Hương Khải tự đốt nhà mình, Tây lính ào vào cởi trói cho Hương Khải.

Chúng bọc chẳng cho ai ra,
Hung hăng bắt trói hăm ba người rày.
Bắt giam hơn bốn mươi ngày,
Rồi tha về hết vui thay thuận hòa.
Giữ năm Canh Ngọ đã qua,
Bước sang Tân Vị được ba tháng rày. [1]
Mùa màng thất bát khốn thay! [2]
Hàng huyện tổ chức sắp bày dưới trên.
Hồi ni tranh đấu lợi quyền, [3]
Kẻ già người trẻ rủ truyền nhau đi.
Sang rú Chung, họp một khi, [4]
Hai cơn cờ đỏ chỉ huy trên đầu.
Quần chúng lũ lượt kéo sau,
Tự vệ đi trước lội bàu Trọt Doi. [5]
Tổng ta hơn sáu trăm người,
Tung hô khẩu hiệu kéo xuôi xã Tràng. [6]
Phù Long ngàn rưỡi kéo sang, [7]
Rạng ngày vô đốt tan hoang tức thì.
Có anh bang Mặc gian phi, [8]
Dao, trào, giáo, mác, nó thì đâm ra.
Vang trời một trận xông pha,
Liều mình sống thác nay đà quản chi.
Căm thù chẳng kể gian nguy.

...

*

---

1. *Tân Vị:* tức năm 1931.

2. *Thất bát:* mất mùa.

3. Đây nói về cuộc đấu tranh vay lúa của địa chủ để chia cho dân nghèo vừa cứu đói vừa giữ phong trào.

4. *Rú Chung:* ở thôn Ngọc Đình, xã Chung Cự, nay là xã Kim Liên.

5. *Bàu Trọt Doi:* thuộc xã Chung Cự.

6. *Tổng ta:* tức tổng Lâm Thịnh.
Xã Tràng: tức xã Tràng Cát, nay là xã Nam Cát, huyện Nam Đàn.

7. *Phù Long:* tức tổng Phù Long, thuộc Hưng Nguyên.

8. Đây chỉ cuộc biểu tình phá nhà bang tá tổng tên là Nguyễn Mặc, một tên tay sai gian ác, giàu có. Nó đưa lính về đóng trong nhà để canh giữ, ngoài ra còn lấy phu đoàn xã đến bảo vệ. Khi dân kéo đến phá, nó sai lính và phu đoàn chống cự. Chống không được, nó phải chạy trốn.

NHỮNG NGÀY THOÁI TRÀO Ở ĐÔNG SƠN

TIỂU DẪN: Đông Sơn là một làng thuộc tổng Nam Kim, nay thuộc xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn. Cũng như Hữu Biệt và nhiều xã khác ở Nam Đàn, Đông Sơn có phong trào cách mạng khá sớm và khá sôi nổi. Bài vè này không phản ánh những ngày sôi nổi của chính quyền Xô viết ở Đông Sơn, mà chỉ nêu những sự kiện phức tạp, rối rắm ở xã thôn khi phong trào Xô viết bị dìm trong bể máu, bọn tay sai ngóc đầu dậy. Các cuộc bắt bớ, trả thù, tống tiền, cướp bóc, càn quét... diễn ra hàng ngày. Bọn cường hào dựa vào bọn Tây tác oai tác quái. Người dân sống nghẹt thở; họ nhớ Đảng, nhớ cách mạng, họ chỉ mong khôi phục lại cách mạng.

Cây ngô đồng tốt tươi rậm rạp,
Có phường tụ tập ra toan phá đi.
Đã đến công ni,
Mặt bay tội đó.

Trong nhà đã có,
Cướp của dân cùng.
Có thằng Phạm Trung,[1]
Toan ra tàn hại.

Khen cho mồm cãi,
Soi xét tới nơi.
Nghĩ cũng có trời,
Đè thân ra buộc.

Nó báo đế quốc,
Tàn hại trong làng.
Dân ta mặt vàng,
Trốn chui trốn lủi.

Anh thì đi củi,
Người thì đi tranh.
Áo rách tan tành,
Nhìn ra cám cảnh.

---

1. *Phạm Trung:* trước làm Hương kiểm, sau ra làm Bang tá xã.

Nó thời đứng đánh,
Hạn nó qua rồi. [1]
Trạch (chọn) người cừ khôi,
Để ra chống chọi. [2]

Anh em ta đói,
Kết lại cho bền.
Để cho kẻ trên,
Người ta ăn nói.

Dân thời dân đói,
Làng thời làng nghèo.
Chộ kẻ trói treo,
Người ta cũng khổ. [3]

Về mời các cố,
Bái hạ cho rồi.
Để cho chúng tôi,
Ăn no phen nữa.

Cách hai ba bữa,
Nghe tiếng xì xào.
Mở cửa vô ào,
Nhìn ra đã khiếp.

Đầu thời không biết,
Lại tưởng là chi.
Nỏ hay Lê Y, [4]
Đem người ăn trộm.

---

1. Ý nói những ngày Phạm Trung bị chính quyền cách mạng khống chế đã qua rồi.

2. Ý nói ta phải tìm những người tài giỏi ra lãnh đạo nhân dân để chống chọi với bọn chúng.

3. Đây chỉ những người hoạt động cách mạng bị chúng bắt ra đình trói, treo, kẹp. Có tiền đút lót thì được tha, không tiền chúng hành hạ mãi.

4. *Lê Y*: hồi đó làm Phó lý, hay đánh người.

Lấy về làm tốn,
Ăn uống loàm nhoàm.
Mặt bay mà ham,
Thì rồi cũng chết.

Khi tê chưa biết,
Giừ đã thường rồi.
Rệt (đuổi) lại đi thôi,
Hết mồi thì nhả. [1]

Thằng quan đang trả,
Nữa bay "anh hùng".
Đến hội dân cùng,
Dang tay thẳng trị.

Bay ăn không nghĩ,
Mám quá đi rồi.
Dở nổi dở trôi,
Dở chèo dở chống.

Bay chui dưới cống,
Như chó như chồn.
Chỉ lên cổng đồn, [2]
Ra bọc Quyền Yến. [3]

Bay thì tránh tiếng,
Lại xúi lính vào.
Nó cũng mưu cao,
Kiếm đường chạy trốn.

Nó lên nó ẩn,
Tại xứ Thu Thành. [4]

---

1. Ý nói bọn chúng mềm nắn rắn buông, đi lấy cái gì của ai, dân đòi lấy lại cũng phải chịu.

2. *Cổng đồn:* đồn lính Tây đóng ở gần bến đò Vạn Rú, đầu làng Đông Sơn.

3. *Quyền Yến:* một đảng viên hoạt động tích cực.

4. *Thu Thành:* thuộc xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương; Từ Đồng Sơn đi qua khe Hương trong dãy Thiên Nhẫn sẽ tới Thu Thành.

Một chỗ ba anh,
Đứa đè đứa buộc.

Cái quân đế quốc,
Là quân giết người.
Bay đừng ghe (cậy) tài,
Mặt bay đừng ác.

Đồ bay rành bạc,
Không nghĩ thân sau.
Kẻ củi người rau,
Đang đè mà xúc.

Ra làng Ngũ Phúc,[1]
Rệt chó bắt gà.
Bắt được về nhà,
Gấy (vợ) con mừng rỡ.

Có thằng đứa ở,
"Ai hỏi dấu nha".
Mi ra ngoài bà,
Mời vô ăn thịt.

..........................[2]

Mặt mi không nghĩ,
Dâm hiếp đàn bà.
Bắt từng con gà,
Lấy từng đọi (bát) gạo.

Ôm từng cái áo,
Về nuôi bồ đoàn.
Mặt mi đang toan,
Đến bắt con lợn.

---

1. *Ngũ Phúc:* một thôn thuộc xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn.
2. Chúng tôi lược đi một đoạn.

Mi mần cho khốn,
Choa nỏ thấy nao.
Đến hội choa đào,
Ra đìa choa đổ.

Mặt mi rành ngộ,
Không kể trẻ tra (già).
Quý chộ ở nhà,
Là vô bắt trói.

Khen cho đã giỏi,
Đâm vô đầu ràn (chuồng trâu).
Cứ giả đứng van (gọi),
Lấy từng cái niếng.

Lấy rồi đổ tiếng,
Cho thằng Tây đồn. [1]
Thằng Tây nghe ồn,
Bữa mùng hai Tết.

Thằng Tây chịu mệt,
Hắn đi vãng dân.
Hiểu cho cùng bẩn,
Dân nghe cho thỏa.

Quan ăn thời trả,
Không hèm một xu,
Có thầy Phạm Cu, [2]
Xuôi kêu mất bạc.

Vì ngồi bàn nhác,
Không kịp cho rồi.
Đứng đấy một hồi,
Tây lên trên xã.

---

1. *Tây đồn:* đồn của Tây đóng ở rú Ngang.
2. *Phạm Cu:* một người trong làng.

Ăn rồi chưa trả,
Hấn nói trả rồi.
Đũa thì đũa đôi,
Thịt gắp hai mánh.

Gạo thì một gánh,
Đem đi một đầu.
Nhờ trời sống lâu,
Để choa coi thử.

Cu Kiều đã dữ, [1]
Mất mười hai đồng.
Thiên hạ cũng đông,
Nhìn ra cũng khiếp.

Đầu thời không biết,
Lại tưởng mần hay.
Khổ hơn cái chày,
Quệt trong cối đá.

Cố Sài hờ rợ, [2]
Ngủ dậy tưởng chi.
Nỏ hay bắt đi,
Xuôi đồn hấn trói.

Phạm Nguyên đã giỏi, [3]
Đi trốn đã lâu.
Vợ con âu sầu,
Kêu về cho được.

Kêu về bữa trước,
Bữa sau xuôi đồn.
Dưới xã lên ồn,
Tây đập gần chết.

---

1. *Cu Kiều:* hồi đó làm phu tuần.
2. *Hờ rợ:* hốt hoảng.
3. *Phạm Nguyên:* thầy kiện có cảm tình với cách mạng.

Không về cũng mệt,
Trong rú sương mù.
Hắn trạch đoàn phu,
Hắn đem giải tỉnh.

Cụ Thượng "minh chính", [1]
Lại tha hắn về.
Có thằng vô nghề,
Hắn đem giải huyện.

Phạm Nguyên vô kiện,
Bán củi rú Đồn.
Có nghe tiếng ồn,
Khen cho cũng giỏi.

Đã ra đứng nói,
Cũng nỏ hãi chi.
Về nhủ vài người,
Vô quỳ dưới cụ.

Bức ăn bức ngủ,
Hắn nhận hư đi. [2]
Đã đến cung ni,
Vàng mắt vàng mũi.

Đi trốn trong bụi,
Đang lo cho dân.
Để mà ăn mần,
Theo đòi thiên hạ.

Việc làng việc xã,
Sắp xếp cho tròn.
Có phường đang toan,
Tranh quyền cướp nước.

---

1. *Cụ Thượng:* chỉ Tổng đốc Nghệ An hồi đó
2. *Hắn nhận hư đi:* ý nói hắn trị cho, hắn đàn áp cho không còn ra gì nữa.

Một thằng đi trước,
Một bầy theo sau.
Đi đi cho mau,
Vô nhà nứ (ấy) lấy.

Nghe ngoài mần rậy (ồn),
Trong mở mồm van.
Nghe tiếng chánh đoàn, [1]
Nhủ đừng van nữa.

Mặt bay mở cửa,
Vô lấy nhút tương.
Rinh cả nồi hương,
Về thờ ông vải.

Lấy ra tớ quảy,
Thầy thì xách rương.
Có một ông hương,
Đang bồng vại nhút.

Trên trốc đội vụt,
Cho lút mặt đi.
Biết sự ra ri,
Ta lồng ta gánh.

Lê Y lại nánh,
Muốn gánh thì lồng.
Người thì vốn đông,
Ai lo thân nấy.

Tại vì mần rậy,
Hắn cất hết rồi.
Sót một cái môi,
Cái thìa xúc mói.

---

1. *Chánh đoàn:* tên là Phạm Định, một tên tham lam, độc ác, thường nửa đêm giong đuốc đi cướp bóc của cải của nhân dân.

Thơ Oanh đã giỏi, [1]
Vơ được cái bu.
Nỏ hay thủng khu,
Kê ra hết cả. [2]

Phạm Trung thổi lả (lửa),
Để thắp đèn lên.
Thúng mủng úp trên,
Áo quần để dưới.

Vô lấy choa đợi,
Quý lấy được nhiều.
Đồ chừng đến chiều,
Thuê đò xuôi tỉnh.

Sắm từng khăn đính,
Mua nhiễu mua lương (the).
Bán một chóe tương,
Sắm đồ chưa hết.

Sắm đồ để chết,
Đóng cả quan tài.
Cũng lấy gỗ ai,
Đem về lại sắm.

Vợ con lại cấm,
Thầy hắn là hoang.
Đi ra ngoài đàng,
Ta coi hơn chó.

Phạm Định gặt ló (lúa),
Một sào ba gồi.
Dân đập buông trôi,
Buổi mô cũng rẽ. [3]

---

1. *Thơ Oanh:* tên thực là Hồ Đình Toan, hồi đó làm Phó lý.
2. *Kê:* tức hột kê.
3. Nói việc chánh đoàn Phạm Định cho phu đoàn gặt lúa tuần sương, dân không cho gặt, hai bên đánh nhau ngoài ruộng.

Nghe nói đã bẽ,
Bất tau làm chi.
Mần đến thế ni,
Ghẹo chấp tay lạy.

Dân ra ngoài bãi,
Sàng đỗ cho coi.[1]
Cứ kiếm cái roi,
Đập quân con nít.

Ra vồ vấn vít,
Ở trong phó Đài.[2]
Dám mần chi ai,
Đứng ngong mỏi mắt.

Ló ngô dân chặt,
Khoai dân đào đi.
Để cho mặt mi,
Kiện mô thì kiện.

Mi lên trên huyện,
Quan có đắt đơn.
Trận ni không bờn,
Thì mi cũng khổ.

Mi có ly tổ,
Mi mới lưa ngài.
Đang ở phần hai,
Thì rồi cũng thác.
Cái dây liên lạc,[3]
Bay bứt không rời.

---

1. Nói việc chúng định không cho dân bẻ ngô, lấy đỗ ở bãi bồi trước làng. Dân cứ lấy ngô, bứt đỗ... đem về như thường. Phạm Định vác roi ra định đánh, nhưng thấy dân đã chuẩn bị đánh trả, hắn sợ dân, chỉ đập mấy trẻ con đứng xung quanh.

2. *Phó Đài:* tức Lê Y.

3. Chỉ các đoàn thể cách mạng.

Choa đang chờ trời,
Đôi ba mươi năm nữa.

Nhủ gây đi chợ,
Mua thịt mua lòng.
Mặt bay đừng hòng,
Tránh soi một khúc.

Ngồi ăn cục cục,
Như ác ăn giam.
Cái tay làm bàm,
Mó lấy sau ót.

Nói ngon nói ngọt,
Giữ ta lỡ rồi.
Mặt bay thịt ôi,
Đem dân đi kiện. [1]

Đứa mô sinh hiểm,
Kiện cáo dân cùng.
Dân làm không công,
Của dân, dân phá.

Phạm Định vét lá,
Cũng đã khắp làng.
Rộng mồm như ang,
Nói không ai hãi.

Thế đập cho bại, [2]
Quay xuống dưới đồn.
Phen ni hết hồn,
Những quân làm hại.

---

1. Chúng kiện dân cho là dân kết bè không chịu đóng thuế tuần sương. Kiện cáo mãi, sau dân phá hết những thành quả lao động của mình.

2. *Thế:* tức Nguyễn Thế, hồi 1930 – 1931 là tự vệ Đỏ, đã đánh cho Phạm Định một trận nên thân.

Cộng sản năm ngoái,
Bay dám ngu ngoe?
Giữ cậy có Tây về,
Ra tay đàn áp.

Choa đợi thượng cấp,
Choa đợi thời cơ.
Dân như nước đầy bờ,
Làm vỡ đê loảng toảng.

*

* *

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 34

Trang

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HỌC CÁCH MẠNG (1925 – 1945)

(HỒNG CHƯƠNG)

KHẢI LUẬN (PHONG CHÂU)

Phần một
KÊU GỌI VÙNG LÊN LÀM CÁCH MẠNG DƯỚI LÁ CỜ CỦA ĐẢNG

Phần II

CAO TRÀO CÁCH MẠNG XÔ VIẾT NGHỆ – TĨNH VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở CÁC NƠI KHÁC

Phần ba
GƯƠNG LIỆT SĨ CÁCH MẠNG

Phần bốn
KHÍ PHÁCH NGƯỜI CÁCH MẠNG

Phần năm
MÃI MÃI ĐI THEO CON ĐƯỜNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Phụ lục

Phần sáu

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 34

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ – ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

NGUYỄN HỒNG THANH – VI QUANG THỌ

NGUYỄN TRƯỜNG MINH

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC